

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC
(1930 - 2020)**

ĐẢNG BỘ HUYỆN NHƠN TRẠCH
ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC
(1930 - 2020)**

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN
ĐẢNG BỘ HUYỆN NHƠN TRẠCH
ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC

BAN CHỈ ĐẠO

1. Đ/c Dương Văn Em
- *UVTV, Bí thư Đảng ủy:* **Trưởng ban**
2. Đ/c Nguyễn Tấn Xuân
- *Thường trực Đảng ủy:* Phó ban Thường trực
3. Đ/c Trần Văn Hà
- *Phó BT ĐU, Chủ tịch UBND:* Phó ban
4. Đ/c Nguyễn Tấn Phong
- *ĐUV, Phó Chủ tịch HĐND:* Thành viên
5. Đ/c Nguyễn Văn Chính
- *Chủ tịch UBMTTQVN thị trấn:* Thành viên

TỔ THƯ KÝ

1. Đ/c Đoàn Lê Khương
- Phó ban BTG ĐU: Tổ trưởng
2. Đ/c Trương Thị Nghĩa Bình
- CB VP Đảng ủy: Thành viên
3. Đ/c Cáp Thị Thương
- Công chức VP - Thống kê: Thành viên
4. Đ/c Đinh Văn Huyền
- Công chức VHXX: Thành viên
5. Đ/c Võ Hồng Danh
- Công chức KTTC: Thành viên

BIÊN SOẠN

Huỳnh Văn Tới (Chủ biên)

Phan Đình Dũng

Hà Thị Thanh Thúy

BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Phan Hoàng Oanh

Mở Đầu

Nhon Trạch là vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển cùng lịch sử Biên Hòa - Đồng Nai hơn 320 năm, dưới triều Nguyễn thuộc tổng Thành Tuy Hạ (huyện Long Thành), năm 1960 thuộc quận Nhon Trạch, từ ngày 1.9.1994 tách ra từ huyện Long Thành, thành huyện Nhon Trạch trực thuộc tỉnh Đồng Nai như hiện nay. Trong đó, thị trấn Hiệp Phước là một trong 12 đơn vị hành chính của huyện Nhon Trạch, và là thị trấn duy nhất của huyện.

Hiệp Phước hình thành từ những làng cổ của Nhon Trạch: Mỹ Khoan, Phước Lai, Phước Kiểng, không chỉ có bề dày về văn hóa mà còn có truyền thống yêu nước từ lâu đời. Người dân Hiệp Phước bình dị hiền hòa, cần cù, yêu lao động nhưng khi đứng trước những nguy cơ thiên tai, địch họa đã một lòng đoàn kết đấu tranh, không quản ngại hy sinh gian khó. Vì vậy, lịch sử của Hiệp Phước gắn liền và không thể tách rời với lịch sử của vùng đất Long Thành - Nhon Trạch, cũng như của tỉnh Biên Hòa/ Đồng Nai và của cả nước.

Nhân dân Hiệp Phước cũng như người dân huyện Nhon Trạch với truyền thống yêu nước đã tham gia chiến đấu chống thực dân Pháp ngay khi chúng nổ súng xâm lược tỉnh Biên Hòa (12.1861), đã hướng theo ngọn cờ của Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi tổ chức Đảng hình thành, ra đời ở Long Thành - Nhon Trạch

(1944), và dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng nhau giành chính quyền về tay nhân dân trong cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, một lòng bền bỉ suốt 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược. Đất nước thống nhất, hòa bình lập lại, Hiệp Phước tiếp tục dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế, xây dựng địa phương giàu đẹp, đem lại ấm no hạnh phúc cho người dân.

Trong quá trình triển khai nghiên cứu, biên soạn, chúng tôi đã tổ chức nhiều đợt khảo sát thực tế, hội thảo, hội nghị nhân chứng lịch sử để tiếp cận với sự thật lịch sử. Ý kiến đầy trách nhiệm của các cấp ủy, các đồng chí nguyên là lãnh đạo qua các thời kỳ, các nhân chứng lịch sử, các nhà nghiên cứu văn hóa lịch sử đã được trân trọng tiếp thu, thể hiện trong chính văn. Những vấn đề còn tồn nghi, chưa thẩm định được xin ghi nhận để tiếp tục nghiên cứu, bổ sung. Tài liệu được công bố của các công trình nghiên cứu lịch sử liên quan được khảo cứu cẩn trọng, dẫn nguồn cụ thể, những chỗ còn khác biệt có ghi chú để tường minh.

Dù đã hết sức cố gắng, nhưng “Lịch sử Đảng bộ thị trấn Hiệp Phước 1930 - 2020” chắc hẳn không tránh được những thiếu sót ngoài mong muốn. Kính mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để công trình được hoàn chỉnh hơn trong lần tái bản.

Xin chân thành cảm ơn đồng chí, đồng bào, cơ sở cách mạng, nhân chứng lịch sử và các nhà khoa học đã góp phần hoàn thành quyển sách này.

Dương Văn Em

Bí thư Đảng ủy thị trấn Hiệp Phước

Chương I

TỔNG QUAN VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Thị trấn Hiệp Phước nằm về hướng Đông Bắc huyện Nhơn Trạch, cách trung tâm huyện 6km, có diện tích 18,83km², dân số năm 2020 là 43.253 người, mật độ dân số đạt 2.297 người/km².

Thị trấn Hiệp Phước có vị trí địa lý tiếp giáp huyện Long Thành và các xã của huyện Nhơn Trạch như sau:

- Phía Đông giáp các xã: Long An và Long Phước của huyện Long Thành.

- Phía Tây giáp các xã: Phước Thiện, Phú Hội và Long Tân của huyện Nhơn Trạch.

- Phía Nam giáp các xã: Long Thọ và Phước An của huyện Nhơn Trạch.

- Phía Bắc giáp thị trấn Long Thành của huyện Long Thành.

Địa bàn thị trấn Hiệp Phước hiện nay vốn trước đây là hai xã Phước Lai và Phước Kiểng¹ thuộc huyện Long Thành. Ngày

¹ Hiện nay có nhiều ý kiến khác nhau về cách viết Phước Kiểng hay Phước Kiền. Có ý kiến cho là Phước Kiểng, vì đây là từ đọc trại từ chữ Cảnh; đọc trại và viết thành *kiểng*; một số văn bản xưa cũng viết là Kiểng. Tuy nhiên cũng có ý cho

17.1.1984, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định 12-HĐBT, sáp nhập hai xã Phước Lai và Phước Kiển thành một xã lấy tên là xã Hiệp Phước. Ngày 23.6.1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 51/1994/NĐ-CP, theo đó xã Hiệp Phước chuyển sang trực thuộc huyện Nhơn Trạch vừa tái lập. Ngày 10.5.2019, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 694/NQ-UBTVQH14 (có hiệu lực từ ngày 1.7.2019), chuyển xã Hiệp Phước thành thị trấn Hiệp Phước.

Thị trấn Hiệp Phước được chia thành 5 khu phố: Mỹ Khoan, Phước Mỹ, Phước Kiển, Phước Lai, Phước Hiệp.

2. Địa hình, địa mạo

Địa hình thị trấn Hiệp Phước tương đối bằng phẳng, có xu hướng thấp dần từ hướng Tây Bắc sang Đông Nam và chia làm hai dạng chính:

- Dạng địa hình cao, bằng phẳng: nằm ở khu vực phía Tây của thị trấn, độ dốc từ 3-8⁰. Vùng này có tầng địa chất vững chắc, địa hình cao, thích hợp trồng các loại cây công nghiệp dài ngày như điều, cao su và các loại cây ăn trái, hoặc cũng thích hợp bố trí các khu dân cư, xây dựng các công trình công nghiệp; trong thực tế hiện nay khu vực này đã được xây dựng các nhà máy, khu công nghiệp.

- Dạng địa hình thấp: phân bố ở khu vực phía Đông thị trấn, thích hợp để trồng lúa; và trong thực tế, trước đây là diện tích lúa.

là Phước Kiển, do địa phương trước đây tên là Phước Kiển, sau đó vì lý do nào đó đọc trại lại là Kiển; một số văn bản hành chính sau này cũng viết thành Phước Kiển. Vì thế, địa danh này đôi lúc sẽ là Phước Kiểng, cũng có lúc là Phước Kiển.

Nhìn chung, qua nghiên cứu về cấu tạo địa chất, địa mạo cho thấy địa hình của huyện Nhơn Trạch nói chung và thị trấn nói riêng được hình thành và phát triển từ kỷ nguyên Trias - Jura - Creta, chịu ảnh hưởng đồng thời của đới nâng Đà Lạt và đới sụt lún của Đồng bằng sông Cửu Long từ Creta - Miocen đến nay. Sự phát triển của địa hình Đồng Nai có đặc trưng cơ bản là nâng cao và san bằng, riêng vùng Long Thành - Nhơn Trạch do chịu nhiều ảnh hưởng sụt lún với những tích tụ trầm tích dày vì vậy tạo nên bề mặt thềm bằng phẳng, thoát nước tốt. Về địa tầng, địa bàn huyện Nhơn Trạch cũng như thị trấn Hiệp Phước thuộc hệ Trias, thống trung, bậc Anizi¹, đồng dạng với các vùng phụ hệ tầng dưới như ở Bửu Long. Khảo sát thực tế cho thấy, mặt cắt vùng Nhơn Trạch gồm cuội kết, tầng kết hiển lộ từ Tây Nam Bửu Long đến mép sông Đồng Nai, rõ nét ở Hang Nai. Cuội có kích thước thay đổi từ 3-5-10cm, độ mài tròn trung bình, độ chọn lọc kém, có thành phần đa khoáng: sạn kết tuf andesit, granodiorit - biotit porphyry, granit có biotit hạt vừa, đá phiến sét serisit - silic nhiễm oxyt sắt. Ở vùng Nhơn Trạch còn có hiện tượng phụ hệ tầng giữa phủ lên phụ hệ tầng dưới, biểu hiện bởi mặt cắt có các tập cát kết tuf riolit màu xám có cấu tạo khối rất cứng chắc và thêm nhiều thành phần khoáng chất đặc thù của phụ hệ tầng giữa.

Về địa hình, Nhơn Trạch thuộc loại *địa hình tích tụ* dạng có nhiều bãi bồi, được cấu tạo bởi nhiều cuội sỏi, cát hoặc cát bột, sét bột bờ rời, có khi dày đến một vài mét. Bãi bồi vùng Nhơn Trạch thường thấp, phân bố giữa hoặc ven lòng sông rạch, lộ rõ giữa mùa khô hoặc khi triều xuống. Đây là nguồn vật liệu dồi dào

¹ *Địa chí Đồng Nai*, tập II, NXB Đồng Nai, 2001, trang 8, trang 45.

cho xây dựng. Trong đó, một phần vùng Hiệp Phước thuộc vùng đất phù sa cổ được thành tạo trong thế Pleistocen (thế Canh Tân) trở về trước, có cao trình dao động từ 10-25cm, có mạch ngầm nước ngọt tạo cho vùng đất luôn có độ ẩm khá cao; một phần diện tích khác của Hiệp Phước nằm trong vùng có địa hình thuộc loại phù sa mới song khá khô ráo, địa hình cao vừa phải - là vùng trung gian chuyển tiếp giữa vùng cao phù sa cổ và vùng đất thấp trũng phù sa mới (ở phía Nam huyện Nhơn Trạch), trên bề mặt có những đụn cát hoặc bãi bồi được thành tạo trong thời Holocen (thời Toàn Tân), từ khoảng 12.000-11.000 năm đến nay.

Về phân vùng địa mạo, Hiệp Phước thuộc vùng *đồng bằng đồi thềm*, đồng dạng với cả vùng Biên Hòa - Long Thành. Vùng này có đặc điểm hạ tích tụ và nâng yếu, rửa trôi - xâm thực; tạo thềm bậc IV, III, II và I từ Pleistocen giữa đến Holocen.

Các bậc thềm tuy có độ cao khác nhau, nhưng lại liên kết với nhau trên cơ sở các bề mặt cùng nguồn gốc, cùng được nâng lên, rửa trôi là chủ yếu và xâm thực. Theo hướng Tây Tây Nam, chúng thấp dần theo góc nghiêng chung $< 1^{\circ}$. Theo hướng Nam, Đông Nam bề mặt bị chia cắt bởi các thung lũng xâm thực sâu 10-30m, sườn dốc 3-10⁰, cách nhau 5-7-10km. Bề mặt nằm ngang và gần ngang là phổ biến, chiếm đến 85-90% diện tích của Hiệp Phước, do vậy vùng này có nền vững, thích hợp để xây dựng và phát triển đô thị, khu công nghiệp¹. Trên thực tế, tại Hiệp Phước một phần diện tích đất đã được sử dụng để xây dựng các khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch 5 và khu đô thị mới.

¹ *Địa chí Đồng Nai*, tập II, NXB Đồng Nai năm 2001, trang 64 - 65.

3. Đất đai

Đất đai¹ vùng Nhơn Trạch có địa hình bằng phẳng, độ cao 0-20m so mực nước biển, phần lớn có độ dốc < 8-15 độ. Cấu tạo đất Nhơn Trạch đa phần là *đất phù sa cổ*; cũng có hệ trầm tích Holocen bao gồm cát biển, trầm tích đầm lầy biển và phù sa sông suối hình thành các loại đất cát (Arenosols), đất phù sa (Fluvisols) và đất phèn (Thionic Fluvisols). Vùng đất phổ biến nhóm đất này chịu tác động của thủy triều, có độ chua (PH) từ ít đến vừa và cao; đặc điểm là giàu mùn, đạm, kali nhưng nghèo lân, nên ở nơi không hoặc ít phèn, thuận cho trồng lúa nhiều vụ hoặc trồng cây ăn trái, hoa màu, rau củ.

4. Hệ thống sông suối

Hệ thống sông suối có ảnh hưởng khá quan trọng trong sự phát triển của vùng Hiệp Phước, đặc biệt là con kênh Bà Ký. Đây là kênh đào dài 4,5km nối liền sông Thị Vải và sông Đồng Môn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và giao thông đường thủy (chủ yếu là ghe, thuyền) giữa Hiệp Phước, Phước Thiện, Phú Hội với các địa phương lân cận. Chưa thấy văn bản chính thức hay tư liệu nào về thời điểm ra đời của kênh Bà Ký, nhưng theo truyền khẩu trong dân gian thì kênh Bà Ký có thể được hình thành từ thời các chúa Nguyễn.

Về mặt nông nghiệp, kênh Bà Ký đưa nguồn nước ngọt cung cấp cho các ruộng lúa nước tại các xã Long An (huyện Long Thành), Phước Thiện, Hiệp Phước cũng như cung cấp nguồn lợi thủy sản cho người dân. Do không bị ảnh hưởng trực tiếp của thủy

¹ *Địa chí Đồng Nai*, tập II, NXB Đồng Nai, 2001, trang 143 - 157.

triều nên vùng đất Hiệp Phước không bị nhiễm mặn, thích hợp với trồng lúa nước, hoa màu, cây ăn trái. Ở các ruộng, rạch, suối là nơi tập trung sinh sống của các loài thủy sản nước ngọt như cá trê, cá lóc, cá rô, tôm càng... Theo thống kê năm 2010, đất sông suối và mặt nước chuyên dùng ở Hiệp Phước chiếm 17,04 hecta, trong đó đất nuôi trồng thủy sản chiếm 2,13 hecta.

Về mặt giao thông, sự ra đời của kênh Bà Ký đã thu ngắn khoảng 1/3 đoạn đường từ Hiệp Phước, Phước Thiên, Phú Hội đến sông Thị Vải, từ đó có thể qua sông Gò Da, sông Lòng Tàu để ra sông Đồng Nai rồi xuôi về các tỉnh miền Tây và ngược lại. Kênh Bà Ký có thể nói là một trong những tuyến giao thông huyết mạch trong sự phát triển thương nghiệp của các vùng Hiệp Phước, Phú Hội, Phước Thiên xưa kia.

Ngoài ra, trên địa bàn Hiệp Phước còn có kênh tiêu Hiệp Phước (dài 3,9km), suối Đồng Hu (dài 1,6km), suối Cạn (dài 2,4km).

5. Khí hậu

Khí hậu Hiệp Phước mang đặc điểm chung của huyện Nhơn Trạch thuộc phương Nam, vùng Gia Định, ứng với quê Ly; theo *Gia Định Thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức¹: Là vùng gần biển, thấy trước mặt trời mới mọc, thường ẩm, bắt đầu mưa vào tháng 3 Âm lịch, mưa chính vào mùa hạ; “mưa to nghiêng vò mà đổ”, cơn mưa to lắm chỉ vài giờ là tạnh, trở lại nắng; tháng 7 có mưa ngâu dầm dề ít ngày, không lạnh; rõ rệt hai mùa mưa nắng.

1 Trịnh Hoài Đức, *Gia Định Thành thông chí*, Tập I “Tinh dã chí”, Trịnh Hoài Đức, bản dịch của Lý Việt Dũng, NXB Đồng Nai, 2005.

Do khí trời nóng, đất ẩm thấp nên khi mưa, khí biến tác động thành ra sấm chớp, có thể hại chết người và vật.

Theo *Địa chí Đồng Nai*¹, khí hậu ở Nhơn Trạch thuộc “khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo”, có độ dài ban ngày ít thay đổi, trung bình 12 giờ 47 phút/ ngày; thời gian nắng trung bình 4 - 9,5 giờ ngày (chiếm 45 - 65% độ dài ban ngày), cả năm có khoảng 2.500 đến 2.860 giờ nắng; bức xạ luôn dương, trị số hàng năm 70 - 74 kkal/cm². Hằng năm, Nhơn Trạch chịu tác động của 3 hệ thống gió mùa châu Á, trong đó rõ rệt nhất là gió mùa hạ (gió mùa Tây Nam), gió mùa Ấn Độ Dương (cũng thuộc gió mùa Tây Nam), gió mùa Nam Thái Bình Dương. Hệ thống gió mùa này tác động làm cho thời tiết thiên về nóng, ẩm, có mưa nhiều đầu mùa, thi thoảng có giông nhẹ, ít bão, không lạnh. Khí hậu như vậy là ôn hòa, tốt cho vạn vật; thuận cho con người sinh sống và phát triển sản xuất.

6. Sinh cảnh, động - thực vật

Vùng Hiệp Phước xa xưa đã từng có những khu rừng nguyên sinh, hay còn gọi là rừng già cổ thụ với các loài động thực vật gồm đủ các nhóm phổ quát và nhóm có tính đặc thù. Rừng giồng ở đây thuộc hệ *rừng lá rộng thường xanh ẩm nhiệt đới*, đặc điểm là cây họ dầu chiếm ưu thế, vượt tán, thành chòm, thành cụm hoặc lán; gồm nhiều cây “họ hàng” như: Dầu song nàng, dầu rái, sao đen, chai, vên vên. Bên cạnh các loài cây họ dầu còn có các cây gỗ mọc hỗn giao, có loại quý hiếm như gõ, trắc, cẩm lai, giáng hương; thường là các loài cây phổ quát như bình linh, bằng lăng, cẩm, săng máu...

1 *Địa chí Đồng Nai*, Tập II, NXB Đồng Nai, 2001, trang 73 - 98.

Rừng giồng có cấu trúc phức hợp, nhiều tầng, ít nhất là 5 tầng: Tầng vượt tán (gồm cây gỗ trên 40 m); tầng ưu thế sinh thái (cây gỗ cao từ 20-30m); tầng dưới tán (gồm cây mọc rải dưới tán rừng, cao dưới 15m); tầng cây bụi (gồm các loại cây thấp nhỏ, cao 2-8m); tầng thảm tươi (tầng thấp nhất, gồm cây, cỏ dưới 2m). Trong mỗi tầng rừng đều có các loài phụ sinh họ đậu, họ dây leo nương theo cây cỏ cùng phát triển. Ở tầng thảm tươi, tại một số nơi dân địa phương còn gieo trồng thêm thom (dứa), trà và một số loại cây khác để khai thác, sử dụng. Hiện nay do tốc độ đô thị hóa, Hiệp Phước không còn nhiều diện tích rừng, chỉ còn những chòm cây dầu, sao ở một số đỉnh, miễu và khu công cộng.

Về động vật, rừng giồng Hiệp Phước trước đây có nhóm động vật phổ quát như cọp, beo, nai, mễn, heo rừng, nhím, khỉ, kỳ đà, chim, rắn... Nhiều động vật không xương thuộc hệ côn trùng cũng rất phong phú, ấn tượng trong đời sống (như đom đóm, kiến, mối...). Nhưng hiện nay rất nhiều loài động vật đã không còn.

7. Hệ thống giao thông

Hầu như toàn bộ 5 khu phố của thị trấn Hiệp Phước đều nằm dọc theo lộ 19, nay là đường Hùng Vương. Trước đây, lộ 19 cùng với lộ 17 là hai tuyến giao thông quan trọng của Nhơn Trạch. Từ lộ 19 có thể đến các xã Long Thọ, Phước An - chiến khu kháng chiến của huyện Nhơn Trạch; đi tiếp đến lộ 17 để đến các xã Phước Thiện, Phú Hội, Long Tân, Phú Thạnh (nơi đặt chi khu Nhơn Trạch và kho đạn Thành Tuy Hạ), từ đó có thể đến xã Đại Phước hoặc xã Vĩnh Thanh rồi theo đường thủy qua Sài Gòn; đi ra quốc lộ 15 (sau này là quốc lộ 51) rồi từ đó về Long Thành,

Biên Hòa, Sài Gòn hoặc xuống Bà Rịa, Vũng Tàu. Chính vì vậy, trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, ta và địch đấu tranh dữ dội, ác liệt để giành quyền chiếm đóng, kiểm soát trục lộ 19.

Sau ngày đất nước thống nhất, huyện Nhơn Trạch đầu tư mở rộng đường 25B, sau này là đường Tôn Đức Thắng, có đoạn đi qua địa bàn thị trấn Hiệp Phước. Đường Tôn Đức Thắng cắt ngang đường Hùng Vương, là trục giao thông chủ yếu từ các khu công nghiệp trên địa bàn huyện ra quốc lộ 51, hiện nay đã được đầu tư mở rộng thành hai làn đường riêng biệt. Ngoài ra, trên địa bàn thị trấn Hiệp Phước còn có đường Trần Phú nối các khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, Nhơn Trạch 5 và Nhơn Trạch 2 với đường Hùng Vương; đường Nguyễn Ái Quốc có điểm đầu là đường Nguyễn Hữu Cảnh (xã Long Tân), điểm cuối là đường Hùng Vương (xã Long Thọ), trong đó một phần tuyến đường đi qua địa bàn thị trấn Hiệp Phước đã tăng thêm tính kết nối giao thông cho địa phương.

II. ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quá trình hình thành và thay đổi về hành chính

Từ đầu Công nguyên đến thế kỷ VII, vùng đất Đồng Nai nằm trong vòng ảnh hưởng của vương quốc Phù Nam. Sau khi Phù Nam diệt vong, từ thế kỷ VII trở đi vùng đất này phụ thuộc vào vương quốc Chân Lạp, kể đó trở thành vùng tranh chấp giữa Chân Lạp và Chăm-pa. Tuy nhiên, trong thực tế vùng đất này còn hoang hóa, phần lớn là rừng rậm và sinh lầy, thú rừng sống thành đàn, dân cư rất thưa thớt.

Từ năm 1620, cuộc hôn nhân của công nữ Ngọc Vạn với vua Chân Lạp Chey Chetta II, một ít người Việt đã được phép đến sinh

sống, định cư ở vùng đất Nhơn Trạch trong đó có Hiệp Phước, nhưng thời điểm này chưa có địa danh hành chính.

Cột mốc hành chính quan trọng được nhắc đến là năm 1698 khi Nguyễn Hữu Cảnh vâng mệnh chúa Nguyễn vào kinh lý phương Nam. Thời điểm này, số dân toàn khu vực Đồng Nai - Gia Định (cả phương Nam thời ấy) đã lên đến 40 vạn hộ, đất đai khai phá rộng đến ngàn dặm. Nguyễn Hữu Cảnh đã thiết lập hệ thống hành chính, đặt miền đất mới thành phủ Gia Định, gồm hai huyện Tân Bình (đặt dinh Phiên Trấn) và Phước Long (đặt dinh Trấn Biên). Trong đó, huyện Phước Long có địa giới hành chính rất rộng, bao gồm các tỉnh phía Đông sông Sài Gòn ngày nay như: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu và một phần tỉnh Bình Thuận. Vùng đất Nhơn Trạch thuộc địa bàn dinh Trấn Biên, huyện Phước Long.

Năm 1802, Nguyễn Ánh đánh bại quân Tây Sơn, giành vương quyền, lên ngôi, lấy hiệu là Gia Long. Ngày 12 tháng Giêng niên hiệu Gia Long thứ 7 (năm 1808), phủ Gia Định được đổi tên là thành Gia Định, các dinh đổi thành trấn, trong đó dinh Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa, huyện Phước Long được nâng thành phủ.

Sách *Gia Định Thành thông chí*¹ của Trịnh Hoài Đức (viết khoảng năm 1820), kê chi tiết các đơn vị hành chính của trấn Biên Hòa. Theo đó, trấn Biên Hòa gồm một phủ (Phước Long), bốn huyện (Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An), tám tổng (Phước Vinh, Chánh Mỹ, Bình Chánh, An Thủy, Long Vĩnh,

¹ Trịnh Hoài Đức, *Gia Định Thành Thông chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, NXB Đồng Nai, 2005.

Thành Tuy, An Phú, Phước Hưng) và 307 xã, thôn, phường. Vùng đất Nhơn Trạch thuộc tổng Thành Tuy (mới đặt).

Tổng Thành Tuy được mô tả: Phía Đông giáp núi Nữ Ni (tức núi Thị Vải) thuộc tổng An Phú (huyện Phước An) đến cửa sông Ngã Bảy (còn có tên gọi là Thất Kỳ khẩu); Tây giáp sông Trao Trao (thuộc tổng Long Vĩnh, huyện Long Thành) cho đến sông lớn Nhà Bè; Nam giáp Phước Bình giang (tức sông Sài Gòn); Bắc giáp các sách man ở rừng già cho đến sông Đồng Môn¹.

Trong 29 thôn của tổng Thành Tuy², có những tên thôn ứng với địa bàn Nhơn Trạch: Vĩnh Xương, Mỹ Khoan, Phước Lộc, Phước Thành, Phú Mỹ An, Phước Lợi An, Phước Kiển, Phước Lai. Như vậy, những địa danh thôn thuộc địa bàn Hiệp Phước hiện nay được biết đến đầu tiên là: Mỹ Khoan, Phước Lai, Phước Kiển. Tất nhiên, khi đã có địa danh thì các đơn vị hành chính này đã được hình thành trước đó, có thể đã được định danh từ thời Chúa Nguyễn Phúc Chu năm 1698 bởi đây là những làng cổ hình thành từ rất sớm ở vùng đất Nhơn Trạch, nhưng cho đến nay chưa thấy văn bản chính thức nào về những địa danh này trước thời điểm *Gia Định Thành thông chí* được biên soạn.

Năm 1832, trấn Biên Hòa được đổi thành tỉnh Biên Hòa. Theo Địa bạ tỉnh Biên Hòa năm 1836, tỉnh Biên Hòa cũng gồm 1 phủ, 4 huyện như trước đó, nhưng số tổng đã nâng từ 8 lên 22 tổng; số

1 Trịnh Hoài Đức, *Gia Định Thành thông chí*, NXB Đồng Nai 2005, trang 139.

2 29 thôn, ấp của tổng Thành Tuy gồm: Vĩnh An, Vĩnh Xương, Mỹ Khoan, Phước Lộc, Phước Thành, Phú Mỹ An, Phước Lợi An, Phước Kiển, Phước Lai, Long Tạo, Long Thuận, Phước Hòa Đông, Phú An, Phú Hòa, Long Hưng, Hương Mỹ, Lý Nhơn, Vĩnh Hưng, Lương Phước, Lương Phước Đông, Phước Thạnh, An Thuận, An Phước, Long Đức, Mỹ An, Long Hiệp.

thôn, xã, phường giảm từ 307 còn 285 là do sáp nhập một số thôn, xã nhỏ¹. Trong đó, tổng Thành Tuy được chia thành hai tổng, là tổng *Thành Tuy Thượng* (gồm 12 thôn) và tổng *Thành Tuy Hạ* (gồm 13 thôn, ấp). Vùng đất Nhơn Trạch, trong đó có Hiệp Phước thuộc địa bàn tổng Thành Tuy Hạ (huyện Long Thành). 13 thôn, ấp có tên ứng với địa bàn Nhơn Trạch, gồm: Thôn Bình Phú, thôn Lương Phú Đông, thôn Hưng Thạnh, ấp Mỹ Hội, thôn Long Hiệu, thôn Phú Mỹ, thôn Phước Kiến, thôn Phước Thạnh, thôn Vĩnh Tuy, thôn Phước Lai, thôn Tân Tường, thôn Phước Thành, thôn Tuy Thạnh. Thời ấy, việc phân định thôn, làng, xã chưa chặt chẽ, xóm ấp cũng thế. Người ta gọi không phân biệt làng, thôn, xã; có khi thôn lớn hơn xã.

Năm 1861, thực dân Pháp đánh chiếm hai tỉnh miền Đông của Nam Kỳ. Tỉnh Biên Hòa thất thủ, rơi vào tay giặc Pháp. Ngày 9.5.1862, triều đình Huế ký hòa ước Nhâm Tuất, nhượng đứt cho Pháp ba tỉnh: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường. Thời điểm này, tuy triều đình Huế cắt đất giao cho giặc, nhưng lòng dân và các sĩ phu, nghĩa binh yêu nước không phục. Vì thế, bước đầu thực dân Pháp phải lo ổn định các vùng tạm chiếm, tạm thời giữ nguyên các đơn vị hành chính của triều đình nhà Nguyễn như trước đây, tuy nhiên cũng có một số điều chỉnh và gieo cấy nhân sự để thực hiện ý đồ xâm chiếm.

Tháng 1.1863, soái phủ Nam Kỳ xác định tỉnh Biên Hòa gồm hai phủ, bốn huyện như cũ, các thôn được đổi thành làng. Riêng tổng Thành Tuy Hạ có 21 làng, xã (tăng tám làng, xã so với năm

¹ *Địa chí Đồng Nai*, tập II, NXB Đồng Nai. 2001, trang 248.

1836). Thời này, vùng đất Nhơn Trạch thuộc tổng Thành Tuy Hạ, huyện Long Thành, phủ Phước Tuy.

Năm 1864, Đô đốc Lagrandière¹ chia ba tỉnh miền Đông của Nam Kỳ thành bảy tiểu khu chỉ huy, trong đó tỉnh Biên Hòa chia thành hai tiểu khu: Biên Hòa và Bà Rịa. Việc phân chia lãnh thổ này chủ yếu phục vụ ý đồ quân sự của giặc Pháp.

Đến năm 1865, thực dân Pháp bắt đầu ổn định sự cai trị tại ba tỉnh miền Đông của Nam Kỳ, đã chia ba tỉnh này thành 13 sở tham biện (tương đương cấp tỉnh). Tỉnh Biên Hòa có năm sở tham biện, gồm: Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Long Thành, Bảo Chánh.

Tháng 6.1866, tỉnh Biên Hòa lại chia thành sáu địa hạt (tương đương cấp quận), gồm: Biên Hòa, Bà Rịa, *Long Thành*, Thủ Đức, Bình An, Bảo Chánh. Ngày 5.6.1876, Thống đốc Nam Kỳ ra nghị định chia địa bàn Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính (Circoscriptions Administratives) tương đương với một phủ hay một huyện của thời nhà Nguyễn, mà người dân thường gọi là Tham biện hay Tòa bố. Tất cả các xã, thôn, ấp cũ đều gọi thống nhất là làng (Villages). Hạt Tham biện Biên Hòa gồm phần đất huyện Phước Chánh và huyện Long Thành cũ (trừ tổng Long Vĩnh Hạ) thuộc về khu vực hành chính I, tức Sài Gòn. Các thôn Mỹ Khoan, Phước Lai, Phước Kiển lúc này đều gọi là làng. Ngày 23.3.1876, làng Phước Lai được chia thành hai làng: phần nằm về phía Bắc vẫn gọi là Phước Lai, phần ở phía Nam gọi là Phước An. Ngày 26.3.1879, làng Phước Lai lại chia thành hai làng: Phước Lai và Phước Long. Như vậy, thôn Phước Lai xưa được chia thành ba

¹ Đô đốc Hải quân Pháp Pierre-Paul Marie de La Grandière từng giữ cương vị Thống soái Nam Kỳ giai đoạn 1863-1864 và 1866-1868.

đơn vị hành chính riêng: Phước Lai, Phước An và Phước Long. Điều này cho thấy, làng Phước Lai cũ có địa giới hành chính khá rộng lớn.

Sau một vài thay đổi nữa của nhà cầm quyền Pháp, đến năm 1887, theo phân định của chính quyền Pháp, cả Nam Kỳ có 22 sở tham biện. Ngày 20.12.1899, nhà cầm quyền Pháp đổi tên sở tham biện thành tỉnh. Tên gọi tỉnh Biên Hòa chính thức xuất hiện từ đây.

Theo *Biên Hòa sử lược* của Lương Văn Lựu¹, sau nhiều lần thay đổi về hành chính, đến thời điểm 1878, tỉnh Biên Hòa có 17 tổng, 158 làng; trong đó có tên 17 làng thuộc tổng Thành Tuy Thượng và Thành Tuy Hạ ứng với vùng đất Nhơn Trạch: 1. *Mỹ Khoan* (có 1 xóm Chùa Ông); 2. *Phước Kiển* (Chợ Dường), có Xóm Trên, Xóm Dưới; 3. *Phước Lộc* có 6 ấp: Phước Hòa (Trường Dầu), Phước An (Đồng Môn), Phước Hưng (Quán Tre), Phước Vinh (Xóm Búng), Phước Thạnh (Trảng Mè), Phước Phong (Gò Me); 4. *Phước Lai* (Chợ Dô), có 1 ấp Phước Hưng (Xóm Chùa); 5. *Phước Long* (Chợ Mới), có ấp Ông Thiện; 6. *Phước Thiện* có 5 ấp: Phước Thuận (Bến Cam), Phước Hòa (Bến Sắn), Phước Tân (Xóm Trầu), Phước Lợi (chợ Quán), Long Điền (Đồng Điền); 7. *Phước Thọ* có 4 xóm: Đồng Lớn, Bàu Nâu, Lão Hợi, Suối Cang; 8. *Long Hiệu* (Bến Lầm), có ấp Long Hòa (vàm Đồng Môn), Xóm Hàng; 9. *Lương Thiện* (Rạch Ông Mai) có 4 ấp: Thành Hòa (Rạch Cá), Rạch Bãi, Rạch Miếu, Rạch Miếng Sánh; 10. *Mỹ Hội* (Hòn Một) có ấp Mỹ Thành (Gian Lò) và Xóm Bàu Cá; 11. *Phú Mỹ* có

¹ Lương Văn Lựu, *Biên Hòa sử lược toàn biên*, Tập I, NXB Thế giới, 2016.

(Bến Cam); 12. *Phước An* (Rạch Cóc) có 6 ấp: Bàu Bông (Hang Nai), An Cầm, Bình Quới, Quới Thạnh, Ba Doi, Tân Lập (Bà Hào); 13. *Phước Khánh* (Rạch Ông Thuộc) có 5 ấp: Đông Thạnh (Đá Hàn), Phước Xuân Trung, Phước Thạnh (Rạch Chà Là Lớn), Phước Hòa (Rạch Chà Là Bé), Tây Khánh (Ngã Ba Đồng Tranh); 14. *Phước Lương* (Cảnh Dương) có 3 ấp: Rạch Cá, Rạch Ông Đông, Rạch Ông Chuốc (Cát Lái); 15. *Phước Lý* (Ông Kèo) có 4 ấp: Rạch Giồng, Suối Ngang (Xoài Minh), Bến Đình, Phước Thành (Rạch Dọp); 16. *Phước Thạnh* (Suối Nước) có 4 ấp: Rạch Giồng, Bến Cộ, Bàu Sen, Cù Lao Ông Cồn; 17. *Tân Trường* (Rạch Chại) có 2 ấp: Vĩnh Tuy, Bình Phú và 2 xóm Bà Vách, Rạch Kè.

Ngày 30.12.1909, một nghị định của chính quyền thuộc địa trích bảy làng của tổng Thành Tuy Hạ đổi thành thuộc tổng Thành Tuy Thượng, gồm: Phước Thọ, Phước Kiển, Mỹ Khoan, Phước Lý, Phước Lai, Phước Thiện, Long Điền. Từ thời điểm này, địa bàn Hiệp Phước thuộc tổng Thành Tuy Thượng. Ngày 19.11.1927 lại có sự sáp nhập các làng thuộc tổng Thành Tuy Thượng như sau: làng Phước Long sáp nhập với làng Phước Thọ thành làng Phước Hiệp, nhưng không lâu sau lại tách ra với tên gọi như cũ; làng Phước Lộc nhập với làng Phước Nguyên thành làng Phước Lộc Xã; làng Tam Thiện nhập với làng Phước Thái thành làng Thái Thiện; làng Phước Kiển nhập với làng Mỹ Khoan thành làng Phước Mỹ, làng Tuy Long nhập với làng Tập Phước thành làng Long Phước; làng Long Thuận nhập với là An Lâm thành làng Long An. Như vậy, thời điểm này địa bàn Hiệp Phước có hai làng là Phước Mỹ và Phước Lai. Đến năm 1939, các làng đổi thành xã, tổng Thành Tuy Thượng gồm tám xã: Long An, Phước Mỹ,

Phước Lai, Phước Lộc, Phước Thiên, Thái Thiện, Long Phước, Phước Hiệp.

Trong giai đoạn từ khi thực dân Pháp bắt đầu đặt nền móng cai trị từ năm 1864 đến năm 1945, các làng, xã của tỉnh Biên Hòa nhiều phen nhập, tách¹.

Về phía chính quyền kháng chiến, từ năm 1948 các quận đều được đổi gọi là huyện, trong khi phía địch vẫn gọi là quận, như trường hợp của quận Long Thành và sau này có thêm quận Nhơn Trạch. Tháng 5.1951, Trung ương Cục miền Nam phân chia lại chiến trường Nam Bộ thành Phân liên khu miền Đông Nam Bộ và Phân liên khu miền Tây Nam Bộ, lấy sông Tiền làm ranh giới, bố trí lại các tỉnh cho phù hợp. Theo đó, tỉnh Biên Hòa và tỉnh Thủ Dầu Một hợp nhất thành tỉnh Thủ Biên; Bà Rịa và Chợ Lớn thành tỉnh Bà - Chợ. Lúc này, huyện Long Thành (bao gồm Nhơn Trạch) thuộc tỉnh Bà - Chợ.

Dưới chế độ Sài Gòn, giai đoạn từ tháng 7.1954 đến tháng 4.1975 có nhiều thay đổi hành chánh, theo hướng chia nhỏ địa bàn để dễ cai trị. Từ cuối năm 1956, tỉnh Biên Hòa tách ra, thêm tỉnh Long Khánh (lập 2 quận Xuân Lộc và Định Quán thuộc tỉnh Long Khánh). Từ năm 1957 đến năm 1972, tỉnh Biên Hòa luôn có thay đổi hành chính về tổng, quận, xã (năm 1963 bỏ cấp tổng).

Ngày 9.9.1960, quận Nhơn Trạch được thành lập trên cơ sở tách ra từ quận Long Thành, theo Nghị định 858 - NV của chính quyền Ngô Đình Diệm. Quận mới Nhơn Trạch gồm 2 tổng: Thành Tuy Trung (mới lập do tách từ tổng Thành Tuy Thượng) và Thành

1 *Địa chí Đồng Nai*, tập II, NXB Đồng Nai 2001.

Tuy Hạ; với 12 xã: Phú Hội, Phước Thọ, Phước Long, Phước Lai, Phước Mỹ, Phước Thiện (thuộc tổng Thành Tuy Trung), Phú Thạnh, Đại Phước, Phú Hữu, Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Long Tân (thuộc tổng Thành Tuy Hạ). Thời điểm này, xã Phước Mỹ gồm hai ấp: ấp Hai và ấp Ba với tổng diện tích là 800 hecta; xã Phước Lai cũng có hai ấp: ấp A và ấp B với tổng diện tích là 1.000 hecta. Như vậy, địa bàn thị trấn Hiệp Phước ngày nay tương đương với địa bàn của hai xã Phước Mỹ và Phước Lai với tổng diện tích là 1.800 hecta.

Về phía chính quyền cách mạng, từ tháng 7.1954 đến tháng 4.1975 do yêu cầu của chiến trường, cũng có nhiều thay đổi. Tháng 5.1955, tỉnh Thủ Biên tách thành hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một như cũ. Tháng 9.1960, lập lại tỉnh Thủ Biên từ Biên Hòa và Thủ Dầu Một như trước. Sau đó, lập tỉnh Long Khánh tách từ một phần tỉnh Biên Hòa (từ tháng 10.1960 đến tháng 3.1963). Tháng 7.1961, tỉnh Biên Hòa tách thành ba tỉnh: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Phước Thành. Từ ngày 3.12.1963, ba tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh nhập lại thành tỉnh Bà - Biên. Từ tháng 12.1963 đến tháng 12.1966, lại tách tỉnh Bà - Biên thành hai tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa - Long Khánh.

Trong giai đoạn này, từ năm 1954-1960, vùng đất Nhơn Trạch vẫn thuộc huyện Long Thành. Cuối tháng 12.1960, Tỉnh ủy quyết định tách Long Thành ra hai huyện, lập huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (gồm các xã như phân định của chính quyền Diệm).

Từ tháng 1.1965, Tỉnh ủy chia Biên Hòa thành hai đơn vị trực thuộc tỉnh: Thị xã Biên Hòa (gọi là U1) và Biên Hòa nông

thôn (gồm các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu và khu vực Trảng Bom). Đến tháng 10.1967, Trung ương Cục quyết định giải thể Khu 7, lập các phân khu; Long Thành, Nhơn Trạch thuộc Phân khu 4 (địa bàn Phân khu 4 gồm cả vùng cao su Bình Sơn, sở SIPH và một số xã Nam Thủ Đức). Đến tháng 5.1971, huyện Long Thành (bao gồm Nhơn Trạch) được nhập về Phân khu Bà Rịa - Long Khánh. Cho đến khi lập lại tỉnh Biên Hòa và tỉnh Bà Rịa Long Khánh (tháng 10.1972), Long Thành, Nhơn Trạch mới trở lại thuộc tỉnh Biên Hòa. Khi tỉnh Biên Hòa được tách làm hai, lập “thành phố Biên Hòa” và “tỉnh Biên Hòa nông thôn”, Nhơn Trạch thuộc địa bàn của tỉnh Biên Hòa nông thôn cho đến ngày thống nhất đất nước.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Trung ương Cục có Quyết định số 16/QĐ.75 ngày 20.9.1975 giải thể các khu, phân khu, sáp nhập một số tỉnh thành các tỉnh mới. Theo đó, đầu năm 1976, các tỉnh Biên Hòa, Tân Phú, Bà Rịa - Long Khánh được hợp nhất, lấy tên là tỉnh Đồng Nai. Tỉnh Đồng Nai gồm một thành phố Biên Hòa, một thị xã Vũng Tàu, chín huyện: Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành, Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, Duyên Hải. Trong đó Nhơn Trạch và Long Thành được nhập lại thành huyện Long Thành, gồm 26 xã và một thị trấn. Đến năm 1984, hai xã Phước Lai và Phước Kiển sáp nhập, lấy tên là xã Hiệp Phước. Như vậy, tên gọi Hiệp Phước xuất hiện từ năm 1984. Theo các bộ lão, tên gọi Hiệp Phước là hai Phước (Phước Lai và Phước Kiển) hiệp (hợp) lại.

Ngày 23.6.1994, Chính phủ có Nghị định 51/CP chia huyện Long Thành thành hai huyện mới: Long Thành và Nhơn Trạch.

11 xã trực thuộc huyện Nhơn Trạch gồm: Phước Thiên, Phú Hội, Long Tân, Phú Thạnh, Đại Phước, Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Long Thọ, Hiệp Phước, Phú Hữu. Ngày 29.8.1994, xã Phú Hữu được tách thành hai xã: Phú Hữu và Phú Đông, huyện Nhơn Trạch có 12 xã như hiện nay. Ngày 10.5.2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết 694/NQ-UBTVQH14 (có hiệu lực từ ngày 1.7.2019) chuyển xã Hiệp Phước thành thị trấn Hiệp Phước. Đây là thị trấn đầu tiên của huyện Nhơn Trạch.

2. Dân cư

Dân cư ở Hiệp Phước mang đặc điểm chung của dân cư xứ Đồng Nai: Hình thành và phát triển trong một thời gian dài, chủ yếu bắt đầu từ thế kỷ XVII, do nhiều đợt chuyển cư từ xứ Bắc, xứ Trung; chung sống với nhau theo quan hệ họ hàng, làng xóm hoặc nhu cầu sản xuất; phát triển cả hai hướng tự nhiên và cơ học.

Cột mốc đánh dấu dân cư ổn định ở Nhơn Trạch cũng như Hiệp Phước là sự kiện Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh thiết lập hệ thống hành chính tại Đồng Nai vào năm 1698, cùng với những chính sách khuyến khích khẩn hoang mở đất, đã mở đầu cho các cuộc di dân có tổ chức vào miền đất mới. Từ năm 1698 đến nay có nhiều đợt chuyển cư từ miền Bắc, miền Trung vào xứ Đồng Nai (bao gồm cả Nhơn Trạch), có thể kể ra như sau:

Một là, cuộc di dân khẩn hoang theo chủ trương của các Chúa Nguyễn, vua Nguyễn từ các tỉnh miền Trung (nhất là vùng Ngũ Quảng) đến Nam Bộ để khai khẩn đất đai, mở mang bờ cõi. Các đợt di dân này diễn ra từ cuối thế kỷ XVII đến thế kỷ XX. Cư dân Hiệp Phước trước đây hình thành chủ yếu từ lớp di dân này.

Hai là, các đợt di dân mộ phu đầu thế kỷ XX do các chủ đồn điền người Pháp đưa dân nghèo từ các tỉnh miền Bắc vào làm công nhân tại các đồn điền cao su. Các cuộc di dân này làm xuất hiện tầng lớp công nhân cao su quanh vùng các sở cao su Tân Tường và sở Ông Cồ. *Ba là*, đợt di dân đồng bào Công giáo các tỉnh miền Bắc vào Nam theo chủ trương của chính quyền Pháp - Diệm sau Hiệp định Genève 1954. Hai hình thức di dân này ở Hiệp Phước không phổ biến.

Bốn là, các cuộc chuyển cư trong kháng chiến, gồm các cư dân Tây Nam Bộ tránh các cuộc càn quét, khủng bố của giặc, theo nhịp chèo đên cư trú, làm ăn và tiếp tục chiến đấu ở vùng đất Nhơn Trạch.

Năm là, các đợt chuyển cư hồi kết do cán bộ tập kết miền Bắc trở về sau thống nhất đất nước, mang theo gia đình và kết nối người thân muốn lập nghiệp vùng đất mới. Cũng phải kể đến lớp người là cán bộ các ngành từ miền Bắc được tăng cường, chi viện cho hệ thống chính trị để hỗ trợ việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, tổ chức đời sống mới ở Nhơn Trạch.

Về quy mô dân số, chưa có bản kê cụ thể về số lượng cư dân Hiệp Phước từng thời kỳ. Theo *Địa phương chí tỉnh Biên Hòa* năm 1971, số dân của xã Phước Mỹ (gồm Phước Kiển và Mỹ Khoan) là 3.095 người, trong đó ấp Ba là 1.196 người, ấp Hai là 1.899 người; số dân xã Phước Lai là 3.152 người, trong đó ấp A là 1.571 người, ấp B là 1.581 người. Như vậy, tổng số dân địa bàn Hiệp Phước thời điểm năm 1971 là 6.247 người.

Từ thành lập xã Hiệp Phước năm 1984 đến lúc thành lập huyện Nhơn Trạch năm 1994, kinh tế xã vẫn phụ thuộc chủ yếu

vào nông nghiệp nên tình trạng tăng dân số không có nhiều biến động. Sau năm 1994, xã Hiệp Phước phát triển theo hướng công nghiệp - thương mại - dịch vụ, các công ty, xí nghiệp nước ngoài đầu tư trên địa bàn xã ngày càng nhiều, không chỉ tạo việc làm cho người dân địa phương mà còn thu hút lao động từ nơi khác đến ngày càng nhiều, dẫn đến việc tăng nhanh dân số cơ học.

Năm 1994, toàn xã có 1.887 hộ gia đình với 9.618 nhân khẩu, tỷ lệ tăng dân số là 0,6% so với năm 1971. Đến năm 2000, dân số xã Hiệp Phước lên đến 2.315 hộ với 11.201 nhân khẩu, tỷ lệ tăng dân số là 1,2%. Năm 2007 dân số của xã là 3.284 hộ với 14.916 nhân khẩu, tỷ lệ tăng dân số là 1,3%. Trong đó, lao động tạm trú 8.754 người, tăng gấp 4 lần so với năm 2006 (lao động tạm trú trong năm 2006 là 2.169 người). Năm 2018 dân số của Hiệp Phước là 38.645 người, mật độ dân số là 2.052 người/km². Số người lao động chiếm trên 60% dân số của xã.

Các số liệu trên cho thấy tỷ lệ tăng dân số hằng năm của xã Hiệp Phước ngày càng có xu hướng phát triển, đặc biệt là từ sau khi hai khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch 5 và khu đô thị mới hình thành trên địa bàn xã, thu hút ngày càng nhiều người dân từ địa phương khác đến làm việc, sinh sống.

3. Đời sống sản xuất

Từ lúc khẩn hoang mở đất, người dân Hiệp Phước sống trong môi trường nông nghiệp, nông thôn, sản xuất chủ yếu là nông nghiệp lệ thuộc tự nhiên; đến sau Cách mạng Tháng Tám 1945 thì vừa sản xuất vừa đấu tranh bảo vệ quê hương. Từ sau ngày 30.4.1975, trong điều kiện đất nước hòa bình, thống nhất, Hiệp

Phước cùng cả huyện, tỉnh và cả nước tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, xây dựng phát triển nông thôn, đổi mới tư duy kinh tế, thu hút đầu tư, phát huy lợi thế địa phương, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng cao tỉ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ; từng bước đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; làm thay đổi về chất diện mạo nông thôn và đời sống nhân dân, sớm đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

Do điều kiện địa lý, địa hình, môi trường sinh thái nhiều thuận lợi nên hoạt động kinh tế của người dân Hiệp Phước khá đa dạng. Mặt khác, cũng giống như những làng người Việt khác, do đặc tính tự cung tự cấp nên cộng đồng cư dân làng Hiệp Phước hầu như tiến hành các hoạt động kinh tế có thể hỗ trợ lẫn nhau nhằm tăng thêm thu nhập cho gia đình.

Phần lớn cư dân làng Hiệp Phước xưa làm nghề nông, trồng trọt và chăn nuôi, số còn lại làm nghề thủ công hoặc buôn bán, hay cũng có khi kết hợp giữa các nghề với nhau.

Trong trồng trọt, cư dân Hiệp Phước chủ yếu tập trung sản xuất ruộng nước và rẫy. Theo số liệu thống kê năm 2005, diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn xã là 418,37 hecta, trong đó đất trồng lúa nước là 276,14 hecta, đất rẫy là 51,35 hecta, đất trồng cây lâu năm là 90,82 hecta.

Theo *Gia Định Thành thông chí*: Tổng Thành Tuy thuộc huyện Long Thành đều có ruộng sớm và ruộng muộn. Cây trồng thích hợp ở đây là dưa, đậu phộng và khoai lang. Ruộng sớm thì tháng 5 (âm lịch) gieo mạ, tháng 6 cấy, tháng 11 gặt. Ruộng muộn thì

tháng 6 gieo mạ, tháng 7 cấy, tháng 12 gặt. Dưa¹ thì tháng Giêng trồng, tháng 8 thu hoạch. Đậu phộng tháng 4 tría, tháng Chạp thu hoạch. Khoai lang tháng 3 giâm, tháng 10 dỡ củ². Ngoài ra, nông dân còn trồng nhiều các loại hoa màu, như: bầu, bí, mướp, khổ qua, đậu đũa.

Cũng như các vùng khác ở Nhơn Trạch, trước đây ở Hiệp Phước phổ biến là cấy lúa một vụ, thường là giống lúa dài ngày, một vụ mất 5-6 tháng (từ tháng 5, tháng 6 âm lịch đến tháng 11, 12) mới thu hoạch. Giống lúa truyền thống bà con Hiệp Phước thường gieo cấy là: Nàng Dày, Nàng Trúc, Nàng Hương, Nàng Co, Nàng Bè, Nàng Phịch, Nàng Tây, Sóc Leo, Đốc Sậu, Cuống Trầu, Đàn Bè, Tàu Bàu, Đàn Êm... Tùy theo loại đất mà nông dân chọn giống lúa phù hợp, như khu vực đất thấp thì chọn giống lúa Nàng Tây; đất triền xuôi trồng giống lúa Đốc Sậu, Cuống Trầu; vùng đất sâu trồng giống lúa Nàng Phịch, Đàn Bè; đất phèn trồng giống lúa Tàu Bàu, Đàn Êm. Trong đó các giống lúa Nàng Hương, Nàng Trúc cho gạo thơm, dẻo nên rất được ưa chuộng. Vì cấy lúa một vụ nên ăn tết xong là nông dân bắt đầu cấy ruộng, phơi ải đất trong một tháng, sau đó bắt đầu các công đoạn như gieo mạ, cấy, làm cỏ, bón phân, chăm sóc... Sau này người dân Hiệp Phước dần chuyển sang các giống lúa ngắn ngày (3 tháng), năng suất cao, kháng sâu bệnh, từ đó nông dân trồng 2-3 vụ lúa/năm, gồm: Đông Xuân (từ tháng

1 Có thể là dưa gang. Ngày nay, vùng Nhơn Trạch vẫn nổi tiếng về các giống dưa gang ngon, bán dọc theo quốc lộ 51 và đường Tôn Đức Thắng. Tuy nhiên, dưa gang mà trồng đến 7 tháng mới thu hoạch lại có vẻ cũng chưa hợp lý, hoặc có thể giống dưa gang cách đây 2 thế kỷ không giống dưa bây giờ, thời gian gieo trồng và thu hoạch kéo dài.

2 Trịnh Hoài Đức, *Gia Định Thành thông chí*, NXB Đồng Nai 2005, trang 194.

11 đến tháng 1), Hè Thu (tháng 3 đến tháng 7), vụ mùa (tháng 7 đến tháng 11).

Diện tích đất rẫy ở Hiệp Phước chủ yếu phân bố ở khu vực phía Bắc, là vùng đất cao trước kia là rừng đước người dân khai phá. Đất rẫy phần lớn là loại đất cát pha cần cỗi, không có khả năng giữ nước, mặt đất không bằng phẳng, độ phì nhiêu kém không thích hợp trồng lúa nên người dân trồng các loại cây lương thực thích hợp đất khô như: mì, bắp, đậu, mía, thơm, điều và cả cây thuốc lá. Đây là những loại cây trồng truyền thống và là thế mạnh của vùng Hiệp Phước. Thời kỳ thực dân Pháp chiếm đóng, khu vực canh tác này của người dân Hiệp Phước bị chúng chiếm đoạt, lập thành các nông trường hay đồn điền mà chúng gọi là sở thơm, sở điều, sở mía... Chúng bắt người dân bị mất đất phải làm tất cả mọi việc, từ trồng cây, chăm sóc, thu hoạch trong các sở này, trả công rẻ mạt, bị bóc lột thậm tệ trên ngay mảnh đất chính cha ông mình để lại. Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, chính quyền cách mạng đem số đất này chia lại cho người dân canh tác, sản xuất.

Đặc biệt, Hiệp Phước xưa nổi tiếng là vùng trồng cau. Hầu như nhà nào ở Hiệp Phước cũng trồng cau, nhà ít nhất cũng có vài chục cây cau, nhà nhiều thì trồng đến vài trăm cây. Nơi đây có những gốc cau tuổi đời hơn trăm năm. Hiệp Phước trồng chủ yếu là cau xiêm, thân cây to, trái cũng to, được xếp hạng là loại ngon nhất vùng Nam Bộ, lại phù hợp với thổ nhưỡng của địa phương. Ban đầu khi mới lập làng, cau được trồng theo bờ ranh đất, chủ yếu để sử dụng trong gia đình, làng xóm, dùng không hết mới đem đi bán để thêm chút thu nhập, nhưng do giống cau Hiệp

Phước được ưa chuộng nên dần trở thành nguồn lợi kinh tế cao chỉ sau trồng lúa. Cau tươi lẫn cau khô vùng Hiệp Phước rất được ưa chuộng, mở rộng ra đến khu vực Bà Rịa và Sài Gòn - Chợ Lớn. Đến năm 1956 khi chợ An Đông ở Sài Gòn được xây dựng, nơi đây có những quầy hàng chuyên kinh doanh cau Hiệp Phước và các địa phương lân cận như Phú Hội, Phước Long, Phước Thiện.

Chăn nuôi là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp của người dân làng Hiệp Phước. Hệ thống thực vật phong phú là điều kiện cho chăn nuôi gia súc ở đây sớm phát triển. Do sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, rất cần sức kéo cũng như phân bón ruộng nên từ lâu vùng Hiệp Phước đã phát triển chăn nuôi trâu bò. Trước kia hầu như gia đình nào ở Hiệp Phước cũng nuôi trâu bò từ 2-3 con trở lên, những nhà có nhiều ruộng đất thì nuôi trâu bò thành bầy hàng chục con. Bên cạnh đó, nhà nào cũng nuôi heo và gia cầm như gà, vịt; vịt được nuôi theo thời vụ gắn liền với lúc thu hoạch lúa để tranh thủ nguồn thức ăn, tận dụng lúa rơi rớt ở các cánh đồng lúa vừa gặt. Theo thống kê năm 2006, xã Hiệp Phước có tổng đàn gia súc, gia cầm là 5.210 con, trong đó trâu bò chiếm 580 con, heo 1.830 con, gà vịt là 2.800 con.

Ngoài sản xuất nông nghiệp, người dân Hiệp Phước còn làm nhiều ngành nghề thủ công để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế tự cung tự cấp mang tính khép kín. Làng có rất nhiều nghề thủ công như: mộc, rèn, làm guốc, làm thực phẩm (bún, bánh các loại, nem chua), chế biến cau, chế biến thuốc lá... cung cấp cho nhu cầu thiết yếu của người dân. Có những ngành nghề nổi tiếng trong vùng như: làm bún, nem chua, chế biến cau.

Do vị trí địa lý và điều kiện kinh tế xã hội, Hiệp Phước không có chợ làng, người dân Hiệp Phước trao đổi buôn bán tại chợ của các làng lân cận: Phước Thiện, Phước Thái, Phú Hội hoặc đi chợ Long Thành, chợ Bà Rịa. Với tuyến giao thông thủy từ cửa biển vào cửa sông Thị Vải rồi vào kênh Bà Ký nối thông sông Đồng Môn, sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, người dân Hiệp Phước buôn bán, trao đổi hàng hóa với lái buôn miền Tây. Những mặt hàng người Hiệp Phước bán đi là sản phẩm được sản xuất tại làng như: gia súc, gia cầm, trầu cau, thuốc lá, bắp, mì; mua về chủ yếu là hàng tiêu dùng: vải, quần áo, các loại mắm cá, gia vị (đường, muối, nước mắm, dầu ăn)... Tuy nhiên, yếu tố kinh tế hàng hóa của Hiệp Phước chỉ diễn ra trên quy mô nhỏ lẻ, người mua bán ở dạng “bán hàng xén”, người sản xuất thì “lấy công làm lời”. Dù vậy, việc lưu thông, luân chuyển hàng hóa cũng góp phần cải thiện đời sống người dân.

Từ khi xã Hiệp Phước bước vào giai đoạn chuyển hóa làng thuần nông nghiệp lên công nghiệp, thương mại, dịch vụ và nông nghiệp, đời sống kinh tế xã hội hoạt động ở Hiệp Phước phát triển rất nhanh. Công nghiệp dần chiếm tỉ trọng lên đến 40% cơ cấu kinh tế của địa phương với sự ra đời của các khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch 5, không chỉ đem lại nguồn lợi cho ngân sách địa phương, giải quyết việc làm cho người dân mà còn biến vùng Hiệp Phước hoang sơ trước đây thành khu đô thị mới với hàng chục ngàn lao động từ các nơi đổ về. Từ đó, kéo theo sự phát triển của mảng thương nghiệp - dịch vụ với nhiều ngành nghề mới ra đời như: sửa chữa vật dụng gia đình, xe cộ máy móc, cắt uốn tóc, gia công trang trí nội thất, bách hóa tổng

hợp... Phát triển mạnh mẽ nhất là dịch vụ cho thuê trọ, kinh doanh ăn uống, giải trí. Đến cuối năm 2006, cả xã có 406 cơ sở cho thuê phòng trọ bao gồm cả ký túc xá và nhà nghỉ với 3.850 phòng, đáp ứng nhu cầu thuê trọ của 9.200 công nhân. Đây là loại hình dịch vụ mới đem lại nguồn thu nhập ổn định và hiệu quả cao cho người dân Hiệp Phước.

4. Văn hóa xã hội

Cư dân tứ xứ tụ hội, sinh sống ở Nhơn Trạch - Đồng Nai từ rất sớm. Người Việt đến Hiệp Phước huy động vốn liếng văn hóa mang theo từ bản xứ vào việc tổ chức đời sống ở vùng đất mới, có sự thích ứng để hài hòa với môi trường tự nhiên và nếp sống của cư dân bản địa, thể hiện rõ nét ở tổ chức làng xã, tập quán, tín ngưỡng và sinh hoạt văn học nghệ thuật.

Về làng xã:

Hiệp Phước được hình thành trên cơ sở hợp nhất ba làng: Mỹ Khoan, Phước Kiển, Phước Lai, đều là những xã thuần nông và sống quần tụ với nhau, có cơ cấu tổ chức và quan hệ xã hội trong làng xã giống nhau nên hương ước đều như nhau. Hương ước là loại hình văn hóa độc đáo của làng xã truyền thống Việt Nam, bao gồm quy ước về các hoạt động, hành vi ứng xử của các cá nhân đối với cộng đồng. Hương ước đóng vai trò tích cực, bảo lưu và giữ gìn truyền thống tốt đẹp trong làng xóm, nêu cao tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ nhau trong đời sống cộng đồng.

Các làng ở Hiệp Phước xưa kia tổ chức theo dòng họ, nghề nghiệp, quê quán. Dân cư ở đây sinh sống qua nhiều đời, có ảnh hưởng phong tục tập quán của người miền Bắc, miền Trung và

thậm chí có cả người Hoa trong quá trình sống cộng cư (dù sau này số người Hoa ở Hiệp Phước chuyển hết về Phước Thiện). Hương ước của các làng Hiệp Phước được lập ra dựa trên quyền lợi, trách nhiệm của mỗi thành viên trong làng nhằm duy trì trật tự của làng. Trong đó, nội dung chính của hương ước các làng Hiệp Phước là những quy ước liên quan đến cơ cấu tổ chức và các quan hệ xã hội trong làng, gồm thiết chế tổ chức trong làng, chức năng, quyền hạn và lễ lối làm việc của các thành viên, như: Ban Hội tề là cơ quan có toàn quyền tối cao trong các mặt sinh hoạt của làng; bộ máy hội tề là đại diện cho nhà nước phong kiến, chịu trách nhiệm quản lý về dân số (hộ tịch, hộ khẩu), thu thuế, triển khai các công việc trong làng (ma chay, cưới hỏi). Hương ước của các làng Hiệp Phước cũng quy định nam giới trong làng từ 40 tuổi trở lên, có uy tín, đạo đức thì có thể được bầu vào Ban Hội tề hoặc Ban Quý tế đình; riêng làng Mỹ Khoan có bổ sung quy định được bầu cả nữ giới, kể cả phụ nữ góa chồng. Làng căn cứ vào địa vị, ngôi thứ, phẩm hàm, chức tước, học vấn và tài sản để bầu người vào Ban hương chức. Những người có chức sắc cao trong làng thì nghĩa vụ, đóng góp cũng nhiều hơn người khác. Làng Mỹ Khoan còn có quy ước là gia đình tổ chức đám cưới phải báo cho làng; trong lễ cưới, hai ông Hương cả và Hương hào sẽ đại diện đứng ra làm hôn thú cho cô dâu chú rể. Khi gia đình có tang thì ông Hương cả có nhiệm vụ cắt cử bốn vị trong Ban Hội tề đại diện cho làng túc trực ở đám tang cũng như thay mặt tang chủ tạ ơn Ban đại diện của các làng khác đến phúng viếng.

Các làng quy ước lập ra đội tuần canh để bảo vệ xóm làng, ngăn cấm trộm cắp, ngăn chặn những hành vi quan hệ bất chính,

con cái bất hiếu với cha mẹ, ông bà. Khi có sự cố về trộm cắp, an ninh thì đội tuần canh hoặc người có việc đánh ba hồi trống để báo động; khi phát hiện người nơi khác đến chết bất đắc kỳ tử thì đánh trống liên hồi để tụ tập dân làng, sau đó làng xuất công quỹ để mai táng người xấu số. Các làng cũng có quy ước về việc thờ cúng, tâm linh như cúng đình, thờ Phật, nghi lễ liên quan đến sản xuất nông nghiệp (lễ Bá cốc, lễ Hạ điền, lễ Thường tân hay còn gọi là lễ Cơm mới...). Các hình thức xử phạt khi vi phạm Hương ước cũng được quy định rõ ràng, người vi phạm bị xử phạt bằng tiền, hiện vật (xôi gà, đầu heo, trâu bò, rượu), hoặc bị đánh đòn, đóng trăn...

Ban Hội tề mỗi làng ở Hiệp Phước gồm 12 vị: Hương cả (còn gọi là ông Cả), Hương chủ, Hương sư (là ba vị trưởng lão, chức sắc cao nhất làng), Hương trưởng (Chủ tịch hội đồng dân biểu), Hương chánh (phụ trách tài chính), Hương giao (phó xã trưởng), Xã (xã trưởng), Hương hào (phụ trách sổ bộ, như chánh văn phòng), Hương thân (hộ tịch: khai sinh, khai tử), Hương quản (phụ trách an ninh, tư pháp), Trưởng (trưởng ấp), Trùm (phó ấp).

Ban Hội tề của làng Mỹ Khoan từ năm 1900 đến 1945 như sau:

- Hương cả: Phạm Văn Lòng, Nguyễn Văn Đàn, Cả Lễ.
- Hương chủ: Nguyễn Văn Khải.
- Hương sư: Nguyễn Văn Khải, Nguyễn Văn Cúc.
- Hương trưởng: Nguyễn Văn Huệ.
- Hương Chánh: Đặng Văn Tiểu.
- Hương giáo: Phan Văn... (cha ông Năm Phở).

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC (1930 - 2020)

- Xã: Phạm Văn Trừ (con ông Cả Phạm Văn Lòng), Nguyễn Văn Cho, La Văn Ruốc.

- Hương hào: Trần Văn Hải.

- Hương thân: Đỗ Văn Sện, Lê Văn Khuê, Trần Văn Hồ.

- Hương quản: Đỗ Văn Hai, Trần Văn Cam.

- Trưởng: Trần Văn Mót.

- Trùm: Lại Văn Điện.

Ngoài những vị hương chức, làng Mỹ Khoan còn có gia đình Tri phủ Sóc Trăng Lê Văn An, gia đình Tổng Lê Văn Khương (em ông Lê Văn An) và Tổng Phàn làm Chánh tổng của tổng Chánh Mỹ Thượng (quận Long Thành) - là những chức vụ cao của làng xã trước đây.

Ban Hội tề của làng Phước Kiển từ năm 1945 trở về trước ghi nhận được gồm:

- Hương cả: Bùi Văn Vĩnh, Vương Văn Trường (Cả Năm), Nguyễn Văn Ngân.

- Hương chủ: Nguyễn Văn Thiên (Ba Dẻo).

- Hương hào: Nguyễn Văn Biên.

- Hương thân: Phạm Văn Thượng.

- Hương quản: Phan Văn Ngọ, Nguyễn Văn Khỏe, Nguyễn Văn Na.

- Hương sư: Võ Văn Tư (Đình Tư).

- Xã: Lê Văn Khánh.

Mỗi làng đều có nhà hội là nơi để Ban Hội tề làm việc, sinh hoạt, hội họp (như trụ sở Ủy ban nhân dân xã hiện nay), có đình

làng là nơi cộng đồng tín ngưỡng thờ thần, thành hoàng của làng mình.

Về trang phục:

Cư dân Hiệp Phước có tiến trình phát triển trang phục giống như người dân Nam Bộ xưa.

Trang phục chủ yếu của nam, nữ vùng Hiệp Phước xưa kia là áo cánh ngắn vải bầu cổ thấp, không tay, tay liền hoặc tay nối, xẻ vạt như kiêu của cư dân vùng Ngũ Quảng. Nam giới mặc quần ngắn đến gối, có khi đóng khố; quần phụ nữ dài hơn đôi chút, thắt lưng bằng dây vải hoặc dây cỏ; nút áo dùng nút thắt, lưng quần dùng dây vải luôn qua rồi rút lại. Nhìn chung, trang phục của hầu hết người dân Hiệp Phước nói riêng và người Nam Bộ nói chung có xu hướng tiết kiệm, màu sắc đơn điệu, phần lớn thiên về màu tối như nâu sẫm, đen, được nhuộm từ lá cây bàng, vỏ trâm bầu sau đó ngâm bùn để được bền chắc.

Người Hiệp Phước cũng chuộng ăn trầu theo tập quán chung của người Việt, do vậy trang phục thường thêm túi vải để đựng trầu cau và đồ dùng ăn trầu như ống ngoáy, bình vôi; túi trầu của nam giới gọi là hỏ phệ, nằm ở ngang lưng hoặc trước bụng; túi trầu của phụ nữ buộc ở thắt lưng hoặc ruột ngựa, hoặc cũng có khi tất cả được cho vào bọc nhỏ cột lại rồi lộn vào lưng quần; các vị sư sãi, trí thức thì đeo túi trầu có thêu hoa văn gọi là hà bao. Đàn ông, phụ nữ Hiệp Phước phần lớn đi chân không, hoặc mang dép là bằng mo cau; khi đi xa người dân thường mang theo nhiều dép mo cau vì rất mau hư hỏng; người khá giả, điền chủ, quan lại thì mang guốc vông. Để che đầu nam phụ lão ấu đều sử dụng nón lá.

Đến khoảng thế kỷ XVIII, XIX, các thành phần trí thức, quan lại, nho sinh ở Hiệp Phước thường ăn mặc chỉnh tề trong trang phục áo dài đen, quần trắng, bới tóc, đầu đội khăn đóng, chân đi hài hoặc mang guốc vòng. Áo dài của phụ nữ tà dài hơn nam giới. Sang đầu thế kỷ XX, trang phục người dân Hiệp Phước có nhiều thay đổi. Áo dài thường chỉ sử dụng trong các ngày quan trọng như đình đám, lễ lạt, ngày thường mọi người mặc áo bà ba. Thay cho túi trâu là hai túi to may ở vạt áo, cũng dùng để đồ lặt vặt. Lúc này đã có nút nhựa, nút bóp thay cho nút thắt. Nam nữ đều mặc áo bà ba, nhưng kết cấu áo có khác nhau. Thời điểm này nam nữ thanh niên ở Hiệp Phước vẫn còn bới tóc, phụ nữ cài thêm trâm, lược. Đặc biệt, người dân Hiệp Phước rất ưa sử dụng khăn rằn, coi như trang phục không thể thiếu, đa chức năng, có thể dùng quấn đầu che nắng, quấn cổ giữ ấm, lau mồ hôi khi lao động mệt nhọc. Gia đình khá giả bắt đầu sử dụng dù che mưa nắng.

Đến khoảng gần giữa thế kỷ XX, đàn ông Hiệp Phước bắt đầu chuyển qua Âu phục, bỏ búi tóc và chuyển sang hớt tóc ngắn.

Về ẩm thực:

Do thời khí của hai mùa mưa nắng, sản vật phong phú, đa dạng nên thức ăn và cách ăn của người Hiệp Phước cũng đa dạng. Thức ăn được chọn lựa tươi ra tươi, khô ra khô, ăn để no, ăn để giao đãi, còn để phòng chữa bệnh; nhiều rau, nhiều cá và thủy sản; dùng nhiều gia vị, phối hợp nhiều thức, món với nhau, nhiều cách chế biến, khi thì chế biến công phu, lúc thì tận hưởng hương vị tự nhiên.

Như những cư dân thuộc nền nông nghiệp lúa nước, người Hiệp Phước xem lúa gạo là nguồn lương thực chính. Ngoài cơm,

cháo, gạo còn được chế biến thành các dạng thực phẩm khác nhau như: bún, bánh canh, hủ tiếu, bánh tráng, bánh ướt; đặc biệt là các loại bánh như bánh ít, bánh ú, bánh tét, bánh xèo, bánh căn, bánh khọt... rất phong phú. Khoai mì, khoai lang, bắp trồng nhiều ở Hiệp Phước cũng là nguồn lương thực phụ quan trọng, được chế biến thành các món ăn đa dạng. Nhờ có con kênh Bà Ký cùng các con rạch, suối nhỏ trên địa bàn cung cấp các loại cá sông, cua đồng, tôm tép, người dân Hiệp Phước chế biến các món ăn từ cá như kho tiêu, kho ngót, om, chiên, nấu canh, ngoài ra còn làm cá khô, mắm cá đồng, mắm nêm để tích trữ sử dụng dần. Là vùng trồng lúa nên Hiệp Phước không thể thiếu món chuột đồng, ếch, rắn... cung cấp dinh dưỡng dồi dào. Hiệp Phước tuy không có nhiều vườn cây trái ăn trái rộng như các vùng khác, nhưng xung quanh nhà vẫn trồng các loại trái cây hợp thổ nhưỡng như xoài, chôm chôm, sầu riêng, bưởi vừa để dùng trong gia đình vừa dùng đi tiệc giỗ, đám hoặc bán kiếm thêm thu nhập.

Trước đây đời sống khó khăn, người Hiệp Phước phần lớn một ngày chỉ ăn hai bữa: bữa sáng khoảng 8 giờ và buổi chiều khoảng 16 giờ, bữa trưa chỉ là ăn phụ vì thường đi làm việc ngoài đồng đến chiều mới về. Sau này khi kinh tế phát triển, cuộc sống khá giả người Hiệp Phước ngoài hai bữa cơm chính còn ăn điểm tâm sáng, chủ yếu là bún, mì phở, hủ tiếu, bánh mì, bánh cuốn...

Gần kề với làng trà Phú Hội nổi tiếng “nước Mạch Bà, trà Phú Hội” nên người Hiệp Phước cũng thích uống trà. Ở Hiệp Phước, để giữ độ nóng cho bình trà người dân dùng trái dừa khô lớn khéo léo lấy ruột ra sao cho vỏ còn nguyên để đặt bình trà vào giữ nhiệt. Ngoài trà lá, người dân còn uống các loại trà giải nhiệt khác

như trà lá dứa, trà đậu đen, trà gừng. Nam giới Hiệp Phước cũng thường uống rượu, không chỉ trong các dịp lễ tết, hiếu hỉ, đám tiệc mà ngày thường cũng có thói quen tụ nhóm uống rượu.

Ăn trà là tập quán, thói quen từ bao đời của người dân Việt. Người Hiệp Phước cũng vậy, thích ăn trà, nam nữ đều ăn. Đến sau năm 1945, thói quen này mới dần bỏ bớt, đến nay thì chỉ còn ông già bà cả mới ăn trà. Đặc biệt, có lẽ vì Hiệp Phước trồng được thuốc lá nên người Hiệp Phước xưa rất ưa thích hút thuốc, cả nam giới lẫn phụ nữ. Dân trong làng tự cuốn thuốc điếu để hút, quấn bằng giấy học trò viết chữ, sau này mới có giấy quỳn để quấn.

Về phương tiện đi lại:

Trên địa bàn Hiệp Phước ngoài hệ thống kênh Bà Ký và một số rạch nhỏ thì không có sông rạch lớn nên giao thông chủ yếu của người dân vẫn đường bộ. Xưa kia đây là vùng nông thôn, không có đường lát gạch mà chỉ có đường đất đỏ, phương tiện đi lại của người dân là đi bộ, người khá giả thì có võng, xe kéo, xe bò, xe ngựa.

Dân làng phần lớn là người nghèo, nên chỉ có đi bộ. Khi làm đồng, lao động, người dân đi chân không; đi buôn bán hoặc đi đâu xa một chút thì mang dép mo cau nhà tự làm, nhưng loại này rất mau hư hỏng; đi dự đám tiệc, lễ lạt, giỗ quải, cúng đình chùa mới mang guốc. Trong làng trước kia có ông Tư Thịnh là thợ mộc, nổi tiếng với tay nghề làm guốc vông, cả làng đều chuộng. Người khá giả ở Hiệp Phước không sử dụng kiệu mà dùng võng, kiệu cần bốn người khiêng còn võng chỉ cần hai người, lấy đoạn tre già xỏ qua hai đầu võng rồi khiêng. Người giàu có, quan lại, điền chủ thì

thích dùng xe kéo hoặc xe bò, xe ngựa, lúc xe đạp ra đời cũng có một số người ưa chuộng, nhất là thanh niên, nhưng những phương tiện này khá đắt tiền chỉ có nhà giàu mới mua nổi.

Đến khoảng thập niên 60, xe bò, xe ngựa trở nên phổ biến, không còn quá đắt đỏ như trước nên giới bình dân khi đi xa thường sử dụng, nhất là khi cần vận chuyển hàng hóa. Xe ngựa ở Hiệp Phước có bánh xe to, sàn xe thấp, trên nóc có mui che mưa nắng, kiểu dáng như loại xe thô mộc thường thấy ở miền Đông Nam Bộ. Xe bò, xe ngựa khi đi đêm phải treo đèn.

Sau này khi lộ 19, lộ 17 và lộ 15 được nhựa hóa thì có xe lam xuất hiện làm phương tiện đi lại chung của người dân. Một số nhà khá giả thì sắm xe máy, thậm chí có cả ô tô.

Về nhà ở:

Xưa kia ở Hiệp Phước có quan niệm người chưa quá tuổi “tam thập nhi lập” (tức 30 tuổi) mà dựng nhà thì hậu vận không bền, làm ăn không khá, gia đạo không hưng thịnh. Vì vậy người Hiệp Phước phải qua tuổi 30 mới xây dựng nhà.

Những năm trước Cách mạng Tháng Tám 1945, mỗi hộ gia đình ở Hiệp Phước thường sống trong một khoảng đất riêng tách biệt nhau. Nhà ở tại Hiệp Phước chủ yếu là dạng nhà xây dựng trên mặt đất, gò cao, cận sông hoặc cận lộ; gần gũi, hài hòa với thiên nhiên, tuân theo các nguyên tắc: chuồng hướng Đông, Nam, quay mặt ra sông, ruộng, vườn, ngõ không vào thẳng cửa chính; sân trước rộng rãi, bằng phẳng thường dùng để phơi lúa, sân sau cũng rộng thường tận dụng nuôi gia cầm, “chuối sau, cau trước” (chuối trồng ở sân sau, cau trồng ở sân trước); hầu như nhà nào cũng làm hàng rào cây bằng các loại cây bản địa như chèn cát, dâm

bụt hoặc cây quít đại; nhà dù hẹp cũng cố gắng có chỗ bày hoa kiểng, nhiều nhà còn bày hòn non bộ trước gian chính để tránh ánh mắt dòm ngó của người khác; các công trình phụ (chuồng bò, chuồng heo, bếp, nhà vệ sinh...) thường ẩn trong những tàng cây, vừa kín đáo, lịch sự vừa mát mẻ.

Gia đình nghèo, người bình dân thường ở nhà tranh tre, vách đất hoặc nhà lá (lá dừa), những nơi thôn dã chưa ổn định thì dựng tạm *chòi lá* hoặc *chòi tranh*. Làng Hiệp Phước xưa cũng có nhiều nhà lợp mái bằng rom, dựng vách bằng đất trộn rom, trấu, có thể có thêm mật mía để tăng thêm độ bền chắc. Gia đình khá giả, có điều kiện hay điền chủ, quan lại xây dựng nhà ngói vách ván bồ kho; khi tiếp xúc kỹ thuật châu Âu có một số gia đình khá giả xây nhà gạch mái ngói, mái tôn hoặc nhà bê tông mái bằng (mái đúc). Mái ngói được lợp theo kiểu âm dương hai lớp.

Năm 1998, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Trường Đại học nữ Chiêu Hòa (Nhật Bản) tổ chức khảo sát nhà cổ trong toàn tỉnh Đồng Nai. Qua đợt khảo sát, xác định cả tỉnh có 401 ngôi nhà đủ tiêu chí công nhận là nhà cổ, có niên đại xây dựng từ 100 năm trở lên; trong đó huyện Nhơn Trạch có 132 nhà, chiếm tỉ lệ 32,9%. Xã Hiệp Phước được nhận định là địa phương còn bảo tồn, gìn giữ nhiều nhà cổ nhất trong toàn tỉnh với 89 ngôi nhà cổ, vượt qua cả hai làng cổ Phú Hội, Phước Thiện (đều có 16 nhà). Qua nghiên cứu cũng cho thấy làng Hiệp Phước xưa có sự phân hóa giàu nghèo rất rõ nét thông qua tình trạng nhà ở.

Theo kiến trúc xây dựng, nhà ở của người Hiệp Phước gồm các kiểu chính: Nhà xông, nhà chái, nhà sắp đọi, nhà sắp đọi biến

thể thành nhà chữ Nhị, nhà chữ Tam; nhà chữ Đinh (Đinh thuận, Đinh nghịch). Xét về kỹ thuật, có thể phân loại theo nhà rường, nhà rội (nhà nọc ngựa: biến thể của nhà rội).

Không gian sinh hoạt trong nhà thường phân bố thành hai phần: Các thành viên trong gia đình sinh hoạt ở *nhà sau (nhà bên)*. *Nhà trước (nhà trên)* là nơi thờ phượng, tiếp khách. Khách thân, sơ, sang, hèn đều được tiếp ở nhà trước. *Bàn thờ gia tiên* đặt ở sát vách, ngang cây đòn giông nhà ở gian giữa. Đối diện là *bàn khách* (bàn dài hoặc bàn tròn). Hai bên là *bộ ván ngựa* để khách nghỉ ngơi. Tùy độ sang hèn mà tử thờ, ván ngựa bằng gỗ quý hay gỗ thường, cũng tùy giàu nghèo mà bày thêm các vật trang trí khác. Những nhà khá giả thường treo nhiều *liễn đối, hoành phi* sơn son thếp vàng, có tử bày đồ cổ, quý hiếm. Người Hiệp Phước thích đặt hoành phi có đại tự “ĐỨC LƯU PHƯƠNG” hoặc “PHÚC LỘC THỌ”; thích các cặp đối “*Tổ công phụ đức thiên niên thịnh. Tử hiếu tôn hiền vạn đại vinh*”, hoặc “*Tiền tài như phấn thổ. Nhơn nghĩa tựa thiên kim*”; số lượng hoành phi, cặp đối như trên chiếm phần lớn.

Nhà cổ cũng là nét đẹp văn hóa, thể hiện giá trị của người Việt. Các nhà cổ tiêu biểu ở Hiệp Phước độ trăm tuổi trở lên, được xây dựng theo lối kiến trúc phổ quát ở địa phương, nhưng mỗi nhà đều chăm chút về mỹ thuật, vật liệu xây dựng, bày trí nội thất, phối cảnh, nhất là bàn thờ tổ tiên tạo cho ngôi nhà có giá trị riêng trong vẻ đẹp chung. Vì vậy mà các thế hệ tiếp nối của gia đình xem đó là vô giá, cố gắng giữ gìn để tồn tại trong thời nông thôn mới, đô thị hóa.

Một số nhà cổ tiêu biểu ở Hiệp Phước như:

- Nhà cổ Phan Văn Cải: Là công trình nhà ở còn bảo lưu được tính nguyên vẹn so với lúc tạo lập. Tất cả hạng mục trong nhà như nhà trên, nhà ngang, nhà bếp, khuôn viên vườn nhà cho đến đồ trang trí, đồ dùng sinh hoạt... đều được giữ gìn gần như nguyên vẹn, thể hiện được truyền thống văn hóa của vùng đất, con người Nam Bộ. Nhà chính rộng khoảng 186m², tọa lạc trong khuôn viên đất 2.500m². Nhà thiết kế dạng chữ Đinh thuận, nền cao 20cm lát gạch tàu, mái ngói âm dương, riêng nhà trên có 36 cây cột bằng gỗ đỏ đường kính trên 30cm, 6 cây hàng cột giữa cao nhất lên đến 5,5m, đòn tay, rui mè đều làm bằng cây bằng lăng, chạy gờ nổi, vì kèo tạo dáng cong thanh thoát, cuối mỗi đoạn kèo tạc đẽo lá dung vươn dài làm nhịp đỡ đoạn kèo phía sau, đuôi kèo chạm trở hình đuôi cá vươn dài.

Theo lời kể của gia đình, nhà do ông Phan Văn Truyền xây dựng năm 1880. Ông Truyền chỉ là một nông dân bình thường trong làng, nhờ siêng năng chịu khó, cần cù và biết tích lũy nên dần dần dùm được tiền dựng nhà, sau đó các thế hệ con cháu giữ gìn, tu bổ và mua sắm thêm nhiều vật dụng để ngôi nhà thêm bề thế. Đến đời cháu là ông Phan Văn Đương làm Hương cả của làng thì gia đình đã được xếp hạng phú gia nên bổ sung khá nhiều đồ cổ, tất cả đều được giữ gìn nguyên vẹn cho đến nay. Trong đó, nổi bật là ba bộ tủ thờ chạm trở, cẩn xà cừ các đề tài: mai - điểu, tùng - lộc, vinh quy bái tổ, tuồng tích xưa; 11 bức hoành phi, 8 cặp liên đối sơn son thếp vàng, cẩn xà cừ công phu; những chiếc bình gốm cổ do ông Phan Văn Đương sưu tầm...

- Nhà cổ Phạm Văn Lẹo: Nhà được ông Phạm Văn Lúa xây dựng năm 1890. Tương tự như ông Phan Văn Truyện, ông Lúa cũng là nông dân bình thường, nhờ cần cù tích lũy mà tạo dựng được ngôi nhà kiên cố, bề thế từ tốp lều tranh ban đầu. Theo lời kể của gia đình, nhà xây dựng trong suốt hai năm mới hoàn thành, đích thân ông Lúa đến vùng Bàu Cạn (Long Thành) để chọn các loại cây quý như gỗ đỏ, gỗ hương, cẩm lai, mật để dựng nhà và làm dụng cụ gia đình, lên tận Bửu Long (Biên Hòa) để chọn từng tảng đá xanh kê cột, làm cối xay. Nhà thiết kế dạng chữ Đinh có diện tích khoảng 200m² (chưa kể nhà dưới và công trình phụ) trong khuôn viên rộng 1.500m², nền bằng đá ong cao 30cm, mái ngói âm dương, cũng có 36 cây cột bằng gỗ đỏ đường kính lên đến 35cm, cửa chính bằng gỗ được chạm trổ công phu. Tuy nhiên, nhà không có hệ thống hoành phi, câu đối như nhà ông Phan Văn Cải.

- Nhà cổ Nguyễn Văn Linh: Nhà do ông Nguyễn Văn Linh xây dựng từ năm 1940, tuy có niên đại ngắn nhưng ngôi nhà là một dạng tiêu biểu cho nhà cổ vùng Nhơn Trạch. Ông Linh cũng là điển hình nông dân cần cù dựng nghiệp. Nhà dựng trong hai năm, do ông Linh tự tay chọn cây gỗ quý ở vùng Long Khánh và đá xanh vùng Bửu Long, cùng với đội ngũ thợ miền Tây 10 người được chủ nuôi cơm ngày ba bữa, tính công hằng ngày. Nhà thiết kế kiểu sắp đọi, nhà chính diện tích 180m², nhà phụ khoảng 40m², diện tích khuôn viên nhà 1.000m². Móng nhà gia cố bằng xà cừ và đá ong cao 30cm, lát gạch tàu, mái ngói âm dương, hệ thống vì kèo bằng gỗ bằng lạng, chạm trổ công phu theo các mô típ quen thuộc.

- Nhà cổ Lê Thành Tôn: Nhà được xây dựng năm 1880, do ông cố của chủ gia hiện nay xây dựng, nhưng gia đình không còn ai nhớ về quá trình tạo dựng cũng như lịch sử của ngôi nhà. Nhà thiết kế dạng chữ Đinh, diện tích 240m², nền đá ong, mái ngói âm dương, có đến 50 cây cột bằng gỗ đỏ, hoa văn được chạm trổ thủng trên hai cánh én nhà theo nguyên tắc đối xứng, rất mỹ thuật. Nhà còn giữ được nguyên bộ bàn thờ chạm trổ công phu cùng các đồ tự khí, hệ thống hoành phi, liễn đối sơn son thếp vàng và cẩn xà cừ, Tuy nhiên, một số cây cột đã bị mục nát, thay thế bằng cột gạch, nền nhà dưới do bị bong tróc nên lót thay thế bằng gạch men, hàng hiên hai bên chái cũng bị dỡ bỏ do hư hỏng bởi thời gian và mối mọt.

Về văn hóa nghệ thuật:

Văn hóa nghệ thuật là thành quả lao động sáng tạo của người Nhon Trạch nói chung và Hiệp Phước nói riêng, được hình thành trong quá trình tích hợp, cộng sinh của người Việt gốc Trung Bộ, Bắc Bộ với cư dân bản địa, phản ánh và cải biến theo sự phát triển kinh tế xã hội ở địa phương; rõ nét ở văn hóa nghệ thuật dân gian, ít sản phẩm văn hóa nghệ thuật bác học và chuyên nghiệp.

Là địa bàn của ba ngôi làng cổ hợp lại, trải qua quá trình hình thành, tạo dựng hàng trăm năm, Hiệp Phước cũng tích lũy được không ít các loại hình văn học dân gian mang màu sắc địa phương, như: chuyện kể dân gian, ca dao, hát ru, hò vè...

Chi hội Văn nghệ dân gian tỉnh Đồng Nai sau nhiều năm nghiên cứu, điền dã đã ghi nhận được ba câu chuyện kể dân gian có liên quan đến các địa danh, di tích của vùng Hiệp Phước. Nổi bật là câu chuyện về cây vên vên ở làng Phước Lai (hiện nay cây

không còn nữa)¹. Một chuyện khác cũng được nhiều người lớn tuổi ở Hiệp Phước biết và kể lại, đó là chuyện cây cóc. Hiện nay cây cóc thiêng này cũng không còn. Ở làng Phước Lai còn có câu chuyện về Thần Hồ. Xưa kia nơi này có một ngôi miếu thờ Thần Hồ, rất linh thiêng. Trước khi cúng đình làng, người dân địa phương đều sửa lễ vật cúng Thần Hồ vào ngày 19.4 âm lịch hằng năm. Lễ vật cúng gồm mấy lá sớ gói trong giấy hồng đơn, một đầu heo sống (thủ vĩ). Sau khi trình cúng tại miếu, lễ vật được đem ra ngoài rừng để. Nếu qua hôm sau mà thủ vĩ mất, tờ sớ mới viết mất nhưng tờ sớ của năm ngoái xuất hiện trên mâm thì người dân tin là Thần Hồ đã về chứng lễ. Nếu thủ vĩ không mất, dân làng phải đem đầu heo về, lại cúng đầu heo mới; nếu sau ba ngày đêm mà thủ vĩ vẫn còn nguyên tức là năm đó Thần Hồ không chứng, không nhận lễ vật, người dân phải đem sớ đốt đi và đem đầu heo chôn².

Thơ ca dân gian lưu truyền ở Hiệp Phước khá phong phú. Đó là lời ca đọng lại từ những khúc hát trữ tình, lâu dần thành câu nói cửa miệng. Một số bài ca dao có nguồn gốc từ vùng Thuận Quảng, theo hành trang của người Việt đến Hiệp Phước, lưu truyền bằng hình thức truyền khẩu qua rất nhiều thế hệ rồi ngẫu nhiên trở thành “tài sản” của vùng đất mới.

Một trong những bài ca dao khá phổ biến ở Hiệp Phước là:
*Chim đa đa đậu nhánh đa đa/ Chồng gần không lấy mà lấy chồng xa/
Mai sau cha yếu mẹ già/ Bát cơm không ai đỡ, kỷ trà không ai dung.*³

1 Theo lời kể của ông Phan Văn Tòng, ngụ ấp Hai xã Hiệp Phước.

2 Theo lời kể của ông Lê Hiệp Này, ngụ ấp Bốn xã Hiệp Phước.

3 Theo bà Quách Thị Nói, ngụ ấp Bốn xã Hiệp Phước.

Hò, đặc biệt là hò cấy khá phong phú ở Hiệp Phước - một làng cổ thuần nông. Ở Hiệp Phước, một diện tích ruộng đất lớn thuộc sở hữu của gia đình Tri phủ Lê Văn An và vài địa chủ khác, vì thế việc cấy, gặt đều khoán cho các vạn cấy, tức những người thầu chuyên tập hợp lao động đi làm thuê. Khi thuê người, các vạn cấy đều chú ý lựa chọn vài người biết hò, nhất là hò đối đáp để bớt phần mệt nhọc lúc làm việc. Một trong những bài hò mang màu sắc địa phương là: *Tiếng trống chùa Long Tân vội đổ hòa với tiếng chuông chùa Long Hương/ Hỡi người thương ở lại, gái hiền lương em chân dòi.*

Tục ngữ, phương ngôn:

Người Hiệp Phước kế tục vốn tri thức và tiếng nói của cha ông ở nguyên quán hợp với cuộc sống rộng mở và tinh thần lạc quan cho nên đúc kết kinh nghiệm sống bằng tục ngữ, phương ngôn lưu truyền trong cộng đồng. Đó là những kinh nghiệm trong việc sản xuất từ việc dự báo thời tiết, mùa vụ đến việc chọn giống nuôi trồng, hoặc khái quát về giới thiệu sản vật địa phương.

Nghệ thuật diễn xướng:

Ở Hiệp Phước không thấy có làn điệu dân ca nào đặc thù nhưng lại có gần như đủ giọng dân ca của xứ Trung, xứ Bắc, quan họ, ca Huế, ví dặm. Các bà má ở đây đều biết hát ru. Các bài hát ru quen thuộc đều có tính biểu cảm và tính giáo dục.

Trong đó, lý là hình thức diễn xướng những câu hát ngắn, ngẫu hứng thành làn điệu. Theo ký ức của người cao tuổi¹, ngoài

1 Theo tài liệu sưu tầm của nhóm Huỳnh Văn Tới, Huỳnh Ngọc Trảng, Phan Đình Dũng, năm 1998.

các bài lý phổ biến ở Nam Bộ, Nhơn Trạch từng có bài *Lý Nhơn Trạch*, âm điệu thế nào không rõ, chỉ còn lại phần lời không đầy đủ:

Gạo Đàng Ngoài: Bảy tiền một bát

Gạo Đàng Trong: Bảy bát một tiền

Anh không tin thì anh vô Nhơn Trạch mà coi

Có quân tập trận có chòi bắn bia

Có con ngựa hồng mao tiền mao hậu

Quan võ thầy đầu đội mào đai.

Bên cạnh đó, kể về cũng là nghệ thuật diễn xướng quen thuộc của người Hiệp Phước. Đó là hình thức diễn xướng tự sự bằng lời “nói vãn” có gõ nhịp hoặc không gõ nhịp, nhằm thể hiện các bài vè, truyện thơ, tích tuồng thuộc nằm lòng. Ở Hiệp Phước xưa lưu truyền nhiều bài vè. Có những bài vè quen thuộc (nguyên bản hoặc dị bản) lưu truyền cả nước, như: *Vè Chàng Lía*, *vè Thông Chánh*, *vè Con cút*, *vè Bài tới*, *vè Con gái lấy thợ câu cua*, *vè Nói ngược*, *vè Nói dóc*, *vè Trăm thứ bánh*. Có những bài vè ứng tác tại địa phương kể về các sự việc đáng chú ý trong đời thường, như: *Bài vè Bạch Nhạn*, *Vè dạy vợ*¹, *Vè say rượu*², *Vè đám cưới*³, *Vè nói ngược*, *Vè bài cao...*

Hiệp Phước cũng thịnh hành Đờn ca tài tử, là dạng sinh hoạt của các nhóm theo nghiệp đờn ca bài bản tài tử có nguồn gốc từ nhạc sư Ba Đới (Nguyễn Quang Đại) phổ biến ở Nam Bộ từ đầu

1 Theo lời kể của bà Tư Nhung ở ấp Năm xã Hiệp Phước.

2 Theo lời kể của ông Lưu Văn Nôi, ngụ ấp Bốn xã Hiệp Phước.

3 Theo lời kể của bà Nguyễn Thị Xuyên ở ấp Hai xã Hiệp Phước.

thế kỷ XX. Ở Hiệp Phước xưa có nhiều người theo học các thầy đờn ca tài tử tại Sài Gòn, Cần Đước về lập nhóm, sắm nhạc, họp thành ban nhạc, đờn ca các bài bản cổ điển. Hầu như làng nào cũng có những nhóm đờn ca tài tử, có lúc do chiến tranh nên đứng trước nguy cơ mai một, nhưng đến nay đã được khôi phục mạnh mẽ, thường tổ chức biểu diễn tại địa phương hoặc giao lưu với nhiều nơi khác.

Tín ngưỡng dân gian:

Người Hiệp Phước đa số có nguồn gốc từ vùng Ngũ Quảng và Đàng Ngoài vào lập làng, sớm nhất từ khoảng cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII. Vào quê mới, lưu dân mang theo phong tục tập quán, tín ngưỡng của quê cũ. Trong đó, đình miếu là nơi thể hiện rõ nét hoạt động tín ngưỡng, chiếm vị trí quan trọng, giúp người dân thêm niềm tin vượt qua khó khăn nơi vùng đất mới.

Ba làng cổ Mỹ Khoan, Phước Kiểng, Phước Lai đều có đình. Chưa có tư liệu thành văn nào ghi chép về niên đại xây dựng các đình. Dân làng truyền khẩu: Xưa kia có hai anh em ông Đình Văn Khê (còn gọi là Hồng) quê ở Thanh Hóa vào vùng Hiệp Phước ngày nay sinh sống, khai lập cơ nghiệp; người anh ở vùng Phước Lai, cùng dân làng lập nên đình Phước Lai và sau này trở thành Tiên hiền được thờ tại đình; người em cùng dân chúng khẩn hoang khai phá vùng Phước Kiểng đã cùng nhau vận động xây đình cho làng, ban đầu gọi là đình Phước Kiến, sau vì lý do kiêng cũ, phạm húy nào đó mà gọi trại ra là Phước Kiểng, sau đó ông cũng được tôn là Tiên hiền và thờ tại đình.

Về đình Mỹ Khoan, các vị cao tuổi trong làng cho rằng đình được xây dựng năm 1812, trùng tu năm 1842. Đình có sắc phong

của vua vào năm Tự Đức ngũ niên (năm 1853), nên từ đó suy ra đình phải có trước thời điểm sắc phong khá lâu mới đủ tính thiêng. Cũng theo các cụ bô lão, đình thờ Thành hoàng bốn cảnh, có phối thờ ông Tiên hiền Đào Văn Tiềm là người có công đưa lưu dân đến đây lập làng.

Như bao đình làng Nam Bộ khác, ban đầu các đình xây dựng khá đơn sơ nhằm đáp ứng tín ngưỡng của người dân trong buổi đầu khai phá, lập làng. Trải qua thời gian, khi đời sống người dân ngày càng khá giả hơn mới đóng góp xây dựng, tu bổ thêm cho đình có diện mạo như hiện nay. Các đình đều được xây dựng trên vị trí cao ráo theo đúng phong thủy, mặt chính hướng ra lộ để người dân thuận tiện đến lễ bái. Khuôn viên đình nào cũng được trồng nhiều cây sao, dầu là loại cây bản địa, qua thời gian đã trở thành những cỗ thụ che bóng mát cho ngôi đình. Về kết cấu tổng thể, các đình đều có nhà võ ca, võ quy, chánh điện, nhà khách, bố trí theo dạng sắp đội tạo thành một quần thể. Phía trước đình đều có khoảng sân rộng để có thể tập trung đông người, có bức bình phong Ông Hồ, có miếu bên phải thờ Ngũ hành nương nương; riêng đình Phước Lai có thêm miếu thờ Bạch mã thái giám. Xung quanh chánh điện các đình có thờ Thần Hồ, Thần Nông, Thổ Địa, nhà bia liệt sĩ. Đình nào cũng được lợp ngói âm dương như những ngôi nhà trong làng, mái xòe ra bốn phía theo mặt dốc nghiêng, tạo nên nét cổ kính. Hiện chỉ còn đình Mỹ Khoan còn giữ nguyên các cấu kiện bằng gỗ, các đình còn lại do hư hỏng nên đã thay một số cột gỗ bằng cột gạch.

Về bài trí trong đình, xưa kia đình Phước Kiển có một long đình trong chánh điện rất đẹp, một chiêng đồng khi đánh vang rất

xa, tương truyền do ông Đào Trí Phú cúng, nhưng đã bị mất trong giai đoạn Pháp xâm lược. Trước đây các đình đều có bàn thờ bằng gỗ, đồ tự khí bằng đồng, hoành phi, liễn đối đều bằng gỗ, viết chữ Hán, sơn son thếp vàng vừa uy nghiêm vừa lộng lẫy, nhưng trải qua chiến tranh tàn phá, có đình bị đốt, có đình bị quân Pháp chiếm làm đồn bót nên hầu hết các hiện vật quý bị mất, sau này dân làng có bổ sung nhưng không còn được như trước, yếu tố gốc của hiện vật không còn đảm bảo. Trừ đình Mỹ Khoan giữ được khá nhiều các bức hoành phi cổ, liễn đối chữ Hán, các đình khác đều là tạo mới sau này, ngay cả các bực thờ gỗ cũng thay bằng bực xi măng, các liễn đối ở nhà võ ca, võ quy cũng là đúc xi măng chạm nổi chữ rồi sơn lên.

Theo tập tục, các đình ở Hiệp Phước hằng năm đều tổ chức cúng Kỳ yên cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Mỗi đình có ngày cúng lễ Kỳ yên riêng. Đình Phước Kiển cúng ngày 12 tháng Chạp, đình Phước Lai cúng ngày 11 tháng Chạp, đình Mỹ Khoan cúng ngày 16.11 âm lịch. Nghi thức tế lễ các đình đều giống nhau, cả ba đình đều giữ y lệ từ xưa truyền lại là cúng đình có thể biểu diễn đờn ca tài tử hay múa lân nhưng không thỉnh hát bội, chưa có lý giải chính xác nào về điều này.

Hiện nay đình Mỹ Khoan còn giữ được sắc phong của vua Tự Đức, lưu giữ tại nhà của ông Nguyễn Văn Chép, thành viên Ban Quý tế. Sắc làm bằng giấy kim tiên, nội dung như sau:

Sắc Mỹ Khoan thành hoàng chi thân, nguyên tặng Bảo an, Chánh trực, Hựu thiện chi thân, Hộ quốc tí dân, nhẫm trữ linh ứng.

Tứ kim, phi ứng cảnh mệnh, miễn niệm thần hựu, khả gia tặng Bảo an Chánh trực Hữu thiện Đôn ngưng chi thần.

Nhưng chuẩn Long Thành huyện, Mỹ Khoan phủ, y cựu phụng sự thần. Kỳ tương hựu bảo ngã lệ dân.

Khâm tai!

Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị thập cửu nhật.

Tạm dịch nghĩa như sau:

Sắc phong thần Thành hoàng làng Mỹ Khoan, nguyên trước đây đã được ban tặng là thần Bảo an, Chánh trực, Hựu thiện. Thần luôn bảo vệ đất nước, che chở nhân dân, từng biểu hiện nhiều điều linh ứng.

Trẫm nay vâng mệnh trời, lòng luôn ghi nhớ công đức. Thần khả gia tặng là thần Bảo an, Chánh trực, Hựu thiện, Đôn ngưng.

Vãn chuẩn y cho phủ Mỹ Khoan, huyện Long Thành theo lệ cũ phụng sự thần.

Thần khá tiếp tục giúp đỡ, bảo hộ cho con dân.

Năm Tự Đức thứ Năm, ngày 29 tháng 11 Âm lịch (nhằm ngày 14.1.1853 Dương lịch).

Miêu (hay miễu) cũng là một trong những cơ sở tín ngưỡng quan trọng, không thể thiếu trong tâm linh người Việt. Hiệp Phước có bốn ngôi miếu: miếu Chòm Dầu, miếu Cầu Ngang áp Một, miếu Ông, Miếu Bà (ở Phước Lai). Các miếu đều có diện tích nhỏ, xây dựng đơn giản, riêng miếu Ông và miếu Bà xây dựng chung trong một khuôn viên. Miếu Ông và Miếu Bà trên thượng lương có chạm nổi chữ Hán: Tự Đức nhị niên tuế thứ Kỷ Dậu trọng đông nguyệt nhị thập cốc kính tạo (Được tạo vào ngày 20

tháng trọng đông năm Kỷ Dậu, đời Tự Đức thứ Hai (năm 1849)). Miếu bà Chòm Dầu trước kia do bà Phan Thị Kỷ hiến 6 sào đất để lập miếu ở ấp Phước Lộc, huyện Long Thành, sau này mới dời về Hiệp Phước. Miếu Cầu Ngang không rõ năm xây dựng.

Đối tượng thờ chính của các miếu đều là Ngũ hành nương nương: Kim đức thánh phi, Mộc đức thánh phi, Thủy đức thánh phi, Hỏa đức thánh phi, Thổ đức thánh phi. Ngoài ra, các miếu còn phối thờ Thiên Y A Na, Bà Chúa Xứ, Bà Chúa Ngọc, Ông Hồ, Tả ban, Hữu ban. Các miếu có ngày cúng riêng: miếu Chòm Dầu cúng ngày 22 tháng Chạp, miếu Cầu Ngang cúng ngày 2.2 âm lịch, miếu Ông và miếu Bà cúng ngày 19.4 âm lịch. Nghi thức cúng miếu là giống nhau.

Người Hoa có mặt ở Hiệp Phước khá sớm nhưng ở số ít, ban đầu sinh sống chủ yếu ở khu vực ấp Một xã Hiệp Phước và xã Phước Thiên, nhưng sau dần chuyển hết về Phước Thiên. Khoảng năm 1895, đồng bào người Hoa trong khu vực góp công góp của xây dựng miếu Quan Thánh - vị thần trong tín ngưỡng của người Hoa. Miếu Quan Thánh mang đặc trưng chung của miếu người Hoa ở Nam Bộ: mái lợp ngói ống, trên nóc mái có gắn các tượng gốm, tường xây gạch, trụ cột, ngạch cửa bằng đá xanh, hệ thống cột chính vuông bằng gỗ, kèo được cách điệu bằng những ô văn hình học. Miếu trải qua hai lần trùng tu vào năm 1990 và 2001. Ngoài thờ Quan Thánh, miếu còn thờ Thiên Hậu nương nương là vị nữ thần của người Hoa. Vía Ông diễn ra vào ngày 24.6 âm lịch, lễ cúng Kỳ yên ngày 16.11 âm lịch, lễ ngày Quan Thánh thăng thiên là 13 tháng Giêng. Hiện người Hoa không còn sinh sống ở

Hiệp Phước, Ban trị sự miếu là người ở thị trấn Long Thành và xã Phước Thiện.

Về tôn giáo, ở Hiệp Phước có hai tôn giáo chính là đạo Phật và đạo Cao Đài. Phần lớn người dân Hiệp Phước theo tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, chỉ có khoảng 4,1% dân số theo đạo Phật, 2,1% dân số theo đạo Cao Đài.

Đạo Phật hình thành ở Hiệp Phước từ lúc nào không rõ, hiện trên địa bàn có bốn ngôi chùa (ba chùa theo hệ phái Bắc tông và một chùa theo hệ phái Nam tông) gồm: chùa Phước Hưng, chùa Quang Mỹ, Chùa Long Hoa và chùa Phước Quang. Trong đó, căn cứ vào kiến trúc, nền móng bằng đá ong và hệ thống cột, rui mè gỗ còn sót lại mà suy đoán rằng chùa Phước Hưng ở Phước Lai có niên đại lâu đời nhất, có thể từ lúc mới lập làng. Theo lời kể của các bậc cao niên trong làng, chùa Phước Hưng trước đây rất lớn, toàn bộ vật liệu đều bằng gỗ, mái ngói âm dương, có nhiều tượng bằng gỗ mít tạc rất mỹ thuật. Nhưng do chiến tranh, chùa bị tàn phá chỉ còn lại một số cột kèo, tượng Phật, đến năm 2007 còn bị trộm mất một số hiện vật quý như đại hồng chung, chuông gia trì, lư hương, tượng Phật Địa Tạng. Hiện chùa đã được trùng tu khang trang nhưng những hiện vật quý xưa kia còn lại khá ít ỏi.

Chùa Quang Mỹ có diện tích khoảng 600m² tọa lạc trong khuôn viên rộng gần 2 hecta, do ông Tri phủ Lê Văn An và vợ là bà Nguyễn Thị Lâu tạo dựng năm 1925. Ban đầu chùa chỉ có Chánh điện và Hậu tổ xây bằng gạch thẻ tô vôi, ô dước, móng bằng đá xanh, nền lót gạch tàu, mái lợp ngói âm dương. Sau các lần trùng tu vào năm 1990, 1993, chùa có thêm giảng đường và một số công trình khác. Trước chùa có tượng Quan Âm đặt lộ

thiên, xung quanh trồng nhiều cây cảnh, cỏ thụ mát mẻ. Trong chùa có tượng thờ Thích Ca Mâu Ni, Quan Công, Ngọc Hoàng, Tam thế Phật bằng gỗ mít, ngoài khoác y dát vàng, một đại hồng chung đúc năm 1926. Phía sau chùa là khu mộ cổ của ông bà Tri phủ. Chùa trải qua các đời trụ trì: Hòa thượng Hoảng Đạo, cư sĩ Cả Hiền, Hòa thượng Thích Chí Hảo, ni sư Thích Nữ Như Thuận.

Chùa Long Hoa thuộc làng Mỹ Khoan do bà Hai Hồng xây trên đất nhà năm 1970, cho cha là ông Phan Văn Phạn trụ trì. Ban đầu chùa khá nhỏ theo kiểu tu tại gia, hai năm sau được xây dựng thêm, tu bổ thường xuyên đến nay khá khang trang, được Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai công nhận. Chùa có diện tích xây dựng khoảng 290m², khung nhà bằng sắt, mái lợp tôn, tường xây, cột bê tông. Chánh điện bài trí đơn giản, thờ Tam thế Phật bằng xi măng, phía trước đặt đại hồng chung. Buổi tối một số phật tử thường đến đây niệm kinh. Chùa do Đại đức Thích Huệ Đức trụ trì, cùng hai cư sĩ chăm lo hương khói, phật sự.

Chùa Phước Quang là ngôi chùa duy nhất ở Hiệp Phước thuộc hệ phái Nam tông, do gia đình Đại đức Thích Chơn Quang xây dựng năm 1999. Ban đầu chùa chỉ là am nhỏ để Đại đức tu trì, đến năm 2003 xây dựng thêm nhà Tổ, sau đó xây thêm Chánh điện, được Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai công nhận năm 2006. Hằng năm chùa tổ chức lễ Dâng y vào ngày 17.10 âm lịch, nhiều phật tử trong vùng đến tham dự.

Đạo Cao Đài ra đời ở Hiệp Phước năm 1957, do một số chức sắc của Hội Thánh Tiên thiên Tòa thánh Châu Minh (tỉnh Bến Tre) về vùng Hiệp Phước xây dựng ngôi Thánh tịnh và bắt đầu truyền đạo. Thánh tịnh lấy tên là Ngọc Linh, thuộc hệ phái Cao

Đài Tiên thiên. Từ năm 1958 đến năm 1960, Chánh điện Phật mẫu được xây dựng gồm hai tầng, kế bên là nơi nghỉ ngơi của nữ phái, năm 1960 xây dựng đền thờ Đức Chí tôn, năm 2007 trùng tu một số hạng mục. Đến nay Thánh tịnh Ngọc Linh có diện tích khoảng 300m², tọa lạc trong khuôn viên rộng 1.250m²; được thiết kế hai tầng lầu, nền lót gạch hoa. Trong kiến trúc của thánh tịnh có điểm khác biệt với thánh thất Cao Đài Tây Ninh: thánh tịnh chỉ có một tòa nhà nằm sâu so với trục lộ, còn thánh thất gồm hai tòa nhà song song và nằm cặp theo sát trục lộ. Khi mới hình thành ở Hiệp Phước, số lượng tín đồ Cao Đài tương đối ít ỏi, những năm sau đó dần tăng lên.

Trạm y tế Hiệp Phước: Trước năm 1975, trên địa bàn Hiệp Phước có 2 trạm y tế, đó là Trạm y tế Phước Lai và Trạm y tế Phước Kiển. Năm 1994 khi xã Hiệp Phước ra đời trên cơ sở sáp nhập 2 xã Phước Lai và Phước Kiển, Trạm y tế Phước Lai trở thành Trạm y tế xã Hiệp Phước, còn Trạm y tế Phước Kiển làm nơi hoạt động của Trung tâm y tế huyện. Thời điểm đó, Trạm y tế Hiệp Phước có 3 phòng: phòng sinh, phòng sơ cấp cứu, phòng trực với diện tích 80m². Từ năm 1997 đến năm 2003, Trạm y tế xã dời về khu phố Mỹ Khoan. Từ năm 2003 Trạm y tế xã Hiệp Phước được đầu tư xây dựng mới tại khu phố Phước Kiển, đối diện với trụ sở Ủy ban nhân dân xã, với tổng diện tích 328m², có 14 phòng chức năng, 5 giường bệnh. Trạm hiện có 8 biên chế, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và nhân dân, đồng thời làm công tác phòng chống dịch trên địa bàn.

Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Hiệp Phước: Năm 1984, xã Hiệp Phước được thành lập trên cơ sở sáp nhập xã Phước Lai

và xã Phước Kiển. Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển trở thành trụ sở của Ủy ban nhân xã Hiệp Phước. Do cơ sở vật chất của Ủy ban xã ngày càng xuống cấp, năm 1998, địa phương đã đầu tư xây dựng lại. Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Hiệp Phước hiện tọa lạc tại khu phố Phước Kiển, nhiều lần được nâng cấp và xây mới thêm các phòng làm việc.

Các cơ sở giáo dục: Trước năm 1975, trên địa bàn Hiệp Phước chỉ có 2 trường tiểu học, đó là Trường Tiểu học Phước Kiển và Trường Tiểu học Phước Lai. Sau ngày đất nước thống nhất, địa phương thành lập Trường Mẫu giáo Phước Kiển. Năm 1994, trên địa bàn Hiệp Phước có thêm cấp 2 nhưng không thành lập trường cấp 2 riêng mà thành lập Trường Phổ thông cơ sở Hiệp Phước (gồm cấp 1 và cấp 2) và 1 trường mẫu giáo (có 3 cơ sở ở ấp Một, ấp Hai và ấp Bốn). Năm 1997 đến nay, địa phương xây dựng thêm 2 trường mầm non. Hiện nay, thị trấn Hiệp Phước có 5 trường, cụ thể như sau:

Trường Tiểu học Phước Lai: được tách ra từ Trường Tiểu học Hiệp Phước vào ngày 1.7.2015 theo Quyết định số 2360/QĐ của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch. Trường Tiểu học Phước Lai được xây mới tại khu phố Phước Lai. Từ khi thành lập đến nay nhà trường luôn hoàn thành nhiệm vụ phổ cập tiểu học đúng độ tuổi trên địa bàn.

Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước được thành lập theo Quyết định số 213/QĐ.TC ngày 1.8.1997 của Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Đồng Nai trên cơ sở chia tách từ Trường Phổ thông cơ sở Hiệp Phước thành 2 trường: Tiểu học Hiệp Phước và Trung học cơ sở Hiệp Phước.

Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước được xây dựng trên diện tích đất 10.000m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q.722435. Vị trí sơ khai của trường là khu vườn tràm nằm ở phía sau trung tâm học tập cộng đồng, cơ sở vật chất của trường được xây dựng đầu tiên là những phòng học cấp 4. Khi mới chia tách, trường có 14 lớp với 657 học sinh. Đến năm 2006, trường được xây thêm 10 phòng học cao tầng, năm 2015 trường được tiếp tục đầu tư xây dựng giai đoạn 2 với đầy đủ khối phòng học, khu hiệu bộ, các phòng chức năng khác, trang bị thiết bị, đồ dùng dạy học. Năm 2019 trường được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mở rộng theo Quyết định số 5888/QĐ-UBND ngày 31.10.2019 trên diện tích đất là 4.131 m² gồm một dãy lầu 4 tầng với 20 phòng học và đã được đưa vào sử dụng vào tháng 1.2022. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 14.3.2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; được công nhận trường trung học cơ sở đạt chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 3 vào năm 2018 theo Quyết định số 479/QĐ -SGDDT ngày 3.5.2018. Hiện nay trường có 1.866 học sinh với 46 lớp. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường là 95 người, trong đó có 84 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 75% giáo viên có trình độ đại học, 23,8% giáo viên có trình độ cao đẳng sư phạm và 1,2% giáo viên có trình độ thạc sĩ. Trường có chi bộ Đảng với 51 đảng viên.

Trường Mầm non Hiệp Phước được xây dựng năm 2005. Trường có 3 điểm với tổng diện tích 5.770m². Trường có 15 lớp, hằng năm chiêu sinh 430 trẻ. Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, năm 2020 trường được tặng Bằng khen của Thủ tướng.

Trường Mầm non Phước Hiệp được thành lập tháng 7.2013, có diện tích 1.600m², gồm 4 phòng học, 2 văn phòng, 1 bếp ăn. Tháng 9.2016 tiếp nhận cơ sở 2 cải tạo từ Trường Tiểu học Hiệp Phước, gồm 5 phòng học, 1 phòng chức năng, 1 bếp ăn, diện tích 1.004m².

Trường Tiểu học Hiệp Phước được tách ra từ Trường Phổ thông cơ sở Hiệp Phước từ năm học 1997-1998 theo Quyết định số 213/QĐ-TC của Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Đồng Nai ngày 1.8.1997, đặt tại địa điểm ấp Hai (nay là khu phố Phước Mỹ). Trường có 37 lớp với 1.332 học sinh (gồm 1 điểm chính, 2 điểm phụ ở ấp Bốn và ấp Năm). Năm học 2015-2016, Trường Tiểu học Hiệp Phước được tách ra thành hai trường: Trường Tiểu học Hiệp Phước và Trường Tiểu học Phước Lai. Trước năm học 2018-2019 trường có 16 phòng học với diện tích 4.723,6m². Năm học 2019-2020, trường được xây thêm 6 phòng học. Hiện tại trường có tất cả 22 phòng học với diện tích 5.223,6m².

Danh nhân Hiệp Phước xưa:

- Đào Trí Phú: Ở xã Hiệp Phước hiện còn lưu truyền chuyện kể về danh nhân Đào Trí Phú. Đào Trí Phú¹ hiệu là Giới Tử, sinh tại làng Phước Kiểng, không rõ năm sinh, mất năm 1854. Ông nội ông là Thị giảng học sĩ Đoàn lượng. Sử liệu triều Nguyễn *Đại Nam thực lục* có ghi chép sự kiện liên quan đến Đào Trí Phú. Ông học giỏi, thi đỗ cử nhân năm Minh Mạng lục niên (1825), làm quan to dưới ba triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, từng làm đến chức Thị lang, Tham tri bộ Hộ, nhiều công lao nhưng cũng lắm

1 Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, 2004, tr.94-95.

thăng trầm. Tháng 8 năm Minh Mạng thứ 19 (năm 1838), do ông có nhiều công lao với triều đình nên cha ông được vua cáo tặng hàm Trung nghị Đại phu Thái bộc tự khanh, thụy hiệu là Hiến Tịnh; mẹ ông cũng được cáo tặng Tam phẩm Thục nhân. Về cuối đời, ông bị tai họa bởi những sự kiện rối ren dưới triều Tự Đức. Về cái chết của ông có nhiều giả thuyết, đa phần đều cho rằng bị triều đình nhà Nguyễn giết hại, nhưng không thấy tư liệu chính thức nào đề cập nên đến nay vẫn xếp vào diện tồn nghi. Công đức của Đào Trí Phú được người đời truyền tụng là một người tài đức vẹn toàn, người con hiếu thảo; di sản còn lại của ông là hai bài văn bia khắc dựng ở mộ của thân phụ và thân mẫu ở thị trấn Hiệp Phước.

Sau khi ông Đào Trí Phú mất một thời gian, người dân làng Phước Kiển lập bàn thờ ông tại đình làng, mỗi lần cúng đều thỉnh di vật của ông là bộ triều phục cùng bằng sắc vua ban mang lên đình để bái vọng. Trước năm 1945, chính quyền Pháp cử Quận trưởng quận Long Thành tên là Thục (không rõ họ) đến gia đình hậu duệ ông là ông Đào Văn Nghi, yêu cầu giao ra bộ triều phục rồi đưa cho gia đình 20 đồng bạc Đông Dương. Theo gia đình ông Nghi kể lại, khoảng năm 1956-1957 có nhìn thấy bộ triều phục này ở Viện Bảo tàng quốc gia Việt Nam (nay là Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, số 2 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh), nhưng sau này thì không còn thấy nữa. Các bằng sắc của ông Đào Trí Phú cũng bị cháy mất khi giặc Pháp đốt nhà. Hằng năm, gia tộc cúng giỗ ông vào ngày 10.4 âm lịch.

- Nguyễn Tiết Trinh: Ông là người gốc miền Trung, không rõ nguyên quán, là người đồng tông với ông Nguyễn Công Trứ. Khi vào phương Nam sinh sống, ông lấy vợ là người làng Phước Kiển, sau đó lập nghiệp tại đây. Là người có tài, ông được tiến cử lên triều đình, vua phong làm Hùng dũng tướng quân và bổ nhiệm thủ thành Bà Rịa. Năm 1861, Pháp tấn công và nã pháo dữ dội vào thành Bà Rịa, quân nhà Nguyễn vũ khí thô sơ không chống chọi được, mất thành nên ông bị triều đình triệu về Huế để trị tội. Biết ra đi là chết, ông cho thân tín đưa thư về Phước Kiển dặn dò hậu sự với con là Nguyễn Văn Chí, sau đó uống thuốc độc tự vẫn. Quan khâm sai thương tình, cho phép gia đình mang thi thể ông về mai táng, hiện phần mộ còn tại xã Long An, huyện Long Thành.

Kiến trúc mộ cổ:

Là làng cổ, trên địa bàn Hiệp Phước cũng có nhiều mộ cổ, bởi quan niệm “sống có nhà, thác có mồ” ăn sâu vào tâm thức người dân. Qua khảo sát cho thấy những ngôi mộ cổ ở Hiệp Phước phản ánh rất rõ điều kiện kinh tế, địa vị xã hội người mất cũng như phong tục tập quán của địa phương. Người giàu có, khá giả thì xây mộ nguy nga bằng đá hoa cương, đá ong, mộ hình voi phục cầu kỳ, trang trí hoa sen, bình phong, cổng vòm tam quan; người nghèo thì mộ đất đơn sơ.

Một trong những ngôi mộ cổ tiêu biểu ở Hiệp Phước là mộ song thân ông Đào Trí Phú. Khu mộ rộng khoảng gần 60m², tường bao bằng đá ong dày 45cm kết nối với nhau bằng chất liệu ô dước quý hiếm thời ấy; có cổng tam quan, hai trụ búp sen, bình phong. Mộ có hình voi phục, nằm song song nhau, phía đầu hai ngôi mộ

là hai tấm bia đá, chân đế trang trí hoa văn, trên bia là bài văn do chính ông Đào Trí Phú viết vào năm đầu Thiệu Trị, tháng 10 năm Tân Sửu (1841). Hiện khu mộ đã bị hư hại khá nhiều, bia đá bị vùi lấp chỉ còn một nửa.

Một khu mộ cổ tiêu biểu nữa là mộ ông bà Tri phủ Lê Văn An, nằm phía sau chùa Quang Mỹ. Đây là khu mộ bằng đá xanh duy nhất ở Hiệp Phước. Công trình điêu khắc khá mỹ thuật, mang đậm dấu ấn kiến trúc đầu thế kỷ XX. Tổng diện tích khu mộ là 70m², nền chân móng cao 50cm, bao quanh là hàng rào song sắt, có bậc tam cấp. Mộ có bức bình phong được thiết kế như ngôi nhà hai tầng, mái ngói ống, giữa hai tầng mái là các họa tiết rồng mây uốn lượn, tường bao (uynh thành) bằng đá chạm nổi họa tiết rồng mây cách điệu vươn mình chầu về bức bình phong; cửa mộ, sân bái đình, bình phong tiền, trụ đá chạm sen... nơi nơi tinh xảo.

Hai ngôi mộ cũng mang hình voi phục, tạc nổi hình mây uốn lượn, dưới chân chạm nổi hoa văn quyển thư. Bia mộ bà có chạm hình chim phượng trong tư thế bay kéo theo hoa văn dây lá, bia mộ ông chạm hình đầu, đuôi, thân rồng kết nối hoa văn dây lá. Trước sân bái đình có bình phong đá cũng chạm khắc hình rồng chầu mặt trời và hoa văn dây lá, giữa là bức tranh tùng lộc chạm khắc tỉ mỉ, sống động. Khu mộ còn có khắc nhiều câu đối chữ Hán. Theo ni sư Thích Nữ Như Thuận trụ trì chùa Quang Mỹ, Tri phủ Lê Văn An người làng Mỹ Khoan, làm quan phủ ở Sóc Trăng và kết duyên với bà Nguyễn Thị Lâu tại đây. Khi ông phủ mất, bà về Mỹ Khoan mua ruộng đất, xây dựng chùa Quang Mỹ với tâm nguyện làm nơi yên nghỉ cho chồng, khi bà mất người thân cũng chôn bà tại đây theo di nguyện. Khoảng năm 1980, khu mộ ông bà

bị kẻ gian đào trộm, tuy được phát hiện nên không mất gì nhưng cũng bị hư hại, nhà chùa đã tu sửa lại như hiện trạng ban đầu.

Trên địa bàn Hiệp Phước còn khu mộ khá lạ, mang màu sắc huyền bí, đó là khu mộ đen. Tổng diện tích khu mộ khoảng 70m², phía trước có hàng rào đá ong. Mộ được xây bằng đá ong và gạch thẻ phủ vôi, mặt mía, nền đá ong, có tường thành bao quanh cao 70cm, dày 40cm, có bình phong được trang trí trên mặt, giá đỡ, hai bên có hai con lân châu, có sân bái đình, tường thiết kế như quyển thư có khắc âm câu đối, họa tiết dây lá, hình người nhưng đã lu mờ. Khu mộ có hai ngôi mộ nằm song song, trên là mái che giả đắp bằng hợp chất dạng như mái ngói lưu li. Những người trong dòng tộc họ Lại ở Hiệp Phước cho biết chủ nhân ngôi mộ là ông tổ của dòng họ, nhưng người dân địa phương thấy mộ có màu đen (hợp chất phủ bên ngoài bị oxy hóa thành màu đen) nên gọi là khu mộ đen, đồng thời còn có lời đồn cho rằng chủ nhân ngôi mộ khi sống giàu có, lúc chết có chôn theo hai người mọi da đen để làm thần giữ cửa, nhiều người vào những đêm tối trời còn nghe tiếng người khóc ở đây nên rất sợ hãi. Trong thực tế, đến nay con cháu dòng họ Lại vẫn thường xuyên hương khói, chăm chút bảo quản khu mộ, hằng năm con cháu tề tựu cúng quải, tưởng nhớ tổ tiên.

Chương II

TỪ PHONG TRÀO YÊU NƯỚC ĐẤU TRANH ĐẾN KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN 1945

I. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC ĐẤU TRANH

1. Ngăn chặn thực dân Pháp xâm lược

Năm 1859 là cột mốc ghi dấu cuộc sống thanh bình của người Gia Định - Biên Hòa chuyển sang giai đoạn bất an vì gót giày xâm lược của thực dân Pháp.

Theo chính sử, quân Pháp tấn công Gia Định năm 1859, tính từ ngày 10.2 khi bắt đầu nổ súng tấn công đồn Vĩnh Tào (pháo đài Bảo Thắng) ở Vũng Tàu, 7 ngày sau quân Pháp mới đến được mục tiêu Gia Định vì phải vượt qua 12 đồn, bảo bố trí ở tuyến sông Lòng Tàu và sông Sài Gòn, do quân lính cùng dân binh địa phương quyết chiến cản bước quân thù. Các bộ lão địa phương có người còn nhớ chuyện tiền nhân kể về các trận đánh ven sông ngăn chặn bước chân xâm lược Pháp, trong đó có các trận quyết liệt ở pháo đài Lương Thiện, pháo đài Tả Định ở địa bàn Nhơn Trạch.

2. Các phong trào chống Pháp trước khi có Đảng lãnh đạo

Sau khi chiếm đóng Gia Định, quân Pháp đánh chiếm Biên Hòa ngày 18.12.1861, sau đó đưa quân tiến đánh Long Thành.

Khoảng 9 giờ sáng ngày 26.12.1861, cánh quân do đại tá Diégo chỉ huy tiến vào Long Thành để hướng về mục tiêu Bà Rịa. Khi quân địch kéo đến khu vực ấp Bà Ký thì bị quân triều đình và quân nghĩa dũng Long Thành¹ do Lãnh binh Nguyễn Đức Ứng chỉ huy dựa vào hệ thống lũy Kỳ Giang và sông Đồng Môn chặn đánh. Quân địch dùng vũ khí tối tân áp đảo. Nghĩa quân dũng cảm đánh giặc bằng gươm giáo, kéo dài trận đánh đến 2 giờ chiều, dù nhiều thương vong nhưng vẫn giữ được trận địa. Đến khi Pháp có quân tiếp viện do đại tá Leprite vượt sông Đồng Nai kéo đến, Lãnh binh Nguyễn Đức Ứng bị thương nặng, không qua khỏi, hy sinh ngày 27.12.1861. Dân làng thương cảm, đưa ông cùng 27 nghĩa sĩ về khu đất cao ở Long Thuận (nay thuộc xã Long Phước huyện Long Thành) lập mộ, hàng năm cúng giỗ, nay còn di tích². Nhiều dân binh ở địa bàn Phước Thiên, Phước Kiểng tham gia đánh trận, một số gia đình ở Hiệp Phước còn lệ giỗ nhưng không nhớ rõ họ tên.

Cuộc kháng cự của Lãnh binh Nguyễn Đức Ứng thất bại, nhưng phong trào vũ trang kháng chiến chống Pháp ở Long Thành - Biên Hòa không chấm dứt. Người Nhon Trạch - Long Thành hưởng ứng theo cờ nghĩa kháng chiến chống Pháp do ông Nguyễn Ngọc Hón (1820-1862) lãnh đạo. Khi quân Pháp chiếm Gia Định, ông Nguyễn Ngọc Hón dẫn con trai lớn là Nguyễn Ngọc Sang tham gia nghĩa quân chống Pháp. Ông được phong chức Quân

1 Trước năm 1960, địa bàn Nhon Trạch thuộc huyện Long Thành nên khi nói đến Long Thành giai đoạn này bao gồm cả Nhon Trạch

2 Mộ Nguyễn Đức Ứng và 27 nghĩa quân đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 2754/QĐ-BT ngày 15.10.1994.

trần đôn Mồng Gà (nay thuộc ấp Ký Mỹ, xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An), có tham gia trận tập kích đánh đắm tàu Primoghê ở vàm Đồng Môn Biên Hòa năm 1861. Trong trận đụng độ ngày 26.12.1861 nghĩa quân nghênh chiến với một cánh quân Pháp do viên đại tá Lơ Brít (Le Brides) chỉ huy. Lực lượng và trang bị đôi bên quá chênh lệch, hai ông sa vào tay giặc. Bị tra khảo dã man, khi giặc thả ra thì ít lâu sau ông Nguyễn Ngọc Hớn từ trần giữa năm Nhâm Tuất (1862). Cha mất, con trai là Nguyễn Ngọc Sang tiếp tục chiêu mộ nghĩa quân chống Pháp mong trả thù nhà nợ nước. Ngày 5.6.1862, triều đình Huế ký kết hòa ước giao các tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa cho Pháp, lòng dân không thuận, tôn Trương Định làm Bình Tây Đại Nguyên soái, dựng cờ, mộ quân, xây dựng căn cứ kháng chiến. Nguyễn Ngọc Sang đem quân ứng nghĩa về với Trương Định, tham gia nhiều trận đánh ở các tỉnh miền Đông, góp phần tạo nên các chiến thắng ở Lý Nhơn, Gò Công trao trảo, Rừng Lá, lũy Ký Giang. Sau khi Trương Định hy sinh, phong trào kháng Pháp tàn lụi dần; cuối năm 1864, ông Nguyễn Ngọc Sang lui về ẩn cư tại xóm Bến Bạ, làng Lương Thiện, cưới vợ, sống đời thường dân, nhưng vẫn canh cánh tấm lòng ưu dân ái quốc, qua đời năm 1890. Nhiều người Hiệp Phước cùng dân binh Long Thành theo nghĩa quân Nguyễn Ngọc Hớn suốt cuộc kháng chiến, nhưng sự việc chỉ nghe qua lời kể mơ hồ của người cao tuổi ở địa phương, không văn tự xác tín.

3. Hội kín/Thiên địa hội

Khởi nghĩa vũ trang bị dập tắt, hoạt động diệt ác bị khủng bố, người Nhơn Trạch - Long Thành chuyển sang hoạt động bí mật,

tổ chức Hội kín dưới danh nghĩa Thiên địa hội. Thiên địa hội xuất hiện ở địa bàn Nhơn Trạch - Long Thành từ năm 1908 theo phong trào Hội kín ở Nam Kỳ, mục đích chung là lật đổ chính quyền thực dân, tôn Phan Xích Long làm hoàng đế. Tổ chức Hội kín / Thiên địa hội ở Nhơn Trạch - Long Thành không chặt chẽ lắm nhưng có mặt ở hầu hết các xã, chia làm nhiều cụm; trong đó: *Cụm Phú Hội, Long Tân, Phước Thiên, Phước Kiểng*: Do cụ Hồ Văn Tĩnh lãnh đạo, điểm liên lạc tại Xóm Hồ.

Cụm ở Phú Hội, Long Tân, Phước Thiên, Phước Kiểng có nhiều hoạt động nổi trội, đông hội viên, có nội quy sinh hoạt bài bản. Nòng cốt là các thành viên: Nguyễn Văn Nguyên (sinh 1885) Nguyễn Văn Long, Nguyễn Xuân Sáng, Cả Tập, Cả Công, Tư Lân... Hội kín hoạt động suốt một dải từ Lương Thiện, Phước Lý, Phước Khánh, Bình Quới tới Phước An, tuyên truyền yêu nước, bày cho đông đảo người nghèo cách chống sưu cao thuế nặng, chống sự bóc lột của bọn chủ điền tham lam. Trụ sở lúc đầu đặt tại hóc Cây Da thuộc xã Phú Hội. Sau thấy hợp ở đây không được tiện, dễ bị lộ nên tổ chức quyết định xây dựng một miếu ở gò cao giáp ranh xã Long Tân và Phú Hội, dưới hình thức là miếu Bà, người địa phương gọi tên là miếu Thiên địa hội.

Sau sự kiện ngày 12.1.1916, lực lượng Thiên địa hội ở Long Thành tham gia phá khám Sài Gòn bị thất bại, quân Pháp ra sức lùng bắt và đàn áp phong trào. Các ông Tiều, ông Quý, ông Dạch bị địch bắt. Các hội viên khác mai danh ẩn tích. Phong trào Hội kín/ Thiên địa hội ở Phước Thiên, Phước Kiểng cũng như ở toàn địa bàn Nhơn Trạch - Long Thành tan rã.

4. Phản kháng áp bức

Từ khi thực dân Pháp toàn quyền cai quản Nam Kỳ, đời sống của người dân Hiệp Phước ngày càng cơ cực, tủi nhục trong vòng nô lệ.

Người dân Hiệp Phước sống chủ yếu bằng nông nghiệp. Thời xưa khi khẩn hoang lập làng, ai có sức bao nhiêu thì khai phá bấy nhiêu nên ruộng đất sở hữu tư nhân trong các hộ, dòng tộc khá lớn. Đến khoảng thế kỷ XIX, đất đai ở Hiệp Phước có một số lớn tập trung trong tay các địa chủ, như gia đình Tri phủ Lê Văn An có đến gần 300 mẫu đất ở Mỹ Khoan, còn lại ít có gia đình nông dân nào sở hữu số lớn ruộng đất. Phần lớn các hộ nông dân chỉ có từ 1-2 sào ruộng, một số có ruộng nhiều hơn cũng chỉ từ 5-6 sào. Hộ ông Mười Lẻ ở Phước Lai trước năm 1945 có được 1 mẫu đất ruộng đã được xem là nhiều. Sở dĩ ruộng đất ở Hiệp Phước phân tán manh mún như thế là do tập quán chia đất cho con trai khi ra riêng. Sống bằng nghề nông nên người dân Hiệp Phước rất cần sức lao động, nhất là nam giới. Nhà nào có nhiều con trai tới mùa cấy, gặt thì ít khi phải nhờ bà con láng giềng phụ vãn công, giảm được chi phí, nhưng bù lại lúc con trai cưới vợ, lập gia đình riêng thì phải chia đất, vì thế theo thời gian diện tích ruộng đất sở hữu tư nhân cứ thấp dần.

Không đủ đất để canh tác, nhiều người phải đi làm thuê làm mướn, hoặc mướn ruộng của địa chủ, tới mùa nộp tô. Cả một mùa lúa gieo cấy, trồng tía cực nhọc, đến mùa gặt lúa phải đem cho trâu đập, phơi khô, quạt sạch xong mới được nộp tô. Ở một số nơi, tỷ lệ nộp tô có khi lên đến 50%/vụ, nhưng trong thực tế còn cao

hơn bởi chủ điền thường đong lúa theo kiểu “trừ hao”. Riêng ở Hiệp Phước, có lẽ truyền thống nâng đỡ nhau, đạo nghĩa đối nhân xử thế trong cộng đồng lưu dân thời khẩn hoang mở cõi vẫn còn lưu giữ nên tỷ lệ nộp tô ở đây có “nhẹ nhàng” hơn, chỉ khoảng 30-35%. Như gia đình của ông Lê Văn An, tương truyền tổ tiên xưa kia cũng là nông dân nghèo, nhờ có ông An học hành giỏi giang, đỗ đạt cao nên sau này làm quan đến Tri phủ Sóc Trăng, em trai Lê Văn Khương và cháu trai Lê Văn Phàn cũng làm đến Tổng chánh của quận Long Thành, vì thế gia đình ông dạy bảo nhau tu nhân tích đức, hiếu thuận cha mẹ, đối xử nhân nghĩa với người trong làng. Ruộng của gia đình ông ở Hiệp Phước ngoài số tự thuê mướn nhân công cày cấy, số còn lại cho người ít ruộng trong làng thuê chỉ thu tô 30%, là mức tô hiếm thấy thời điểm đó.

Tuy nhiên, mức tô 30% hay 35% đều là gánh nặng của nông dân. Năm 1955 để “lấy lòng” người dân Nam Bộ vốn đã được Việt Minh chia ruộng đất trước đó trong thời kỳ chín năm, chính quyền Ngô Đình Diệm đã ban hành Dự số 2 ngày 8.11.1955 quy định lại mức thu tô (giá thuê đất) tối đa mà điền chủ được áp dụng là từ 10-15% trên số lúa thu hoạch đối với ruộng làm một mùa/năm; từ 15-25% cho ruộng 2 mùa/năm¹. Điều này cho thấy, trước năm 1945, mức thu tô của địa chủ ở Hiệp Phước thực tế lên đến từ 50-70%/ năm (ruộng 2 vụ). Năm nào lúa trúng, nông dân đong thóc nộp tô xong, may mắn lắm mới đủ lúa ăn đến năm sau. Năm nào thất mùa thì phải nợ chủ điền.

1 Trong khi đó, ở miền Bắc, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa có Sắc lệnh số 49-SL ngày 18.6.1949, quy định từ năm 1950 thuế điền thổ thu một số thóc tương đương với 6% hoa lợi tính theo năng suất.

Những nhà có ruộng đất không phải nộp tô cho địa chủ thì phải nộp thuế cho chính quyền thuộc địa. Theo quy định, mức thuế tư điền (tức thuế ruộng) ở Nam Bộ có 3 hạng tùy theo chất lượng, mỗi mẫu ruộng đóng thuế từ 0,74-2,1 đồng. Nhưng trong thực tế, phần lớn các loại ruộng đều phải đóng theo mức “nhất đẳng điền” là 2,1 đồng/mẫu. So với năng suất và giá lúa thời đó, mức thuế trên chiếm từ 9-25,4% thu nhập của nông dân. Đáng chú ý, chính quyền Pháp còn tìm cách bóc lột tận cùng người dân bằng quy định đơn vị mẫu nhỏ lại. Dưới thời Tự Đức nhà Nguyễn, một mẫu ruộng xấp xỉ gần 5.000m² (người dân gọi là mẫu ta). Từ năm 1897, thực dân Pháp quy định mỗi mẫu chỉ còn có 3.600m² (dân gọi là mẫu tây), nên trên thực tế mức thuế ruộng tăng hơn so với diện tích đất.

Bên cạnh đó, chính quyền thuộc địa đặt ra nhiều loại thuế làm cho đời sống người dân lâm vào cảnh bi đát. Cũng giống như các địa phương khác trong cả nước, hàng năm vào tháng 5 âm lịch, thanh niên trai tráng ở Hiệp Phước phải đóng thuế thân. Mỗi người đàn ông gọi là tráng đinh (18 tuổi trở lên), theo quy định mỗi năm phải đóng đến 4-5 đồng thuế thân. Đến sau năm 1930, thuế thân tăng lên 6,3 đồng/năm. Ai không có tiền đóng thì bị làng lính bắt trói, đóng trấn cả tuần lễ, đánh đập cho tới chừng nào có đủ để nộp mới tha. Vì vậy, tới “mùa” thu thuế thân ai cũng nơm nớp, cứ nghe chó sủa rộ là đàn ông trai tráng ở Hiệp Phước những ai chưa đủ tiền đóng thuế thân lại tìm cách chạy trốn, phần lớn là kéo nhau chạy vào rừng giồng, đến tối mới dám về nhà. Nhưng trốn cũng chỉ là giải pháp tạm thời, muốn yên ổn làm ăn sau cùng

cũng phải chạy vay, vay mượn, có khi là vay bạc nặng lãi để nộp thuế, nợ chồng thêm nợ.

Ngoài thuế thân, người nông dân còn phải nộp thuế ruộng, rẫy, thuế vườn. Có nhà trồng được mấy sào hoa màu như: bầu, bí, mướp... cũng phải đóng thuế, sản phẩm làm ra nhiều khi bán không đủ nộp thuế. Các loại phương tiện vận chuyển, như ghe, xe bò cũng phải nộp thuế. Chính quyền thuộc Pháp quy định mỗi con bò kéo xe phải có giấy “bề chỉ” (còn gọi là bài chỉ), một dạng như “căn cước” của bò: màu gì, xá gì, rất kỹ lưỡng. Khi qua mỗi đồn bót, trạm gác của chúng phải trình giấy bề chỉ, nếu không có sẽ bị phạt rất nặng, có khi còn bị tịch thu cả bò lẫn xe. Đi đêm, mỗi xe bò đều phải treo hai cây đèn phía trước và sau xe theo quy định, giống như ô tô bây giờ phải có đèn trước và sau, nếu không cũng sẽ bị phạt nặng.

Nhà cầm quyền Pháp còn ra sức tịch thu đất để mở đồn điền. Ở Hiệp Phước, thực dân Pháp cấu kết với một số địa chủ là người Pháp chiếm đất của người dân hai làng Phước Kiển và Phước Lai, biến thành các đồn điền chuyên canh gọi là Sở thom, Sở điều, Sở mía. Dân làng trở thành người làm công chăm sóc cây trồng ngay trên đất của chính mình với đồng lương rẻ mạt.

Năm 1929, quân Pháp bắt đầu xây dựng kho bom Thành Tuy Hạ. Theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 31.12.1907, mỗi năm người dân nước ta phải đi xâu “làm việc hàng tỉnh” 8 ngày, nếu không đi xâu thì phải đóng “tiền chuộc” từ 0,1-0,5 đồng/ngày (tùy theo việc). Nhưng trong thực tế, người dân Nhơn Trạch đều phải đi làm phu không công ít nhất 15 ngày/năm, công việc nào là chặt cây, phá bụi, san bằng các gò, nong,

đào ô đắp ụ để chứa bom, khiêng vác vật liệu xây dựng. Kho đạn Thành Tuy Hạ xây dựng 4 năm mới xong. Tiếp đó, đến năm 1939, Pháp xây dựng đồn Giồng Ông Đông, người dân địa phương cũng phải đi làm phu xây dựng. Đến lúc Nhật nhảy vào chiếm đóng, người dân lại phải đi phu xây dựng sân bay Nước Trong (An Lợi) và Gò Dầu (Phước Thái). Hiệp Phước trong tình trạng chung của cả nước, người dân phải chịu một cỗ hai trùng (thực dân Pháp và phát xít Nhật). Ai sống trong thời gian này mới biết chế độ hà khắc của thực dân - phát xít tàn bạo như thế nào. Người dân bị khủng bố tinh thần lẫn đời sống vật chất; sưu cao, thuế nặng, thiếu thốn đủ thứ: Khi đau bệnh, không thuốc thang; nhà không dầu thắp đèn (phải đốt đèn bằng dầu phộng, mù u, dầu chai); vải không đủ mặc vì bị cấm dệt vải, phải mua vải nhập từ Nhật giá rất đắt, dân không có tiền mua vải nên đành phải may quần áo bằng vải bao bố, từ đó chịu trận với rận rệp, nhiều cặp vợ chồng chỉ có một quần dài bằng vải, ai có việc ra ngoài đường mới mặc. Thanh niên bị bắt đi làm khâu vải ba tháng mới được về; làm khâu xa tận Bà Rịa, Hồ Nai, Bến Gỗ, cực khổ trăm bề.

Không chỉ vậy, chính quyền thuộc địa còn có nhiều quy định hà khắc đối với người dân Hiệp Phước nói riêng cũng như Nhơn Trạch nói chung: 5 nhà chỉ được có một con dao dùng để phát rẫy, không được mua bán vải ta (vải do người dân tự dệt) nếu phát hiện ai mua bán bông vải (nguyên liệu để dệt vải) sẽ bị tịch thu... Vì thế đời sống người dân rất khó khăn, cơ cực.

Nhà cầm quyền Pháp còn chủ trương “ngu dân”. Từ năm 1929-1932, toàn huyện Long Thành chỉ có một trường dạy đến lớp một đặt ở Phước Thiện, một trường dạy đến lớp 2 ở xã Phước

Lộc. Có hai cha con cầm đèn đi hỏi cả hai ấp Bến Cam, Bến Sắn không ai nhận ra mặt chữ. Hầu hết người dân mù chữ, thất học. Một ít thanh thiếu niên được học ở các trường làng đặt ở các cơ sở thờ tự (như Chùa Ông ở Hiệp Phước, đình Ông Mai ở Phú Hữu) được các thầy giáo như Phạm Văn Hinh, Nguyễn Hảo Văn ngoài việc dạy chữ còn truyền lửa về đạo nghĩa, lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.

Tức nước ắt có lúc vỡ bờ, người dân Nhơn Trạch - Long Thành ngấm có sự phẫn kháng trong lòng, mong đợi một điều gì đó làm thay đổi kiếp sống tù cực, u tối đang đè nặng cuộc đời.

5. Phong trào công nhân cao su

Từ năm 1862, Thống đốc Nam Kỳ Bô-na (Louis Adolphe Bonard) đã có chủ trương “sung công” đất vô chủ, thực ra là chiếm đoạt ruộng đất, mở đường cho chính sách khai thác thuộc địa, lập các đồn điền nông nghiệp, trong đó lợi nhuận cao là đồn điền cao su. Năm 1906, trồng thử 1.000 gốc cao su ở trang trại Dầu Giây. Năm 1908, Công ty Cao su Les caoutchous du Donai (LCD) ra đời. Tiếp theo là hàng loạt công ty đồn điền cao su được thành lập ở Biên Hòa. Năm 1917, thực dân Pháp thành lập Hiệp hội trồng tía Đông Dương để khai thác cao su; đầu tư tối đa để mở rộng phạm vi trồng cao su. Chỉ sau một thời gian ngắn, tư bản Pháp đã mở thêm Công ty Societe Indochinoise plantation d’heveas, gọi tắt là Siph, do vợ chồng hầu tước Charle Rivieas des Lasune trông coi. Sau đó, hàng loạt đồn điền cao su khác đã ra đời trên địa bàn Long Thành, như: sở Abôrati, sở De La, sở tư Trần Quang An, sở Helena, sở Rovec tiga, sở De George, sở Nguyễn Dưỡng, sở Péra.

Tại xã Phú Thạnh, do thổ nhưỡng thích hợp với sự phát triển

của cao su nên một số cổ đạo người Pháp đã đứng ra lập sở cao su Tân Tường, có thời điểm lên đến 3.399 hecta - một con số cực kỳ lớn so với điều kiện làm việc đầu thế kỷ XX; đồng thời lập thêm sở cao su ở xã Phú Hội, người dân gọi là sở Ông Cồ. Lúc mới thành lập, các đồn điền cao su thuê người dân địa phương phá rừng, phát hoang trồng cao su. Rừng khu vực Long Thành - Nhơn Trạch thời kỳ này còn rậm rạp, nhiều chướng khí, không ít người đã phải bỏ mạng vì nạn cây đê, bị rắn độc cắn, thú dữ chộp, hoặc bị sốt rét, dịch bệnh. Biết bao mồ hôi, nước mắt, máu xương của người dân Nhơn Trạch đã đổ ra để khai hoang, trồng nên những vườn cao su bạt ngàn ấy.

Ở Hiệp Phước, có một số người vì không có ruộng đất nên đi làm công nhân cho các sở cao su. Làm công nhân, nhưng đời sống người dân cũng không khấm khá hơn bởi công việc nặng nhọc, đồng lương rẻ mạt. Lương công nhân cạo mủ mỗi ngày 32 xu. Công nhân đứng máy lương 40 xu. Những công nhân chưa đủ 18 tuổi được phát cho một thẻ gọi là “thẻ nhau”, mỗi ngày lãnh 12 xu. Lương phụ nữ thấp hơn nam giới, chỉ khoảng 30 xu hoặc thấp hơn. Nghỉ ngày nào là cắt lương. Mắc bệnh không được cấp thuốc. Lao động nặng nhọc, bệnh tật sốt rét, phù thũng làm nhiều người chết.

Từ khi có tầng lớp công nhân cao su ra đời và khi Pháp cho dời kho đạn Thị Nghè về Thành Tuy Hạ, công nhân cao su và người làm công thợ cho Pháp có dịp là tiếp xúc với những người cách mạng như ông Bảy Dài, được nghe dẫn giải về truyền thống yêu nước của dân ta, về giai cấp công nhân, về Đảng Cộng sản Đông Dương. Qua phong trào tham gia diễn thuyết, đình công,

một số người dân Hiệp Phước cùng công nhân Nhơn Trạch tiếp nhận được nhiều lý luận mới mẻ về cách mạng, về Đảng. Cuốn *Điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương* âm thầm phổ biến cho nhiều người, từ người biết chữ lan truyền trong dân, từ người nhiều chữ đến người ít chữ. Người dân hiểu ra: bọn địa chủ, bộ máy hội tề, chính quyền thực dân là nguồn gốc của áp bức bóc lột bạo tàn. Muốn thoát khỏi cảnh ngựa trâu bóc lột đó, muốn người cày có ruộng, thì nông dân phải kề vai sát cánh với công nhân để lật đổ toàn bộ giai cấp thống trị cũ, dựng xây cuộc đời mới.

Tại Nhơn Trạch lúc này chưa có tổ chức Đảng, nhưng những cuộc nổi dậy của công nhân cao su và người dân Long Thành đã ít nhiều tác động đến nhận thức của người dân ở Hiệp Phước. Hiệp Phước dù không có sở cao su, số người dân đi làm công nhân cũng ít, nhưng với tính lân cận cũng chịu ảnh hưởng rất lớn từ phong trào của công nhân cao su.

Sau khi các phong trào yêu nước chống Pháp từ vũ trang đến hội kín trước đó đều đã thất bại, từ đây một phong trào yêu nước mới mẻ đang mở ra. Lòng dân Nhơn Trạch cũng như Hiệp Phước đang như đồng khô trong nắng dữ, chờ ngọn lửa cách mạng để bùng cháy, thiêu rụi ách đô hộ của thực dân, phát xít và chế độ phong kiến.

II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG

1. Đảng ra đời, gây dựng phong trào cách mạng

Ngày 3.2.1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Từ sự kiện vô cùng quan trọng này, phong trào đấu tranh của người dân Long Thành - Nhơn Trạch nói chung chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn có Đảng lãnh đạo.

Ở tỉnh Biên Hòa, đầu năm 1935, Chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều thành lập do Hoàng Minh Châu làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Phan làm Phó Bí thư, các đảng viên là: Lưu Văn Viết, Lưu Văn Văn, Quánh Tỷ, Quánh Sanh, Trần Minh Triết, Phạm Văn Khoai. Đó là chi bộ Đảng đầu tiên ở tỉnh Biên Hòa.

Sau khi Ủy ban lâm thời Đông Dương Đại hội¹ được thành lập tại Sài Gòn (ngày 13.8.1936), ở Biên Hòa thành lập Ủy ban hành động² để vận động và điều hành phong trào cách mạng. Chủ tịch Ủy ban hành động tỉnh phân công các đảng viên về Long Thành, Nhơn Trạch để tuyên truyền yêu nước, đấu tranh đòi dân chủ.

Chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều đã lãnh đạo các Ủy ban hành động phát động các phong trào kêu gọi quần chúng hưởng ứng cuộc vận động vì tự do, dân chủ, áo mặc, cơm ăn. Nhiều tổ chức đoàn thể hình thành, nhiều cuộc mítting đã diễn ra. Cuối năm 1936, đồng chí Trương Văn Bang (Ba Bang, Ba Đen), nguyên Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ (1933-1934) được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về Biên Hòa để vận động thành lập Tỉnh ủy, phát triển cơ sở đảng. Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa được thành lập đầu năm 1937, đồng chí Trương Văn Bang được cử làm Bí thư.

Có Tỉnh ủy lãnh đạo, cùng với tình hình chung, phong trào cách mạng ở Nhơn Trạch - Long Thành bắt đầu đi vào chiều sâu.

Từ tháng 9.1939, chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ. Thực dân Pháp khủng bố các phong trào đấu tranh cách mạng, tịch thu tài sản của các tổ chức, hội đoàn, nghiêm cấm các cuộc hội họp,

1 Gồm Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Thị Lựu, Nguyễn Văn Trân, Võ Công Tôn.

2 Cả Nam Kỳ có khoảng 600 Ủy ban hành động.

lùng bắt người đứng đầu các Ủy ban hành động. Trung ương Đảng đã kịp thời thay đổi hình thức đấu tranh, rút vào hoạt động bí mật. Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ thị cho các tổ chức, cán bộ chuyển từ hoạt động công khai sang bí mật và bán hợp pháp. Năm 1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương. Tại Long Thành, quân đội Nhật chia nhau đóng ở sở Bà Đầm, khu căn cứ Nước Trong, khu Thái Thiện. Hằng ngày chúng lùng bắt từ 300-400 người đi làm xâu¹ xây dựng sân bay, đồn bót. Thực dân Pháp cấu kết với Nhật ra sức đàn áp nhân dân ta. Người dân lâm vào cảnh một cổ hai tròng. Pháp bắt lính, Nhật bắt phu. Lính Nhật ác độc, tàn bạo như lính Pháp. Đời sống người dân Nhơn Trạch thời điểm này vô cùng cơ cực. Hạt lúa làm ra vất vả, chịu đủ thứ thuế má, lính Nhật còn bắt dân đóng lúa hương lẫm, số lúa này chúng đem đốt thay cho than để chạy máy. Không có gạo ăn, người dân phải mót khoai lang, khoai mì, ăn độn rau cỏ các loại, nạn thiếu đói xuất hiện ở Nhơn Trạch.

Quân Nhật cấm không cho người dân được dệt vải hay mua bán, vận chuyển vải, bông vải cũng như các vật liệu, thiết bị liên quan. Nhiều người phải lấy bao bố, bao tải làm quần áo mặc. Vải bao bố mặc vừa ngứa, vừa xót, nhưng trong tình thế túng cùng người dân cũng phải cam chịu. Ăn ở trong hoàn cảnh thiếu vệ sinh nên đã sinh ra dịch rận. Trong làng trong xóm hầu như ai cũng có rận, trị hoài không hết. Không chỉ thiếu cơm ăn, áo mặc, mà dầu thắp sáng cũng không có, vì trong thời kỳ chiến tranh cả Pháp lẫn Nhật đều cần nhiên liệu phục vụ chiến trường. Tình cảnh nhân dân cơ cực không sao kể xiết.

¹ Làm xâu, một hình thức lao động bắt buộc, tự túc về lương thực trong quá trình lao động.

Tháng 9.1940, Xứ ủy Nam Kỳ họp tại xã Tân Xuân (Hóc Môn, Gia Định), phân tích tình hình, dự báo thời cơ khởi nghĩa, giao Ban Thường vụ Xứ ủy ra lệnh khởi nghĩa Nam Kỳ vào đêm 22.11.1940. Khởi nghĩa Nam Kỳ bị thất bại. Địch khủng bố rất ác liệt, phong trào chìm lắng, tổ chức tan vỡ. Người dân Hiệp Phước tham gia các hoạt động chở che, nuôi giấu cán bộ cách mạng ẩn náu để gây dựng lại phong trào.

Đầu năm 1943, Ban cán sự miền Đông cử đồng chí Trịnh Văn Dục (Ba Dục) về quận Long Thành hoạt động. Đến cuối năm 1944 đồng chí đã tổ chức quân bộ Việt Minh đầu tiên của tỉnh ở quận Long Thành, xây dựng được mạng lưới cơ sở Việt Minh trong các đồn điền cao su, lập được Chi bộ Đảng ở cơ sở Bình Sơn do đồng chí Vũ Hồng Phô (tức Vũ Khánh) làm Bí thư¹. Đồng chí Trịnh Văn Dục hóa trang lúc thì làm nghề bán thuốc Lào, khi thì đánh xe ngựa, khi thì làm người bán dạo, đi khắp địa bàn Nhơn Trạch - Long Thành để móc nối, xây dựng cơ sở đảng. Người dân thường gọi đồng chí là “Thầy Ba thuốc Lào”, “Thầy Ba xe ngựa”. Đồng chí Ba Dục dành nhiều thời gian tìm hiểu và tiếp xúc với công nhân và cả cai, xu trong các đồn điền, dần dần tuyên truyền, thuyết phục và giáo dục được nhiều người giác ngộ cách mạng. Thông qua những anh em quen biết đồng chí Ba Dục đã nắm được tình hình ở các sở và tạo ra một mối quan hệ rộng rãi trong công nhân. Tiếp đó, đồng chí Vũ Hồng Phô (Sáu Khánh) được Đảng cử về hoạt động ở làng Đất Đỏ (Bình Sơn) cùng đồng chí

¹ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Đảng bộ tỉnh Đồng Nai 1930 - 1995, tập 1, NXB Đồng Nai, 1997, trang 48.

Ba Dục xây dựng cơ sở cách mạng ở địa bàn Nhơn Trạch - Long Thành. Từ đó, những hạt giống đỏ của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được gieo cấy, nảy mầm ở đất lành Nhơn Trạch, trong đó có Hiệp Phước.

2. Xây dựng cơ sở đảng, phát triển phong trào cách mạng

Từ cuối năm 1942, tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến quan trọng. Chiến tranh thế giới II vào giai đoạn quyết liệt. Mâu thuẫn Nhật - Pháp sâu sắc. Cuối tháng 2.1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng có chủ trương mở rộng Mặt trận thống nhất và đẩy mạnh việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Tháng 10.1943, Xứ ủy Nam Kỳ được tái lập (gọi là Xứ ủy Tiền phong) do đồng chí Trần Văn Giàu làm Bí thư. Xứ ủy cử nhiều cán bộ đi khắp nơi, bám cơ sở để liên lạc, móc nối, phục hồi các tổ chức đảng địa phương. Đồng chí Lê Minh Định được Ban cán sự miền Đông giao việc về Long Thành (tháng 3.1944), xây dựng và phát triển cơ sở đảng ở Long Thành. Đồng chí Định thay mặt Ban Cán sự miền Đông chỉ định đồng chí Trịnh Văn Dục làm Bí thư và cử đồng chí Vũ Hồng Phô và Lý Trần Hoan hỗ trợ. Đây là chi bộ Đảng đầu tiên ở địa bàn Long Thành. Chi bộ nhanh chóng kết nạp thêm nhiều đảng viên mới, đưa đồng chí đảng viên đang hoạt động vùng Phước Thiện là Trương Minh Kỹ (Bảy Kỹ) về sinh hoạt cùng Chi bộ Long Thành, trên cơ sở đó tiếp tục phát triển đảng ở địa bàn Nhơn Trạch.

III. THAM GIA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Tổ chức lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa

Đúng như dự báo, ngày 9.3.1945, Nhật đảo chính Pháp, chiếm lĩnh bộ máy chính quyền Pháp, làm chủ hệ thống quản lý của Pháp.

Ứng biến với tình hình mới, ngày 12.3.1945¹, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Trung ương Đảng chủ trương thay đổi hình thức tuyên truyền, tổ chức đấu tranh để thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa, tập dượt quần chúng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Thực tế, từ chiều 10.3.1945, quân Pháp chính thức đầu hàng Nhật trên toàn Đông Dương. Quan Tây, chủ Tây bị lính Nhật bắt, quản thúc. Một số chạy về Sài Gòn ẩn náu, một số trốn vào rừng. Bộ máy hội tề ở xã tan rã, các sở cao su vắng chủ. Các tổ chức đảng cơ sở đưa người của ta đứng ra làm chủ tình hình.

Nhật dựng lên chính phủ Trần Trọng Kim làm bù nhìn, được vài tháng thì đổ vỡ. Ngày 16.3.1945, Nhật đưa Nguyễn Văn Quý, nguyên Quận trưởng Tân Uyên làm Tỉnh trưởng Biên Hòa. Ở Long Thành, Quận Hội thân Nhật được đưa về thay Quận Phục, chưa kịp ổn định tổ chức thì chính phủ Trần Trọng Kim đã sụp đổ.

Phong trào đấu tranh của quần chúng được củng cố, rộ nở khắp nơi. Nổi bật là phong trào Thanh niên Tiền phong. Thanh

1 Có tài liệu ghi: Đêm 9.3.1945.

niên Tiền phong được thành lập tại Sài Gòn vào ngày 21.4.1945¹ do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Phong trào. Từ trung tâm Sài Gòn, Thanh niên Tiền phong nhanh chóng lan tỏa khắp Nam Kỳ, trong đó tỉnh Biên Hòa là nơi sớm có tổ chức Thanh niên Tiền Phong giàu sức sống do thầy giáo Huỳnh Thiệu Nghệ chỉ huy (tháng 5.1945)².

Ở quận Long Thành, trong tháng 5.1945, lực lượng Thanh niên Tiền phong được tổ chức do thầy giáo Nguyễn Văn Chỏi làm thủ lĩnh, với sự tham gia chỉ huy của nhiều đảng viên gạo cội. Lực lượng tham gia Thanh niên Tiền phong Long Thành phát triển rất mạnh, lan tỏa nhanh, đều khắp ở các xã và đồn điền cao su, quy tụ được nhiều thành phần thanh niên tham gia. Chi bộ Long Thành phân công đồng chí Liêm, đồng chí Châu sát cánh cùng thầy giáo Chỏi để nắm lực lượng.

Đoàn Thanh niên Tiền phong địa bàn Nhơn Trạch có lẽ bắt nguồn từ khu vực cầu Lò Đúc (Phú Nhuận) gắn với hoạt động của đồng chí Trần Thị Ba - đảng viên cộng sản được cấp trên phái về xứ Giồng Ông Đông hồi đầu năm 1945. Phong trào Thanh niên Tiền phong ở Hiệp Phước hoạt động sôi nổi, đều khắp cùng toàn địa bàn khu vực Nhơn Trạch; tổ chức Thanh niên Tiền phong được biên chế thành đội, mỗi đội vài mươi người nòng cốt, trang bị thô sơ, chỉ vài khẩu súng lấy được hoặc mua được của lính Pháp, còn

1 Có tài liệu ghi Thanh niên Tiền phong được thành lập tháng 5.1945. Cũng có tài liệu ghi thành lập trong tháng 7.1945.

2 *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Đảng bộ tỉnh Đồng Nai 1930 - 1995*, tập 1, NXB Đồng Nai, 1997, trang 50.

lại là tầm vông, dây thừng, giáo mác tự tạo. Nhiệm vụ của các đội là tuần tra canh gác xóm làng, chống trộm cắp, cướp phá trong làng; hằng hái luyện tập quân sự sẵn sàng chiến đấu để giải phóng dân tộc. Không khí sinh hoạt của Thanh niên Tiền phong gian khổ nhưng rất vui, đêm đêm sân tập rầm rập bước chân “một hai... một hai”, rộn ràng tiếng nói cười, vang vang tiếng hát *Lên đàng* và lời ca *Tiếng gọi thanh niên*.

Ở Phước Lai, người vận động, kêu gọi thành lập đội Thanh niên Tiền phong là cô Lê Thị Đây (còn gọi là Kim Thanh), người trong làng thường gọi là cô Sáu Đây. Gia đình cô không giàu có nhưng sống rất đạo đức, nhân nghĩa, bản thân cô Sáu Đây thường xuyên giúp đỡ bà con xóm làng, người cơ nhỡ, ai có việc ngặt cô khảng khái giúp tiền, gạo, công sức không chút nề hà, nên mọi người đều quý mến, tin phục, thậm chí có những nhà xảy ra xung đột cũng tìm đến cô nhờ phân giải. Vì vậy khi cô hô hào thành lập đội Thanh niên Tiền phong, hầu hết thanh niên trai tráng trong làng đều tham gia, nổi bật có các anh như: Huỳnh Văn Lâm, Huỳnh Văn Lộc, Ngô Văn Tắc, Nguyễn Văn Na, Đào Văn Nhã, Phạm Văn Liễu, Đoàn Văn Lọt, Đoàn Văn Cho, Phan Văn ĐỂ, Huỳnh Văn Diệu, Huỳnh Ngọc Cẩn, Đào Văn Mừng, Lâm Văn Nguyên, Lê Văn Cang, Lê Văn Lòi (Tur Lòi), Mười Tàng, Võ Văn Xèo (Bảy Xèo), Chín Cung, Ba Đông, Ba Đãi... Đặc biệt, trong số các đội viên Thanh niên Tiền phong của Phước Lai còn có các chị: Võ Thị Chấm, Bùi Thị Đàng. Ở Phước Kiển có các anh Nguyễn Văn Hồng và Từ Văn Văn là những người sớm giác ngộ cách mạng, đứng ra vận động thành lập Đội Thanh niên Tiền phong, thu hút thanh niên trong làng tham gia như: Trần Tấn Công, Nguyễn Văn

Hựu, Trần Văn Diệm, Lâm Văn Huệ, Nguyễn Văn Biên, Mã Văn Bình, Phạm Văn Hiếu (Thi), Huỳnh Văn Ngô, Nguyễn Văn Xi, Nguyễn Tuất, Trần Tấn Lộc, Đồng Văn Cầm, Nguyễn Văn Chơi, Đào Văn Kẹo, Trần Công Đương, Huỳnh Ngọc Ân; nữ đội viên Thanh niên Tiền phong là chị Lê Thị Cung. Các đội viên vác tầm vòng vạt nhọn, vai đeo cuộn dây thừng, ban ngày tập luyện quân sự, ban đêm tập võ nghệ, khí thế rất hăng say.

Cùng với các tổ chức hội, đoàn thể được Đảng gây dựng, lãnh đạo, phát triển về đấu tranh chính trị; tổ chức Thanh niên Tiền phong ra đời kịp lúc, trở thành tổ chức có vũ trang thô sơ để làm nòng cốt sẵn sàng cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Người dân Hiệp Phước bao lâu nay sống trong áp bức, tủi cực nên nhanh chóng đón nhận luồng gió mới cách mạng với hy vọng sẽ được đổi đời, thoát kiếp nô lệ.

2. Tham gia tổng khởi nghĩa, giành chính quyền

Năm 1945, tình hình thế giới thuận lợi cho phong trào cách mạng. Hồng quân Liên Xô đánh bại phát xít Đức. Đức thất trận và đầu hàng Đồng minh ngày 7.5.1945. Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Từ Nam vĩ tuyến 16, quân Nhật sẽ bị quân Đồng minh giải giới bởi quân đội Anh. Lính Nhật ở Đông Dương lâm vào hoảng loạn.

Trong bối cảnh ấy, Trung ương Đảng tổ chức hội nghị toàn quốc ở Tân Trào ngày 13.8, xác định thời cơ đã đến, hạ quyết tâm lãnh đạo toàn dân khởi nghĩa. Mệnh lệnh tổng khởi nghĩa của Trung ương, lời kêu gọi của Việt Minh và tin thắng lợi từ Thái Nguyên lan nhanh toàn quốc, rạo rục lòng dân.

Thực hiện chỉ đạo của Xứ ủy Nam Kỳ, ngày 23.8.1945, tại xã Bình Trước, đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ Biên Hòa. Hội nghị đã bàn bạc thống nhất và quyết định một số việc cấp bách. Việc cấp bách hàng đầu là: Tập trung lực lượng tiến hành khởi nghĩa trước ở tỉnh lỵ, phân công một số đảng viên về các quận huy động lực lượng quần chúng về thị xã tham gia cướp chính quyền; huy động lực lượng xung kích trong nhân dân, Thanh niên Tiền phong tự trang bị vũ khí, nhân dân mang cờ, khẩu hiệu sẵn sàng nổi dậy biểu dương lực lượng cướp chính quyền.

Ngày 21.8.1945, tại Long Thành, đồng chí Trịnh Văn Dục giao nhiệm vụ cho các đồng chí trong chi bộ chuẩn bị khởi nghĩa. Từ sáng ngày 23.8.1945, tình hình chuẩn bị khởi nghĩa sôi động. Ủy ban khởi nghĩa quận Long Thành do các đồng chí Trịnh Văn Dục, Vũ Hồng Phô, Mai Hiến Thái chủ trì họp, phân công chuẩn bị kế hoạch huy động công nhân cao su, nhân dân các xã kéo về quận lỵ tham gia giành chính quyền trong ngày 24.8.1945. Các tổ chức đoàn thể ở địa bàn Hiệp Phước nhận lệnh, tổ chức đội ngũ, sẵn sàng.

Từ 6 giờ sáng ngày 24.8.1945, các đội xung phong nòng cốt là Thanh niên Tiền phong ở Long Thành có mặt làm nhiệm vụ tại các vị trí được phân công với mục tiêu là phong tỏa khu vực xung quanh quận lỵ. Các ngã đường trên quốc lộ 15, tỉnh lộ 17 và 19 đều có đội viên Thanh niên Tiền phong canh gác, làm chủ tình hình; Đội Thanh niên Tiền phong của Phước Lai, Phước Kiển

nhận nhiệm vụ canh gác trên lộ 19 đoạn qua địa bàn mình. Khí thế của các đội Thanh niên Tiền phong khiến một trung đội lính Nhật đóng ở sở Bà Đầm hoang mang lo sợ nên án binh bất động. Từ 7 giờ 30 phút, đồng bào từ các xã, các thôn đi theo đội hình có tổ chức kéo về quận lỵ Long Thành, trong đó có rất đông người dân Phước Lai, Phước Kiển bởi vì từ Hiệp Phước đến quận lỵ Long Thành giao thông thuận lợi, các đoàn thể chuẩn bị chu đáo.

Đến 9 giờ, thị trấn Long Thành như sôi lên trong biển người, rừng cờ phấp phới, tiếng hát vang trời, tiếng hô dậy đất, khí thế như thác lũ. Đúng 10 giờ, lực lượng xung phong nòng cốt gồm 400 người chia thành hai mũi kéo vào dinh quận, tạo đội hình bảo vệ cho Ủy ban Khởi nghĩa vào gặp quận trưởng. Ban Khởi nghĩa gồm 19 người do đồng chí Trịnh Văn Dục dẫn đầu hiên ngang tiến vào. Đồng chí Ba Dục nhân danh chính quyền cách mạng tuyên bố: *“Kể từ giờ phút này chính quyền cũ phải chấm dứt hoạt động từ quận đến xã. Chính quyền cách mạng đại diện cho quyền lợi của nhân dân trong quận bắt đầu làm việc. Quận trưởng thay mặt chế độ cũ phải giao toàn bộ hồ sơ, sổ sách, kho tàng, vũ khí, thả hết các phạm nhân. Cách mạng là sự nghiệp của mọi người, sẵn sàng khoan hồng cho tất cả những ai đã trót tham gia chế độ cũ”*. Sau lời tuyên bố của đồng chí Dục, hàng ngàn người nhất loạt hô vang: *“Việt Nam độc lập muôn năm. Chính quyền cách mạng muôn năm”*¹.

1 Theo *Lịch sử Đảng bộ huyện Long Thành (1930-2015)*, NXB Đồng Nai 2015, trang 68.

Quận Hội ngoan ngoãn xin từ chức; bàn giao hết hồ sơ sổ sách, kho tàng, vũ khí theo yêu cầu. Đạo trưởng Chín Lợi mặt như chàm đỏ, lặng lẽ cùng bộ hạ lên ra cửa sau chuồn mất.

Ngay sau khi tiếp nhận chính quyền, cuộc mít tinh mừng thắng lợi diễn ra tại quận lỵ, hơn 3.000 người tham dự, có phái đoàn cán bộ đại diện Xứ ủy miền Đông gồm các đồng chí Dương Bạch Mai, Đào Duy Kỳ, Hà Huy Giáp cùng dự. Trong buổi mít tinh, đồng chí Trịnh Văn Dục thay mặt Ủy ban Khởi nghĩa tuyên bố: *“Kể từ giờ phút này chính quyền cũ bị xóa bỏ. Chính quyền cách mạng quận đại diện cho giai cấp công nhân, nông dân trong huyện ra đời. Kể từ nay nam nữ bình quyền, người dân sống bình đẳng, mọi người sống hạnh phúc”*¹. Sau đó Ủy ban Cách mạng lâm thời quận Long Thành được giới thiệu và ra mắt đồng bào, gồm: Chủ tịch Trịnh Văn Dục, Phó Chủ tịch Võ Văn Truyện và các ủy viên. 17 giờ, cuộc mít tinh kết thúc trong tiếng hô vang trời: *“Việt Nam độc lập muôn năm! Mặt trận Việt Minh muôn năm!”*.

Ở Hiệp Phước, khi được lệnh cướp chính quyền, người dân mừng như mở hội, hăng hái tham gia. Thanh niên được huy động vây nhà việc, bắt hội tề bàn giao sổ sách, giải tán hội tề, làm chủ tình hình. Ban hội tề các xã lặng lẽ tự giải tán, cử người đem hồ sơ sổ sách tới nhà làng giao cho Thanh niên Tiền phong. Không một nơi nào có sự phản ứng của chính quyền cũ. Khí thế cách mạng sôi nổi và mạnh mẽ của nhân dân làm cho số địa chủ, tề xã hoảng

1 Theo *Lịch sử Đảng bộ huyện Long Thành (1930-2015)*, NXB Đồng Nai 2015, trang 69.

sợ, tự nguyện liên lạc với chính quyền cách mạng xin được lập công bằng cách đóng góp lương thực, thực phẩm và tham gia tiếp tế cơm nước cho các đoàn thể của xã mình. Trong ngày 25.8, Ủy ban Cách mạng lâm thời quận phân công từng đoàn cán bộ đến các xã hướng dẫn nhiệm vụ xây dựng chính quyền cách mạng cơ sở, thu lại các ấn mộc của chính quyền cũ, quản lý công sở, phong tỏa tài sản bọn Nhật còn ở trong quận. Ủy ban nhân dân lâm thời các xã lần lượt hình thành.

Trong ngày 25.8, thực hiện chủ trương của Ủy ban Cách mạng lâm thời quận, dưới sự lãnh đạo của cán bộ Việt Minh và Thanh niên Tiền phong, hàng ngàn nông dân các xã và công nhân các đồn điền cao su ở quận được tổ chức kéo về tỉnh lỵ Biên Hòa tham gia giành chính quyền ở tỉnh. Các lực lượng khắp nơi từ Bình Sơn, An Viễn, Ship, Phước Lộc, Thanh Nguyên, An Lợi, Phước Thiên, Phú Hội, Long Tân, Phước An, Phước Thọ, Phước Long, Phước Lai, Phước Kiển theo các lộ 15, 17, 19 hội về Biên Hòa đúng hẹn, khí thế mạnh mẽ, không khí sôi động; giành chính quyền ở quận Long Thành thành công.

Sự kiện thực dân Pháp xâm lược Nam Bộ năm 1859 tạo một bước ngoặt trong đời sống của người dân Nhơn Trạch nói chung và Hiệp Phước nói riêng, chuyển từ cuộc sống an bình sang đời sống đấu tranh chống ngoại xâm. Khi triều đình Huế ký hiệp ước dâng 3 tỉnh miền Đông, rồi cả Nam Kỳ lục tỉnh cho thực dân Pháp, lòng dân hướng theo cờ nghĩa, như của nghĩa quân Trương Định, của các hội kín như Thiên địa hội, tìm mọi cách tham gia vào các cuộc vũ trang chống quân xâm lược Pháp. Nhiều người

đã thâm lặng hy sinh. Đến khi các cuộc khởi nghĩa vũ trang bị dập tắt nhưng lòng dân không tắt, vẫn âm ỉ mong chờ. Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, mang đến luồng gió mới, phương pháp đấu tranh mới, lòng yêu nước của người dân Hiệp Phước được thổi bùng lên, cùng với cả quận, cả tỉnh, cả nước vùng dậy theo Đảng chống thực dân Pháp, lập nên nhiều thành tích. Đến năm 1945, người dân Hiệp Phước được sự lãnh đạo của Đảng tham gia cướp chính quyền, xóa bỏ gông xiềng, đổi đời, vui hưởng không khí độc lập tự do.

Chương III

LÃNH ĐẠO KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1946 - 1954)

I. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, CHỐNG THỰC DÂN PHÁP TÁI CHIẾM

1. Cùng Nam Bộ quật khởi

Sau Cách mạng Tháng Tám, tình hình đất nước có thuận lợi cơ bản: Nhân dân đã giành quyền làm chủ, gắn bó với chế độ; nước ta có Đảng lãnh đạo, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, tình thế đặt ra nhiều khó khăn: Ngoại xâm và nội phản âm mưu phá hại chính quyền cách mạng non trẻ; quân Đồng minh dọn đường cho Pháp trở lại xâm lược nước ta; quân Nhật vẫn còn chiếm đóng ở các căn cứ chờ giải giáp mong bắt tay quân Đồng minh để chống phá cách mạng. Nhiều thành phần nội phản đang tìm cơ hội để làm tay sai. Trong bối cảnh ấy, chính quyền cách mạng chưa được củng cố, lực lượng vũ trang non yếu, đời sống nhân dân khó khăn, thực lực về kinh tế, tài chính mỏng manh, thế nước như “ngàn cân treo sợi tóc”.

Đương đầu với khó khăn, chính quyền cách mạng non trẻ ở Nam Bộ quyết bảo vệ thành quả cách mạng, chuẩn bị bước vào giai đoạn mới. Ngay sau khi giành được chính quyền, Quận ủy

Long Thành, Ủy ban Cách mạng lâm thời quận nhanh chóng triển khai sáu nhiệm vụ cấp bách mà Chính phủ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công bố: *Một là*, diệt giặc đói; *hai là* chống giặc dốt; *ba là* tổng tuyển cử; *bốn là* thực hành CẦN, KIỆM, LIÊM, CHÍNH; *năm là* bỏ thuế bóc lột, cấm thuốc phiện; *sáu là* đoàn kết lương giáo.

Ủy ban công bố bãi bỏ thuế thân, giảm tô tức, tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ phong kiến cấp cho dân nghèo để sản xuất. Trước mắt, Ủy ban chỉ đạo tịch thu các kho lương thực của đồn điền, bò nuôi của sở để giải quyết vấn đề lương thực cho công nhân và hỗ trợ đồng bào nghèo; đồng thời tổ chức, động viên công nhân khai phá rừng làm rẫy, trồng cây lương thực. Những chính sách này giải quyết ngay những khó khăn trước mắt, đồng thời đáp ứng được mong muốn của nhân dân nên được bà con ủng hộ tích cực. Nhờ vậy, trên địa bàn Long Thành tuy còn khó khăn nhưng không xảy ra tình trạng thiếu đói.

Trước khi Tỉnh ủy Lâm thời Biên Hòa được thành lập¹, Quận ủy Long Thành trực tiếp xin ý kiến và nhận chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ về việc tăng cường sức mạnh của hệ thống chính trị, củng cố chính quyền cách mạng. Được Xứ ủy Nam Bộ nhất trí, đồng chí Trịnh Văn Dục, Vũ Hồng Phô chỉ đạo việc vận động xây dựng các tổ chức chính trị và đoàn thể từ huyện đến xã. Đầu tháng 9.1945, Mặt trận Việt Minh quận Long Thành được thành lập, Chủ nhiệm là ông Nguyễn Văn Chỏi (tức thầy giáo Chỏi)

1 Sau Hội nghị Bình Trục đêm 23.9.1945 Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa mới thành lập.

nguyên Đoàn trưởng Thanh niên Tiền phong Long Thành; đồng chí Vũ Hồng Phô (Sáu Khánh) Phó Bí thư Quận ủy làm Phó Chủ nhiệm; đồng chí Lê Trần Châu, đảng viên là ủy viên. Các đoàn thể cứu quốc được thành lập gồm: Hội Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, Phụ lão Cứu quốc, Thiếu nhi Cứu quốc. Ngoài ra Mặt trận còn vận động thành lập tổ chức Công giáo Cứu quốc, Phật giáo Cứu quốc. Như vậy, bộ máy lãnh đạo Đảng, Chính quyền và các đoàn thể cách mạng của Long Thành hình thành sớm hơn nhiều nơi khác trong tỉnh.

Đến cuối tháng 9, bộ máy chính quyền và đoàn thể ở các xã cơ bản thành lập xong. Mỗi đoàn thể có Ban chấp hành từ 5-7 người, hội viên tham gia rất đông. Nhiều xã hầu như người dân nào cũng tham gia đoàn thể. Nhờ đó, phong trào tăng gia sản xuất đóng góp giúp đỡ kháng chiến trong toàn huyện được đẩy mạnh. Quận ủy Long Thành liên lạc thường xuyên với Xứ ủy, nhanh nhạy nắm chắc được diễn biến tình hình ở Sài Gòn và các nơi khác, dự đoán thực dân Pháp sẽ quay trở lại xâm lược, do vậy tích cực chủ động xây dựng lực lượng vũ trang để sẵn sàng chiến đấu bảo vệ nhân dân. Quận ủy Long Thành chú trọng công tác tuyên truyền, động viên thanh niên tham gia công tác bảo vệ đất nước, bảo vệ nền độc lập non trẻ vừa giành được. Các xã nhanh chóng thành lập dân quân tự vệ dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Ủy ban lâm thời xã, mỗi đội dân quân xã có từ 30-36 đội viên, đội dân quân ấp có từ 10-20 người.

Ở xã Phước Kiển, chính quyền cách mạng cũng được thành lập. Anh Nguyễn Văn Hồng giữ nhiệm vụ Bí thư Chi bộ, Chủ

nhiệm Mặt trận Việt Minh; anh Từ Văn Văn làm Phó Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời, anh Phạm Văn Hiếu (Thi) là Phó Công an xã, anh Trần Tấn Công là Ủy viên quân sự, Nguyễn Văn Hựu là Trưởng ban Tiếp tế, Huỳnh Ngọc Ân là Thư ký Nông hội, anh Trần Công Đương phụ trách Quân báo, chị Lê Thị Cung là Thư ký Ban Chấp hành Phụ nữ xã.

Tại Phước Lai, người dân bầu anh Phạm Văn Liễu làm Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời, anh Lê Văn Cang là Ủy viên quân sự, chị Trần Thị Tắng là Trưởng ban Chấp hành Phụ nữ xã, chị Võ Thị Chấm là Ủy viên Ban Chấp hành Phụ nữ xã, anh Huỳnh Văn Diệu là Trưởng ban Tiếp tế.

Nhìn chung, chính quyền cách mạng mới thành lập ở Phước Kiến, Phước Lai đều đầy đủ các ban, đoàn thể. Đặc biệt, không ai lãnh tiền lương, tiền công hay thù lao, ngược lại, mọi người đều ăn cơm nhà lo việc nước nhưng lại làm việc rất hăng hái. Mặt trận và các đoàn thể phân công, tổ chức nhiều toán đi vận động nhân dân thực hiện các mặt công tác do xã phân công.

Ban đầu, các đội dân quân xã chưa có vũ khí, hầu hết đều chỉ trang bị tầm vông vạt nhọn. Một ít xã có được vài khẩu súng do Ban hội tề giao nộp lúc Tổng khởi nghĩa thành công. Các đội viên dân quân tìm cách trao đổi lương thực với lính Nhật đã bị giải giáp để lấy vũ khí. Ở căn cứ quân sự Thành Tuy Hạ, sau Tổng khởi nghĩa lính Nhật vẫn ở trong trại, nhưng ta đặt trạm gác phía bên ngoài. Mỗi lần lính Nhật muốn đi qua trạm gác, phải đổi đạn được, lựu đạn, có khi cả súng, nên dần dần trang bị của đội Dân

quân các xã Phú Thạnh, Đại Phước, Long Tân khá đầy đủ so với một số địa phương khác. Vũ khí được cất giữ ở Sở Ngựa¹, một số chuyên bót cho quận.

Ngày 14.9, Quận ủy và Ủy ban tổ chức một cuộc mít tinh với đông đủ đại biểu và Thanh niên Cứu quốc các xã, phát động tinh thần toàn dân cứu nước. Sau cuộc mít tinh, gần 100 thanh niên hăng hái ghi tên tòng quân. Từ 16.9 đến 21.9 đã có 77 thanh niên tự nguyện lên quân tập trung. Đội “Cộng hòa vệ binh” đầu tiên của Long Thành được thành lập với 11 khẩu súng trường thu được của lính mã tà sau khởi nghĩa, còn lại là tầm vông, giáo mác. Ở hai xã Phước Kiển, Phước Lai, nhiều thanh niên hăng hái tòng quân, như các anh: Huỳnh Ngọc Chiến, Nguyễn Văn Xi, Đồng Văn Cầm, Ngô Văn Tắc, Nguyễn Văn Na, Đào Văn Nhã...

Rạng sáng ngày 23.9.1945, quân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, chính thức tái xâm lược Việt Nam. Hưởng không khí độc lập chưa tròn tháng, nhân dân Sài Gòn, Gia Định cùng nhân dân Nam Bộ bước vào giai đoạn kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai.

Ngay trong đêm 23.9.1945, hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa được tổ chức tại nhà hội Bình Trước, do đồng chí Hà Huy Giáp, Xứ ủy viên chủ trì. Hội nghị đã chủ trương xây dựng Trường huấn luyện du kích Vĩnh Cửu nhằm đào tạo cán bộ quân sự cho tỉnh, đồng thời chủ trương tiến hành “tiêu thổ kháng chiến” và nhiều

¹ Nơi Pháp nuôi ngựa để cưỡi trong khu vực Thành Tuy Hạ và các vùng lân cận, do thời đó hiếm xe cơ giới.

biện pháp để chuẩn bị kháng chiến. Đồng chí Trần Công Khanh được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy lâm thời, Hoàng Minh Châu làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tại Long Thành lúc bấy giờ hùng hực khí thế sẵn sàng chiến đấu. Ở các xã địa bàn Nhơn Trạch, ngày nào cũng vậy, từ sáng sớm tới tối tối lúc nào cũng vang dậy tiếng bước chân đi đều, tiếng hô “Một! Hai!” của các chiến sĩ Cộng hòa vệ binh. Anh em tập đội ngũ, tập tháo ráp, sử dụng súng, tập các động tác cơ bản trong chiến đấu, tập võ thuật, đánh dao, bắn ná.

Để tăng cường sức mạnh quân sự, Quận ủy chủ trương thống nhất các lực lượng vũ trang; đến cuối tháng 10, toàn bộ lực lượng vũ trang của Ban Đồng Nai đã sát nhập về quận. Ngày 23.10.1945, Quận ủy Long Thành cử đồng chí Trương Minh Kỷ, Huyện ủy viên, về Phú Hữu bàn bạc với đồng chí Trần Thị Ba gấp rút làm một số việc: Thành lập Mặt trận Việt Minh, chính quyền và đoàn thể cứu quốc, sáp nhập Thanh niên Tiền phong vào Đoàn Thanh niên Cứu quốc, lập Đội Tự vệ chiến đấu, có kế hoạch chuẩn bị bầu cử Quốc hội khóa I ngày 6.1.1946; có kế hoạch đánh địch bảo vệ dân gắn với việc “tiêu thổ kháng chiến”.

Thời điểm này, chính quyền cách mạng còn non trẻ ở quận Long Thành phải đối mặt với nhiều khó khăn. Bên ngoài, thực dân Pháp chuẩn bị tấn công tái chiếm Long Thành. Bên trong, vừa phải lo củng cố bộ máy tổ chức, chính quyền, vừa lo ổn định các vấn đề liên quan chính sách, ổn định đời sống nhân dân.

Ở Hiệp Phước, do không có tình trạng địa chủ tập trung nhiều ruộng đất (trước kia có những địa chủ nhiều ruộng đất như gia đình Tri phủ Lê Văn An, nhưng sau này con cháu dần dần sa sút, bán bớt ruộng đất, đến năm 1945 các địa chủ không còn tích tụ ruộng đất nhiều) nên không có chia đất ruộng cho dân, song chính quyền cách mạng đã tuyên bố tịch thu đất đai thuộc các Sở thom, Sở điều, Sở mía mà bọn địa chủ thực dân cướp của người dân trước đây, trả lại cho các hộ nông dân bị mất đất. Người dân Hiệp Phước vô cùng phấn khởi, càng thêm tin tưởng vào chính quyền cách mạng, ai cũng phấn khởi, hăng hái sản xuất, học tập, tham gia công tác đoàn thể góp phần xây dựng quê hương, bảo vệ chính quyền.

Phong trào xóa mù chữ diễn ra sôi nổi, rộng khắp ở các xã. Buổi tối, người dân từ già đến trẻ thường rủ nhau đến lớp, chăm chỉ học tập, không khí rất vui vẻ. Ở Hiệp Phước, các lớp bình dân học vụ xóa mù chữ cho người dân được tổ chức ở các đình Phước Lai, Phước Kiển, Mỹ Khoan, thanh niên nam nữ, ông già bà cả kéo nhau đến học rất đông. Ở chợ Phước Thiên, nơi dân Hiệp Phước thường đến mua bán, thanh niên giảng các biểu ngữ ngay đầu chợ, ai đọc được mới được vào chợ. Vì vậy mọi người đều cố gắng học để không bị mù chữ, mắc cỡ với bà con xóm làng.

Ngày 23.9.1945, thực dân Pháp nổ súng ở Sài Gòn. Ngay trong đêm này, hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa diễn ra tại Nhà hội Bình Trước¹ do đồng chí Hà Huy Giáp, thay mặt Xứ ủy chủ trì; chủ trương xây dựng Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu để

¹ Nay là Nhà truyền thống thành phố Biên Hòa.

đào tạo cán bộ quân sự cho tỉnh; thống nhất các nội dung chuẩn bị kháng chiến, tiến hành “tiêu thổ kháng chiến”.

Nghị quyết của Tỉnh ủy khẩn trương được triển khai. Nhơn Trạch - Long Thành hùng hực khí thế sẵn sàng chiến đấu. Khi mặt trận Sài Gòn - Gia Định tan vỡ, nhiều lực lượng kháng chiến ở Sài Gòn kéo về đứng chân ở Long Thành. Long Thành phát sinh nhiệm vụ hậu cần, các đoàn thể vận động đồng bào đóng góp lương thực, thực phẩm, vật phẩm thiết yếu; chị em phụ nữ vận chuyển, nấu nướng, chăm sóc sức khỏe cho từng bộ phận; tổ chức bếp ăn tập thể cho vài trăm người mỗi ngày, liên tục trong cả tháng.

Cuối tháng 9, một đơn vị Cộng hòa vệ binh gồm 50 chiến sĩ với 12 súng từ vùng giáp ranh Sài Gòn - Thủ Đức rút về Long Thành trong tình trạng chiến đấu độc lập hết đạn, lương thực. Ủy ban lâm thời quận Long Thành tiếp nhận và quyết định sáp nhập vào lực lượng Cộng hòa vệ binh quận, bố trí đóng quân tại Bến Cam (Phước Thiện).

Một đơn vị do Nguyễn Văn Du và Trịnh Công Tây chỉ huy gồm hơn 70 người và 20 súng về đóng quân rải rác vùng Phước Long, Bà Ký và Cầu Xéo. Lại thêm một toán vũ trang do Nguyễn Văn Trục và Lê Văn Cảnh cầm đầu về sát nhập cùng bộ phận của Tây, Du và tự xưng là “đệ nhị sư đoàn”¹. Thành phần của các đơn vị này phức tạp; chiến sĩ gồm thanh niên công nhân, nông dân, học sinh yêu nước, nhưng chỉ huy thuộc tầng lớp trung lưu,

1 Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Ủy ban hành chính Nam Bộ tại Sài Gòn thành lập 4 đơn vị Cộng hòa vệ binh.

lính cũ của Nhật, Pháp nên cách sinh hoạt và tinh thần chiến đấu không đồng bộ. Bốn tên Tây, Du, Trục, Cảnh bộc lộ hành vi sợ giặc, xem thường lính, sách nhiễu dân nên nhiều chiến sĩ chán ghét, lần lượt bỏ đệ nhị sư đoàn, gia nhập các đơn vị khác. Mặc dù được quân dân Long Thành đón nhận, tiếp tế, nhưng nhóm Trục, Cảnh, Tây, Du ngày càng thể hiện bản chất thô phi, nhiều lần cướp bóc, tống tiền, cưỡng bức đồng bào; uy hiếp chính quyền xã; không chịu sự lãnh đạo của Quận ủy và Ủy ban hành chính quận; lại còn cấu kết với Lương Văn Tương, đội Giám âm mưu tạo riêng quyền lực quân phiệt. Chúng tùy tiện bắt thanh niên Trần Trọng Nghĩa, vu oan, rạch bụng tử hình tại chợ quận; lộng hành trong bắt bóc, chiếm đoạt tài sản của dân; lại có âm mưu uy hiếp, bắt cóc Bí thư Quận ủy. Sau nhiều lần cảnh báo, dàn xếp, thuyết phục không thành, cuối tháng 10.1945, Quận ủy và Ủy ban hành chính quận Long Thành quyết định giải tán lực lượng đệ nhị sư đoàn; bắt giam 5 tên Tây, Du, Trục, Cảnh, Giám; mở phiên tòa công khai tại sân banh Phước Thiên, tử hình tại chỗ Tây, Du, Trục, Cảnh; tên Giám được khoan hồng, chạy về Sài Gòn. Vụ án xử 5 tên lãnh đạo đệ nhị sư đoàn làm trong sạch lực lượng vũ trang, củng cố lòng tin của quân dân Long Thành đối với Chính phủ kháng chiến.

Cuối tháng 10.1945, Long Thành được tỉnh Biên Hòa tăng cường 11 cán bộ quân sự vừa tốt nghiệp Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu với 11 khẩu súng trường. Đây là những cán bộ quân sự cách mạng chính quy đầu tiên của quận. Số cán bộ quân sự này đã được giao nhiệm vụ tổ chức xây dựng trường quân chính; lớp huấn luyện quân chính đầu tiên được khai giảng ở Hang Nai

(Phước An) giữa tháng 11.1945, 16 học viên là cán bộ dân quân các xã, ấp trong toàn quận tham dự. Đến thời điểm này, toàn bộ lực lượng vũ trang Long Thành hợp thành hệ thống thống nhất do Quận ủy lãnh đạo.

Cũng trong những ngày cuối tháng 10.1945, các lực lượng vũ trang kháng chiến trong nội thành lần lượt rút về các vùng nông thôn để bảo toàn lực lượng, chiến đấu lâu dài. Tư lệnh Dương Văn Dương đưa bộ đội Bình Xuyên về đóng quân khắp dải Rừng Sác Long Thành, từ Bà Trao đến Phước An và từ Thái Thiện đến Tam An. Long Thành có thêm hơn 2.000 cán bộ, chiến sĩ với nhiều vũ khí, máy móc được trang bị từ các công binh xưởng. Quân số tăng nhưng nguồn lực hậu cần chưa kịp chuẩn bị, Long Thành gặp khó khăn, cử đồng chí Võ Văn Truyen về tỉnh báo cáo tình hình, xin chi viện, nhưng tỉnh còn khó khăn hơn, Long Thành phải nỗ lực tự quân.

Ngày 10.10.1945 Quận ủy quyết định triệu tập hội nghị cán bộ quân dân chính Đảng tại đình Phước Kiển để hạ quyết tâm, bàn giải pháp thực hiện chủ trương “tự lực, tự cường” của Tỉnh ủy. Kết luận hội nghị, đồng chí Trương Minh Kỳ kêu gọi quân dân Long Thành triệt để thi hành chỉ thị của tỉnh bằng sức lực của quần chúng ở địa phương. Tinh thần của hội nghị được quán triệt trong toàn quận. Nhiều sáng kiến, nhiều giải pháp được triển khai thực hiện. Phong trào tiết kiệm, đóng góp nuôi quân được phát động sôi nổi. Dân tin tưởng cho chính quyền kháng chiến vay, mượn tài sản để thực hiện nhiệm vụ kháng chiến. Bộ đội đóng quân phân tán trong dân được dân nuôi, nhường chỗ làm việc,

nhường phương tiện đi lại. Bộ tư lệnh Bình Xuyên đóng trong nhà đồng bào được dân phục vụ bếp ăn tập thể. Mỗi xã đều tổ chức từ 30 đến 40 người hỗ trợ cán bộ, chiến sĩ. Ở tất cả các xã đều có hình thức vận động đóng góp nuôi quân; đồng bào tích cực hưởng ứng, lương giáo, giàu nghèo đều tham gia; có người đóng góp hàng trăm gia lúa, hàng ngàn đồng tiền mặt để nuôi quân. Đồng bào ở Phước Long, Phước Thiện, Phước Lai, Phước Kiển, Long Tân, Phú Hội ủng hộ xe bò cho bộ đội vận chuyển. Trong “tuần lễ vàng”, nhiều phụ nữ đã tháo cả cà rá, bông tai ủng hộ kháng chiến. Trong các đợt “tuần lễ đồng”, nhiều gia đình hiến cả lư hương, chân đèn thờ cúng trong nhà. Phong trào tự túc tự cường ở Long Thành được nhân dân ủng hộ nên thành công, gia tăng nội lực cho kháng chiến.

Ngày 25.10.1945 quân Pháp đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa. Quân Nhật ở Long Thành vốn án binh bất động từ khi chính quyền về tay nhân dân, nay giương súng gây áp lực nhằm giải tán lực lượng kháng chiến; nói là để bảo vệ quốc lộ 15 cho xe Đồng minh xuống Bà Rịa, Vũng Tàu; kỳ thực đó là âm mưu thỏa hiệp của quân Đồng minh Anh, Ấn dọn đường cho thực dân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng. Trước tình hình này, Quận ủy chuyển về xã Phước Thiện, Ủy ban hành chính đóng tại chùa Nước Nhĩ, ấp Bến Sắn; chủ trương sơ tán bộ máy lãnh đạo kháng chiến về các xã; Phước Kiển, Mỹ Khoan, Phước Lai trở thành vành đai bảo vệ các cơ quan lãnh đạo của quận.

Quận ủy, Ủy ban hành chính quận Long Thành từ Phước Thiện chuyển về chùa Quang Mỹ (Phước Kiển). Đồng chí Dương Bạch Mai - Trưởng đoàn thanh tra chính trị miền Đông về kiểm tra tình

hình kháng chiến ở Long Thành. Sau kiểm tra, Ủy ban hành chính quận được cải tổ. Đồng chí Trịnh Văn Dục, Bí thư Quận ủy, kiêm chức Chủ tịch Ủy ban hành chính quận. Phó Chủ tịch là Võ Văn Truyện (tức Hoàng Việt Hà). Đồng chí Trương Minh Kỳ là Phó Chủ tịch kiêm ủy viên tư pháp.

Vào lúc 1 giờ đêm ngày 11.11.1945, lính Nhật còn trú đóng ở đồn binh Phước Kiển đột nhiên¹ tổ chức bắt cóc đồng chí Bí thư Quận ủy Trịnh Văn Dục và Trưởng Quốc gia tự vệ cuộc Đổ Hữu Phú. Đây là động thái gây hấn với chính quyền cách mạng.

Sáng ngày 12, Quận ủy Long Thành tổ chức một cuộc họp khẩn cấp do đồng chí Vũ Hồng Phô (Sáu Khánh) chủ trì, quyết định tổ chức biểu tình toàn quận đòi Nhật phải trả hai đồng chí Dục và Phú. Sau cuộc họp, cán bộ tỏa ngay về các xã, vận động người dân tham gia biểu tình. Trước sự trở mặt trắng trợn của bọn Nhật, người dân Nhơn Trạch, Long Thành ai cũng phẫn nộ.

Mờ sáng ngày 13.11.1945, khắp các ngã đường trong huyện đã rầm rập những bước chân người. Hơn 4.000 công nhân cao su Bình Sơn - An Viễn và đồng bào Lộc An theo lộ 25 đi ra. Gần 5.000 người thuộc các xã dọc lộ 15 từ Thái Thiện, Tuy Long, Long An dồn lên, từ Bến Gỗ, Phước Tân, Tam Phước, An Lợi, Tam An, Thanh Nguyên dồn xuống. Hơn 5.000 đồng bào Ông Kèo, Phước An, Phước Thọ, Phước Long, Phước Lai, Phước Kiển theo lộ 19, Phước Thành, Long Tân, Phú Thạnh, Mỹ Hội cũng theo tỉnh lộ 17 hội nhau tại Phước Thiện rồi tiến thẳng vào thị trấn. Xã nào cũng có đoàn tham gia biểu tình, có cán bộ xã tổ chức hướng dẫn.

¹ Theo lệnh của chỉ huy Đồn minh Anh - Ân.

Đến thị trấn Long Thành thì gặp bọn lính Nhật cản đường, giựt băng rôn, níu kéo người cầm cờ, tìm cách cản bước đoàn biểu tình. Đoàn biểu tình giằng co với lính Nhật, đoàn người xông ào lên, giặc lui ta tiến, lầy số đông áp đảo, khí thế như nước lũ; lính Nhật yếu thế, lùi bước, rồi nhảy lên xe chạy đi. Đoàn người kéo đến cổng Gà, một tốp lính Nhật đang ngồi dưới gốc cao su đứng bật cả dậy, chĩa súng lên trời nổ nhiều phát đe dọa để đoàn biểu tình dừng bước, nhưng đoàn người vẫn xông tới, tràn vào cổng, bọn Nhật chặn không được nên mới chịu tiếp chuyện. Chúng nói rằng đã đưa ông Dục, ông Phú về Biên Hòa rồi, nếu tiếp tục tràn vào chúng sẽ nổ súng. Anh Hưởng phiên dịch; đồng chí Vũ Hồng Phổ hội ý lãnh đạo rồi lệnh cho đoàn kết thúc biểu tình, lúc đó hơn 12 giờ trưa.

Đồng chí Bí thư Quận ủy bị địch bắt là một tổn thất lớn của cách mạng Long Thành. Ngay sau đó, địa phương thực hiện phương châm sách lược của Trung ương: “Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán”, nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật¹. Theo chỉ thị của trên, Đảng bộ Long Thành không còn tổ chức sinh hoạt, lại thêm một khó khăn mới. Nhưng với tinh thần của người cộng sản, các đảng viên vẫn tích cực hoạt động phát huy vai trò của Mặt trận Việt Minh các cấp, lãnh đạo đi sâu vào cơ sở vận động quần chúng. Nhờ vậy phong trào kháng chiến trong quận vẫn phát triển mạnh mẽ. Thời điểm đó, một số xã thuộc địa bàn Nhơn Trạch chưa có chi bộ Đảng nên sự lãnh đạo của Đảng

¹ Chỉ thị kháng chiến kiến quốc của Ban chấp hành Trung ương Đảng ngày 25.11.1945, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* - trích văn kiện tập II - NXB sách giáo khoa Mác - Lênin, trang 14.

thông qua vai trò của Mặt trận Việt Minh và các đảng viên kỳ cựu. Như ở Hiệp Phước, Phước Kiển đã có chi bộ Đảng nhưng Phước Lai chưa có, mọi sự lãnh đạo của Đảng ở Phước Lai là thông qua Mặt trận Việt Minh của xã.

Đến tháng 11.1945, cuộc vận động ủng hộ Chính phủ nuôi quân vẫn sôi nổi, phát triển khắp nơi. Lương thực, thực phẩm cung cấp cho bộ đội không thiếu. Công binh xưởng có nhiều đồ đồng do dân đóng góp để chế tạo vũ khí. Các xã Tập Phước, Bà Ký, Tam An, Phú Hữu, Phú Hội, Phước Khánh, Phước Thọ, Phước Long, Phước Lai, Phước Kiển, Phước Thiện là những đơn vị thực hiện tốt phong trào. Đời sống nhân dân còn nghèo khó, nhưng qua phong trào, nổi lên nhiều tấm gương tiêu biểu của các mẹ, các chị. Như ở Phước Lai có mẹ Nguyễn Thị Hương, Phạm Thị Trù, Phạm Thị Bánh, Dương Thị Phụ, Phạm Thị Niềm, Nguyễn Thị Cừ; Phước Kiển có các mẹ Ngô Thị Huyền, Trần Thị Cẩm, Đào Thị Ngọt, Hồ Thị Sùng, Nguyễn Thị Dính, Lý Thị Vĩnh, Huỳnh Thị Châu... Sự đóng góp của mỗi gia đình ít hay nhiều, bằng cách này hay cách khác đều toát lên tinh thần ủng hộ kháng chiến, tin tưởng chính quyền kháng chiến, âm tình quân dân cá nước.

Ở mặt trận chống giặc dốt, phong trào xóa mù chữ được phát động gắn với công cuộc xây dựng đời sống mới, nhiều lớp học bình dân được tổ chức bằng nhiều hình thức, việc dạy và học ở mọi nơi. Hầu hết các xã đều tổ chức được các lớp học quốc ngữ; người nhiều chữ dạy người ít chữ. Khắp nơi đều có khẩu hiệu “toàn dân biết chữ”. Trong thanh niên có phong trào “ai mù chữ không được lấy vợ lấy chồng”. Các bài ca cách mạng được phổ

biển rộng rãi. Không khí trong làng xã rộn ràng tinh thần thi đua, thi đua học chữ gắn với thi đua sản xuất.

Ở lĩnh vực huấn luyện vũ trang, đến giữa tháng 11.1945, trường quân chính quận đã tổ chức hai khóa huấn luyện quân sự cho hơn 100 cán bộ xã, và lớp cứu thương cho 50 học viên với mô hình tử thuốc cứu thương ở mỗi xã. Đây là kết quả đầy cố gắng của trường quân chính quận trong điều kiện ban đầu còn trất nhiều khó khăn. Trong thời gian này, Trung đội Giải phóng quân đầu tiên của Long Thành được chính thức thành lập từ các lực lượng Cộng hòa vệ binh của quận, quân số 200 người; vũ khí gồm 92 khẩu súng các loại, 150 lựu đạn và hơn 1000 viên đạn. Trung đội có một xưởng vũ khí nhỏ với 15 người chế tạo được bom mìn thô sơ. Lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc (tiền thân của công an) cũng được củng cố, bổ sung nhân lực và trang bị, tăng cường công tác vũ trang, tuyên truyền, xây dựng mạng lưới cơ sở với phương châm “dựa vào bộ đội và đoàn thể để phát triển lực lượng”. Ở Hiệp Phước, nhiều thanh niên đã gia nhập lực lượng như: Lâm Văn Huệ, Mã Văn Bình, Đào Văn Kẹo, Huỳnh Văn Ngô (Phước Kiên); Huỳnh Ngọc Cẩn, Nguyễn Văn Cảnh (Phước Lai).

Tuy đã được thống nhất, nhưng thành phần các lực lượng vũ trang vẫn chưa thuần nhất. Do thành phần xuất thân và nguồn gốc tạo lập khác nhau, nhiều bộ phận chưa gắn kết với nhau. Có nhiều nhóm hợp lại từ giang hồ hảo hán, chưa giác ngộ chính trị, thích hành động theo cách riêng, gây phiền nhiễu nhân dân và chính quyền địa phương. Trường hợp của Ba Nhỏ là điển hình, cần phải xử lý để an lòng dân, chấn chỉnh quân phong quân kỷ.

Ba Nhỏ tên thật là Lê Văn Khôi, trước Cách mạng Tháng Tám cầm đầu một băng nhóm ở Xóm Cũi, nhanh chóng trở thành tay anh chị giang hồ, tham gia đánh giặc Pháp tại mặt trận Thị Nghè - Bà Chiêu - Cầu Bông; gia nhập lực lượng Bình Xuyên, xưng danh bộ đội cách mạng. Ý thế có công, Ba Nhỏ tập hợp nhóm quân bản tính lưu manh làm nhiều điều bạo ngược. Khi kéo quân về hội nhập các lực lượng kháng chiến ở Long Thành, nhóm Ba Nhỏ cấu kết cùng nhóm lưu manh Tư Cò Đá (trước đây hoạt động ở vùng Bưng Sáu Xã, nay thuộc thành phố Thủ Đức) những nhiều nhân dân, giết người không ghê tay. Ai chống lại là bị bọn chúng chụp mũ là Việt gian rồi sát hại. Nhóm Ba Nhỏ lộng hành không chỉ làm cho quần chúng nhân dân bất bình, mà còn khiến nhiều người hiểu sai về quân đội cách mạng. Mặc dù đã được nhắc nhở, giáo dục, Ba Nhỏ vẫn ngang ngược, không thay đổi. Chính quyền cách mạng quyết định trừng trị.

Nhận đơn tố cáo Ba Nhỏ, Khu bộ trưởng Khu 7 là Nguyễn Bình trực tiếp xử lý, thuyết phục các thủ lĩnh Bình Xuyên: Ba Dương, Hai Vĩnh, Tám Mạnh, Năm Hà, Mười Lực đồng ý mở phiên tòa xử tội Ba Nhỏ. Nơi mở phiên tòa được chọn là chùa Phước Hưng (xã Phước Lai). Bộ đội Liên chi 2, 3 Bình Xuyên của Dương Văn Dương được phân công làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa. Đây là nhóm nòng cốt trong bộ đội Bình Xuyên, có kỷ luật nghiêm minh và tổ chức tốt.

Theo phương án do Bộ chỉ huy Liên chi 2 và 3 triển khai, lực lượng bảo vệ phiên tòa gồm 2 vòng trong và ngoài. Vòng ngoài có 3 trung đội, trong đó 1 trung đội của bộ đội Phú Xuân có tăng cường trọng liên 13,2 li chốt chặn ở ngã ba Phước Long

(nay thuộc xã Long Thọ), cách nơi xử án 1,5 km về hướng Đông Nam; 1 trung đội thuộc bộ đội Tư Huỳnh cũng được tăng cường trọng liên 13,2 li bố trí đội hình dọc hai bên lộ 19, đoạn chạy qua làng Phước Mỹ; 1 trung đội thuộc bộ đội Chín Hiệp triển khai lực lượng tại Bàu Chai, cách khu vực xử án 1km về phía Tây; ngoài ra còn bố trí 1 tiểu đội thuộc Ban trinh sát tiến hành kiểm soát chặt con kênh Bà Ký, đoạn từ Phước Thiện (phía Tây Bắc) đến đồn điền Butier (phía Đông Nam, dài 4km). Ở vòng trong bố trí 1 trung đội vệ binh, có nhiệm vụ tổ chức kiểm soát, tuần tra chặt khu vực xung quanh chùa Phước Hưng. Bên cạnh đó, một số cán bộ chỉ huy Ban trinh sát và Ban tình báo được phân công theo dõi và kịp thời có biện pháp ứng phó với những tình huống bất trắc.

Nhân chứng có dự xem phiên tòa¹ cho biết: Phiên tòa công khai mở vào đầu tháng 12.1945. Trung tướng Nguyễn Bình là chánh án, mặc áo xà xẩu màu xám ngồi giữa; hai bên là Ba Dương và Tám Mạnh. Tham dự phiên tòa còn có đại diện Khu bộ Khu 7, Ủy ban hành chánh kháng chiến tỉnh Biên Hòa, tỉnh Bà Rịa, quận Thủ Đức, quận Long Thành và Ty Công an tỉnh Bà Rịa cùng các vị cao tuổi ở địa phương, các chỉ đội trưởng và chỉ huy trưởng các đơn vị bộ đội đóng trên các địa bàn phụ cận. Phiên tòa có luật sư bào chữa. Các bước tuyên đọc cáo trạng, luật sư biện hộ đọc lời bào chữa được tiến hành đúng thể thức. Sau khi nghe tòa luận tội và phân tích tác hại, Ba Nhỏ nhận tội.

Nguyễn Bình thay mặt tòa tuyên án, nêu rõ những nội dung Ba Nhỏ đã phạm các tội:

¹ Đồng chí Phan Thị Chi, sinh năm 1926, đảng viên 70 năm tuổi Đảng, ở xã Long Thọ.

- Khủng bố đồng bào, làm giảm lòng tin của đồng bào đối với lực lượng vũ trang kháng chiến, làm mất thanh danh của Vệ quốc đoàn.

- Coi thường chủ trương, đường lối, chính sách và các nghị quyết của Chính phủ Trung ương, của thượng cấp. Dùng bạo lực uy hiếp, khủng bố chính quyền và các đoàn thể cách mạng ở địa phương.

- Thoái thác nhiệm vụ chiến đấu chống kẻ thù xâm lược. Khi địch tiến công, không tổ chức chiến đấu mà bỏ chạy.

Xét trong lúc nước nhà lâm nguy, kháng chiến đang gặp nhiều khó khăn, phức tạp, để giữ vững niềm tin của nhân dân vào cách mạng, đảng tăng cường khối đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh kháng chiến, tòa tuyên án: Tử hình.

Ba Nhỏ xin được nói lời cuối cùng: “Tội tôi làm tôi xin chịu, cảm ơn anh Ba (tức Nguyễn Bình) đã chỉ dạy cho tôi. Xin anh Ba cho tôi một đặc ân, được tự xử lấy mình”. Nguyễn Bình đồng ý, ra lệnh cho một cán bộ đưa khẩu súng ngắn cho Ba Nhỏ. Ba Nhỏ nhận khẩu súng rồi nhìn đám đông, nói: “Các bạn hãy lấy tôi làm gương. Xin đừng đi con đường của tôi”. Nói xong, Ba Nhỏ tay phải cầm báng súng, tay trái vuốt ve nòng súng. Mọi người nín thở, lo lắng cho ba vị quan tòa nhưng Nguyễn Bình vẫn bình tĩnh. Ba Nhỏ từ từ nâng súng lên đầu, ngang vành tai, bóp cò. Súng nổ, Ba Nhỏ gục xuống tắt thở. Xác Ba Nhỏ được đưa vào chiếc hòm gỗ để sẵn, khâm liệm đàng hoàng, đưa đi chôn cất. Phiên tòa xử Ba Nhỏ nghiêm minh, được dân chúng đồng tình, quân dân Long Thành càng tin yêu chính quyền cách mạng.

Về công tác chuẩn bị bầu cử Quốc hội, nhiệm vụ được triển khai từ cuối tháng 9, theo lộ trình từng bước đến tháng 11 công việc ngày càng khẩn trương, mục tiêu ngày bầu cử 6.1.1946 đến gần. Ngay sau khi đoàn đại biểu quận được tỉnh tập huấn, việc triển khai ở quận được thực hiện đồng bộ, rộng khắp; vừa giáo dục nhận thức về bầu cử dân chủ, phổ biến thể lệ, vừa tuyên truyền vận động đồng bào đi bầu. Trong hai tháng liên tục, Mặt trận Việt Minh phân công cán bộ lặn lội tuyên truyền khắp các xóm ấp, khu ở của đồng bào. Các đoàn thể Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Nông hội Cứu quốc tổ chức nhiều buổi học tập, tuyên truyền trong đoàn viên, hội viên của mình. Hình thức tuyên truyền thô sơ giản đơn nhưng có chiều sâu ở tâm lòng của người dân đối với Chính phủ Cụ Hồ. Việc bầu cử mới mẻ, còn nhiều ngỡ ngàng nhưng người dân tiếp thu nhanh vì đó là điều hệ trọng, là khát vọng ngàn đời của người dân mong có nhà nước độc lập, tự do, dân chủ: lần đầu tiên người dân Việt Nam được đi bầu cử.

Công tác chuẩn bị kỹ lưỡng nên việc bầu cử ở Long Thành thành công. Trong vòng vây của thực dân Pháp, mặc cho bom rơi đạn nổ, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa I ngày 6.1.1946 được thực hiện với tinh thần phấn khởi, không khí náo nhiệt như ngày hội lớn. Tất cả các xã ở Long Thành, trong đó có Phước Lai, Phước Kiển, đều có hơn 90% cử tri lần đầu sử dụng quyền công dân của mình bầu ra đại biểu nhân dân của chính mình. Đại biểu Quốc hội ở tỉnh Biên Hòa trúng cử 3 đồng chí gồm: Hoàng Minh Châu (tức Nguyễn Thành Vĩ), Phạm Văn Búng¹ và Điều Xiển.

¹ *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai 1930-1995*, Nxb. Đồng Nai.

Sau bầu cử là các cuộc mít tinh mừng thắng lợi, biểu dương lực lượng, tinh thần, tình cảm của quân dân Long Thành cùng cả nước hướng về Chính phủ đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Chống lấn chiếm vùng kháng chiến

Quân dân Long Thành đã góp phần vào thắng lợi của cả nước bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Với thắng lợi này, công cuộc kháng chiến chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng đã có Nhà nước hợp hiến điều hành, có Chính phủ thống nhất chỉ huy, làm tăng uy thế chính nghĩa và tính pháp lý trên thế giới. Kết quả bầu cử là căn cứ để khẳng định Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có tính chất hợp pháp, dân chủ - nhà nước của dân, do dân và vì dân, được quốc dân giao phó trọng trách điều hành đất nước, tổ chức toàn dân kháng chiến kiến quốc, giải quyết mọi quan hệ của Việt Nam trên trường quốc tế.

Kết quả thắng lợi của bầu cử Quốc hội là đóng góp của cả nước và cả nước cùng ra sức bảo vệ thành quả ấy, trong đó có sự góp phần của quân dân Long Thành. Từ đây, công cuộc kháng chiến của quân dân Long Thành bước sang một giai đoạn mới với tư thế mới. Sau bầu cử thắng lợi, Quận ủy xác định nhiệm vụ trọng tâm tiếp theo là tăng cường lãnh đạo, củng cố các tổ chức Đảng ở cơ sở, mở rộng mặt trận đoàn kết toàn dân, phát triển lực lượng vũ trang thống nhất, đánh thắng mọi cuộc càn quét, lấn chiếm của địch.

Trước thành quả đạt được của cách mạng, thực dân Pháp càng lo lắng, càng điên cuồng tổ chức nhiều cuộc hành quân đánh chiếm vùng kháng chiến. Long Thành đang là vùng độc lập, là

cái gai trước mắt và là hiểm họa lâu dài buộc quân Pháp tập trung quân lực để đánh chiếm. Từ Biên Hòa, quân Pháp tổ chức cuộc hành quân nhiều mũi theo các hướng sông Lòng Tàu, lộ 17, 19 và quốc lộ 15 hòng bao vây, chia cắt, tiêu diệt các lực lượng kháng chiến, chiếm đóng Long Thành. Đoán biết ý đồ của địch, Quận ủy lãnh đạo toàn hệ thống xây dựng kế hoạch chiến đấu, thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”, chiến tranh nhân dân, kết hợp lối đánh du kích với chủ động tiến công địch. Ở các xã, đồng bào tự dỡ nhà rút vào rừng lập làng kháng chiến. Các tổ thanh niên tình nguyện cùng dân quân tháo dỡ công sở, đình miếu, cất giấu tài sản công quyết không để địch chiếm giữ biến thành công cụ tấn công quân kháng chiến. Vì vậy, những nơi giặc Pháp chiếm được gần như vườn không nhà trống, không còn gì để cướp phá, không có thóc lúa để làm quân lương.

Sau bầu cử Quốc hội, Long Thành chuẩn bị đón Tết Bính Tuất 1946, tết độc lập đầu tiên của dân tộc, nhưng luôn cảnh giác với quân Pháp. Cảnh giác không thừa. Ngày 20.1.1946 nhằm 18 tháng Chạp, quân Pháp bắt đầu nổ súng. Mờ sáng ngày 25.1.1946, đúng vào lúc đồng bào chuẩn bị đưa ông Táo về Trời thì tiếng súng tấn công của giặc Pháp lại nổ vang. Tàu giặc qua ngõ căn cứ Thành Tuy Hạ chạy dọc theo sông Đồng Nai, đổ quân vào khu vực Tam Phước, Tam An, Long Điền, Long Tân, Phú Thạnh, đồng thời bắn đại bác lên bờ hỗ trợ cho bộ binh. Từ Sài Gòn, một tiểu đoàn khác vượt bến phà Cát Lái tấn công Long Thành ở phía Tây. Giặc Pháp đánh vào Long Thành cả từ ba hướng với ý định nhanh chóng thôn tính địa bàn chiến lược này. Gần trưa, quân Pháp chiếm được thị trấn Long Thành, đặt cối 60 li và 81 li bắn dọc theo quốc lộ 15.

Sau đó chúng tiếp tục tấn công để hợp quân với các cánh khác. Một mũi quân giặc theo lộ 15 đến ấp Bà Ký (xã Long Phước) thì phải cụm lại vì bị chặn đánh quyết liệt suốt từ Long An xuống.

Mũi thứ hai của địch tiến theo phía Tây quốc lộ 15 xuống tỉnh lộ 17, tới Bến Cam cũng phải quay lui, co cụm lại tại xã Phước Thiện vì bị chặn đánh, thương vong lớn. Trên đoạn đường từ ngã ba Cầu Xéo đến Bến Cam, quân Pháp đã tổn thất hàng chục tên. Không tiến được, chúng đặt súng cối tại chợ Phước Thiện bắn liên tục vào các xã xung quanh. Buổi trưa và buổi chiều, máy bay phóng pháo đến ném bom, bắn phá các xã dọc lộ 19. Nhiều đám cháy bùng lên ở Phước Kiển, Phước Lai, Phước Long.

Cánh quân từ Cát Lái qua chia làm hai mũi. Mũi thứ nhất theo đường Phước Lý, phối hợp với lực lượng đồ quân ở khu vực Thành Tuy Hạ tiến đến Long Tân, thì đụng đơn vị bộ đội đóng ở khu vực này. Bộ đội cùng dân quân ba xã Long Tân, Phú Thạnh, Phú Hội chặn đánh giặc cả ngày 25.1.1946. Địch chết và bị thương gần một đại đội, nhưng quân ta cũng hết đạn. Bộ đội phải cắt rừng về Phước An trong đêm. Sáng hôm sau quân Pháp tiến tới Phú Hội thì co cụm lại. Mũi thứ hai theo lộ 19 tới Xoài Minh bị bộ đội Bình Xuyên do Dương Văn Dương chỉ huy cùng giải phóng quân Long Thành chặn đánh. Suốt ngày 25.1, quân Pháp tiến được không đầy 10 cây số. Đến sáng 26.1, chúng phải rút lui ở một số nơi, nhưng quyết chiếm bằng được một số khu vực xung yếu quanh căn cứ quân sự Thành Tuy Hạ.

Chiều ngày 26.1, tiếng súng lắng dần. Hai ngày chiến đấu ác liệt ở Long Thành trôi qua. Quân Pháp chiếm được nội thị Long Thành và một số nơi xung yếu quanh Thành Tuy Hạ, chịu tổn thất

lớn nhưng vẫn chưa đạt mục đích yêu cầu. Quân ta chiến đấu anh dũng, chặn địch trên tất cả các mũi, làm chủ được vùng nông thôn, bảo vệ được các căn cứ, làm thất bại âm mưu chia cắt của địch, có một số thương vong nhưng đạt được thắng lợi cơ bản về tinh thần kháng chiến, nghĩa tình quân dân và phối hợp các lực lượng. Địch bị giáng đòn nặng nề, hơn 100 tên lính Âu Phi bị chết, gần 100 tên khác bị thương, nhiều khí tài bị phá hủy. Quân ta cũng thiệt hại lớn: 300 đồng bào, cán bộ chiến sĩ hy sinh, gần 400 người khác bị thương, 20 chiếc ghe của liên quân Bình Xuyên bị đánh đắm, ba kho gạo (mỗi kho 5 tấn) bị cháy. Ở một số xã như Phú Thạnh, Long Tân, Bình Thạnh, khi quân Pháp đổ bộ vào làng thì phần lớn người dân, trong đó chủ yếu là người già và trẻ em đã đi tránh nạn, nhưng chúng bộc lộ bộ mặt dã man tàn ác của quân cướp nước, bắn giết bừa bãi đồng bào vô tội còn ở lại, đốt cháy cả trăm căn nhà của người dân.

Tại Sở chỉ huy bộ đội Bình Xuyên ở Phước An, một cuộc họp gồm các đồng chí lãnh đạo huyện và các đơn vị bộ đội trong quận được tổ chức, dưới sự chủ trì của Tư lệnh Dương Văn Dương. Hội nghị đã đánh giá cao tinh thần chiến đấu và phục vụ chiến đấu của bộ đội, chính quyền và nhân dân trong quận, đồng thời phổ biến lệnh của Khu bộ trưởng Nguyễn Bình: chuyển một bộ phận bộ đội Bình Xuyên về chiến trường Bến Tre.

Chấp hành mệnh lệnh của Khu bộ Khu 7, sau ngày 26.1, các đơn vị bộ đội từ các xã dọc đường 15, 17 và 19 lần lượt rút về Phước An, tổ chức lại lực lượng, tách riêng một bộ phận trang bị gọn nhẹ lên đường đi Khu 8, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Dương Văn Dương. Bộ đội ra đi trong lúc tình hình đang căng thẳng,

nhưng quận vẫn đảm bảo cung cấp được 20 ghe lớn chở quân, 6 tấn gạo và 20 ngàn đồng Đông Dương cho các đơn vị chiến đấu.

Trong thời gian này, giặc Pháp bắt đầu củng cố vị trí đóng quân các nơi chúng mới chiếm được. Tại thị trấn Long Thành, chúng xây dựng một đồn lớn gọi là chi khu quân sự gồm một đại đội Âu Phi do tên đại úy Rebone chỉ huy. Chúng đưa Tô Hàm từ Biên Hòa về làm quận trưởng hành chánh để tổ chức chính quyền bù nhìn trong huyện. Ở An Lợi, Tam An, Phước Nguyên, Phước Lý, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thọ, Phước Long, Phước Lai, Phước Kiến, Bà Ký, Phước Thiện địch đều đóng bót. Mỗi bót khoảng một trung đội Âu Phi do một thiếu úy hoặc một trung úy Pháp chỉ huy.

Sau khi có chỗ đóng quân, từ thượng tuần tháng 2.1946, địch liên tiếp mở các cuộc hành quân lùng sục ra các vùng xung quanh cướp phá đồ đạc của dân, lùng bắt cán bộ Việt Minh, bắt lính và từng bước thành lập bộ máy tề xã nhằm ổn định khu vực chiếm đóng. Chính quyền kháng chiến non trẻ tại các xã Phước Tân, Tam An, An Lợi, Phước Nguyên, Phước Lý, Phú Thạnh và thị trấn Long Thành vừa mới thành lập hầu như tan rã, chỉ còn một vài đồng chí trung kiên bám trụ. Lực lượng Bình Xuyên phải chuyển công binh xưởng vào sâu trong khu Rừng Sác. Một số đơn vị nhỏ vẫn đóng trong khu vực Lòng Chảo. Các cơ quan quận cũng rút về các xã dọc lộ 19 từ Phước Lai đến Phước An. Tại Phước Lai, một đội viên Quốc gia tự vệ cuộc xã đã ngã xuống trong trận chống càn lấn chiếm của quân Pháp, đó là đội viên Đào Văn Mừng, hy sinh ngày 6.1 âm lịch (7.2.1946), lúc ấy mới 21 tuổi, đang chuẩn bị cưới vợ.

Trong khi lực lượng vũ trang Bình Xuyên của Dương Văn Dương chuyển xuống Bến Tre thì địch lần ra chiếm đóng Phước An, Phước Thọ; cuối tháng 4.1946 chúng đóng tua 8 ấp Cầu Sắt. Quân số địch ở đây không đông, mỗi lần cần bố chúng thực hiện “ba sạch”: Đốt sạch, phá sạch, giết sạch. Đội Quốc gia tự vệ cuộc hai xã Phước Lai, Phước Kiển đã kiên cường chống trả những trận càn của địch, nhiều người đã nằm xuống trong lúc bảo vệ mảnh đất quê hương: hai đội viên Lâm Văn Nguyên và Nguyễn Văn Biên cùng hy sinh ngày 15.6.1946, Phạm Văn Thu hy sinh ngày 16.7.1946, Đoàn Văn Cho hy sinh ngày 16.9.1946. Phước Lai cũng tổn thất người Trưởng Quốc gia tự vệ cuộc Lê Văn Cang vào ngày 16.6.1946. Anh Đoàn Văn Lọt đã thay thế nhiệm vụ làm Trưởng Quốc gia tự vệ cuộc, chỉ huy các đội viên tiếp tục kiên cường chống càn.

Phong trào diệt ác trừ gian mạnh nha ở một số nơi khiến địch dù chiếm đóng nhưng không lập được bộ máy tề xã. Quận Long Thành rút một số cốt cán đội tự vệ chiến đấu các xã, thành lập bộ đội địa phương tập trung. Cấp trên dự báo: các lực lượng tỉnh tăng cường về huyện Long Thành hoạt động khá đông, sớm muộn gì địch cũng rút khỏi vùng ta. Đúng như dự báo, do hoang mang lo sợ, sáng 20.6.1946 địch rút bỏ tua 8. Nhân dân trong vùng kéo đến đập tan tua 8, phá hủy cầu sắt. Theo đó, các tua bót địch ở Phước An, Phước Thọ, Ông Kèo, Xoài Minh cũng rút chạy. Quân ta làm chủ một vùng rộng lớn từ rừng Giồng đến Rừng Sác bao la.

3. Cũng cố, phát triển lực lượng kháng chiến

Quân Pháp chiếm đóng Long Thành, tăng cường bố phòng giữ vị trí quan trọng, đóng đồn bót khắp nơi để kiểm soát các tuyến

lộ. Quận ủy chỉ đạo cố gắng duy trì các hoạt động trong vùng tự do. Lớp Mặt trận Việt Minh ở Phước An vẫn mở mỗi khóa huấn luyện dài 7 ngày cho cán bộ các xã và bộ đội. Mặt khác, quận chủ trương chia nhỏ một số xã lớn để tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc và lãnh đạo phong trào cơ sở. Theo đó, các xã được chia: Phước Hiệp chia thành 2 xã Phước Long, Phước Thọ; Phước Kiển thành 2 xã Phước Kiển, Phước Mỹ; Phú Hữu thành 2 xã Phú Hữu, Phước Thành; Phú Hội thành 2 xã Phú Mỹ, Mỹ Hội; Long Phước thành 2 xã Tuy Long, Tập Phước; Phước Thiên thành 2 xã Phước Thiên và Long Đức.

Cùng với việc chia xã, Ủy ban quận cho đào số súng mà Nguyễn Tam Nguyên chôn giấu trước đây, nhanh chóng tập hợp lại lực lượng giải phóng quân, giao cho Huỳnh Văn Đạo làm trung đội trưởng, Nguyễn Văn Lung làm trung đội phó, biên chế thành ba phân đội. Lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc được củng cố lại và tổ chức thêm một công binh xưởng của ngành tại Phước An.

Ngày 20.2.1946, các đồng chí lãnh đạo quận tổ chức một cuộc họp tại Phước Long, phân tích tình hình và quyết định chia địa bàn Long Thành thành 4 khu¹ để thuận tiện trong việc chỉ đạo, liên lạc. Các khu phân chia như sau:

- Khu I gồm 7 xã dọc lộ 17 từ Phước Thiên tới Phước Lý, do đồng chí Trương Minh Kỳ phụ trách.

- Khu II gồm 5 xã dọc lộ 19 từ Phước Kiển, Phước Lai tới Phước Thọ, do đồng chí Huỳnh Văn Đạo và Võ Văn Truyện phụ trách.

¹ “Khu ủy” là tên cơ quan lãnh đạo từng khu vực do huyện tự phân chia trong năm 1946.

- Khu III gồm 4 xã thuộc Rừng Sác: Phước An, Phước Khánh, Phước Thành, Phú Hữu và hai ấp Xoài Minh, Ông Kèo (thuộc Phước Lý), do đồng chí Trịnh Minh Kính phụ trách.

- Khu IV gồm tất cả các xã dọc đường 15 từ Thái Thiện tới Phước Tân, kể cả các sở cao su do đồng chí Lương Văn Nho phụ trách.

Cơ quan lãnh đạo các khu được gọi là Khu ủy. Các Khu ủy có trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp và toàn diện phong trào kháng chiến trên địa bàn (và làm cả nhiệm vụ chính quyền cơ sở). Phương thức hoạt động của Khu ủy được quy định là cơ động, bám địa bàn, không cần trụ sở. Mỗi tháng các Khu trưởng chỉ tập trung một lần ở Phước An để báo cáo và trao đổi công tác.

Hội nghị Phước Long còn đề ra chủ trương xây dựng và củng cố lực lượng tự vệ chiến đấu các xã. Giải phóng quân Long Thành được phân về mỗi khu một phân đội, phối hợp với Đội Quốc gia tự vệ cuộc bảo vệ Khu ủy, hỗ trợ xã xây dựng lực lượng để đánh địch.

Việc thành lập các khu và giao quyền lãnh đạo toàn diện cho Khu ủy là một chủ trương xử lý tình thế phù hợp, đã tạo nên một bước chuyển quan trọng cho phong trào kháng chiến trong toàn quận. Các lực lượng phân tán hợp lý tránh được tổn thất. Thông qua các Khu ủy, Quận ủy đã luôn bám sát tình hình địa phương, trực tiếp lãnh đạo từng xã và chủ động phát huy được thế mạnh từng vùng.

Sự có mặt thường xuyên của các đồng chí lãnh đạo quận và lực lượng giải phóng quân trên mọi địa bàn đã có tác dụng động viên và hỗ trợ rất lớn cho phong trào quần chúng ở các xã. Chỉ

trong một thời gian ngắn cuối tháng 2, đầu tháng 3.1946, chính quyền các xã bị tan rã trước đây lại được củng cố.

Trận phản công đầu tiên của ta là trận đánh tại cầu Lò Rèn¹ (ấp Hai, Phước Long) và cũng là trận nổi tiếng trong toàn tỉnh diễn ra vào ngày 9.3.1946 do bộ đội Mai Văn Vĩnh thuộc lực lượng Bình Xuyên (Chi đội 3, Chi đội 4) phối hợp với lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc địa phương thực hiện. Bảy lính Pháp và Việt bị chết tại chỗ, một xe GMC bị phá hủy. Thắng lợi đã khởi động tinh thần không sợ giặc Pháp, có thể đánh thắng quân Pháp trong quần dân ta.

Tháng 5.1946, Hội nghị Quân sự tỉnh Biên Hòa tổ chức tại Chiến khu Đ và quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang Biên Hòa. Vệ quốc đoàn Châu Thành sáp nhập với Vệ quốc đoàn Biên Hòa do Huỳnh Văn Nghệ làm chỉ huy. Lúc này, Vệ quốc đoàn Long Thành còn hoạt động độc lập. Tháng 6.1946, Khu 7 mở Hội nghị Quân sự toàn khu, quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang mỗi tỉnh và tổ chức thành Chi đội. Tại Biên Hòa, Vệ quốc đoàn Long Thành sáp nhập vào Vệ quốc đoàn Biên Hòa. Từ đây, lực lượng vũ trang yêu nước tại Biên Hòa hình thành Chi đội 10. Ban Chỉ huy Chi đội gồm: đồng chí Huỳnh Văn Nghệ - Chi đội trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Lung - Chi đội phó và đồng chí Phan Đình Công - Chính trị viên.

Quân số của Chi đội 10 trên 2.000 người, được tổ chức thành ba đại đội với phiên hiệu A, B, C. Đại đội C gồm hai trung đội 7,8 do đồng chí Lương Văn Nho chỉ huy hoạt động ở địa bàn Long

¹ Theo lời kể của nhân chứng Phan Thị Chi, sinh năm 1926, xã Long Thọ.

Thành. Một số thanh niên Hiệp Phước đã gia nhập Chi đội 10, chiến đấu dũng cảm ở các mặt trận, như: Ngô Văn Tắc, người xã Phước Lai, chiến sĩ Đại đội C, hy sinh ngày 12.4 âm lịch (ngày 12.5.1946) tại khu vực suối Đá Vàng, xã Long An; Nguyễn Văn Xi, người xã Phước Kiển, Trung đội phó Trung đội 6 Đại đội C; Nguyễn Văn Na, chiến sĩ Đại đội C hy sinh ngày 8.12.1948; Đồng Văn Cẩm, Trung đội trưởng Trung đội 6 Đại đội C, hy sinh ngày 1.10.1950 tại ngã ba Bến Gỗ, xã An Hòa... Các anh đều hy sinh khi tuổi còn rất trẻ, hầu hết chưa lập gia đình, chưa có vợ con.

Đến tháng 11.1946, đội tự vệ chiến đấu các xã được bổ sung lực lượng, đổi thành đội dân quân du kích xã. Trong mấy tháng địch tạm chiếm, cán bộ, chiến sĩ tự vệ và nhân dân bước đầu được trui rèn thử thách trong máu lửa.

Ở Hiệp Phước, dù quân Pháp đóng bót ngay trên lộ 19, cán bộ phong trào của các xã Phước Lai, Phước Kiển như Huỳnh Văn Lâm, Huỳnh Văn Diệu, Nguyễn Văn Hựu vẫn tìm cách qua được sự theo dõi của địch, nhận tiếp tế, ủng hộ của người dân chuyển về Chiến khu Phước An. Nhưng hoạt động trong vòng vây của địch, sự mất mát, tổn thất là không thể tránh khỏi. Tháng 6.1946, ông Huỳnh Văn Diệu, Trưởng Ban Tiếp tế của xã Phước Lai bị địch bắt trong lúc vận động mua lương thực cho bộ đội. Chúng đánh đập, tra tấn ông dã man nhưng ông kiên quyết không khai, bị đưa về Khám đường Biên Hòa. Trong thời gian bị giam cầm tại đây, ông cùng các bạn tù đấu tranh và bị địch bí mật thủ tiêu ngày 1.7.1946. Ở địa phương, ông Huỳnh Văn Lâm đã thay thế ông Diệu tiếp tục thực hiện nhiệm vụ. Ngày 10.12.1946, trình sát

lực lượng Công an xã Phước Lai là anh Nguyễn Văn Cảnh cũng hy sinh khi chống càn.

Sau 16 tháng quật khởi, quân dân Hiệp Phước đã sát cánh cùng cả quận, cả tỉnh, cả Nam Bộ đương đầu với âm mưu của thực dân Pháp, ngăn cản bước chân tái xâm lược, xây dựng cơ sở Đảng, thống nhất các lực lượng vũ trang, mở rộng mặt trận Việt Minh, phát động phong trào quần chúng, tổ chức các hoạt động kháng chiến, chiến đấu anh dũng gây tổn thất lớn cho quân thù, hoàn thành các nhiệm vụ Xứ ủy, Tỉnh ủy giao, thực hiện tốt công tác bầu cử Quốc hội. Đến thời điểm tháng 12.1946, căn bản các nhiệm vụ đều hoàn thành, tạo thế và lực cùng cả nước bước vào giai đoạn toàn dân kháng chiến theo lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

II. CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN

Sau khi những nỗ lực đàm phán với thực dân Pháp để cứu vãn hòa bình không thành, sáng ngày 20.12.1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho truyền thanh “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, nội dung đã chuẩn bị từ đêm trước. Lời kêu gọi như tiếng kèn xung trận làm nức lòng quân dân cả nước: *Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa. Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai*

có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Tiếng kèn xung trận ấy thôi thúc quân dân Long Thành vốn đã đi được một chặng đường dài chống thực dân Pháp nay hòa nhịp cùng cả nước kháng chiến toàn dân, toàn diện. Nhiệm vụ của Đảng bộ Long Thành lúc này là tiếp tục lãnh đạo toàn Đảng bộ, chính quyền, mặt trận, lực lượng vũ trang củng cố tổ chức, huy động các nguồn lực xây dựng đời sống kháng chiến, căn cứ kháng chiến, nâng cao thực lực chiến đấu, đánh bại âm mưu của địch, bảo vệ quê hương, chia lửa với chiến trường cả nước.

1. Góp phần xây dựng, bảo vệ căn cứ kháng chiến Phước An

Thực hiện nhiệm vụ được Tỉnh ủy giao, Quận ủy chủ trương xây dựng địa bàn, bố trí lại lực lượng cho phù hợp tình hình mới. Theo hệ thống chỉ huy lực lượng vũ trang, Long Thành tổ chức 4 liên thôn mang số 11, 12, 13, 14. Phước An được xem là địa bàn có ý nghĩa chiến lược. Từ tháng 12.1946, Phước An đã là nơi đứng chân của các cơ quan quận Long Thành và nhiều đơn vị thuộc Sài Gòn - Chợ Lớn, Nhà Bè, Thủ Đức.

Phước An là vùng đất ở phía nam của huyện Nhơn Trạch, nằm dọc theo tỉnh lộ 19 trên chiều dài 13km, diện tích tự nhiên 10.997 hecta, địa hình phức tạp trở thành căn cứ kháng chiến của huyện và nhiều đơn vị của tỉnh, khu. Do tính chất chiến lược của vùng đất này, ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, lực lượng Bình Xuyên đã chọn Phước An làm căn cứ đóng quân của liên quân Hoàng Thọ, Chi đội 7, Chi đội 6, bộ đội Sài Gòn - Chợ Lớn.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa về xây dựng căn cứ kháng chiến, phát triển du kích chiến tranh, tháng 1.1947, Ủy ban hành chính kháng chiến, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quận Long Thành đã về đứng chân xây dựng căn cứ ở Phước An. Các cơ quan chỉ huy và các đơn vị của liên chi Bình Xuyên kể cả quân y viện và công binh xưởng, cũng chuyển về đóng quân ở nam lộ 19, trong Rừng Sác Phước An, Ba Doi (Phước Đức). Sau đó, khoa Quân giới Nam Bộ được Bộ Tư lệnh Nam Bộ điều từ miền Tây về lập các phân xưởng sản xuất vũ khí ở Đồng Ông Trúc. Căn cứ của các đơn vị đều được xây dựng qui mô, có bến ghe, vọng gác, phòng tuyến chống địch, bãi tập để huấn luyện quân sự. Ủy ban kháng chiến quận Long Thành đóng ở rừng Giồng, ấp Bà Trường, xã Phước An. Chủ tịch là Trần Bình Khê. Gần một trăm cơ quan lớn nhỏ các quận, các xã của Long Thành, Thủ Đức, nhiều đơn vị bộ đội (như bộ đội Hoàng Thọ, bộ đội Quân khu 7) đóng ở rừng Giồng ven hai trục lộ 17 và 19 quanh Lòng Chảo từ Phước Thiện, Long Tân, Phú Hội đến Phước Kiển, Phước Lai dài tới Phước Thọ, Phước An, Bình Thạnh. Cán bộ, chiến sĩ Phước Lai, Phước Kiển thường xuyên ra vào Phước An để công tác, hội họp, học tập; người dân hai xã thì đưa hàng hóa, lương thực, thực phẩm, thuốc men vào căn cứ kháng chiến.

Cuối năm 1947, phong trào cấm cọc chống Tây nhảy dù và ngăn tàu giặc trên sông phát triển sâu rộng. Hàng ngàn lượt nam nữ thanh niên, cán bộ chiến sĩ, dân quân du kích và nhân dân quận Long Thành thi đua cấm cọc khắp các cánh đồng: đồng Lớn, đồng Xóm Ngọn, đồng Gò Cát... Quân dân Phước Lai, Phước Kiển cũng như các xã quanh “thủ đô kháng chiến” Phước An cũng nâng cao tinh thần cảnh giác, ý thức bảo vệ căn cứ.

2. Củng cố lực lượng, phát triển phong trào chiến tranh du kích

Từ đầu năm 1947, dù đã tăng cường quân sự nhưng địch vẫn chưa thể chiếm đóng hoàn toàn được quận Long Thành, phạm vi quản lý của chính quyền và các ban hội tề do Pháp dựng lên chưa rộng, kể cả tại một số vùng địch tạm chiếm. Đến giữa năm 1947, địch tiến hành gom dân về quanh các đồn bót và trục lộ giao thông quốc lộ 15, tỉnh lộ 17, tiến hành càn quét liên tục. Chính quyền kháng chiến vận động nhân dân chống lại, đòi trở về đất cũ sản xuất. Tuy nhiên, với sự kiểm soát, lùng sục gắt gao của địch, tuyến đường liên lạc giữa Long Thành với tỉnh Biên Hòa bị cắt đứt, liên lạc giữa xã với huyện, xã với xã rất khó khăn. Nguyễn Tam Nguyên, Trung đội trưởng Giải phóng quân Long Thành và một số người dao động trong đơn vị chôn súng, trốn đi nơi khác sinh sống. Nguyễn Văn Chỏi, Chủ nhiệm Việt Minh bỏ chạy. Những phần tử là con cháu hội tề, phú nông và một số cán bộ trong Ủy ban hành chánh các xã, áp mất tinh thần cũng bỏ việc, lánh đi nơi khác.

Ở Phước Kiển, một tổn thất lớn đến với phong trào kháng chiến của xã: Đồng chí Nguyễn Văn Hồng, Bí thư Chi bộ, Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh xã trên đường đi công tác đã lọt ổ phục kích của địch, hy sinh ngày 17.1.1947 tại rừng Phước Kiển; cùng đi chung có anh Lâm Văn Huệ, liên lạc viên Công an xã, cũng hy sinh. Trước đó 5 ngày, Trưởng ban Tiếp tế của xã Phước Kiển là Nguyễn Văn Hựu trúng phục kích hy sinh tại khu vực này. Phó Công an xã Phước Lai là anh Phạm Văn Hiếu (Thì) cũng hy sinh ngày 2.6.1947 khi chiến đấu. Ở Phước Lai, anh Huỳnh Ngọc Cẩn

là người địa phương, vào lực lượng Công an quận Long Thành từ năm 1946, bị địch phục kích hy sinh ngày 5.1.1947 tại khu vực Phước Lai. Tuy nhiên, dù phong trào kháng chiến gặp nhiều khó khăn, quân dân Phước Lai, Phước Kiển vẫn kiên cường chiến đấu, nhiều thanh niên vẫn tiếp tục tham gia kháng chiến, trong đó có chị Huỳnh Thị Diệp¹ được giao nhiệm vụ Ủy viên Ban Chấp hành Phụ nữ xã Phước Lai. Ngày 12.2.1948, đồng chí Huỳnh Thị Diệp được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng.

Thực hiện chủ trương cổ điển “dùng người Việt đánh người Việt”, thực dân Pháp dùng bọn Cao Đài phản động đóng bót ở Cát Lái, Câu Khê, Phú Thạnh, Long Tân. Tàu địch tăng cường kiểm soát sông Lòng Tàu nhằm chia cắt các căn cứ kháng chiến, phá thế liên hoàn với chiến khu Rừng Sác và cao nhất là đẩy mọi lực lượng kháng chiến ra khỏi địa bàn huyện Long Thành để tăng cường bảo vệ đầu não Sài Gòn. Các lực lượng thủy quân Pháp, đặc cảnh miền Đông P.S.E. kết hợp máy bay và lính các đồn bót Nhà Bè, Phú Xuân càn bố sâu vào các sông rạch Rừng Sác.

Địch tập trung đẩy mạnh hoạt động tình báo, cài cắm gián điệp vào lực lượng kháng chiến đóng trên địa bàn Long Thành. Chúng nắm được lực lượng Bình Xuyên của Bảy Viễn và Tư Huỳnh. Tên Nguyễn Quang Minh chui sâu, leo lên tới chức Phó Bí thư Huyện ủy, tên Sáu Sang (Lại Văn Sang) leo lên chức Ủy viên thường vụ Huyện ủy, Trưởng Công an quận Long Thành. Hệ thống gián điệp này có mưu đồ lật đổ và tiêu diệt lực lượng cách mạng Chiến khu Phước An. Năm 1949, Tỉnh ủy Biên Hòa phát hiện được, kịp thời

¹ Huỳnh Thị Diệp là con của liệt sĩ Huỳnh Văn Diêu và Bà mẹ Việt Nam anh hùng Dương Thị Phụ.

chỉ đạo đập tan âm mưu nham hiểm nói trên. Ta tổ chức quét sạch bọn phản động cài cắm vào hàng ngũ cách mạng, bắt và xử tử hình Việt gian tại đồng Xóm Ngọn, xã Phước An có hàng ngàn đồng bào tham dự. Một số tên khác cũng bị xử lý thích đáng.

Ở rừng Giồng Lòng Chảo, bọn gián điệp mặc quần áo như bộ da cạp rằn ri hoạt động ban đêm hòng ngăn cản bộ, bộ đội, nhân dân đi lại, hội họp, công tác. Năm 1949, bọn Bảy Viễn cầm đầu số Bình Xuyên phản động đầu hàng thực dân Pháp. Quen thuộc địa bàn Rừng Sác, bọn này đánh phá ta rất ác liệt. Thực dân Pháp đưa tên quan ba Xuy-a-cô (Jolet Suacot), đại đội trưởng Đại đội 4 Trung đoàn 22, khét tiếng là ác ôn về làm chỉ huy trưởng khu Long Thành cho đến Hắc Dịch, Châu Pha.

Giặc Pháp ra sức củng cố, phát triển lực lượng vũ trang Cao Đài. Chỉ huy lực lượng Cao Đài phản động là trung tá Lê Thành Kham đóng ở Phú Thạnh, vệ úy Tư đóng đồn Câu Khê, đội Sâm chỉ huy một đội com-măng-đô ở bót Giồng Ông Đông, tên ký Hải, thông ngôn cho tên quan La-ọc ở kho đạn Thành Tuy Hạ. Đồn Cao Đài mọc lên ở nhiều xã. Lính Cao Đài hoạt động mạnh và ngang ngược hơn cả Pạt-ti-san (lính do quân đội Pháp thành lập). Khi càn quét, chúng mang theo thuồng sắt xăm tìm đồ đạc đồng bào chôn giấu, đem theo vợ con mang gùi, mang gánh, gập gù cướp nẩy, xúc lúa, dỡ nhà. Ta có chủ trương vận động đồng bào chung sống với Cao Đài để ủng hộ kháng chiến, đồng thời bắt giữ trừng trị những tên đầu sỏ gây tội ác.

Công tác diệt tề trừ gian được đẩy mạnh trong toàn huyện dưới nhiều hình thức, mạnh nhất là ở các xã ấp tạm chiếm ven vùng tự do. Các ban hội tề thường nhận được thư của Mặt trận

Việt Minh kêu gọi nghỉ việc, giải tán hoặc tản cư ra vùng tự do. Thư đưa tới nhà từng hội tề. Người lừng chừng được giáo dục. Những tên ngoan cố đều bị trừng trị. Ở Phước Lai có tên Việt gian, tên là Hon. Tên Hon thường rình mò những gia đình có người thân đi kháng chiến, lòng sục bắt bớ cán bộ cách mạng. Các anh tự vệ cuộc bèn gọi hấn vào răn đe rồi cho về. Sau đó, tên Hon dẫn lính ở bót Bà Ký đến bao vây nhà má Hai Kiển để bắt các anh, nhưng các anh cảnh giác nên đã rời khỏi nhà má Hai Kiển từ trước đó. Sau trận càn bắt hụt này, tên Hon tiếp tục rình mò các gia đình cơ sở cách mạng ở Phước Lai, Phước Long. Năm 1950, các đội viên Đội du kích Phước Lai đã tổ chức diệt tên này.

Từ năm 1948, phong trào tạm cấp ruộng đất và thực hiện giảm tô diễn ra đều khắp các xã. Bà con vui mừng đẩy mạnh sản xuất, đóng góp hàng năm vài chục ngàn gia lúa ủng hộ kháng chiến. Chính việc tạm cấp ruộng đất cho nông dân nghèo có ý nghĩa sâu xa suốt hai thời kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ dài ba thập niên. Ở Hiệp Phước, người dân có sở hữu ruộng đất đều tích cực đóng góp nuôi quân, ủng hộ kháng chiến.

Do công tác tuyên truyền tốt, hàng trăm thanh niên nam nữ các địa phương hăng hái đi thoát ly vào các cơ quan, tham gia du kích xã và xung phong tòng quân. Dưới sự chỉ huy của Huyện ủy, người dân cùng nhau chặt phá cao su các sở đồn điền, gây nhiều thiệt hại cho bọn chủ thực dân. Để chặn xe tăng, thiết giáp và cam nông (xe tải quân sự) nhà binh, bà con phá cầu trên lộ 15 nhất là đoạn từ Long An, Long Phước xuống tới Phước Thái, Thái Thiện; cầu Hưu, cầu Sông Cả đều bị phá sập. Nhiều đoạn đường tráng nhựa phẳng lì trên quốc lộ 15 trở thành hố sâu chặn xe địch lưu

thông. Một số đoạn trên lộ 17, 19 cũng bị phá banh bằng với mặt ruộng.

Đọc theo lộ 17, mặc dù giặc Pháp đóng hai bót ở Phước Thiện, hai bót ở Mỹ Hội, nhưng Bến Cam, Bến Sắn, Phú Mỹ, Xóm Hồ vẫn được coi là vùng tự do. Bộ đội, công an xung phong qua lại đóng quân thường xuyên.

Năm 1948, sau chiến thắng Việt Bắc (cuối năm 1947), chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp bị thất bại. Chúng chuyển hướng quay về thực hiện bình định Nam Bộ với chủ trương “dùng người Việt giết người Việt”, tăng cường xây dựng đồn bót, tháp canh và các hoạt động tâm lý chiến, tình báo, gián điệp. Chúng cũng tiến hành ruồng bỏ, lũng bắt cán bộ kháng chiến đưa về giam cầm, tra khảo. Ở Phước Lai, chị Võ Thị Chấm là Ủy viên Ban Chấp hành Phụ nữ xã trên đường đi công tác từ Phước An về ngang xã Long Thọ gặp phục kích của địch, bị bắn chết ngay tại chỗ. Năm đó chị Chấm mới 22 tuổi, chưa lập gia đình.

Năm 1948 là năm khởi đầu cho thời kỳ phát triển mạnh của phong trào du kích chiến tranh của huyện Long Thành, Chiến khu Phước An được củng cố và phát triển toàn diện.

Từ đầu năm 1948, dọc theo lộ 17, lộ 19, tuy đồn bót giặc vẫn còn, nhưng các hoạt động của cán bộ, các lực lượng vũ trang không gặp nhiều khó khăn, thế làm chủ của nhân dân vẫn giữ được. Các tổ chức chính quyền, đoàn thể, mặt trận được củng cố, hoạt động tốt. Phong trào mạnh dần, giặc bót hung hăng, chúng rút bỏ bót Phước Thọ, bót chùa Bà Ký, chỉ còn đóng bót Phước Long. Ở vùng Hiệp Phước địch cũng rút bỏ lính, bỏ bót Phước

Lai nhưng vẫn còn giữ bó Phước Kiển. Tuy nhiên, đến thời điểm thu hoạch lúa vụ Đông Xuân 1948, địch vẫn cho quân về Hiệp Phước càn quét hòng ngăn cản người dân thu hoạch, có lương thực tiếp tế cho kháng chiến. Đội du kích hai xã Phước Lai, Phước Kiển hợp đồng tác chiến, phân công nhau túc trực ở ruộng để bảo vệ người dân. Trong đụng độ với địch, Xã đội trưởng du kích Phước Lai Đoàn Văn Lọt¹ và Xã đội trưởng du kích Phước Kiển Trần Tấn Công² đều hy sinh anh dũng khi bảo vệ dân. Đoàn Văn Lọt là vị xã đội trưởng thứ hai của Phước Lai hy sinh chỉ trong ba năm của cuộc kháng chiến chống Pháp. Chỉ trong vòng sáu tháng sau đó, vùng Hiệp Phước tổn thất thêm các thanh niên: Phạm Văn Ngữ, Bạch Văn Bàng; chiến sĩ Huyện đội Long Thành Nguyễn Văn Choi, người xã Phước Kiển, hy sinh tại Chiến khu Phước An khi chiến đấu chống càn; Mã Văn Bình, Công an Phước Kiển, hy sinh tại rừng Phước Kiển khi đang trên đường công tác...

Vùng giải phóng lúc này được mở rộng dần, liền lạc từ ấp Bà Ký đến Phước Thái, từ ấp Một Phước Long đến Phước An. Hoạt động càn quét của giặc khôn hẹp lại, thưa dần đi. Công tác phá đường để ngăn giặc được phát động. Đến giữa năm 1948, các đoàn thể khối mặt trận đều được củng cố ổn định. Chị Lê Thị Đây, người Phước Lai, là Trưởng Ban Chấp hành Phụ nữ xã Long Phước, được trên rút về công tác ở huyện, nhận nhiệm vụ Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Long Thành. Đầu năm 1949, Phụ nữ huyện mở lớp tập huấn chính trị - quân sự, thời gian một tháng cho cán bộ trưởng, phó phụ nữ các xã; giảng viên

1 Xã đội trưởng Phước Lai Đoàn Văn Lọt hy sinh ngày 18.1.1948.

2 Xã đội trưởng Phước Kiển Trần Tấn Công hy sinh ngày 6.2.1948.

có chị Khanh, chị Phi ở tỉnh về báo cáo chuyên đề. dịp này, nữ đồng chí Lê Thị Đào được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng.

3. Đấu tranh chống chiếm đóng, bao vây

Đầu năm 1949, Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ huyện Long Thành khai mạc với gần một trăm đại biểu, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên thường vụ Xứ ủy Nam Bộ. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy gồm: Bí thư Sáu Khánh (Võ Hồng Phô), Trần Bình Khê, Trương Minh Kỳ, Nguyễn Sanh Thành và Lê Hữu Tài (Lê Hữu Thước) là những đồng chí hoạt động trước Cách mạng Tháng 8.1945. Đây là một sự kiện lịch sử quan trọng của Đảng bộ huyện Long Thành.

Sáng ngày 19.6.1949, hai chiếc máy bay khu trục ném bom, bắn phá bừa bãi vào trường học ở căn cứ kháng chiến và xóm có bộ đội đóng quân ở Bình Quới, Bình Thạnh. Hai ngôi trường bị bắn nát, thầy Nguyễn Văn Sưa hy sinh tại trường. Thầy Nguyễn Văn Tao và mấy chục học trò kịp chạy ra hầm trú ẩn. Trưa hôm ấy, hàng chục xe cam-nhông chở đầy bọn lính lê dương và lính ngự từ hướng cầu Sắt lộ 19 đổ quân lùng sục các xóm, ấp. Các chiến sĩ đại đội vệ binh dàn trận, trụ trong công sự và các liếp cau. Đại liên, súng cối, súng trường anh em hờm sẵn chờ địch. Đúng theo dự kiến, đội hình chúng lọt vào thế trận bày trước của ta. Mìn nổ, súng bộ đội nả đạn ở cự ly gần. Rồi tiếng súng vang dậy góc trời, không phân biệt bên nào, kéo dài suốt một tiếng đồng hồ. Gần trưa, địch tháo chạy tán loạn mang theo gần trăm tên chết hoặc bị thương. Bên ta, đồng chí Nguyễn Văn Lễ và đồng chí Nguyễn Văn Bè hy sinh. Ở Phước Lai có Trưởng Ban Chấp hành Phụ nữ xã là chị Trần Thị Tắng cũng hy sinh.

Cuối năm 1949, thực dân Pháp càng tăng cường công tác bình định ở Nam Bộ nói chung và Biên Hòa - Long Thành nói riêng. Giặc Pháp tổ chức lại lực lượng quân sự trong toàn huyện. Tại chi khu, địch đóng hai đại đội: một đại đội chính quy gồm 120 lính, phần đông là người dân tộc (thường gọi là lính Thổ), một đại đội Pạt-ti-san 120 lính, trang bị hỏa lực mạnh. Pháo binh chi khu được tăng cường 1 khẩu 105 ly. Các bót Phước Thiên, Phước Long, Siph, Hêlêna... mỗi nơi 2 trung đội, trong đó có 1 trung đội chính quy do sĩ quan Pháp chỉ huy. Bên cạnh đó, thực dân xây dựng nhiều bót lính Cao Đài cấp trung đội, có nơi cấp đại đội.

Từ giữa tháng 5.1950 trở đi, Chiến khu Phước An bị địch lần chiếm. Thực hiện chiến thuật Đờ la Tua (De Latour), chúng đóng nhiều tua, bót dọc theo trục lộ 19 ở các xã Phước Kiển, Phước Lai, Phước Long, Phước Thọ, Phước An, Bình Thạnh. Như vậy, chỉ sau hơn 2 năm tự do, người dân Phước Lai lại bị đồn bót của quân Pháp kèm kẹp. Cán bộ, chiến sĩ ở Phước Lai hoặc từ địa phương khác ngang qua Phước Lai để vào Chiến khu Phước An phải tìm cách tránh né tai mắt địch. Nhưng dù vậy, liên lạc vẫn được giữ vững. Từ Phước Lai, ông Huỳnh Văn Lâm là cán bộ Ban Tiếp tế của Ủy ban hành chánh kháng chiến xã vẫn liên tục ra vào Chiến khu Phước An để báo cáo tình hình, vận chuyển lương thực, thuốc men, tài liệu. Có lần bọn địch ập vào nhà ông Lâm, lục soát khắp nơi và tìm thấy bó tài liệu giấu ở mái nhà, vợ ông Lâm là bà Nguyễn Thị Cừ¹ vội nói là chồng đi làm ăn xa, bản thân không

1 Mẹ Nguyễn Thị Cừ có chồng và 5 người con tham gia kháng chiến, trong đó 3 con hy sinh được công nhận liệt sĩ là: Huỳnh Ngọc Minh, Huỳnh Ngọc Sơn, Huỳnh Ngọc Quang. Bản thân mẹ cũng là cơ sở cách mạng. Mẹ Cừ được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17.12.1994.

biết chữ, gặp giấy ngoài đường thì lượm về nhóm lửa chớ không biết đó là giấy gì. Thấy nhà chỉ có người phụ nữ ốm yếu với mấy đứa trẻ nheo nhóc, bọn lính kêu mẹ Cửu khi nào chồng về thì phải lên đồn trình báo. Mẹ Cửu vâng dạ rồi bỏ qua.

III. ĐẤU TRANH CHỐNG LẤN CHIẾM, GIỮ VỮNG VÀ MỞ RỘNG ĐỊA BÀN LÀM CHỦ, GÓP PHẦN KẾT THÚC THẮNG LỢI 9 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

1. Bố trí lại chiến trường, củng cố lực lượng kháng chiến

Đầu năm 1951, địch bắt đầu xúc tiến mạnh việc giải tỏa lộ 15, quốc lộ chiến lược đã bị ta cắt đứt từ năm 1946. Chúng đưa công binh về khôi phục lại các cầu cống bị sập, đắp lại một phần đường sá và tổ chức việc bảo vệ từng đoạn đường bằng các tháp canh; địch tăng cường càn quét, đánh phá căn cứ của huyện, nhất là bọn lính Comando hay đột kích bất ngờ gây thiệt hại cho du kích các xã.

Phước Lai cũng tổn thất nặng, Chủ tịch Ủy ban hành chánh kháng chiến xã Phạm Văn Liễu bị trúng phục kích của lính com-mando, hy sinh. Người Chủ tịch xã đầu tiên của Phước Lai là người ham học hỏi, sớm giác ngộ cách mạng, thuộc lớp cán bộ tiên khởi nghĩa của địa phương, đóng góp nhiều công sức cho cách mạng trong những ngày đầu gian nan lập chính quyền mới. Khi Cách mạng Tháng Tám 1945 nổ ra, anh đã 25 tuổi, cha mẹ hối thúc cưới vợ nhưng anh cứ hẹn lần nữa, bảo đợi vài năm nữa đánh đuổi xong giặc Pháp cướp nước rồi sẽ lập gia đình. Kháng chiến kéo dài, anh cứ tắt bật việc chung mãi cho đến lúc hy sinh. Người kế nhiệm anh làm Chủ tịch Ủy ban hành chánh kháng chiến xã Phước Lai là Trần Văn Kiệm cũng hy sinh sau đó 7 tháng khi vừa

mới cưới vợ, chưa kịp có mụn con nào. Đồng chí Lê Văn Lòi (Tu Lòi) được cử làm Bí thư Chi bộ xã Phước Lai. Ông Huỳnh Văn Đát (Bảy Đát), một thân sĩ của địa phương là Chủ tịch Ủy ban hành chánh kháng chiến.

Trước tình hình giặc đánh phá khu vực rừng giồng ác liệt, nhiều cơ quan, đoàn thể dời xuống Sở Dừa ở Bàu Bông, phân tán cán bộ về bám dân các xã. Tháng 5.1951, Trung ương Cục miền Nam tổ chức lại chiến trường. Toàn Nam Bộ tổ chức hai phân liên khu miền Đông và miền Tây, lấy sông Tiền làm ranh giới. Tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên; tỉnh Bà Rịa và Chợ Lớn sáp nhập thành tỉnh Bà Rịa - Chợ Lớn (thường gọi là Bà Chợ). Huyện Long Thành thuộc tỉnh Bà Chợ. Trước những diễn biến gay go của phong trào kháng chiến Long Thành, Thường vụ Tỉnh ủy Bà Chợ chỉ đạo:

“Long Thành là một địa bàn chiến lược, một vùng căn cứ, một chiến khu quan trọng trong vùng Sài Gòn - Chợ Lớn. Phong trào Long Thành, cơ sở Long Thành tốt, quần chúng tốt. Bằng giá nào cũng phải ổn định cho được chiến trường Long Thành để đảm bảo chỗ đứng của tỉnh”. Trên cơ sở đánh giá đó, Tỉnh ủy Bà Chợ quyết định tăng cường cán bộ cho huyện.

Đồng chí Nguyễn Trọng Cát được điều về làm Bí thư Huyện ủy Long Thành. Các cơ quan huyện di chuyển nhiều địa điểm trong vùng Rừng Sác: Xóm Bà Riêu (Phước Thái), đồng Ông Trúc, tấc Le Le, Vũng Gấm (Phước An), tấc Rạch Lá (Bình Thạnh). Ngày 20.9.1951, bằng một cuộc càn quét lớn có bộ binh, hải quân, không quân phối hợp, giặc Pháp đã chiếm được Phước An và xây

dựng đồn bót. Tình hình Long Thành - Nhơn Trạch càng trở nên khó khăn hơn.

Sau những đợt càn bô của giặc, lực lượng địa phương và cơ sở cách mạng bị tổn thất. Ở Phước Lai, chị Bùi Thị Đang, Trưởng Ban Chấp hành Phụ nữ xã bị địch bắt, đưa về bót Long Thành tra tấn đến chết. Hàng loạt cán bộ lãnh đạo chủ chốt xã Phước Lai hy sinh trong một thời gian ngắn khiến phong trào cách mạng địa phương có lúc chùng lảng.

Nhưng đến vụ mùa 1952-1953, quân dân Long Thành vẫn đầy mạnh phong trào xây dựng cơ sở các ấp vận động bà con đóng góp nuôi quân. Hưởng ứng vận động của Việt Minh, ai cũng sẵn sàng đóng góp tiền bạc, lúa gạo cho kháng chiến, có người nuôi cán bộ trong nhà. Bà con dân nghèo một lòng một dạ theo cách mạng. Ở Phước Lai, mẹ Nguyễn Thị Hương với tay nghề bán thuốc tễ rong đã qua mắt địch đi khắp nơi mua thuốc men, lương thực, thực phẩm, đóng góp tài chính cho cách mạng. Con trai lớn của mẹ Hương là Đặng Văn Thép, sinh năm 1930, là đội viên Đội du kích xã Long Thọ, hy sinh ngày 2.11.1947 trong một trận chống càn ở khu Long Thọ, khi đó anh mới 17 tuổi. Nén nỗi đau mất con, mẹ Hương vẫn tiếp tục giúp đỡ, hỗ trợ phong trào kháng chiến vì mẹ tin rằng chỉ khi mọi người đồng lòng cùng nhau góp công, góp của mới có thể đánh đuổi được quân xâm lược. Ở Phước Kiển, mẹ Hồ Thị Sùng dù nhà rất nghèo lại còn phải cưu mang người con nuôi là Đỗ Văn Mỹ mồ côi cả cha lẫn mẹ do bị Pháp bắn chết, cũng ráng chắt mót gởi gạo gởi tiền cho cách mạng.

Từ tháng 12.1952 đến tháng 2.1953 phong trào quần chúng lên cao, tích cực góp phần hoàn thành bảo vệ mùa màng, động

viên thanh niên ra rừng xây lại đội du kích; ủng hộ sáng kiến “bám dân xây dựng cơ sở”.

2. Khắc phục thiên tai, bảo vệ mùa màng

Ngày 20.10.1952 bắt đầu trận lũ lịch sử Nhâm Thìn ở Long Thành. Lũ lụt xảy ra ở Biên Hòa sớm hơn hai ba ngày. Tại chòm mả Gò Nai, có cây bần to bị ngã rạp, các cây khác vẫy mình trong giông bão toi bời, nước dâng cao dần mênh mông như biển cả. Con bão đi qua, nước rút cạn dần. Lúa đồng xanh lại, xuống ghe đi lại bình thường.

Huyện ủy lãnh đạo thực hiện kế hoạch bảo vệ mùa màng sắp tới, phân công cốt cán chịu trách nhiệm từng cánh đồng, chọn địa điểm là các gò cao để ban đêm tập trung lúa thu lúc ban ngày. Số lúa này giao cho đoàn vận chuyển của huyện chở đi. Lúa cánh đồng nào chín tới đâu, bà con gặt tới đó. Ta vận động chủ ruộng giao nộp, lúa để ở bờ, đến tới cán bộ và cơ sở mật vác xuống xuồng chở tới gò hoang chọn trước, từ khuya tới gần sáng giao cho đoàn vận chuyển Khu III. Địch càn quét cánh đồng này, ta sang cánh đồng khác, tới đến ta tiếp tục vận chuyển lúa.

Đầu tháng 1.1953, hai đồng chí người Phước Kiển là Huỳnh Văn Ngô - Công an viên huyện Long Thành và Trần Tấn Lộc - cán bộ Mặt trận Liên Việt huyện hy sinh khi làm nhiệm vụ bảo vệ mùa màng. Phước Kiển cũng gặp nhiều tổn thất khi đồng chí Từ Văn Văn, Phó Chủ tịch xã hy sinh tại Phước An ngày 10.1.1953; Trần Công Đương, tổ trưởng tổ quân báo xã Phước Kiển thì bị địch phục kích bắn trọng thương, đưa về bót Phước Thiện tra tấn đến chết ngày 25.1.1953.

Công tác bảo vệ mùa màng duy trì trong gian khó, cuối vụ tổng kết huy động được hàng trăm ngàn gia lúa và hàng chục ngàn đồng (ở nơi thu lúa khó khăn, dân đóng tiền) chở về huyện và tỉnh an toàn. Đồng bào Phước Lai, Phước Kiển cũng tích cực đóng góp tiền, gạo, các cán bộ phong trào xã như ông Huỳnh Văn Lộc liên tục đi về nhận đóng góp của bà con để chuyển cho cách mạng. Trong hoàn cảnh ngặt nghèo năm đó, số lúa của Nhơn Trạch đóng góp cho kháng chiến là thắng lợi to lớn của đường lối chiến tranh nhân dân do Đảng lãnh đạo. Hàng vạn nông dân được giáo dục, phát động tư tưởng nên giặc ngộ cách mạng, có niềm tin vững chắc, đội ngũ cốt cán mật được tăng cường cả về số và chất lượng.

3. Cùng cả nước tiến công địch, kết thúc kháng chiến

Từ năm 1953, trên phạm vi cả nước và Đông Dương, quân dân ta tiến công thực dân Pháp như vũ bão và chiến thắng nở rộ khắp nơi: Liên khu V, miền Đông Nam Bộ, mở màn trận Thượng Lào Điện Biên. Cuối tháng 8.1953, đồng chí Lê Hiền, cán bộ an ninh huyện đi các xã tập hợp, phổ biến tin chiến thắng các chiến trường đến người dân, đồng viên đồng bào tiếp tục cho con em tòng quân để xây dựng lực lượng du kích.

Ngày 7.4.1954, Tiểu đoàn 300 của lực lượng vũ trang khi tổ chức chống trận quét của quân Pháp đã tiêu diệt được tên quan ba Jolet Suacot. Tin Suacot đền tội đã gây tiếng vang lớn, mang lại niềm vui cho người dân Long Thành - Nhơn Trạch bởi những tội ác dã man, khủng khiếp mà tên này gây ra cho nhân dân ta trong những năm qua đã khiến ai cũng phẫn nộ.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7.5.1954, thực dân Pháp phải tuyên bố thua trận, chấm dứt mộng tái chiếm và đặt ách đô

hộ ở nước ta. Ngày 20.7.1954, Hiệp định Genève về đình chiến ở Đông Dương đã được ký kết, và sau đó ngày 1.8.1954, lệnh ngưng bắn được thực hiện.

Tin Hiệp định Genève được ký kết tạo nên một không khí phấn khởi to lớn trong toàn huyện. Ngay trong thời gian chưa có lệnh ngưng bắn, đồng bào vẫn tìm mọi cách truyền nhau tin tức, báo chí về nội dung Hiệp định. Các cuộc mít tinh mừng hòa bình, mừng thắng lợi Hiệp định do các đội vũ trang tuyên truyền tổ chức trong các ấp xã vẫn được đông đảo đồng bào đến dự. Ở Rừng Sác, mỗi lần tổ chức nói chuyện ngoài sông, chỉ cần treo một tấm nilon, cắm cờ, treo ảnh Bác và thấp ngọn đèn lên là ghe của đồng bào tấp nập đổ tới. Binh lính địch được ban địch vận, thông qua cơ sở, gỡ gỡ tuyên truyền, gửi truyền đơn nắm được nội dung Hiệp định, nhiều người bỏ trốn về nhà làm ăn sinh sống.

Kể từ trung tuần tháng 8.1954, thi hành Hiệp định Genève, cán bộ chiến sĩ Long Thành lần lượt chuyển sang vùng căn cứ Xuyên Phước Cơ (Bà Rịa). Tại đây, sau khi được học tập, quán triệt tinh thần Hiệp định, Huyện ủy đã chọn lọc một bộ phận cán bộ, đảng viên từ Huyện ủy viên trở xuống ở lại. Số anh em đi tập kết hầu hết là thuộc lực lượng vũ trang huyện, xã.

Trong những ngày cuối tháng 8 và đầu tháng 9.1954, không khí Long Thành - Nhơn Trạch nhộn nhịp. Các xã đều cử đoàn đại biểu mang theo quà của nhân dân gửi tặng bộ đội, hàng ngàn lượt đồng bào, bà con thân nhân của cán bộ, chiến sĩ cũng tìm mọi cách sang Xuyên Phước Cơ đưa tiễn con em quê hương mình lên đường tập kết.

Ở Nhơn Trạch nhiều cán bộ, chiến sĩ lên đường tập kết, một số đồng chí nhận nhiệm vụ ở lại, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến cam go sau này. Ở Hiệp Phước cũng có nhiều cán bộ, chiến sĩ đi tập kết, như: Hoàng Viễn Tri (Bảy Tri), Năm Yêm, Tư Đánh, Hai Thiệt, Hai Bắc... Các đồng chí: Lê Thị Đây, Lê Văn Lờ, Ba Đông, Bùi Văn Chơn (Phước Lai), Huỳnh Ngọc Ân, Lê Thị Cung, Nguyễn Văn Cường (Phước Kiển) nhận nhiệm vụ ở lại quê hương để chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc chiến mới theo dự báo của cấp trên.

Hưởng không khí độc lập tự do gần gũi, quân dân Hiệp Phước đã cùng quê hương Nhơn Trạch - Long Thành lại tiếp tục sự nghiệp kháng chiến chống sự tái chiếm Nam Bộ của thực dân Pháp. Với sức mạnh của chính quyền non trẻ, tổ chức đảng còn mỏng manh, đảng viên chưa nhiều, Nhơn Trạch nói chung và Hiệp Phước nói riêng đã trường kỳ gian khổ tham gia kháng chiến, tạo nhiều thành tích.

Giặc Pháp quyết tâm chiếm đóng Long Thành, xây dựng và phát triển căn cứ Thành Tuy Hạ cùng hệ thống đồn bót để trấn áp, hòng bao vây, chia cắt, tiêu diệt lực lượng kháng chiến. Tổ chức đảng, mặt trận đoàn thể và lực lượng quần chúng của Hiệp Phước - Nhơn Trạch vẫn kiên cường bám trụ ngay trong lòng địch cùng cả nước kháng chiến toàn dân, góp phần tạo nên thắng lợi của Hiệp định Genève năm 1954.

Chương IV

LÃNH ĐẠO KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

I. TỪ ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ ĐẾN ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ KẾT HỢP ĐẤU TRANH VŨ TRANG

1. Củng cố tổ chức đảng, đoàn thể

Hiệp định Genève (ngày 20.7.1954) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và toàn cõi Đông Dương là một thắng lợi lớn của dân tộc Việt Nam. Theo tinh thần Hiệp định, thực dân Pháp phải công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, tháng 7.1956 sẽ tiến hành hiệp thương và tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Với âm mưu xâm lược đất nước ta, tháng 7.1954 Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về nước lập chính phủ bù nhìn, xây dựng hệ thống chính quyền tay sai ở miền Nam Việt Nam.

Trước tình hình mới, Trung ương Đảng có chủ trương mới. Tháng 10.1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập. Xứ ủy quyết định thành lập Liên Tỉnh ủy miền Đông do đồng chí Phan Đức làm Bí thư. Xứ ủy xác định *quân thù chính hiện nay là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai*; nhiệm vụ cụ thể của cách mạng miền Nam là: *Gìn*

giữ củng cố hòa bình, tranh thủ thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Genève, tiến tới thực hiện thống nhất, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước; Xứ ủy chủ trương: Động viên toàn thể nhân dân đấu tranh bắt buộc, nhân dân phải đấu tranh bắt buộc đối phương phải thực hiện đúng dẫn Hiệp định đình chiến, thực hiện quyền tự do dân chủ, bộ máy chính quyền của đối phương. Phương châm hành động cách mạng trong tình hình mới: Phải nắm vững nguyên tắc bí mật, công khai và bán công khai. Kết hợp công tác bí mật với công tác công khai. Cơ sở bí mật là cơ sở căn bản của quần chúng để mở rộng phong trào¹.

Cuối năm 1954, để phù hợp với tình hình mới, Xứ ủy Nam Bộ và Liên Tỉnh ủy miền Đông quyết định tách tỉnh Thủ Biên, lập lại hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Thường vụ Liên Tỉnh ủy chỉ định đồng chí Phạm Văn Thuận làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Lũy, Phó Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa. Tỉnh Biên Hòa gồm thị xã Biên Hòa và 5 huyện nông thôn. Tỉnh ủy Biên Hòa phân công các đồng chí chủ chốt, trong đó đồng chí Vũ Hồng Phô (Sáu Khánh) làm Bí thư Huyện ủy Long Thành.

Lực lượng cách mạng trong các xã sau tập kết được củng cố, hầu hết các xã trong tỉnh đều có đảng viên. Một số xã trong vùng căn cứ xây dựng chi bộ có đến 20-30 đảng viên. Nhiều xã ở các huyện có chi bộ từ 5 đến 10 đảng viên. Vùng yếu, thị xã, thị trấn có chi bộ từ 3-5 đảng viên và có xã có đảng viên lẻ, có xã còn trắng. Các đoàn thể cách mạng trong thời kỳ này chỉ còn lại tổ

¹ Báo cáo Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ tháng 10.1954.

chức Đoàn Thanh niên Lao động. Xã Phước Lai thuộc vùng yếu, có 4 đảng viên mật là Tám Đồng, Tư Lờ, Ba Đông, Mười Trong, trong đó đồng chí Ba Đông ban đầu nằm trong danh sách đi tập kết, nhưng sau khi đến Xuyên Phước Cơ thì đồng chí bí mật nhận nhiệm vụ ở lại.

Lường trước âm mưu thâm độc của kẻ thù, Tỉnh ủy Biên Hòa có nghị quyết quy định tổ chức hoạt động của các cán bộ Đảng từ tỉnh, huyện, xã phải thực hiện đúng nguyên tắc bí mật, công khai, bán công khai. Mỗi cán bộ được bố trí công tác ở đâu đều phải tạo việc làm hợp pháp, hòa mình trong dân, xây dựng cốt cán quần chúng, qua đó mà tuyên truyền, vận động tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Xây dựng các tổ chức công khai, bán công khai và lợi dụng tổ chức tự nhiên đã có của quần chúng, đưa đảng viên vào nắm để tập hợp, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, bảo vệ quyền lợi của quần chúng.

Tỉnh ủy đề ra chủ trương đấu tranh cách mạng trong giai đoạn mới: Các cán bộ bố trí ở lại phải bám trụ trong dân, tạo thế công khai hợp pháp, dựa vào pháp lý của Hiệp định Genève để lãnh đạo quần chúng đấu tranh chính trị, đòi dân sinh dân chủ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước; bảo vệ cán bộ, bảo vệ tính mạng và tài sản, quyền lợi của nhân dân, chống chiến dịch bắt bớ khủng bố của cán bộ kháng chiến cũ (điều 14C Hiệp định). Tỉnh ủy chỉ đạo các cuộc đấu tranh dù nhỏ hay lớn, đều phải đấu tranh thủ lời kéo gia đình binh sĩ thành ngòi pháo trong các cuộc đấu tranh, đấu tranh phải có lý có lẽ và đúng mực. Thời kỳ này, Tỉnh ủy chủ trương xây dựng người đưa vào làm nội tuyến trong

lòng địch, xây dựng chọn người đưa vào làm tề (xã trưởng, ấp trưởng), đưa người vào dân vệ, bảo an, chủ lực của địch¹.

Ngày 2.9.1954, đoàn cán bộ huyện Long Thành không đi tập kết, từ Xuyên Mộc trở lại địa bàn huyện. Ba ngày sau, số cán bộ ở lại được tổ chức học tập tình hình mới, nhiệm vụ mới và nội dung Hiệp định Genève. Số cán bộ được học tập không nhiều, Phước Lai có các cán bộ: Tám Đồng, Tư Lò, Mười Trong; Phước Kiến có hai cán bộ: Lê Thị Cung (cán bộ phụ nữ xã), Huỳnh Ngọc Ân (Thư ký Nông hội xã). Lớp học tổ chức tại huyện, thời gian một tuần, do các anh Tám Thạch, Sáu Phô hướng dẫn. Học xong, cán bộ xã nào về lại bám dân xã đó, tập trung công tác tuyên truyền, giải thích cho quần chúng tốt để vận động xây dựng cơ sở cách mạng, chuẩn bị cho tổng tuyển cử.

Ngô Đình Diệm được Mỹ đưa về làm Thủ tướng Chính phủ bù nhìn ngày 7.7.1954. Pháp bị hất cẳng khỏi miền Nam Việt Nam sau khi Hiệp định Genève ký kết. Các phần tử thân Pháp lần lượt bị loại bỏ khỏi các cấp chính quyền từ trung ương xuống cơ sở. Để thâm tóm mọi quyền lực trong tay thủ tướng và gia đình, Ngô Đình Diệm một mặt mua chuộc những ai có thể mua chuộc như Trịnh Minh Thế (Cao Đài), Năm Lửa (Hòa Hảo), một mặt ra lệnh cho tay chân mở chiến dịch Hoàng Diệu dẹp các giáo phái Bình Xuyên của Lê Văn Viễn, Hòa Hảo của Ba Cụt, Cao Đài của Phạm Công Tắc... Tiếng súng râm rân ở vùng cầu chữ Y (Sài Gòn) - nơi cát cứ của Bảy Viễn, vọng về rõ mồn một. Địch bắt dân treo khẩu

¹ *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Đảng bộ tỉnh Đồng Nai 1930 - 1995*, tập II, NXB Đồng Nai, 2000, tr 7-9.

hiệu “*Ứng hộ chính phủ quốc gia do Thủ tướng Ngô Đình Diệm lãnh đạo*”.

Người Hiệp Phước có hình thức phản ứng rất khôn khéo. Ở Phước Lai, ông Ba Đãi đi ngoài đường cầm “loa” làm bằng mo cau kêu to: “*Hiệp định nói có hai năm thôi nha bà con, hai năm thôi, nhớ nha*”. Bọn hương chức hội tề ở đây lúc này còn hoang mang chưa biết tình hình ra sao nên giả vờ không hay biết, để mặc cho ông Ba Đãi đi khắp nơi kêu gọi.

Về tâm trạng của người dân kháng chiến, khi Cách mạng Tháng Tám thành công, tinh thần cán bộ cũng như phong trào quần chúng bùng lên khí thế mạnh mẽ. Khi giặc Pháp tái chiếm, có một số người dao động bỏ kháng chiến ra vùng tạm chiếm làm ăn, đa số cán bộ ta tạm lánh; nhưng khi phong trào lên, cơ sở được củng cố thì cán bộ, quần chúng lại bùng dậy, tiếp tục sự nghiệp cách mạng. Còn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thì khác hẳn, bắt đầu với tình hình mới, phương pháp mới, nhiệm vụ mới, vô vàn khó khăn. Lòng dân nhiều lo lắng, từ chỗ ta có chính quyền, đoàn thể, bộ đội, nay không còn tổ chức nào, chỉ còn một vài cán bộ không vũ khí, không căn cứ cách mạng, chỉ bám dân mà sống, đợi ngày tổng tuyển cử theo tinh thần Hiệp định. Ngược lại, phía chính quyền của Diệm có quân đội đông đảo, vũ khí được trang bị tận răng, lại đủ trò dụ dỗ, đủ kiểu tuyên truyền đe dọa, đàn áp quyết diệt tận gốc “Việt Minh”. Trước tình hình ấy, cán bộ ta trong tình thế hoạt động bí mật, âm thầm ra sức tuyên truyền, giải thích cho dân hiểu rõ tình hình và âm mưu của địch, dựa vào cơ sở tốt làm nòng cốt mở rộng dân trong các xóm ấp. Cán bộ ta quen dần

với nhiệm vụ mới, chia thành nhóm nhỏ sinh hoạt theo tổ tam tam, vận động, hướng dẫn quần chúng dựa trên quyền lợi của mình đấu tranh chống bắt dân vô tội, chống bắt lính, đòi thi hành Hiệp định đình chiến - tổng tuyển cử, chống các trò tuyên truyền bầu cử của Diệm.

Bước đầu, tổ chức được cơ sở làm nhiệm vụ giao liên nối liên lạc giữa các xã với huyện và tỉnh. Trong đó, nhà má Hai Kiển ở Phước Long là đầu mối liên lạc giữa huyện và xã, nhiều lúc giao liên tỉnh cũng đến nhà má Hai. Ở Phước Lai, nhà má Nguyễn Thị Hương với vỏ bọc bán thuốc tễ, nhà ông Huỳnh Văn Lộc tiếp tục là nơi liên lạc, ẩn náu của cán bộ cách mạng.

Dưới sự chỉ đạo của tỉnh, tháng 4.1956, Huyện ủy thành lập Ban Bình vận, chủ trương tăng cường gài người vào chính quyền ngay để tạo thế lâu dài và trước mắt là hạn chế sự đánh phá ở cơ sở. Nữ đồng chí Lê Thị Đây được giao nhiệm vụ bình vận ở xã Phước Lai. Đồng chí Lê Thị Đây cùng với một số cơ sở nòng cốt của ta cứ đến từng nhà, rỉ rả phân tích cho bà con thấy ý đồ không thi hành Hiệp định, không thực hiện tổng tuyển cử của chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu hắt cẳng thực dân Pháp để chiếm miền Nam của đế quốc Mỹ; khi bọn tề ngụy đến từng nhà rà soát thanh niên trong độ tuổi để bắt quân dịch, các cơ sở của ta lại rỉ tai về âm mưu dùng người Việt để đánh người Việt của của bọn đế quốc. Cứ như thế, phong trào cách mạng dần được nhen nhóm lại trong lòng người dân Phước Lai, Phước Kiển.

Đầu tháng 6, đồng chí Sáu Phong, Phó Bí thư Huyện ủy đi nhận Chỉ thị 4 của Trung ương về. Nội dung chính của chỉ thị này

là điều lắng mai phục, đưa đảng viên vào quần chúng để bảo vệ lực lượng và xây dựng cơ sở trong quần chúng. Việc triển khai chỉ thị 4 ở Long Thành bước đầu có khó khăn. Hầu hết cán bộ đảng viên đều lo lắng. Một số không muốn ra dân vì sợ địch bắt. Tuy vậy, sau hai tháng quán triệt từ Huyện ủy tới cơ sở, các cán bộ đảng viên vẫn chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị của Đảng, lần lượt ra dân tạo thế hợp pháp xây dựng phong trào. Chỉ riêng cấp ủy huyện vẫn giữ bán công khai để nắm và chỉ đạo phong trào toàn huyện. Ở Hiệp Phước, hai chị Lê Thị Đây và Lê Thị Cung nhờ là phụ nữ, ít bị địch chú ý nên ngay từ năm 1954 đã đánh tiếng là đi làm ăn xa nay trở về sinh sống, tạo được thế hợp pháp, còn các đồng chí nam tìm cách ở nhờ nhà bà con họ hàng, hoặc lánh về bên nhà vợ như đồng chí Bùi Văn Chơn; các đồng chí Tư Lờ, Ba Đông thì về sống ở Long Phước để tránh tai mắt bọn tề ngụy.

Từ đầu tháng 12.1954, đồng chí Vũ Khánh (tức Vũ Hồng Phô) được Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ định về làm Bí thư Huyện ủy Long Thành thay cho đồng chí Trần Bình Khê được điều động về Khu nhận nhiệm vụ mới. Tháng 1.1955, tại căn cứ Rừng Sác ở Phước Thọ, Hội nghị Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Long Thành được tổ chức. Hội nghị đánh giá tình hình của địa phương và đề ra chủ trương: *Tiếp tục tuyên truyền thắng lợi của Hiệp định, vận động nhân dân tăng gia sản xuất, xây dựng các tổ chức quần chúng hợp pháp; kiện toàn cơ sở Đảng ở tất cả các xã.*

Huyện ủy phân công các đồng chí ủy viên về từng địa bàn chỉ đạo trực tiếp, xây dựng phong trào đấu tranh: đồng chí Út Mười Hai (tức Út Vồ) phụ trách khu vực Tam An, An Lợi; đồng chí Ba

Đồng phụ trách địa bàn Long An, Long Phước; đồng chí Tám Tánh phụ trách xã Phú Hội, Long Tân; đồng chí Mai Hiến Thái (Ba Thái) phụ trách vùng đồn điền cao su; đồng chí Tư Lộc về Phú Hữu, Phước Khánh, Phước Lý, Phú Thạnh; đồng chí Võ Văn Lượng (Tư Định) phụ trách địa bàn Phước An, Phước Thọ... Tại Phước Lai, đồng chí Lê Văn Lôi tiếp tục giữ nhiệm vụ Bí thư chi bộ. Ở Phước Kiển, đồng chí Nguyễn Văn Cường được giao trọng trách Bí thư chi bộ, gọi là trọng trách vì lúc này số cán bộ ở Phước Kiển rất mỏng, bọn tề ngụy lại hung hăng, việc gây dựng phong trào nơi này sẽ lắm gian nan.

Phong trào đưa dân về làng cũ được đẩy mạnh. Hàng trăm hecta ruộng đất ven sông Đồng Nai, Đồng Môn thuộc xã Tam Phước, Tam An, Long Điền, Long Tân bị bỏ hoang trong suốt những năm chiến tranh giờ đây tấp nập người về canh tác. Nhiều hộ dân vốn nghi ngại cát nhà ven lộ 17, lộ 19 giờ cũng dõng dạc xuống các khu vườn an tâm sinh sống, làm ăn. Các khu dồn dân trước đây trống vắng dần. Thị trấn Long Thành là nơi tập trung khá đông dân trước đây cũng thưa hơn do nhiều người trở về quê cũ sinh sống. Các vùng đất hoang vắng ở Long Thành trong những năm tháng chiến tranh ác liệt bắt đầu được nhân dân về khai hoang, dựng nhà. Chợ, trường học trong các xã, ấp được dựng lại.

Trong tình hình đó, Huyện ủy chủ trương xây dựng các tổ chức quần chúng hợp pháp nhằm tập hợp lực lượng, tăng cường tuyên truyền, giáo dục nhân dân và đấu tranh khi cần thiết. Các xã đều xuất hiện hội đình, hội chùa, hội lương hữu, hội banh mỗi

hội đều có đảng viên làm nòng cốt và thu hút hàng trăm hội viên. Đông nhất là các hội mang màu sắc tín ngưỡng dân gian.

Các cán bộ kháng chiến được đưa vào lãnh đạo các tổ chức quần chúng để hướng dẫn hoạt động. Hội viên tùy hảo tâm, tài lực của mình đóng góp tiền cho hội làm quỹ sinh hoạt. Hình thức vạ cày, vạ cấy trong nông dân hay ca, kíp trong công nhân đã tạo nên sự gắn bó, sự tương thân tương trợ trong hội viên giúp nhau tăng gia, sản xuất. Các hội hoạt động công khai, nhưng bên trong phong trào cách mạng đã bước đầu hình thành các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông dân có Ban cán sự, có đóng hội phí hàng tháng. Thông qua các hội đoàn quần chúng, các chi bộ tập hợp được quần chúng, tuyên truyền làm thất bại âm mưu gây mất đoàn kết của địch. Tại những buổi họp hội, cán bộ, đảng viên lồng vào nội dung tuyên truyền thắng lợi Hiệp định Genève, đồng thời từng bước xây dựng cơ sở, giương cao khẩu hiệu đấu tranh: “Không được trả thù người kháng chiến cũ”, “Thực hiện điều 14C của Hiệp định”.

2. Lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, thi hành Hiệp định Genève

Từ tháng 3.1955, chính quyền tay sai Sài Gòn bắt đầu bố trí một bộ phận đồng bào ở miền Bắc di cư vào Nam vào Long Thành. Chỉ trong vòng 4 tháng, số đồng bào di cư đã lên tới trên 7.000 người và hình thành các trại định cư ở Liên Kim Sơn vòng ngoài thị trấn, ở Phước Lý, Ông Kèo bao quanh phía nam Lòng Chảo, tổng kho Thành Tuy Hạ và đông nhất là ở Phước Khánh

với gần 4.000 người. Thực tế cho thấy, việc chính quyền địch lấy đất của người dân địa phương để lập trại đưa đồng bào di cư đến, kèm theo những chính sách mị dân như cấp đất, khoanh vùng, cấp đồ dùng, vật dụng, làm nhà, cho tự do khai phá rừng Giồng, rừng Sác nhằm thực hiện âm mưu tạo ra một vành đai bảo vệ những khu vực quan trọng của chính quyền Ngô Đình Diệm; đồng thời tạo nên sự mâu thuẫn giữa người miền Nam người miền Bắc, chia rẽ tôn giáo, tín ngưỡng giữa Thiên Chúa giáo và Phật giáo ở địa phương. Đây là một âm mưu thâm độc của địch nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết của nhân dân ta.

Trong năm đầu năm chính quyền, Ngô Đình Diệm tiến hành thanh trừng các lực lượng vũ trang giáo phái thân Pháp và chống đối chính quyền Sài Gòn để thống nhất, xây dựng quân đội tay sai thân Mỹ. Đầu tháng 5.1955, gần 4.000 quân của lực lượng Bình Xuyên do Lê Văn Viễn (Bảy Viễn) cầm đầu sau hơn một tháng chống cự với quân đội Sài Gòn, đã rút về Rừng Sác của Long Thành với ý đồ biến vùng này thành căn cứ chống chính quyền Ngô Đình Diệm lâu dài. Các đơn vị của lực lượng Bình Xuyên đóng rải trong các xóm ấp Rừng Sác¹. Tình hình an ninh trật tự của huyện Long Thành mất ổn định khi lực lượng Bình Xuyên tràn về. Nhiều người dân vô tội bị lính Bình Xuyên giết người cướp của, ghe thuyền của dân chài bị cướp giật, nhiều người bị bắt đi làm không công để xây dựng căn cứ cho quân Bình Xuyên.

1 Tiểu đoàn 3 của Võ Văn Môn (Bảy Môn) đóng dọc địa bàn Phước An, Phước Thọ. Đai phát thanh đặt trên tàu do Lại Hữu Sang phụ trách ngày ngày chạy từ sông Ông Kèo ra sông Lòng Tàu bêu xấu, khiêu khích đánh nhau với quân đội Diệm. Đai đội Bình Xuyên do Ba Phú chỉ huy đóng ở Phước Khánh.

Thậm chí, ở một số xã, quân đội Bình Xuyên đòi thành lập chính quyền riêng.

Trước tình hình đó, Huyện ủy Long Thành đề nghị về Tỉnh ủy Biên Hòa và Xứ ủy cho hướng giải quyết vấn đề đối với quân lính Bình Xuyên và vấn đề dân di cư do địch đưa đến. Song song đó, nhằm ổn định tình hình của địa phương, hạn chế những tổn thất do chúng gây nên đối với nhân dân, Huyện ủy Long Thành chỉ đạo cho các xã có lực lượng Bình Xuyên đóng tích cực liên hệ, vận động để phân hóa hàng ngũ chỉ huy, lôi kéo những phần tử tiến bộ về với cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ, đồng bào các xã, các gia đình có lính Bình Xuyên đóng đã đối xử tốt hơn với lực lượng này và tạo điều kiện cho sự tiếp xúc giữa cán bộ của ta với chỉ huy, binh lính. Công tác vận động đối với lực lượng Bình Xuyên đã đem lại những kết quả đáng kể. Vừa vận động, ta vừa đưa người của cách mạng vào hàng ngũ Bình Xuyên. Lợi dụng sự mâu thuẫn giữa quân Bình Xuyên và quân lính Diệm, ta vận động binh lính Bình Xuyên tiêu diệt một số tên ác ôn tại địa phương. Ban Địch vận Xứ ủy Nam Bộ đã cử đồng chí Nguyễn Trọng Tâm (Bảy Tâm), về Long Thành liên lạc với Huyện ủy.

Tháng 8.1955, đồng chí Nguyễn Trọng Tâm, Vũ Khánh (Bí thư Huyện ủy Long Thành), Mười Thọ đã tổ chức cho đồng chí Võ Văn Khánh (Bảy Khánh), Xứ ủy viên dự khuyết đại diện Xứ ủy Nam Bộ, đồng chí Phạm Văn Thuận (Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa) theo đường hợp pháp về Phước Thọ, dự kiến gặp Ban chỉ huy Bình Xuyên làm việc. Nhưng đó cũng là thời gian chính quyền Sài Gòn mở cuộc tổng tiến công trong chiến dịch “Hoàng Diệu”

đánh vào Rừng Sác để tiêu diệt lực lượng Bình Xuyên do Lê Văn Viễn cầm đầu¹. Quân Bình Xuyên bị quân của chính quyền Diệm đánh tan. Chỉ huy Bình Xuyên là Lê Văn Viễn bỏ chạy ra Vũng Tàu rồi sang Pháp.

Nhân thời cơ này, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa, Quận ủy Long Thành đã nhanh chóng nắm các đơn vị Bình Xuyên trước đây có xu hướng ngã theo cách mạng. Bảy Môn cùng một nửa tiểu đoàn 3 được các đồng chí Tư Thái, Mười Thọ dẫn đường vượt lộ 15 về căn cứ Suối Cả của tỉnh, gia nhập lực lượng cách mạng.

Từ năm 1955 trở đi, chính phủ Ngô Đình Diệm bắt đầu thi hành chính sách tố Cộng, huy động mọi lực lượng quân sự, an ninh, hành chính, tình báo, thông tin tuyên truyền... nhằm đàn áp những người tham gia kháng chiến chống Pháp trước đây với tên gọi là Việt Minh. Chúng tiến hành phân loại các gia đình trong xã: gia đình có người làm việc cho chính quyền quốc gia, gia đình làm ăn bình thường không có quan hệ với bên nào, gia đình có người đi tập kết, gia đình có người tham gia kháng chiến trước đây, gia đình có người là cán bộ cách mạng, đảng viên... Với từng loại gia đình, địch có cách ứng xử khác nhau, trong đó chúng tận lực o ép, dọa dẫm, khủng bố những gia đình có người thân tham gia kháng chiến, làm cách mạng, đảng viên. Việc phân loại này đã gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong người dân. Địch bắt các gia đình phải theo dõi hàng xóm của mình, nếu có người lạ đến liên

¹ Ngày 2.1.1955 Ngô Đình Diệm tuyên bố mở chiến dịch “Hoàng Diệu” truy kích, tàn quân Bình Xuyên rút về Rừng Sác.

lạc cho dù không phải “Việt Cộng” cũng phải báo cho trưởng ấp biết, nếu không sẽ bị gây khó dễ vì cho rằng có quan hệ với “Việt Cộng nằm vùng”. Gia đình nào không tố cáo Việt Cộng nếu bị phát hiện sẽ kết tội liên đới.

Các chiến dịch tố cộng, diệt cộng khiến nhiều cán bộ kháng chiến cũ ở Phước Kiển sa vào tay địch: Hoàng, Bảy Bùng, Tú, Năm... Đồng chí Tư Lờ phải rút về khu vực Bến Chợ (thuộc xã Long Phước), đồng chí Ba Đông về Bà Ký (cũng thuộc xã Long Phước). Trước đó, đồng chí Sáu Đây đang là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện được đưa về làm cán bộ bình vận xã Phước Lai. Thời gian đầu, các đồng chí chấp hành chủ trương của Huyện ủy, vận động tuyên truyền người dân đấu tranh đòi thi hành Hiệp định, chống cuộc bầu cử vi phạm Hiệp định của Ngô Đình Diệm, gây dựng cơ sở cách mạng. Các đồng chí đã gian nan từng chút một trong công tác vận động quần chúng. Người dân Hiệp Phước trong khó khăn gian khổ vẫn một lòng với cách mạng. Những cán bộ thời kháng chiến chống Pháp được ta bắt liên lạc đã sẵn sàng hoạt động trở lại, như Huỳnh Văn Lâm, Huỳnh Văn Lộc, Lê Văn Nuôi; các gia đình cơ sở cách mạng trước đó nay lại tiếp tục cùng chống Mỹ, như gia đình ông Ba Đãi, ông Bảy Xèo, ông Bảy Chu, ông Hai Thái, bà Nguyễn Thị Nót, bà Nguyễn Thị Dính, bà Dương Thị Phụ, bà Nguyễn Thị Hương, bà Lý Thị Vĩnh...

Năm 1956, địch mở chiến dịch Trương Tấn Bửu đánh vào phong trào cách mạng miền Đông. Bọn chỉ điểm, do thám ở huyện Long Thành hoạt động mạnh, một số tên rất lợi hại như Mười

Hiêm (Phước An), Lư, Bảy Sĩ, Bảy Nhỏ, Mum (Phú Hội), Chín Đồi (Phước Thọ). Ở Phước Lai, Phước Kiến, nhiều tên tề ngục ác ôn cũng bắt đầu ngóc đầu hoành hành, rình mò chỉ điểm, bắt bớ người kháng chiến cũ và người có cảm tình cách mạng, thậm chí bức hiếp cả những người dân vô tội để tống tiền, điển hình như Phạm Văn Sáng, Trưởng ấp B xã Phước Lai; Mười Phương, tay chân của tên Đại úy Chín Trón, ác ôn khét tiếng khu vực Long Thành - Nhơn Trạch¹; Phạm Minh Sang, Trung đội trưởng nghĩa quân ở Phước Lai... Chúng còn tổ chức các lực lượng “Thanh niên Cộng hòa”, “Phụ nữ liên đới” nhằm theo dõi, chỉ điểm khi cán bộ ta về bất liên lạc với dân. Cuộc sống người dân Hiệp Phước cũng như vùng Long Thành - Nhơn Trạch lúc bấy giờ thật ngột ngạt.

Năm 1959 Ngô Đình Diệm ký ban hành Luật số 91, thường được gọi là “Luật 10/59” để đàn áp cách mạng và phong trào yêu nước. Hàng vạn cán bộ, đồng bào yêu nước đã bị chúng bắt bớ, giam cầm, khảo tra, giết hại. Năm 1958, đồng chí Huỳnh Ngọc Ẩn, Thư ký Nông hội xã Phước Kiến bị địch bắt, đày ra Côn Đảo, bị chúng tra tấn đến chết ngày 22.7.1960. Đồng chí Bùi Văn Chon là cán bộ mật, sau năm 1954 về sống ở Phước Lai nhưng sau đó bị lộ nên thoát ly ra căn cứ ở rừng Phước Lai; năm 1959 khi trên đường từ căn cứ đến nhà ông Huỳnh Văn Lộc ở ấp B để nhận tiếp tế, đồng chí Chon lọt vào ổ phục kích của địch, hy sinh.

Dù khó khăn, phong trào cách mạng vẫn bám rễ được trong lòng dân, nhất là các gia đình có con, em, người thân đi kháng

¹ Mười Phương sau này bị lực lượng cách mạng diệt chung trong trận xử tên Chín Trón.

chiến. Nhiệm vụ của các cán bộ hoạt động bí mật tại các xã lúc này là phải dựa vào quần chúng để làm nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục, xây dựng và tập hợp quần chúng, trong đó cơ bản là các gia đình nghèo, bị địch áp bức phải đi theo hoặc làm việc cho chúng để giác ngộ họ theo cách mạng. Để hạn chế sự kèm kẹp của địch ở những vùng yếu, đồng thời hỗ trợ cho phong trào thanh khiết ở các xã mạnh, Huyện ủy chủ trương đưa lực lượng vũ trang tuyên truyền vào hoạt động.

Mùa mưa năm 1957, địch cướp 300 hecta đất của chính quyền cách mạng cấp cho gần 300 hộ dân nghèo ở cù lao Ông Cò trước đây, mục đích lập vành đai trắng bảo vệ kho đạn Thành Tuy Hạ. Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ, hai bà: Phan Thị Nho¹ và Phạm Thị Hoa đã vận động và tổ chức bà con nông dân đấu tranh bảo vệ ruộng đất. Trên 300 nông dân, trong đó hơn phân nửa là phụ nữ xông đến bao vây địch. Chị em quyết tâm “sẵn sàng thí mạng, chứ không để mất đất”. Có chị em tranh thủ khuyên giải con, em đi lính đứng về phía nhân dân. Cuối cùng, bọn địch phải rút lui.

Những chủ trương đúng hướng của Huyện ủy đã tạo thế cho phong trào cách mạng trong toàn huyện từng bước đi lên. Đầu năm 1958, Long Tân thành lập lại chi bộ gồm bốn đảng viên, có căn cứ ở rừng Giồng nằm trên địa bàn xã. Truyền đơn qua cơ sở đã rải được vào Phú Thạnh, tới tay công nhân sở cao su Thành Tuy Hạ. Hai xã Phước Lai, Phước Kiến dù nằm hoàn toàn trong vùng

1 Mẹ của đồng chí Nguyễn Văn Thông, năm 2014 được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

địch chiếm đóng cũng đều có chi bộ.

3. Thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng

Tình hình chiến trường ở Nam Bộ từ giữa năm 1959 đã có hàng loạt cuộc đấu tranh vũ trang như Minh Thạnh (Tây Ninh); Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một); Gò Quán Cung, Gò Măng Đa (Đồng Tháp); Tà Lóc, Tà Léc (Bình Định); Tam Ngân (Bình Thuận); Nóc Ông Tía, Trà Bồng (Quảng Ngãi); Biên Hòa có trận đánh diệt Mỹ ở Nhà Xanh ngày 7.7.1959, Long Thành đã có lực lượng vũ trang mang danh nghĩa Bình Xuyên đánh nhiều trận diệt ác phá kìm. Thực tế và yêu cầu chung của Nam Bộ là được chủ trương của Trung ương Đảng chuyển sang giai đoạn mới được đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị.

Tháng 1.1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp mở rộng lần thứ 15, đã xác định con đường phát triển của cách mạng miền Nam, vạch rõ mục tiêu và phương pháp cách mạng ở miền Nam; xác định mối quan hệ giữa hai chiến lược cách mạng ở miền Nam và miền Bắc, giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà. Ngày 15.7.1959, Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng được thông qua và phổ biến. Nghị quyết 15 xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam; trước mắt là đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ; phương pháp cách mạng và phương thức đấu tranh là dùng bạo lực cách mạng, từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; dự kiến xu hướng phát triển từ khởi nghĩa của nhân dân tiến lên cuộc đấu tranh vũ

trang trường kỳ. Đây là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử đã đáp ứng đúng đòi hỏi của thực tế, đánh dấu sự chuyển biến về tư tưởng chỉ đạo đấu tranh cách mạng, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển đi lên của cách mạng miền Nam là phải dùng bạo lực cách mạng, phải chuyển hướng sang đấu tranh vũ trang, là ngọn lửa thắp sáng cao trào đồng khởi trên quy mô lớn ở Nam Bộ.

Nghị quyết đã được Đảng bộ và nhân dân miền Nam đón nhận trong với niềm vui khôn tả. Tỉnh ủy Biên Hòa nhanh chóng triển khai Nghị quyết trong toàn Đảng bộ. Huyện ủy Long Thành tiếp nhận Nghị quyết với quyết tâm chính trị cao, vừa phổ biến, học tập vừa triển khai các phương án lãnh đạo xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang trong tình hình mới.

Tại Nhơn Trạch, từ cuối năm 1959, chính quyền Sài Gòn ulti phá địa hình làm con đường cấp phối trái sỏi từ ngã ba Phước Lai băng ngang Lòng Chảo trở ra gần cầu Vũng Gấm, Hang Nai; người dân gọi con đường này là đường ulti Phước Lai. Mục tiêu của địch là xây dựng khu trù mật¹ Hang Nai để chia cắt địa bàn kháng chiến theo kiểu khoanh vùng tát nước bắt cá, lấy đây làm thí điểm để lập thêm các ấp chiến lược khác, hòng đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi Lòng Chảo. Mặt khác, chúng bố trí dân Công giáo di cư từ miền Bắc vào sinh sống dọc theo lộ 19 tại Vĩnh Thanh thành vành đai ngăn chặn, bảo vệ cho chúng từ Đại Phước đến khu trù mật Phước An.

Năm 1959, tại Long Thành có một số cán bộ, đảng viên do

¹ Hình thức tập trung dân vào khu kiểm soát ở miền Nam mà Mỹ Diệm học kinh nghiệm từ Mã Lai.

không chịu đựng được gian khổ của địch nên đã mất tinh thần, ra đầu hàng địch, trong đó nguy hiểm nhất là tên Hà Tư¹, Bí thư Huyện ủy Long Thành. Ngay khi vừa ra đầu hàng, tên phản bội này đã trở mặt chỉ điểm cho địch lùng bắt, sát hại rất nhiều cán bộ đảng viên và cơ sở của ta.

Ngày 9.9.1960, chính quyền Ngô Đình Diệm tách quận Long Thành thành 2 quận: Long Thành và Nhơn Trạch². Tuy nhiên, phong trào hoạt động cách mạng hai địa bàn này vẫn là một. Trụ sở quận lỵ Nhơn Trạch xây dựng tại xã Phú Thạnh, ngoài chi khu Nhơn Trạch địch còn xây dựng thêm một số căn cứ hành chính, quân sự khác.

Cuối năm 1960, Tỉnh ủy Biên Hòa có chủ trương tách huyện Long Thành thành hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch. Trong đó, Ban cán sự Huyện ủy Nhơn Trạch gồm: Bí thư Võ Văn Định, Phó Bí thư Nguyễn Văn Thông, hai Ủy viên Thường vụ Phạm Minh Chính và Nguyễn Văn Liêm; các Huyện ủy viên Mười Thọ (Trần Văn Thọ), Ba Vân (Nguyễn Thanh Vân), Nguyễn Văn Sơn. Căn cứ Huyện ủy Nhơn Trạch đặt tại rừng Xóm Hố, gần sở Ông Cỏ, xã Phú Hội. Tại đây, đồng chí Nguyễn Trọng Cát (Ba Đắc) đã thay mặt Tỉnh ủy truyền đạt Nghị quyết 15 cho các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy Nhơn Trạch, mở ra phong trào kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang nhằm củng cố lực lượng,

1 Hà Tư hay còn gọi là Trần Xuân Hà, Hà Trần, do Tỉnh ủy điều động từ Tân Uyên, Thủ Dầu Một về làm Bí thư Huyện ủy Long Thành từ tháng 3.1958.

2 Quận Nhơn Trạch gồm 14 xã: Phước An, Phước Thọ, Phước Long, Phước Lai, Phước Kiên, Phú Mỹ, Phú Hội, Phước Thiện, Phú Thạnh, Đại Phước, Phú Hữu, Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Long Tân.

chuẩn bị đồng khởi trong thời gian tới.

Cuối tháng 2.1960 Thường vụ Huyện ủy Nhơn Trạch họp tại Xóm Hố (Phú Hội) phân tích tình hình và quyết định: Phải cầm súng, phải chiến đấu; phân công cán bộ đi cơ sở triển khai thực hiện Nghị quyết 15.

Để triển khai Nghị quyết 15, Huyện ủy chia vùng và phân công từng Huyện ủy viên xuống phụ trách. Vùng I: các xã từ Phước Nguyên, Tam An đến xã Tam Phước, Phước Tân là các đồng chí Út Mười Hai, Sáu Hiếu, Ba Tấn. Vùng II gồm các xã: từ Long An đến Phước Thái là các đồng chí Ba Đông, Mười Thọ. Vùng III gồm các xã: Phú Hội, Phước Thiện, Phước Kiển đến xã Phước An, Vĩnh Thanh là đồng chí Tư Định. Vùng IV từ các xã: Long Tân, Phú Thạnh đến xã Phước Khánh, do các đồng chí Nguyễn Văn Thông và Nguyễn Văn Liêm phụ trách. Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, đầu tháng 3.1960, Đồng chí Võ Văn Lượng (Tư Định) về Phước An móc nối cơ sở rút tân binh, đào vũ khí chôn giấu từ thời kỳ Bình Xuyên, xây dựng lực lượng vũ trang đánh địch. Chủ trương xây dựng lực lượng du kích để đấu tranh nhanh chóng được truyền về các xã.

Tại Hiệp Phước, dọc theo lộ 19 chính quyền Ngô Đình Diệm lập hai đồn Phước Lai nằm ở khu vực Cống Lớn¹ và đồn Phước Kiển nằm bên cạnh đình Phước Kiển để kiểm soát người dân, o

1 Chủ đất khu vực đồn Phước Lai trước kia là của ông Năm Đáng, hiến để xây đồn. Sau năm 1975, đồn bị san bằng, người dân dần xây dựng nhà ở, không còn dấu tích. Khoảng thập niên 1990, gia đình ông Năm Đáng có làm đơn gởi Ủy ban nhân dân xã Phước Lai xin lại đất, nhưng do không có căn cứ giải quyết nên xã không chấp thuận.

ép và dập tắt phong trào cách mạng. Từ khi huyện cho chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang, Đội du kích xã Phước Lai được tái lập. Nhiều thanh niên Phước Lai đã tham gia đội du kích, như: Huỳnh Ngọc Minh (Xã đội trưởng), Trần Minh Đức (Xã đội phó), Đặng Văn Sang, Nguyễn Văn Dương, Phạm Hiếu Nghĩa, Phan Văn Bằng, Nguyễn Văn Bảnh (Hai Cang)... Đội du kích xã Phước Kiến cũng ra đời, gồm: Phạm Văn Quới (Xã đội trưởng), Võ Văn Đông, Nguyễn Văn Dương, Đặng Văn Đủ...

Cuối năm 1960, đồng chí Lê Thị Đây bị bọn địch ở đồn Phước Lai bắt do bị chỉ điểm. Đồng chí bị chúng tra tấn dã man nhưng không hề khai báo, địch đưa đi giam giữ ở Trại giam Phú Lợi (Bình Dương). Đội du kích Phước Lai được sự chấp thuận của cấp trên, quyết định phải diệt trừ những tên Việt gian đã nhiều lần chỉ điểm dẫn đến một số cán bộ của ta bị bắt, giết hại.

Cũng trong năm này, Bí thư Chi bộ xã Phước Lai Lê Văn Lòi hy sinh tại Bến Chợ (xã Long Phước) do trúng pháo địch. Long Phước lúc bấy giờ được xem như “vùng giải phóng”, cán bộ ta sinh sống xen lẫn trong dân vì địch không dám đóng đồn ở đây, nhưng do vậy chúng thường xuyên tung biệt kích vào càn quét đồng thời cho pháo bắn vô tội vạ ở khu vực này. Đồng chí Lê Văn Lòi là cán bộ tiền khởi nghĩa, từng tham gia cuộc Cách mạng Tháng Tám và suốt chín năm kháng chiến chống Pháp, không đi tập kết mà được cấp trên giao nhiệm vụ ở lại để gây dựng cơ sở cách mạng ở quê hương. Đồng chí hy sinh là tổn thất lớn của phong trào cách mạng Phước Lai.

Sau khi đồng chí Tư Lờì hy sinh, đồng chí Huỳnh Văn Bửu, người Phước Lai, được cử làm Bí thư Chi bộ xã. Thời điểm này, tình hình Phước Lai khá căng thẳng do bọn tề, ngụy ngo ngoe, ngóc đầu hoành hành trở lại. Vì thế, huyện đánh giá cần phải có cán bộ là người địa phương, không chỉ thông thạo địa hình mà còn quen thuộc con người để nhanh chóng gây dựng lại cơ sở cách mạng, đẩy mạnh phong trào kháng chiến. Đây là chủ trương đúng của Huyện ủy Nhơn Trạch, từ những hạt nhân nòng cốt này mà phong trào kháng chiến vẫn phát triển bền bỉ trong suốt giai đoạn chống Mỹ, kể cả những lúc thật gian khổ.

Đồng chí Huỳnh Văn Bửu và Đội du kích Phước Lai xây dựng khu căn cứ của địa phương ở rừng Phước Lai. Gọi là căn cứ, thực chất chỉ là dây lán lợp lá, bên trong có bàn dài và hai chiếc ghế dài dành ngồi họp, được anh em đóng bằng cây rừng. Thời đó vùng Nhơn Trạch ai đi thoát ly kháng chiến đều thủ sẵn chiếc võng để ngủ cho cơ động, ít có ngủ giường hay ván. Các cán bộ và anh em du kích Phước Lai được dân nuôi, ở gần dân nên được tiếp tế lương thực, thực phẩm thường xuyên, không bị đói, nhưng lại gặp khó khăn về nguồn nước. Cùng là xã Phước Lai, nhưng khu vực ấp B có nhiều mạch nước ngầm, ngay cả mùa khô chỉ cần đào sâu xuống chừng 1 mét là nước trào ra lênh lánh, ngọt lịm; trong khi đó ở vùng rừng Phước Lai phải đào đến 12 mét mới thấy nước. Vì thế nhiều khi cán bộ, chiến sĩ ở căn cứ Phước Lai phải đi xa để tải nước về dùng.

Xã Phước Kiển xây dựng căn cứ ở rừng Ông Ách. Cũng giống như rừng Phước Lai, rừng Phước Kiển nhiều nơi không có nguồn

nước, có lúc đào đến 20 mét vẫn chưa có nước, mọi người phải đi xuống khu mỏ đen hoặc đi xa hơn nữa, sang Bến Sắn (Phước Thiện) hay Phú Hội để tải nước. Nước ở đây quý như vàng, có khi phải đổi bằng máu nên mọi người chỉ dùng để nấu ăn và uống, việc tắm giặt phải tranh thủ khi gặp nguồn nước. Đời sống kháng chiến trong khu căn cứ Phước Lai, Phước Kiển rất khó khăn, gian khổ nhưng những người con Hiệp Phước bằng ý chí kiên cường, tinh thần đấu tranh anh dũng đều tìm cách vượt qua.

4. Diệt ác phá kềm, cùng miền Nam đồng khởi

Cùng với đấu tranh chính trị, theo chỉ đạo của Khu, Tỉnh ủy chỉ định Huyện ủy Nhơn Trạch phải xây dựng lực lượng vũ trang để kết hợp đấu tranh vũ trang với chính trị, binh vận; trước mắt tập trung 12 thanh niên địa phương đưa về trên học tập đào tạo vào tháng 7.1957.

Sau trận Tua Hai, Bộ chỉ huy Miền đã cử đồng chí Huỳnh Văn Phú chỉ huy 12 chiến sĩ là con em Nhơn Trạch với 12 súng về tăng cường xây dựng vũ trang huyện. Đoàn đến căn cứ Huyện ủy vào tháng 3.1960 (lúc này Văn phòng Huyện ủy ở hào cao su Phước Thọ - Phước An). Trước đó, Huyện ủy đã phát động và tổ chức được một số thanh niên ở các xã, được gia đình tự nguyện đưa đi kháng chiến. Như vậy, lực lượng vũ trang đầu tiên của huyện có quân số 29 người, hình thành trung đội vũ trang 19.5 (còn gọi là 195). Trong đó, đồng chí Huỳnh Văn Phú - Chỉ huy trưởng; đồng chí Đoàn Danh Dự - Chỉ huy phó; đồng chí Võ Văn Định - Bí thư Huyện ủy kiêm Chính trị viên. Đơn vị tổ chức thành ba tiểu đội. Đồng chí Nguyễn Trọng Cát cho ý kiến: “Khi nào đơn vị lập được

chiến công khi đó mới chính thức mang phiên hiệu 19.5”. Để có phiên hiệu, đơn vị quyết chí lập công, ba trận đầu tiên đều thắng.

Trong hai năm 1960-1961, hoạt động của lực lượng 19.5 tạo nhiều thắng lợi gây tiếng vang, thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển với ba mũi giáp công vũ trang, chính trị, binh vận; ba vùng tranh chấp: Vùng mạnh, vùng yếu, vùng sâu/vùng xa. Qua đó, các cơ sở nội tuyến và gia đình binh sĩ được hỗ trợ tinh thần, tăng thêm sức mạnh trong ba mũi giáp công thắng lợi. Sở trường của lực lượng 19.5 là vận dụng cách đánh thọc sâu vào vùng yếu, vùng sâu để lực lượng vũ trang tiếp tục tuyên truyền tạo thế cho cơ sở quần chúng, cho du kích, đẩy mạnh hoạt động. Thắng lợi của đơn vị 19.5 tạo phấn khởi, niềm tin trong thanh niên. Đồng bào mừng vui hưởng ứng phong trào vận động tòng quân, không chỉ đưa con em đi chiến đấu mà còn ủng hộ gạo, tiền bạc nuôi quân. Ở Phước Lai, thanh niên Trần Văn Sang (Hai Sang, con của ông Huỳnh Văn Lâm, cơ sở cách mạng tại Phước Lai) qua vận động, giới thiệu của đồng chí Huỳnh Văn Bửu, ngày 5.1.1961 cũng chính thức thoát ly, gia nhập lực lượng 19.5. Đơn vị của đồng chí Trần Văn Sang do đồng chí Hai Sơn làm Đại đội trưởng.

Ở mặt công tác diệt ác trừ gian, lực lượng vũ trang 19.5 đã cảnh cáo, xử tội nhiều ác gian gây thanh thế cho quân giải phóng. Một tên chiêu hồi là cán bộ kháng chiến chống Pháp ở Phước Long, sau về Phú Mỹ, bị mua chuộc, làm tay sai đắc lực cho giặc, chỉ hãm cho giặc bắt chị Khánh Phương (cán bộ tỉnh), đón bắt anh Tư Thái trên đường đi công tác, và nhiều đồng chí khác nữa. Tên này tội ác rõ ràng, lực lượng vũ trang cử người đến tận nhà, đọc bản án và trừng trị.

Ở Phước An, ta lãnh đạo nhân dân đấu tranh quyết liệt chống gom dân vào khu trù mật. Ở các xã Tam An, Phước Nguyên, Bình Sơn, Long Phước (huyện Long Thành), phong trào diệt ác phá kềm diễn ra sôi nổi, đều khắp. Thanh niên tham gia du kích và tòng quân đi bộ đội giải phóng phát triển mạnh. Cơ sở bên trong được củng cố vững chắc và đông hơn trước nhiều. Phong trào nổi dậy ở các địa phương kế cận có tác động qua lại rất mạnh, thắng lợi ở một nơi thúc đẩy các nơi khác xóc tới.

II. BA MŨI GIÁP CÔNG, GÓP PHẦN LÀM THẤT BẠI ÂM MƯU “ÁP CHIẾN LƯỢC” VÀ “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT”

1. Phong trào Đồng khởi, phá “Áp chiến lược”, mở rộng vùng giải phóng

Tháng 1.1961, Ban Chấp hành Huyện ủy Nhơn Trạch họp nhằm kiểm điểm, ổn định tình hình tách huyện và phương hướng hoạt động cả năm, bàn thảo xây dựng kế hoạch và phân công trực tiếp diệt ác phá kềm mạnh mẽ hơn, giành quyền làm chủ rộng hơn ở các ấp xã, kiến nghị về tổ chức lực lượng cán bộ an ninh cấp xã.

Ở Phước Lai, ta bắt hai tên gián điệp, chỉ điểm đưa về trại tạm giam ở Rừng Sác Bà Ký, sau đó nhận được lệnh cấp trên áp giải hai tên này về tỉnh để khai thác vì đây là hai tên nguy hiểm. Giai đoạn này, trong khu vực Rừng Sác Bà Ký có một trại tạm giam của lực lượng Công an, gọi là trại tạm giam nhưng thực chất chỉ là lán trại lợp lá, sau này lá bị rách thì che tạm bằng nilon, sạp ngủ đóng bằng cây chà là, bốn bề không có vách. Trại có ba người, Trưởng trại là đồng chí Mười Đức, người Phước Thọ, hai nhân

viên là Trần Văn Sang (từ lực lượng 19.5 chuyển qua) và Nguyễn Văn Bảnh (Ba Cang), đều là người Phước Lai.

Đầu tháng 7.1961, đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban binh vận huyện Nhơn Trạch được Huyện ủy quyết định về làm phó đoàn chỉ đạo vùng IV, thay cho đồng chí Nguyễn Văn Thông nhận quyết định đi học lớp cán bộ an ninh do R mở, lên đường đầu tháng 8.

Trong thời gian này (tháng 7.1961¹) Đại đội 240 được thành lập với 40 cán bộ, chiến sĩ lấy từ Đại đội 380 tỉnh Thủ Biên; do đồng chí Phạm Văn Thương làm Đại đội trưởng; đồng chí Nguyễn Văn Bảo làm Đại đội phó; đồng chí Nguyễn Văn Bé làm Chính trị viên; cán bộ, chiến sĩ có 42 đồng chí tổ chức làm hai trung đội thiếu, đóng quân và hoạt động trên địa bàn khu Lòng Chảo huyện Nhơn Trạch; từ tháng 10.1972 phát triển thành Tiểu đoàn 240. Nhiều lớp thanh niên của Phước Lai, Phước Kiển thoát ly tham gia cách mạng, gia nhập lực lượng 240, như: Trần Văn Lập² nhập ngũ năm 1961; Huỳnh Ngọc Sơn³, em trai của Xã đội trưởng Phước Lai Huỳnh Ngọc Minh, vào 240 năm 1962; Đặng Văn Đức⁴, em của du kích Đặng Văn Sang, nhập ngũ 240 năm 1963; Trần Công Thắng, Dương Văn Thạch, Ngô Phi Long... Trong đó, chiến sĩ Trần Công Thắng nhập ngũ C240 năm 1962

1 Có tài liệu ghi: Tháng 1.1961.

2 Con trai duy nhất của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Nót.

3 Con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Cừu.

4 Con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Hương. Mẹ Hương có ba người con hy sinh trong kháng chiến: Đặng Văn Thép, Đặng Văn Sang, Đặng Văn Đức.

lúc mới 17 tuổi, là chiến sĩ được cấp trên, đồng đội đánh giá rất quả cảm, kiên cường trong chiến đấu. Trong một trận chống địch đột kích tại Phước An, Thắng được giao giữ khẩu B40, địch đột kích vào và chiếm công sự, Thắng kịp thời đánh một quả B40 là địch bị bật ra, góp phần cùng đơn vị chiến đấu thắng lợi. Sau trận đánh, anh em đánh giá, khen ngợi đó là quả “B40 vàng”, Thắng hành động kịp thời, dũng cảm và linh hoạt.

Tháng 6.1962, C240 cùng D800 của Quân khu phối hợp Đội du kích Phước Lai và Phước Thọ nghiên cứu tìm cách đánh đồn Phước Lai. Trước đó nhiều ngày, bộ đội chủ lực phối hợp với đội du kích 2 xã Phước Lai, Phước Thọ tổ chức điều nghiên quy luật đi lại, làm việc của bọn lính dân vệ đóng tại đây. Đồn có khoảng 1 trung đội dân vệ khoảng 30 tên đóng giữ, ban ngày chúng kéo nhau ruồng bố khắp nơi, tối co cụm về đồn ngủ. Bọn này rất ngênh ngang, hống hách, thường ức hiếp người dân trong vùng. Sau khi điều nghiên kỹ, nhận thấy có khả năng, lực lượng ta quyết định đánh đồn. Đêm đó, khi các đơn vị đã ém xung quanh công đồn chờ đến giờ hẹn, thì bỗng dung phía trước công đồn có trái mít rụng đánh đùng xuống mái tôn, bọn lính hoảng hốt nhón nhào kêu nhau “coi chừng Việt cộng tấn công”. Tuy có sự cố bất ngờ xảy ra, nhưng các chiến sĩ ra hiệu cho nhau, bình tĩnh phục tiếp. Sau khi xem xét xung quanh không thấy có “Việt cộng”, bọn lính càu nhàu kéo nhau vào đồn. Đội thêm một thời gian thấy trong đồn êm ắng, lực lượng ta mới ra lệnh tiến công. Bị “bất ngờ” lần thứ hai, toàn bộ trung đội lính dân vệ trong đồn bị ta bắt sống, áp giải đưa về đồng Mu Rùa ở Phước An. Trận này ta hy sinh một đồng chí.

Các xã vùng thuộc khu vực Lòng Chảo, nhất là Phước An, liên tục diệt ác phá kìm. Địch bung ra càn quét, bình định các xã. Lực lượng ta khá đông nhưng trang bị vũ khí không đủ. Do vậy cán bộ phải bám vào áp lãnh đạo cốt cán đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống khủng bố, chống bắt lính, tiếp tục củng cố và phát triển cơ sở mật trong áp. Lực lượng công khai (cán bộ, du kích) ở mỗi xã tự phát triển vũ khí thô sơ như súng trường, súng ngựa trời, mìn, hố đinh, bàn chông. Xây dựng căn cứ ở địa phương phải có hàng rào chiến đấu bảo vệ, nếu địch vào thì tiêu hao, tiêu diệt. Mặt khác, các cán bộ được phổ biến kinh nghiệm là hạn chế đi lại trên sông rạch để tránh bị địch phục kích. Tất cả anh em cán bộ, du kích các xã được quán triệt đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất vũ khí thô sơ, lập hàng rào chiến đấu. Chỉ trong thời gian ngắn, các đội du kích đã làm được súng ngựa trời, súng trường tuy bắn từng viên một nhưng tầm sát thương không thua kém súng địch bao nhiêu.

Tháng 4.1962, địch ráo riết thực hiện kế hoạch Staley Taylor. Chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chủ trương xây dựng áp chiến lược, xem đây là xương sống của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Tất cả các lực lượng của địch đều bung ra, vừa đánh phá phong trào cách mạng, vừa xây dựng áp chiến lược để “tát nước bắt cá”, cách ly nhân dân ra khỏi phong trào cách mạng. Nhơn Trạch được chọn là trọng điểm xây dựng áp chiến lược của tỉnh lỵ Biên Hòa. Ở quận Nhơn Trạch, địch chọn hai xã Phú Thạnh và Vĩnh Thanh là “điểm” để xây dựng áp chiến lược. Mặc dù xây dựng điểm chưa xong, địch vẫn tiến hành xây dựng một loạt

các ấp chiến lược ở các xã ven theo lộ 19 và lộ 17. Ở Phước Lai, Phước Kiển, địch cũng ráo riết xây dựng ấp chiến lược. Ấp chiến lược bên ngoài vây bằng mấy vòng rào kẽm gai, có cổng gác, người dân ra vào phải khai báo, khám xét; buổi tối thì đóng cổng “nội bất xuất, ngoại bất nhập”. Địch còn bắt các gia đình trong ấp đều phải trang bị mớ tre, nếu có người lạ vào ấp phải gõ mớ tre báo động. Ta vận động dân chống đối, vì nếu để địch xây dựng ấp chiến lược thành công sẽ rất khó khăn cho phong trào cách mạng khi mọi hoạt động ra vào ấp chiến lược hay vận chuyển lương thực, thực phẩm, thuốc men đều bị địch kiểm soát. Bà con cũng rất đồng tình với chủ trương phản đối xây dựng ấp chiến lược vì không ai thích bị kiểm soát mọi việc. Rút kinh nghiệm từ Phước An, bà con liên tục dùng mớ tre để quấy phá ý đồ kiểm soát của địch, buổi tối không có việc gì bà con đánh mớ tre, bọn dân vệ tất tả chạy đến lại không có gì, bà con bảo nghe động thì đánh mớ như lời dặn khiến bọn chúng cứng họng. Một đêm đánh mớ như vậy mấy lần, bọn chúng chạy khắp nơi, mệt mỏi mà không làm gì được; nhưng khi có cán bộ của ta đột về ấp thì bà con lại im ru không đánh mớ. Tuy nhiên, bọn tề ngụy cùng với bọn lính đóng ở hai đồn Phước Lai, Phước Kiển rất cứng rắn vì lệnh trên mà bọn chúng nhận được là bằng mọi giá phải xây dựng ấp chiến lược trên con đường lộ 19 huyết mạch ra vào khu Lòng Chảo.

Huyện ủy Nhơn Trạch được Khu ủy và Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp phải tích cực chống phá kế hoạch lập ấp chiến lược của Mỹ - Diệm. Các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy đã họp bàn: nếu phá ngay khi địch chưa xây dựng hoàn chỉnh thì ít khó khăn,

tránh tổn thất. Cơ sở mật thông báo tin tức: địch gom dân vào ấp chiến lược, số dân bị gom còn ít, bà con bất mãn nên làm chiếu lệ; bên ngoài ấp chiến lược đào hào chữ A, vây bằng kẽm gai, có khúc hào đào xong, có khúc dở dang chưa có rào; ban ngày lính canh gác, xét người ra vào rất nghiêm ngặt, từ 6 giờ tối trở đi là có lệnh giới nghiêm, hàng đêm đều có lính đi tuần tra; ở giữa ấp có nhà kho chứa cuộc xêng... Đồng chí Nguyễn Văn Liêm đã đột vào Phú Thạnh điều nghiên, vạch phương án tác chiến. Lực lượng phá ấp chiến lược huy động khoảng 100 cán bộ, đồng bào các xã: Phú Thạnh, Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Thọ, Phước Lai, Phước Kiển, Phú Hội sẽ đồng loạt phá ấp chiến lược. Những người tham gia phá ấp chiến lược bí mật chuẩn bị một cây dài chừng 5 mét làm cầu vượt hào. Ngày 14.3.1962, ta ra quân. Lực lượng vũ trang huyện 19.5 và du kích các xã triển khai đội hình bảo vệ phía ngoài. Ban chỉ huy ra lệnh tiến công. Anh em bắc cây làm cầu vượt hào, vào phá các sườn nhà đang dựng, phá kho lấy dao rựa, cuộc xêng bang đất san lấp vài đoạn hào. Khoảng một giờ sau, lực lượng ta rút lui an toàn. Tuy nhiên, đợt phá ấp chiến lược này Phước Lai tổn thất đội viên du kích Phan Văn Bằng.

Khi phá ấp chiến lược, bộ đội bắn vài loạt súng thị uy để bữa sau dân bị gom có cơ đầu tranh không làm. Sáng ra, đồng bào thấy hàng rào bị phá, càng thêm vững lòng tin vào cách mạng, bọn địch thì ngán ngại. Đây là trận mở màn phá ấp chiến lược đầu tiên trong hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch.

Khu ủy miền Đông cử các đồng chí Hai Lực và Sáu Phát về kiểm tra, đánh giá phong trào đấu tranh do Huyện ủy Nhơn Trạch

lãnh đạo có bước phát triển. Rõ ràng việc chống phá áp chiến lược phải kết hợp cho được hai lực lượng bên trong và bên ngoài áp; kết hợp được hoạt động vũ trang với đấu tranh chính trị và sự góp sức của đồng bào cơ sở bên trong áp. Kế hoạch áp chiến lược của Mỹ Diệm học tập kinh nghiệm chống cộng ở Malaysia đã thất bại thảm hại ở Nam Bộ, bởi chúng đầy tham vọng nhưng không hiểu hết văn hóa đời sống của dân làng Nam Bộ: Yêu quê hương, bám đất bám làng, kiên cường, bất khuất, sống chết bảo vệ từng gốc cây ngọn cỏ vườn nhà. Có Đảng lãnh đạo, phẩm chất ấy càng trở nên mạnh mẽ, bọn địch dùng bạo lực để dồn dân vào áp chiến lược chắc chắn không thể nào thành công.

2. Các đợt đấu tranh chính trị, binh vận, vũ trang

Ngày 3.2.1962, Ban Thường vụ Huyện ủy Nhơn Trạch họp kiểm điểm tình hình, phân tích sâu sắc đặc điểm chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ Diệm, địa bàn và nhiệm vụ chiến lược của huyện Nhơn Trạch. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ quyết định một số vấn đề quan trọng:

- **Thứ nhất**, toàn Đảng bộ, toàn dân và các lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện quán triệt sâu sắc đường lối vũ trang đi đôi chính trị trên ba vùng chiến lược *rừng núi - đồng bằng - đô thị*, đánh địch bằng ba mũi giáp công *vũ trang - chính trị - binh vận*. Ta tấn công địch liên tục nhằm phá lỏng, phá rã tiến tới phá áp chiến lược. Gắn chặt việc phá áp chiến lược với phát huy giành quyền làm chủ của nhân dân, phát triển thực lực toàn diện cả bên trong xóm ấp lẫn bên ngoài.

- **Thứ hai**, khẳng định huyện Nhơn Trạch là vị trí chiến lược đối với ta cũng như đối với địch, cuộc chiến đấu dần dần ác liệt và lâu dài như Nghị quyết 15 của Đảng đã nêu.

- **Thứ ba**, không ngừng kiện toàn, phát triển toàn diện “thế mới, lực mới” của ta trên địa bàn huyện, góp phần cùng tỉnh không ngừng tạo thế mới, lực mới. Muốn đạt mục tiêu này, toàn Đảng bộ và các lực lượng phải quyết tâm bám trụ địa bàn Lòng Chảo, bám trụ từng ấp, xã.

- **Thứ tư**, thực hiện một số chủ trương cụ thể theo quan điểm nêu trên và theo nghị quyết của Tỉnh ủy: Phát động toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong huyện mở đợt đồng loạt phá ấp chiến lược. Chú trọng thu toàn bộ cọc sắt, dây kẽm gai để xây dựng ô, ụ chiến đấu gắn với phong trào “bao vây, uy hiếp đồn bót” ở các xã Phước An, Phước Thọ, Phú Hội, Phước Thiện. Các cơ quan huyện, căn cứ du kích xã tổ chức xây dựng hàng rào chiến đấu, phát triển mạnh hầm chông, hố đinh, ụ chiến đấu để bảo vệ cơ quan, căn cứ của mình. Tăng cường chỉ đạo củng cố công trường, sưu tầm bom đạn ở bãi hủy Bàu Sen để sản xuất mìn gài, lựu đạn phục vụ công việc xây dựng ô, ụ hàng rào chiến đấu của các cơ quan đơn vị. Tổ chức đào địa đạo từng cơ quan và một số xã kết hợp với phát triển hầm bí mật trong các ấp vùng sâu và ngoài địa hình. Thường vụ Huyện ủy tiến hành đào thí điểm địa đạo. Nội bộ tuyệt đối giữ bí mật.

- **Thứ năm**, ráo riết chuẩn bị Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng huyện Nhơn Trạch đúng ngày 19.5.1962.

Từ sau hội nghị, phong trào toàn huyện chuyển biến tích cực. Đầu tháng 4.1962, các ấp chiến lược ở các xã dọc hai trục lộ 17 và 19 bị phá đồng loạt. Phong trào ấp chiến lược rộ lên liên tục ở cả những vùng sâu như Phú Hữu, Phước Khánh, Đại Phước. Ta giáo dục cảnh cáo hàng chục tề ấp, xã, diệt một số ác ôn là cảnh sát chi khu. Diệt ác, ta phá được thế kềm kẹp của địch ở nhiều nơi, gây phấn khởi lớn cho đồng bào trong huyện. Việc xây dựng ô, ụ, căn cứ chiến đấu từ huyện đến xã phát triển mạnh. Đây là mô hình chiến đấu sáng tạo ở địa bàn Nhơn Trạch. Cùng với phong trào phá ấp chiến lược, xây dựng thế chiến đấu trên chiến trường Lòng Chảo, Huyện ủy chỉ đạo gấp rút chuẩn bị Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng huyện. Các chi bộ xã đều lập đoàn đại biểu địa phương mình.

Sáng 18.5.1962, Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng huyện Nhơn Trạch khai mạc, có gần 30 đoàn đại biểu xã, cơ quan, ban ngành với 250 đại biểu về dự. Đại hội diễn ra tại khu căn cứ cao su gần bìa rừng Đồng Lớn ở Lòng Chảo. Đại hội xác định dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân toàn huyện đoàn kết một lòng, quyết tâm góp phần cùng quân dân cả nước đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược và bẻ gãy tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đại hội bầu Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng huyện Nhơn Trạch gồm 10 vị, trong đó ông Ngô Quang Thanh, đại diện giới tư sản dân tộc, làm Chủ tịch Mặt trận (sau ông làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Biên Hòa). Đại hội thông qua *Lời kêu gọi toàn thể đồng bào trong huyện* “vùng lên liên tục phá toàn diện quốc sách ấp chiến lược của địch, giành

chính quyền, làm chủ các xóm ấp, đem hết sức người sức của phục vụ kháng chiến, góp phần vào sự nghiệp giải phóng quê hương”. Đêm 18 rạng 19.5, tại đồng Mu Rùa, xã Phước An ta tổ chức cuộc mít-tinh hàng ngàn đồng bào từ các xã (trong đó có hàng trăm đồng bào Phước Kiển, Phước Lai) về dự. Ủy ban Mặt trận huyện ra mắt đồng bào, mọi người hoan nghênh sự thành công của Đại hội và biểu thị quyết tâm thực hiện lời kêu gọi của Mặt trận.

Tiếp tục thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên nhằm đánh bại *Chiến tranh đặc biệt* của Mỹ, các lực lượng vũ trang phối hợp dân quân, du kích và quần chúng trên địa bàn Long Thành - Nhơn Trạch cùng thực hiện chiến thuật “Bao, bó, tấn, lấp, diệt”, liên tục tấn công, liên tục nổi dậy phá rã ấp chiến lược, tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch, không chế bộ máy tề ấp xã, bức rút, bức hàng hàng chục đồn, bót ở các xã cặp trục đường lộ 17, 19 huyện Nhơn Trạch; kết quả các đồn bót ven quốc lộ 15, lộ 19, lộ 17 bị cô lập, ta mở rộng vùng giải phóng rộng lớn ở các xã Phước Long, Phước Thọ, Phước An, Phú Hội, Phú Hữu ...

Trong khi xã Long Phước được xem là “vùng giải phóng”, hai xã lân cận Phước Long, Phước Thọ là “vùng da beo” thì hai xã Phước Lai, Phước Kiển được xem là “vùng yếu”, bởi vì bọn địch tìm cách thủ rất chắc vùng Hiệp Phước do vị trí địa lý, là địa bàn có những đầu mối giao thông quan trọng. Là “vùng yếu” nhưng Hiệp Phước không phải là “vùng trắng” bởi bất kỳ hoàn cảnh nào, khó khăn đến đâu thì tổ chức cơ sở Đảng vẫn bám trụ được ở đây, trong lòng dân và được dân che chở.

Đầu mùa mưa 1962, văn phòng Huyện ủy dời về nhà mẹ Phan Thị My ở ấp Xóm Hố, xã Phú Hội. Thửa vườn nhà mẹ khá rộng kê bãi đất dốc tre mọc dày đặc, được Huyện ủy chọn làm nơi đào hầm bí mật¹. Đào hầm bí mật ở đây thành công, Huyện ủy chỉ đạo nhân rộng đào hầm bí mật ở các xã vùng kèm như Đại Phước, Phước Khánh, các xã dọc trục đường 17 và vùng Lòng Chảo để cán bộ có thể bám trụ mà công tác và chiến đấu. Chung quanh Lòng Chảo Nhơn Trạch có hàng chục hầm bí mật lớn nhỏ, có hầm chứa được một bán đội, chứa vũ khí, cất giấu tài liệu, cũng là nơi lực lượng ta xuất kích đánh địch.

Ở Hiệp Phước, mặc dù nằm trong vùng bị địch chiếm đóng, bị theo dõi, nghi ngờ, o ép tứ bề nhưng lòng dân Hiệp Phước vẫn hướng về cách mạng qua những chiếc hầm bí mật được đào ở Phước Lai, Phước Kiển để nuôi giấu cán bộ, như hầm nhà ông Bảy Xèo, nhà ông Ba Đãi, nhà ông Bảy Chu, nhà ông Hai Thái, nhà mẹ Nguyễn Thị Hương. Đặc biệt, ở ấp B xã Phước Lai do đặc điểm vùng này là có nhiều mạch nước ngầm, đào sâu xuống chừng chưa đến 1 mét là đã có nước ngầm nên người dân có sáng kiến đóng thùng gỗ rồi trét chai như chiếc ghe, chôn xuống hầm để cán bộ không bị ướt, hoặc có khi đặt luôn chiếc lu lớn dưới hầm. Đồng chí Trần Văn Sang lúc làm Bí thư chi bộ xã Phước Lai có lúc được ông Hai Thái, ông Mười Mạnh nuôi giấu hàng tháng

1 Trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, có lúc đồng chí Nguyễn Trọng Cát và Nguyễn Văn Thông trụ ở hầm bí mật này. Gia đình mẹ My cũng như bao đồng bào Xóm Hố tận tình đùm bọc, nuôi giấu cán bộ, nhân viên văn phòng Huyện ủy suốt từ mùa mưa 1962 đến mùa mưa 1965.

trời trong những chiếc hầm bí mật đặc biệt này. Nhà ông Bảy Chu thì làm chiếc gác xép bí mật trên trần nhà để nuôi giấu cán bộ.

Từ cuối tháng 6.1962, địch bung ra càn quét mạnh các xã trong huyện Nhơn Trạch. Lực lượng vũ trang 19.5 tuy khá đông, nhưng vũ khí trang bị không đủ. Huyện ủy Nhơn Trạch chủ trương cán bộ phải bám dân trong các ấp, lãnh đạo cơ sở cách mạng cốt cán đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống khủng bố. Từ cơ sở vững xây dựng thành phong trào mạnh, nhiều tề xã ác gian bị tiêu diệt, cảnh cáo; giặc bót hồng hách với đồng bào. Xác định cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là cuộc chiến lâu dài, gian khổ, mức độ ác liệt ngày càng tăng, cùng với nhân dân miền Nam thành đồng Tổ quốc đang anh dũng chiến đấu, Ban Thường vụ Huyện ủy Nhơn Trạch hạ quyết tâm bám trụ, đứng vững trong Lòng Chảo. Xa rời Lòng Chảo, không bám vào dân, nhất định lực lượng cách mạng Nhơn Trạch sẽ tổn thất lớn, không hoàn thành nhiệm vụ Đảng giao.

Ban Thường vụ Huyện ủy cho lập đề án xây dựng địa đạo để bám trụ trong lòng đất, lòng dân. Để đảm bảo bí mật, khúc địa đạo đầu tiên đào ngay dưới rừng tre xã Phước An. Đầu năm 1963, văn phòng Huyện ủy và nhiều ban, ngành, đoàn thể chuyển tới làm việc trong địa đạo. Đến giữa năm 1967, đường xương sống địa đạo đã dài khoảng 1.500 mét, có thể chứa ba, bốn trăm cán bộ chiến sĩ trong nhiều ngày. Địch nhiều lần tấn công vào Phước An, ta đều dựa vào địa đạo để chống trả.

Huyện ủy tiếp tục bám trụ địa đạo này để chỉ đạo phong trào cho đến ngày 30.4.1975¹.

Cuối năm 1962 và đầu năm 1963, hai xã Phước Lai và Phước Kiển lại chịu tổn thất lớn. Ngày 22.11.1962, Bí thư xã Phước Kiển là Nguyễn Văn Cường hy sinh tại rừng Phước Kiển trong một trận càn của địch, cùng hy sinh có du kích Võ Văn Đông. Năm 1964, Huyện ủy cử đồng chí Lê Văn Hạnh² người ấp Bà Trường, xã Phước An) về chi viện cho Phước Kiển nhận nhiệm vụ Bí thư xã. Nhưng đến năm 1965, đồng chí Hạnh hy sinh. Năm 1968, đồng chí Nguyễn Văn Tài (Ba Tài, còn có bí danh là Rừng, người ấp Bà Trường, xã Phước An) tiếp nhận nhiệm vụ của Huyện ủy về Phước Kiển làm Bí thư. Ngày 30.1.1969, đồng chí Nguyễn Văn Tài cùng 4 đồng chí, trong đó có 2 chiến sĩ du kích xã là Nguyễn Minh Tâm, Mai đi đến khu vực ở Mương Sâu (Phước Mỹ) để thu thuế. Không ngờ chủ nhà là Nguyễn Văn Cóc chỉ điểm, bọn lính trung đội 66 địa phương quân đóng ở Phước Kiển đã tổ chức mai phục gần đó, đoàn công tác rơi vào ổ phục kích, đồng chí Nguyễn Văn Tài và Nguyễn Minh Tâm hy sinh. Chiến trường Phước Kiển quá ác liệt, đồng chí Nguyễn Văn Tài hy sinh chỉ sau khi nhận nhiệm vụ được vài tháng. Năm 1969, một đồng chí khác cũng là người Phước An được cử về Phước Kiển làm Bí thư, đó là đồng chí Dương Văn Bảnh.

1 Địa đạo Phước An (Địa đạo Nhơn Trạch) được Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định số 04/2001/QĐ-BVHTT ngày 19/01/2001.

2 Đồng chí Lê Văn Hạnh là con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Tư ở xã Phước An.

Ở Phước Lai, ngày 12.1.1963, Bí thư xã Phước Lai Huỳnh Văn Bửu đi thu thuế đảm phụ ở cánh đồng Long Phước. Anh Bửu mặc bộ bà ba cũ như bao nông dân đi làm đồng, đội nón lá, cùng đi với một du kích. Có mấy tên mật thám trà trộn trong dân theo dõi, áp sát định bắt sống anh. Phát hiện bọn địch, anh Bửu ra hiệu cho người du kích rồi bắt ngờ cả hai cùng bỏ chạy, địch đuổi theo, xả súng bắn chết anh ngay trên đồng. Đồng chí Huỳnh Văn Bửu là thanh niên trưởng thành trên vùng đất Phước Lai, con của mẹ Dương Thị Phụ¹, gắn bó với phong trào cách mạng địa phương từ rất sớm, anh hy sinh khi mới vừa 26 tuổi, vẫn chưa kịp lập gia đình. Sau khi đồng chí Bửu hy sinh, huyện cử đồng chí Huỳnh Ngọc Minh nhận nhiệm vụ Bí thư chi bộ. Đồng chí Huỳnh Ngọc Minh cũng trưởng thành trong gia đình có truyền thống cách mạng ở Phước Lai, cả gia đình gồm cha mẹ, năm anh chị em đều tham gia kháng chiến và là cơ sở cách mạng.

Khoảng cuối tháng 7.1963, theo nhận định của Tỉnh ủy, địch có thể tăng cường lực lượng và mở chiến dịch đánh vào vùng căn cứ của cách mạng, đặc biệt là khu Lòng Chảo. Vì thế Huyện ủy Nhơn Trạch chủ trương phá tình lộ 19 để cản đường xe quân sự của địch. Để đối phó, địch điên cuồng ném bom, bắn phá ở các ấp Bà Trường, ấp Chợ, Bàu Bông (Phước An) và nhiều ấp thuộc xã Phước Thọ, Phước Long, Phước Lai, Phước Kiên; giết hại và làm bị thương hàng mấy trăm dân thường vô tội, phá hủy hàng trăm ngôi nhà và làm hư nhiều tài sản khác của bà con.

¹ Mẹ Dương Thị Phụ là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có chồng Huỳnh Văn Diệu, hy sinh ngày 1.7.1946; và hai con: Huỳnh Ngọc Chiêu (hy sinh năm 1954) và Huỳnh Ngọc Bửu đều là liệt sĩ.

Đêm 10.10.1963, một trường hợp nổ trái hy sinh tại căn cứ xã Phước Lai khiến phải ai nghe cũng đau lòng. Người vô tình gây ra sự cố là anh Nguyễn Văn Bảnh (Ba Cang). Ba Cang là người ấp B xã Phước Lai, mới 16 tuổi anh đã thoát ly gia đình vào Đội du kích xã, là một chiến sĩ gan dạ, kiên cường, dũng cảm, lập nhiều thành tích trong chiến đấu. Có lần các đội viên Đội du kích lọt vào vòng phục kích của địch ở Phước Thọ, Ba Cang cùng với Hai Sang trụ lại chiến đấu cho anh em rút trước. Địch bắn như vũ bão, Ba Cang cùng Hai Sang bắn trả từng viên một, đến viên đạn cuối cùng anh với Hai Sang mới nhảy ùm xuống sông, địch ném lựu đạn theo nổ ùm ùm, một mảnh lựu đạn ghim trúng đầu Ba Cang nhưng anh vẫn cười hì hì, ra trạm y tế nằm mấy bữa lại mò về vì kêu nhớ anh em. Đời sống kháng chiến trong căn cứ vô cùng gian khổ nhưng anh chưa hề kêu ca, lúc nào cũng xông xáo giúp đỡ mọi người. Một thời gian sau, Ba Cang gia nhập lực lượng An ninh huyện.

Một buổi chiều, Ba Cang được cấp trên cho nghỉ phép, trở về nhà ở ấp B Phước Lai để đi hỏi vợ. Trên đường về thì gặp phải đám lính của tên ác ôn Chín Trón đi càn nên Ba Cang ghé vào căn cứ Phước Lai. Thời đó, thanh niên đi kháng chiến thường mang theo đèn dầu tự chế để thắp sáng, riêng Ba Cang do tuổi còn trẻ, thích mới lạ nên tự chế đèn dầu từ một quả lựu đạn da láng đã bỏ hết thuốc nổ và kíp nổ, thay vào đó là dầu hỏa và tim đèn, rồi gài mỏ vịt vô như trái lựu đạn thật, tuy nhiên phía ngoài Ba Cang có khóa để làm dấu. Đó chỉ là trò vui tinh nghịch thường có của các chiến sĩ trẻ. Đêm đó ở căn cứ, Ba Cang nằm trên ghé dài nghỉ ngơi chờ bọn lính rút, trước khi nằm anh móc cây đèn dầu tự chế

đề trên bàn. Lát sau nhóm anh em đi chống càn về, gồm có: Phạm Hiếu Nghĩa (du kích), Đặng Văn Sang (du kích), Phan Văn Quang (nhân viên xã), Đào Văn Thành (cán bộ thanh niên) và một số anh em du kích khác như Thành Trung, Lê Trung. Lúc này, trong lán còn có hai chị công tác ở bên phụ nữ cũng vướng trận càn mà ghé vào căn cứ là Phan Thị Kim Ngọc (Ba Ngọc), và Nguyễn Thị Hồng Tươi (Tur Nga). Các anh đội viên du kích sau khi vào nhà thì móc lựu đạn thật ra để trên bàn. Lát sau có tiếng chó sủa rộ ở phía xa, Ba Cang đang ngủ chồm dậy, chụp lấy cây đèn dầu tự chế trên bàn, rút mỏ vịt ra để đốt đèn lên. Không ngờ, Ba Cang cầm nhầm trái lựu đạn thật của anh em du kích cũng để trên bàn. Lựu đạn vừa bật chót, Ba Cang biết đã nhầm, kêu lên “Chết rồi”, rồi anh ôm trọn trái lựu đạn vào bụng với ý là định tự mình lãnh trọn. Nhưng do lựu đạn sát thương quá mạnh, bụng Ba Cang nát bầy, bốn người đứng gần là Phạm Hiếu Nghĩa, Đặng Văn Sang, Đào Văn Thành, Phan Văn Quang đều bị thương nặng. Lại thêm lúc đó đang gặp càn, đèn sáng bọn lính rút đi, mọi người đưa anh em đến trạm y tế cấp cứu nhưng không kịp, bốn anh em hy sinh; hai nữ đồng chí Tur Nga, Ba Ngọc thì bị thương nhẹ. Mọi người chôn năm chiến sĩ trong căn cứ, dưới gốc cây cam lớn, có đánh dấu nhưng sau này bọn địch ủi san bằng khu căn cứ, không sao tìm được thi thể các anh¹. Năm chiến sĩ ra đi khi tuổi đời còn rất trẻ, chưa ai có vợ con: Đào Văn Thành mới 17 tuổi, thoát ly theo kháng chiến không lâu; Đặng Văn Sang 21 tuổi, là người con thứ

1 Sau ngày đất nước thống nhất, bốn đồng chí: Đặng Văn Sang, Đào Văn Thành, Phạm Hiếu Nghĩa, Phan Văn Quang đều được công nhận liệt sĩ. Riêng Nguyễn Văn Bảnh không được công nhận liệt sĩ.

hai hy sinh của mẹ Nguyễn Thị Hương; Phan Văn Quang mới bước vào tuổi 22; Nguyễn Văn Bảnh cũng chỉ mới 25 tuổi, vĩnh viễn không còn gặp cô thôn nữ Phước Lai đang chờ anh về làm lễ cưới. Sự cố thương tâm được rút kinh nghiệm về trò tình nghịch cùng tính bất cẩn của chiến sĩ trẻ; và nỗi thương tiếc, xác nhận trường hợp hy sinh của chiến sĩ Nguyễn Văn Bảnh cũng day dứt mãi không nguôi trong lòng gia đình, đồng đội¹.

Ngày 2.11.1963, cả hai anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu bị quân đội Sài Gòn đảo chính giết chết. Sau đó chưa đầy một tháng, tổng thống của nước Mỹ là Kenedy cũng bị ám sát chết. Chế độ Sài Gòn lâm vào cảnh rối ren, giành giật ngôi vị, binh lính khắp nơi hoang mang.

Chiều 27.9.1964 nhiều tốp máy bay địch đến ném bom, bắn phá hơn 200 xuống, ghe ở ngã ba Giồng Sắn² (Phú Hữu, nay thuộc Phú Đông) giết hại 536 đồng bào. Tội ác tày trời của giặc bị báo chí giải phóng và báo chí Sài Gòn lên án mạnh mẽ. Để trả thù cho đồng bào bị thảm sát, đêm 31.10.1964, pháo binh quân giải phóng đã bắn phá dữ dội sân bay Biên Hòa gây cho địch nhiều tổn thất nghiêm trọng. Huyện ủy Nhơn Trạch chủ trương và tổ chức đưa hàng trăm quần chúng, có nhiều người từ Phước Kiển, Phước Lai tham gia biểu tình ở Biên Hòa, Sài Gòn tố cáo tội ác của chế độ Mỹ nguy.

1 Nhân chứng lịch sử: Nguyễn Thị Hồng Tươi, thị trấn Long Thành; Trần Văn Sang (Hai Sang) ở xã Hiệp Phước, Huyện Minh Tấn ở thị trấn Long Thành.

2 Đây là ngã ba sông, nơi tụ tập ghe thương hồ từ miền Tây lên mua bán rất đông. Giồng Sắn đã được công nhận Di tích cấp tỉnh và làm hồ sơ Di tích quốc gia. Năm 2004, di tích đã được trùng tu, tôn tạo.

Trong những năm 1963-1965, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Biên Hòa, Đảng bộ huyện Nhơn Trạch liên tiếp mở các đợt phát động nông dân nhằm nâng cao giác ngộ cách mạng cho đội quân chủ lực của công cuộc giải phóng dân tộc. Huyện ủy dồn sức tổ chức học tập cho bà con mấy xã trọng điểm nhằm góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ ngụy, chuẩn bị tư tưởng sẵn sàng bước vào giai đoạn ác liệt nhất; trực tiếp đối đầu với lính Mỹ và chur hầu trong chiến lược chiến tranh cục bộ. Nội dung học tập cơ bản về tình hình, nhiệm vụ mới, đường lối hai chân (đấu tranh chính trị song song với đánh địch bằng ba mũi: chính trị, quân sự, binh vận) trên cả ba vùng chiến lược (đồng bằng, rừng núi, đô thị). Qua học tập, anh chị em xác định rõ: Đế quốc Mỹ là kẻ thù số một đang thực hiện âm mưu xâm lược miền Nam, chia cắt lâu dài Tổ quốc ta; quá trình giải phóng quê hương là quá trình liên tục tiến công làm sụp đổ chính quyền áp, xã của địch để giành quyền làm chủ tại ấp, xã; ta phải không ngừng xây dựng và phát triển thế lực ở từng ấp, xã. Toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong huyện kiên trì liên tục đánh phá “quốc sách” áp chiến lược, chương trình “bình định nông thôn”, các âm mưu “dồn dân bắt lính”, vơ vét sức người sức của địch. Bà con tố cáo tội ác chồng chất của Mỹ ngụy từng gây vô vàn đau thương cho nhân dân từng xóm, ấp, qua đó mọi người nâng cao giác ngộ cách mạng, tinh thần yêu nước.

Ở những xã vùng sâu còn bị kềm kẹp nặng như Phước Lai, Phước Kiển, cán bộ các đoàn thể mặt trận, thanh niên, phụ nữ được cử xuống ấp, xã móc ráp các nòng cốt cơ sở, tổ chức lớp học

gọn nhỏ. Sau đó số này về triển khai trong nhóm xâu chuỗi. Dù không học quy mô trong thời gian ngắn song số cơ sở cốt cán ở xóm ấp đã nắm được cốt lõi chủ trương, đường lối, yêu cầu của đợt phát động nông dân. Hầu hết hội viên các ban ngành và đoàn thể thanh niên, phụ nữ, binh vận, an ninh đã phát động sâu rộng trong nhân dân, kể cả người dân trong ấp chiến lược

Ngày 2.12.1964, chiến dịch Bình Giã mở màn. Bộ Tư lệnh Quân khu giao nhiệm vụ cho Đại đội 240 cùng Tiểu đoàn 800 của Quân khu chặn viện trên quốc lộ 15 (nay là quốc lộ 51), đánh tất cả các đơn vị quân địch từ Biên Hòa xuống chi viện cho Bình Giã - Bà Rịa. Đại đội 240 cùng Tiểu đoàn 800 đã kiên cường bám trụ liên tục đánh viện binh địch. Ngày 3.1.1965, chiến dịch Bình Giã - Bà Rịa kết thúc thắng lợi, đánh dấu sự thất bại của chiến lược *Chiến tranh đặc biệt* của Mỹ - ngụy.

Trong phong trào kháng chiến, có biết bao gương chiến sĩ kiên cường, anh dũng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Ở Phước Lai có anh thanh niên Nguyễn Văn Quang (còn gọi là Sên) sớm giác ngộ cách mạng, năm 1964 lúc mới tròn 20 tuổi đã tìm cách thoát ly, gia nhập lực lượng vũ trang C240. Với tinh thần quyết tâm chiến đấu bảo vệ quê hương, chỉ trong ba năm, Nguyễn Văn Quang đã nổi danh khắp chiến trường Bà Rịa, giữ nhiệm vụ Tiểu đội trưởng đại liên thuộc Đại đội 1, Tiểu đoàn 445 tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Anh tham gia 20 trận đánh, diệt 180 tên địch (trong đó có 73 tên Mỹ, 25 tên Úc), diệt 1 xe tăng M41, 1 xe Jeep, thu 27 súng các loại và 2 máy thông tin. Trong trận Sông Cầu vào tháng 5.1966, dù một mình bị địch bao vây nhưng anh vẫn kiên cường đánh lui tám đợt xung phong của địch... Ngày 17.9.1967, đồng chí Nguyễn

Văn Quang được Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân¹. Người dân Phước Lai vô cùng tự hào về người con anh dũng của quê hương mình.

Phong trào thanh niên tự nguyện tòng quân và đi làm nghĩa vụ dân công lên cao, rầm rộ, sôi nổi ở Long Thành, Nhơn Trạch. Hàng ngàn thanh niên đi bộ đội giải phóng hoặc tham gia du kích địa phương, hàng ngàn lượt thanh niên, công nhân, nông dân công tãi vũ khí, lương thực, thực phẩm phục vụ chiến trường. Mẹ Hồ Thị Sùng ở Phước Kiển có người con nuôi duy nhất là Đỗ Văn Mỹ, khi con ngỏ ý muốn muốn đi bộ đội mẹ không ngần ngại động viên con tòng quân. 20 tuổi, anh Mỹ tham gia công binh xưởng của Huyện đội Nhơn Trạch, lập nhiều chiến công, làm đến Trung đội trưởng. Mẹ Nguyễn Thị Dính cũng có người con duy nhất Nguyễn Văn Đương, anh tham gia Đội du kích xã, mẹ hằng ngày dành dụm tiền, gạo để tiếp tế cho con; anh hy sinh ngày 15.9.1963 tại quê hương Phước Kiển khi chưa kịp lập gia đình, mẹ Dính đau đớn đến hóa điên, ngày ngày đi khắp nơi tìm con; con của mẹ Đào Thị Ngọt là Nguyễn Văn Hiệp mới 16 tuổi, anh xin tham gia đội du kích mẹ cũng hết lòng ủng hộ, động viên; mẹ Phạm Thị Niềm dù con mình là gái, cũng mới 16 tuổi, nhưng khi chị Nguyễn Thị Lệ Dung xin thoát ly theo cách mạng mẹ không hề ngần ngại...

1 *Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, NXB Đồng Nai, 1998.

Ở Hiệp Phước, địch ra sức khủng bố, kìm kẹp người dân gắt gao, đặc biệt là những gia đình có người thân đi kháng chiến. Ông Phan Văn Đễ, chồng của mẹ Phạm Thị Bánh, bị địch bắt giam ở Biên Hòa năm 1965, tra tấn đến chết. Nhà mẹ Nguyễn Thị Cửu, mẹ Nguyễn Thị Hương, mẹ Phạm Thị Bánh liên tục bị bọn địch tra xét, dụ dỗ các mẹ kêu con về với “chính nghĩa quốc gia” sẽ được khen thưởng. Bà Lê Thị Đây sau khi ra khỏi trại giam, năm 1964 đã tiếp tục trở về làm công tác binh vận ở Phước Lai. Bà Sáu Đây ngầm viết thư gửi các thanh niên người địa phương đi lính cho chế độ Việt Nam cộng hòa, kêu gọi họ buông súng, đừng tiếp tục làm tay sai cho đế quốc.

Bà con Phước Lai đến nay vẫn không quên được hình ảnh hy sinh anh dũng của người Bí thư chi bộ Huỳnh Ngọc Minh. Ngày 24.7.1965, anh Minh cùng với Trưởng Ban An ninh xã là Trần Văn Hoàng đi công tác, tiếp xúc với cơ sở ở ấp Cái Vạn rồi trở về căn cứ Phước Lai, trên đường về đến khu vực đình Phước Long thì rơi vào ổ phục kích của bọn lính bảo an. Anh Minh và Hoàng thoát chạy về phía rừng, nhưng Hoàng bị trúng đạn vào chân, kêu lên “Anh Minh ơi, em trúng đạn rồi, cứu em với”. Dù đã chạy khá xa và vào đến mí rừng, nhưng nghe Hoàng kêu cứu, anh Minh vẫn quay trở lại cứu Hoàng, tiếp tục chạy về phía rừng. Trong khi vóc dáng anh Minh khá nhỏ người thì Hoàng rất cao to, hai người lại xách theo một khẩu súng carbin và một khẩu búa đồ công kênh nên di chuyển chậm hơn. Bọn lính đuổi theo bắn xối xả, anh Minh cũng trúng đạn bị thương. Anh bình tĩnh nằm lại, cùng với Hoàng bắn trả, đến khi hết đạn anh Minh và Hoàng

tháo rời súng, phá hủy rồi vứt các chi tiết súng thật xa. Có một tên lính bảo an là người Phước Lai, biết anh là Bí thư chi bộ xã nên bọn chúng kêu anh đầu hàng. Anh Minh hô to: “Đả đảo đế quốc Mỹ! Hồ Chủ tịch muôn năm!”. Bọn lính điên cuồng xả súng bắn anh Minh và Hoàng, cả hai người hy sinh, ngực Hoàng bị bắn nát bẩy, còn anh Minh bị bắn vào đầu, nát hết nửa bên. Chúng kéo xác anh về chợ, tên lính quen biết gia đình anh đến nhà chị Huỳnh Thị Thu, chị của anh Minh, bảo: “Em của bà ngoan cố quá, tụi tôi kêu nó đầu hàng, nó không chịu còn chửi quá, tụi tôi bắn chết nó rồi. Giờ bà tới chợ đưa xác nó về chôn đi”. Lúc này mẹ Nguyễn Thị Cửu đã qua đời, anh Minh chưa có vợ con, cha của anh là ông Huỳnh Văn Lộc đang bệnh nặng, nghe tin dữ đã ráng gượng lên xin xác con về chôn cất. Cảm phục trước hình ảnh kiên cường, bất khuất của anh Minh, một tiểu đội lính trên đồn đến tận đám tang, xếp hàng lập thành giàn chào để tiễn anh. Một tên lính bảo an đã thốt lên: “Ở cái ấp B này, một cọng cỏ cũng là Việt Cộng”.

Không riêng gì anh Minh, hai người em của anh cũng là những người có tấm lòng yêu quê hương, căm thù giặc sâu sắc, luôn muốn chiến đấu đánh đuổi ngoại xâm, đem hòa bình, độc lập cho đất nước. Anh Năm Sơn (Huỳnh Ngọc Sơn, tức Hùng Cường, sinh năm 1950) mới 13 tuổi đã nằng nặc cương quyết đi theo anh Ba Minh vào căn cứ. Do còn nhỏ, anh Năm Sơn được đưa về công tác ở Văn phòng Huyện ủy. Đánh máy giỏi, thạo công việc nên anh được cấp trên ưu ái cho công tác ở tuyến sau, nhưng anh cứ đòi đi chiến đấu, xin năm lần bảy lượt, các anh các chú phải

xiêu lòng. Năm Sơn gia nhập C.240 của huyện Long Thành. Đêm 25.5.1968, đơn vị C.240 đánh bót Phú Hội, Năm Sơn trúng đạn bị thương nặng, đồng đội đưa anh về trạm quân y cứu chữa. Khi y tá định tiêm thuốc kháng sinh cho anh, anh lắc đầu từ chối, nói “Tôi bị nặng lắm, không qua khỏi đâu. Thuốc kháng sinh lúc này quý hiếm, đồng chí hãy để dành thuốc cho đồng đội của tôi”, rồi anh hy sinh. Anh Tư Quang mới 18 tuổi cũng vào căn cứ, ban đầu anh làm ở kinh tài huyện Nhơn Trạch nhưng vẫn khăng khăng xin đi bộ đội, được ít lâu anh gia nhập Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 4, Sư đoàn chủ lực 5 của Miền, chiến đấu khắp các chiến trường miền Đông Nam Bộ. Tháng 7.1968, tiểu đoàn anh về đứng chân ở Bà Rịa, chuẩn bị vào đợt ba Mậu Thân. Ngày 2.8.1968, tổ ba người của anh xung phong đi tiếp ứng cho ban chỉ huy đơn vị đang bị bọn lính chư hầu Úc tấn công. Khi các anh đến nơi, đơn vị đã thoát vây và rút đi còn tổ của anh lọt ổ phục kích của lính Úc. Cả tổ hy sinh, mãi sau này vẫn không tìm được mộ.

III. CÙNG CẢ NƯỚC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968

1. Tạo thế tiến công, giữ vững vùng làm chủ

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, lực lượng vũ trang huyện, tỉnh và du kích xã tìm cách tổ chức đánh địch, chống càn. Năm 1966, ghi nhận nhiều trận thắng lớn. Đầu năm 1966, lính Mỹ mở đợt càn vào ấp Xóm Hố, Phú Hội, đi đến đâu đốt phá, bắn giết đến đấy. Các du kích xã Phú Hội gồm đồng chí Đức Thắng (xã đội trưởng), đồng chí Hai Lực (xã đội phó) cùng 6 chiến sĩ C 240 tổ chức phục kích đánh địch, diệt và làm bị thương 50 lính Mỹ. Đó

là trận đầu tiên lực lượng đầu tiên đánh thắng và diệt được nhiều lính chính quy của quân đội Mỹ¹.

Tháng 6.1966, một trung đội Mỹ mở đường từ Bàu Điều đến Phước Lai. Bộ đội C240 cùng du kích Phước Lai chọn đoạn đường gần xã Phước Lai, đặt mìn DH10 phục kích. Lính Mỹ lọt vào trận địa, mìn và súng cùng nổ, sau 10 phút, 15 lính Mỹ bị diệt, trận đánh thắng lợi nhanh gọn, thu được 8 súng trong đó có 1 súng ngắn và 1 khẩu AR16. Trận đánh chứng tỏ lực lượng vũ trang địa phương đã trưởng thành, đủ sức đánh thắng giặc sát ngay bên căn cứ giặc. Tuy nhiên, trong trận này Đội du kích xã Phước Lai tổn thất đồng chí Xã đội trưởng Phan Văn Liêm. Cũng giống như phần lớn anh em du kích, cán bộ Phước Lai, anh Phan Văn Liêm tham gia cách mạng lúc mới 16 tuổi, hy sinh khi mới vừa 21 tuổi, chưa lập gia đình.

Sau khi đồng chí Huỳnh Ngọc Minh hy sinh, Huyện ủy lần lượt cử các đồng chí Bảy Hoàng, Ba Việt về làm Bí thư xã Phước Lai. Đến năm 1969, đồng chí Chín Hòa là người xã Phước Thọ, trước là du kích xã Phước Thọ rồi được rút về Huyện đội, sau đó được Huyện ủy điều về Phước Lai làm Bí thư. Giai đoạn này rừng Phước Lai, Phước Thọ bị địch cho xe ủi sạch, đồng chí Chín Hòa phải về khu vực Bến Chợ, Bà Ký bám dân để hoạt động. Trong một chuyến công tác móc ráp cơ sở, đồng chí Chín Hòa và đồng chí Trần Văn Sang (lúc này công tác bên An ninh huyện) chèo mỗi người một chiếc ghe, vừa cắm sào để lên Bến Chợ thì bị bọn

1 Theo lời kể của đồng chí Hồ Minh Lực, nguyên Xã đội phó Phú Hội.

lính biệt kích phục sẵn trên bến bắn ngay. Đồng chí Chín Hòa hy sinh ngay tại chỗ, đồng chí Hai Sang nhảy xuống sông, bị thương nhưng thoát được. Phước Lai tổn thất thêm một vị Bí thư chi bộ, cho thấy địa bàn này ác liệt đến thế nào.

Ngày 9.10.1966, Tỉnh ủy Bà Biên (lúc này, Biên Hòa, Long Khánh và Bà Rịa sáp nhập, gọi là Bà Biên) có Quyết định số 028/QĐ sáp nhập huyện Long Thành và Nhơn Trạch thành huyện Long Thành, gồm 23 xã¹ và 2 thị trấn Long Thành, Nhơn Trạch. Ngày 2.5.1967, Ban Thường vụ Khu ủy miền Đông có Quyết định số 12/QĐ-K do đồng chí Phạm Lực ký, chỉ định Ban chấp hành Huyện ủy Long Thành gồm 15 đồng chí, trong đó đồng chí Nguyễn Văn Thông, Tỉnh ủy viên, là Bí thư Huyện ủy.

Năm 1966, Trung ương Cục và Quân ủy Miền quyết định thành lập Đặc khu Rừng Sác. Đây là một khu quân sự đặc biệt gồm một khu vực rộng 60.000 héc-ta, phía Đông giáp quốc lộ 15, phía Tây giáp sông Soài Rạp (gồm sông Soài Rạp), phía Bắc giáp lộ 19 (không gồm Nhơn Trạch), phía Nam giáp biển. Đây là một khu vực gồm 10 xã thuộc nhiều tỉnh khác nhau: xã Phú Hữu, Phước Khánh (thuộc quận Nhơn Trạch tỉnh Biên Hòa), Long Sơn (Bà Trao, núi Nứa thuộc quận Châu Đức, tỉnh Bà Rịa), xã Lý Nhơn, Bình An (quận Nhà Bè), xã Đồng Hòa, Cần Thạnh, Tân Thạnh, Thạnh An, xã Tam Thôn Hiệp (quận Cần Giờ).

1 23 xã gồm: Phước Thái, Long Phước, Long An, Lộc An, Phước Nguyên, An Lợi, Tam An, Tam Phước, Phước Tân, Long Hưng, An Hòa, Long Bình, Phước Thiên, Phước Kiển, Phước Lai, Phước Long, Phước Thọ, Phước An, Phú Mỹ, Mỹ Hội, Long Tân, Đại Phước, Vĩnh Thanh.

Quân ủy Miền xác định tính chất của Đặc khu Rừng Sác là một khu quân sự chứ không phải quân khu, có Đảng ủy đặc khu trực thuộc Quân ủy Miền, phụ trách cả công tác quân chính và phong trào cách mạng địa phương. Đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã) là Đặc khu trưởng kiêm Chính ủy.

Lực lượng của Đặc khu Rừng Sác mang tên Đoàn 10, có 13 chi bộ với 285 đảng viên, 614 chiến sĩ. Cơ sở của Đoàn trên địa bàn 10 xã với trên 20 ngàn dân, 10 chi bộ xã, 67 đảng viên, trong đó có 12 đảng viên sinh hoạt hợp pháp. Đoàn 10 luôn có sự gắn bó, phối hợp chặt chẽ với Huyện ủy và phong trào cách mạng ở huyện Nhơn Trạch tạo nhiều chiến công vang dội.

Thời điểm cuối năm 1966, địch tiếp tục củng cố, mở rộng kho bom Thành Tuy Hạ, từ năm 1965 xây dựng tổng kho Long Bình, căn cứ Nước Trong, cụm pháo Bến Sắn đã được triển khai xây dựng, giặc liên tục càn quét, đánh phá các tuyến đường sông khu vực Rừng Sác, sông Lòng Tàu, các căn cứ của ta ở Đông quốc lộ 15 và khu vực Nhơn Trạch. Tháng 6.1967, quân Mỹ và chư hầu Thái Lan liên tục càn quét khắp rừng Giồng, Rừng Sác. Máy bay Mỹ rải thuốc hóa học khai quang ở nhiều khu vực, nhất là vùng Sở Dừa Phước Khánh và ven sông Đồng Nai. Các vườn cây trái ở các xã Phú Hội, Tam An, Phú Mỹ bị thiệt hại nặng nề. Huyện ủy Long Thành chỉ đạo tổ chức đấu tranh chống Mỹ rải thuốc khai quang. Vào khoảng 6 giờ sáng ngày 1.3.1967, hàng trăm đồng bào Nhơn Trạch kéo về quận lỵ, mang khẩu hiệu “Rải chất độc hóa học là phá hoa màu của dân, là giết dân”, “Phải bồi thường tính mạng tài sản cho dân”, “Phải thống nhất đất nước”. Địch đưa một trung

đội bảo an xuống ngăn chặn nhưng với sự chỉ huy của Huyện ủy, đoàn người đấu tranh tiếp tục kéo đến quận, đưa 3 bản kiến nghị với hàng ngàn chữ ký tố cáo tội ác của địch. Quận trưởng Nhơn Trạch là Trương Bảo Thiện hứa sẽ thỉnh thị về trên, đền bù tài sản của dân đã bị phá hủy và không rải chất độc hóa học nữa.

Trên cơ sở thắng lợi của bà con Nhơn Trạch, Huyện ủy Long Thành quyết định tổ chức đồng bào kéo đến quận Long Thành, buộc quận trưởng phải cam kết bồi thường và không rải chất độc hóa học nữa. Do tổ chức chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời, cuộc đấu tranh của người dân Long Thành - Nhơn Trạch đã đạt kết quả tốt đẹp, biểu dương được lực lượng và sức mạnh của quần chúng.

2. Bố trí lại chiến trường, phối hợp đánh bại kế hoạch tìm diệt và bình định của địch

Tháng 7.1967, Trung ương Cục miền Nam quyết định bố trí lại chiến trường, giải thể Khu miền Đông, thành lập 5 phân khu từ Phân khu 1 đến Phân khu 5 để hình thành 5 mũi tiến công vào Sài Gòn, thực hiện cuộc tổng tiến công vào năm 1968. Theo đó, Phân khu 4 bao gồm huyện Long Thành (kể cả Nhơn Trạch), huyện Thủ Đức, quận 1, quận 9, huyện Cần Giờ (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh) và huyện cao su Bình Sơn. Bí thư Phân khu 4 là đồng chí Mười Chiến. Văn phòng Phân khu ủy đặt tại ngã ba Long Điền, giữa 2 xã Phước Thiện và Phước Nguyên để tiện việc chỉ đạo. Đồng chí Nguyễn Văn Chiến (Mười Chiến) làm Bí thư Phân khu 4. Đồng chí Nguyễn Văn Thông là Bí thư Huyện ủy Long Thành.

Từ đầu năm 1967, Ban Chấp hành Huyện ủy Long Thành phân công nhau trực tiếp chỉ đạo từng vùng, nhằm hình thành thế tiến công quân Mỹ. Theo đó, các xã vùng sâu như Đại Phước, các ấp như Cát Lái, Bến Bạ, Bến Cộ tổ chức được nhiều tự vệ mật trang bị lựu đạn và mìn. Du kích các xã Phước Thiện, Phước Thọ, Phước Lai, Phước Kiển lập chốt bao vây bắn tỉa đồn địch. Đặc biệt, Thường trực Huyện ủy và Huyện đội chỉ đạo xã Phú Hội đào hào, xây ụ chiến đấu ngay trên nông miếu ven lộ, chuẩn bị thế đánh Mỹ ngay trên lộ 17. Nơi không có điều kiện xây thế chiến đấu thì ra sức xây dựng cơ sở binh vận trong lòng địch, phục vụ cho du kích đánh đồn bót, như xã Long Phước nằm dọc quốc lộ 15.

Chiến trường Nhơn Trạch - Long Thành được Trung ương Cục phân tích, xác định vị trí chiến lược quan trọng, từ đó có chủ trương bố trí lại chiến trường, và có giải pháp ứng phó phù hợp. Theo đó, Nhơn Trạch là vùng tranh chấp rất quyết liệt giữa ta và địch; bởi vì khu Lòng Chảo có chiều Bắc Nam dài khoảng 9km, chiều Đông Tây dài 12km có đường giao thông (lộ 17 và lộ 19) như vòng tay kết nối, có sông Đồng Nai, sông Nhà Bè, sông Lòng Tàu chảy ra biển Đông; chỉ cách Sài Gòn khoảng 10 - 12km; trong vùng có vườn cây trái sum suê, rừng chồi rậm rạp, sỏi cao su bạt ngàn, Thành Tuy Hạ vững chãi.

Địch xem đây là trọng địa của chiến trường, yết hầu của cơ quan đầu não, dạ dày của bộ máy chiến tranh nên bố trí lực lượng dày đặc với các binh chủng hùng mạnh, trang thiết bị hiện đại; tiến hành ủi trắng gần như toàn bộ địa bàn khu Lòng Chảo; tăng cường lực lượng chiếm đóng dọc lộ 17, 19 trên 41 đồn, bót, tua; trên 20 chốt chiếm đóng; 1 tiểu đoàn lính Mỹ chốt ở ngã ba

Đường ủy Phước Lai, một trung đoàn Thái Lan sư đoàn Hắc Báo từ Long Thành chuyển qua chốt một tiểu đoàn ở chùa Nước Nhĩ, Bến Sắn, Phước Thiện; một tiểu đoàn xây căn cứ ở Vườn Điều Phước An, một tiểu đoàn biệt động quân ngụy rải quân từ Phú Hữu đến Phước Khánh. Với vòng vây dày đặc như thế, địch tiến hành nhiều cuộc càn quét, bình định hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng, muốn đẩy lực lượng vũ trang ta ra xa Sài Gòn 10 km (khỏi tầm pháo ĐKB¹), bảo vệ kho xăng Nhà Bè, kho đạn Thành Tuy Hạ, sông Lòng Tàu, bảo vệ các đoàn tàu Mỹ chở vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam.

Vì vậy, cách mạng cũng bố trí địa bàn Nhơn Trạch thành vùng trọng điểm, lấy Lòng Chảo làm bàn đạp để xây dựng căn cứ, tập kết các lực lượng Phân khu 4, Đoàn 10 Rừng Sác, D2, E4, D6 pháo, C240; nơi đứng chân của Bộ Chỉ huy Phân khu 4 lãnh đạo tấn công vào Sài Gòn đợt Mậu Thân 1968 và là nơi mở đường tiến quân vào Sài Gòn từ hướng Đông Nam.

Cuối tháng 10.1967, Huyện ủy tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng gồm 30 đồng chí tại căn cứ địa đạo Lòng Chảo xã Phước An. Hội nghị diễn ra giữa lúc quân Thái Lan² triển khai đánh phá ác liệt vùng Lòng Chảo. Mặc cho tiếng máy bay hòa

1 Pháo ĐKB là loại pháo phản lực theo ống được gỡ từ dàn pháo phản lực Katyusha BM-21 của Liên Xô theo sáng kiến của quân đội ta nhằm phù hợp cho địa hình rừng núi và chiến lược chiến tranh du kích ở miền Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Phía Nga (Liên Xô cũ) gọi loại pháo này là 9P132.

2 Tháng 9.1967, Lữ đoàn Hồ Mang hay gọi là Mãng Xà Vương có mặt ở miền Nam, tháng 7.1968 thay bằng Lữ đoàn Báo Đen. Năm 1969, tuyên bố rút 12.000 quân, đến 1971 mới rút hết.

tiếng xe tăng thiết giáp địch gầm rú, Hội nghị vẫn làm việc dưới địa đạo.

Hội nghị phân tích kỹ thuận lợi, khó khăn, nhược điểm của địch và ta trên chiến trường Long Thành. Huyện ủy khẳng định thuận lợi cơ bản nhất: nhân dân các xã nói chung chí cốt với cách mạng, một lòng tin tưởng ở Đảng và Bác Hồ kính yêu. Tuy nhiên cái khó lớn nhất là âm mưu và hoạt động của Mỹ ngụy sẽ tiếp tục gây thêm nhiều thiệt hại về người và của của nhân dân Nhơn Trạch - Long Thành. Trên cơ sở đó, lãnh đạo tất cả các tổ chức lực lượng đứng chân trên địa bàn huyện đều phải bám sát dân, ở vùng sâu, vùng yếu thì phải trụ lại trong dân. Tất cả các vùng không ngừng tạo thế chiến đấu và không ngừng bổ sung, xây dựng lực lượng chiến đấu. Bất cứ trong hoàn cảnh chiến tranh xảy ra ác liệt như thế nào, Đảng bộ cũng kiên quyết tổ chức phát động quần chúng bung ra đồng ruộng sản xuất, bám sông rạch làm ăn, gắn chặt với phá nội dung “bình định lập ấp chiến lược của địch”; huy động sức người, sức của phục vụ cho kháng chiến. Hội nghị quyết định một số vấn đề cụ thể; xây thế chiến đấu ở ven nông Phú Hội, lập bãi mìn kết hợp hầm chông, hố đinh ở Bàu Bông (Phước An), xây dựng bãi mìn kết hợp với giao thông hào địa đạo ở hai khu vực Tam An, Tam Phước, xây dựng các chốt bắn tỉa ở Phước Thọ, Phước Long, Phước Thiện.

Huyện ủy cũng phát động phong trào “Toàn dân đánh giặc” ở nhiều nơi như Cát Lái, Bến Bạ (Phú Hữu), Bình Sơn (vùng cao su). Các đơn vị vũ trang C1 (Long Thành), 19.5 (Nhơn Trạch) giữ nguyên vị trí hoạt động, tích cực hỗ trợ diu dắt các đội du kích

xã. Ít lâu sau, tỉnh Bà Biên tăng cường đơn vị C240 cho huyện làm lực lượng cơ động. Các ban, ngành và đoàn thể được củng cố thống nhất về tổ chức, đội ngũ cán bộ hoạt động ở chiến trường nào vẫn ở nguyên địa bàn đó.

Giai đoạn này, ở Phước Lai xuất hiện nhóm “Phượng hoàng” do địch tổ chức, toàn là phụ nữ nhưng rất nguy hiểm, thường lân la khắp nơi để dò xét, nắm tin tức của cán bộ ta rồi chỉ điểm, báo cho địch phục kích. Nhiều cán bộ, chiến sĩ của ta đã bị sát hại bởi nhóm “Phượng hoàng” này, trong đó nổi lên có Lê Thị Tụi, lấy chồng là cảnh sát tên Hòn cũng là một tên ác ôn khét tiếng ở Tam An; Lê Thị Đợi có chồng đi lính nghĩa quân, cha chồng là Trưởng ấp B Phạm Văn Sáng; cô Chụ nhà ở ấp B cũng làm chỉ điểm. Đây là những tên ngoan cố, lực lượng cách mạng nhiều lần cảnh cáo nhưng vẫn không sửa đổi.

Đội du kích xã Phước Lai xin ý kiến và được chấp thuận xử những tên “Phượng hoàng” nguy hiểm này. Thấy hai “phượng hoàng” Lê Thị Đợi và cô Chụ bị cách mạng xử tử, Lê Thị Tụi hoảng hốt định thu xếp về Tam An “lánh nạn”, nhưng ta nắm được tin này đã nhanh chóng xử luôn tên “phượng hoàng” gian xảo này. Chồng bà ta là cảnh sát Hòn sau đó cũng bị lực lượng du kích xã Tam An xử tử vì làm ác ôn. Sau đợt này, bọn “phượng hoàng” ở Hiệp Phước co vòi, hết dám hoạt động.

Đến cuối năm 1967, hầu hết các xã và thị trấn ở Long Thành, Nhơn Trạch đã tạo được thế và lực mới vừa tấn công lính Mỹ, Thái, nguy vừa chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

3. Tham gia cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968

Giữa tháng 1.1968, đồng chí Hai Lực (Nguyễn Trọng Tân), nguyên Bí thư Khu ủy miền Đông, được cử làm đặc phái viên của Trung ương Cục đến căn cứ Rừng Sác (Phước An) triển khai nhiệm vụ và kế hoạch tổng công kích, tổng khởi nghĩa cho Phân khu ủy Phân khu 4 và Đặc khu Rừng Sác (Đoàn 10). Bộ chỉ huy mặt trận Phân khu 4 thành lập do đồng chí Lương Văn Nho làm Tư lệnh, đồng chí Tám Quang (Đặng Quang Long) làm Chánh ủy, đồng chí Lê Quang Chử, Phó Bí thư Phân khu 4, chịu trách nhiệm kế hoạch kiểm tra toàn bộ lực lượng bên ngoài. Đồng chí Mười Chiến, Bí thư Phân khu ủy, cùng đồng chí Ba Cam phụ trách kế hoạch xây dựng cơ sở và phát động nhân dân nội thành.

Bộ Tư lệnh tiền phương đứng chân ở vùng Bung Sáu Xã (Thủ Đức) gồm các đồng chí Mười Chiến, Năm Chử, Hai Nhã, Tám Quang, Ba Đắc quyết định điều động Tiểu đoàn 4 của Quân khu 2, trung đội trinh sát cùng lực lượng vũ trang của huyện Thủ Đức áp sát mục tiêu, từ cầu Rạch Chiếc trên xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa đến ngã tư Hàng Xanh. Đoàn 10 do đồng chí Mười Thà (Nguyễn Việt Hoa) và đồng chí Sáu Tâm chỉ huy phụ trách hướng tiến công Nhà Bè, Quảng Xuyên, Cần Giò và trực sông Lòng Tàu. Phân khu 4 còn điều động bố trí một số cán bộ: đồng chí Hồ Sĩ Hành, vợ chồng đồng chí Trương Văn Bông, Huyện ủy viên huyện Long Thành, các nữ đồng chí Ba Cơ, Mười Ánh Tuyết, Nga, Sáu Ngàn đi đường công khai hợp pháp từ Hưng Nghĩa vào nội thành Sài Gòn. Tất cả cán bộ chiến sĩ chiến trường Phân khu 4 đều được

phát động học tập thư kêu gọi của Thường vụ Trung ương Cục, “sẵn sàng quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Vượt qua vô vàn khó khăn gian khổ, mọi lực lượng chờ giờ G ngày N đồng loạt nổ súng tiến công các mục tiêu được phân công cho đơn vị mình đảm trách.

Lúc 0 giờ đêm 30, rạng 31.1.1968 (tức mừng một tết Mậu Thân), các mũi tiến công khắp nơi đồng loạt nổ súng. Tổng kho Long Bình, kho đạn Thành Tuy Hạ, Kho xăng Nhà Bè đồng loạt bị tấn công, bom đạn nổ vang trời, lính Mỹ ngụy và chư hầu hồn xiêu phách lạc.

Tại Nhơn Trạch, các đồng chí Nguyễn Công Hạnh, Trần Hai trực tiếp chỉ huy Đại đội 240 tiến công chi khu, diệt 20 lính bảo an và cảnh sát, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Đây là lần đầu tiên chi khu Nhơn Trạch bị tiến công quân sự. Ở tất cả các xã, du kích và tự vệ mật tiếp tục đánh địch, diệt ác phá kìm, phát động quần chúng chống phá âm mưu bình định, khoanh gom dân của địch. Nổi bật là Chi bộ Phước An dùng lực lượng du kích phối hợp với nhân dân bằng ba mũi giáp công chính trị - binh vận - vũ trang bao vây bót Vũng Gấm suốt 10 ngày làm bọn bảo an ở đây khiếp vía, cố thủ trong bót. Ở hướng Rừng Sác, Đoàn 10 liên tục đánh địch trên sông Long Tàu, đánh cảng hải quân Nhà Bè và kho tàng địch ở Nhà Bè. Bộ đội bắn cháy năm tàu quân sự trên sông Lòng Tàu và cảng Cát Lái.

Tuy nhiên, sau lúc bắt ngờ ban đầu, địch đã nhanh chóng phản công, đồng thời đưa quân càn vào vùng Lòng Chảo, vùng Rừng

Sắc. Lúc này lộ 19 đã bị phá hủy, tất cả các loại xe không thể qua được. Địch đổ quân từ Phú Thạnh rồi theo lộ cao su Tân Tường để càn vào Vũng Gấm, Bàu Bông. Một cánh quân từ xã Vĩnh Thanh tràn qua Quới Thạnh đánh tạt lại. Từ phía quốc lộ 15 theo lối Nhà Mát, địch theo đường Bà Ký đổ vào chà xát hai xã Phước Long, Phước Thọ.

Ở hai xã Phước Lai, Phước Kiển, toàn bộ lực lượng tự vệ mật, cán bộ mật, du kích đều tham gia phối hợp cùng lực lượng C240 đánh đồn, diệt ác ôn. Tuy nhiên, sau khi địch dồn lực phản công thì lực lượng địa phương bộc lộ thế yếu, phải rút lui. Một số chiến sĩ bị thương được mẹ Nguyễn Thị Hương nuôi giấu trong hầm bí mật, thuốc men chữa chạy rồi được cơ sở bí mật đưa ra căn cứ. Một số anh em du kích, cán bộ Hiệp Phước đã hy sinh trong đợt tiến công này, như: Dương Bình Minh, Trưởng Ban Kinh tài xã Phước Lai; Đào Văn Thành, Bí thư Chi đoàn, Xã đội phó Phước Lai; Bùi Văn Đức, du kích xã Phước Kiển; Huỳnh Văn Sinh¹, Trung đội phó Đại đội 245; Nguyễn Văn Tô². Trong đó, Trưởng Ban Kinh tài xã Phước Lai là Dương Bình Minh trong một trận đụng độ với bọn lính Thái Lan thuộc trung đoàn Mãng xà vương, đồng chí Minh bị thương, bọn lính Thái Lan kêu gọi đầu hàng nhưng đồng chí vẫn chiến đấu cho đến khi hết đạn. Bọn lính Thái Lan đã chặt đầu đồng chí Minh rất dã man.

1 Liệt sĩ Huỳnh Văn Sinh là con của liệt sĩ Huỳnh Ngọc Ân hy sinh tại nhà tù Côn Đảo.

2 Liệt sĩ Nguyễn Văn Tô là con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Huỳnh Thị Châu, người xã Phước Lai. Mẹ Châu còn một người con liệt sĩ nữa là Nguyễn Văn Thanh, bộ đội, hy sinh năm 1967.

Cuộc tiến công và nổi dậy đợt hai bắt đầu từ ngày 5.5.1968. Tại chiến trường Phân khu 4, lực lượng vũ trang ta (cả chủ lực và bộ đội địa phương) bám trụ vùng Bung sáu xã. C240 đánh vào chi khu Nhơn Trạch, tiêu hao một bộ phận sinh lực địch và phối hợp cùng du kích diệt ác ở trục lộ 19 và 17 làm cho bọn địch hoang mang. Ta mở ra được một số xã giải phóng như Phước An, Phú Hội, Phú Mỹ. Ở Hiệp Phước, địch cố giữ vị trí chiến lược này, chúng tung lực lượng bảo an, địa phương quân chống trả quyết liệt, nên ta cũng tổn thất: Lê Văn Khanh, du kích Phước Lai; Huỳnh Ngọc Sơn, chiến sĩ C240. Nhiều chiến sĩ là người Hiệp Phước cũng hy sinh trên các chiến trường trong đợt tổng tiến công Tết Mậu Thân lần hai: Huỳnh Văn Dũng, Chuẩn úy Tiểu đoàn 3 Phân khu 4, hy sinh tại đồi Bạch Đằng; Huỳnh Ngọc Quang, chiến sĩ Trung đoàn 4 Quân khu 7, hy sinh tại Bà Rịa¹; Nguyễn Hồng Phong, tiểu đội trưởng giao liên tỉnh Biên Hòa, hy sinh khi chiến đấu xong vượt sông Đồng Nai để rút lui; Đỗ Văn Mỹ, người Phước Kiển, Trung đội trưởng Công binh xưởng Huyện đội Nhơn Trạch...

Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, Mỹ tăng cường đổ quân hỗ trợ, chính quyền Sài Gòn đề ra kế hoạch “bình định cấp tốc”. Tiểu khu Biên Hòa đã chọn Long Thành - Nhơn Trạch và Tân Uyên để thực hiện âm mưu này. Tại Long Thành - Nhơn Trạch, địch đã tiến hành lượng giá để phân loại xã, ấp, trong đó các xã: Phước Lộc, Long An, Lộc An, Vĩnh Thanh, Phú Thạnh và Đại Phước xếp loại A. Những xã này địch cho là có thể làm chủ cả ngày lẫn đêm.

1 Liệt sĩ Huỳnh Ngọc Quang là em của hai liệt sĩ Huỳnh Ngọc Minh, Huỳnh Ngọc Sơn, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Cửu.

4. Bám trụ, chống càn, giữ vững các phong trào ba mũi giáp công

Ngày 10.5.1968, Phân khu ủy Phân khu 4 có quyết định tách huyện Long Thành thành 2 huyện Long Thành và Nhơn Trạch. Đồng chí Nguyễn Công Hạnh được phân công Quyền Bí thư. Thực hiện Nghị quyết của Phân khu ủy Phân khu 4, ngày 19.5.1968, Ban Thường vụ Huyện ủy Long Thành họp tại căn cứ địa đạo Nhơn Trạch, kiểm điểm và đánh giá kết quả hoạt động đợt 1, đợt 2; bàn kỹ việc lãnh đạo toàn Đảng bộ và lực lượng vũ trang “*bám trụ chiến trường bằng mọi cách, liên tục tiến công tiêu diệt Mỹ, Thái, lính Sài Gòn*”; triển khai công tác tổ chức tách hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch như cũ theo chỉ đạo của Phân khu 4; phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ đi từng khu vực triển khai những công việc nêu trên; chỉ đạo tập trung mở vùng yếu Phú Thạnh, Đại Phước và Vĩnh Thanh.

Lúc này lính Úc đang càn đi quét lại địa bàn, ta và địch sát bên nhau, có lúc đan xen, giành giật quyết liệt. Phía trước, Mỹ đổ hàng trăm cụm lính đến khắp đồng ruộng các xã An Hòa, Long Hưng, Tam An dọc sông Đồng Nai đến các cánh đồng Long Hiệu (Long Tân), cù lao Ông Cồn, Bến Bạ, Cát Lái, Ông Mai, Giồng Ông Đông (Phú Hữu và Đại Phước).

Tại khu Lòng Chảo Nhơn Trạch, phía Đông quốc lộ 15 huyện Long Thành, quân chư hầu Thái Lan và Úc đóng từng cụm có xe tăng, thiết giáp và pháo binh yểm trợ. Ban ngày, chúng bung ra càn quét, bình định, ban đêm cụm lại phòng thủ. Một phần lính Úc càn từ phía Tây đến phía Đông suối Cả chạy dài tới đồi Tâm

Tình, con đường Chòi Đồng tới Phước Thái. Lính Úc chia thành những tốp nhỏ lũng sục căn cứ ta, hai bên giành giật quyết liệt từng căn hầm, từng đoạn giao thông hào căn cứ. Đôi khi lính Úc và bộ đội ta cùng ở trong một căn cứ. Đánh quân Úc không dễ so với đánh Mỹ vì chúng cũng theo chiến thuật du kích. Khi đôi bên nổ súng, chúng gọi pháo tầm xa bắn ngay vào đội hình đôi bên đang đánh nhau. Đặc biệt, từ sân bay quân sự Biên Hòa, máy bay địch liên tục lên xuống, quần đảo và ném bom bất cứ khu vực nào mà chúng tình nghi, gây cho ta nhiều tổn thất.

Trong giai đoạn này, địch tung chiến thuật “Ong ruồi” kết hợp với hoạt động biệt kích phục kích, gây cho ta nhiều tổn thất. Tại khu Lòng Chảo Nhơn Trạch, quân chư hầu Thái Lan và Úc đóng thành từng cụm, có xe tăng thiết giáp và pháo yểm trợ. Ban ngày, chúng bung ra càn quét, bình định, ban đêm cụm lại phòng thủ lính Úc chia thành từng tốp nhỏ lũng sục căn cứ của ta.

Trước tình hình đó, Huyện ủy Nhơn Trạch trực tiếp lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân kiên cường bám trụ chiến trường, “bám thắt lưng” để tiêu hao sinh lực địch, đồng thời trừng trị bọn ác ôn điệp báo nằm trong dân.

Những năm 1968-1969, tình hình căng thẳng, ác liệt; giặc ra sức đánh phá để trừ họa “Mậu Thân”, ta kiên cường đánh trả để bảo vệ căn cứ, phát triển phong trào. Phong trào “thi đua diệt Mỹ, chư hầu Thái, Úc” dấy lên sôi nổi, đều khắp Long Thành, Nhơn Trạch.

Đầu tháng 6.1968, lực lượng cách mạng của Phân khu 4 gặp khó khăn về lương thực, thực phẩm. Phân khu ủy sau khi hội ý,

điện cho hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch đề nghị chi viện ngay một số lương thực, phục phẩm để kịp thời phục vụ chiến trường. Các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy bàn bạc, quyết định cử đồng chí Quyền Bí thư Huyện ủy Nhơn Trạch Nguyễn Công Hạnh làm Chủ tịch Hội đồng cung cấp của huyện, chỉ đạo đưa ngay toàn bộ số lúa thu được ở các xã: Phước Long, Long Phước, Phú Hữu chuyển hết về phân khu; số lúa thu được của các xã còn lại thì cung cấp, phân phối cho các địa phương trong huyện. Biết được tình hình khó khăn, người dân Phước Lai, Phước Kiển đã ra sức đóng góp lương thực cho phong trào cách mạng vượt qua thời điểm gian nan.

Ngày 20.12.1968, Ban Thường vụ Phân khu 4 họp tại căn cứ Suối Cù ở phía Bắc suối Cả, bàn kỹ ba việc:

1. Quyết định đầu năm 1969 mở hai đại hội “*Bình bầu chiến sĩ thi đua và dũng sĩ diệt Mỹ*” và “*Đại hội đại biểu quốc dân*” bầu Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Long Thành - Thủ Đức.

2. Phân công chuẩn bị căn cứ cho hai đại hội trên. Hội nghị xác định xây căn cứ suối Đá Vàng gần khu vực Chòi Đồng (xã Phước Thái).

3. Chuẩn bị gạo và thức ăn cho hai đại hội đó (mỗi đại hội trên 100 đại biểu).

Đầu tháng 2.1969, Đại hội chiến sĩ thi đua Phân khu 4 khai mạc gồm trên 200 đại biểu. Đại hội nghe nhiều báo cáo điển hình về những trận đánh của các đội du kích xã, của bộ đội địa phương huyện và lực lượng vũ trang phân khu diệt hàng trăm tên Mỹ, Thái và vô số bình định ác ôn. Đại hội bình bầu hàng chục dũng sĩ diệt

Mỹ. Xã đội trưởng xã Phú Hữu Nguyễn Quyết Chiến được bình bầu là điển hình của Đại hội.

Tháng 4.1969, đồng chí Lê Đức Sanh chỉ đạo Nhơn Trạch tập trung lực lượng chống phá địch bình định, giành quyền làm chủ, xây dựng thể và lực mới ở các xã quanh Lòng Chảo. Tại Phước Lai, đồng chí Trần Văn Sang (Hai Sang) đang công tác tại lực lượng An ninh huyện được giao nhiệm vụ về làm Bí thư xã. Thời gian qua, phong trào cách mạng ở Phước Lai chịu nhiều tổn thất, hàng loạt cán bộ chủ chốt, chiến sĩ hy sinh trong một thời gian ngắn, tạo khoảng trống trong công tác. Đồng chí Trần Văn Sang là người địa phương, sớm rèn luyện và trưởng thành trong môi trường kháng chiến, Huyện ủy Nhơn Trạch nhận định trong thời điểm này đưa đồng chí về hoạt động ở địa phương là phù hợp.

Về làm Bí thư ở địa bàn được đánh giá là “vùng yếu” như Phước Lai, đồng chí Hai Sang nhận nhiệm vụ trong giai đoạn địa phương ngổn ngang, bộn bề nhiều việc. Lúc này chị Huỳnh Thị Thu, Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ giải phóng xã Phước Lai đã rút về làm Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ giải phóng huyện. Chi bộ A và Chi bộ B lúc này gồm các đồng chí: Trần Văn Sang (Bí thư xã), Võ Thị Bót (Bảy Bót, Bí thư chi bộ mật), Dương Văn Ken (chồng của đồng chí Võ Thị Bót), Lê Thị Đây (phụ trách công tác binh vận, năm 1970 đồng chí bị địch bắt lần thứ hai, giam giữ ở Nhà lao Tân Hiệp, Biên Hòa), Ngô Văn Thêm, Hai Hải, cô Tài (vợ đồng chí Hai Hải). Đồng chí Hai Sang ngay khi vừa về đã tìm cách củng cố lại lực lượng, phong trào, tổ chức lại cơ sở cách mạng, vận động thanh niên thoát ly, tổng quân để bổ sung lực lượng cán bộ xã, huyện, như vận động thanh niên

Huỳnh Ngọc Hà¹ thoát ly, công tác bên an ninh xã; giao nhiệm vụ cho đồng chí Ngô Văn Thềm làm Bí thư chi đoàn, phụ trách mảng thanh niên. Đồng thời đồng chí còn cùng các cán bộ xã tổ chức vận động đồng bào tiếp tế cho cách mạng, phối hợp đấu tranh với địch như chống bắt lính, chống bắn pháo vô tội vạ vào khu vực đồng Long Phước. Bên cạnh đó, các đồng chí đảng viên còn phải tìm phương thức mới để thu thuế, chỉ riêng trong công tác này nhiều cán bộ, chiến sĩ đã hy sinh.

Rất nhiều lần đồng chí Hai Sang gặp nguy hiểm. Ngày 18.10.1970, đồng chí Hai Sang cùng với hai đội viên du kích là Thắng và Dũng, có thêm năm đồng chí bộ đội thuộc lực lượng C240 - là lực lượng thường phối hợp với địa phương để chiến đấu, cùng đi công tác, trên đường đi từ Vườn Xoài về Phước Lai thì lọt vào ổ phục kích của tên ác ôn Chín Trón. Bên ta vừa bắn yểm trợ cho nhau vừa rút lui, nhưng do địch đông, hỏa lực mạnh nên hai đồng chí du kích Thắng và Dũng hy sinh, phía bộ đội C240 cũng hy sinh hai người, trong đó chiến sĩ Trần Công Thắng cũng là người Phước Lai. Đồng chí Hai Sang thoát được vào rừng nhưng bị mất khẩu súng. Một tên lính địa phương quân lấy được khẩu súng này, về rêu rao “mới bắn chết thằng Hai Sang bí thơ”. Mẹ vợ đồng chí Hai Sang nghe tin, tưởng con rể hy sinh, lật đật chạy lên đồn tìm xác con không thấy, lo lắng trong lòng mà không dám khóc. Mấy ngày sau gia đình mới nhận được tin đồng chí chỉ bị thương.

1 Con út của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Cửu, em của chị Huỳnh Thị Thu và em của ba liệt sĩ: Huỳnh Ngọc Minh, Huỳnh Ngọc Sơn, Huỳnh Ngọc Quang. Cả gia đình đều tham gia kháng chiến.

Sau khi hai đội viên Thắng và Dũng hy sinh, Đội du kích xã Phước Lai lúc này chỉ còn lại ba người là Ngô Phi Hùng, Xã đội trưởng; Lê Minh Chánh, Xã đội phó cùng một đội viên tên Quân (Rắc).

Ít lâu sau, Xã đội trưởng Ngô Phi Hùng hy sinh do bị tên ác ôn Phạm Minh Sang (Năm Sang) phục kích bắn chết. Trước đó, ngày 29.4.1970, Xã đội phó Lê Minh Chánh cũng hy sinh. Hôm đó anh đi công tác từ Phước An về, vai khoác súng AK, đến khu vực chùa Phước Hưng thì lọt vào ổ phục kích của bọn lính Chín Trón. Anh dù bị thương ở chân vẫn bình tĩnh bắn trả khiến chúng chết và bị thương mấy tên, đến lúc anh hết đạn thì chúng ập đến bắt sống. Để trả thù cho đồng bọn, chúng lấy báng súng đánh anh xối xả, anh hô to khẩu hiệu: “Đả đảo đế quốc Mỹ! Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!”. Điên tiết, bọn lính bắn vào mặt, anh hy sinh, mặt bị bắn nát báy. Xã đội phó Lê Minh Chánh lúc đó mới 18 tuổi, chưa có cả người yêu. Bọn lính đưa xác anh về sân đồn phơi cả ngày. Cha mất, mẹ anh là đồng chí Lê Thị Đây bị địch bắt giam, gia đình tan tác, bà con chòm xóm đến năn nỉ mãi bọn lính mới cho đưa anh về chôn cất.

Tổn thất của phong trào cách mạng quá lớn, nhưng dù biết phải hy sinh cũng không sờn lòng, nhiều thanh niên Hiệp Phước tiếp tục thoát ly, vào du kích hoặc bộ đội, như: Phan Thành Tâm, Đặng Hoàng Thi, Phan Hồng Quân, Huỳnh Văn Bình...

Tháng 6.1969, Ban Chấp hành Phân khu 4 họp kiểm điểm tình hình, bổ sung kế hoạch tiến công địch sáu tháng cuối năm. Đồng chí Lê Đình Nhơn được Trung ương Cục chỉ định làm Bí thư Phân

khu ủy Phân khu 4. Chiều 3.9, đoàn cán bộ Phân khu 4 nhận được điện khẩn: “Bộ Chính trị Trung ương Đảng báo tin đau buồn: Bác Hồ qua đời”. Đoàn đã phối hợp với các lực lượng vũ trang cùng các cơ quan ở Bà Rịa tổ chức lễ truy điệu Bác vào ngày 4.9. Hơn 300 cán bộ chiến sĩ tập hợp nghiêm trang trước bàn thờ đơn giản bằng cây rừng, cờ Đảng và ảnh Bác treo phía trên, một băng rôn với dòng chữ: “Đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại”, dưới đặt những vòng hoa rừng. Đồng chí Hai Nhã (Lương Văn Nho) điều khiển lễ chào cờ, mặc niệm sau đó đọc diếu văn, không ai cảm được nước mắt. Lễ truy điệu Bác gọn một tiếng đồng hồ. Sau đó máy bay Mỹ đến ném bom vào nơi làm lễ, nhưng không ai hề hấn gì.

Cuối tháng 9, Ban Thường vụ Phân khu 4 họp, quyết định vừa tập trung chỉ đạo tấn công ba mũi đánh phá bình định, mở rộng vùng tranh chấp và đánh quân Mỹ và chư hầu, vừa chuẩn bị Đại hội đại biểu lần thứ I của Phân khu, dự kiến chọn địa điểm đại hội tại Lòng Chảo Nhơn Trạch, thời gian khoảng trung tuần tháng 3.1970.

Trên chiến trường Nhơn Trạch, bọn địch xây dựng, phát triển thêm một số căn cứ lớn như trung đoàn Thái Lan phiên hiệu Mãng xà vương đóng ở Đồng Lớn, Phước Thọ - Phước An, căn cứ Bàu Điều sát nách căn cứ Huyện ủy Nhơn Trạch, chốt Mỹ - Thái ở ngã ba Phước Thiện. Hàng ngày, chúng tung lực lượng cấp đại đội, tiểu đoàn đánh phá vào vùng căn cứ cách mạng. Bên trong, Mỹ - ngụy và chư hầu thực hiện chiến thuật “Tát nước bắt cá”. Địch dùng cả trăm xe tệt, hàng chục xe tăng và bộ binh Mỹ yểm

trợ, ủi phá, chia cắt khu rừng nguyên sinh. Chỉ trong vòng 2 năm 1969 - 1970, Mỹ và bọn chư hầu đã san bằng gần 10.000 hecta. Nhiều căn cứ các cơ quan huyện, các xã bị phá hủy. Lúc bấy giờ, lực lượng dân quân chính Đảng do địch đánh phá ác liệt bị tổn thất nặng, phải phân tán, bám trụ trong dân nhằm bảo toàn lực lượng và tiếp tục nuôi dưỡng, phát triển phong trào cách mạng của quần chúng.

Trong năm 1969, xã Phước Kiển bị tổn thất lớn. Đồng chí Dương Văn Bảnh, người Phước An, Bí thư xã Phước Kiển hy sinh chỉ sau mấy tháng nhận nhiệm vụ. Do đặc điểm của rừng ở Phước Kiển là khan hiếm nguồn nước nên mọi người trong căn cứ Phước Kiển phải phân công chia tổ đi lấy nước. Hôm đó, đồng chí Dương Văn Bảnh Bí thư xã cùng với 2 du kích xã đi tải nước ở giếng Mương Sâu gần khu mỏ đen, bị trúng phục kích của địch, hy sinh. Đồng chí Bảnh mới vừa nhận nhiệm vụ Bí thư xã Phước Kiển được hai tháng, khi hy sinh trên lưng đồng chí vẫn còn đeo chiếc bông chứa đầy nước. Chỉ trong vòng chưa đầy một năm, đây là vị bí thư thứ 3 của Phước Kiển hy sinh. Giai đoạn này địch liên tục tổ chức phục kích khu vực rừng Ông Ách, nơi đặt căn cứ của Phước Kiển, khiến nhiều cán bộ, chiến sĩ hy sinh, như: Nguyễn Văn Lý, du kích xã Phước Kiển; Đặng Văn Đủ, du kích xã Phước Kiển; Phạm Văn Quới, Tiểu đội trưởng thuộc Huyện đội Nhơn Trạch; Nguyễn Văn Bình, chiến sĩ Tiểu đoàn 2... Đội viên du kích Phan Thành Tâm thì trúng pháo chụp của địch, hy sinh ở khu vực gần đồn Phước Kiển ngày 19.7.1969. Phong trào kháng chiến ở Phước Kiển phải tạm lắng một thời gian.

Trước tình hình địch tập trung lực lượng đánh phá ác liệt, ủi phá địa hình, Huyện ủy Nhơn Trạch đã xác định tư tưởng, lãnh đạo thực hiện phương châm kiên cường bám trụ, khắc phục gian khổ, ác liệt hy sinh, mưu trí dũng cảm chiến đấu, sáng tạo linh hoạt, vận dụng phong phú đa dạng cách đánh địch, đứng vững địa bàn. Huyện ủy, huyện đội đề ra chủ trương phải chuyển ngay phương thức ăn, ở, đi lại hoạt động, cách đánh địch... chuẩn bị gạo rang, gạo sảy, nước uống từ 10 ngày đến một tháng, trong huyện chia thành 4 vùng nhỏ (vùng 1 lộ 17, vùng 2 dọc lộ 19, vùng 3 lộ 19 di cư, vùng 4 là các xã Phú Hữu, Phước Khánh, Đại Phước). Cấp ủy, Ban chỉ huy Huyện đội tăng cường cán bộ phụ trách các vùng. Đại đội C240 cũng bố trí từng trung đội bám các vùng, phân tán từng tổ nhỏ (ba người) đào hầm bí mật, tận dụng các đoạn địa đạo cũ, vận động vòng lại phía sau nơi địch ủi qua các bụi tre, gốc cây, triền xóm để đào hầm trú ẩn và hầm bí mật thực hiện 4 bám: Bám dân, bám địa bàn, bám phong trào, bám địch để tấn công địch.

15 giờ 30 ngày 14.7.1969, địch dọn bãi ở Trảng Lớn, Hang Nai, đưa 45 xe ủi, xe tăng, thực hiện kế hoạch ủi phá địa hình khu Lòng Chảo. Ngày đầu, chúng dàn hàng ngang như thả vạt cày, ủi từ Phước Thọ qua Phước Lai đến Phước Kiển. Dưới đất, tiếng máy gầm rú âm ùng của xe ủi, xe tăng. Trên trời, máy bay L19, cá mập (OH5, OH6) quần đảo quan sát sẵn sàng phóng hỏa tiễn. Ủi ngày đầu không đụng lực lượng chống trả, chúng rất hí hửng. Trong đêm, đồng chí Huyện đội trưởng Tám Quyết lệnh cho xưởng công binh đổ 10 khối thuốc nổ (mỗi khối 10-12 kg) để

công binh, trình sát gài giáp mí đất địch đang ủi; du kích xã Phước An thì dùng đầu đạn cải tiến thành mìn gài nơi địch sẽ ủi tới. Sáng 15.7.1969, địch ủi qua Phước An, mìn nổ phá hủy hai xe tăng, trực thăng xuống lầy xác, bị du kích phục bắn rơi 1 chiếc. Du kích xã Phước An mở đầu phong trào đánh xe và bắn rơi máy bay địch, cổ vũ lực lượng vũ trang trong toàn huyện. Phối hợp với phong trào diệt máy bay rà thấp, bộ đội, du kích các xã Bình Sơn, Phú Hội, Lộc An, Tam An, Phước Thiên, Phú Thạnh đã chủ động đẩy mạnh hoạt động võ trang. Đối với những xã bị địch khống chế mạnh như Phú Thạnh, Phước Kiển, Phước Thọ, Phước Long, Phước Lai, Tam Phước, Long An thì huyện tăng cường thêm cán bộ về hỗ trợ xã gây dựng cơ sở. Khí thế quần chúng được nâng lên, lực lượng cách mạng được củng cố và phát triển.

Tại xã Phước Lai, sau khi xin ý kiến cấp trên và được Huyện ủy chấp thuận, đội du kích xã đã tổ chức diệt một tên ác ôn Trương áp B. Ngoài tên Chín Trón là ác ôn khét tiếng cả vùng Long Thành - Nhơn Trạch, ở vùng Hiệp Phước lúc bấy giờ còn có những tên ác ôn khác như tên Phạm Văn Quá (Năm Quá), Trưởng Ban an ninh ở xã Phước Lai; Phạm Minh Sang (Năm Sang), Trung đội trưởng địa phương quân; Mười Phương, tay chân của Chín Trón; Đội Lê... Có lần, tên Năm Sang thông qua chỉ điểm, biết bộ đội sẽ về tải gạo khu vực nhà má Năm nên cho lính phục kích, bắn chết bốn đồng chí bộ đội C240, trong đó có một trung đội phó. Tên Năm Sang còn cho lính phục kích bắn chết Xã đội trưởng Ngô Phi Hùng. Nhưng tên này rất ranh ma, xảo quyệt, thường xuyên thay đổi chỗ ở, ta không nắm được quy luật đi lại của hắn nên khó

trừng trị. Có lần anh em phục trước nhà hắn suốt cả mấy buổi tối mà không thấy, sau tìm hiểu mới biết hắn không ngủ ở nhà mà ra ruộng ngủ.

Tên Năm Quá thì thường xuyên chỉ điểm, bắt bớ cán bộ ta, những nhiều những gia đình có người thân đi kháng chiến. Nhiều cán bộ, chiến sĩ của ta trúng phục kích là do hắn chỉ điểm. Qua điều nghiên và từ thông tin của quần chúng cung cấp, tên Quá có vợ bé ở ấp A, thường về đây ngủ. Sau khi nhận được tin tối đó Năm Quá về nhà vợ bé, lại còn kêu thêm vài người đến nhà nấu nướng, phục vụ hắn ăn nhậu, đồng chí Hai Sang cùng với du kích tên Quân và hai đồng chí ở C240 đến phục trước nhà vợ bé hắn. Khác với ấp B đa số là quần chúng cảm tình với cách mạng, người dân sinh sống ở ấp A phần lớn là có người thân làm việc cho chính quyền Sài Gòn, có cả những thành phần như vợ lính, cảnh sát, nên việc mật phục trước nhà vợ bé của Năm Quá cũng rất khó khăn. Đợi cho đến lúc tên Quá nhậu đã ngà ngà say, những người phục vụ ăn nhậu cũng rút đi, đồng chí Hai Sang phân công các đội viên du kích cảnh giới trước nhà, còn mình cùng hai đồng chí C240 ập vào nhà tên Quá. Lúc này Năm Quá đang nằm trên giường, thấy đồng chí Hai Sang bước vào hắn lập tức rút khẩu súng ru lô giấu dưới gối để bắn, nhưng không kịp, đồng chí chiến sĩ C240 đã nhanh chóng xử tên Quá ngay tại chỗ, để lại bản án kẻ rõ tội trạng của hắn và xử lý của cách mạng để răn đe những tên ác ôn khác, rồi cả nhóm rút lui an toàn. Tên Quá bị xử, những tên khác cũng co vòi, ngay cả tên Năm Quang cũng im hơi lặng tiếng một thời gian.

Chỉ trong thời gian ngắn từ những ngày cuối tháng 2 tới trung tuần tháng 6.1972 hơn 100 tên địch bị diệt, hàng chục tên ác ôn bị trừng trị, bị bắt, bị cảnh cáo, ba đội phòng vệ dân sự bị phá rã, ta thu 24 súng các loại và 2 máy truyền tin.

Sau cuộc họp Ban Thường vụ Phân khu 4 đầu tháng 2.1970, đồng chí Chín Lê và đồng chí Nguyễn Hải đi khu Lòng Chảo chuẩn bị địa điểm đại hội, đúng lúc hàng trăm xe quân sự Mỹ đổ quân càn quét dài ngày thực hiện việc “lột da Lòng Chảo”. Tình hình không cho phép mở Đại hội ở khu Lòng Chảo Nhơn Trạch, Ban Thường vụ Phân khu 4 bàn, chọn khu căn cứ Ông Trữ làm địa điểm tiến hành Đại hội. Đại hội tiến hành trong hai ngày 19 và 20.3.1970. Tại Đại hội, đồng chí Lê Đình Nhơn được bầu làm Bí thư Phân khu ủy.

Đến cuối tháng 3.1970, Trung ương Cục lại quyết định điều động đồng chí Lê Đình Nhơn về tỉnh Bà Rịa, chỉ định đồng chí Nguyễn Hải làm Quyền Bí thư; sau đó, Ban Thường vụ Phân khu ủy tiến hành bầu cử, đồng chí Nguyễn Hải trúng cử Bí thư Phân khu ủy Phân khu 4.

Chiều 25.8.1971, đồng chí Nguyễn Văn Thông cùng đồng chí Tám Huệ, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Long Thành, từ trạm giao liên sông Cà đi qua xóm Gò, đường 15 thì lọt ổ phục kích của địch ở giữa cánh đồng giáp ranh Phước Kiển, Phước Lai. Cả hai nằm dưới ruộng đầy nước. Tổ giao liên dẫn đường nổ súng chống trả quyết liệt. Máy bay trực thăng đến quần đảo, thả pháo sáng rực trời. Chúng bắn nhiều trái rốc-két khiến cả ba giao liên hy sinh. Đồng chí Hai Thông và đồng chí Tám Huệ thoát nạn. Hôm sau,

Tám Huệ đến căn cứ Rừng Sác Bà Ký - Cầu Mít rồi cùng đồng chí Trần Văn Đức và ba giao liên từ Cầu Mít băng dọc cánh đồng Phước Lai - Phước Kiển, lại bị phục kích, ba anh em dẫn đường và đồng chí Tám Huệ hy sinh, đồng chí Đức bị thương lòi ruột, phải gượng sức lấy ny lông buộc vết thương, hai tay ôm bụng ráng bò về đến căn cứ Cầu Mít thì ngất xỉu.

Theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Phân khu ủy, Huyện ủy Nhơn Trạch phải quyết tâm bám trụ, chỉ đạo các xã thuộc hệ đường 17, phát động quần chúng các xã bung ra chăm sóc lúa trên đồng, chuẩn bị thu hoạch vụ mùa. Huyện ủy Nhơn Trạch chỉ đạo các ngành cấp huyện phân công cán bộ xuống xã, vừa công tác vừa phân tán lực lượng tránh tập trung để giảm bớt hy sinh tổn thất. Đồng thời Huyện ủy chỉ đạo địa phương liên tục đánh phá bình định của giặc, giữ vững phong trào trong xóm ấp.

Ở Hiệp Phước, đồng chí Trần Văn Sang được điều về làm Bí thư xã Phước Kiển để gây dựng lại phong trào cách mạng sau hàng loạt hy sinh của cán bộ chủ chốt xã. Lúc này, lực lượng cán bộ ở Phước Kiển rất mỏng vì nhiều cán bộ, chiến sĩ hy sinh. Trước tình hình trên, Huyện ủy sau đó bổ sung cho Phước Kiển các đồng chí: Trương Văn Ổ, Ngô Văn Bảy (Bảy U) và Nguyễn Văn Huân; đến đầu năm 1975 bổ sung thêm đồng chí Nguyễn Việt Yên (Năm Yên, người Phước Thọ). Trong đó, đồng chí Huân là người Phước An, trước công tác tại Văn phòng Huyện ủy, khi về Phước Kiển được giao phụ trách công tác thanh niên; một lần đồng chí cùng với du kích xã tên Sơn đi liên hệ dân ở xóm Bà Ký thì lọt vào ổ phục kích của địch, hy sinh.

Phước Lai và Phước Kiển địa bàn sát nhau, hoạt động gắn bó với nhau từ trước nên đồng chí Hai Sang nhanh chóng bắt tay vào công tác. Trong số thanh niên Phước Kiển thoát ly, đồng chí Hai Sang tin tưởng đề bạt đồng chí Phan Hồng Quân làm Xã đội trưởng. Đồng chí Quân trưởng thành trong gia đình truyền thống cách mạng, cha mẹ là cơ sở của ta ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, các anh em đều thoát ly hoạt động, trong đó em đồng chí Quân là Phan Thành Tâm là du kích xã, hy sinh năm 1969. Ngoài ra, Phước Kiển còn có nữ đồng chí Phan Thị Khinh là đảng viên, cán bộ hoạt động mật.

Ở Phước Lai, Huyện ủy Nhơn Trạch đưa đồng chí Nguyễn Văn Trọng¹ (Sáu Trọng), người Phước An, về làm Bí thư xã. Lúc này đồng chí Lê Thị Đây bị giam tại Trại giam Tân Hiệp vừa ra tù, tiếp tục được phân công phụ trách công tác binh vận. Đồng chí Sáu Đây là người rất có uy tín ở địa phương nên làm công tác binh vận là phù hợp, hiệu quả. So với Phước Kiển, lực lượng cán bộ ở Phước Lai có dày hơn. Các đồng chí trong Chi bộ A lẫn Chi bộ B đều hoạt động hiệu quả, như Ngô Văn Thêm (Chín Hoàng), Võ Thị Bót, Hai Hải, Dương Văn Ken, cô Hải, cô Ánh... Ngoài ra còn có Huỳnh Ngọc Hà làm liên lạc, đưa đón cán bộ công tác trong ấp, nắm tình hình địch, chuyển lương thực, tiền bạc bà con đóng góp cho cách mạng.

¹ Đồng chí Nguyễn Văn Trọng là con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Bùi Thị Hoa ở xã Phước An.

5. Chuyển thể trận, mở rộng vùng làm chủ

Tháng 5.1971, Trung ương Cục miền Nam quyết định giải thể Ban Cán sự T7, thành lập 2 phân khu: Phân khu Thủ Biên và Phân khu Bà Rịa. Long Thành, Nhơn Trạch cùng với Đảng ủy Cao su nhập vào Phân khu Bà Rịa. Đầu tháng 12.1971, Ban Chấp hành Phân khu ủy Bà Rịa họp hội nghị mở rộng tại núi Bể. Hội nghị đánh giá thành tích chiến đấu trong 4 năm của Phân khu 4 (Long Thành, Nhơn Trạch, Cao su và tỉnh Bà Rịa - Long Khánh). Hội nghị xác định nhiệm vụ cụ thể từng địa bàn thuộc Phân khu để thực hiện Chỉ thị 33 trong năm 1972, và phân công cán bộ chỉ đạo từng huyện, từng vùng. Đồng chí Nguyễn Văn Thông được phân công phụ trách Long Thành, Nhơn Trạch và cao su Bình Sơn.

Sau hội nghị, các Huyện ủy, Đảng ủy Cao su được hướng dẫn kế hoạch đẩy mạnh hoạt động đánh phá bình định trong mùa mưa, tạo thế mới, lực mới chuẩn bị “chôm lên” trong năm 1972-1973.

Tháng 7.1972, Huyện ủy Nhơn Trạch do đồng chí Phạm Thanh Lý, Quyền Bí thư Huyện ủy (thay đồng chí Phạm Minh Chính, Bí thư Huyện ủy hy sinh vào năm 1971) triệu tập hội nghị 30 cán bộ chủ chốt tại địa đạo Phước An quán triệt Chỉ thị 33. Hội nghị tập trung thảo luận và xác định:

- Vùng trọng điểm số 1 của đợt đánh phá bình định nông thôn là các xã: Phú Hội, Long Tân, Phú Mỹ và Phước Thiện. Yêu cầu đặt ra là lực lượng hoạt động công khai phải làm chủ cả ban đêm và ban ngày, đánh phá bình định cản đi đôi với xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng.

- Vùng trọng điểm thứ 2 gồm các xã: Phước Thọ, Phước Long, Phước Lai, Phước Kiển, cần sử dụng nội tuyến kết hợp với lực lượng vũ trang huyện và du kích xã tập trung tiêu diệt các đoàn bình định nông thôn.

- Vùng thứ 3 gồm các xã: Phú Thạnh, Đại Phước, Phú Hữu, Phước Khánh, đánh phá bình định kết hợp với yêu cầu phát động quần chúng kết hợp với cơ sở binh vận trong lực lượng phòng vệ dân sự. Chú ý xây dựng cơ sở và nắm nghĩa quân cùng dân vệ để phá lỏng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch.

Hội nghị thảo luận và quyết định vấn đề phát động nông, ngư dân bám ruộng đồng trồng tía, bám sông rạch đánh bắt cá tôm. Chú ý bố trí đảng viên mật lãnh đạo chặt chẽ bà con làm ăn ở những cánh đồng rộng như: Ông Mai, Ông Thuộc, Chà Là... Hội nghị đánh giá: Nhon Trạch tuy có nhiều khó khăn, nhưng hoàn toàn có khả năng thực hiện Chỉ thị 33.

Thực hiện Chỉ thị 33, Đội du kích xã Phước Lai sau khi điều nghiên, họp bàn đã quyết định phối hợp tổ chức đánh đội dân vệ ở đồn Phước Long. Đêm trước diễn ra trận đánh, các đội viên du kích Phước Lai và Phước Long đào sẵn hai hố cá nhân ở hai bên lộ 19 khu vực giáp ranh Phước Long và Phước Lai, đến tờ mờ sáng thì rải truyền đơn dọc theo lộ 19. Đúng như ta dự đoán, buổi sáng một số người dân đi làm sớm, nhìn thấy truyền đơn thì kháo nhau, bọn dân vệ đồn Phước Long hay tin nên kéo một trung đội khoảng 30 tên đến khu vực này để lượm truyền đơn. Quân số địch đông đảo, bên ta chỉ có năm du kích, nhưng ta được yếu tố bất ngờ. Bọn dân vệ vừa lọt vào tầm ngắm, các đội viên du kích liền nổ súng,

một tên dân vệ chết ngay tại chỗ, mười mấy tên khác bị thương. Các chiến sĩ vừa bắn vừa rút lui an toàn, bên ta không có ai hy sinh nhưng đồng chí Hai Hải của xã Phước Lai bị thương, hư hết một mắt. Thừa thắng xông lên, Đội du kích xã Phước Lai tiếp tục phục kích đánh địch ở khu vực cầu Mạch Bà, bên ta an toàn, địch lớp chết lớp bị thương phải khiêng về đồn.

Đến năm 1973, đồng chí Lê Văn Hồng, Trung đội trưởng Trung đội 155 thuộc Huyện đội với sự hỗ trợ của Đội du kích Phước Lai đã tổ chức đánh chốt địch ở đường ủi Phước Lai. Sau trận đánh này, địch đã giải tán toàn bộ lính ở chốt đường ủi Phước Lai.

Liên tiếp bị tấn công, địch nổi điên, cho máy bay quần sát áp B, đồng thời kêu pháo bắn vào ấp vì “che giấu Việt Cộng”. May nhờ có Phạm Minh Sang, Trung đội trưởng nghĩa quân cũng là người ở ấp B, đứng ra can ngăn nên người dân ở ấp B thoát được trận “đòn thù”. Nhưng địch lòng sục, khủng bố ngày đêm ở ấp B khiến nhiều người dân lo sợ, bất an nên bỏ nhà cửa dắt díu cả gia đình đi ở nhờ nơi khác, hoặc ra ruộng cấy chòi ở, khiến khu vực ấp B trở nên vắng vẻ. Cán bộ ta phải ra sức vận động người dân ở lại bám trụ ấp.

Đầu tháng 9.1972, Ban Thường vụ Khu ủy miền Đông triệu tập hội nghị tập trung bàn, quyết định ba vấn đề quan trọng:

1. Sử dụng toàn bộ lực lượng thực hiện nhiệm vụ giành dân lấn đất với địch trong mùa khô 1972-1973.

2. Chuẩn bị triển khai Chỉ thị số 08/CT của Thường vụ Trung ương Cục về “gấp rút xây dựng phát triển, bố trí lực lượng chính trị thành thể chiến lược vững mạnh, kịp thời đáp ứng yêu cầu,

trách nhiệm trước mắt. Hoàn chỉnh việc trang bị cho cán bộ các cấp và đảng viên về tinh thần và vật chất vững chắc nhằm giành thắng lợi trước mắt và sẵn sàng đối phó với mọi tình huống phát triển của tình hình”.

3. Thông báo Quyết định của Trung ương Cục: Giải thể các phân khu, lập lại khu ủy miền Đông, lập lại các tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa - Long Khánh. Huyện Nhơn Trạch thuộc tỉnh Biên Hòa.

Thời điểm này, xã Phước Lai thêm lần nữa bị tổn thất. Ngày 10.8.1972, đồng chí Bí thư xã Nguyễn Văn Trọng cùng với một du kích xã từ rừng Phước Lai đi móc ráp cơ sở ở Gò Sài, Long Phước, khi trở về đến khu vực gần Cầu Mít, Bà Ký thì trúng phục kích của địch. Đồng chí Trọng và đồng chí du kích chiến đấu rất dũng cảm, đến khi bắn hết đạn 2 đồng chí cũng không chịu đầu hàng địch, cùng hy sinh. Địch kéo xác các đồng chí về đồn, vợ đồng chí Trọng là Phạm Thị Sáu lên đồn xin đem thi thể chồng về chôn cất. Một thời gian sau, Huyện ủy cử đồng chí Trần Văn Hạnh (Sáu Hạnh, người xã Long Thọ) đang phụ trách kinh tài của huyện trở về Phước Lai nhận nhiệm vụ Bí thư. Hai xã Phước Lai và Phước Kiển với hai vị Bí thư Trần Văn Hạnh và Trần Văn Sang đã hoạt động ổn định và phát triển phong trào cách mạng mạnh mẽ đến năm 1975.

Hội nghị Ban chấp hành Tỉnh ủy Biên Hòa họp phiên đầu tiên từ ngày 15 đến 20.10.1972 xác định: Biên Hòa chưa có xã giải phóng như một số địa phương khác, nhưng cán bộ huyện, xã đều bám được địa bàn, bám dân xây dựng cơ sở, phát động tổ chức phong trào quần chúng nổi dậy, thực lực cách mạng nơi

nào cũng phát triển. Phát huy thắng lợi đã giành được, lực lượng cách mạng ở Biên Hòa tập trung tiến công địch, chống càn quét lấn chiếm, kết hợp chặt chẽ ba mặt võ trang: chính trị, binh vận, quân sự; phát động quần chúng diệt ác phá kềm, trấn áp bọn phản cách mạng ở vùng yếu, vùng tranh chấp, tạo điều kiện cho dân bùng mạnh ra sản xuất, bao vây lấn địch giành quyền làm chủ ấp, xã, tạo thế lực mạnh mẽ chuẩn bị “chồm lên” tiến công địch, mở rộng vùng khi có giải pháp chính trị, đồng thời sẵn sàng cùng toàn Miền đánh bại âm mưu ngoan cố kéo dài chiến tranh của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Sau hội nghị, các đồng chí Ủy viên Thường vụ và Tỉnh ủy viên nhanh chóng tỏa đi khắp các địa phương triển khai nghị quyết và xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể.

Ngày 23.12.1972, Thường vụ Trung ương Cục chính thức ra quyết định Ban Chấp hành Tỉnh ủy Biên Hòa gồm 19 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Trọng Cát - Ủy viên Thường vụ Khu ủy miền Đông làm Bí thư Tỉnh ủy; Phó Bí thư Tỉnh ủy là đồng chí Nguyễn Văn Thông, Phan Văn Trang. Theo quyết định này, đồng chí Nguyễn Văn Xuân (Bí thư Huyện ủy Nhơn Trạch) là Tỉnh ủy viên phụ trách địa bàn Nhơn Trạch.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy Biên Hòa, quân dân Nhơn Trạch cùng toàn tỉnh mở đợt tiến công đồng khởi từ đêm 24.10 đến ngày 5.11.1972. Sau đợt “Đồng khởi năm 1972” và “chồm lên chiếm lĩnh” của lực lượng cách mạng, địch đã rất hoang mang lo sợ, thì tiếp theo đó các trận đánh hiểm vào kho đạn Thành Tuy Hạ càng làm cho địch dao động và hoảng sợ hơn.

Từ năm 1972, chiến trường miền Nam trở nên ác liệt. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam đã làm chủ nhiều vùng đất trên khắp miền Nam, địch tăng cường sử dụng lực lượng không quân ném bom đánh phá vùng giải phóng và hỗ trợ cho quân đội Sài Gòn trong các đợt càn quét, đồng thời tăng cường ném bom đánh phá miền Bắc. Để hạn chế sức mạnh quân sự của địch và cổ vũ cho phong trào nổi dậy của nhân dân miền Nam, lực lượng của Đoàn 113 đặc công miền Đông Nam Bộ, Đoàn 10 đặc công Rừng Sác của quân giải phóng đã nhiều lần đột nhập tấn công kho bom Thành Tuy Hạ phá hủy hàng chục ngàn tấn bom đạn gây tổn thất nặng nề, làm cho địch hoang mang lo sợ. Những trận tấn công vào kho tàng địch đã tạo tiếng vang ở trong nước cũng như trên thế giới, điều đó đã cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào cách mạng của các địa phương làm cho nhân dân ta vô cùng phấn khởi và tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng.

Năm 1972, Bộ Tư lệnh miền Quân giải phóng mở chiến dịch mang tên Nguyễn Huệ nhằm mục tiêu mở rộng vùng giải phóng trên địa bàn các tỉnh Đông Nam Bộ uy hiếp Sài Gòn từ hướng Bắc và Tây Bắc. Hướng tiến công chủ yếu và thứ yếu nhằm vào Lộc Ninh, Tây Ninh; tỉnh Biên Hòa là địa bàn phối hợp nhằm thu hút, chia lửa chiến trường. Nhiệm vụ của chiến trường Nhơn Trạch lúc này là thọc sâu, đánh hiểm vào trung tâm đầu não của giặc, kéo căng, phân tán sinh lực địch để chia lửa cho các hướng chủ yếu của chiến dịch Nguyễn Huệ. Kho bom Thành Tuy Hạ là mục tiêu quan trọng hàng đầu. Bộ đội ta, trong đó hai lần đầu là Huyện đội Nhơn Trạch, hai lần sau là Đoàn 10 Đặc công Rừng Sác, đã bốn

lần làm nổ tung kho bom Thành Tuy Hạ. Các trận tập kích kho bom Thành Tuy Hạ đã tiêu hao phần lớn sinh lực địch, làm cho da dày chiến tranh của địch bị trọng thương, tinh thần và thực lực của địch giảm sút khiến cho chiến dịch Nguyễn Huệ ở các mặt trận nghiêng lợi thế về cho quân giải phóng.

IV. THAM GIA CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH, GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG

1. Phát triển thế trận tiến công địch

Thắng lợi trên chiến trường miền Nam của quân giải phóng buộc các bên Hoa Kỳ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa cùng ký với đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam các nội dung của Hiệp định Paris ngày 27.1.1973. Các bên thảo luận dai dẳng đã lâu, vừa đánh vừa đàm, đến khi tình thế không thể đảo ngược, buộc phải thống nhất nội dung Hiệp định gồm 23 điều, trong đó các điều chủ yếu ghi nhận mong muốn của quân dân cả nước: Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; ngừng bắn trên toàn Việt Nam bắt đầu từ 27.1.1973; *các bên cam kết tôn trọng những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam; nhân dân miền Nam Việt Nam sẽ quyết định tương lai chính trị của mình; sự tái thống nhất Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở bàn bạc và thỏa thuận giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam, không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào và không có sự can thiệp của nước ngoài.* Như vậy, về mặt quân sự, buộc Mỹ và đồng minh phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, ngừng tấn công miền Bắc. Coi

như mục tiêu đấu tranh của quân giải phóng miền Nam đã thắng lợi cơ bản.

Sau hai tháng thực hiện Hiệp định Paris, ngày 31.3.1973, Ban Chấp hành Tỉnh ủy Biên Hòa họp phân tích tình hình:

1. Có những vấn đề mới xuất hiện đáng chú ý. Địch tăng cường liên tục mở rộng cuộc hành quân cảnh sát vào các xóm ấp (nông thôn) và khu phố (thị trấn, tỉnh lỵ Biên Hòa), phân loại quần chúng khủng bố những ai chúng nghi ngờ. Chúng ráo riết bắt lính, đơn quân để bù số bỏ ngũ, rã ngũ sau khi Hiệp định Paris ký kết. Chúng buộc nhân dân sơn cò vàng ba sọc đỏ lên nóc hoặc cửa nhà, rêu rao: Nơi nào có “cờ quốc gia” đều thuộc “vùng chính phủ Việt Nam cộng hòa” kiểm soát. Chúng đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, vu khống phía giải phóng “vi phạm lệnh ngưng bắn”, gây tâm lý không tin vào pháp lý của Hiệp định Paris. Chúng “cảnh sát hóa” bộ máy chính quyền xã, thúc ép bọn ác ôn bung ra hoạt động vùng ven; đàn áp phong trào đấu tranh đòi hòa bình, đòi các quyền tự do, dân sinh dân chủ. Đặc biệt, chúng ngăn cấm không cho nhân dân trở về ruộng đồng để sản xuất.

2. Từ giữa tháng 3.1973, địch mở các cuộc hành quân lấn chiếm nhiều vùng nông thôn trong tỉnh. Nguyễn Văn Thiệu ban hành luật “Người cày có ruộng” ngày 23.6.1973 hòng nắm đông đảo nông dân. Mặt khác, chúng cho phép các nhà tư sản có phương tiện khai thác gỗ cùng với một số công chức nguy tổ chức làm be mà thực chất là phá địa bàn căn cứ cách mạng. Trong xóm ấp, chúng tăng cường tổ chức gián điệp, chỉ điểm, chú trọng huấn luyện và trang bị vũ khí cho lực lượng phòng vệ dân sự xung kích

ở những vùng đồng bào Công giáo di cư như Trảng Bom, thị trấn Long Thành, tỉnh lỵ Biên Hòa, xã Vĩnh Thanh (Nhơn Trạch).

Ý đồ của địch là địch tập trung lực lượng giải phóng, xóa thế “da beo”, đẩy lực lượng cách mạng ra xa, đóng chốt giữ các đường giao thông và các địa bàn do chúng kiểm soát.

3. Về phía ta, Tỉnh ủy chỉ đạo các lực lượng vũ trang kiên quyết chốt giữ vùng giải phóng, đánh địch nông ra vi phạm Hiệp định Paris và quan tâm lãnh đạo tư tưởng tiến công chống tư tưởng hủu khuynh sợ địch tố cáo ta vi phạm Hiệp định. Mặt khác, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp phát động phong trào toàn dân bung ra sản xuất, xây dựng vùng căn cứ Bến Nôm - Bàu Hàm với yêu cầu có dân, xây dựng trường học và trạm y tế.

4. Hội nghị thông qua kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Chỉ thị 02 và Điện số 775 của Thường vụ Trung ương Cục: “Tập trung chỉ đạo tấn công bằng ba mũi vũ trang - chính trị - binh vận nhằm chống địch vi phạm Hiệp định, giữ vùng ta và không ngừng phá thế kèm kẹp của địch đi đôi với đẩy mạnh phong trào mỗi địa phương xã, thị trấn, huyện, thị xã quan tâm đúng mức công tác phát triển lực lượng cách mạng tại chỗ”.

Ngay sau hội nghị Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Trọng Cát, Bí thư Tỉnh ủy, đi chiến trường Nhơn Trạch kiểm tra tình hình cụ thể, trực tiếp chỉ đạo Đảng bộ Nhơn Trạch triển khai thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy. Các đồng chí khác trong Ban Thường vụ cũng xuống các huyện, thị xã.

Tháng 6.1973, Thường vụ Trung ương Cục chỉ đạo tách tỉnh Biên Hòa làm hai bộ phận. Tỉnh Biên Hòa không có thị xã Biên

Hòa (còn gọi là Tỉnh Biên Hòa Nông thôn) gồm các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom¹, Long Thành, Nhơn Trạch, Duyên Hải, Tân Uyên, vùng cao su Dĩ An. Đồng chí Nguyễn Văn Thông được chỉ định làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa Nông thôn. Tỉnh ủy xác định: “Hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch là điểm tập trung đánh phá bình định nông thôn và xây dựng căn cứ, đặc biệt là từ khu vực Bình Sơn đến phía Đông xã Phước Thái”. Tỉnh cử hơn 50 đồng chí cán bộ tăng cường cho các xã thuộc hai huyện. Lực lượng vũ trang tại đây gồm Tiểu đoàn 240, bộ đội địa phương hai huyện.

Về phía địch, từ tháng 6 đến hết năm 1973, ở Long Thành và Nhơn Trạch có nhiều tiểu đoàn bảo an, tiểu đoàn thuộc sư 18 quân đội Sài Gòn đóng quân ở căn cứ Nước Trong, làng Cô Nhi dọc quốc lộ 15. Địch tập trung hàng trăm xe quân sự, xe ủi kết hợp một số chức sắc đạo Thiên Chúa ủi phá khu vực Bàu Năng, Phước Hòa xã Long Phước. Hơn một chục đoàn cán bộ bình định nông thôn được tung về Long Thành, Nhơn Trạch tiến hành kèm kẹp gặt gao, gây tình hình căng thẳng ở nông thôn. Tuy nhiên, ở ấp B Phước Lai ta thừa cơ hội bọn tề xã hoang mang, cài được ông Huỳnh Văn My là cảm tình cách mạng vào làm Trưởng ấp. Vị trí này khá quan trọng, nếu là người của ta sẽ giảm được rất nhiều khó khăn, ngoài việc không chỉ điểm, không “mách lẻo” các hoạt động của cán bộ chiến sĩ, người dân trong ấp, còn ngấm báo cho ta những bàn bạc, chủ trương của bọn tề xã, thậm chí đôi khi còn có thông tin về những cuộc càn quét, bắt bớ của địch.

¹ Huyện Trảng Bom được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Biên Hòa quyết định đổi tên thành huyện Thống Nhất vào tháng 5.1973.

Thời gian này, ở Phước Lai cũng có 2 người là Nguyễn Văn Nhị và Dương Văn Nhưong có biểu hiện cảm tình với cách mạng, thường tỏ vẻ muốn móc rập với các đồng chí đảng viên mật để tham gia hoạt động cách mạng. Qua công tác điều tra, Chi bộ mật xã Phước Lai nhận thấy Nhị và Nhưong có nhiều nghi vấn nên không tiếp xúc dù 2 người này tỏ ra rất tích cực¹.

Bên cạnh đó, các cán bộ của Phước Lai vận động đồng bào chống vẽ cờ ba sọc lên nóc nhà. Khi bọn tề xã yêu cầu vẽ cờ, bà con trả lời: nghèo quá không có tiền đóng gạo, lấy tiền đâu mua sơn. Khi bọn chúng tung tin hù dọa: Ai không vẽ cờ lên nóc nhà, máy bay thấy cho là nhà của “Việt cộng”, bắn xuống ráng chịu. Người dân lý sự trở lại: Vẽ cờ lên nóc nhà, lỡ “Việt cộng” thấy rồi bắn pháo vô, ai chịu trách nhiệm, Việt cộng giờ mạnh lắm, mấy ông lính còn bị đánh chạy, hưởng gì tụi tôi. Dằng dai tới lui, lại thêm Trưởng ấp Huỳnh Văn My cũng bỏ lơ, rốt cuộc xã Phước Lai chỉ có một số nhà bên ấp A thực hiện quy định vẽ cờ lên nóc nhà, còn bên ấp B hầu như không ai chịu làm.

Sau Hiệp định Paris, quân lực Sài Gòn tập trung binh lực đánh chiếm các khu vực Lòng Chảo để giành dân, lấn đất; tháng 3.1973 địch tập trung lực lượng tổ chức cuộc càn quét vào căn cứ Lòng Chảo với bộ binh cùng hàng trăm xe ủi, xe tăng, có máy bay, pháo binh yểm trợ, thực hiện ủi phá rừng. Chúng dội xuống khu Lòng Chảo hàng ngàn tấn bom đạn. Quân giải phóng quyết liệt đánh trả

1 Sau ngày đất nước thống nhất, năm 1976, Công an huyện Long Thành phát hiện Nguyễn Văn Nhị có bí số M48 và Dương Văn Nhưong với bí số F55, là tình báo địch định gài vào hàng ngũ của cách mạng. Sau đó Nhị và Nhưong đã bị bắt.

đề bảo vệ vùng làm chủ. Từ ngày 15.5 đến ngày 30.5.1973, Lực lượng du kích các xã vùng Lòng Chảo phối hợp D240 đánh hàng trăm trận, đánh bộ binh, đánh xe tăng, đánh xe ủi, phá hủy 7 xe ủi, tiêu diệt nặng hai trung đội nguy. Tháng 6.1973, Tiểu đoàn 240 chặn đánh trung đội bảo an Bến Cam, xã Phước Thiện, diệt bảy tên, bắt sống bảy tên, thu 17 súng. Kế hoạch “lật đổ Lòng Chảo” của địch bị thất bại.

Ở Phước Lai, Phước Kiển, Đội du kích hai xã cũng tăng cường phối hợp với lực lượng 240 đánh địch không chỉ trên địa bàn mình mà còn phối hợp với du kích các xã lân cận và ngược lại. Ngày 20.2.1974, trong lúc phối hợp với du kích Long Phước chống càn, Xã đội trưởng Phước Kiển là anh Phan Hồng Quân đã hy sinh tại khu vực Cầu Sập¹. Trước đó, Xã đội phó xã Phước Thiện là anh Nguyễn Văn Phước² hy sinh trong khi cùng đơn vị phối hợp với lực lượng du kích xã Phước Kiển đột kích vào ấp đánh địch.

Tháng 11.1974, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp mở rộng bao gồm các đồng chí trong Ban Chấp hành Tỉnh ủy nhằm đánh giá tình hình địch và ta, dự kiến xu thế phát triển tình hình trong tỉnh và toàn Miền, trên cơ sở đó đề ra một số nhiệm vụ cụ thể trong mùa khô 1974-1975 chung cho toàn tỉnh Biên Hòa và đề ra một số biện pháp tổ chức cụ thể; về tổ chức, củng cố một bước các ban, ngành cấp tỉnh và bổ sung các cấp ủy huyện.

1 Liệt sĩ Phan Hồng Quân và em là liệt sĩ Phan Thành Tâm là con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Đặng Thị Ngà.

2 Liệt sĩ Nguyễn Văn Phước là con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Sang ở xã Phước Thiện.

Hội nghị nhận định: “Thời gian tới, địch sẽ tập trung đối phó ở những vùng tranh chấp quyết liệt, nhất là các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu. Về phương hướng, tiếp tục đẩy mạnh kết hợp chặt 3 mũi: võ trang, chính trị, binh vận tại cơ sở ; mở mảng, mở vùng khi có thời cơ. Các lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh bao vây tiêu diệt một số đơn vị bảo an, dân vệ và bộ máy kèm kẹp ở phân chi khu, ấp, xã, bức hàng đồn bót vùng tranh chấp, cắt đứt giao thông trên các trục lộ 1, 15, 17, 19 và sông Lòng Tàu; khẩn trương tạo thế và lực mới làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch”.

Phương hướng phân đấu trong mùa khô 1974-1975 là: Kết hợp chặt ba mũi vũ trang, chính trị, binh vận tại cơ sở với lực lượng của huyện, tỉnh liên tục tiến công địch giành quyền làm chủ tại ấp xã, đồng thời kết hợp với lực lượng của trên đứng trên địa bàn tỉnh làm tiêu hao, tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch, mở mảng, mở vùng, khi có thời cơ.

Mục tiêu cụ thể là chuyển hầu hết các ấp xã vùng tranh chấp lên thế tranh chấp mạnh và vùng giải phóng. Chuyển vùng địch kèm, vùng di cư, vùng di dân, thị trấn, thị tứ thành vùng tranh chấp với nhiều mức độ khác nhau, xây dựng cơ sở các đoàn thể quần chúng, phát triển đoàn viên, đảng viên đảm bảo lãnh đạo phong trào.

Theo Nghị quyết hội nghị, Thường vụ Tỉnh ủy phân công một số cán bộ chủ chốt tỉnh trực tiếp chỉ đạo huyện trọng điểm gồm: Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Công Hạnh, Trần On và đồng chí Lê Quân (Chín Dũng).

Huyện ủy Nhơn Trạch tập trung tổ chức thực hiện tấn công địch trong đợt mở màn đầu mùa khô 1974-1975 trên địa bàn. Vùng trọng điểm của huyện được xác định là các xã dọc lộ 17, 19, từ Phú Hội, Phú Mỹ, Phước Thiện đến các xã Phước Kiển, Phước Lai, Phước Long và Phước Thọ.

Mở đầu chiến dịch mùa khô 1974-1975, tinh điều động D240 sang vùng trọng điểm Nhơn Trạch. Lực lượng tinh (D240 và D6), bộ đội huyện (đơn vị 19/5) cùng du kích các xã dọc các trục lộ 17 và 19, đồng loạt tiến công địch vào ngày 10.11.1974. Sau 3 ngày chiến đấu, các xã Phước Thiện, Phước Long, Phước Thọ, ta đã tiêu diệt hơn 100 tên địch trong đó có 43 tên bảo an, buộc địch phải đưa chiến đoàn 48 sư đoàn 18 đến đối phó.

Từ ngày 12.12.1974, lực lượng D240 và D6 phối hợp cùng du kích Phước Thọ, Phước Long và Phước Lai dùng hỏa lực tiến hành bao bó đồn Phước Thọ, Phước Long 7 ngày đêm. Đại bộ phận lực lượng của Tiểu đoàn, kết hợp lực lượng huyện phục kích trên trục lộ 19 (đoạn giữa Phước Long, Phước Thọ) để đánh địch đi giải tỏa. Sau bốn ngày đêm bị bao bó, bọn địch ở đồn Phước Thọ, Phước Long rất hoang mang. Chúng yêu cầu tiểu khu Biên Hòa cho máy bay tiếp tế lương thực và nước. Đồng thời, Tiểu khu Biên Hòa điều động tiểu đoàn bảo an 346 xuống Nhơn Trạch giải tỏa. Địch từ Biên Hòa hành quân về Nhơn Trạch theo trục lộ 19 với một trung đội mở đường. Ta lập tức nổ súng diệt ngay trung đội này trong những phút đầu tiên, thu 12 súng. Cùng lúc ở hướng chủ yếu, Tiểu đoàn nổ súng tấn công vào đội hình địch. Sau 1 giờ 40 phút chiến đấu, ta diệt đại đội đi đầu của địch trên 70 tên,

chúng bỏ lại một số súng và xác chết, rút chạy về phía sau không dám tiến lên. Bộ Tư lệnh quân đoàn III nguy ở Biên Hòa cho máy bay lên đánh trái màu phân tuyến, ném bom để ngăn chặn không cho lực lượng ta xung phong và xóa dấu vết của chúng. Đúng 16 giờ cùng ngày, chúng rút về Tiểu khu Biên Hòa.

Hai ngày sau, địch điều một đơn vị của sư đoàn 18 xuống Nhơn Trạch để giải tỏa cho đồn Phước Thọ, Phước Long. Căn cứ tình hình thực tế, để bảo toàn lực lượng sau 4 ngày đêm phục kích, Tỉnh đội lệnh cho các đơn vị rút khỏi vị trí, sẵn sàng chờ lệnh chiến đấu. Sau khi giải tỏa đồn Phước Thọ, Phước Long, khai thông đường 19, tối ngày 20.12.1974, địch cụm lại đóng quân dã chiến trên đường ủi ngã ba Phước Lai. Nhằm được tình hình, Tỉnh đội lệnh cho D240 bắn pháo vào chỉ huy sở của địch, đồng thời cho một bộ phận bộ binh trang bị mạnh tập kích vào cụm tiền tiêu địch. Kết quả ta diệt trên 20 tên địch. Bị thiệt hại nặng, sáng ngày 21.12.1974, địch rút toàn bộ lực lượng về Biên Hòa. Trận đánh thể hiện được khả năng chiến đấu của lực lượng võ trang địa phương, ít thắng nhiều, phối hợp tốt giữa các đơn vị, làm cho địch chủ động thành bị động. Linh trong đồn Phước Thọ, Phước Long hết thói hung hăng, co cụm trong đồn, không dám bung ra càn quét. Do đó, lực lượng cách mạng làm chủ được nhiều xóm ấp.

Đến ngày 31.12.1974, cơ bản 12 ấp ở huyện Long Thành và Nhơn Trạch đã được giải phóng, nhiều đồn bót trên trục lộ 17, 19 bị bao vây. Nhiều khu vực liên hoàn được giải phóng như sở cao su Bình Sơn, các xã: Tam An, Phước Thái, Phước Thọ, Phước An. Nhưng chính vì thế ở Phước Lai, Phước Kiển, địch tăng cường

thêm lính nhằm bảo vệ các giao lộ trên lộ 19. Dịch bổ sung thêm tại đồn Phước Lai, Phước Kiển mỗi đồn một trung đội dân vệ cùng một số lính bảo an, mỗi ngày bốn lính đều lùng sục khắp nơi, thấy ai lạ mặt là xét hỏi, tình hình khá căng thẳng.

2. Phối hợp tiến công và nổi dậy giải phóng quê hương

Từ cuối năm 1974 đến đầu năm 1975, tình hình chiến trường miền Nam có nhiều thay đổi tạo lợi thế cho cách mạng. Bộ Chính trị họp mở rộng (từ ngày 18.12.1974 đến ngày 8.1.1975) phân tích tình hình và bàn kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam. Tình thế sau chiến thắng Phước Long (nay thuộc tỉnh Bình Phước) đem lại quyết tâm chiến lược cho Bộ Chính trị về hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam. Bộ Chính trị chủ trương: Năm 1975 tranh thủ thời cơ, bất ngờ tiến công trên quy mô lớn, rộng khắp, tạo điều kiện tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa giải phóng hoàn toàn miền Nam. Nghị quyết của Bộ Chính trị được triển khai thực hiện bằng các chiến dịch lớn diễn ra trong 3 tháng đầu năm 1975: Chiến dịch Tây Nguyên, Chiến dịch Huế - Đà Nẵng. Đến tháng 3.1975, thắng lợi lớn và thời cơ lớn cho phép mở Chiến dịch Hồ Chí Minh tổng tiến công vào Sài Gòn kết thúc chiến tranh.

Ngày 31.3.1975, Ban Chấp hành Tỉnh ủy Biên Hòa họp tại căn cứ (gần Sở cao su Bình Sơn), nhận định: Thời cơ chiến lược đã xuất hiện. Hội nghị quyết định: “Khẩn trương lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh sẵn sàng khi có lệnh tổng công kích, tổng khởi nghĩa, giải phóng toàn tỉnh”.

Theo đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy có các quyết định sau: Điều động toàn bộ lực lượng vũ trang và 160 cán bộ ban, ngành, đoàn

thể của tỉnh tập trung vào vùng trọng điểm Long Thành, Nhơn Trạch. Sử dụng toàn bộ lực lượng nội tuyến, cơ sở cảm tình phục vụ cho đợt tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Quyết định thành lập Ủy ban quân quản tỉnh do đồng chí Võ Văn Định làm Chủ tịch. Giải phóng đến đâu, tổ chức cứu đói, cấp lương thực, phương tiện đưa dân về quê cũ, nhất là số đồng bào miền Trung mới chạy dạt vào. Tinh đội triển khai chu đáo, không để sai sót trong thực hiện chính sách thương binh, liệt sĩ. Huyện Nhơn Trạch chuẩn bị ít nhất 100 xuồng, ghe, tàu thuyền tại phà Cát Lái (xã Phú Hữu) đưa bộ đội vượt sông tiến về Sài Gòn. Các đồng chí Nguyễn Văn Thông, Lê Quang Thành, Nguyễn Công Hạnh, Trần On, Lê Quân (Chín Dũng) được Tỉnh ủy phân công trực tiếp chỉ đạo chiến trường Nhơn Trạch.

Sáng ngày 17.4.1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp khẩn cấp nghe và thảo luận kỹ ý kiến truyền đạt của đồng chí Lê Đình Nhơn và ý kiến của đồng chí Nguyễn Trọng Cát, phái viên của Trung ương Cục, đặc biệt những ý kiến của đồng chí Lê Quang Thành, Ủy viên Thường vụ Khu ủy miền Đông trực tiếp góp phần chỉ đạo chiến trường Biên Hòa.

Hội nghị được Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận: Phát động tư tưởng tiến công giải phóng quê hương trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh dựa vào lực lượng ba mũi tại chỗ là chủ yếu. Lập tức hình thành Ban Quân quản ở các thị trấn, chuẩn bị cán bộ hình thành Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời cấp cơ sở và cấp huyện sau ngày giải phóng. Bố trí một số đồng chí trực tiếp cùng lực lượng cấp trên góp phần chỉ đạo tác chiến và chỉ đạo công kích, khởi nghĩa tại các địa bàn trọng điểm. Long Thành,

Nhon Trạch là hai huyện có vị trí quan trọng đặc biệt ở hướng Đông Sài Gòn. Do vậy, sau hội nghị, Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường tập trung lực lượng vũ trang và đội ngũ cán bộ, tổ chức chỉ đạo chặt chẽ từ huyện đến cơ sở công kích, khởi nghĩa từng phần khi thời cơ cho phép, kịp thời đồng loạt tiến công địch, giải phóng từng mảng, từng huyện.

Trước thời cơ lớn, bộ Tư lệnh Miền mở chiến dịch Xuân Lộc từ ngày 9.4 đến ngày 21.4 năm 1975. Tám giờ sáng ngày 21.4.1975, nguy quân, nguy quyền tỉnh Long Khánh tan rã hoàn toàn. Tuyến phòng thủ Xuân Lộc bị đập tan, cửa ngõ tiến quân về Sài Gòn đã mở.

Ngày 24.4.1975, cuộc họp liên tịch giữa một số đồng chí chủ chốt trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy Biên Hòa với 3 đồng chí trong Bộ Chỉ huy Quân đoàn 2 để phối hợp hành động, đồng chí Lê Quang Thành - Ủy viên Khu ủy miền Đông tham dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo.

Cuộc họp thống nhất ý kiến và hạ quyết tâm: Đúng 17 giờ ngày 26.4.1975, tiếng súng lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh ở hướng Đông Sài Gòn bắt đầu. Bố trí mục tiêu và lực lượng Quân đoàn 2 gồm các sư đoàn với mục tiêu và hướng phát triển: Sư đoàn 304, đánh chiếm ngã ba Thái Lan, khu căn cứ Nước Trong, Long Bình, vượt xa lộ tiến về Sài Gòn. Đồng chí Nguyễn Công Hạnh, Ủy viên Thường vụ, Chính trị viên Tỉnh đội Biên Hòa đi cánh này. Sư đoàn 325, trong đó có Trung đoàn 46, tiến công vào các mục tiêu chi khu Long Thành, chi khu Nhơn Trạch và yếu khu kho đạn Thành Tuy Hạ. D240 và D6 của tỉnh đánh cụm pháo Phước Thiện và cầu Phước Thiện. Hướng phát triển của Sư đoàn 325 vượt phà Cát

Lái tiến về Sài Gòn. Cánh này hai đồng chí Nguyễn Văn Thông, Quyền Bí thư Tỉnh ủy, cùng đồng chí Trần On, Tỉnh ủy viên, Tỉnh đội trưởng cùng đi. Tổ chức điều động bằng đò được khoảng 100 xuồng, thuyền có mặt tại bến đò Cát Lái, xã Phú Hữu để góp phần chuyển quân nhanh chóng tiến qua Thủ Đức - Sài Gòn. Đơn vị D240 và 2 đội du kích Phú Hội, Long Tân bao vây đánh chiếm đồn Phú Hội và bót cầu Long Tân để bảo đảm an toàn cho pháo 130 li của Quân đoàn đặt tại khu vực đồi Bình Phú thuộc xã Long Tân.

Lúc bấy giờ, bọn tàn binh quân đội Việt Nam cộng hòa thua trận, bỏ chạy từ Xuân Lộc - Long Khánh về Phước Kiển, Phước Lai khá đông, rất nhốn nháo, hỗn loạn. Một số lính có vũ khí trong tay rất ngênh ngang, không người chỉ huy nên bọn chúng như đám thổ phỉ, thừa cơ cướp bóc. Đội du kích Phước Lai, Phước Kiển nhận nhiệm vụ phối hợp với lực lượng 240 vừa trấn áp bọn tàn quân, vừa tiến công đánh bọn lính đóng giữ hai đồn. Ngày 27.4.1975, đồng chí Lê Quân, Tỉnh ủy viên, Phó trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Biên Hòa nhận nhiệm vụ theo dõi, chỉ đạo tình hình chiến trường Nhơn Trạch, khi cùng với một bảo vệ từ căn cứ Huyện ủy Nhơn Trạch đi Phú Hội, đến đường ụ Phước Lai đoạn gần khu vực chốt Thái Lan bất ngờ bị bọn tàn quân phục kích. Đồng chí Lê Quân cùng đồng chí bảo vệ hy sinh. Bọn lính tàn quân cướp khẩu súng ngắn và chiếc đồng hồ đeo tay của đồng chí Lê Quân¹.

1 Theo đồng chí Võ Văn Ba trong sách *Trai rừng Sác Phước An*, đồng chí Lê Quân được chôn cất tại khu vực gò mối ở Phước Lai, vài năm sau khi đồng đội và gia đình cải táng, lúc mở tấm nylon, thi thể đồng chí Quân vẫn còn nguyên, chỉ khô đi.

Khu ủy, Bộ Tư lệnh quân khu giao nhiệm vụ Huyện ủy Long Thành, Nhơn Trạch tạo địa bàn cho Sư đoàn 325 pháo 130 li đánh chiếm quận lỵ Long Thành, Nhơn Trạch; D240 và lực lượng địa phương diệt địch giữ cầu Phước Thiện, tạo thuận lợi cho Sư đoàn 325 phát triển tiêu diệt địch dọc lộ 17, đánh chiếm quận lỵ Nhơn Trạch, khu kho Thành Tuy Hạ, vượt sông Đồng Nai (đoạn Cát Lái) phát triển về Sài Gòn; trong ngày 27.4, chậm là ngày 28.4 phải chiếm cho được Nhơn Trạch để đặt pháo 130 li không chế sân bay Tân Sơn Nhất, không để địch dùng không quân đánh chặn các cánh quân của ta.

Quán triệt nhiệm vụ cấp trên giao, Huyện ủy Nhơn Trạch chuẩn bị sẵn trên 200 tấn lương thực, thực phẩm, huy động hàng trăm các chị, các má xã Phú Hội hăng hái vui vẻ nấu cơm. Tỉnh đội Biên Hòa cử hai cán bộ tiểu đoàn (Bảy Đức, Ba Thà), cùng Ban Dân vận Huyện ủy do đồng chí Huỳnh Minh Tấn phụ trách vận động nhân dân ven sông Đồng Nai chuẩn bị xuồng ghe, giữ phà Cát Lái để đưa Sư đoàn 325 vượt sông Đồng Nai tiến vào Sài Gòn.

Cánh quân hướng Đông, đồng chí Lê Trọng Tấn đề nghị cho nổ súng trước một ngày mới kịp đánh chiếm Nhơn Trạch. Đồng chí Văn Tiến Dũng, Tư lệnh chiến dịch chấp thuận. Lúc 17 giờ ngày 26.4.1975, các cỡ pháo bắn trên 2.000 quả đạn vào các mục tiêu đã định, bộ binh cơ giới Sư đoàn 325 cùng lực lượng vũ trang địa phương giải phóng Bình Sơn; sau đó Sư đoàn 325 theo trục đường 10 đánh chiếm quận lỵ Long Thành. Sáng ngày 27.4, Trung đoàn 101 thuộc Sư đoàn 325 hành tiến về hướng chi khu Nhơn Trạch vượt cầu Phước Thiện. Trước đó, D240 đã diệt lính

dân vệ ven lộ 17, chiếm giữ cầu Phước Thiện; phối hợp xe tăng của bộ đội chủ lực khóa nòng cùm pháo 105 ly ở Bến Sắn cùng du kích bao vây bức hàng, bức rút các đồn bót dân vệ, bảo an ở Phú Hội, Long Tân dọn đường cho Trung đoàn 101 Sư đoàn 325 hướng về mục tiêu chi khu Nhơn Trạch. Trung đoàn 95 Sư 325 theo lộ 19 tiến về đường ỉn Phước Lai cắt qua Phước An, bao vây tấn công vào khu kho Thành Tuy Hạ. Địch dựa trên cao điểm ngoan cố chống trả rất quyết liệt. Cuối cùng, tên thiếu tá Châu chỉ huy phó dẫn hơn một tiểu đoàn ra đầu hàng nộp súng.

Tại chi khu Nhơn Trạch, Sư đoàn 325 tập trung xe tăng, bộ binh tấn công dồn dập. Trung đoàn 101 tràn vào chiếm được chi khu. Tên Trung tá Phương, quận phó Nhơn Trạch, ra hàng dẫn theo gần 200 lính. Sau đó, Trung đoàn 101 bàn giao chi khu cho Ủy ban Quân quản Nhơn Trạch và lực lượng vũ trang địa phương. Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo tiếp quản chi khu lúc này đã tan hoang. Ủy ban Quân quản quận lỵ ra mắt nhân dân, đồng chí Ba Đạm là Chủ tịch. Đồng chí Bí thư Huyện ủy Phạm Thanh Lý chỉ đạo Đảng bộ cơ sở chỉ đạo lực lượng ba mũi tại ấp, xã đã bao vây bức rút, bức hàng số đồn bót địch còn lại.

Từ 11 giờ ngày 26.4, pháo 130 li đã được lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân hỗ trợ kéo lên đặt ở Nồng Ven Lò và đồi Bình Phú, Vĩnh Tuy, chỉnh nòng súng, chờ lệnh đội bão lửa vào sân bay Tân Sơn Nhất. Đến 17 giờ 30 ngày 29.4, hai tiểu đội trinh sát của Sư đoàn 325 đã đến bến phà Cát Lái. Hàng trăm xuồng ghe ếm sẵn mé sông đưa Sư đoàn 325 vượt sông Đồng Nai tiến về Sài Gòn.

Tại Phước Lai, Phước Kiển, tình hình cũng hết sức khẩn trương. Khi Trung đoàn 101 đánh các đồn trên lộ 17, lực lượng C240 và du kích địa phương cũng phối hợp tiến công các đồn trên lộ 19. Với sự xuất hiện của lực lượng bộ đội chủ lực, bọn lính tan rã hoàn toàn, lớp chết, lớp đầu hàng, lớp trốn, không còn thái độ chống cự như trước đây. Trước tình hình Phước Lai có nhiều biến động, Huyện ủy cấp tốc đưa đồng chí Trương Văn Quý, công tác ở Mặt trận huyện, về phụ trách tiếp quản ở xã Phước Lai cùng với Bí thư xã Trần Văn Hạnh. Phước Kiển ngoài đồng chí Bí thư xã là Trần Văn Sang còn có ba đồng chí huyện điều về là Nguyễn Việt Yên, Trương Văn Ổ và Ngô Văn Bảy cùng phụ trách tiếp quản. Các cán bộ xã phân công nhau vận động bọn lính còn trốn ra đầu hàng, ai đầu hàng thì nộp súng, ghi danh sách sau đó trấn an kêu gọi bọn chúng trở về ở yên trong nhà chờ lệnh mới của chính quyền cách mạng; ai biết chỗ chôn giấu súng thì báo cho chính quyền cách mạng. Xã trưởng hai xã cùng bọn tề ngụy cũng trốn biệt, ta phải vận động gia đình kêu họ trở về.

Trong lúc tình hình còn căng thẳng, người dân do lo lắng, hoang mang nên nhiều người bỏ nhà, đưa cả gia đình di tản; người không có điều kiện thì chạy ra ruộng ở, nhất là người dân ở ấp A xã Phước Lai vốn có nhiều người làm việc cho chế độ Sài Gòn. Tình thế cấp bách, đồng chí Trương Văn Quý dùng mo cau làm loa đi khắp nơi kêu gọi người dân bình tĩnh, nên trở về nhà. Trưởng ấp B là Huỳnh Văn My cũng ra tận ngoài ruộng kêu gọi, vận động bà con trở về nhà, ổn định đời sống.

Đến chiều 28.4.1975, cơ bản các xã ở huyện Nhơn Trạch đều được giải phóng, phần lớn do địch bỏ chạy hoặc lực lượng quân

chúng vận động lính giao đồn. Riêng ở xã Vĩnh Thanh, đến ngày 1.5, lực lượng giải phóng mới hoàn toàn làm chủ tình hình. Lúc 14 giờ ngày 30.4.1975, vẫn còn một nhóm bốn tên trong đó có quận phó Nhơn Trạch là Trung úy Đức ngoan cố chống trả, tìm cách mở đường để ra tàu thủy ở quân cảng, gây thương vong cho nhiều chiến sĩ Quân đoàn 2.

Trong ngày và đêm 29.4, Trung đoàn 46 cơ động tập trung lực lượng chốt tại khu Phước Lý, khóa chặt bến phà Cát Lái. Các đơn vị thuộc Sư đoàn 325 tiếp tục truy kích địch, vượt sông đánh chiếm căn cứ hải quân Cát Lái, rồi tiếp tục tiến vào khu vực Quận 9 hiện nay và đánh chiếm Bộ tư lệnh hải quân địch. Sáng sớm ngày 30.4, một bộ phận của Trung đoàn 46 nhận được tin, quay lại Phước Lý, lực lượng pháo mặt đất và cả cao xạ hạ nòng bắn thẳng của trung đoàn kịp thời bắn tiêu diệt, ngăn chặn một số tàu địch tháo chạy bằng đường sông¹. Trong những ngày tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh, một bộ phận của Trung đoàn 46 đóng tại Xoài Minh, ở nhà của đồng chí Nguyễn Văn Lo, thực hiện những nhiệm vụ tiếp theo.

* * *

1 Sau ngày 30.4.1975, Trung đoàn 46 chốt giữ khu vực Thành Tuy Hạ, một bộ phận của Trung đoàn đóng tại Xoài Minh, ở nhà của đồng chí Nguyễn Văn Lo, hỗ trợ chính quyền tiếp quản địa phương; đến tháng 6.1975 thì nhận lệnh cả Trung đoàn điều động về căn cứ Hải quân Cát Lái, trực thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân; một số đồng chí chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc và 1 tiểu đoàn điều động đi thành lập đơn vị chốt giữ Côn Đảo và tăng cường cho đơn vị khác ở phía Nam. Từ tháng 7.1975, lực lượng còn lại của Trung đoàn 46 sáp nhập với Đoàn đặc công hải quân 126, thành lập Lữ đoàn hải quân đánh bộ 126 cơ động ra chốt giữ Cam Ranh và tăng cường chốt giữ, bảo vệ quần đảo Trường Sa.

Sau Hiệp định Genève năm 1954, thực dân Pháp rút, đế quốc Mỹ thế chân, lực lượng kháng chiến thì tập kết. Đế quốc Mỹ thực hiện nhiều âm mưu, thủ đoạn tàn ác, thâm độc, tinh vi hơn cả thực dân Pháp, nên người Hiệp Phước - Nhơn Trạch chịu đựng sự khủng bố, gian khổ, mất mát, hy sinh nhiều hơn.

Đế quốc Mỹ tăng cường lực lượng, biến Thành Tuy Hạ thành kho vũ khí khổng lồ, căn cứ bất khả xâm phạm, sử dụng phương tiện kỹ thuật hiện đại để tận diệt phong trào cách mạng, xây dựng áp chiến lược, dồn dân, nuôi dưỡng bọn tay sai ác ôn để dùng người Việt hãm hại người Việt, biến Nhơn Trạch thành địa bàn tranh đấu quyết liệt. Cuộc đấu tranh càng ác liệt, quân dân Hiệp Phước - Nhơn Trạch càng tạo nhiều chiến công oanh liệt. Dù địch đánh giá Hiệp Phước là nằm trong vùng kiểm soát của chúng, xem là “vùng trắng”, nhưng Đảng vẫn sống được trong lòng dân Hiệp Phước, bí mật tổ chức được các lực lượng đoàn thể nòng cốt, kết hợp với các lực lượng vũ trang góp phần tạo nên nhiều cuộc diệt ác phá kềm, chiến đấu với cả quân đội chính quy của địch. Địch có tàn bạo, xảo quyệt đến đâu, Hiệp Phước vẫn là mảnh đất gieo cấy, trưởng thành nhiều hạt giống đỏ cho cách mạng, người dân Hiệp Phước vẫn một lòng theo Đảng, tin tưởng vào một ngày mai thắng lợi. Và niềm tin ấy đã được khẳng định bằng chiến thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử ngày 30.4.1975.

Chương V

XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, ỔN ĐỊNH XÃ HỘI, ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN GIAI ĐOẠN 1975 - 1994

I. XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ QUÂN QUẢN 1975 - 1976, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

1. Thành lập Ủy ban Quân quản

Ngày 30.4.1975, miền Nam Việt Nam được hoàn toàn giải phóng, hai miền Nam Bắc của đất nước thống nhất, non sông về một mối. Nhơn Trạch bước vào thời kỳ lịch sử mới.

Thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy miền Đông, các địa phương tiến hành thành lập Ủy ban Quân quản để quản lý địa bàn sau giải phóng nhằm kịp thời ổn định tình hình xã hội. Ủy ban Quân quản huyện Nhơn Trạch thành lập, đồng chí Phạm Văn Đạm làm Chủ tịch Ủy ban. Ngay sau khi thành lập, Ủy ban Quân quản huyện và Ban Quân quản các xã triển khai nhanh việc tiếp quản địa bàn.

Ở Phước Lai, đồng chí Trương Văn Quý được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo, triển khai các hoạt động tiếp quản ở địa phương cùng với đồng chí Trần Văn Hạnh (Sáu Hạnh, người Phước Thọ) Bí thư xã. Chủ tịch Ủy ban Quân quản xã là Huỳnh Văn Đát; đây là lần thứ hai vị thân sĩ này nhận nhiệm vụ Chủ tịch, trước đó là

khi Cách mạng Tháng Tám 1945 vừa thành công, chính quyền cách mạng mới ra đời.

Tại Phước Kiển, ngoài đồng chí Bí thư xã là Trần Văn Sang, đồng chí Nguyễn Việt Yên là Chủ tịch Ủy ban Quân quản. Các cán bộ là đảng viên của xã gồm: Ngô Văn Bảy, Trương Văn Ổ, Phan Thị Khinh; thanh niên gia đình cơ sở cách mạng có Phan Hồng Liên (em của hai liệt sĩ Phan Hồng Quân và Phan Thành Tâm).

Trong niềm vui quê hương độc lập, Phước Lai, Phước Kiển cũng như nhiều xã trong huyện Nhơn Trạch phải đối diện với những khó khăn, thách thức thời kỳ hậu chiến. Từ cuối tháng 4.1975, nhóm tàn quân của chế độ Việt Nam cộng hòa từ địa bàn Vũng Tàu - Bà Rịa, Long Khánh trốn chạy qua địa bàn Hiệp Phước gây hỗn loạn khó khăn. Sau ngày 30.4.1975, nhóm lính rã ngũ ở địa phương có người chấp hành lệnh chính quyền cách mạng ra trình diện và trở về nhà, nhưng cũng có những tên trốn trình diện, ẩn nấp trong khu Rừng Sác chờ cơ hội gây rối cho chính quyền mới. Ngoài ra còn có một số người dân đi địa phương khác lánh nạn chiến tranh nay trở lại; hoặc dân từ nơi khác, đặc biệt là vùng Sài Gòn, đến Hiệp Phước trú ẩn do biến động xã hội, dẫn đến tình hình địa phương khá phức tạp, rối ren. Và cũng như hầu hết các xã khác ở Nhơn Trạch, nhân sự của Ban Quân quản Phước Lai, Phước Kiển đều là cán bộ, du kích hoạt động kháng chiến và cơ sở cách mạng, nay chuyển sang tham gia quản lý địa bàn nên có nhiều bối rối, bất cập do chưa có kinh nghiệm.

Một số nhiệm vụ cấp thiết được Ủy ban Quân quản hai xã Phước Lai, Phước Kiển thực hiện để ổn định tình hình xã hội,

chính trị và đảm bảo cho người dân tin tưởng vào đường lối cách mạng trong thời kỳ mới như sau: Tuyên truyền chính sách 10 điểm của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam¹. Trong đó, nhấn mạnh đến chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc. Kêu gọi quần chúng tham gia bảo vệ chính quyền cách mạng, tiếp tục sản xuất, ổn định cuộc sống, khắc phục hậu quả chiến tranh: chôn cất người chết do chiến tranh, thu gom vũ khí, chất nổ trên địa bàn. Kêu gọi những quân nhân, những người tham gia vào bộ máy chính quyền Việt Nam cộng hòa trình diện giao nộp vũ khí, tài liệu để hưởng chính sách khoan hồng của cách mạng. Các ban ngành của chính quyền Quân quản quan tâm chăm lo cho người dân, cứu chữa người bị nạn trong chiến tranh, vận động nhân dân góp tiền, của giúp đỡ những gia đình khó khăn. Lực lượng bộ đội, du kích tập trung tổ chức tuần tra, canh gác, bảo vệ chính quyền cách mạng, tài sản chung.

Nhằm trang bị cho cán bộ tham gia công tác quản lý, Ủy ban Quân quản huyện tổ chức cho cán bộ học tập năm nhiệm vụ chính trong thời kỳ đầu giải phóng: Khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động; truy quét tàn binh, trấn áp những đối tượng phản cách mạng, giữ gìn an ninh trật tự; đẩy mạnh sản xuất, khôi phục kinh tế, tổ chức lưu thông phân phối lương thực, thực phẩm, hàng hóa;

1 Từ ngày 6 đến ngày 8.6.1969, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình Việt Nam ở miền Nam cùng các lực lượng yêu nước khác đã họp Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam, nhất trí bầu ra Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn Chính phủ.

xóa bỏ sản phẩm phi văn hóa, đòi trụ, tập trung xây dựng nền văn hóa mới: dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, củng cố mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc.

Những hoạt động của Ủy ban Quân quản huyện, Ban Quân quản xã đã góp phần quan trọng trong việc tiếp quản, quản lý địa bàn ở Nhơn Trạch cho đến cuối năm 1975 khi Ủy ban Quân quản bàn giao cho chính quyền địa phương.

Đến cuối năm 1975, khi Ủy ban Quân quản các xã bàn giao, thì bộ máy chính quyền ở Phước Lai và Phước Kiển đã hình thành, sẵn sàng tiếp nhận và hoạt động. Ở Phước Kiển, đồng chí Trần Văn Sang tiếp tục là Bí thư, đồng chí Nguyễn Việt Yên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Ngô Văn Bảy là Phó chủ tịch, đồng chí Trương Văn Ổ là Xã đội trưởng, đồng chí Phan Thị Khỉnh là Trưởng Công an, Phan Hồng Liên là Phó Công an xã. Ở Phước Lai, đồng chí Trần Văn Hạnh¹ là Bí thư, đồng chí Hai Hải là Phó Bí thư, ông Huỳnh Văn Đát là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, ông Phan Văn Lộng² là Phó Chủ tịch xã.

Tại Phước Lai, tên ác ôn Phạm Minh Sang (Năm Sang) do có nợ máu với nhiều cán bộ, người dân trong xã nên sợ hãi, trốn biệt dạng từ cuối tháng 4.1975. Sau đó, có người trong xã phát hiện hắn lẩn trốn ở một giáo xứ tại xã Vĩnh Thanh nên báo lại cho chính quyền xã. Những gia đình có người thân chết dưới tay của Năm Sang đề nghị bắt giữ hắn và đưa ra xét xử vì những tội ác hắn

1 Con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Viêt.

2 Ông Phan Văn Lộng có con là liệt sĩ Phan Văn Liêm, Xã đội trưởng, hy sinh ngày 24.11.1966 tại Bà Kỳ.

đã gây ra, nhưng đồng chí Lê Thị Đầy phân tích, đây là lúc thực hiện chính sách hòa giải, hòa hợp của chính quyền cách mạng, hơn nữa trước đây có lần quân nguy định cho lính bắn pháo vào xóm ở ấp B Phước Lai, chính Năm Sang đã đứng ra ngăn cản, nhờ vậy mà người dân trong đó có cả cán bộ của ta thoát được trận tàn sát. Sau khi phân tích, lấy ý kiến biểu quyết, Ban Quân quản xã nhất trí thực thi chính sách khoan hồng đối với trường hợp của Năm Sang. Đích thân đồng chí Trương Văn Quý viết thư gọi cho Năm Sang, kêu gọi hãn ra trình diện chính quyền cách mạng để được khoan hồng. Năm Sang khi nhận được thư đã trở về Phước Lai, ra trình diện Ban Quân quản xã, sau đó chấp hành học tập cải tạo theo quy định. Đồng chí Trương Văn Quý còn dặn dò một số du kích lưu ý đến trường hợp của Năm Sang để bảo vệ, nhờ đó Năm Sang thoát chết.

Trên cơ sở phân loại, chính quyền hai xã Phước Lai, Phước Kiển thực hiện các hình thức phù hợp trong quản lý. Những binh lính, những người tham gia bộ máy chính quyền cấp xã, ấp ở địa phương được tổ chức học tập cải tạo tại chỗ trong thời gian từ ba đến bảy ngày, sau đó cấp giấy chứng nhận và được trao quyền công dân. Những sĩ quan trong quân đội Việt Nam cộng hòa từ cấp bậc thiếu úy trở lên được đưa lên tỉnh tổ chức học tập cải tạo tập trung. Những vũ khí, đạn dược, chất nổ, các phương tiện máy móc của địch còn sót lại được phát hiện trên địa bàn, người dân đều thu gom giao nộp cho chính quyền.

Các tổ chức đoàn thể trên địa bàn cũng được thành lập, cũng có như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên thu hút nhiều người tham

gia. Người dân đã tham gia nhiều phong trào của cách mạng phát động, vận động. Với tinh thần và khí thế cách mạng, người dân mà đặc biệt là giới trẻ tham gia hăng hái vào các phong trào hoạt động của Đoàn Thanh niên.

2. Ổn định xã hội, đời sống nhân dân

Nhằm giúp dân ổn định sản xuất, duy trì việc làm tại chỗ, chính quyền huyện chủ trương cấp giấy tờ ruộng đất cho người dân khi họ trở về địa phương sinh sống. Đồng thời, để sử dụng diện tích đất bị hoang hóa trong chiến tranh, huyện đã thành lập Ban tháo gỡ bom mìn. Đội tháo gỡ bom mìn huy động từ lực lượng bộ đội, du kích, người dân tình nguyện; trong đó có những người từng tham gia lực lượng công binh chế độ cũ với hiểu biết của mình đã tình nguyện vào đội. Những địa điểm phát hiện bom mìn trên huyện khá nhiều đã được Đội giải quyết với hàng chục hécta, thu gom nhiều loại vũ khí, bom mìn. Trong quá trình tháo gỡ, đã xảy ra những mất mát, hy sinh của chiến sĩ, người dân. Việc tháo gỡ bom mìn đã đem lại sự an toàn trên một diện tích rộng để người dân canh tác, sản xuất. Mùa vụ đầu tiên khi chính quyền cách mạng quản lý, người dân đã cấy trên 12 ngàn hécta ruộng, khai phá thêm bảy ngàn héc ta đất hoang, 350 hécta rẫy từ khai phá.

Tình hình phân phối lương thực, thực phẩm trong những tháng cuối năm 1975 trên địa bàn huyện có những khó khăn. Giao thương, buôn bán lúc bấy giờ vẫn còn bị đình trệ. Để ổn định và giúp người dân duy trì nhu yếu phẩm, huyện thành lập cửa hàng ở các địa bàn để phân phối các mặt hàng thiết yếu theo chế độ tem

phiếu. Dù hàng hóa không nhiều, số cửa hàng đặt ở các khu vực trung tâm hay ở các xã có giới hạn nhưng đã góp phần trong việc giải quyết khó khăn trong đời sống đối với người dân.

Lĩnh vực văn hóa được huyện quan tâm với việc kêu gọi, vận động người dân tham gia. Huyện huy động và tổ chức mở lớp tập huấn, bồi dưỡng về nhận thức chính trị và nội dung giảng dạy trong xã hội mới cho nhiều giáo viên, tạo cơ sở cho việc duy trì dạy học tại các địa bàn. Sau thời gian dài bị xáo trộn bởi chiến tranh, nay người dân đã ổn định và đưa con em đến trường. Chủ trương xây dựng xã hội mới theo đường lối cách mạng được truyền sâu rộng, phát động người dân thực hiện. Huyện cử cán bộ xuống các địa bàn tuyên truyền về đời sống mới, xóa bỏ những tập tục lạc hậu, mê tín trước đây để cùng nhau xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Cán bộ tham gia và vận động người dân không tàng trữ những sách báo mang tính chất phản động, đòi truy, giao nộp cho chính quyền để thiêu hủy.

Đội ngũ y tế của huyện thiếu hụt rất nhiều từ trước và sau những tháng đầu giải phóng. Huyện chủ trương tăng cường những nhân viên y tế, y sĩ đến các cơ sở trạm xá ban đầu thành lập đảm nhiệm việc khám chữa bệnh cho dân. Lực lượng thầy thuốc tuy ít nhưng với tinh thần phục vụ cho dân đã góp phần ngăn chặn những dịch sốt nảy sinh trên một số địa bàn. Nhằm đảm bảo sức kéo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, huyện thành lập một số cơ sở Thú y để tiêm ngừa cho nguồn gia súc của các hộ dân.

Những khó khăn thời kỳ Quân quản ở huyện Nhơn Trạch được khắc phục với sự nỗ lực của bộ máy chính quyền và người

dân, tuy nhiên vẫn còn nhiều thách thức trong kinh tế, chính trị cũng như trong việc bảo vệ bộ máy chính quyền. Một số địa bàn do thiếu cán bộ quản lý, tình hình an ninh chưa đảm bảo. Lợi dụng những khó khăn trong đời sống, những người bất mãn, một số binh lính trước đây trốn tránh, không trình diện chính quyền cách mạng, các tổ chức phản cách mạng nhen nhóm lôi kéo, gây rối trật tự xã hội ở các điểm nóng Vĩnh Thanh, Phú Thạnh, Đại Phước, Phước Khánh, Giồng Ông Đông. Huyện phải tăng cường lực lượng an ninh để xây dựng, bảo vệ bộ máy, trong đó hình thành các Cụm an ninh liên xã, thành lập Ban Công an khu vực, Tổ an ninh nhân dân để kịp thời phát hiện, trấn áp.

Tháng 8.1975, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (khóa III) đề ra nhiệm vụ: Xây dựng chính quyền cách mạng nhân dân ở các cấp để nhanh chóng ổn định chính trị và trật tự xã hội, ổn định đời sống nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng, đủ sức làm nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; trấn áp phản cách mạng, xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản và các tàn dư của giai cấp địa chủ phong kiến; khôi phục và phát triển sản xuất, giải quyết nạn thất nghiệp do chế độ cũ để lại; giải quyết tốt các vấn đề lưu thông, tín dụng, tài chính, ngân hàng, tiền tệ; phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội; tăng cường công tác xây dựng Đảng.

Thực hiện những nhiệm vụ trên, cuối tháng 12.1975, các Ủy ban Quân quản ở tỉnh Biên Hòa bàn giao công tác quản lý cho chính quyền cách mạng. Tháng 1.1976, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch sáp nhập, lấy tên là huyện Long Thành.

Như vậy, sau những lần chia tách cho phù hợp với công tác chiến trường trong thời kỳ kháng chiến, huyện Nhơn Trạch lại sáp nhập vào huyện Long Thành, thuộc tỉnh Đồng Nai. Đảng bộ huyện Long Thành chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở thành lập huyện đầu năm 1976, Huyện ủy lâm thời Long Thành hình thành. Đồng chí Nguyễn Văn Thông (nguyên Quyền Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa) được cử giữ chức vụ Bí thư.

Bước vào tình hình mới, chất lượng đảng viên của huyện vẫn còn nhiều hạn chế so với yêu cầu đặt ra. Huyện ủy chỉ đạo cho các cấp ủy cơ sở tạo điều kiện, tổ chức để đảng viên học tập nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công. Nguồn đảng viên được bồi dưỡng chính trị, chuyên môn đã bổ sung vào nguồn cán bộ cho tổ chức đảng, trong bộ máy chính quyền các cấp của địa phương.

Ngày 1.7.1976, Hội nghị Đảng bộ Long Thành được tổ chức lần thứ nhất. Hội nghị đã bầu ra Ban Chấp hành Huyện ủy gồm 29 đồng chí ủy viên chính thức và 5 đồng chí dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Văn Thông được bầu giữ nhiệm vụ Bí thư Huyện ủy.

Hội nghị đánh giá cụ thể tình hình của địa phương sau một năm kể từ ngày giải phóng trên nhiều lĩnh vực, nhận diện những thuận lợi, khó khăn và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc quản lý, định hướng phát triển trong giai đoạn mới. Ban Chấp hành đã thống nhất đồng thuận đề ra phương châm, phương hướng và mục tiêu cụ thể để thực hiện. Nghị quyết của Hội nghị Đảng bộ huyện nêu rõ: “Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, củng

có chính quyền với tinh thần tự lực, tự cường, độc lập, sáng tạo, đưa địa phương phát triển nông nghiệp, công nghiệp theo phương thức sản xuất mới”¹.

Tại hội nghị, đồng chí Bí thư xã Phước Kiển là Trần Văn Sang được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Long Thành; sau đó đồng chí chuyển về huyện giữ nhiệm vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy. Đồng chí Nguyễn Việt Yên (Năm Yên) đang là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã được giao nhiệm vụ Bí thư xã Phước Kiển; đồng chí Ngô Văn Bảy từ Phó chủ tịch lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Ở Phước Lai, đồng chí Trương Văn Quý được điều về huyện nhận nhiệm vụ ở Ban kinh tế mới; đồng chí Trần Văn Hạnh (Sáu Hạnh, trước công tác ở Ban kinh tài huyện) vẫn giữ nhiệm vụ Bí thư xã. Ông Huỳnh Văn Đát do lớn tuổi nên xin thôi nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; từ năm 1976 đến năm 1977, vị trí Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có nhiều thay đổi: sau ông Huỳnh Văn Đát là đồng chí Ngô Văn Thêm, được mấy tháng sau đồng chí Thêm cũng xin nghỉ, đồng chí Nguyễn Văn Yêm (cán bộ tập kết về) thay thế, rồi sau đồng chí Yêm là ông Võ Văn Xèo (Bảy Xèo). Đồng chí Lê Thị Đầy là cán bộ tài chính xã.

Khó khăn ở hai xã Phước Lai, Phước Kiển trong thời gian này là thiếu nhân sự. Sau khi nhận tiếp quản từ Ủy ban quân quản, Ủy ban nhân dân xã được thành lập với nòng cốt là số cán bộ kháng chiến, thanh niên cơ sở cách mạng, lực lượng mỏng lại không có chuyên môn, không được đào tạo bài bản về quản lý. Khi huyện

¹ Trích Nghị quyết Hội nghị Đảng bộ huyện Long Thành năm 1976.

tổ chức các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ, xã cũng lúng túng bởi nếu cử cán bộ đi học thì công việc không ai làm, bị ùn ứ khiến dân phàn nàn, còn nếu không cử cán bộ đi học thì trình độ hiện tại không đáp ứng được nhu cầu của người dân. Vì thế, một trong những nhiệm vụ cấp bách của chi bộ Đảng hai xã trong tình hình mới là chuẩn bị về nhân sự, phát triển đảng viên mới trong số thanh niên cơ sở cách mạng. Trong năm 1976, xã Phước Lai phát triển thêm được hai đảng viên mới là Huỳnh Ngọc Hà và Ngô Ngọc Châu.

Trong khi nhân sự địa phương vừa thiếu vừa yếu, tình hình hai xã Phước Lai, Phước Kiển sau ngày 30.4.1975 lại khá phức tạp. Những ngày đầu sau giải phóng, các địa phương tập trung kêu gọi những binh sĩ và người làm việc cho chế độ cũ ra trình diện, khai báo, xác minh, phân loại và tổ chức cho học tập cải tạo theo quy định. Do trước đây Phước Lai, Phước Kiển thuộc “vùng yếu”, vùng bị chiếm đóng, người làm việc trong chính quyền cũ cũng như số sĩ quan, binh lính đông đúc, nên công tác này khá phức tạp, mất người thời gian, công sức.

Bên cạnh đó, một nhiệm vụ khác cũng cấp thiết là vận động người dân phát hiện, trình báo, thu gom các loại vũ khí, đạn dược, chất nổ, các phương tiện máy móc địch còn bỏ lại trên địa bàn. Ở Phước Lai, có nơi bọn địch trước khi rút chạy đã chôn giấu cả hầm súng đạn, vũ khí các loại, thậm chí có cả điện đài, sau khi phát hiện người dân trình báo để địa phương giao nộp lên trên.

Ngoài ra, chính quyền hai xã Phước Lai, Phước Kiển còn động viên người dân tiếp tục sản xuất, đảm bảo các vụ lúa mùa và

vụ Đông Xuân sắp tới nhằm đảm bảo vấn đề lương thực. Với một số hộ dân từ nơi khác đến tạm cư trong giai đoạn chiến tranh, các cán bộ vận động họ trở về quê quán cũ làm ăn sinh sống. Những hộ dân muốn ở lại lập nghiệp, địa phương vận động họ đi khai hoang ở Long Phước và vùng lòng chảo Phước Thiện, do lúc trước nơi này là vùng tranh chấp nên đến nay đất đai còn hoang hóa khá nhiều. Cán bộ xã cũng vận động người dân địa phương hỗ trợ thóc giống, công cụ lao động, công lao động giúp những hộ này trồng trọt, sớm ổn định cuộc sống. Cuối năm 1976, tại Phước Lai và Phước Kiển, các đoàn thể Ban Phụ nữ, Nông hội, Cán sự ấp, Chi đoàn Thanh niên đều được bổ sung, hoàn chỉnh nhân sự, hoạt động của có hiệu quả trong tập hợp lực lượng. Ở Phước Lai, đồng chí Lê Thị Đây là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã; đồng chí Huỳnh Ngọc Hà được giao nhiệm vụ Bí thư Chi đoàn. Khi huyện thành lập Hội đồng Quân sự, tổ chức vận động, tuyển quân, khám tuyển thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự, các xã thực thi vận động thanh niên địa phương tình nguyện tham gia hoặc thi hành khi đúng độ tuổi được lệnh nhập ngũ. Hằng năm, công tác tuyển quân của hai xã Phước Lai, Phước Kiển luôn được thực hiện tốt. Số lượng thanh niên nhập ngũ, thực hành nghĩa vụ quân sự được đảm bảo đạt các chỉ tiêu, đạt chất lượng.

Ngày 21.6.1977, Đại hội Đảng bộ Long Thành lần thứ nhất được tổ chức tại Huyện ủy (văn phòng tại xã Phước Thiện). Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 33 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Thông tiếp tục được tin nhiệm giữ nhiệm vụ Bí thư.

Đánh giá thành quả và những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo địa phương, Đảng bộ huyện đề ra nhiệm vụ chung: “Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động để tiến hành cải tạo nông nghiệp, trọng tâm là đẩy mạnh sản lượng thực; kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo và xây dựng, lấy xây dựng là chủ yếu; cải tiến một bước lưu thông phân phối, phát triển y tế, giáo dục, văn hóa; không ngừng củng cố an ninh - quốc phòng, trật tự xã hội... Từng bước khẩn trương xây dựng huyện Long Thành thành một huyện nông - công nghiệp vững mạnh”¹.

Sau thời gian khắc phục hậu quả của chiến tranh trong năm đầu đất nước thống nhất, Huyện ủy xác định và định hướng trong xây dựng, phát triển của địa phương theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, cùng toàn tỉnh và cùng cả nước xây dựng xã hội chủ nghĩa. Căn cứ tình hình địa phương, qua những kỳ đại hội, Huyện ủy định hướng phát triển trong từng giai đoạn với mục tiêu trên từng lĩnh vực cụ thể. Đối với địa phương, phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, trong đó sản xuất lương thực là vấn đề quan trọng tập trung chỉ đạo nhằm đáp ứng, đảm bảo được đời sống nhân dân, ổn định trật tự xã hội và làm cơ sở để xây dựng xã hội mới. Trong năm đầu Quân quản, chính sách khai hoang phục hóa đã đem lại kết quả tốt. Bước vào con đường xây dựng phát triển nông nghiệp theo hướng tập thể, nông nghiệp được xác định là mặt trận hàng đầu trong mục tiêu “Thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất và mở rộng diện tích sản xuất”. Việc tăng cường diện tích đất sản xuất nông nghiệp được quan tâm trong phong

1 Trích Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Long Thành năm 1977.

trào xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp. Các vùng đất bị hoang hóa trên địa bàn Nhơn Trạch được nhân dân tăng cường phục hóa, canh tác. Công tác thủy lợi được phát động ở nhiều địa bàn không những đáp ứng cho mùa vụ các diện tích thuần nông mà còn góp phần mở rộng diện tích bỏ hoang, cải tạo nguồn đất cho nhân dân. Phong trào làm thủy lợi được phát động và cũng là nhiệm vụ cấp bách từ năm 1976 trở đi.

Năm 1977, huyện Long Thành được Trung ương chọn làm điểm xây dựng và cải tạo nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Huyện tiến hành điều tra, thống kê nguồn lao động, diện tích canh tác và thực hiện quy hoạch tổng thể để tiến hành. Một số xã được huyện chọn tập trung đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa, phong trào thủy lợi, khai hoang và cải tạo đồng ruộng để làm cơ sở tiến hành cho việc triển khai kế hoạch phát triển sản xuất lớn.

Sau Đại hội Đảng, phong trào xây dựng và cải tạo nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn được triển khai thực hiện tại Hiệp Phước. Trước năm 1975, trong chương trình “mì dân” thực hiện Luật Người cày có ruộng, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu cho mua tổng cộng khoảng gần 30 hecta ruộng ở hai xã Phước Lai và Phước Kiển, nhưng không cấp hay bán cho nông dân như mục tiêu của chương trình mà để đó, trên thực tế bị một số quan chức tề ngụy có máu mặt ngầm chiếm; sau năm 1975 số người này bỏ chạy, ruộng đất bị bỏ hoang. Chính quyền địa phương hai xã bước đầu thành lập tập đoàn sản xuất nông nghiệp đã đưa số đất này vào tập đoàn để nông dân sản xuất theo phương thức công nghiệp hóa, ngoài ra cũng vận động một số hộ dân đưa ruộng đất sở hữu tư

nhân vào tập đoàn. Với tinh thần ủng hộ chính quyền cách mạng và hăng hái thực hiện đời sống mới những năm đầu sau ngày đất nước thống nhất, nhiều hộ dân chấp hành chủ trương đưa ruộng đất vào tập đoàn, trở thành xã viên Hợp tác xã nông nghiệp. Mỗi ấp bình quân có hai tập đoàn sản xuất nông nghiệp, khí thế làm việc rất hăng say. Lúc ấy, trên địa bàn các xã khu vực Nhơn Trạch hình thành các cụm phát triển Tập đoàn sản xuất, Hợp tác xã trong tám cụm của toàn huyện Long Thành như sau: Cụm 1 gồm xã Vĩnh Thanh, xã Phú Hữu (xây dựng Hợp tác xã điếm), xã Đại Phước, xã Phú Thạnh, xã Phước Khánh (thành lập Tập đoàn sản xuất); Cụm 2 gồm xã Phước Thiện, xã Long Tân (Hợp tác xã), xã Phú Hội (Tập đoàn sản xuất); Cụm 3 gồm xã Phước Kiển (Hợp tác xã), xã Phước Lai, xã Phước Long, xã Phước Thọ (Tập đoàn sản xuất).

Đời sống văn hóa cộng đồng của người dân cũng được chính quyền chú trọng. Thông qua nhiều hình thức, cùng với sự cổ động từ các hội, đoàn thể, người dân hưởng ứng tích cực, tham gia vào các phong trào được phát động: xây dựng đời sống văn hóa mới, xóa bỏ những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong cộng đồng. Phong trào thể dục thể thao để giữ gìn sức khỏe được phát động sâu rộng. Một hình thức tuyên truyền đáp ứng đời sống tinh thần của người dân là chiếu phim lưu động thông qua các tổ chiếu bóng của huyện. Hình thức giải trí khá mới này được người dân hưởng ứng tích cực, đặc biệt là giới trẻ. Đêm chiếu phim nào cũng thu hút cả ngàn người dân, vừa xem phim vừa bàn tán râm ran, không khí vui vẻ đôi khi còn lan đến mấy ngày sau.

Hệ thống phát thanh sau này được mở rộng đến các xã. Thông tin của địa phương, nội dung vận động qua các phong trào phát động trong các đợt sinh hoạt chính trị, phục vụ các ngày lễ lớn, mít tinh được truyền thông kịp thời.

Sau đại hội, cán bộ, đảng viên các cấp ủy được huy động tham gia học tập chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, nắm bắt kịp thời và nhận thức trách nhiệm cao trong việc đưa nghị quyết đi vào cuộc sống; đồng thời nhằm nâng cao đội ngũ chất lượng cán bộ chủ chốt, tạo nguồn đội ngũ cán bộ kế cận, huyện cử một số đảng viên tham gia học tập chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

II. PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN KINH TẾ NÔNG THÔN, ĐỔI MỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Ổn định tổ chức đảng, chính quyền

Tuy nhiên, năm 1979 một sự kiện xảy ra làm xao động tinh thần cán bộ, người dân Phước Kiển. Đồng chí Bí thư xã là Nguyễn Việt Yên trong lúc được cử đi học bồi dưỡng chính trị ở trường Đảng huyện (tại xã Long Phước), do buồn và lẩn quẩn trong lòng về một số việc cá nhân đã dùng súng ngắn tự sát ngay tại ký túc xá trường. Phút nông nổi của đồng chí Bí thư trưởng thành trong kháng chiến, luôn nhiệt tình, xông xáo trong công tác khiến mọi người đều tiếc thương.

Sau khi đồng chí Nguyễn Việt Yên qua đời, đồng chí Ngô Văn Bảy được huyện cử tạm giữ nhiệm vụ Quyền Bí thư một thời gian, năm 1980 Huyện ủy cử đồng chí Huỳnh Thị Diệp đang là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện về làm Bí

thư xã Phước Kiển. Đồng chí Huỳnh Thị Diệp là người Phước Lai, tham gia cách mạng từ năm 1947, từng giữ các nhiệm vụ Ủy viên Ban Chấp hành Phụ nữ xã Phước Lai, xã Phước Thọ, Ủy viên Ban Chấp hành Phụ nữ huyện Nhơn Trạch, cán bộ binh vận huyện Long Thành; từ năm 1966, đồng chí là nhân viên tình báo của tỉnh Biên Hòa, bị địch bắt trên đường đi công tác và bị đánh đập tra khảo nhưng vẫn giữ khí tiết cách mạng, quyết không khai báo, bị địch giam giữ tù đầy đến năm 1971 mới thả ra, ngay sau đó đồng chí bắt liên lạc với cách mạng và tiếp tục hoạt động ở Định Quán. Sau năm 1975, đồng chí Huỳnh Thị Diệp công tác ở Hội Phụ nữ huyện Long Thành cho đến khi về Phước Kiển.

Ở Phước Lai, đồng chí Trần Văn Hạnh xin thôi nhiệm vụ Bí thư xã vì nhận thấy trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của mình không theo kịp yêu cầu của địa phương. Sau nhiều lần làm công tác tư tưởng, thuyết phục mãi không được, Huyện ủy chấp thuận nguyện vọng của đồng chí Sáu Hạnh. Đồng chí Nguyễn Văn Yêm đang là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã được cử thay thế làm Bí thư xã, ông Võ Văn Xèo làm Chủ tịch xã. Chỉ được ít tháng, năm 1977 ông Võ Văn Xèo cũng xin thôi nhiệm vụ Chủ tịch xã, đồng chí Huỳnh Ngọc Hà đang là Bí thư Chi đoàn được giao Quyền Chủ tịch xã. Giai đoạn này, tình hình xã Phước Lai rất khó khăn, liên tiếp 2 năm liền địa phương không hoàn thành chỉ tiêu thuế ngân sách của huyện giao, chỉ tiêu về nghĩa vụ quân sự cũng không đạt. Giữa năm 1977, đồng chí Nguyễn Văn Yêm xin thôi nhiệm vụ Bí thư xã, đồng chí Trương Văn Quý từ Ban Kinh tế mới (ở Bàu Cạn) được huyện điều trở về làm Bí thư xã. Sau cuộc bầu cử Hội đồng

nhân dân các cấp năm 1977, đồng chí Nguyễn Ngọc Châu được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Đồng chí Huỳnh Ngọc Hà làm Trưởng Công an xã, đến cuối năm đồng chí Hà cũng xin nghỉ việc vì đời sống quá khó khăn. Sự thay đổi nhân sự liên tục ở xã Phước Lai là do lãnh đạo địa phương lúc bấy giờ hầu hết là cán bộ kháng chiến cũ, khi làm công tác quản lý thì bộc lộ nhược điểm là thiếu chuyên môn, dẫn đến lúng túng trong xử lý, nhất là ở địa bàn phức tạp như Phước Lai; và khi nhận ra được nhược điểm của mình, các đồng chí đều tự xin từ chức, không để ảnh hưởng đến công việc chung của địa phương. Lúc này Chi bộ xã Phước Lai có 9 người: Trương Văn Quý, Ngô Văn Thêm, Huỳnh Văn Thành (bộ đội phục viên), Ngô Thị Ánh (trạm y tế), Nguyễn Ngọc Châu, Nguyễn Văn Yêm (cán bộ tập kết về), Năm Thiệp (cán bộ tập kết về), Lê Thị Đầy, Võ Thị Bót.

2. Lãnh đạo khắc phục thiên tai, ổn định sản xuất

Vụ lúa năm 1977-1978, thiên tai xảy ra trên diện rộng, cả nước bị mất mùa. Khu vực Hiệp Phước cũng vậy, vụ lúa trước thì bị hạn hán, nông dân nỗ lực bơm nước tưới nhưng lúa vẫn bị lép bông, mười phần thu hoạch không được một, hai phần; đến vụ sau thì bị sâu rầy nghiêm trọng, lúa mất trắng. Liên tiếp gặp thiên tai, dịch bệnh sâu rầy, vùng lúa nổi tiếng như Hiệp Phước cũng bắt đầu xảy ra nạn đói. Người dân hai xã hầu như không nhà nào được ăn cơm gạo trắng, mà phải đi đào khoai củ, hái rau dại, chặt chuối cây để độn vào bữa cơm; hôm nào may mắn thì được xã hỗ trợ cứu đói bằng bo bo - do huyện xin viện trợ từ tỉnh về sau đó phân phát lại cho các xã.

Trong khi ở các xã lân cận, nhiều người dân bỏ đồng ruộng đi làm ăn xa để thoát nạn đói, thì chính quyền hai xã Phước Lai, Phước Kiến vận động người dân ở lại, một mặt chuyển sang trồng hoa màu ngắn ngày như khoai mì, khoai lang nhằm giải quyết tình trạng thiếu lương thực, mặt khác đề xuất huyện hỗ trợ gạo, lúa mì, bắp, bo bo cùng các loại lương thực phụ khác để cứu đói cho dân. Huyện Long Thành lúc này cũng khó khăn vì toàn huyện mất mùa, không tự túc được lương thực phải nhờ sự chi viện lương thực của tỉnh, từ đó mới đưa lương thực hỗ trợ Phước Lai, Phước Kiến, dù số lượng cũng ít ỏi chỉ đủ “cầm hơi” nhưng cũng phần nào giúp người dân vượt qua khó khăn trước mắt.

Trong lúc đời sống người dân gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, thì các thế lực phản động đã thừa cơ hội ra sức tuyên truyền chống phá chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kêu gọi lật đổ chính quyền cách mạng. Địa bàn huyện vẫn còn một số binh lính không trình diện, trốn cải tạo hay từ các nơi khác đến gầy dựng cơ sở, tổ chức hoạt động, gây nguy hại cho xã hội. Các tổ chức phản cách mạng hình thành, lấy danh nghĩa của Mặt trận quốc gia toàn lực giải phóng miền Nam, Đảng Dân chủ, Đảng Cấp tiến, Đảng Cần lao Nhân vị, Mặt trận Việt tiến, Quốc dân Đảng, Thanh niên Phục quốc đại đội 307, Đảng Phi Long, Mặt trận Cứu nguy Dân tộc, Mặt trận Giải phóng Dân tộc. Một số địa bàn ở Nhơn Trạch trở thành những điểm nóng về an ninh, như xã Vĩnh Thanh xuất hiện nhóm phản động có vũ trang tổ chức ám sát cán bộ xã, làm một phó chủ tịch xã, một xã đội trưởng hy sinh, một chủ tịch xã bị thương; Phước Khánh có một số du kích bị mua

chուօc đօm vũ khớ tham gia vào các nhóm tàn quân... Trước tình hình đօ, chính quyền địa phương hai xã Phước Lai, Phước Kiển vừa ra sức giúp dân chống đói vừa phải đề cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh với các thế lực thù địch, trong đօ có cả bọn tàn quân trốn trình diện, ẩn nấp trong khu Rừng Sác lén lút hoạt động chống phá.

Việc cấp bách nhất của chính quyền hai xã lúc này là tìm cách khắc phục dịch bệnh, sâu rầy, khôi phục sản xuất. Hầu như ngày nào các cán bộ của địa phương cũng cùng các lão nông lặn lội trên ruộng đồng. Nhờ sự kiên trì, nỗ lực của người dân cũng chính quyền, đến vụ lúa Đông Xuân cuối năm 1978 đầu năm 1979, nông dân Hiệp Phước lại đưօc mùa, không chỉ đủ tự túc lương thực mà còn nộp về huyện chia sẻ cùng các địa phương khác, niềm vui thật lớn lao sau bao ngày vất vả.

Cuối năm 1978, thực hiện chỉ đạo của tỉnh, huyện cử một đại đօi tham gia nghĩa vụ quốc tế tại Campuchia. Ban Chỉ huy đại đօi gồm các đồng chí: Nguyễn Thái Học (Đại đօi trưởng), Nguyễn Văn Phօi (Đại đօi phó), Đặng Văn Hải (Chính trị viên). Thanh niên Hiệp Phước cũng tiếp tục có mặt trong đօi hình bộ đօi quân tình nguyện làm nghĩa vụ quốc tế, như Phan Thành Châu¹, Nguyễn Văn Dũ.

Năm 1978, huyện chủ trương huy động lực lượng thanh niên xây dựng Nông trường Đồng Khởi (khu vực Lòg Chảo xã

¹ Liệt sĩ Phan Thành Châu là con nuôi của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Phạm Thị Bánh, hy sinh ngày 7.5.1979 tại chiến trường Campuchia. Mẹ Bánh còn một con liệt sĩ nữa là Trần Minh Đức, Xã đօi phó Phước Lai, hy sinh ngày 2.12.1962.

Phước Thiên). Chi đoàn thanh niên hai xã Phước Lai, Phước Kiển cũng đưa quân tham gia khai phá; tổng cộng nông trường khai hoang 540 hecta, đưa vào sản xuất được 240 hecta. Không khí khai hoang xây dựng quê hương trong lực lượng thanh niên rất sôi động.

Trong tình hình mới nhiều khó khăn sau những năm đầu giải phóng, các chi bộ Đảng cùng cán bộ, nhân dân hai xã Phước Lai, Phước Kiển đã thực hiện tốt nhiệm vụ, phương hướng phát triển của địa phương: Không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy, khả năng tổ chức thực hiện của các cấp chính quyền và vai trò các đoàn thể quần chúng theo tinh thần độc lập, sáng tạo, tự lực tự cường, thực sự phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động; tập trung toàn bộ nguồn lực để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện mà trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm.

Tại Đại hội Đảng bộ huyện Long Thành lần II nhiệm kỳ 1979-1986, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đề ra những nhiệm vụ cụ thể:

- Kiểm tra toàn bộ số lượng, chất lượng cơ sở vật chất xã hội hiện có của địa phương: dân số, đất đai, vật tư kỹ thuật... Tập trung cao độ cho sản xuất nông nghiệp; trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm và hàng xuất khẩu.

- Củng cố bộ máy chính quyền vô sản, đặc biệt là cấp cơ sở, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Thực hiện triệt để nghị quyết của Bộ Chính trị về chống mọi biểu hiện tiêu cực.

- Quyết tâm hoàn thành cơ bản việc đưa nông dân cùng tư liệu sản xuất (ruộng đất, máy móc, trâu bò...) vào tập đoàn sản xuất và hợp tác nông nghiệp.

- Xúc tiến xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, chủ yếu cho nông nghiệp, cụ thể phát triển các trại giống, chế biến lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng.

- Đầu tư thích đáng cho sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế, xã hội nhằm chăm lo đời sống tinh thần, sức khỏe cho nhân dân và thế hệ trẻ.

- Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh và nền quốc phòng toàn dân đủ sức diệt bọn phản cách mạng và chiến thắng kẻ thù xâm lược.

Trong tình hình chung của đất nước trong giai đoạn này, sự thiếu hụt về lương thực đã dẫn đến những khó khăn lớn, cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam đang diễn ra, các thế lực phản cách mạng gia tăng gây rối, chống phá, Đảng bộ huyện xác định vai trò lãnh đạo và xây dựng bộ máy chính quyền vững mạnh, vừa xây dựng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa vừa sẵn sàng đấu tranh để bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ đất nước.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1979-1986, lãnh đạo hai xã Phước Lai, Phước Thiện tập trung kiểm kê đất đai, vật tư (máy móc, trâu bò), nhân lực để đưa vào tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, do những khó khăn về đời sống hiện tại và những thiếu sót của ta trong công tác tư tưởng nên một bộ phận người dân chưa có ý thức về làm chủ tập thể, dẫn đến không đồng ý vào tập đoàn dù cán bộ xã nhiều lần kiên nhẫn

thuyết phục. Người dân Hiệp Phước trước đây từ đời ông cha đã đổ mồ hôi sôi nước mắt, thậm chí đánh đổi bằng máu để có được mảnh ruộng cho con cháu sau này, vì vậy nhiều người không đồng tình với chủ trương đưa ruộng đất vào tập đoàn. Trong thực tế trước đây các ấp đều hình thành tập đoàn, nhưng đất đai tư liệu sản xuất của tập đoàn chủ yếu là từ đất công, lại thêm liên tiếp các năm 1977-1978 bị mất mùa nghiêm trọng, các xã viên tập đoàn bỏ nhiều công lao động mà không có thu hoạch nên chán nản, việc vận động tham gia tập đoàn càng thêm khó.

Chi bộ hai xã đã nghiêm túc kiểm điểm, nhận định tình hình và đề ra phương hướng hành động như sau:

- Các cán bộ, đảng viên tại địa phương từ trước đến nay công tác với nhiệt tình cách mạng, tất cả đều nỗ lực, đoàn kết nhất trí trong Đảng, biết tin quần chúng, dựa vào quần chúng, phát động quần chúng thực hiện tốt những chủ trương của Đảng, bên cạnh đó, quần chúng nhân dân lao động tại địa phương có truyền thống giàu lòng yêu nước, đấu tranh anh dũng, tin tưởng Đảng, hăng hái, nhiệt tình tham gia các phong trào ngày càng vững chắc, có chiều sâu. Nếu không có được một phong trào quần chúng như vậy thì thời gian qua địa phương đã không đạt được những thành quả tốt đẹp như trên. Thực tế đó cho thấy kinh nghiệm: nếu biết phát huy hết sức mạnh của quần chúng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, thì ta sẽ có một sức mạnh vô địch để vượt qua bất cứ mọi khó khăn trở ngại.

- Thời gian qua chi bộ còn có những khuyết điểm như: chưa tổ chức được quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, chưa thuyết phục,

vận động được nông dân, để họ còn làm ăn cá thể, tự phát; đó là điều trở ngại cho con đường đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Lực lượng lao động nhàn rỗi còn lớn, các xã viên khi tham gia tập đoàn chưa làm hết sức như khi sản xuất trên ruộng nhà mình, nếu ta không phân bổ lại lực lượng lao động cho hợp lý thì sản xuất khó đạt năng suất cao, dẫn đến không nâng cao đời sống nhân dân được. Trong phân công quản lý còn nhiều thiếu sót, chưa có sự phân cấp trách nhiệm rõ ràng giữa Đảng và chính quyền, dẫn đến hiệu quả công tác chưa cao; một bộ phận đảng viên đã bắt đầu có biểu hiện giảm nhiệt tình và ý chí chiến đấu, một số ít sa sút về phẩm chất, mắc các bệnh cá nhân như cửa quyền, giáy tờ, mệnh lệnh với quần chúng, ý thức tổ chức kỷ luật lỏng lẻo... Những thiếu sót nói trên đã ít nhiều làm giảm uy tín của Đảng.

Các chi bộ cũng nhận định nguyên nhân những thiếu sót trên là do:

- Tình hình thực tế địa phương có nhiều phức tạp, công tác quản lý quá mới mẻ đối với cán bộ, đảng viên vốn từ trước đến giờ chưa có kinh nghiệm lãnh đạo chính quyền và quản lý xã hội, do đó trình độ năng lực rất hạn chế.

- Một số cán bộ còn những biểu hiện chưa tin tưởng vững chắc, chưa dựa hẳn vào quần chúng trong phát động phong trào, thực hiện chủ trương của Đảng.

Phương hướng khắc phục được đưa ra như sau:

- Cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia tập đoàn. Giác ngộ cho người dân hiểu được đây là con đường tất yếu để cả nước tiến lên xã hội chủ nghĩa. Gia đình, người thân

cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện trước để người dân làm theo.

- Muốn cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới, tiến đến sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa cần thực hiện bằng các hình thức từ thấp đến cao. Trước mắt, địa phương cần tổ chức thí điểm các tổ sản xuất như tổ sản xuất rau, tổ chăn nuôi, riêng trồng lúa thì cố gắng đưa vào tập đoàn sản xuất, sau khi ổn định, vững mạnh thì tiến đến thành lập Hợp tác xã sản xuất.

- Tiếp tục theo định hướng lấy phát triển nông nghiệp làm trọng tâm, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp bao gồm trồng trọt và chăn nuôi heo, gà, cá, trong đó chú trọng chăn nuôi trâu bò, heo để có nguồn thực phẩm, sức kéo, phân bón. Tăng cường nạo vét các kênh, mương thủy lợi. Tăng cường đưa máy bơm, máy cày để nâng cao sản xuất, đạt hiệu quả cao; liên hệ với các cơ quan chức năng của huyện để có giống lúa kháng sâu rầy, chú trọng vấn đề phân bón, công chăm sóc nhằm nâng cao năng suất lúa, phấn đấu đạt 8 tạ/hecta.

Về lĩnh vực văn hóa - chính trị cần chú trọng các mảng sau:

- Tăng cường phối hợp với huyện tổ chức bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ, đảng viên; chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng lực lượng thanh niên nòng cốt để phát triển Đảng.

- Củng cố lực lượng du kích xã, thành lập đội dân quân tự vệ các ấp. Ngoài nhiệm vụ chính trong bảo vệ địa phương, lực lượng du kích, dân quân tích cực tham gia các phong trào giúp dân tại

địa bàn cư trú, hỗ trợ dân sản xuất, làm kinh tế, phối huyện đội chuyên môn của huyện trong rà soát, phá dỡ bom mìn.

- Chú trọng công tác phân phối lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm đến người dân kịp thời, công bằng, quan tâm đến các gia đình chính sách, neo đơn.

- Phát động phong trào bỏ tục văn hóa, làm cho mọi người thấy được lợi ích của việc nâng cao trình độ văn hóa. Phát động mạnh mẽ phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới thâm nhập vào các tầng lớp nhân dân.

- Đẩy mạnh công tác phòng bệnh, phòng dịch. Tăng cường tiêm phòng, luôn luôn theo dõi phát hiện bao vây và kịp thời dập tắt các ổ dịch nguy hiểm như: tả, dịch hạch, sốt bại liệt...

3. Thành lập xã Hiệp Phước

Ở Phước Kiển, đến năm 1983, đồng chí Trương Văn Hoàng¹ được huyện biệt phái về làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển. Cuối năm 1983, đồng chí Trương Văn Hoàng đứng vào hàng ngũ Đảng tại địa phương, do đồng chí Bí thư xã Huỳnh Thị Diệp giới thiệu. Tại Phước Lai, đồng chí Trương Văn Quý nghỉ hưu theo chính sách, đồng chí Nguyễn Văn Yêm giữ nhiệm vụ Quyền Bí thư xã.

Đầu năm 1984, một sự kiện quan trọng diễn ra: Ngày 17.1.1984, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định 12-HĐBT sáp nhập hai xã Phước Lai, Phước Kiển thành xã Hiệp Phước. Tên

¹ Đồng chí Trương Văn Hoàng là con của liệt sĩ Trương Văn Tấn, Bí thư xã Phước An, hy sinh ngày 18.6.1967 tại Phước An.

gọi Hiệp Phước bắt đầu từ thời điểm này. Xã Hiệp Phước có năm ấp, đánh số từ ấp Một đến ấp Năm. Đồng chí Phạm Thành Đạt được huyện cử nhận nhiệm vụ Bí thư xã Hiệp Phước. Đồng chí Phạm Thành Đạt từng tham gia kháng chiến, nhận nhiệm vụ tiếp quản khi giải phóng Phước Thiện và làm Bí thư xã Phước Thiện, sau này về huyện công tác trước khi nhận nhiệm vụ ở Hiệp Phước. Đồng chí Huỳnh Thị Diệp là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, đồng chí Trương Văn Hoàng là Phó Chủ tịch, đồng chí Đoàn Minh Huân là Xã đội trưởng, đồng chí Huỳnh Thanh Hồng là Trưởng Công an xã.

Đáng chú ý, giai đoạn này tỉnh và huyện chọn Hiệp Phước để quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp Nhơn Trạch I, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II và Khu công nghiệp Nhơn Trạch III. Về vị trí địa lý, huyện Nhơn Trạch nằm ngay ngã ba sông Đồng Nai - Lòng Tàu - Thị Vải; giáp ranh với quận 2, quận Nhà Bè, quận 9 của Thành phố Hồ Chí Minh; giáp ranh với tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thuận lợi trong giao thông cả đường bộ lẫn đường thủy. Những yếu tố này hội tụ lại tạo cho Nhơn Trạch những thuận lợi cơ bản để phát triển thành trung tâm kinh tế, Vì vậy, tỉnh đã sớm có quy hoạch về tổng thể đô thị mới Nhơn Trạch, sau đó được Thủ tướng phê duyệt vào tháng 5.1996. Đây là phương hướng đưa Nhơn Trạch phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại. Trong đó, xã Hiệp Phước tập trung nhiều đầu mối giao thông quan trọng của địa phương, có đủ các yếu tố để đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, đủ điều kiện trở thành một trong những trung tâm của khu đô thị mới, từ một xã thuần nông trở thành địa phương có cơ cấu

kinh tế công nghiệp - dịch vụ là chủ đạo, giảm dần cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Theo quy hoạch, trên địa bàn xã Hiệp Phước sẽ hình thành ba khu công nghiệp, trong đó Khu công nghiệp Nhơn Trạch I có diện tích 430 hecta, do Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO làm chủ đầu tư; Khu công nghiệp Nhơn Trạch II có diện tích 350 hecta do Công ty Xây dựng dân dụng công nghiệp số 2 (nay là Công ty cổ phần phát triển đô thị công nghiệp số 2, trụ sở tại thành phố Biên Hòa) làm chủ đầu tư, cả hai khu công nghiệp này đều nằm trên địa bàn ba xã Hiệp Phước, Phước Thiện, Phú Hội; riêng Khu công nghiệp Nhơn Trạch III có diện tích gần 700 hecta (giai đoạn 1 là 368 hecta) nằm hoàn toàn trên địa bàn xã Hiệp Phước, do Tổng công ty Tín Nghĩa làm chủ đầu tư.

Qua khảo sát, cả ba khu công nghiệp đều nằm ở vị trí cao nhất của đô thị mới Nhơn Trạch, có độ cao so với mặt biển là 28m; độ ẩm trung bình từ 62-84%; nhiệt độ trung bình 27 °C; lượng mưa trung bình hàng năm là 1.832 mm, hầu như không bị ảnh hưởng của bão, lụt, thiên tai; cường độ chịu tải của đất là 1,5-2,5 kg/cm² (hoặc 25 tấn/m²), nền bằng phẳng, rất thuận tiện cho việc thi công nền móng công trình và không phải đóng cọc gia cố móng, do vậy giảm đáng kể chi phí xây dựng, thuận lợi để xây dựng các công trình trong ngành công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ và đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao với chi phí và thời gian xây dựng được rút ngắn đáng kể. Cả ba khu công nghiệp đều nằm dọc lộ 25B, cách quốc lộ 51 khoảng 4km, cách Thành phố Hồ Chí

Minh 50km, cách thành phố Biên Hòa 33km, cách cảng sông gần nhất là cảng Gò Dầu 15km, cách cảng Cái Mép - Thị Vải 32km, cách cảng biển gần nhất là cảng Phú Mỹ 22km, cách cảng Cát Lái 33km; hàng hóa sản xuất từ các khu công nghiệp thuận tiện vận chuyển cả đường bộ lẫn đường thủy.

Để xây dựng các khu công nghiệp, diện tích cần giải tỏa, thu hồi đất của người dân Hiệp Phước khá lớn, đặc biệt là Khu công nghiệp Nhơn Trạch III lên đến gần 700 hecta. Dù khu vực quy hoạch các khu công nghiệp phần lớn là đất rẫy của dân, nhưng do quy định về giá đền bù thời điểm này khá thấp nên người dân không đồng tình, không muốn giao đất. Để thực hiện xây dựng các khu công nghiệp đúng tiến độ, các cán bộ xã Hiệp Phước phải rất nhiều lần phối hợp với chủ đầu tư thuyết phục, vận động người dân giao đất. Vì sự phát triển chung của địa phương, cuối cùng việc giải tỏa, thu hồi đất giao cho chủ đầu tư cũng hoàn thành.

Tháng 7.1986, đồng chí Huỳnh Thị Diệp nghỉ hưu theo chế độ. Đồng chí Trương Văn Hoàng đang là Phó Chủ tịch xã thay thế đồng chí Diệp làm Chủ tịch xã Hiệp Phước. Đồng chí Phạm Thành Đạt cũng nghỉ hưu theo chế độ. Nhiệm kỳ 1987-1989, đồng chí Dương Quang Linh là Bí thư, đồng chí Trương Văn Hoàng là Chủ tịch xã Hiệp Phước.

4. Đổi mới sản xuất nông nghiệp

Năm 1986 là cột mốc đánh dấu một sự kiện quan trọng trong toàn Đảng, đó là Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI mở ra thời kỳ đổi mới của cách mạng Việt Nam. Đại hội đã bàn, thảo luận, thông qua đường lối đổi mới của

Đảng nhằm mục tiêu khai thác mọi tiềm năng của đất nước, giải phóng năng lực sản xuất, phát huy sức mạnh nhân tố con người, cải thiện đời sống nhân dân, ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

Bước vào thời kỳ đổi mới từ năm 1986, huyện Long Thành có những thuận lợi: giữ vững ổn định chính trị, kiên định theo con đường xã hội chủ nghĩa, phát huy truyền thống đoàn kết, tự lực tự cường. Đảng bộ huyện đoàn kết, đội ngũ cán bộ, đảng viên có tinh thần trách nhiệm, trưởng thành từ thực tiễn xây dựng quê địa phương. Những thành tựu của nhân dân Long Thành đã tạo nên cơ sở, tiền đề quan trọng trên nhiều lĩnh vực được kế thừa, phát huy. Huyện Long Thành tiếp tục được xác định là địa bàn trọng điểm sản xuất lương thực của tỉnh. Tuy nhiên, Đảng bộ Long Thành cũng tự đánh giá còn nhiều hạn chế: Bộ máy của huyện được sắp xếp theo tinh thần đổi mới nhưng chưa đáp ứng được nhiệm vụ, nhiều cơ sở còn yếu kém. Kinh tế của huyện ổn định nhưng chưa thật sự mạnh, tiềm năng chưa khai thác đúng mức. Dân số tăng nhanh, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, giải quyết việc làm chưa ổn định. Cơ chế quản lý còn trì trệ, chưa bắt nhịp với công cuộc đổi mới. Quy hoạch chưa ổn định, tranh chấp đất đai diễn ra căng thẳng, công tác quản lý đất đai và quản lý ngành chưa đồng bộ. Quyền làm chủ tập thể của của quần chúng còn hạn chế, tiêu cực xã hội vẫn còn phát triển.

Đại hội Đảng bộ huyện Long Thành lần thứ IV nhiệm kỳ 1986-1991 đề ra nhiệm vụ chung của huyện trong giai đoạn bắt đầu thực hiện đường lối đổi mới: “Tiếp tục quy hoạch lại sản xuất, bố trí sử dụng lao động, ruộng đất phù hợp với tình hình, đặc điểm

của địa phương, với cơ cấu kinh tế nông nghiệp (bao gồm lâm nghiệp, ngư nghiệp) - công nghiệp nhằm phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, an ninh quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội chủ nghĩa”.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội, từ năm 1986 xã Hiệp Phước bắt đầu có sự chuẩn bị chuyển dịch kinh tế địa phương sang hướng công nghiệp, nhưng vẫn lấy sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Số liệu thống kê cho thấy với diện tích đất trồng lúa nước là khoảng gần 300 hecta, người dân đã gieo trồng các vụ mùa Hè Thu và Đông Xuân với tổng diện tích gieo trồng trong năm đạt gần 500 hecta, năng suất lúa bình quân đạt 80 tạ/hecta. Tuy nhiên, trong năm 1986 xuất hiện đợt nắng nóng gay gắt, ảnh hưởng đến năng suất lúa, nông dân bị mất mùa, thu hoạch chỉ được khoảng 30 tạ/hecta, người trồng lúa bị lỗ, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của cả xã. Lãnh đạo xã Hiệp Phước xác định phương hướng cơ bản là phải tăng vụ, chuyển vụ và thâm canh tăng năng suất, ứng dụng khoa học, kỹ thuật để tăng sản lượng. Địa phương đã tích cực chủ động liên hệ với các cơ quan chức năng của huyện, được giới thiệu các giống lúa mới như là OM 1490, OM 2031, OM 1706... vừa kháng sâu bệnh, chịu được mặn, năng suất cao, thời gian gieo trồng ngắn (120 ngày). Địa phương đã đưa giống lúa mới vào trồng vụ Đông Xuân 1987-1988. Bên cạnh đó, các cán bộ khuyến nông còn đề nghị xã tập trung đầu tư cho công tác thủy lợi như nạo vét kênh mương đập Bà Ký, bồi bờ đắp bít các mội hạn chế nước mặn xâm nhập; tập huấn, hướng dẫn cho nông dân cải tạo đất, thau chua, rửa phèn bảo đảm nước ngọt cho cây

lúa sinh trưởng và phát triển; khuyến cáo nông dân giảm diện tích vụ lúa mùa năng suất thấp và bắp bệnh, tăng vụ lúa Đông Xuân và Hè Thu, tạo điều kiện để thâm canh, tăng năng suất lúa. Kết quả, năng suất lúa vụ Đông Xuân 1987-1988 đạt đến 1,2 tấn/hecta khiến người dân hồ hởi. Những năm sau, giống lúa OM ngày càng được cải tiến, thời gian gieo trồng giảm chỉ còn 90 ngày, năng suất cũng tăng cao dần.

Một trong những vấn đề trong phát triển nông nghiệp của Hiệp Phước thời điểm này chính là việc vận động nông dân thực hiện khoán sản phẩm nông nghiệp theo chỉ đạo của huyện. Trước đây Nhà nước chủ trương vận động dân vào tập đoàn, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, các xã viên được áp dụng chế độ khoán việc, công sức lao động của xã viên được qui thành công, điểm (công là ngày công, còn điểm là 1/10 ngày công). Từ cấy hái, chăm bón đến hợp hành đều tính thành công điểm. Ngày công được tính cho mỗi lao động khi thực hiện một công việc theo tiêu chuẩn hợp tác xã đề ra. Cuối mỗi vụ sẽ dựa vào công điểm để chia hoa lợi. Qua đánh giá thực tế, hình thức khoán việc bộc lộ nhiều nhược điểm như: người lao động ít quan tâm đến sản phẩm cuối cùng họ làm ra, chỉ lo chạy theo công điểm, không đảm bảo quy trình kỹ thuật, không tiết kiệm chi phí sản xuất, bên cạnh đó có nơi còn gây ra bất công bằng trong chấm công, điểm. Hình thức khoán việc nhìn chung không phù hợp với trình độ tổ chức, quản lý và điều kiện sản xuất của đa số hợp tác xã, từ đó người dân không mặn mà tham gia; hoạt động hợp tác xã nhiều nơi, trong đó có Hiệp Phước, chỉ tồn tại trên hình thức.

Từ năm 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng cho phép các địa phương thực hiện khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Qua thực hiện thí điểm ở một số địa phương, khoán sản phẩm vừa nâng cao được ý thức trách nhiệm của tập thể và mỗi cá nhân, cụ thể hoá chế độ làm chủ tập thể, vừa đảm bảo nguyên tắc phân phối công bằng cho người lao động nên khuyến khích được hợp tác xã và xã viên tích cực tận dụng lao động, đất đai, thâm canh, tăng vụ, phát triển sản xuất, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng năng suất lao động. Tại Hiệp Phước cũng áp dụng khoán sản phẩm, còn gọi là khoán 100 (do Nghị quyết ban hành số 100) tại các tập đoàn trên địa bàn, nhưng cũng chỉ có tác dụng trong một thời gian, sau đó giảm dần vì cơ chế tập trung quan liêu, mệnh lệnh và hành chính cứng nhắc vẫn tồn tại trong hoạt động của các hợp tác xã. Cụ thể, việc định ra mức khoán không ổn định, được điều chỉnh theo từng năm, mỗi năm một cao hơn khiến xã viên vượt khoán được hưởng lợi rất ít, vì vậy động lực vừa mới được tạo ra đã dần bị triệt tiêu. Các hộ nông dân không đủ khả năng bảo đảm tái sản xuất và nhu cầu đời sống nên đã trả lại ruộng nhận khoán. Dù các cán bộ xã Hiệp Phước nhiều lần vận động người dân, nhưng việc khoán sản phẩm nông nghiệp vẫn không thực hiện được.

Năm 1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10 NQ-TW về Đổi mới quản lý nông nghiệp, hình thức khoán gọn ra đời, hay còn gọi là khoán 10 (Nghị quyết ban hành số 10). Khoán 10 thừa nhận “hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ”, thực hiện giao ruộng khoán cho hộ nhận khoán trong thời gian dài (15-20 năm) đối với đất trồng cây ngắn ngày, 1-2 chu kỳ đối với cây dài ngày, ổn định

sản lượng khoán, bảo đảm cho người trồng lúa có lãi không dưới 40%. Hộ nông dân được tự quyết định việc canh tác trên diện tích được giao, chỉ có nghĩa vụ đóng thuế, được tự do lưu thông sản phẩm làm ra ở nơi có lợi nhất sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với nhà nước. Cùng với việc thực hiện khoán 10 là sự đổi mới toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, đổi mới hoạt động kinh tế - xã hội ở nông thôn theo hướng xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Từ đây, chức năng kinh tế của hộ nông dân được xác lập trở lại. Hình thức khoán 10 được nông dân Hiệp Phước đồng tình, trong thực tế số đất áp dụng khoán ở địa phương không nhiều, nhưng ý nghĩa của Nghị quyết 10/NQ-TW rất quan trọng đối với địa phương vì hộ nông dân được công nhận là cá thể sản xuất, qua đó khai thác có hiệu quả các tiềm năng kinh tế hộ nông dân và nông nghiệp, từng bước chuyển nền kinh tế tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1990 đến năm 1992, toàn bộ đất tập đoàn được giao hết cho nông dân.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục được địa phương quan tâm, xem là thế mạnh của nông nghiệp, góp phần giải quyết lượng lao động nhàn rỗi đồng thời tăng thêm thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, đến thời điểm này việc chăn nuôi vẫn theo phương thức hộ gia đình nhỏ lẻ, chưa tập hợp được thành tổ hợp tác như định hướng của huyện và xã, từ đó dẫn đến thị trường tiêu thụ hạn chế, chưa phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Thực tế từ các địa phương khác cho thấy, phương thức chăn nuôi tập trung theo dạng tổ hợp tác hoặc trang trại sẽ giúp giảm công lao động, hạ thấp giá thành, cho lợi nhuận cao hơn. Nhưng vì nhiều lý do, trong

đó chủ yếu là do người dân chậm thay đổi tập quán chăn nuôi, ngoài ra còn do khâu thu mua của các cơ sở quốc doanh chưa đáp ứng được nhu cầu người chăn nuôi, giao thông từ xã đến các địa phương lân cận chưa thuận lợi nên chăn nuôi ở Hiệp Phước khó phát triển thành hàng hóa.

Kinh tế của người dân địa phương được đánh giá là được nâng lên và có cải thiện rõ rệt. Cuộc sống cũng có nhiều thay đổi tích cực, cơ bản xoá được hộ đói, hộ nghèo cũng giảm rõ rệt, các nhu cầu ăn ở, đi lại, học hành, khám chữa bệnh, hưởng thụ văn hóa được đáp ứng ngày càng tốt hơn. Địa phương cũng thường xuyên quan tâm chăm sóc các đối tượng chính sách như thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với cách mạng. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình cũng được quan tâm đúng mức, kinh phí đầu tư tăng khá. Công tác bảo vệ sức khỏe của nhân dân được quan tâm, trạm y tế đã được bố trí bác sĩ, y sĩ. Sự nghiệp giáo dục đào tạo được phát triển theo hướng giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập cấp I, xoá tái mù chữ.

Chi bộ xã Hiệp Phước nhận định, bước vào thời kỳ đổi mới, yêu cầu phải đạt được bước đổi mới quan trọng trên các lĩnh vực như: đổi mới tư duy nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ. Đồng thời có chủ trương, biện pháp tích cực đẩy mạnh việc xây dựng nền văn hóa mới, con người xã hội chủ nghĩa, phát huy truyền thống tốt đẹp của địa phương; củng cố quốc phòng an ninh, tăng cường xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, kiện toàn bộ máy tổ chức, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng.

Chủ trương của xã Hiệp Phước trong thời gian tới là phát triển toàn diện kinh tế nông thôn; chuyển dần kinh tế nông thôn còn mang nặng tính chất độc canh tự cấp, tự túc thành nền kinh tế hàng hóa phát triển. Mục tiêu phấn đấu chính của địa phương là tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, đảm bảo diện tích sản xuất, tăng cao diện tích gieo trồng và năng suất lúa; tập trung xây dựng các vườn cây ăn trái chuyên canh; đẩy mạnh chăn nuôi; tập trung phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn. Để đạt được mục tiêu này, cần áp dụng đồng bộ biện pháp kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình nhằm khai thác mọi tiềm năng của địa phương như đất đai, lao động, ngành nghề thủ công truyền thống để phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ kỹ thuật, tạo thêm sản phẩm cho xã hội, tăng thu nhập và nâng cao đời sống của nhân dân và người lao động. Xã cũng sẽ tiếp tục đề xuất với huyện đầu tư duy tu, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp và làm mới hệ thống giao thông trên địa bàn để đáp ứng nhu cầu về đi lại, vận chuyển hàng hóa thuận lợi, phục vụ tốt cho sản xuất, đời sống nhân dân.

Trong công tác xây dựng Đảng, cần thường xuyên thực hiện làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng, bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới hoạt động của cơ quan Nhà nước và các đoàn thể nhân dân; xem xét lại đội ngũ cán bộ, sắp xếp lại tổ chức, kiên quyết thay thế những người phẩm chất và năng lực kém trí tuệ, không đổi mới. Đưa vào vị trí chủ chốt những cán bộ có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, phong cách và lối sống

lành mạnh, có tín nhiệm với quần chúng; tổ chức tốt các đợt tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống tiêu cực đưa những người thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhìn thẳng vào sự trì trệ của nền kinh tế - xã hội địa phương, mạnh dạn sửa chữa khuyết điểm, tích cực phấn đấu đi lên.

Về tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, nhận định sẽ ngày càng diễn biến phức tạp. Địa phương cần nghiêm túc thực hiện Chỉ thị 60 của Bộ Chính trị về công tác an ninh quốc gia, Chỉ thị 135 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về đấu tranh chống tội phạm, khơi dậy và củng cố phong trào quần chúng nhân dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn.

Chương VI

LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA (1994-2020)

I. CÙNG CỐ TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN, ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ

1. Từ chi bộ thành Đảng bộ cơ sở

Năm 1994, huyện Nhon Trạch được tái thành lập theo Nghị định số 51/CP ngày 21.6.1994 của Chính phủ. Huyện Nhon Trạch có 12 đơn vị hành chính cấp xã gồm: Hiệp Phước, Vĩnh Thanh, Phước Thiên, Phước Khánh, Phước An, Phú Hữu, Phú Thạnh, Phú Hội, Phú Đông, Long Thọ, Long Tân, Đại Phước. Thời điểm thành lập, huyện đối mặt nhiều khó khăn, thách thức: là địa phương thuần nông với 80% dân số sống bằng nghề nông, độc canh cây lúa, tập quán canh tác thủ công, lạc hậu, thu nhập thấp; trình độ sản xuất, trình độ dân trí thấp; hạ tầng yếu kém, giao thông không thuận lợi với hệ thống đường sá 90% là cấp phối sỏi đỏ, trên địa bàn các xã có trên 50 cầu khỉ và có nơi còn cách biệt với khu vực xung quanh nên nhiều vùng đất còn hoang hóa; hệ thống bưu điện chỉ mới bắt đầu xây dựng; hệ thống điện sinh hoạt mới có ở 5/12 xã và tỷ lệ hộ sử dụng điện còn thấp (24%); hệ thống chiếu sáng đường giao thông ở các xã hoàn toàn chưa có; chưa có bệnh viện,

trung tâm y tế huyện; chỉ có một trường THPT Nhơn Trạch xây dựng đã lâu; tỷ lệ hộ đói nghèo cao (27,6%).

Tuy nhiên, huyện Nhơn Trạch cũng có những thuận lợi riêng, hoàn toàn đủ điều kiện hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, công nghiệp, hiện đại, đáp ứng tiến trình xây dựng đô thị mới. Trước hết, đó là vị trí địa lý rất thuận tiện trong việc lưu thông đường thủy và đường bộ; kể đến, Nhơn Trạch hội tụ những điều kiện cần và đủ cho sự phát triển toàn diện, xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật theo định hướng của Trung ương và của Tỉnh ủy Đồng Nai; và yếu tố quan trọng nữa là người Nhơn Trạch với truyền thống kiên cường, lao động bền bỉ xây dựng quê hương, từ xa xưa đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa.

Giống như tình hình chung trong toàn huyện, Hiệp Phước cũng đối diện nhiều khó khăn lớn. Tuy là một trong năm xã có mạng lưới điện quốc gia từ năm 1992, nhưng trong thực tế tỷ lệ hộ sử dụng điện còn rất thấp. Hai con đường giao thông huyết mạch qua địa bàn là đường 25B (nay là đường Tôn Đức Thắng) và lộ 19 (nay là đường Hùng Vương) hư hỏng đã nhiều năm chưa được nâng cấp sửa chữa, dẫn đến lưu thông khó khăn, không có hệ thống chiếu sáng, đi ban đêm rất nguy hiểm. Các trường học của xã như Trường Tiểu học Phước Lai, Trường Tiểu học Hiệp Phước xây dựng từ trước năm 1975, nay cơ sở vật chất đã xuống cấp nhưng chưa có kinh phí sửa chữa và xây mới; trên địa bàn xã cũng chưa có trường trung học cơ sở, học sinh tốt nghiệp tiểu học phải lên thị trấn Long Thành hoặc sang Phước Thiện để “học

nhờ”. Chung tình trạng cơ sở vật chất tạm bợ đó là trạm y tế xã và trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Nhưng cùng với quyết tâm của huyện, toàn hệ thống chính trị và nhân dân xã Hiệp Phước sẵn sàng vượt qua khó khăn, phấn đấu xây dựng phát triển quê hương.

Năm 1994, đồng chí Nguyễn Thị Liên được cử về làm Bí thư xã Hiệp Phước. Đồng chí Nguyễn Thị Liên là người xã Phú Hội, gia đình có truyền thống cách mạng, tham gia kháng chiến từ ngày 20.2.1964, kết nạp Đảng năm 1968, từng giữ các nhiệm vụ: Xã đội phó xã Phú Hội, Hội phó Hội Phụ nữ huyện Nhơn Trạch, Phó Trưởng phòng Giáo dục huyện; đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Long Thành nhiệm kỳ 1986-1988. Đồng chí Phan Văn Tôn là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Bùi Công Chánh là Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, đến giữa nhiệm kỳ đồng chí Trương Văn Hoàng thay thế nhiệm vụ này. Đồng chí Đào Văn Xiêm là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Hiệp Phước. Chi bộ có tổng cộng 32 đảng viên, sinh hoạt ở năm tổ đảng.

Năm 1998, Chi bộ xã Hiệp Phước được nâng lên thành Đảng bộ cơ sở. Ban Chấp hành Đảng bộ gồm tám đồng chí do Huyện ủy chỉ định như sau: Nguyễn Thị Liên (Bí thư Đảng ủy), Võ Thành Tâm, Nguyễn Văn Chính, Phan Văn Giới, Cao Lê Hoàng, Võ Tài Hưng, Trương Văn Hoàng, Lê Văn Hưng.

Điểm nhấn trong giai đoạn 1995-2000 của xã Hiệp Phước, đó là các Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, Nhơn Trạch II và Nhơn Trạch III nằm trên địa bàn hoàn thành và bắt đầu đưa vào hoạt động từ năm 1997. Sự ra đời của các khu công nghiệp, kể đến là

các công ty, xí nghiệp nhà máy hình thành, kéo theo là hàng ngàn lao động từ khắp nơi đổ về làm việc, sinh sống đã làm thay đổi hoàn toàn diện mạo của Hiệp Phước, từ một xã thuần nông dần chuyển thành khu đô thị mới với nét đặc trưng riêng.

Năm 1994 toàn xã có 1.887 hộ gia đình với 9.618 nhân khẩu, tỉ lệ tăng dân số hằng năm là 0,6%, trong đó hầu hết các hộ gia đình ở Hiệp Phước đều sống bằng nghề nông; năm 1995, dân số ở Hiệp Phước là 9.762 người, tăng so với năm trước là 144 người. Nhưng đến năm 2000, dân số trong xã đã lên đến 11.201, tăng 1.439 người so với năm 1995, trong đó phần lớn là lao động từ nơi khác đến. Và trong những năm sau, tốc độ tăng dân số cơ học ngày càng nhanh hơn nhiều. Việc tăng dân số cơ học quá nhanh bắt đầu dẫn đến một số vấn đề cho địa phương, như chỗ ở, dịch vụ ăn theo, an ninh trật tự... Giai đoạn này, trên địa bàn xã bắt đầu hình thành một số khu nhà trọ cho công nhân lao động thuê ở, một số hàng quán dịch vụ, đem đến thu nhập cho người địa phương nhưng còn ở dạng tự phát và chưa phát triển mạnh.

Với diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn là 385 hecta, trong đó diện tích trồng lúa nước 276,14 hecta, hằng năm địa phương đã lãnh đạo nhân dân gieo trồng 100% diện tích lúa nước với tổng diện tích gieo trồng cả năm là 520 hecta, tăng hơn 20 hecta so với năm 1986. Năng suất lúa bình quân giai đoạn này lên đến 3,5 tấn/hecta; so với thời kỳ đầu mới giải phóng, địa phương phấn đấu năng suất lúa đạt 8 tạ/hecta, thì đến nay nhờ người dân biết áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, gieo trồng giống lúa năng suất cao, kháng sâu bệnh, biết kỹ thuật bón thúc,

bón lót đúng thời điểm nên năng suất đã tăng lên gấp 4,3 lần. Nguyên nhân năng suất lúa đạt cao còn do xã thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng của huyện tổ chức các lớp khuyến nông tập huấn cho người dân về kỹ thuật chăm sóc lúa, phòng trừ sâu bệnh trên lúa. Xã cũng kịp thời vận động nông dân đắp bờ bao, vét kênh mương, gia cố cũng như đắp các lỗ bể của đập ngăn mặn Bà Ký không để nước mặn xâm nhập làm ảnh hưởng đến năng suất lúa. Với năng suất này, bình quân lương thực đầu người của xã đạt 396kg/năm, có tăng so với nhiệm kỳ trước nhưng vẫn còn thấp so với một số xã xung quanh.

Về xây dựng vùng chuyên canh, địa phương đã vận động người dân phá bỏ vườn tạp, xây dựng được 10 hecta vườn chuyên canh các loại cây có hiệu quả kinh tế cao như chanh, nhãn, xoài.

Về chăn nuôi, số lượng đàn gia súc (như trâu, bò), gia cầm (như gà, vịt) vẫn giữ ổn định, như đàn bò đạt 600 con/năm, trâu 150 con/năm, gà 20.000 con/năm, vịt 5.000 con/năm; riêng đàn heo là 1.954 con, giảm mạnh so với thời gian trước do giá heo xuống thấp mấy năm liền, người dân nuôi heo bị lỗ nên chỉ nuôi cầm chừng, nuôi kiểu truyền thống mỗi hộ nuôi 1-2 con, không có đàn heo đông. Để phòng ngừa dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, xã Hiệp Phước không chỉ phối hợp mở các lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi cho các hộ dân, còn thường xuyên tổ chức tiêm phòng.

Về tình hình thu thuế và thu ngân sách, hằng năm xã đều đạt chỉ tiêu, cụ thể thu thuế các loại đạt bình quân 520 triệu đồng/năm, thu ngân sách đạt bình quân 295 triệu đồng/năm. Tài chính thu - chi hằng năm đều đảm bảo, không bị mất cân đối. Công tác

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đạt tốt, chỉ trong hai năm từ 1996-1998 đã phối hợp với huyện cấp 1.550 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân có nhu cầu (trong đó có 171 giấy người dân chưa nhận do đời sống khó khăn, thiếu tiền đóng thuế trước bạ). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhanh chóng, kịp thời đã góp phần hạn chế việc tranh chấp đất trong dân, gây mất tình làng nghĩa xóm.

Về công tác văn hóa - thông tin, xã luôn kịp thời tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nội dung và ý nghĩa các ngày lễ lớn đến người dân, qua đó giáo dục người dân ý thức chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật. Mỗi ấp đều xây dựng được các đội văn nghệ hoặc đội lân, đội xiếc, đội bóng đá, đội thể dục... nhằm phục vụ người dân giải trí lành mạnh, vui khỏe, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Xã và các ấp cũng thường xuyên tổ chức hội thi văn nghệ, thể thao giữa các ấp, các xã trong huyện. Trong công tác Đề ơn đáp nghĩa, địa phương tiếp tục hoàn chỉnh các hồ sơ công nhận liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách... Ngoài việc chi trả kịp thời các trợ cấp theo quy định cho các gia đình chính sách, xã còn vận động hỗ trợ cho ba Bà mẹ Việt Nam anh hùng trong xã mỗi tháng 300 ngàn đồng/mẹ. Chỉ trong hai năm 1996-1998, địa phương cũng vận động người dân đóng góp hơn 36 triệu đồng để sửa chữa 14 con đường giao thông nông thôn.

Trong công tác xây dựng Đảng, Chi ủy, và sau này là Đảng ủy, đã tổ chức cho đảng viên học tập, quán triệt các nghị quyết Trung ương, địa phương, đạt tỷ lệ 100% (trừ những đảng viên được miễn

sinh hoạt theo quy định); thường xuyên nắm bắt, đánh giá diễn biến tư tưởng của đảng viên để kịp thời có biện pháp giáo dục, chấn chỉnh những đảng viên có biểu hiện lệch lạc; nhắc nhở đảng viên chấp hành tổ chức kỷ luật Đảng; tăng cường sức chiến đấu của Đảng, ngăn ngừa các thoái hóa, biến chất trong Đảng, không để nảy sinh những tư tưởng không lành mạnh trong đảng viên. Trong nhiệm kỳ, Chi bộ cũng kết nạp được bảy đảng viên (chỉ tiêu là kết nạp năm đảng viên mới), cùng với chín đảng viên chuyển từ nơi khác về nâng tổng số đảng viên lên 48 người; không có đảng viên bị xử lý kỷ luật. Công tác tập hợp hội viên vào các đoàn thể cũng vượt chỉ tiêu. Đến cuối nhiệm kỳ, số lượng đoàn viên Đoàn Thanh niên là 508 người, đạt tỷ lệ tập hợp 61,6%; số lượng hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ là 2.847 người, tỷ lệ tập hợp là 75,02%.

Đảng ủy cũng đề ra một số phương hướng hoạt động trong nhiệm kỳ 2000-2005 như sau:

- Vận động nông dân tiếp tục gieo trồng đạt 100% diện tích lúa nước, năng suất lúa giữ ổn định 3,5 tấn/hecta, đưa tổng sản lượng lương thực đạt 3.900 tấn/năm; phát triển mô hình trồng xen canh (trồng lang, mì xen canh với điều, đã thực hiện hiệu quả được 30 hecta). Giữ ổn định số lượng đàn bò 600 con/năm, trâu 150 con/năm, gà 20.000 con/năm, vịt 5.000 con/năm, heo 1.200 con/năm. Giữ vững diện tích rừng hiện hữu, đồng thời mỗi năm trồng mới từ 3-5 hecta. Tiếp tục vận động người dân cải tạo vườn tạp thành vườn chuyên canh.

- Hoàn thành chỉ tiêu thuế, chỉ tiêu thu ngân sách, đảm bảo cân đối thu - chi, thực hiện đúng nguyên tắc tài chính, không để xảy ra tiêu cực.

- Tiếp tục chú trọng công tác tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho các hộ dân, phối hợp với huyện mở từ 5-7 lớp khuyến nông/năm; khuyến khích nông dân áp dụng chương trình IPM¹ vào sản xuất, sử dụng các giống lúa cao sản, kháng bệnh. Phối hợp tốt với ngân hàng, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm giúp các hộ dân được vay ưu đãi, kịp thời nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục vận động nông dân thường xuyên gia cố đập ngăn mặn Bà Ký, tu bổ, nạo vét kênh mương nội đồng. Làm việc với Phòng Kinh tế huyện và Ủy ban nhân dân xã Long An trong việc điều tiết lượng nước từ kênh thủy lợi của đập Long An, không để ảnh hưởng đến các vụ mùa của nông dân Hiệp Phước. Kiểm tra, quản lý chặt chẽ các cơ sở cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, nông dược các loại để đảm bảo sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. Tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm đúng định kỳ, điều trị và ngăn ngừa kịp thời các loại bệnh trên gia súc, gia cầm, không để phát sinh dịch bệnh.

- Quản lý chặt chẽ vấn đề đất đai, vận động người dân sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy định; phấn đấu hoàn thành công tác

¹ Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) được áp dụng cho cây lúa và các loại cây trồng khác, gồm năm nguyên tắc chủ yếu: chọn giống tốt, phù hợp khí hậu địa phương; chăm sóc thường xuyên; nông dân có hiểu biết về khoa học kỹ thuật, kỹ năng quản lý đồng ruộng; sử dụng thuốc hóa học hợp lý, đúng kỹ thuật; bảo vệ những sinh vật có ích, giúp tiêu diệt dịch hại.

xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hạn, không để tồn đọng nhằm hạn chế tình trạng tranh chấp đất đai.

- Tăng cường các hoạt động phát triển dịch vụ, thương mại; sắp xếp lại hoạt động tại các chợ, khu hoạt động dịch vụ tại khu vực ngã tư Hiệp Phước và đường 25B, không để xảy ra tình trạng buôn bán trái phép, buôn bán lấn chiếm lộ giới gây mất an toàn giao thông, vi phạm các quy định của Nhà nước.

- Nâng cao chất lượng dạy và học trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tăng cường kết hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục và quản lý học sinh, ngăn chặn kịp thời không để tệ nạn xã hội xâm nhập môi trường học đường, nhất là tệ nạn ma túy, kiên quyết xử lý nghiêm nếu có vi phạm. Phần đầu hằng năm có 80% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi của trường, 10-20% dạy giỏi cấp huyện; tỷ lệ học sinh Tiểu học tốt nghiệp đạt 95%, Trung học cơ sở đạt 90%, huy động 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp, duy trì các lớp bổ túc văn hóa và phổ cập; duy trì danh hiệu tiên tiến cấp ngành. Về cơ sở vật chất trường lớp, sẽ đề xuất huyện cấp ngân sách xây dựng lại các trường tiểu học của ấp Bốn, ấp Năm đã xuống cấp. Chú trọng trong công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn, phần đầu tiên chúng cho trẻ em đạt 100%.

- Tiếp tục vận động phong trào xây dựng nếp sống văn minh, xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng xóm ấp, tổ văn hóa ở khu dân cư, phần đầu số hộ đăng ký gia đình văn hóa đạt 80-90%. Tiếp tục tổ chức các hội thi văn nghệ, thể thao giao lưu giữa các ấp, tham gia các hội thi của huyện, tỉnh.

- Cùng với việc xây dựng các khu công nghiệp trên địa bàn, người lao động các nơi đến Hiệp Phước làm việc nhiều, từ đó dẫn đến nhiều diễn biến phức tạp về an ninh, trật tự. Lực lượng công an, dân quân cùng cơ quan chức năng cần tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, kiểm tra đăng ký tạm trú, tạm vắng, kiên quyết với nạn lập lều quán buôn bán trái phép, đặc biệt ở đường 25B có tình trạng một số hộ tạm trú mở quán trái phép có biểu hiện bán bia ôm. Lực lượng du kích xã phối hợp với công an tăng cường tuần tra trên địa bàn, nhất là vào các ngày cao điểm, lễ tết, tham gia trực bảo đảm chất lượng. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 3% theo chỉ tiêu huyện giao, công tác huấn luyện đạt 70%. Tăng cường công tác nắm địa bàn và trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể đẩy mạnh phong trào Quân chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Củng cố chất lượng sinh hoạt ở các chi bộ cơ sở, đảm bảo họp chi bộ đúng ngày, làm việc với năm đồng chí đảng viên thường vắng họp chi bộ và xử lý theo quy định của Điều lệ Đảng. Khắc phục tồn tại trong thời gian qua là có một số cán bộ chưa được giao nhiệm vụ cụ thể.

2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất

Tháng 7.2000, xã Hiệp Phước tổ chức Đại hội Đảng bộ khóa I nhiệm kỳ 2001-2005. Thời điểm này, tổng số đảng viên của Đảng bộ là 48 đồng chí, sinh hoạt tại 6 chi bộ cơ sở. Trong thời gian qua, địa phương bắt đầu có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm dần tỷ trọng mảng nông nghiệp, tăng dần mảng công nghiệp - dịch

vu, đặt nền tảng cho yêu cầu đẩy mạnh phát triển công nghiệp hóa, từng bước hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Sản xuất nông nghiệp của địa phương tăng trưởng khá, giá trị tổng sản lượng ngày càng cao. Vì nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu do định hướng của địa phương là giảm dần tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, diện tích đất sản xuất ở xã Hiệp Phước đến năm 2000 đã thu hẹp so với đầu nhiệm kỳ trước, còn 360 hecta (giảm 25 hecta), nhưng số diện tích đất đưa vào canh tác tăng do nông dân gieo trồng các giống lúa ngắn ngày, năng suất cao đồng thời ứng dụng khoa học kỹ thuật như đưa máy sạ lúa vào công đoạn gieo sạ, từ đó không những giảm được sức lao động mà hiệu quả gieo sạ tăng cao dẫn đến năng suất lúa cũng tăng, bình quân đạt 3,5 tấn/hecta, có nơi năng suất lên 4 tấn/hecta (năng suất bình quân cả nước là 4,2 tấn/hecta). Ngoài diện tích rừng hiện có được bảo vệ, công tác trồng cây trong những năm qua được xã phát động trong nhân dân, tăng độ phủ xanh trên diện tích chung của địa phương; đặc biệt là những mô hình vườn cây ăn trái chuyên canh như nhãn, chanh và xoài.

Về chăn nuôi, đàn gia súc, gia cầm tuy được duy trì ổn định nhưng chưa đem lại hiệu quả cao bởi giá cả bấp bênh. Liên tiếp các năm 1998, 1999 giá gà xuống thấp dẫn đến người chăn nuôi không có lãi. Bên cạnh đó, trong mô hình phát triển tổ hợp tác, huyện hình thành 3 tổ hợp tác kinh tế: trồng mía ở xã Phú Đông, nuôi tôm càng xanh ở xã Đại Phước, chăn nuôi heo ở xã Hiệp Phước, nhưng do có một thời gian giá heo xuống thấp khiến người

nuôi bị lỗ bình quân 200 ngàn đồng/con heo nên mô hình chăn nuôi heo theo tổ hợp tác ở Hiệp Phước bước đầu chưa thành công.

Thương nghiệp và dịch vụ được duy trì nhưng ở quy mô nhỏ, mỗi năm số hộ kinh doanh tăng dần, tạo thành mạng lưới trong các địa bàn, phục vụ tích cực cho cơ sở. Trong khi đó, thương nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã hoạt động không thường xuyên. Ngành ngân hàng với những nguồn vốn phát triển đã thực hiện cho hộ dân vay kinh doanh, sản xuất với số lượt vay, nguồn vốn đều tăng. Tính hiệu quả của nguồn vốn vay tập trung trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, công nghiệp là phù hợp với quy hoạch của địa phương, nhưng tổng thể còn ở mức nhỏ lẻ.

Trên cơ sở quy hoạch của địa phương, ba khu công nghiệp với diện tích 1.173 hecta đều đi vào hoạt động, có 14 dự án được triển khai với số vốn đầu tư 570,8 triệu USD đã đi vào sản xuất, qua đó giải quyết trên 7.500 việc làm cho người lao động.

Tỷ lệ nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế giảm nhưng giá trị gia tăng tăng cao, tỷ lệ công nghiệp - thương mại - dịch vụ vươn lên, đây là tiền đề để địa phương chuyển dịch cơ cấu kinh tế có tính chất thuần nông sang công nghiệp, tạo cơ sở cho tiến trình công nghiệp hóa phát triển.

Nhiệm kỳ qua, Hiệp Phước cũng được huyện đầu tư mạnh về hạ tầng, cơ sở vật chất. Trong đó, huyện đầu tư 500 triệu đồng từ ngân sách để xây dựng mới trụ sở Ủy ban nhân dân xã khang trang, tạo sự phấn khởi không chỉ cho đội ngũ cán bộ địa phương mà cho cả người dân trong xã khi đến liên hệ làm việc với chính

quyền địa phương. Bên cạnh đó, hệ thống giao thông, cầu cống cũng được đầu tư nâng cấp, mở rộng, gia cố. Hai tuyến đường quan trọng trên địa bàn là hương lộ 19 và đường 25B, trước đây hương lộ 19 chỉ là đường cấp phối trái sỏi, trải qua chiến tranh đường nhiều lần bị phá nên hư hỏng nghiêm trọng, còn đường 25B trước năm 1975 là đường do địch ủi để có phương tiện cho xe quân sự vận chuyển quân đội, vũ khí tiến vào khu vực Lòng Chảo nên chỉ là đường đất đỏ mưa bùn nắng bụi, nhất là vào mùa mưa thì sinh lầy nhoe nhoét. Huyện đã đầu tư ngân sách thảm nhựa nóng đường 25B, tạo điều kiện cho người và hàng hóa ở Hiệp Phước cũng như các khu công nghiệp trên địa bàn lưu thông thuận lợi; hương lộ 19 thì được bê tông hóa, đáp ứng nhu cầu của người dân. Chợ Hiệp Phước, Trạm y tế Hiệp Phước cũng được quy hoạch xây dựng mới.

Thời gian qua, Hiệp Phước đã được công nhận là xã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và tiếp tục thực hiện phổ cập cấp I. Mạng lưới y tế được huyện tăng cường, củng cố từ đội ngũ thầy thuốc (có biên chế bác sĩ và nhân viên y tế) đến đầu tư cơ sở vật chất (khởi công xây mới Trạm y tế xã vào năm 2003) và đầu tư trang thiết bị khám, chữa bệnh. Các chương trình y tế quốc gia, phòng chống sốt rét, lao, phòng dịch, chăm sóc sức khỏe trẻ em, chống suy dinh dưỡng... được thực hiện hiệu quả, bên cạnh đó các nhân viên y tế phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện công tác phòng bệnh gắn với vận động nhân dân tích cực tham gia bảo vệ môi trường, kế hoạch hóa gia đình, góp phần giảm tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên (đạt 1,4%).

Về công tác xây dựng Đảng, địa phương chú trọng đẩy mạnh trên cả ba mặt: tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống và tổ chức nâng cao năng lực lãnh đạo, tinh thần chiến đấu của cán bộ, đảng viên. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được thực hiện chặt chẽ, duy trì và giám sát hiệu quả góp phần ngăn chặn sự suy thoái tư tưởng, đạo đức, tệ tham nhũng, lãng phí và nâng cao nhận thức, phát huy vai trò gương mẫu của đảng viên. Nguồn cán bộ của xã được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng phù hợp để đáp ứng yêu cầu việc tinh gọn bộ máy, quy hoạch phát triển.

Về tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, ngành công an nắm chắc tình hình, tham mưu kịp thời trong xử lý, giải quyết kịp thời các vấn đề có thể tạo ra điểm nóng gây xáo trộn xã hội. An ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững dù có những tác động tiêu cực do khó khăn trong quản lý địa bàn giáp ranh với các khu vực lân cận. Với tinh thần chủ động phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn từ đầu, lực lượng công an đã bám sát tình hình cơ sở. Phong trào quần chúng nhân dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động rộng khắp địa bàn dân cư.

Các đại biểu tham dự Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước nhiệm kỳ 2000-2005 cũng nghiêm túc chỉ ra một số bất cập trong công tác lãnh đạo, điều hành trong thời gian qua như: chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - thương mại - dịch vụ theo định hướng của huyện còn chậm; sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, nhất là trong chăn nuôi, do giá cả bấp bênh, phụ thuộc nhiều vào thương lái mà chưa thấy được vai trò điều tiết của Nhà nước; địa

phương chưa có vai trò chủ động trong phát triển thương mại - dịch vụ, còn chạy theo sự phát triển tự phát của người dân; đời sống người dân được nâng lên, nhưng đồng thời lối sống chạy theo giá trị đồng tiền, tệ nạn xã hội cũng phát triển nhanh đã tác động và góp phần gây suy thoái đạo đức con người. Tất cả những hạn chế này là áp lực lớn cho công tác chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng ủy xã trong thời gian tới.

Đại hội nhất trí đề ra mục tiêu, phương hướng hoạt động trong nhiệm kỳ 2000-2005 như sau:

- Xác định trong năm năm sắp tới, nông nghiệp vẫn còn giữ vị trí hàng đầu trong phát triển kinh tế của địa phương. Do đó, cần tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, giữ vững nhịp độ tăng trưởng, tăng cao tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu nông nghiệp. Chú trọng xây dựng quan hệ sản xuất mới, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ, khuyến khích nông dân phát triển các hình thức hợp tác theo Luật Hợp tác xã. Phần đầu giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5% mỗi năm.

- Về trồng trọt: Tăng cường khai thác hết diện tích đất có khả năng sản xuất đưa vào canh tác với cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp theo định hướng. Đẩy mạnh thâm canh, đưa giống mới, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, đạt năng suất cao. Phần đầu đến năm 2005 đạt tổng diện tích gieo trồng 1.146 hecta, hệ số sử dụng đất đạt 2,2 lần. Tập trung thâm canh, phần đầu đạt diện tích đất lúa là 845 hecta/năm, năng suất bình quân 3,5 tấn/hecta; mì 30 hecta/

năm, năng suất 20 tấn/hecta; hoa màu các loại là 90 hecta, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cho dân cư và khu công nghiệp. Cải tạo vườn tạp thành vườn chuyên canh thêm 15 hecta.

- Về chăn nuôi: Phát triển mạnh chăn nuôi, phấn đấu đến năm 2005 tổng đàn gia súc, gia cầm đạt 30.000 con, trong đó: bò 600 con, trâu 150 con, heo 1.250 con, gà 20.000 con, vịt 8.000 con.

- Lâm nghiệp: Giữ vững diện tích rừng hiện có. Trồng mới hàng năm từ 5-7 hecta. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và quản lý chặt chẽ việc khai thác cây trồng.

- Về thương mại - dịch vụ: Quản lý chặt chẽ về mặt Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh trên địa bàn xã. Sắp xếp lại hoạt động của các chợ, giải tán chợ ấp Bốn, sắp xếp lại chợ ấp Ba (hoạt động cả sáng và chiều). Trình kế hoạch đề nghị huyện chấp thuận giải tỏa mặt bằng để tiến hành quy hoạch khu thương mại - dịch vụ đúng quy hoạch, sử dụng đất khu trung tâm ngã tư Hiệp Phước.

- Về xây dựng kết cấu hạ tầng: Xây dựng trụ sở làm việc cho ấp Năm. Liên hệ các ngành chức năng của huyện xin xây mới trường trung học cơ sở với sáu phòng học, xây mới tám phòng học cho hai trường tiểu học (ấp Bốn sáu phòng, ấp Năm hai phòng). Hoàn thành bốn tuyến đường giao thông nông thôn đã có dự án, tiếp tục khảo sát để lập dự án bốn tuyến đường mới. Mở rộng mạng lưới điện đã có để phục vụ cho 95% hộ dân trong xã.

- Về tài chính: Khai thác tốt các nguồn thu, thu đủ, thu kịp thời theo Luật Ngân sách hiện hành nhằm đảm bảo nhu cầu chi cho địa phương. Quản lý chặt chẽ việc thu nộp tài chính, chú trọng việc

thu các nguồn vận động đóng góp từ nhân dân. Đảm bảo thu thuế hằng năm đạt 100% chỉ tiêu được giao (các nguồn thu từ thuế: 510 triệu đồng/năm, thu ngân sách: 648,129 triệu đồng/năm). Thực hiện triệt để tiết kiệm chi, đảm bảo chi đúng chế độ quy định, đúng yêu cầu phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của địa phương. Kết hợp với cán bộ tín dụng của ngân hàng xét duyệt cho vay vốn kịp thời để người dân sản xuất, kinh doanh. Xây dựng các dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm.

- Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục đào tạo, phấn đấu hằng năm 100% học sinh 6 tuổi vào lớp Một, từ 95-100% học sinh tốt nghiệp Tiểu học vào lớp 6, từ 75-85% học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở vào lớp 10. Giảm tỷ lệ học sinh bỏ học xuống còn 0,2%. Phấn đấu hằng năm có 80% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp trường, 10-20% đạt giáo viên giỏi cấp huyện và tỉnh. Duy trì các lớp phổ cập và bổ túc văn hóa; giữ vững tiêu chuẩn phổ cập Tiểu học và Trung học cơ sở. Cùng cố tổ chức đảng trong các trường học, phấn đấu hằng năm có 1-2 giáo viên kết nạp Đảng.

- Đảm bảo đến năm 2005 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm dưới 1,4%. Xây dựng tốt các chương trình hành động vì trẻ em; hạ tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, giảm số trẻ em phạm pháp, số vụ xâm phạm quyền trẻ em. Tổ chức chăm sóc tốt trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

- Tập trung công tác phòng chống dịch bệnh và các chương trình quốc gia về phòng chống dịch bệnh, thực hiện nghiêm ngặt việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác quản lý và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở trạm y tế xã.

- Mở rộng các loại hình sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí lành mạnh phục vụ đời sống tinh thần của người dân, đồng thời tăng cường quản lý tốt các hoạt động văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao trên địa bàn. Không ngừng cải tiến hình thức, nội dung, chất lượng thông tin tuyên truyền của Đài truyền thanh xã. Xây dựng một tụ điểm văn hóa xã. Đẩy mạnh phong trào thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa. Phần đầu đến năm 2005 có 90-95% hộ gia đình đăng ký thực hiện gia đình văn hóa, 80-85% đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 4/5 ấp đạt ấp văn hóa.

- Tập trung giải quyết việc làm cho 1.500 lao động. Đẩy mạnh thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, không để còn hộ đói. Tiếp tục giảm hộ nghèo đến mức thấp nhất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, phong trào Đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc gia đình thương binh - liệt sĩ và trước năm 2005 giải quyết cơ bản chính sách tồn đọng sau chiến tranh. Đảm bảo thực hiện tốt công tác thương binh, liệt sĩ.

- Xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, gắn thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân. Thường xuyên củng cố xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, chấp hành nghiêm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng; chủ động, linh hoạt, kiên quyết ngăn chặn, xử lý mọi tình huống, sẵn sàng ứng phó với âm mưu diễn biến hòa bình, bạo

loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm, đấu tranh có hiệu quả với tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội trên các địa bàn trọng điểm. Phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tăng cường quản lý các hoạt động xã hội nhằm làm tốt công tác công tác an toàn giao thông, trật tự xã hội, đăng ký quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý giáo dục đối tượng và chống cháy nổ. Đảm bảo đạt 100% chỉ tiêu tuyến quân hằng năm.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách bộ máy chính quyền, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước cấp xã. Xây dựng đội ngũ cán bộ xã có trình độ chính trị, năng lực chuyên môn để nâng cao chất lượng của bộ máy chính quyền. Có kế hoạch đào tạo nguồn cán bộ. Thường xuyên tuyên truyền giáo dục, phổ biến sâu rộng pháp luật trong cán bộ, đảng viên. Tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền giám sát trong các hoạt động của Nhà nước. Tiếp tục đổi mới nội dung công tác vận động quần chúng, mở rộng dân chủ trên mọi lĩnh vực. Phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân vào tổ chức, vận động nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra.

- Xác định nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt. Đẩy mạnh thực hiện đạt hiệu quả cao các cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần II), tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức tư tưởng, ý chí hành động theo đúng cương lĩnh, điều lệ, nghị quyết Đảng và pháp luật Nhà

nước. Giáo dục nâng cao nhận thức trong Đảng và nhân dân về lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tăng cường giáo dục rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, đẩy mạnh công tác phê và tự phê trong Đảng, nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo và cải tiến lề lối làm việc của các cấp ủy Đảng, lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị đã đề ra trong 5 năm tới. Phấn đấu mỗi năm phát triển từ 5-10% số đảng viên mới so với tổng số đảng viên của Đảng bộ; tất cả các chi bộ đều phát triển đảng viên mới. Đảm bảo 100% các chi bộ, đảng viên được học tập, quán triệt nghị quyết đầy đủ (trừ đảng viên được miễn sinh hoạt theo quy định). Nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng và quản lý đảng viên.

Đại hội cũng đưa ra những giải pháp chủ yếu, cụ thể:

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch: Trên cơ sở quy hoạch tổng thể của huyện, xã, từng bước theo quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, vùng dân cư, vùng sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng: Hoàn chỉnh hệ thống kênh mương nội đồng, liên hệ Phòng Kinh tế huyện thực hiện dự án nạo vét kênh Bà Ký với chiều dài 4.500m. Trình huyện các đề án đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn, trong đó đẩy mạnh công tác xã hội hóa.

- Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất: Đồng thời với việc phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ

công nghiệp, cần quan tâm quản lý tốt môi trường, môi sinh. Quản lý tốt chính sách đất đai, đẩy mạnh tiến độ cấp phát giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiếp tục khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai, thực hiện chặt chẽ công tác quản lý đất đai, ưu tiên khuyến khích nhân dân vay vốn trung hạn và dài hạn để cải tạo vườn tạp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, điện nông thôn, cơ giới hóa nông nghiệp.

- Chú trọng phát triển kinh tế hợp tác với hình thức, quy mô thích hợp trên từng lĩnh vực theo Luật Hợp tác xã. Tăng cường thực hiện quản lý Nhà nước đối với các hộ sản xuất, doanh nghiệp.

- Phối hợp tốt ba môi trường: Nhà trường - gia đình - xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý trong nhà trường. Vận động thực hiện tốt Quỹ bảo trợ học đường để giúp học sinh nghèo hiếu học, giáo viên có hoàn cảnh khó khăn. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục trong và ngoài nhà trường để đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục.

- Tích cực cải tiến lề lối làm việc trong việc ra và thực hiện nghị quyết; trong thực hiện nghị quyết có sơ, tổng kết rút kinh nghiệm. Cấp ủy xây dựng quy chế và làm việc theo quy chế. Chỉ ra nghị quyết đối với những vấn đề thật cần thiết; nghị quyết ngắn gọn, rõ ràng, sát tình hình thực tế, có phân công cụ thể trong việc thực hiện. Tinh thần nghị quyết không trái với nghị quyết tổ chức đảng cấp trên. Tổ chức tổng kết việc thực hiện nghị quyết đã ban hành trước khi quyết định chủ trương trong nhiệm vụ mới.

Đại hội đã bầu ra mười đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ, gồm: Huỳnh Thanh Hồng¹ (Bí thư Đảng ủy), Võ Thành Tâm (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã)², Nguyễn Văn Chinh, Phan Văn Giới, Phạm Phước Tam, Võ Tài Hưng, Lê Văn Hưng, Trương Văn Hoàng, Đặng Thành Đước, Phan Văn Tôn. Đồng chí Lê Hiệp Đây nhận nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã.

II. PHÁT TRIỂN KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, NÂNG CAO MỌI MẶT ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

1. Giảm tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, tăng phát triển dịch vụ

Trong tháng 6.2005, Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước lần thứ II (nhiệm kỳ 2005-2010) diễn ra với sự tham dự của 94 đảng viên sinh hoạt ở 10 chi bộ trực thuộc.

Trong 5 năm qua, xã Hiệp Phước bước đầu có những thay đổi lớn về nhiều mặt. Cùng với sự hình thành của ba khu công nghiệp trên địa bàn, dân số của địa phương đã tăng mạnh. Nếu như năm 2000 toàn xã mới có 11.205 người, thì đến năm 2005 lên đến 18.682 người, tăng 66,8%. Việc dân số tăng quá nhanh trong thời gian ngắn kéo theo rất nhiều vấn đề về kinh tế, xã hội, an ninh trật tự mà địa phương phải đối mặt giải quyết.

1 Đến năm 2003, đồng chí Huỳnh Thanh Hồng nhận nhiệm vụ Phó Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy, đồng chí Lương Tấn Thanh, Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy, làm Bí thư Đảng ủy.

2 Năm 2003, đồng chí Nguyễn Văn Cường thay đồng chí Võ Thành Tâm làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Nhiệm kỳ qua, toàn Đảng bộ xã đã nỗ lực thực hiện theo phương hướng đề ra từ nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Nhơn Trạch nhiệm kỳ 2000-2005, đó là tiếp tục thực hiện chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo định hướng công nghiệp hóa, góp phần phát triển huyện Nhơn Trạch bước đầu cơ bản trở thành thành phố mới, là đô thị loại 2 vào năm 2010, có công nghiệp - dịch vụ và nông nghiệp phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; đồng thời, chuẩn bị các tiền đề vật chất để tạo điều kiện thuận lợi cho việc định hình, phát triển và hoàn thiện thành phố Nhơn Trạch nhằm phấn đấu trở thành đô thị loại 1 trong các năm tiếp theo. Tạo thêm nhiều việc làm có trình độ cao cho người lao động và thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Xây dựng hệ thống chính trị huyện thực sự trong sạch vững mạnh ngang tầm nhiệm vụ của thời kỳ mới; ngăn chặn có hiệu quả tệ tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong mọi lĩnh vực để tạo điều kiện cho đầu tư, phát triển. Tiếp tục phát huy quyền làm chủ của nhân dân và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ở lĩnh vực nông nghiệp, do phương hướng của xã là giảm dần tỷ trọng sản xuất nông nghiệp chuyển sang sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ, nên đến năm 2005 diện tích đất sản xuất nông nghiệp chỉ còn 307 hecta, giảm 53 hecta so với đầu nhiệm kỳ. Tuy nhiên, được Phòng Kinh tế huyện Nhơn Trạch giới thiệu gieo trồng giống lúa OM.9582 là giống lúa ngắn ngày (90 ngày), có khả năng kháng mặn tốt, năng suất cao nên nông dân vẫn thu hoạch tốt. Theo ước tính của nông dân Hiệp Phước, gieo sạ khoảng

100 kg lúa/hecta, sau 3 tháng chăm sóc với tỷ lệ hiệu quả từ 60-80% sẽ thu hoạch bình quân khoảng 4,7 tấn. Trừ hết các khoản chi phí như: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lúa giống, nhân công, nông dân thu lời trên 30 triệu đồng/hecta. Đây là khoản thu nhập tốt đối với người sản xuất nông nghiệp. Địa phương xây dựng, cải tạo nhiều tuyến kênh đê, đảm bảo được lưu lượng nước tưới tiêu cho các vụ sản xuất. Bên cạnh đó, địa phương cũng thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác cung ứng vật tư nông nghiệp. Giai đoạn này, xã Hiệp Phước giảm dần tỷ trọng nông nghiệp nên dùng không thực hiện mô hình vườn chuyên canh do không còn phù hợp.

Những dịch vụ phát triển mạnh mẽ nhất ở Hiệp Phước giai đoạn này là dịch vụ cho thuê phòng trọ, nhà nghỉ và kinh doanh giải trí. Từ khi hình thành các khu công nghiệp trên địa bàn, dân số của xã không ngừng tăng nhanh qua từng năm do số lao động từ khắp nơi đổ về làm việc trong các nhà máy, công ty cũng như lực lượng lao động tự do đến Hiệp Phước tìm cơ hội làm ăn, buôn bán. Sự gia tăng dân số quá nhanh, trong đó phần lớn là lao động nhập cư, đã tạo ra áp lực lớn cho địa phương về nhà ở, trường học, y tế, nhu cầu hưởng thụ văn hóa giải trí, an ninh trật tự... Trong đó, áp lực nhất là nhu cầu về chỗ ở. Trong lúc doanh nghiệp, địa phương chưa có sự đầu tư về chỗ ở, việc hình thành các cơ sở thuê trọ trong dân, dù tự phát nhưng đã góp phần quan trọng trong việc giải quyết chỗ ở cho lao động nhập cư. Chỉ tính đến cuối năm 2006, cả xã có 406 cơ sở cho thuê phòng trọ và nhà nghỉ với 3.850 phòng ở, đáp ứng nhu cầu cho 9.200 công nhân, người lao động ở nơi khác đến cư trú; và dự báo sẽ còn tăng nhanh trong những

năm tới do sự phát triển của các khu công nghiệp. Mặc dù đây là loại hình dịch vụ mới phát triển nhưng đã đem lại nguồn thu nhập ổn định, hiệu quả kinh tế cao cho người dân Hiệp Phước.

Cùng với sự tăng nhanh về dân số, địa phương còn phát triển nhiều ngành nghề dịch vụ khác: sửa chữa vật dụng gia đình, mua bán, sửa chữa điện - điện tử, phương tiện giao thông (xe ô-m, thuê ô tô), gia công vật dụng trang trí nội thất, may mặc, cắt uốn tóc, bách hóa tổng hợp, vật liệu xây dựng, thực phẩm tươi sống, cầm đồ, karaoke... Năm 2005, trên địa bàn xã có 685 cơ sở sản xuất, kinh doanh các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, đến năm 2010 toàn xã có 1.220 cơ sở sản xuất, kinh doanh các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, tăng 535 cơ sở, tỷ lệ tăng 78,1%. Các chợ trên địa bàn Hiệp Phước đều mở rộng buôn bán, sầm uất hơn, số lượng hàng hóa phong phú, đa dạng, cung cấp đầy đủ các mặt hàng thiết yếu, phục vụ tốt các nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng, sản xuất của người dân.

Đảng ủy cũng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã tổ chức rà soát, thống kê lại diện tích đất công. Công tác đầu tư phát triển mạng lưới điện nông thôn thực hiện đạt mục tiêu đề ra là hoàn thành 11 tuyến hạ thế với chiều dài 1.350m; thực hiện nổi tuyến, mở rộng lưới điện quốc gia ở 16 địa điểm với chiều dài 3.917m. Địa phương cũng phối hợp với các cơ quan chức năng của huyện thực hiện hoàn thành 6/7 công trình xây dựng cơ bản, đạt 87,5% chỉ tiêu kế hoạch; nâng cấp, sửa chữa 34 tuyến đường giao thông nông thôn với tổng kinh phí gần 2 tỷ đồng, trong đó

thực hiện bên tông hóa 6 tuyến đường với tổng chiều dài 1.600m, thảm nhựa 3 tuyến đường với chiều dài 1.200m.

Công tác giảm nghèo cũng được địa phương thực hiện tốt. Đầu năm 2005, toàn xã có 160 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,06%; đến cuối năm 2009, xã còn 106 hộ nghèo, chiếm 0,62% trên tổng số hộ trong địa bàn xã, gần đạt mục tiêu nghị quyết đề ra (không quá 0,5%). Bên cạnh đó, trong nhiệm kỳ qua địa phương đã hỗ trợ 300-500 lượt hộ vay vốn từ 1-1,5 tỷ đồng để sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao đời sống và giúp người dân làm giàu chính đáng, hợp pháp.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II nhiệm kỳ 2005-2010 gồm chín đồng chí: Phan Văn Tôn (Bí thư Đảng ủy, sau đó đồng chí Trần Văn Đạo, Huyện ủy viên, thay thế đồng chí Tôn giữ nhiệm vụ Bí thư; đến năm 2009 đồng chí Nguyễn Văn Lo thay thế đồng chí Đạo), Võ Tài Hưng (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã), Nguyễn Văn Chính, Phan Văn Giới, Hồ Thị Hiệp, Nguyễn Thành Phú, Lê Văn Hưng, Nguyễn Tấn Xuân, Đặng Thành Được (Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc), Đoàn Văn Trùng.

2. Nâng cao đời sống văn hóa nhân dân

Ngày 19.5.2010, tại hội trường Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Hiệp Phước lần thứ III (nhiệm kỳ 2010-2015) với 160 đại biểu chính thức tham dự.

Các đại biểu tham dự đại hội đã tập trung đánh giá kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2005-2010. Trong những năm qua, Hiệp Phước được đánh giá là xã có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội

nhanh. Trên địa bàn đã hình thành và phát triển nhiều khu công nghiệp tập trung, góp phần giải quyết việc làm cho hầu hết người lao động địa phương; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng do Đại hội Đảng bộ lần II (nhiệm kỳ 2005-2010) xác định (công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp). Kết cấu hạ tầng kinh tế ngày càng được quan tâm đầu tư. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng được chú trọng; bộ máy chính quyền ngày càng củng cố, kiện toàn theo hướng trẻ hóa, chuẩn hóa. Mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân ngày càng gắn bó hơn. Đây là những thuận lợi cơ bản giúp Đảng bộ lãnh đạo hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước lần thứ II (nhiệm kỳ 2005-2010) đề ra.

Trên lĩnh vực kinh tế, năm 2010 trên địa bàn xã có 1.220 cơ sở sản xuất, kinh doanh các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Các ngành nghề sản xuất, kinh doanh ngày càng đa dạng, phong phú, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu đời sống, sinh hoạt của nhân dân, nhất là người lao động có thu nhập thấp. Trong nhiệm kỳ đã thành lập được một hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường, đến nay hoạt động đã đi vào nề nếp, đạt hiệu quả, góp phần giải quyết cơ bản lượng rác thải sinh hoạt trong dân. Tuy nhiên, do diện tích đất sản xuất bị thu hẹp, nông dân sản xuất nông nghiệp chỉ mang tính tự phát nhỏ lẻ nên việc thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác cung ứng vật tư nông nghiệp theo nghị quyết Đại hội đề ra chưa triển khai thực hiện được.

Về trồng trọt, 5 năm qua diện tích đất sản xuất giảm 76 hecta so với đầu nhiệm kỳ, nhưng diện tích cây trồng hằng năm thực hiện đều đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch; năng suất lúa bình quân đạt 3,7 tấn/hecta. Nhằm nâng cao năng suất cây trồng, xã đã thực hiện xây dựng, cải tạo nhiều tuyến kênh đê, đảm bảo được lưu lượng nước tưới tiêu cho các vụ sản xuất. Do địa phương có sự chuyển dịch nhanh từ sản xuất sang các ngành dịch vụ nên diện tích cây trồng giảm, người dân chỉ canh tác trên diện tích nhỏ và duy trì các loại cây ăn trái phân tán nên việc cải tạo, thực hiện các mô hình vườn chuyên canh là không phù hợp với đặc điểm sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

Ngành chăn nuôi thời gian qua cũng phát triển đúng định hướng địa phương đề ra. Tuy diện tích chăn nuôi giảm, nhưng tổng đàn gia súc tăng 1.570 con so với đầu nhiệm kỳ. Công tác tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên được quan tâm nên đàn gia súc, gia cầm phát triển tốt, không xảy ra dịch bệnh.

Để hỗ trợ người dân sản xuất, kinh doanh, địa phương luôn tạo điều kiện thuận lợi trong việc vay vốn ngân hàng và các nguồn tín dụng khác, đảm bảo cho vay đúng đối tượng, mục đích. Mỗi năm, xã hỗ trợ lập hồ sơ vay vốn cho từ 300-500 lượt hộ với số tiền vay từ 1-1,5 tỷ đồng/hộ.

Đảng ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã tổ chức rà soát, thống kê lại diện tích đất công và đang có hướng tổ chức quy hoạch quản lý sử dụng đất công của xã theo đúng quy định. Công tác cấp mới, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

chỉ thực hiện được 77,9% chỉ tiêu nghị quyết đề ra. Cơ quan chức năng cũng lập biên bản, xử lý 306 trường hợp vi phạm về xây dựng. Công tác đầu tư phát triển mạng lưới điện nông thôn đạt mục tiêu đề ra là hoàn thành 11 tuyến hạ thế với chiều dài 1.350m; thực hiện nối tuyến, mở rộng lưới điện quốc gia ở 16 địa điểm với chiều dài 3.917m.

Địa phương cũng phối hợp với huyện thực hiện hoàn thành 6/7 công trình xây dựng cơ bản, đạt 87,5% chỉ tiêu kế hoạch; nâng cấp, sửa chữa 34 tuyến đường giao thông nông thôn với tổng kinh phí gần 2 tỷ đồng, trong đó thực hiện bê tông hóa 6 tuyến đường với tổng chiều dài 1.600m, thảm nhựa 3 tuyến đường với chiều dài 1.200m.

Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện theo hướng đô thị hóa, việc xử lý rác thải sinh hoạt được thực hiện, tuy nhiên trên địa bàn lại phát sinh vấn đề ô nhiễm nguồn nước ngầm do các nhà máy, công ty trong khu công nghiệp tập trung xả nước thải. Mặc dù chính quyền địa phương đã nhiều lần kiến nghị về vấn đề này, song tình trạng xả thải gây ô nhiễm môi trường từ các khu công nghiệp vẫn chưa được khắc phục, giải quyết rốt ráo, đã gây ảnh hưởng lớn đến đời sống sinh hoạt của người dân.

Những năm qua, các nguồn thu ngân sách Nhà nước thực hiện hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu được giao; công tác thu thuế các loại tăng 180% so với đầu nhiệm kỳ. Trong thực hiện chi ngân sách, Đảng ủy đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã thực hiện chủ trương tiết kiệm, hạn chế các khoản chi không cần thiết, đảm bảo

công tác điều hành thu chi ngân sách ở địa phương hằng năm đều có kết dư, trong thu chi đảm bảo đúng Luật Ngân sách.

Sự nghiệp giáo dục của địa phương cũng có những bước phát triển khá toàn diện. Hằng năm, tỷ lệ chiêu sinh vào lớp một và lớp sáu đều đạt kế hoạch được giao; tỷ lệ học sinh lên lớp ở các khối lớp đạt trung bình 98%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Tiểu học và Trung học cơ sở trung bình đạt 99%, tỷ lệ bỏ học, lưu ban giảm dưới 2%, tỷ lệ học sinh khá, giỏi năm sau cao hơn năm trước. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ giáo viên từng bước được nâng cao trình độ và chuẩn hóa. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân được quan tâm, từ đó các chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng, đặc biệt là chương trình tiêm chủng cho trẻ em và bà mẹ mang thai hằng năm đều đạt chỉ tiêu. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch, hố xí hợp vệ sinh đạt 95%. Nhân viên y tế cũng phối hợp với các cơ quan, ngành chức năng vận động người dân phòng chống dịch bệnh, giữ gìn vệ sinh môi trường khu dân cư; công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm được thực hiện tốt nên trên địa bàn không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào. Trạm y tế giữ vững các tiêu chí chuẩn quốc gia.

Hằng năm, xã đều xây dựng kế hoạch thực hiện cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, số hộ đăng ký gia đình văn hóa đạt 100%, trong đó 98,26% hộ được công nhận là gia đình văn hóa; 5/5 ấp được công nhận là ấp văn hóa; xã đang xây dựng đề án xã văn hóa và phấn đấu thực hiện các nội dung để đạt tiêu chí xã văn hóa. Địa phương cũng

vận động thành lập được một câu lạc bộ gia đình công nhân hạnh phúc và một nhóm phòng chống bạo lực gia đình, dù mô hình chưa được nhân rộng nhưng bước đầu đã có tác động tích cực đến nhận thức của người dân.

Xã quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ các hộ nghèo vay vốn từ nhiều nguồn để làm kinh tế hộ gia đình, với tổng vốn hỗ trợ vay ưu đãi là 2,47 tỷ đồng; hỗ trợ 270 sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn học tập với số tiền gần 2,2 tỷ đồng. Đầu nhiệm kỳ, xã có 160 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,05% trong tổng số hộ của xã, đến cuối nhiệm kỳ xã còn 106 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0.62%, gần đạt chỉ tiêu nghị quyết đề ra (dưới 0,5%).

Bằng nguồn vốn do cấp trên hỗ trợ và từ nguồn vận động, trong nhiệm kỳ qua, địa phương đã hoàn thành việc xây dựng nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách; xây dựng, bàn giao 12 căn nhà tình thương cho các hộ nghèo. Công tác nhân đạo từ thiện thường xuyên được chú trọng, quan tâm. Trong 5 năm qua, xã đã tổ chức vận động, quyên góp giúp đỡ cho các hộ khó khăn với số tiền là 1,15 tỷ đồng; đảm bảo việc cấp phát, trợ cấp cho các đối tượng chính sách kịp thời, đúng, đủ. Ngoài ra, vào các dịp lễ tết, xã cũng tổ chức họp mặt, thăm viếng nghĩa trang, thăm hỏi các gia đình liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định kể cả trong các ngày lễ, tết. Địa phương đã thực hiện tốt công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng, chủ động phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả hoạt động của các

loại tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn. Phong trào Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được củng cố, phát triển và đã góp phần hiệu quả trong công tác phòng ngừa và đấu tranh chống các loại tội phạm. Trong nhiệm kỳ qua, đã phát hiện và giải quyết làm rõ 295 vụ vi phạm, xử lý 318 đối tượng, trong đó chuyển huyện xử lý 99 đối tượng với 116 trường hợp; đồng thời, tiến hành kiểm tra hành chính 1.675 lượt ở các cơ sở, qua đó phát hiện 516 trường hợp vi phạm, xử phạt hành chính 187 trường hợp với số tiền hơn 62,4 triệu đồng. Ngoài ra, công an xã còn kiểm tra xử lý hành chính 801 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, nộp vào ngân sách nhà nước trên 100 triệu đồng, từ đó góp phần giảm số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng.

Công tác trực sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dân quân thường trực được duy trì. Nhiệm vụ tuyển quân hằng năm đều đạt chỉ tiêu. Địa phương đã tuyển chọn và gọi 84 thanh niên nhập ngũ, trong đó có 6 đảng viên, 78 đoàn viên. Công tác đăng ký thanh niên độ tuổi 17 được tổ chức thực hiện tốt hàng năm. Lực lượng dân quân thường xuyên được củng cố xây dựng mới, đủ theo chỉ tiêu huyện giao đạt 0,92% trên tổng dân số toàn xã, trong đó đảng viên chiếm 14 %, đoàn viên 60%. Lực lượng dự bị động viên được quản lý đúng theo quy định của pháp lệnh và chấp hành tốt lệnh gọi tập trung kiểm tra quân số sẵn sàng động viên, huấn luyện theo lệnh điều động của trên.

Việc tiếp dân được Đảng ủy địa phương quan tâm chú trọng hơn, qua đó dần đi vào nề nếp. Nhiệm kỳ qua xã đã tiếp 588 lượt

người, nhận 230 đơn khiếu nại, nội dung chủ yếu là tranh chấp đất đai, hôn nhân gia đình và các tranh chấp khác. Kết quả hòa giải thành 119 đơn, có 111 đơn chuyển cơ quan cấp trên giải quyết. Công tác thanh tra cũng được tổ chức thực hiện thường xuyên hàng năm, đã tổ chức được 5 cuộc thanh tra về tài chính, đất đai... Công tác tuyên truyền pháp luật được thực hiện thường xuyên. Đã thực hiện được 27 cuộc tuyên truyền cho cán bộ và nhân dân, qua đó đã phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân ở các lĩnh vực đất đai, hôn nhân gia đình, phòng chống tội phạm, luật an toàn giao thông, khiếu nại tố cáo, nghĩa vụ quân sự... Địa phương cũng thực hiện tốt việc tổ chức tập huấn các văn bản pháp luật mới cho cán bộ, trang bị đầy đủ tủ sách pháp luật xã; ổn định và củng cố 5/5 tổ hòa giải ấp và hội đồng hòa giải xã, hoạt động ngày càng hiệu quả cao.

Nhiệm kỳ 2004-2009, Hội đồng nhân dân xã có 29 đại biểu được cơ cấu tham gia ở các ban ngành, đoàn thể của xã và ấp. Thời gian qua, hoạt động của Hội đồng nhân dân xã từng bước được nâng cao chất lượng và đi vào chiều sâu; các đại biểu đã phát huy được vai trò đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân và là cơ quan quyền lực ở địa phương. Trong nhiệm kỳ qua, Hội đồng nhân dân xã đã tổ chức thành công 16 kỳ họp và ban hành 44 nghị quyết, tổ chức 38 cuộc khảo sát, giám sát trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn xã và đóng góp 86 ý kiến, kiến nghị giúp cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn.

Bộ máy Nhà nước của địa phương thường xuyên được củng cố, kiện toàn theo hướng tinh giảm; đội ngũ cán bộ, công chức được bố trí đúng chuyên môn. Trong nhiệm kỳ 2005-2010 đã đưa đi đào tạo 42 cán bộ, trong đó: đào tạo trình độ đại học 14 đồng chí, trung cấp 14 đồng chí, sơ cấp chính trị 14 đồng chí. Đảng bộ xã luôn quan tâm đến công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ trẻ. Thực hiện Quyết định 140-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thu hút cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng về công tác tại xã, phường, thị trấn, địa phương đã tiếp nhận 3 cán bộ về công tác tại xã. Về công tác cải cách hành chính, xã đã triển khai cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, bước đầu đạt được mục tiêu đề ra và có hiệu quả thiết thực.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã thường xuyên thay đổi nội dung, phương thức hoạt động, vận động nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, hưởng ứng thực hiện các cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và Ngày vì người nghèo. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc ngày càng thể hiện rõ hơn trong công tác hiệp thương, hòa giải và thực hiện công tác giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật và bảo vệ lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ xã (khóa II), xã phát triển thêm 2 ấp văn hóa, tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa tăng 13,26% so với đầu nhiệm kỳ; công tác vận động xây dựng nhà tình thương, quỹ học bổng

cho học sinh nghèo hằng năm đều đạt chỉ tiêu. Qua cuộc vận động Ngày vì người nghèo, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã vận động kinh phí thực hiện sửa chữa, nâng cấp 28 căn nhà tình thương trị giá 266,8 triệu đồng, hỗ trợ 189 suất học bổng cho học sinh nghèo trị giá 58,8 triệu đồng; tổ chức vận động tặng 2.141 phần quà cho các gia đình thuộc diện chính sách và hộ nghèo với tổng giá trị trên 282 triệu đồng; vận động nhân dân đóng góp kinh phí sửa chữa các tuyến đường giao thông nông thôn trong xã, tạo được diện mạo địa phương với đường làng ngõ xóm khang trang sạch đẹp, góp phần xây dựng xã văn hóa sau này.

Trong nhiệm kỳ II, Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ xã tuy có sự thay đổi về nhân sự, chức danh Chủ tịch Hội thay đổi ba lần nhưng hoạt động Hội vẫn được duy trì thường xuyên, từng bước đi vào nề nếp và ngày càng nâng cao chất lượng hoạt động. Tính đến nay, tỷ lệ tập hợp hội viên đạt 71,5% (3.415/4.775 người), so với năm 2005 tăng 1.924 hội viên, gần đạt mục tiêu nghị quyết II đề ra. Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, Hội thường xuyên tổ chức tuyên truyền cho hội viên và quần chúng sáu chương trình trọng tâm của Hội; tổ chức cho chị em học tập và tìm hiểu về pháp luật, biết ứng dụng khoa học kỹ thuật và sản xuất, chăn nuôi; thông qua nguồn vốn của Quỹ quốc gia hỗ trợ tự tạo việc làm (CEP), Hội đã giúp chị em hội viên vay vốn để phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra, các hội viên còn được tham gia các chương trình dân số, trẻ em, kế hoạch hóa gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc...

Với phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, Ban Chấp hành Hội Nông dân xã đã tổ chức vận động hội viên phát triển kinh tế, xóa nghèo làm giàu chính đáng, góp phần xây dựng nếp sống mới ở nông thôn. Hằng năm, Hội phối hợp với các ngành chuyên môn tổ chức các lớp học hướng dẫn việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong trồng trọt và chăn nuôi; tổ chức các hoạt động vận động hội viên khá giúp cho hội viên khó khăn, phối hợp với ngân hàng nông nghiệp giúp vốn cho nông dân sản xuất ổn định cuộc sống. Do trên địa bàn có nhiều dự án được triển khai nên diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, từ đó một bộ phận nông dân đã chuyển đổi nghề nghiệp từ sản xuất nông nghiệp sang các ngành nghề khác dẫn đến việc tập hợp, phát triển hội viên có nhiều khó khăn. Trên địa bàn xã hiện nay chỉ còn 318 hộ sản xuất nông nghiệp; so với đầu nhiệm kỳ số hội viên giảm là 279 hội viên.

Thực hiện các mục tiêu về công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống cho đoàn viên thanh niên, Ban Chấp hành Đoàn cơ sở đã tổ chức các đợt học tập để nâng cao hiểu biết về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh cho đoàn viên và thanh thiếu niên, thông qua hình thức tổ chức lồng ghép với các phong trào thanh thiếu niên. Nhằm xây dựng các phong trào hoạt động thiết thực, ngoài việc thường xuyên thực hiện củng cố, kiện toàn và phát triển lực lượng, Đoàn Thanh niên còn tổ chức nhiều phong trào hành động cách mạng đạt được kết quả thiết thực như: phân công đoàn viên tham gia điều tiết giao thông; khuyến khích cán bộ, đoàn viên tự giác học tập để nâng cao trình

độ; tham gia giáo dục, cảm hóa thanh niên lầm lỗi, chậm tiến... Trong nhiệm kỳ 2005-2010, địa phương phát triển được 570 đoàn viên, 573 hội viên thanh niên; tỷ lệ tập hợp thanh niên vào Đoàn đạt 32,6%, chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Hiện nay, do đa số thanh niên đều làm việc trong các công ty, xí nghiệp nên việc tổ chức sinh hoạt Đoàn còn gặp nhiều khó khăn. Công tác giới thiệu phát triển Đảng cho thanh niên dù được Đảng ủy quan tâm, song kết quả đạt được thể hiện rõ công tác bồi dưỡng, giáo dục của tổ chức Đoàn đối với thanh niên chưa được tổ chức chặt chẽ và có kết quả nên công tác giới thiệu phát triển Đảng của tổ chức Đoàn Thanh niên chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

Trong nhiệm kỳ, Hội Cựu chiến binh xã phát triển được 17 hội viên, nâng tổng số hội viên lên 55 người, đạt 98% so với số quân nhân xuất ngũ trên địa bàn. Hội đã vận động hội viên đóng góp xây dựng Quỹ đồng đội với 100% hội viên tham gia, được 34 triệu đồng. Thông qua nguồn quỹ này, Hội đã giúp cho 10 hội viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn để buôn bán nhỏ, chăn nuôi nhằm tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống gia đình.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên được Đảng ủy xác định là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, có tính quyết định đến công tác xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh nói chung, công tác xây dựng Đảng nói riêng. Vì vậy, Đảng ủy luôn quan tâm, chỉ đạo thực hiện kịp thời việc triển khai, quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng các cấp, tăng cường giáo dục cho đảng viên, cán bộ, nhân dân nâng cao nhận thức, củng cố

niềm tin vào đường lối, chủ trương đổi mới của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tỷ lệ đảng viên tham gia học tập Nghị quyết của Đảng đạt từ 96-98%. Trong nhiệm kỳ 2005-2010, nhìn chung tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân cơ bản ổn định. Nhằm thực hiện có hiệu quả cao về công tác tư tưởng, Đảng ủy đã chú trọng kiện toàn bộ máy làm công tác tuyên truyền và tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, định hướng nội dung sinh hoạt đảng cho các chi bộ trực thuộc; qua đó có biện pháp chấn chỉnh kịp thời những sai phạm, vi phạm điều lệ Đảng trong cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục thực hiện mô hình “Đảng bộ xã lãnh đạo công tác khoa giáo ở cơ sở”, Đảng ủy đã củng cố, kiện toàn Ban Tuyên giáo xã và xây dựng được tờ tin của Đảng ủy hàng quý để đẩy mạnh công tác tuyên truyền của Đảng tại các buổi sinh hoạt của tổ nhân dân và hệ thống chính trị của các ấp.

Thực hiện Chỉ thị 06-CT/TW ngày 7.11.2006 của Bộ Chính trị (khóa X) về việc tổ chức thực hiện Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, sau hơn 3 năm triển khai thực hiện, Cuộc vận động đã có tác động khá toàn diện đối với đời sống, sinh hoạt của các tầng lớp xã hội trên địa bàn. Ngay từ những ngày đầu triển khai thực hiện Cuộc vận động, Đảng ủy đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban Chỉ đạo và triển khai kịp thời kế hoạch thực hiện Cuộc vận động cho toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên các đoàn thể trên địa bàn. Với những nhiệm vụ cụ thể và những việc làm thiết thực,

các chi bộ trực thuộc, các tổ chức chính trị đều có kế hoạch thực hiện phù hợp với đặc thù của từng cơ quan trong từng thời điểm. Mặc dù địa phương chưa xây dựng được mô hình riêng, song việc triển khai thực hiện kế hoạch của cấp trên luôn được Đảng ủy và toàn hệ thống chính trị từ xã đến ấp thực hiện kịp thời và đạt được kết quả tích cực. Cuộc vận động đã tác động tích cực đến tư tưởng, nhận thức của mọi cán bộ, đảng viên; mang lại hiệu quả thiết thực cho công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên của Đảng bộ. Cuộc vận động đã tác động và có ảnh hưởng lớn đến các tổ chức, cá nhân đang sinh sống, sinh hoạt trên địa bàn xã; là yếu tố quan trọng, góp phần giúp Đảng bộ hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của địa phương trong những năm qua.

Trong nhiệm kỳ II, Đảng bộ đã thành lập mới 1 chi bộ và kết nạp 58 đảng viên mới, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Thời điểm này, Đảng bộ có 10 chi bộ trực thuộc với 143 đảng viên. Trong hoạt động, Đảng ủy xây dựng cơ chế làm việc và đảm bảo nội dung trong sinh hoạt đảng, nhất là việc tuân thủ nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng; thực hiện thường xuyên công tác tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng; tỷ lệ đảng viên sinh hoạt định kỳ đạt từ 98% trở lên.

Đảng ủy xác định kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ hết sức quan trọng, vì vậy đã phân công các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành thực hiện nhiệm vụ giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được cấp ủy phân công. Song song đó, Đảng ủy cũng đã chỉ đạo Ủy ban

Kiểm tra Đảng ủy, cấp ủy các chi bộ trực thuộc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với từng đảng viên theo qui định để kịp thời uốn nắn những hạn chế, thiếu sót nhằm hạn chế những vi phạm trong cán bộ, đảng viên. Hàng năm, Đảng ủy đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát đối với các chi bộ trực thuộc và một số đồng chí cấp ủy viên. Trong nhiệm kỳ 2005-2010, Đảng bộ có 7 đảng viên bị xử lý kỷ luật với các hình thức: cảnh cáo 3 đồng chí, khiển trách 4 đồng chí.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Đảng ủy đã xây dựng được quy chế làm việc của Ban Chấp hành. Mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ xã luôn tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ; những vấn đề quan trọng có liên quan đến địa phương đều được Đảng ủy tổ chức lấy ý kiến, bàn bạc, thảo luận kỹ trước khi quyết định. Nhằm tạo sự thống nhất cao và tập trung lãnh đạo, Đảng ủy luôn đảm bảo thực hiện kịp thời việc xây dựng Chương trình công tác hàng quý, hàng tháng để triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ. Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã luôn giữ mối quan hệ chặt chẽ trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hằng tuần thông qua thực hiện đều đặn chế độ hội ý Thường trực bốn bên vào sáng thứ hai hàng tuần.

Đại biểu tham dự đại hội nhất trí đánh giá, đạt được những kết quả trên là do tập thể Ban Chấp hành có sự đoàn kết, nhất trí cao; phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của Đảng ủy luôn đảm bảo tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện đúng quy chế

đề ra; chương trình công tác hàng tháng, hàng quý, hàng năm do Đảng ủy đề ra luôn gắn liền với những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phù hợp với đặc thù của địa phương. Mặt khác, việc phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị từ xã đến ấp và sự hưởng ứng, đồng tình của nhân dân đối với các chủ trương của địa phương có thể xem là những nguyên nhân cơ bản giúp Đảng bộ hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ qua.

Đại hội cũng thẳng thắn chỉ ra những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong nhiệm kỳ qua, như:

- Công tác lãnh đạo đầu tư phát triển kinh tế còn có mặt hạn chế, lúng túng chưa tạo được bước đột phá về chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chưa xây dựng được các mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp, có hiệu quả kinh tế cao; chưa khai thác được thế mạnh của một địa phương đang phát triển, chưa có định hướng rõ nét trong các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, tính tự phát còn phổ biến, chưa phát triển được nhiều loại hình dịch vụ với quy mô lớn để phục vụ đời sống nhân dân.

- Tiến độ triển khai của nhiều dự án trên địa bàn còn chậm, đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống, sinh hoạt của người dân. Việc đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn tuy thực hiện đạt về số lượng, song chất lượng các công trình được thi công còn nhiều hạn chế, chưa đảm bảo về thiết kế kỹ thuật nên thường hư hỏng sau thời gian sử dụng, vì vậy còn để lãng phí về tiền của do nhân dân đóng góp.

- Công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng, quản lý đất công còn nhiều hạn chế, chưa thực hiện tốt việc quản lý xây dựng theo quy hoạch chung nên các chương trình phát triển kinh tế - xã hội chưa làm thay đổi được bộ mặt của xã.

- Cuộc vận động xây dựng đời sống văn hoá, gia đình văn hóa, ấp văn hóa tuy thực hiện đạt về số lượng nhưng chất lượng chưa cao; tệ nạn xã hội còn tiềm ẩn chưa được giải quyết, xử lý triệt để.

- Mạng lưới trường lớp, cơ sở luyện tập thể dục thể thao trên địa bàn chưa phát triển tương xứng với nhu cầu phát triển của một xã đang phát triển. Trung tâm học tập cộng đồng, Hội khuyến học hoạt động chưa hiệu quả; chưa mở được các lớp bồi túc văn hóa theo mục tiêu Nghị quyết đề ra.

- Các điều kiện thiết yếu, cơ bản của các cơ sở kinh doanh trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, ăn uống... chưa đảm bảo thực hiện đúng theo quy định; việc quản lý các cơ sở này còn lỏng lẻo, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

- Chưa xây dựng được các mô hình sinh hoạt, vui chơi, giải trí phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của nhân dân địa phương; các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ còn nghèo nàn, chưa thu hút đông đảo người dân tham gia.

- Công tác nắm tình hình, điều tra cơ bản của lực lượng công an còn những mặt hạn chế nên công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng chưa được chặt chẽ. Việc phối kết hợp giữa các lực lượng chưa chặt chẽ. Điều kiện đảm bảo vật chất, tinh thần cho

cán bộ công an, lực lượng dân quân còn thấp so với yêu cầu thực tế, đời sống của cán bộ còn nhiều khó khăn nên ý thức trách nhiệm chưa cao, hiệu quả hoạt động còn thấp.

- Một số Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và các quy định của Nhà nước chưa được phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tuy được triển khai thực hiện kịp thời, đảm bảo kế hoạch đề ra, song việc kiểm tra, theo dõi kết quả thực hiện ở từng tổ chức, đoàn thể chưa được Đảng ủy quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Do vậy, việc phát hiện, tôn vinh và nhân rộng những nhân tố tích cực, những mô hình tiêu biểu còn hạn chế nên cuộc vận động chưa có sức lan tỏa rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

- Chất lượng quản lý, điều hành bộ máy Nhà nước chưa ngang tầm với nhiệm vụ; hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đôi khi chưa đảm bảo thực hiện đúng quy chế đề ra; việc đề ra các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội để chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân còn nhiều hạn chế.

- Công tác tuyên truyền, vận động và nắm bắt tư tưởng cán bộ, đảng viên, dư luận xã hội chưa sâu sát và kịp thời nên hiệu quả thực hiện các chủ trương của Đảng tại địa phương chưa đạt kết quả cao.

- Công tác quản lý, điều hành của Nhà nước chưa thể hiện tính chủ động, đôi lúc thiếu kiên quyết nên chậm khắc phục những tồn tại, yếu kém; chưa xây dựng được các mô hình cụ thể để đầu tư

phát triển kinh tế - xã hội nên quá trình phát triển của địa phương còn mang tính tự phát. Công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng còn yếu kém, xử lý vi phạm thiếu kiên quyết nên để lại những hậu quả khó khắc phục, gây cản trở cho việc thực hiện các chương trình đầu tư phát triển tại địa phương trong thời gian tới.

- Hoạt động của khối vận, Mặt trận và các đoàn thể còn nhiều lúng túng, nhất là trong công tác phối kết hợp; đôi khi chưa tạo sự đồng bộ trong công tác tuyên truyền, vận động nên kết quả đạt được không cao. Một số đoàn thể chưa xây dựng được mô hình hoạt động thiết thực để thu hút quần chúng tham gia, chưa quan tâm xây dựng các điển hình tiên tiến để nhân rộng; từ đó chưa cổ vũ mạnh mẽ phong trào quần chúng ở địa phương.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tuy được giữ vững, ổn định nhưng tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp.

Những tồn tại, hạn chế trên được đại hội phân tích chủ yếu là do các nguyên nhân như:

- Trình độ, năng lực của cán bộ, đảng viên nhìn chung còn nhiều hạn chế; một số ít cán bộ ý thức phục vụ chưa cao. Đội ngũ cán bộ vẫn còn tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu”, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế, chưa thật sự yên tâm với nhiệm vụ được phân công, vì vậy ít quan tâm đầu tư nâng cao trình độ, còn ỷ lại, đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau, làm việc thiếu kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện nên hiệu quả chưa cao.

- Một số cán bộ, đảng viên chưa thực sự chủ động trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chưa có sự nghiên cứu sâu về Luật và

các văn bản dưới Luật cũng như chỉ đạo của cấp trên trong thực hiện nhiệm vụ nên còn dễ xảy ra sai phạm.

- Một số cán bộ, đảng viên thiếu tinh thần đấu tranh xây dựng, vẫn còn biểu hiện “bằng mặt không bằng lòng”, còn sợ bị cô lập, ngại đụng chạm nên hiệu quả giải quyết công việc không cao.

- Một số chế độ, chính sách của Nhà nước đối với cán bộ cấp cơ sở chưa thật phù hợp nên chưa có tác dụng kích thích, động viên cán bộ cơ sở phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Qua quá trình lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần II, nhiệm kỳ 2005-2010, Đảng bộ rút ra các bài học kinh nghiệm như sau:

- Cán bộ, đảng viên (nhất là cán bộ chủ chốt) phải nắm chắc, hiểu đúng các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng; phải gương mẫu, nói và làm theo Nghị quyết; đồng thời, từng cán bộ, đảng viên phải không ngừng tự học, tự rèn, nâng cao trình độ, giữ vững phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên để làm nòng cốt cho các phong trào hành động cách mạng; từ đó, tạo niềm tin cho quần chúng nhân dân, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ.

- Công tác lãnh đạo của Đảng, sự điều hành, quản lý của Nhà nước phải cương quyết; phải biết vận dụng đúng đắn, sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng vào tình hình thực tế của địa phương để xây dựng các chương trình hành động có tính trọng tâm, trọng điểm nhằm tạo sự đột phá, phát triển bền vững. Trong lãnh đạo, điều hành phải đảm bảo thực hiện đúng quy chế đề ra;

phải xây dựng kế hoạch thực hiện với những giải pháp cụ thể, có phân công và kiểm điểm kịp thời.

- Nội dung hoạt động của Khối vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phải thiết thực, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo chất lượng, đi vào chiều sâu; đặc biệt, phải phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của địa phương và lợi ích của người lao động.

- Công tác tổ chức - cán bộ, kiểm tra, giám sát phải được chú trọng thực hiện thường xuyên; phải thực hiện tốt quy chế dân chủ và xây dựng được khối đoàn kết, thống nhất trong cơ quan, đơn vị, cấp ủy Đảng và thực hiện tốt công tác tự phê bình và phê bình trong từng cơ quan, đơn vị và các tổ chức đảng.

- Phải giữ vững và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, chính quyền với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cùng nhân dân để tạo sức mạnh tổng hợp trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Các đại biểu nhận định, thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương trong giai đoạn 2010-2015, Đảng bộ xã Hiệp Phước có những thuận lợi và khó khăn cơ bản sau:

- Cơ cấu kinh tế đã chuyển đổi theo đúng định hướng đề ra: Công nghiệp phát triển mạnh nên đã góp phần thúc đẩy cơ cấu kinh tế địa phương có sự chuyển dịch nhanh theo hướng phát triển nhanh các ngành thuộc lĩnh vực thương mại - dịch vụ; đất nông nghiệp ngày càng giảm dần, vì vậy cơ cấu lao động đã có sự chuyển dịch nhanh từ lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp. Từ đó, việc giải quyết việc làm, chăm lo đời sống

vật chất, tinh thần cho người dân địa phương có nhiều thuận lợi.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định.

- Bộ máy chính quyền từng bước được củng cố, kiện toàn theo hướng trẻ hóa, chuẩn hóa về trình độ sẽ là một trong những yếu tố cơ bản để Đảng bộ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương trong thời gian tới.

- Nhiều khu công nghiệp được hình thành và đi vào hoạt động sẽ tạo điều kiện để kinh tế địa phương phát triển, song cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề đáng quan tâm, đó là: trên địa bàn đã phát sinh, phát triển nhiều loại tệ nạn xã hội và tội phạm; tình hình ô nhiễm môi sinh, môi trường ngày càng tăng và khó khắc phục.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn chưa được triển khai đồng bộ.

- Trình độ và năng lực cán bộ vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Do quá trình thực hiện đô thị hóa và triển khai các dự án nên sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp, nhiều hộ gia đình bị thu hồi đất, chuyển vào sinh sống ở các khu tái định cư, từ đó đời sống một bộ phận nhân dân vẫn còn khó khăn và khoảng cách giàu nghèo ngày càng tăng. Trình độ văn hoá, tay nghề của đại bộ phận công nhân, lao động vẫn còn thấp, trong khi đó lại chưa có cơ sở đào tạo.

Đại hội đã đề ra phương hướng chung trong nhiệm kỳ 2010-2015 như sau: “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; tăng cường đoàn kết, tiếp tục củng cố,

giữ vững kỷ cương, cải tiến và đổi mới phương thức làm việc của cả hệ thống chính trị theo hướng hiệu quả, thiết thực. Tiếp tục phát huy, khai thác các tiềm năng kinh tế của địa phương và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa - xã hội. Tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc của xã hội như: xóa đói giảm nghèo, tệ nạn xã hội, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa thông tin, thể dục thể thao theo hướng phát triển bền vững. Tăng cường quốc phòng - an ninh để giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phát huy dân chủ, trí tuệ và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ xã đến ấp để tạo sức mạnh tổng hợp nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn 2010-2015. Quyết tâm xây dựng xã thành đơn vị vững mạnh toàn diện”.

Đến năm 2015, Đảng bộ xã phấn đấu thực hiện đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

Về cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - thương mại, dịch vụ - nông nghiệp. Trong đó công nghiệp chiếm tỷ trọng 57%; thương mại, dịch vụ: 33%; nông nghiệp: 10%.

- Phấn đấu đến năm 2015 thu nhập bình quân đầu người đạt 30 triệu đồng/người/năm.

- Phấn đấu thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu được giao hàng năm.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC (1930 - 2020)

- Hoàn thành công tác cấp mới, cấp đổi 100% thửa đất trên toàn địa bàn xã. Phần đầu đến năm 2015 có 70-80% tuyến đường giao thông nông thôn trên tổng số các con đường hiện có trên địa bàn được nhựa hóa, bê tông hóa và các tuyến đường này đều có đèn chiếu sáng.

- Hằng năm, 100% số hộ đều đăng ký xây dựng gia đình văn hóa và 98% số hộ trở lên đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; cả 5/5 ấp đều giữ vững danh hiệu ấp văn hóa; xã đạt tiêu chuẩn xã văn hóa.

- Giải quyết việc làm cho trên 300 lao động mỗi năm.

- Phần đầu đến năm 2015, xã không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo mới hiện nay).

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống mức dưới 1,1%; tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới 13%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%.

- Xây dựng được 1 trường học đạt chuẩn quốc gia; giữ vững xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Hoàn thành chỉ tiêu giao quân và công tác huấn luyện lực lượng dân quân, dự bị động viên hàng năm.

- Tập hợp quần chúng trong độ tuổi vào các tổ chức đoàn thể đạt tỷ lệ 80% trở lên, riêng Đoàn Thanh niên đạt từ 45% trở lên; tỷ lệ đoàn viên, hội viên nòng cốt đạt 35%. Đảm bảo tỷ lệ đoàn viên, hội viên tham gia công tác, sinh hoạt thường xuyên đạt 75% trở lên.

- Tỷ lệ đảng viên tham gia học tập nghị quyết, chỉ thị của Đảng đạt 100%.

- Phần đầu tỷ lệ phát triển đảng viên mới hằng năm từ 8-10%/năm so với tổng số đảng viên hiện có của đầu năm (trong đó phát triển đảng viên trong độ tuổi thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự từ 1-2 đảng viên/năm).

- 100% chi bộ trực thuộc được kiểm tra hàng năm; 80% chi bộ trực thuộc trở lên đạt trong sạch vững mạnh, không có tổ chức cơ sở đảng đánh giá ở mức trung bình và yếu kém.

- 80% số đảng viên trở lên được đánh giá là đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảng viên xuất sắc chiếm 15% trở lên.

Những giải pháp chủ yếu được đại biểu nhất trí tại Đại hội gồm:

- Tạo điều kiện và khuyến khích cho mọi hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển; chú trọng các ngành kinh doanh phục vụ đời sống, sinh hoạt của người lao động có thu nhập thấp. Mở rộng các dịch vụ vận tải, sửa chữa, thông tin liên lạc, tín dụng, vui chơi giải trí... Phối hợp các ngành chức năng của huyện đơn đốc chủ đầu tư triển khai nhanh Khu trung tâm thương mại; hoàn thành việc xây dựng và đưa vào hoạt động chợ tạm ấp Ba.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đăng ký kinh doanh, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép, kinh doanh hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng.

- Vận động các doanh nghiệp nhỏ thành lập hợp tác xã thương mại dịch vụ.

- Khuyến khích mở rộng các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; đồng thời phải đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Hình thành các tổ hợp tác trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm; chú trọng chất lượng, giá thành sản phẩm.

- Giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế: chuyển 20% diện tích đất nông nghiệp hiện có sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao (khoảng 67 hecta); chú trọng thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp đô thị, có hiệu quả kinh tế cao như: trồng cây cảnh, rau sạch, chọn giống mới để cải tạo vườn tạp...

- Sử dụng hiệu quả diện tích đất nông nghiệp còn lại để trồng lúa, trong đó chú trọng sử dụng giống mới có năng suất cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật để phấn đấu đạt năng suất bình quân 7 tấn/hecta/năm (bình quân trong 2 vụ).

- Thực hiện tốt các điều kiện phục vụ sản xuất nông nghiệp (thủy lợi, cây, con giống, vốn đầu tư...); hình thành và phát huy hiệu quả các loại hình kinh tế hợp tác trong sản xuất nông nghiệp với các hình thức đa dạng, phong phú.

- Quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng theo hướng hiện đại đi đôi với nâng cao năng lực quản lý đô thị.

- Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn của các ấp; cải tạo, nâng cấp hệ thống cống thoát nước dọc hương lộ 19, khu vực ngã tư Hiệp Phước và đường thoát nước từ Khu công nghiệp Nhơn Trạch I đến kênh tiêu

Hiệp Phước; nâng cấp, bảo quản tốt hệ thống thủy lợi trên địa bàn để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện xã hội hóa để trang bị hệ thống đèn chiếu sáng các đường giao thông nông thôn.

- Hoàn thành việc thi công xây dựng và đưa vào sử dụng trụ sở Văn phòng ấp Một, Hai; cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân xã.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học để phấn đấu xây dựng 1 trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, sử dụng có hiệu quả diện tích đất công.

- Chú trọng công tác bảo vệ môi trường; thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Hình thành và phát huy hiệu quả Tổ quản lý trật tự vệ sinh đô thị nhằm tăng cường công tác quản lý xây dựng, quản lý môi trường.

- Tiếp tục duy trì, vận động nhân dân tự nguyện đăng ký đồ rác, tham gia bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan ở từng khu dân cư.

- Phấn đấu thu đạt và vượt chỉ tiêu huyện giao hàng năm.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và công khai các bộ thuế; khai thác tốt các nguồn thu, tăng cường các biện pháp chống thất thu thuế, thu hồi nợ quá hạn.

- Tập trung điều hành tốt hoạt động thu, chi ngân sách, đảm bảo nhu cầu chi cho đầu tư phát triển, cho hoạt động của hệ thống

chính trị; thực hành tiết kiệm, chi đúng chế độ tài chính hiện hành; chú trọng công tác kiểm tra tài chính ở đơn vị để chống tham nhũng.

- Phối hợp với ngân hàng nông nghiệp, ngân hàng Chính sách xã hội và các đơn vị tín dụng cho vay phục vụ sản xuất và đời sống cho cán bộ và nhân dân, chú trọng cho vay trung và dài hạn đối với các hộ đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh và các dịch vụ khác.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường đối với các bậc học; huy động học sinh ra lớp đảm bảo chỉ tiêu hàng năm, phấn đấu 100% trẻ em trong độ tuổi vào lớp 1 và lớp 6; ngày càng nâng cao tỷ lệ giáo viên giỏi, học sinh giỏi và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp ở các bậc học.

- Thực hiện tốt hơn nữa công tác giáo dục truyền thống, giáo dục đạo đức cho giáo viên và học sinh; tăng cường các biện pháp ngăn chặn tệ nạn xã hội xâm nhập vào trường học.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên, tạo điều kiện phát triển mạnh trường lớp cho ngành học mầm non; quản lý tốt các hoạt động nuôi dạy trẻ ngoài công lập.

- Tiếp tục huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho các trường học nhằm thực hiện tốt việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, các lớp 2 buổi. Triển khai tốt cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”,

“Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”; nắm chắc số lượng học sinh theo học các trường, động viên các gia đình có con em không có điều kiện học phổ thông theo học các lớp phổ cập, bổ túc văn hóa...

- Phát huy hiệu quả hoạt động của Hội Khuyến học, Trung tâm học tập cộng đồng.

- Tiếp tục duy trì kết quả phổ cập bậc trung học nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

- Lãnh đạo thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng; làm tốt công tác y tế dự phòng để chủ động phòng chống dịch bệnh; đẩy mạnh thực hiện chương trình suy dinh dưỡng đối với trẻ em, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trên địa bàn xuống dưới 13%.

- Tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và các hoạt động y tế cộng đồng khác.

- Đảm bảo công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân, nhất là gia đình chính sách, hộ nghèo; giữ vững xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Đẩy mạnh chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình; thực hiện tốt chiến dịch truyền thông lồng ghép với kế hoạch hóa gia đình.

- Thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ vui

chơi, giải trí lành mạnh, kiên quyết bài trừ văn hóa độc hại và các loại tệ nạn xã hội khác.

- Tập trung thực hiện có trọng tâm, trọng điểm việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh nhất là trong việc cưới, việc tang; tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở khu dân cư gắn với thực hiện chương trình “Bốn giảm”.

- Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao kỷ niệm các ngày lễ lớn nhằm nâng cao đời sống tinh thần, xây dựng phong trào thi đua trên từng địa bàn dân cư.

- Tăng cường quản lý Nhà nước đối với các hoạt động văn hóa; phối hợp cơ quan chuyên môn tổ chức quy hoạch, sắp xếp và tăng cường kiểm tra hoạt động của các dịch vụ văn hóa như: internet, karaoke, kinh doanh băng đĩa và các dịch vụ văn hóa khác...

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chú trọng tuyên truyền về những nhiệm vụ chính trị của địa phương trong từng thời điểm. Lãnh đạo tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền về các ngày lễ lớn, về Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

- Nâng cao chất lượng và mở rộng quy mô hoạt động của mô hình thông tin lưu động.

- Tăng cường các biện pháp bảo vệ an ninh gắn với bảo vệ trật tự an toàn xã hội; đấu tranh có hiệu quả, ngăn chặn các loại tội

phạm, phòng chống các hoạt động phá hoại của kẻ địch và hoạt động của kẻ xấu trên địa bàn. Xây dựng, bổ sung phương án xử lý có hiệu quả đối với các tình huống bạo loạn, biểu tình, gây rối...

- Lãnh đạo thực hiện tốt các kế hoạch liên tịch giữa Công an, quân sự với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; kế hoạch phối hợp tấn công trấn áp tội phạm, bảo vệ mục tiêu, địa bàn trọng điểm.

- Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ nhân dân; nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, tập trung thực hiện tốt công tác quản lý cư trú; đẩy mạnh các biện pháp, giải pháp thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về các giải pháp kiềm chế, giảm dần tai nạn giao thông; quản lý tốt các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

- Tăng cường nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Lãnh đạo thực hiện tốt công tác quân sự tại địa phương; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đảm bảo theo chỉ tiêu/dân số, đảm bảo chất lượng chính trị và nắm vững nghiệp vụ, quản lý tốt lực lượng dự bị động viên; đảm bảo công tác tuyển quân, hoàn thành 100% chỉ tiêu do huyện giao hàng năm. Thực hiện công tác huấn luyện đảm bảo quân số, chất lượng theo kế hoạch đề ra hàng năm. Phối hợp các ngành liên quan thực hiện tốt công tác dân vận và thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

- Tạo điều kiện tốt nhất để nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, chính trị cho Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân

thường trực, áp đội trưởng. Tăng cường phát triển Đảng cho lực lượng dân quân, thanh niên nhập ngũ.

- Tiếp tục thực hiện việc đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân thông qua việc nâng cao chất lượng các kỳ họp, ra Nghị quyết và thực hiện vai trò giám sát; các đại biểu Hội đồng nhân dân thường xuyên giữ mối liên hệ với cử tri và giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng của cử tri. Thiết lập nền dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn với việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ xã, ấp; đồng thời quy hoạch cán bộ từ năm 2010 trở về sau đảm bảo về phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn, bố trí cán bộ đúng chuyên môn đào tạo, có hiệu quả trên mọi lĩnh vực.

- Quan tâm lãnh đạo, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước và hiệu quả trong điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt cải cách hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” trên các lĩnh vực.

- Thực hiện thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra và kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, không để đơn thư tồn đọng, vượt cấp. Tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia đóng góp xây dựng chính quyền cơ sở.

- Thực hiện tốt việc quản lý tôn giáo theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tránh hành chính hóa trong công tác vận động quần chúng; lấy địa bàn dân cư, tổ nhân dân làm địa bàn chính để hoạt động.

- Tiếp tục vận động đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân hưởng ứng thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; nâng cao hơn nữa vai trò lực lượng đoàn viên, hội viên nòng cốt.

- Chỉ đạo sâu sát và hiệu quả việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trên từng lĩnh vực; tăng cường hơn nữa công tác dân vận của chính quyền; chỉ đạo thực hiện tốt công tác phối hợp giữa Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong công tác chăm lo đời sống nhân dân và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Quan tâm nhiều hơn đến đời sống lực lượng đoàn viên, hội viên nòng cốt; phấn đấu mỗi đoàn thể và Mặt trận xây dựng được 30% hội viên, đoàn viên nòng cốt; tiếp tục cải tiến hình thức sinh hoạt, hội họp và chất lượng hoạt động của các chi, tổ hội các đoàn thể cho phù hợp với tình hình địa phương.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng đến đảng viên và tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp. Xây dựng chương trình hành động của cấp ủy Đảng một cách cụ

thể, thiết thực và triển khai thực hiện kịp thời trong toàn Đảng bộ xã để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống của nhân dân trên địa bàn.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong Đảng để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên; từ đó, giúp cán bộ, đảng viên hành động đúng, nói và làm theo nghị quyết của Đảng, không ngừng học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng và có quan điểm rõ ràng để đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch và bọn cơ hội chính trị.

- Đẩy mạnh công tác nắm bắt diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và dư luận xã hội để phát hiện và xử lý kịp thời những phát sinh về tư tưởng, qua đó uốn nắn những lệch lạc về tư tưởng; đồng thời, có định hướng nội dung tuyên truyền phù hợp trong Đảng và quần chúng nhân dân. Tăng cường giáo dục ý thức chấp hành Điều lệ, nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng cho toàn thể đảng viên để nâng cao ý thức trách nhiệm của từng đảng viên.

- Thường xuyên giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên gắn với thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, lấy hiệu quả công việc cùng với sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo quá trình rèn luyện, phấn đấu của cán bộ, đảng viên mỗi năm. Định hướng, xây dựng những mô hình cụ thể trong triển khai thực hiện Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh để làm cơ sở giúp các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt cuộc vận động.

- Gắn xây dựng Đảng với củng cố hệ thống chính trị: thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; chú trọng và có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nguồn đạt chuẩn về trình độ chính trị và chuyên môn; đảm bảo nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

- Chú trọng công tác lãnh đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; mở rộng dân chủ trong Đảng. Lãnh đạo cấp ủy các chi bộ trực thuộc thực hiện tốt việc xây dựng, bổ sung quy chế làm việc kịp thời và phù hợp với tình hình của địa bàn dân cư, đơn vị trực tiếp lãnh đạo. Phân công cụ thể trong cấp ủy, đồng thời, tăng cường trách nhiệm cá nhân của từng cấp ủy viên trong lãnh đạo thực hiện Nghị quyết của Đảng cấp trên.

- Chú trọng thực hiện thường xuyên công tác phát triển đảng, đảm bảo thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu đăng ký hàng năm.

- Tăng cường công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; lãnh đạo các chi bộ thực hiện nghiêm các quy định của Đảng và thực hiện chặt chẽ công tác quản lý đảng viên, nhất là việc chấp hành Quy định 115-QĐ/TW của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình gắn với thực hiện quy chế dân chủ; tạo điều kiện để quần chúng nhân dân tham gia xây dựng Đảng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, Mặt trận, đoàn thể thông qua lãnh đạo, quản lý tốt các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và cấp ủy các chi bộ trực thuộc.

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chương trình hành động về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; phòng chống tham nhũng, tham ô, lãng phí; thực hành tiết kiệm; trách nhiệm của người đứng đầu..., nhất là trên các lĩnh vực: tài chính ngân sách, đất đai, xây dựng cơ bản và các khoản đóng góp của nhân dân.

- Xây dựng, thực hiện tốt chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Kịp thời kiểm tra những tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm; thực hiện nghiêm việc giáo dục, xử lý đảng viên vi phạm; giải quyết kịp thời các đơn thư tố cáo, khiếu nại có liên quan đến đảng viên.

- Tăng cường công tác phân công, theo dõi thực hiện nhiệm vụ giám sát của các đồng chí cấp ủy viên đối với các chi bộ trực thuộc, các ngành, đoàn thể theo phân công của cấp ủy Đảng.

- Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và các chi bộ trực thuộc.

- Ban Chấp hành Đảng bộ xã lãnh đạo toàn hệ thống chính trị bằng Nghị quyết, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực và có tính thống nhất từ Đảng ủy xã đến các chi bộ trực thuộc. Đảng ủy phải thường xuyên bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc phù hợp với sự lãnh đạo của cấp ủy cấp trên và tình hình địa phương trong từng thời điểm.

- Duy trì và thực hiện có hiệu quả chế độ hội họp, hội ý theo quy chế do Ban Chấp hành Đảng bộ xã thống nhất thông qua; đảm bảo thực hiện đúng lịch tiếp dân theo định kỳ.

- Hằng năm, Đảng ủy chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy các chi bộ trực thuộc; đồng thời, quyết định những vấn đề có liên quan đến công tác củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị để lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Các đại biểu tham dự Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hiệp Phước khóa III (nhiệm kỳ 2010-2015) gồm chín đồng chí: Võ Tái Hưng (Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã), Đoàn Văn Trúng (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã), Nguyễn Văn Chinh, Nguyễn Tấn Xuân, Phan Minh Tiến, Nguyễn Văn Trường (Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã), Nguyễn Hữu Trí, Phạm Văn Ròng và Hồ Thị Hiệp.

3. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, đời sống tinh thần người dân được nâng cao

Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước khóa IV (nhiệm kỳ 2015-2020) được tiến hành vào ngày 8.8.2015 tại Trung tâm văn hóa thể thao xã. Thời điểm này Đảng bộ có 226 đảng viên, sinh hoạt ở 11 chi bộ.

Trong nhiệm kỳ qua, diện tích đất nông nghiệp giảm mạnh, chỉ còn chiếm tỷ lệ 21,83%, trong khi đó dân số lại tăng nhanh,

tính đến tháng 3.2015 toàn xã có 37.605 nhân khẩu sinh sống ở 5 ấp, trong đó nhân khẩu thường trú chiếm tỷ lệ 51,4%, tạm trú chiếm tỷ lệ 48,4%. So với 10 năm trước (năm 2005), dân số trong xã tăng hơn gấp đôi (tăng 18.923 nhân khẩu).

Cơ cấu kinh tế của địa phương chuyển dịch đúng định hướng Nghị quyết Đại hội lần III đề ra là tăng tỷ trọng lĩnh vực công nghiệp, thương mại - dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp. Đến cuối năm 2014, trên địa bàn xã có 1.672 cơ sở sản xuất, kinh doanh các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ (năm 2010 là 820 cơ sở), tăng 852 cơ sở, hơn gấp đôi so với đầu nhiệm kỳ. Các ngành nghề sản xuất, kinh doanh ngày càng đa dạng, phong phú, đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu đời sống, sinh hoạt của nhân dân, nhất là người lao động có thu nhập thấp. Địa phương cũng vận động thành lập được 2 hợp tác xã, hoạt động đã đi vào nề nếp, có hiệu quả, góp phần giải quyết nhu cầu sinh hoạt trong nhân dân.

Ở lĩnh vực nông nghiệp, do địa phương có sự chuyển dịch nhanh từ sản xuất nông nghiệp sang các ngành dịch vụ dẫn đến diện tích cây trồng giảm theo từng năm, so với đầu nhiệm kỳ (năm 2010) giảm 76 hecta, tuy nhiên diện tích cây trồng hằng năm thực hiện vẫn đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch; năng suất lúa bình quân đạt 4,57 tấn/hecta. Nhằm nâng cao năng suất cây trồng, 5 năm qua xã đã thực hiện xây dựng, cải tạo nhiều tuyến kênh đê, đảm bảo được lưu lượng nước tưới tiêu cho các vụ sản xuất.

Tổng đàn gia súc tăng so với đầu nhiệm kỳ (tăng 1.570 con). Công tác tiêm phòng các loại bệnh trên đàn vật nuôi thường xuyên được quan tâm thực hiện nên đàn gia súc, gia cầm phát triển tốt. Nhìn chung, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tỷ trọng chăn nuôi tăng, diện tích sản xuất nông nghiệp giảm dần, đảm bảo đúng định hướng theo Nghị quyết đề ra.

Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng luôn được Đảng ủy quan tâm, chỉ đạo thực hiện thường xuyên nên đã có chuyển biến rõ nét so với những năm trước đây; đã lập biên bản và xử lý 306 trường hợp vi phạm. Đến nay, hầu hết người dân địa phương đều chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về xây dựng. Công tác đầu tư phát triển mạng lưới điện nông thôn cũng được Đảng bộ, chính quyền tập trung chỉ đạo nên đã đạt được mục tiêu đề ra; đã hoàn thành 11 tuyến hạ thế với chiều dài 1.350m, thực hiện nổi tuyến, mở rộng lưới điện quốc gia ở 16 địa điểm, với chiều dài là 3.917m.

Đảng ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã tổ chức rà soát, thống kê lại diện tích đất công và đang có hướng tổ chức quy hoạch quản lý sử dụng quỹ đất công của xã theo đúng quy định. Công tác cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 100%, cấp phát giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện đạt 93%. Trong nhiệm kỳ 2010-2015 đã nâng cấp, sửa chữa 24 tuyến đường giao thông nông thôn với tổng kinh phí 24.996 tỷ đồng; trong đó thực hiện bê tông hóa 11 tuyến đường với tổng chiều dài 3.873m, thảm nhựa 13 tuyến đường, với chiều dài 5.885km.

Về cơ sở vật chất giáo dục, ngày 3.7.2013, xã Hiệp Phước đã tiếp nhận và đưa vào sử dụng Trường Mầm non Eclat Hiệp Phước với sức chứa khoảng 200 học sinh. Trường Mầm non Eclat Hiệp Phước tọa lạc tại ấp Năm, có khuôn viên rộng 1.500m², trong đó có 600m² là công trình xây dựng, bao gồm bốn phòng học, hai phòng chức năng và các phòng bếp, phòng ăn khép kín với tổng kinh phí trên 5 tỷ đồng, do Công ty TNHH dệt may Eclat (Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2) tài trợ. Ngoài việc đầu tư hoàn thiện, Công ty TNHH Eclat còn trang bị toàn bộ bàn ghế, tủ, đồ dùng dạy học, máy giặt tự động, âm thanh, màn hình LCD và đầu máy cho tất cả các phòng, dụng cụ nấu ăn cho phòng bếp, đồ chơi ngoài trời cho học sinh. Đây là mô hình xã hội hóa giáo dục rất hiệu quả, sẽ được địa phương tiếp tục triển khai trong thời gian tới.

Địa phương tiếp tục kiến nghị đến các cơ quan chức năng về tình trạng xả nước thải gây ô nhiễm môi trường của các nhà máy, xí nghiệp ở khu công nghiệp dẫn đến nguồn nước ngầm trên địa bàn xã bị ô nhiễm nghiêm trọng nhiều năm nay nhưng vẫn chưa được khắc phục. Hiện tượng trên đã ảnh hưởng lớn đến đời sống sinh hoạt của người dân địa phương.

Các nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu được giao; công tác thu thuế năm 2014 tăng 50% so với năm 2010. Trong thực hiện chi ngân sách, Đảng ủy lãnh đạo UBND xã thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, hạn chế các khoản chi không cần thiết, đảm bảo công tác điều hành thu chi ngân sách ở địa phương hàng năm đều có kết dư, trong thu chi bảo đảm đúng Luật Ngân sách.

Sự nghiệp giáo dục của địa phương đã có những bước phát triển khá toàn diện; đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao. Hằng năm, tỷ lệ chiêu sinh vào lớp 1 và lớp 6 đều đạt kế hoạch được giao; tỷ lệ học sinh lên lớp các khối lớp trung bình đạt 98%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp bậc trung học cơ sở và tiểu học trung bình đạt 99%; tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban dưới 2%. Chất lượng giáo dục của địa phương ngày càng được nâng lên, tỷ lệ học sinh khá giỏi hàng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ giáo viên từng bước đã được nâng cao trình độ và được chuẩn hóa. Trong năm 2012, xã Hiệp Phước có cô Hồ Thị Hiệp, Hiệu trưởng Trường THCS Hiệp Phước, là một trong số 15 nhà giáo của tỉnh Đồng Nai được vinh dự nhận danh hiệu Nhà giáo ưu tú. Cô giáo Hồ Thị Hiệp có 6 năm liên tục (từ năm 2004 đến năm 2009) đều đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp tỉnh. Làm công tác quản lý ở Trường THCS Hiệp Phước - một trong những địa bàn khó khăn của huyện Nhơn Trạch, cô Hiệp đã vượt qua khó khăn không chỉ cho riêng mình mà cho cả nhà trường, học sinh. Thiếu phòng học, phòng làm việc, chất lượng học sinh đạt thấp, những năm qua cô đã từng bước cùng với tập thể nhà trường khắc phục khó khăn, đưa tỷ lệ học sinh tốt nghiệp của trường luôn đạt từ 97%, trong đó trên 50% đạt loại khá, giỏi; hơn 50% giáo viên trình độ trên chuẩn, 70% giáo viên đạt loại giỏi cấp huyện. Cô Hồ Thị Hiệp là một trong những điển hình trong Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được tuyên dương của huyện Nhơn Trạch.

Việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời nên địa phương thực hiện khá tốt các chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng, đặc biệt là công tác tiêm chủng cho phụ nữ và trẻ em được thực hiện đạt chỉ tiêu hàng năm; tích cực vận động nhân dân phòng chống các dịch bệnh, giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhìn chung, hoạt động y tế trên địa bàn xã đã đạt được nhiều kết quả tốt, Trạm y tế xã đã duy trì tốt các hoạt động, giữ vững chuẩn quốc gia về y tế; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn được đầu tư trang bị ngày càng tốt hơn, đáp ứng yêu cầu phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh ban đầu cho tuyến cơ sở. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước, hố xí hợp vệ sinh trên địa bàn đạt trên 95%. Chương trình dân số, gia đình và trẻ em trên địa bàn xã được triển khai thực hiện đạt kết quả thiết thực; các chiến dịch truyền thông dân số lồng ghép kế hoạch hóa gia đình đã giúp cho nhân dân ngày càng hiểu sâu hơn về nguy cơ tăng dân số, qua đó đã giúp người dân có những việc làm cụ thể nhằm ổn định cuộc sống gia đình, tạo sự phát triển bền vững cho xã hội. Trong nhiệm kỳ qua, xã nhân rộng thêm được một câu lạc bộ Gia đình công nhân hạnh phúc và một nhóm phòng chống bạo lực gia đình, có tác động tích cực đến nhận thức của người dân địa phương.

Công tác văn hóa - thông tin và thể dục - thể thao của xã đã đi vào hoạt động có nề nếp, phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí và rèn luyện sức khỏe của người dân; đặc biệt là lớp thanh thiếu niên

đã tích cực hưởng ứng phong trào bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Hằng năm, xã đều xây dựng kế hoạch thực hiện cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; số hộ đăng ký gia đình văn hóa đạt 100%, số hộ được công nhận là gia đình văn hóa đạt tỷ lệ 98,93%; cả 5/5 ấp đều được công nhận là ấp văn hóa.

Đội kiểm tra liên ngành 814 thường xuyên tổ chức kiểm tra các cơ sở kinh doanh hoạt động văn hóa, tuy nhiên do trên địa bàn có nhiều cơ sở dịch vụ văn hóa, trong khi đó thẩm quyền của cấp xã lại có giới hạn nên công tác quản lý, kiểm tra chưa đạt hiệu quả cao.

Thời gian qua, địa phương cũng quan tâm hỗ trợ các hộ nghèo vay vốn ưu đãi từ nhiều nguồn để sản xuất kinh doanh, với tổng số tiền vay ưu đãi là gần 2,5 tỷ đồng; cho 270 sinh viên nghèo vay vốn học tập với số tiền hơn 2,1 tỷ đồng. Các ngành, đoàn thể đã tích hỗ trợ hộ nghèo thực hiện các dự án làm kinh tế hiệu quả, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng quy định. Đến cuối nhiệm kỳ, xã còn 42 hộ nghèo, đạt chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

Bằng nguồn vốn do cấp trên hỗ trợ và từ nguồn vận động, trong nhiệm kỳ qua địa phương đã hoàn thành việc xây dựng nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách; xây dựng, bàn giao 12 căn nhà tình thương cho các hộ nghèo; tổ chức vận động, quyên góp giúp đỡ cho các hộ khó khăn với số tiền là 1,15 tỷ đồng; đảm bảo việc cấp phát, trợ cấp cho các đối tượng chính sách, đúng, đủ và kịp thời.

Công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định kể cả trong các ngày lễ, tết. Đã thực hiện tốt công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng, chủ động phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được củng cố, phát triển và đã góp phần hiệu quả trong công tác phòng ngừa và đấu tranh chống các loại tội phạm. Trong nhiệm kỳ qua, đã phát hiện và giải quyết làm rõ 378 vụ, xử lý 652 đối tượng vi phạm, trong đó chuyên huyện xử lý 136 vụ gồm 164 đối tượng; công an xã xử lý hành chính 242 vụ gồm 488 đối tượng với số tiền 561,5 triệu đồng; đồng thời tiến hành kiểm tra hành chính 238 lượt ở các cơ sở đã phát hiện 154 trường hợp vi phạm, xử phạt hành chính 91 trường hợp với số tiền 78 triệu đồng. Ngoài ra, công an xã còn kiểm tra xử lý hành chính 415 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, nộp vào ngân sách nhà nước trên 325 triệu đồng, qua đó góp phần giảm số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng.

Công tác trực sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dân quân thường trực được duy trì. Công tác tuyển quân hằng năm đạt chỉ tiêu. Địa phương đã tuyển chọn và gọi 84 thanh niên nhập ngũ, trong đó có 6 đảng viên, 78 đoàn viên. Công tác đăng ký thanh niên ở độ tuổi 17 được tổ chức thực hiện tốt hàng năm. Lực lượng dân quân thường xuyên được củng cố xây dựng mới đủ theo chỉ tiêu huyện giao đạt 0,79% trên tổng dân số toàn xã, trong đó đảng viên chiếm tỷ lệ 22,4 %, đoàn viên chiếm tỷ lệ 56,8%. Lực lượng

dự bị động viên được quản lý đúng theo quy định của pháp lệnh và chấp hành tốt lệnh gọi tập trung huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên đảm bảo quân số và thời gian theo quy định. Tổ chức huấn luyện dân quân đúng theo kế hoạch đề ra; điều động và tham gia huấn luyện đúng thời gian, đủ quân số theo quy định.

Công tác tiếp dân được quan tâm chú trọng hơn và đi vào nề nếp. Địa phương đã tổ chức tiếp 311 lượt người và nhận 184 đơn khiếu nại, nội dung chủ yếu là tranh chấp đất đai, hôn nhân gia đình và các tranh chấp khác. Kết quả hòa giải thành 130 đơn, hòa giải không thành 54 đơn đã chuyển cơ quan cấp trên giải quyết. Công tác thanh tra cũng được tổ chức thực hiện thường xuyên hàng năm, đã tổ chức được 5 cuộc thanh tra về tài chính, đất đai...

Công tác tuyên truyền pháp luật được địa phương thực hiện thường xuyên, đã có 173 buổi tuyên truyền cho cán bộ và người dân với 12.253 người dự, qua đó phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân ở các lĩnh vực đất đai, hôn nhân gia đình, phòng chống tội phạm, luật an toàn giao thông, khiếu nại tố cáo, nghĩa vụ quân sự... Thực hiện tốt việc tổ chức tập huấn các văn bản pháp luật mới cho cán bộ, trang bị đầy đủ tủ sách pháp luật xã, ổn định và củng cố 5/5 tổ hòa giải ấp và hội đồng hòa giải xã hoạt động ngày càng hiệu quả cao.

Hội đồng nhân dân xã (nhiệm kỳ 2011-2016) có 35 đại biểu được cơ cấu tham gia ở các ban ngành, đoàn thể của xã và ấp. Hoạt động của Hội đồng nhân dân xã từng bước được nâng cao chất lượng và đi vào chiều sâu; các đại biểu đã phát huy được vai

trò đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân và là cơ quan quyền lực ở địa phương. Trong nhiệm kỳ qua, Hội đồng nhân dân xã đã tổ chức thành công 12 kỳ họp và ban hành 37 nghị quyết, tổ chức 57 cuộc giám sát trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn xã; đóng góp 192 ý kiến, kiến nghị giúp cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn. Phối hợp tổ chức cho Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, xã tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp 24 lần với 3.095 lượt cử tri đến dự, đóng góp 24 ý kiến, kiến nghị đến đại biểu.

Bộ máy nhà nước từ xã đến ấp từng bước kiện toàn về tổ chức hoạt động. Công tác rà soát chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn cơ cấu tổ chức luôn được Ủy ban nhân dân xã chú trọng, thường xuyên tổ chức rà soát các quy chế làm việc do Ủy ban nhân dân xã ban hành để kịp thời sửa đổi, điều chỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định. Tiếp nhận 4 công chức và bố trí nhiệm vụ đúng với nhu cầu thi tuyển công chức và công chức dự bị. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức. Hằng năm đều lập danh sách đưa cán bộ đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ và đạt chuẩn theo quy định, có xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa; thực hiện Quyết định 140-QĐ/TU và Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND về thu hút cán bộ về xã công tác, đến nay địa phương có 5 công chức được hưởng theo chế độ thu hút của tỉnh.

Công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, minh bạch nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi tiếp cận với các thủ tục hành chính được xác định là khâu đột phá. Thực hiện Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 8.6.2010 của Chính phủ, xã đã tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính không còn phù hợp; tổ chức niêm yết Bộ thủ tục hành chính chung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã theo Quyết định 1743/QĐ-UBND ngày 12.6.2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai gồm 111 thủ tục hành chính trên 14 lĩnh vực. Đặc biệt trong tháng 8.2014, xã đã thực hiện duy tu, sửa chữa, trang bị các máy móc hiện đại và quản lý hồ sơ qua hệ thống phần mềm egov framework 2.0 tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo hướng “một cửa liên thông hiện đại”, tạo thuận lợi đáng kể trong giải quyết các thủ tục hành chính. Xã cũng đưa mô hình liên thông “3 trong 1” áp dụng với thủ tục đăng ký khai tử, cấp mai táng phí đối với người trên 80 tuổi và xóa đăng ký thường trú. Trước đây có không ít người đến làm giấy khai sinh xong lại không đăng ký thường trú, hoặc đến khai tử nhưng không đăng ký xóa thường trú nên đôi lúc công tác cập nhật thông tin, quản lý hộ khẩu chưa kịp thời, nay với mô hình “3 trong 1” này không chỉ người dân đỡ mất công sức, thời gian đi lại nhiều lần mà còn thuận tiện cho cả công tác quản lý của Nhà nước. Từ tháng 11.2014, địa phương còn triển khai thực hiện thí điểm phát chuyển hồ sơ hành chính miễn phí tại nhà theo yêu cầu người dân. Những người thực hiện nhiệm vụ chuyển hồ sơ là

lực lượng dân quân xã, được hỗ trợ 400 ngàn đồng/người/tháng từ ngân sách của huyện.

Trên cơ sở quán triệt và tiếp tục triển khai thực hiện các quan điểm đổi mới của Đảng về công tác vận động quần chúng, Đảng ủy tiếp tục quan tâm, chú trọng triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị TW 7 phần 2 (khóa IX) về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” trong toàn hệ thống chính trị. Trong nhiệm kỳ qua, Đảng bộ chỉ đạo củng cố bộ máy hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể của xã, ấp; đồng thời tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị nhằm tạo sự đoàn kết thống nhất cao từ trong Đảng đến các tầng lớp nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ xã (khóa III) nhiệm kỳ 2010-2015 đề ra.

Qua 5 năm triển khai thực hiện, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể đã có sự chuyển biến, đổi mới về nội dung, phương pháp và hình thức tập hợp quần chúng nhân dân. Các phong trào thi đua yêu nước được các tầng lớp nhân hưởng ứng tích cực và có sức lan tỏa rộng khắp trên địa bàn. Phong trào quần chúng tham gia thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát động ngày càng đem lại nhiều hiệu quả thiết thực.

Mặt trận Tổ quốc thường xuyên thay đổi nội dung, phương thức hoạt động, vận động nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, hưởng ứng thực hiện Cuộc vận động Học

tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh vào hai cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, Ngày vì người nghèo. Mặt trận Tổ quốc cũng cùng với các đoàn thể tích cực tham gia xây dựng chính quyền; vai trò của Mặt trận ngày càng thể hiện rõ hơn trong công tác hiệp thương, hòa giải và thực hiện công tác giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật và bảo vệ lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ xã (khóa III), tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa tăng 13,26% so với đầu nhiệm kỳ; công tác vận động xây dựng nhà tình thương, quỹ học bổng cho học sinh nghèo hằng năm đều đạt chỉ tiêu. Qua cuộc vận động Ngày vì người nghèo đã vận động được 289 triệu đồng; Mặt trận và các đoàn thể còn vận động kinh phí thực hiện sửa chữa, nâng cấp 21 căn nhà tình thương trị giá 738 triệu đồng, cấp phát 105 suất học bổng cho học sinh nghèo trị giá 31,5 triệu đồng; tổ chức vận động tặng 2.972 phần quà cho các gia đình thuộc diện chính sách và hộ nghèo với tổng giá trị trên 890 triệu đồng; vận động nhân dân đóng góp kinh phí sửa chữa các tuyến đường giao thông nông thôn trong xã, diện mạo đường làng ngõ xóm trở nên khang trang sạch đẹp góp phần xây dựng xã văn hóa.

Hoạt động Hội Liên hiệp Phụ nữ xã vẫn được duy trì thường xuyên, từng bước đi vào nề nếp và ngày càng nâng cao chất lượng hoạt động. Tính đến nay, tỷ lệ tập hợp hội viên đạt 84,2%, so với năm 2010 tăng 510 hội viên, đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội III

đề ra. Thông qua nguồn vốn từ Quỹ trợ vốn cho người nghèo tự tạo việc làm (CEP), Hội đã giúp chị em hội viên vay vốn để phát triển kinh tế gia đình một cách hiệu quả.

Với phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, Ban Chấp hành Hội Nông dân xã vận động hội viên khá giúp hội viên nghèo khó khăn 102 triệu đồng cho 105 hộ nghèo vay sử dụng mục đích sản xuất kinh doanh để tăng thu nhập, xóa nghèo làm giàu chính đáng, góp phần xây dựng nếp sống mới ở nông thôn. Hội cũng phối hợp cùng Ngân hàng chính sách xã hội huyện tạo điều kiện cho 342 hội viên vay với số tiền 4,44 tỷ đồng. Hằng năm, Hội phối hợp với các ngành chuyên môn tổ chức các lớp học hướng dẫn việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong trồng trọt và chăn nuôi. Do trên địa bàn có nhiều dự án được triển khai nên diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, từ đó một bộ phận nông dân đã chuyển đổi nghề nghiệp từ sản xuất nông nghiệp sang các ngành nghề khác dẫn đến việc tập hợp, phát triển hội viên có nhiều khó khăn. Trên địa bàn xã hiện chỉ còn 335 hộ sản xuất nông nghiệp; so với đầu nhiệm kỳ số hội viên giảm là 271 người.

Thực hiện các mục tiêu về công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống cho đoàn viên thanh niên, Ban Chấp hành Đoàn cơ sở tổ chức các đợt học tập để nâng cao hiểu biết về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh cho đoàn viên và thanh thiếu niên thông qua hình thức tổ chức lồng ghép với các phong trào thanh thiếu niên. Nhằm xây dựng các phong trào hoạt động thiết thực, ngoài việc thường xuyên thực

hiện củng cố, kiện toàn và phát triển lực lượng, Đoàn Thanh niên còn tổ chức nhiều phong trào hành động cách mạng đạt được kết quả thiết thực như: phân công đoàn viên tham gia điều tiết giao thông; khuyến khích cán bộ, đoàn viên tự giác học tập để nâng cao trình độ; tham gia giáo dục, cảm hóa thanh niên lầm lỗi. Tại lễ tổng kết 5 năm thực hiện Cuộc vận động Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác do Trung ương Đoàn phát động và tuyên dương Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác lần thứ II của tỉnh Đồng Nai, diễn ra vào ngày 15.12.2011, anh Nguyễn Thành Phú, Bí thư Đoàn xã Hiệp Phước là một trong những gương mặt thanh niên điển hình được biểu dương và khen thưởng. Anh Nguyễn Thành Phú là người có nhiều sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động của thanh niên tại địa phương như: đoàn viên thanh niên đứng chốt điều tiết giao thông vào giờ cao điểm; trang bị bóng đèn tại những con hẻm tối thường có công nhân đi làm về muộn; gom sách cũ cho học sinh nghèo; chăm lo đời sống tinh thần cho công nhân tại các khu nhà trọ... Những hoạt động này vừa chung tay vì cộng đồng, nhưng đồng thời qua những hành động ấy cũng là dịp để đoàn viên tự rèn luyện và các thanh niên trong xã học tập, làm theo.

Do đa số thanh niên đều làm việc trong các công ty, xí nghiệp nên việc tổ chức sinh hoạt Đoàn còn gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ tập hợp thanh niên vào Đoàn chỉ đạt 32,6%, chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Công tác giới thiệu phát triển Đảng cho thanh niên dù được Đảng ủy quan tâm, song kết quả đạt được cho thấy

công tác bồi dưỡng, giáo dục của tổ chức Đoàn đối với thanh niên chưa được tổ chức chặt chẽ và có kết quả, dẫn đến tổ chức Đoàn Thanh niên chưa thực hiện công tác giới thiệu phát triển Đảng đạt chỉ tiêu đề ra.

Trong nhiệm kỳ, Hội Cựu chiến binh xã phát triển được 86 hội viên, nâng tổng số hội viên là 138 người, đạt 92% so với số quân nhân xuất ngũ trên địa bàn. Hội vận động hội viên đóng góp xây dựng Quỹ đồng đội với 100% hội viên tham gia. Tổng số tiền quỹ của Hội hiện nay đạt hơn 251,7 triệu đồng, thông qua nguồn quỹ này Hội đã giúp cho 13 hội viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn để buôn bán nhỏ, chăn nuôi nhằm tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống gia đình.

Đảng ủy và chính quyền địa phương cũng luôn tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức xã hội thực hiện tốt các hoạt động xã hội từ thiện. Hội Người cao tuổi và Hội Chữ thập đỏ đã thực hiện tốt các hoạt động để chăm lo cho hội viên và những người có hoàn cảnh khó khăn. Hoạt động của 2 tổ chức này không những làm cho các hoạt động xã hội của địa phương ngày càng phong phú, đa dạng mà còn góp phần tích cực giúp Đảng bộ hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ xã lần III, nhiệm kỳ 2010-2015 đã đề ra.

Việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở nhìn chung đã có tác dụng tích cực trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần tạo sự ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường khối đoàn kết, xây dựng Đảng bộ, chính quyền và

các đoàn thể ngày càng vững mạnh. Các nội dung cần công khai để “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra” đã được các ngành thực hiện đúng quy định.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên được Đảng ủy xác định là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, có tính quyết định đến công tác xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh nói chung, công tác xây dựng Đảng nói riêng. Vì vậy, Đảng ủy luôn quan tâm, chỉ đạo thực hiện kịp thời việc triển khai, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng các cấp; tăng cường giáo dục cho đảng viên, cán bộ nhân dân nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin vào đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tỷ lệ đảng viên tham gia học tập Nghị quyết của Đảng đạt từ 96-98%. Trong nhiệm kỳ qua, nhìn chung tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân cơ bản ổn định. Nhằm thực hiện có hiệu quả cao về công tác tư tưởng, Đảng ủy đã chú trọng kiện toàn bộ máy làm công tác tuyên truyền và tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, định hướng nội dung sinh hoạt Đảng cho các chi bộ trực thuộc; qua đó có biện pháp chấn chỉnh kịp thời những sai phạm, vi phạm điều lệ Đảng trong cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục thực hiện mô hình Đảng bộ xã lãnh đạo công tác khoa giáo ở cơ sở, Đảng ủy đã củng cố, kiện toàn Ban Tuyên giáo xã và xây dựng được tờ tin của Đảng ủy hàng quý để đẩy mạnh công tác tuyên truyền của Đảng tại các buổi sinh hoạt của tổ nhân dân và hệ thống chính trị của các ấp.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 06-CT/TW ngày 7.11.2006 của Bộ Chính trị (khóa X) về việc tổ chức thực hiện Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, sau hơn 8 năm triển khai thực hiện, Cuộc vận động đã có tác động khá toàn diện đối với đời sống, sinh hoạt của các tầng lớp xã hội trên địa bàn. Ngay từ những ngày đầu triển khai thực hiện Cuộc vận động, Đảng ủy đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban Chỉ đạo và triển khai kịp thời kế hoạch thực hiện Cuộc vận động cho toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên các đoàn thể trên địa bàn. Với những nhiệm vụ cụ thể và những việc làm thiết thực, các chi bộ trực thuộc, các tổ chức chính trị đều có kế hoạch thực hiện phù hợp với đặc thù của từng cơ quan trong từng thời điểm. Mặc dù địa phương chưa xây dựng được mô hình riêng, song việc triển khai thực hiện kế hoạch của trên luôn được Đảng ủy và toàn hệ thống chính trị từ xã đến ấp thực hiện kịp thời và đạt được kết quả tích cực. Cuộc vận động đã tác động tích cực đến tư tưởng, nhận thức của mọi cán bộ, đảng viên; mang lại hiệu quả thiết thực cho công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên của Đảng bộ; tác động và có ảnh hưởng lớn đến các tổ chức, cá nhân đang sinh sống, sinh hoạt trên địa bàn xã; là yếu tố quan trọng, góp phần giúp Đảng bộ hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của địa phương trong những năm qua.

Đảng bộ xã cũng luôn quan tâm đến công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ trẻ. Từ năm 2010 đến nay, địa phương đã cử 6 đồng chí học trung cấp chính trị, 1

đồng chí học cao cấp chính trị. Trong nhiệm kỳ III, Đảng bộ xã kết nạp 60 đảng viên mới, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Hiện nay, Đảng bộ có 11 chi bộ trực thuộc với 226 đảng viên. Trong hoạt động, Đảng ủy coi trọng xây dựng quy chế làm việc và đảm bảo nội dung trong sinh hoạt Đảng, nhất là việc tuân thủ nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng; thực hiện thường xuyên công tác tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng; tỷ lệ đảng viên sinh hoạt định kỳ đạt từ 98% trở lên.

Đảng ủy xác định kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ hết sức quan trọng, vì vậy đã phân công các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thực hiện nhiệm vụ giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được cấp ủy phân công. Song song đó, Đảng ủy cũng chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, cấp ủy các chi bộ trực thuộc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với từng đảng viên theo quy định để kịp thời uốn nắn những hạn chế, thiếu sót nhằm hạn chế những vi phạm trong cán bộ, đảng viên. Hàng năm, Đảng ủy đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát đối với các chi bộ trực thuộc và một số đồng chí cấp ủy viên. Trong nhiệm kỳ 2010-2015, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy nhận được bảy đơn tố cáo đối với đảng viên, kết quả giải quyết có một đồng chí bị xử lý kỷ luật, các đồng chí còn lại kiểm điểm rút kinh nghiệm. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy cũng xây dựng kế hoạch giám sát cấp ủy viên cùng cấp đối với năm đồng chí, xây dựng kế hoạch kiểm tra đối với 11 chi bộ trực thuộc về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng, xây dựng kế hoạch giám sát tài chính cơ sở đảng cùng cấp.

Bên cạnh đó Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phối hợp với Văn phòng Đảng ủy và Ban Tuyên giáo giám sát việc tham gia học nghị quyết đối với đảng viên trong toàn Đảng bộ xã.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Đảng ủy đã xây dựng quy chế làm việc của Ban Chấp hành. Mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ xã luôn tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ; những vấn đề quan trọng có liên quan đến địa phương đều được Đảng ủy tổ chức lấy ý kiến, bàn bạc, thảo luận kỹ trước khi quyết định. Nhằm tạo sự thống nhất cao và tập trung lãnh đạo, Đảng ủy luôn đảm bảo thực hiện kịp thời việc xây dựng chương trình công tác hàng quý, hàng tháng để triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ. Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã luôn giữ mối quan hệ chặt chẽ trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hàng tuần thông qua thực hiện điều đặn chế độ Hội ý thường trực bốn bên vào sáng thứ hai hàng tuần.

Đại hội đánh giá, đạt được những kết quả trên là do tập thể Ban Chấp hành có sự đoàn kết, nhất trí cao; phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của Đảng ủy luôn đảm bảo tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện đúng quy chế đề ra; chương trình công tác hằng tháng, hằng quý, hằng năm do Đảng ủy đề ra luôn gắn liền với những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phù hợp với đặc thù của địa phương. Mặt khác, việc phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị từ xã đến ấp và sự hưởng ứng, đồng tình của nhân dân đối với các chủ trương của địa phương có thể xem là những

nguyên nhân cơ bản giúp Đảng bộ hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ qua.

Những tồn tại, hạn chế trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo trong thời gian qua được các đại biểu phân tích, làm rõ như sau:

- Công tác lãnh đạo đầu tư phát triển kinh tế còn lúng túng chưa tạo được bước đột phá về chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chưa xây dựng được các mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp, có hiệu quả kinh tế cao; chưa khai thác được thế mạnh của một địa phương đang phát triển, chưa có định hướng rõ nét trong các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, tính tự phát còn phổ biến, chưa phát triển được nhiều loại hình dịch vụ với quy mô lớn để phục vụ đời sống nhân dân.

- Tiến độ triển khai của nhiều dự án trên địa bàn còn chậm, làm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống, sinh hoạt của người dân. Việc đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn tuy thực hiện đạt về số lượng, song chất lượng các công trình được thi công còn hạn chế, chưa đảm bảo về thiết kế kỹ thuật nên thường hư hỏng sau thời gian sử dụng, gây lãng phí về tiền của do nhân dân đóng góp.

- Công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng, quản lý đất công còn nhiều hạn chế, chưa thực hiện tốt việc quản lý xây dựng theo quy hoạch chung nên các chương trình phát triển kinh tế - xã hội chưa làm thay đổi mạnh mẽ bộ mặt của xã.

- Cuộc vận động xây dựng đời sống văn hoá, gia đình văn hóa, ấp văn hóa tuy thực hiện đạt về số lượng nhưng chất lượng chưa cao; tệ nạn xã hội còn tiềm ẩn chưa được giải quyết, xử lý triệt để.

- Mạng lưới trường lớp, cơ sở luyện tập thể dục thể thao trên địa bàn chưa phát triển tương xứng với nhu cầu phát triển của một xã đang phát triển. Trung tâm học tập cộng đồng, Hội khuyến học hoạt động chưa hiệu quả; chưa mở được các lớp bổ túc văn hóa theo mục tiêu Nghị quyết đề ra.

- Các điều kiện thiết yếu, cơ bản của các cơ sở kinh doanh trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, ăn uống chưa đảm bảo thực hiện đúng theo quy định; việc quản lý các cơ sở này còn lỏng lẻo, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

- Chưa xây dựng được các mô hình sinh hoạt, vui chơi, giải trí phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của nhân dân địa phương nên các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ còn nghèo nàn, chưa thu hút đông đảo người dân tham gia

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tuy được giữ vững, ổn định nhưng tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Công tác nắm tình hình, công tác điều tra cơ bản còn những mặt hạn chế nên công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng chưa được chặt chẽ. Việc phối kết hợp giữa lực lượng công an, dân quân với các cơ quan chức năng chưa chặt chẽ. Điều kiện đảm bảo vật chất, tinh thần cho cán bộ công an, lực lượng dân quân còn thấp so với yêu cầu thực tế, đời sống của cán bộ còn nhiều khó khăn nên ý thức trách nhiệm chưa cao, hiệu quả hoạt động còn thấp.

- Công tác tuyên truyền, vận động và nắm bắt tư tưởng cán bộ, đảng viên, dư luận xã hội chưa sâu sát và kịp thời nên hiệu quả thực hiện các chủ trương của Đảng tại địa phương chưa đạt kết quả cao. Một số nghị quyết, chỉ thị của Đảng và các quy định của Nhà nước chưa được phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tuy được triển khai thực hiện kịp thời, đảm bảo kế hoạch đề ra, song việc kiểm tra, theo dõi kết quả thực hiện ở từng tổ chức, đoàn thể chưa được Đảng ủy quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Do vậy, việc phát hiện, tôn vinh và nhân rộng những nhân tố tích cực, những mô hình tiêu biểu còn hạn chế dẫn đến cuộc vận động chưa có sức lan tỏa rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

- Chất lượng quản lý, điều hành bộ máy Nhà nước chưa ngang tầm với nhiệm vụ; hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đôi khi chưa đảm bảo thực hiện đúng quy chế đề ra; việc đề ra các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội để chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân còn nhiều hạn chế; chưa thể hiện tính chủ động, đôi lúc thiếu kiên quyết nên chậm khắc phục những tồn tại, yếu kém; chưa xây dựng được các mô hình cụ thể để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nên quá trình phát triển của địa phương còn mang tính tự phát. Công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng còn yếu kém, xử lý vi phạm thiếu kiên quyết nên để lại những hậu quả khó khắc phục, gây cản trở cho việc thực hiện các chương trình đầu tư phát triển tại địa phương trong thời gian tới.

- Hoạt động của khối dân vận, Mặt trận và các đoàn thể còn lúng túng, nhất là trong công tác phối kết hợp; chưa tạo sự đồng bộ trong công tác tuyên truyền, vận động nên kết quả đạt được không cao. Một số đoàn thể chưa xây dựng được mô hình hoạt động thiết thực để thu hút quần chúng tham gia, chưa quan tâm xây dựng các điển hình tiên tiến để nhân rộng nên chưa cổ vũ mạnh mẽ phong trào quần chúng ở địa phương.

Qua quá trình lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần III, nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng bộ rút ra các bài học kinh nghiệm như sau:

- Cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt phải nắm chắc, hiểu đúng các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng; phải gương mẫu, nói và làm theo nghị quyết; đồng thời, từng cán bộ, đảng viên phải không ngừng tự học, tự rèn, nâng cao trình độ, giữ vững phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên để làm nòng cốt cho các phong trào hành động cách mạng; từ đó, tạo niềm tin cho quần chúng nhân dân, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ.

- Công tác lãnh đạo của Đảng, sự điều hành, quản lý của Nhà nước phải cương quyết; phải biết vận dụng đúng đắn, sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng vào tình hình thực tế của địa phương để xây dựng các chương trình hành động có tính trọng tâm, trọng điểm nhằm tạo sự đột phá, phát triển bền vững. Trong lãnh đạo, điều hành phải đảm bảo thực hiện đúng quy chế đề ra;

phải xây dựng kế hoạch thực hiện với những giải pháp cụ thể, có phân công và kiểm điểm kịp thời.

- Nội dung hoạt động của khối vận, Mặt trận và các đoàn thể phải thiết thực, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo chất lượng, đi vào chiều sâu; đặc biệt, phải phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của địa phương và lợi ích của người lao động.

- Công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra, giám sát phải được chú trọng thực hiện thường xuyên; phải thực hiện tốt quy chế dân chủ và xây dựng được khối đoàn kết, thống nhất trong cơ quan, đơn vị, cấp ủy Đảng và thực hiện tốt công tác tự phê bình và phê bình trong từng cơ quan, đơn vị và các tổ chức đảng.

- Phải giữ vững và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Chính quyền với Mặt trận, các đoàn thể cùng nhân dân để tạo sức mạnh tổng hợp trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Các đại biểu dự báo, trong giai đoạn 2015- 2020 việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, Đảng bộ xã Hiệp Phước có những thuận lợi cơ bản sau:

- Cơ cấu kinh tế của địa phương đã chuyển đổi theo đúng định hướng đề ra: công nghiệp phát triển mạnh, góp phần thúc đẩy cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch nhanh theo hướng phát triển nhanh các ngành thuộc lĩnh vực thương mại - dịch vụ; đất nông nghiệp ngày càng giảm dần, vì vậy cơ cấu lao động đã có sự chuyển dịch nhanh từ lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp. Từ

đó, việc giải quyết việc làm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người dân địa phương có nhiều thuận lợi.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn được giữ vững, ổn định.

- Bộ máy chính quyền từng bước được củng cố, kiện toàn theo hướng trẻ hóa, chuẩn hóa về trình độ sẽ là một trong những yếu tố cơ bản để Đảng bộ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, dự báo sẽ xuất hiện một số khó khăn như sau:

- Ngày càng có nhiều doanh nghiệp đầu tư, hoạt động tại các khu công nghiệp trên địa bàn xã sẽ tạo điều kiện để kinh tế địa phương phát triển, song cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề đáng quan tâm như: tệ nạn xã hội, tội phạm, ô nhiễm môi sinh, môi trường... sẽ ngày càng tăng và khó khắc phục.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn chưa được triển khai đồng bộ.

- Trình độ và năng lực cán bộ vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Do quá trình thực hiện đô thị hóa và triển khai các dự án nên sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp, nhiều hộ gia đình bị thu hồi đất, chuyển vào sinh sống ở các khu tái định cư, từ đó một bộ phận nhân dân đời sống vẫn còn khó khăn và khoảng cách giàu nghèo ngày càng tăng. Trình độ văn hóa, tay nghề của đại bộ phận công nhân, lao động vẫn còn thấp, trong khi đó lại chưa có cơ sở đào tạo.

Đại hội đã đề ra phương hướng, mục tiêu trong nhiệm kỳ 2015-2020. Trong đó, phương hướng chung của Đảng bộ xã là: Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; tăng cường đoàn kết, tiếp tục củng cố, giữ vững kỷ cương, cải tiến và đổi mới phương thức làm việc của cả hệ thống chính trị theo hướng hiệu quả, thiết thực. Tiếp tục phát huy, khai thác các tiềm năng kinh tế của địa phương và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa - xã hội. Tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc của xã hội như: xóa đói giảm nghèo, tệ nạn xã hội, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa thông tin, thể dục thể thao theo hướng phát triển bền vững. Tăng cường quốc phòng - an ninh để giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phát huy dân chủ, trí tuệ và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ xã đến ấp để tạo sức mạnh tổng hợp nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn 2015-2020. Quyết tâm xây dựng xã thành đơn vị vững mạnh toàn diện.

Đến năm 2020, Đảng bộ xã phấn đấu thực hiện đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

- Cơ cấu kinh tế địa phương là: Công nghiệp - thương mại, dịch vụ - nông nghiệp. Trong đó, công nghiệp chiếm tỷ trọng 57%, thương mại, dịch vụ 33% và nông nghiệp 10%.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC (1930 - 2020)

- Phần đầu đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người đạt 40 triệu đồng/người/năm.

- Phần đầu thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu được giao hàng năm.

- Hoàn thành công tác cấp mới, cấp đổi 100% thửa đất trên toàn địa bàn xã. Phần đầu đến năm 2020 có 70-80% con đường giao thông nông thôn trên tổng số các con đường hiện có trên địa bàn được nhựa hóa, bê tông hóa và các tuyến đường này đều có đèn chiếu sáng.

- Hằng năm, 100% số hộ đều đăng ký xây dựng gia đình văn hóa và 98% số hộ trở lên đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; cả 5/5 ấp đều giữ vững danh hiệu ấp văn hóa; xã đạt tiêu chuẩn xã văn hóa.

- Giải quyết việc làm cho trên 300 lao động mỗi năm.

- Phần đầu đến năm 2020, xã không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo mới của tỉnh).

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống mức dưới 1,1%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới 13%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%.

- Xây dựng được 1 trường học đạt chuẩn quốc gia; giữ vững xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Hoàn thành chỉ tiêu giao quân và công tác huấn luyện lực lượng dân quân, dự bị động viên hằng năm.

- Tập hợp quần chúng trong độ tuổi vào các tổ chức đoàn thể đạt tỷ lệ 80% trở lên, riêng Đoàn Thanh niên đạt từ 45% trở lên;

tỷ lệ đoàn viên, hội viên nông cốt đạt 35%. Đảm bảo tỷ lệ đoàn viên, hội viên tham gia công tác, sinh hoạt thường xuyên đạt 75% trở lên.

- Tỷ lệ đảng viên tham gia học tập nghị quyết, chỉ thị của Đảng đạt 100%.

- Phân đấu tỷ lệ phát triển đảng viên mới hằng năm từ 5-6%/năm so với tổng số đảng viên hiện có của đầu năm (trong đó, phát triển đảng viên trong độ tuổi thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự từ 1-2 đảng viên/năm).

- 100% chi bộ trực thuộc được kiểm tra hàng năm; 80% chi bộ trực thuộc trở lên đạt trong sạch vững mạnh, không có tổ chức cơ sở đảng đánh giá ở mức trung bình và yếu kém. 80% số đảng viên trở lên được đánh giá là đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảng viên xuất sắc chiếm 15% trở lên.

Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu được các đại biểu dự Đại hội nhất trí như sau:

- Tạo điều kiện và khuyến khích cho mọi hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển; chú trọng các ngành kinh doanh phục vụ đời sống, sinh hoạt của người lao động có thu nhập thấp. Mở rộng các dịch vụ vận tải, sửa chữa, thông tin liên lạc, tín dụng, vui chơi giải trí... Phối hợp các ngành chức năng của huyện đơn đốc chủ đầu tư triển khai nhanh Khu trung tâm thương mại; hoàn thành việc xây dựng và đưa vào hoạt động chợ tạm ấp Ba.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đăng ký kinh doanh, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép, kinh doanh hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng.

- Vận động các doanh nghiệp nhỏ thành lập hợp tác xã thương mại dịch vụ.

- Khuyến khích mở rộng các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; đồng thời phải đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Hình thành các tổ hợp tác trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm; chú trọng chất lượng, giá thành sản phẩm.

- Giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế: chuyên 20% diện tích đất nông nghiệp hiện có sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao (khoảng 67 hecta); chú trọng thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp đô thị, có hiệu quả kinh tế cao như: trồng cây cảnh, rau sạch, chọn giống mới để cải tạo vườn tạp...

- Sử dụng hiệu quả diện tích đất nông nghiệp còn lại để trồng lúa, trong đó, chú trọng sử dụng giống mới có năng suất cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật để phấn đấu đạt năng suất bình quân 7 tấn/hecta/năm (bình quân trong 2 vụ).

- Thực hiện tốt các điều kiện phục vụ sản xuất nông nghiệp (như: thủy lợi, cây, con giống, vốn đầu tư...); hình thành và phát huy hiệu quả các loại hình kinh tế hợp tác trong sản xuất nông nghiệp với các hình thức đa dạng, phong phú.

- Quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng theo hướng hiện đại đi đôi với nâng cao năng lực quản lý đô thị.

- Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn của các ấp; cải tạo, nâng cấp hệ thống cống thoát nước dọc hương lộ 19, khu vực ngã tư Hiệp Phước và đường thoát nước từ Khu công nghiệp Nhơn Trạch I đến kênh tiêu Hiệp Phước; nâng cấp, bảo quản tốt hệ thống thủy lợi trên địa bàn để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện xã hội hóa để trang bị hệ thống đèn chiếu sáng các đường giao thông nông thôn.

- Hoàn thành việc thi công xây dựng và đưa vào sử dụng trụ sở Văn phòng ấp Một, Hai; cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân xã.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học để phấn đấu xây dựng 1 trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, sử dụng có hiệu quả diện tích đất công.

- Chú trọng công tác bảo vệ môi trường; thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Hình thành và phát huy hiệu quả Tổ quản lý trật tự vệ sinh đô thị nhằm tăng cường công tác quản lý xây dựng, quản lý môi trường.

- Tiếp tục duy trì, vận động nhân dân tự nguyện đăng ký đồ rác, tham gia bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan ở từng khu dân cư.

- Phân đấu thu đạt và vượt chỉ tiêu huyện giao hàng năm. Tiếp tục rà soát, bổ sung và công khai các bộ thuế; khai thác tốt các nguồn thu, tăng cường các biện pháp chống thất thu thuế, thu hồi nợ quá hạn.

- Tập trung điều hành tốt hoạt động thu, chi ngân sách, đảm bảo nhu cầu chi cho đầu tư phát triển, cho hoạt động của hệ thống chính trị; thực hành tiết kiệm, chi đúng chế độ tài chính hiện hành; chú trọng công tác kiểm tra tài chính ở đơn vị để chống tham nhũng.

- Phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng Chính sách xã hội, các đơn vị tín dụng cho vay phục vụ sản xuất và đời sống cho cán bộ và nhân dân, chú trọng cho vay trung và dài hạn đối với các hộ đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh và các dịch vụ khác.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường đối với các bậc học; huy động học sinh ra lớp đảm bảo chỉ tiêu hàng năm, phấn đấu 100% trẻ em trong độ tuổi vào lớp 1 và lớp 6; ngày càng nâng cao tỷ lệ giáo viên giỏi, học sinh giỏi và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp ở các bậc học.

- Thực hiện tốt hơn nữa công tác giáo dục truyền thống, giáo dục đạo đức cho giáo viên và học sinh; tăng cường các biện pháp ngăn chặn tệ nạn xã hội xâm nhập vào trường học.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên, tạo điều kiện phát triển mạnh trường lớp cho ngành học mầm non; quản lý tốt các hoạt động nuôi dạy trẻ ngoài công lập.

- Tiếp tục huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho các trường học nhằm thực hiện tốt việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, các lớp 2 buổi. Triển khai tốt cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”; nắm chắc số lượng học sinh theo học các trường, động viên các gia đình có con em không có điều kiện học phổ thông theo học các lớp phổ cập, bổ túc văn hóa...

- Phát huy hiệu quả hoạt động của Hội khuyến học, Trung tâm học tập cộng đồng.

- Tiếp tục duy trì kết quả phổ cập bậc trung học nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

- Lãnh đạo thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng; làm tốt công tác y tế dự phòng để chủ động phòng chống dịch bệnh; đẩy mạnh thực hiện chương trình suy dinh dưỡng đối với trẻ em, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trên địa bàn xuống dưới 13%.

- Tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và các hoạt động y tế cộng đồng khác.

- Đảm bảo công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân, nhất là gia đình chính sách, hộ nghèo; giữ vững xã đạt chuẩn quốc gia về

y tế; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Đẩy mạnh chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình; thực hiện tốt chiến dịch truyền thông lồng ghép với kế hoạch hóa gia đình.

- Thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ vui chơi, giải trí lành mạnh, kiên quyết bài trừ văn hóa độc hại và các loại tệ nạn xã hội khác.

- Tập trung thực hiện có trọng tâm, trọng điểm việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh nhất là trong việc cưới, việc tang; tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với thực hiện chương trình Bốn giảm.

- Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao kỷ niệm các ngày lễ lớn nhằm nâng cao đời sống tinh thần, xây dựng phong trào thi đua trên từng vùng địa bàn dân cư.

- Tăng cường quản lý Nhà nước đối với các hoạt động văn hóa; phối hợp cơ quan chuyên môn tổ chức quy hoạch, sắp xếp và tăng cường kiểm tra hoạt động của các dịch vụ văn hóa như: internet, karaoke, kinh doanh băng đĩa và các dịch vụ văn hóa khác...

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chú trọng tuyên truyền về những nhiệm vụ chính trị của địa phương trong

từng thời điểm. Lãnh đạo tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền về các ngày lễ lớn, về Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

- Nâng cao chất lượng và mở rộng quy mô hoạt động của mô hình thông tin lưu động.

- Tăng cường các biện pháp bảo vệ an ninh gắn với bảo vệ trật tự an toàn xã hội; đấu tranh có hiệu quả, ngăn chặn các loại tội phạm, phòng chống các hoạt động phá hoại của kẻ địch và hoạt động của kẻ xấu trên địa bàn. Xây dựng, bổ sung phương án xử lý có hiệu quả đối với các tình huống bạo loạn, biểu tình, gây rối...

- Lãnh đạo thực hiện tốt các kế hoạch liên tịch giữa Công an, quân sự với Mặt trận và các đoàn thể, kế hoạch phối hợp tấn công trấn áp tội phạm, bảo vệ mục tiêu, địa bàn trọng điểm.

- Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ nhân dân; nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, tập trung thực hiện tốt công tác quản lý cư trú; đẩy mạnh các biện pháp, giải pháp thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về các giải pháp kiềm chế, giảm dần tai nạn giao thông; quản lý tốt các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

- Tăng cường nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Lãnh đạo thực hiện tốt công tác quân sự tại địa phương; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đảm bảo theo chỉ tiêu/dân số, đảm bảo chất lượng chính trị và nắm vững nghiệp vụ, quản lý tốt lực lượng dự bị động

viên; đảm bảo công tác tuyển quân, hoàn thành 100% chỉ tiêu do huyện giao hàng năm. Thực hiện công tác huấn luyện đảm bảo quân số, chất lượng theo kế hoạch đề ra hàng năm. Phối hợp các ngành liên quan thực hiện tốt công tác dân vận và thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

- Tạo điều kiện tốt nhất để nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, chính trị cho Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân thường trực, áp đội trưởng. Tăng cường phát triển Đảng cho lực lượng dân quân, thanh niên nhập ngũ.

- Tiếp tục thực hiện việc đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân thông qua việc nâng cao chất lượng các kỳ họp, ra Nghị quyết và thực hiện vai trò giám sát; các đại biểu Hội đồng nhân dân thường xuyên giữ mối liên hệ với cử tri và giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng của cử tri. Thiết lập nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa gắn với việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ xã, ấp; đồng thời quy hoạch cán bộ từ năm 2015 trở về sau đảm bảo về phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn, bố trí cán bộ đúng chuyên môn đào tạo, có hiệu quả trên mọi lĩnh vực.

- Quan tâm lãnh đạo, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước và hiệu quả trong điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt cải cách hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” trên các lĩnh vực.

- Thực hiện tốt việc công khai dân chủ trong mọi hoạt động theo quy định của Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chỉ thị số 32/2006/TTg-CP của Thủ tướng Chính phủ về công khai thủ tục hành chính.

- Thực hiện thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra và kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, không để đơn thư tồn đọng, vượt cấp. Tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia đóng góp xây dựng chính quyền cơ sở.

- Thực hiện tốt việc quản lý tôn giáo theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, tránh hành chính hóa trong công tác vận động quần chúng; lấy địa bàn dân cư, tổ nhân dân làm địa bàn chính để hoạt động.

- Tiếp tục vận động đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân hưởng ứng thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; nâng cao hơn nữa vai trò lực lượng đoàn viên, hội viên nòng cốt.

- Chỉ đạo sâu sát và hiệu quả việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trên từng lĩnh vực; tăng cường hơn nữa công tác dân vận của chính quyền; chỉ đạo thực hiện tốt công tác phối hợp giữa Nhà nước với Mặt trận, các đoàn thể trong công tác chăm lo đời sống nhân dân và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Quan tâm nhiều hơn đến đời sống lực lượng đoàn viên, hội viên nông cốt; phấn đấu mỗi đoàn thể và Mặt trận xây dựng được 30% hội viên, đoàn viên nông cốt; tiếp tục cải tiến hình thức sinh hoạt, hội họp và chất lượng hoạt động của các chi, tổ hội các đoàn thể cho phù hợp với tình hình địa phương.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng đến đảng viên và tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp. Xây dựng chương trình hành động của cấp ủy Đảng một cách cụ thể, thiết thực và triển khai thực hiện kịp thời trong toàn Đảng bộ xã để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống của nhân dân trên địa bàn.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong Đảng để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên; từ đó giúp cán bộ, đảng viên hành động đúng, nói và làm theo nghị quyết của Đảng, không ngừng học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng và có quan điểm rõ ràng để đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch và bọn cơ hội chính trị.

- Đẩy mạnh công tác nắm bắt diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và dư luận xã hội để phát hiện và xử lý kịp thời những phát sinh về tư tưởng, qua đó uốn nắn những lệch lạc về tư tưởng; đồng thời, có định hướng nội dung tuyên truyền phù hợp trong Đảng và quần chúng nhân dân. Tăng cường giáo dục ý thức chấp hành Điều lệ, nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng cho toàn thể đảng viên để nâng cao ý thức trách nhiệm của từng đảng viên.

- Thường xuyên giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên gắn với thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, lấy hiệu quả công việc cùng với sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo quá trình rèn luyện, phấn đấu của cán bộ, đảng viên mỗi năm. Định hướng, xây dựng những mô hình cụ thể trong triển khai thực hiện Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh để làm cơ sở giúp các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt cuộc vận động.

- Gắn xây dựng Đảng với củng cố hệ thống chính trị: thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; chú trọng và có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nguồn đạt chuẩn về trình độ chính trị và chuyên môn; đảm bảo nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

- Chú trọng công tác lãnh đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; mở rộng dân chủ trong Đảng. Lãnh đạo cấp ủy các chi bộ trực thuộc thực hiện tốt việc xây dựng, bổ sung quy chế làm việc kịp thời và phù hợp với tình hình của địa bàn dân cư, đơn vị trực tiếp lãnh đạo. Phân công cụ thể trong cấp ủy, đồng thời, tăng cường trách nhiệm cá nhân của từng cấp ủy viên trong lãnh đạo thực hiện Nghị quyết của Đảng cấp trên.

- Chú trọng thực hiện thường xuyên công tác phát triển Đảng, đảm bảo thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu đăng ký hàng năm.

- Tăng cường công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; lãnh đạo các chi bộ thực hiện nghiêm các quy định của Đảng và thực hiện chặt chẽ công tác quản lý đảng viên, nhất là việc chấp

hành Quy định 115-QĐ/TW của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình gắn với thực hiện quy chế dân chủ; tạo điều kiện để quần chúng nhân dân tham gia xây dựng Đảng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, Mặt trận, đoàn thể thông qua lãnh đạo, quản lý tốt các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và cấp ủy các chi bộ trực thuộc.

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chương trình hành động về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; phòng chống tham nhũng, tham ô, lãng phí; thực hành tiết kiệm; trách nhiệm của người đứng đầu..., nhất là trên các lĩnh vực: tài chính ngân sách, đất đai, xây dựng cơ bản và các khoản đóng góp của nhân dân.

- Xây dựng, thực hiện tốt chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Kịp thời kiểm tra những tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm; thực hiện nghiêm việc giáo dục, xử lý đảng viên vi phạm; giải quyết kịp thời các đơn thư tố cáo, khiếu nại có liên quan đến đảng viên.

- Tăng cường công tác phân công, theo dõi thực hiện nhiệm vụ giám sát của các đồng chí cấp ủy viên đối với các chi bộ trực thuộc, các ngành, đoàn thể theo phân công của cấp ủy Đảng.

- Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra của UBKT Đảng ủy và các chi bộ trực thuộc.

- Ban Chấp hành Đảng bộ xã lãnh đạo toàn hệ thống chính trị bằng nghị quyết, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực và có tính thống nhất từ Đảng ủy xã đến các chi bộ trực thuộc. Đảng ủy phải thường xuyên bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc phù hợp với sự lãnh đạo của cấp ủy cấp trên và tình hình địa phương trong từng thời điểm.

- Duy trì và thực hiện có hiệu quả chế độ hội họp, hội ý theo quy chế do Ban Chấp hành Đảng bộ xã thống nhất thông qua; đảm bảo thực hiện đúng lịch tiếp dân theo định kỳ.

- Hằng năm, Đảng ủy chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, chỉ thị của Đảng và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy các chi bộ trực thuộc; đồng thời quyết định những vấn đề có liên quan đến công tác củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị để lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hiệp Phước khóa IV gồm 9 đồng chí: Võ Tái Hưng (Bí thư Đảng ủy), Đoàn Văn Trúng (Chủ tịch)¹, Nguyễn Văn Chính, Nguyễn Tấn Xuân, Nguyễn Hoàng Minh, Phạm Minh Tiến, Đoàn Duy Trí, Nguyễn Tấn Phong, Phạm Văn Rông, Nguyễn Như Chung.

¹ Năm 2016, đồng chí Trương Văn Dũng thay đồng chí Đoàn Văn Trúng giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

4. Thành lập thị trấn Hiệp Phước, hướng tới thành phố mới Nhơn Trạch trong tương lai

Ngày 18, 19.6.2020, Đại hội đại biểu Đảng bộ thị trấn Hiệp Phước khóa V (nhiệm kỳ 2020-2025) được tổ chức tại Trung tâm Văn hóa thể thao - học tập cộng đồng thị trấn Hiệp Phước.

Một trong những dấu ấn quan trọng của địa phương trong thời gian qua là xã Hiệp Phước đã được nâng thành thị trấn Hiệp Phước từ ngày 1.7.2019 theo Nghị quyết số 694/NQ-UBTVQH14 về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và thành lập một số đơn vị hành chính đô thị cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai ngày 10.5.2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đây là mong mỏi của Đảng bộ, chính quyền và người dân trên địa bàn từ nhiều năm nay với mục tiêu và quyết tâm sẽ xây dựng Hiệp Phước thành một thị trấn sầm uất của thành phố mới Nhơn Trạch trong tương lai. Thời điểm này, dân số của thị trấn Hiệp Phước là hơn 57 ngàn người, tăng thêm 18,4 ngàn người so với năm 2016. Năm ấp trên địa bàn từ ấp Một đến ấp Năm được đổi thành năm khu phố tương ứng là: Mỹ Khoan, Phước Mỹ, Phước Kiển, Phước Lai và Phước Hiệp.

Đến năm 2020, qua 5 năm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội IV Đảng bộ (nhiệm kỳ 2015-2020) địa phương đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh. Trên địa bàn đã hình thành và phát triển 4 khu công nghiệp tập trung với diện tích trên 1.100 hecta, góp phần giải quyết việc làm cho hầu hết người lao động địa phương; cơ cấu kinh tế địa phương có sự chuyển dịch đúng định hướng thương mại - dịch vụ - nông nghiệp. Kết cấu hạ tầng

kinh tế ngày càng được quan tâm, đầu tư. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững, ổn định. Công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng được chú trọng; bộ máy chính quyền không ngừng được củng cố, kiện toàn theo hướng trẻ hóa, chuẩn hóa. Mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân ngày càng gắn bó hơn. Đây là những thuận lợi cơ bản để tiếp tục xây dựng, phát triển toàn diện đô thị thị trấn Hiệp Phước giai đoạn 2020 - 2025 và những năm tiếp theo.

Năm 2019, trên địa bàn thị trấn Hiệp Phước có 134 doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất công nghiệp, trong đó có 69 doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và 65 doanh nghiệp trong nước. Tổng vốn đăng ký đầu tư của các doanh nghiệp vào thị trấn Hiệp Phước đạt gần 1,87 tỷ USD (43,57 ngàn tỷ đồng).

Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng được Đảng ủy quan tâm, chỉ đạo thực hiện thường xuyên nên đã có chuyển biến rõ nét so với những năm trước đây; đã lập biên bản và xử lý 49 trường hợp vi phạm xây dựng quy hoạch với số tiền phạt 251,7 triệu đồng. Đến nay, hầu hết người dân địa phương đều chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về xây dựng. Nhìn chung việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thị trấn đã đạt được những thành quả nhất định, phù hợp với quan điểm phát triển chung của huyện và của tỉnh; đảm bảo khai thác sử dụng triệt để quỹ đất đai, sử dụng hợp lý và hiệu quả. Tuy nhiên kết quả đạt được còn thấp so với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch đã đề ra, do các nguyên nhân sau: Đối với các dự án vốn ngân sách còn gặp khó khăn về bố trí vốn nên một số dự án đã được quy hoạch nhưng

chưa kịp triển khai làm ảnh hưởng nên một số chỉ tiêu đạt thấp; Quy trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các dự án, nhất là các dự án có quy mô lớn, thường kéo dài làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Do giá đất có sự chênh lệch cao giữa khung giá thị trường và khung giá nhà nước ban hành, nên đôi lúc triển khai thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư các dự án bị chậm tiến độ ảnh hưởng đến kế hoạch sử dụng đất.

5 năm qua, công tác cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới trao được 220 giấy. Trong những năm qua thị trấn có nhiều dự án phải thu hồi đất để thực hiện các công trình trọng điểm của huyện như: Khu tái định cư Hiệp Phước 3 với tổng cộng 13 hecta, dự án chợ Dân Xuân, dự án kênh thoát nước Bà Ký, đường N1 (từ đường Hùng Vương đến khu tái định cư Hiệp Phước 3), đường ranh khu tái định cư, khu Trung tâm dịch vụ thương mại 51 hecta... Bên cạnh đó, còn có các dự án phục vụ nâng cấp hạ tầng của thị trấn Hiệp Phước do Ủy ban nhân dân huyện và thị trấn triển khai thực hiện. Trong nhiệm kỳ qua, người dân đã đóng góp 30% để thực hiện 9 công trình, trong đó có 2 con đường sử dụng nguồn nông thôn mới với số tiền gần 1,3 tỷ đồng và 7 con đường xã hội hóa giao thông nông thôn với tổng số vốn hơn 6 tỷ đồng. Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội thị trấn Hiệp Phước đã chuyển dịch địa phương từ một xã thuần nông trước đây sang một địa phương có tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng mạnh mẽ. Năm 2019, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 56%, tốc độ phát triển kinh tế bình quân 3 năm gần nhất đạt 19%/năm.

Về tiêu thủ công nghiệp, trên địa bàn hiện có 326 doanh nghiệp hoạt động, giải quyết việc làm cho 1.021 lao động tại chỗ, góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

Các nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu huyện giao; thu ngân sách nhà nước năm 2019 tăng 45% so với năm 2015. Trong thực hiện chi ngân sách, Đảng ủy đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân thị trấn thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, hạn chế các khoản chi không cần thiết, đảm bảo công tác điều hành thu chi ngân sách ở địa phương hàng năm đều có kết dư; trong thu chi bảo đảm đúng luật ngân sách.

Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện theo hướng đô thị hóa. Dưới sự tập trung lãnh đạo của Đảng ủy, công tác xử lý rác thải sinh hoạt trong nhân dân đã có sự chuyển biến tích cực, bước đầu tạo được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân. Do chịu ảnh hưởng từ nguồn nước thải của các nhà máy, xí nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung nên nguồn nước ngầm trên địa bàn thị trấn đã bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được địa phương xem là chương trình đặc biệt quan trọng của cả hệ thống chính trị và nhân dân. Qua triển khai thực hiện, địa phương luôn xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, liên tục; chủ động bắt tay vào xây dựng chương trình và đã làm thay đổi diện mạo về đời sống và tinh thần, phát triển về kinh tế, văn hóa, giáo dục... Chủ trương xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban

nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ xã đến ấp đã tạo ra sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân với quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra.

Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi đúng hướng, giới thiệu lao động cho các doanh nghiệp trên địa bàn và vùng lân cận, tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi đầu tư từ địa phương và bên ngoài. Thị trấn luôn tạo mọi điều kiện để người dân tham gia các loại hình kinh doanh, dịch vụ mà pháp luật cho phép. Hướng mở là sẽ phát triển dịch vụ kinh doanh, chuyển từ nông nghiệp nông thôn sang nông nghiệp đô thị; đưa người dân đến gần với khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất cây trồng vật nuôi, nhất là khi thực hiện đề án xây dựng nông thôn mới nhằm giúp đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên.

Diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ tương đối thấp; diện tích cây trồng hằng năm thực hiện đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm, so với đầu nhiệm kỳ (năm 2015) tăng 69 hecta; năng suất lúa bình quân đạt 4,75tấn/hecta. Thị trấn có 2 hợp tác xã hoạt động kinh doanh, dịch vụ, vệ sinh môi trường và 3 tổ hợp tác với 52 tổ viên, sản xuất trồng lúa, chăn nuôi thỏ. Các tổ hợp tác được thành lập từ nhu cầu thực tế, nguyện vọng của nông dân, thực hiện theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hỗ trợ nhau trong sản xuất.

Về chăn nuôi, tổng đàn gia súc, gia cầm giảm so với đầu nhiệm kỳ (giảm 2.980 con). Đây là điều tất yếu khi thị trấn giảm dần tỷ trọng phát triển nông nghiệp. Công tác tiêm phòng các loại bệnh

trên đàn vật nuôi thường xuyên được quan tâm thực hiện nên đàn gia súc, gia cầm phát triển tốt. Nhìn chung, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tỷ trọng dịch vụ tăng, diện tích sản xuất nông nghiệp giảm dần, đảm bảo đúng định hướng theo Nghị quyết đề ra.

Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế so với Nghị quyết nhiệm kỳ đã đề ra, kinh tế địa phương phát triển mạnh về thương mại - dịch vụ. Doanh thu các thành phần kinh tế đều tăng, góp phần tăng thu ngân sách hằng năm; thu nhập bình quân đầu người đến nay đạt 65 triệu đồng/người/năm.

Nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng ủy địa phương tập trung chỉ đạo các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm về phát triển văn hóa, an sinh xã hội đạt và vượt so với Nghị quyết. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, các chính sách an sinh - xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ; chất lượng giáo dục được giữ vững và phát triển, công tác phổ cập giáo dục; đào tạo các bậc học được duy trì và nâng cao.

Địa phương duy trì kết quả phổ cập giáo dục bậc Mầm non, Tiểu học, hoàn thành phổ cập bậc Trung học. Các trường trên địa bàn thực hiện tốt công tác giảng dạy theo chương trình của Bộ Giáo dục và đào tạo; chất lượng dạy và học ngày được nâng lên, hằng năm tỷ lệ học sinh lên lớp đạt trên 99%. Số lượng học sinh tham gia thi học sinh giỏi các cấp ngày càng tăng. Cơ sở vật chất các trường đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Các cơ sở y tế tư nhân cũng được khuyến khích đầu tư và phát triển mạnh mẽ như: phòng khám Tâm Bình An, phòng khám Phúc

Trạch... góp phần đa dạng hóa hình thức chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Trong công tác phòng chống dịch bệnh như: sốt xuất huyết, tay chân miệng, sởi, Đảng ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cả hệ thống chính trị từ thị trấn đến khu phố thực hiện nhiều giải pháp, biện pháp như: tổng vệ sinh môi trường, phát loa lưu động, nhắn tin qua điện thoại... để góp phần dập dịch cũng như hạn chế dịch bệnh lây lan trên địa bàn. Tăng cường giám sát, phát hiện sớm và xử lý triệt để các ổ dịch, kiên quyết không để dịch lan rộng và kéo dài. Kiện toàn và duy trì hoạt động thường xuyên của đội ngũ công tác viên, đội xung kích phòng chống sốt xuất huyết; tổ chức phun hóa chất diệt muỗi trên diện rộng tại các khu vực nguy cơ cao và các địa điểm tập trung đông người như chợ, trường học, các khu nhà trọ... Tổ chức các chiến dịch truyền thông nhằm vận động mọi người dân chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống dịch ngay tại hộ gia đình với khẩu hiệu “Không có lăng quăng, không có sốt xuất huyết”. Hướng dẫn người dân cách tự xử lý các dụng cụ chứa nước không cho muỗi vào đẻ trứng, các biện pháp diệt muỗi và phòng tránh muỗi đốt.

Công tác giảm nghèo được chú trọng quan tâm, địa phương đã cơ bản hoàn thành chương trình giảm nghèo theo tiêu chí của tỉnh. Đến năm 2019 trên địa bàn thị trấn còn 9 hộ nghèo. Công tác chăm lo gia đình chính sách cũng được sự quan tâm hỗ trợ của huyện và các ban ngành chức năng cùng với sự nỗ lực của cấp ủy Đảng và toàn thể nhân dân ở địa phương. Từ đó, chương trình xây dựng và sửa chữa nhà tình nghĩa được tổ chức thường xuyên. Địa phương vận động mạnh thường quân tiến hành xây dựng nhà

cho đối tượng là thân nhân liệt sĩ, hằng năm tổ chức tặng quà cho gia đình chính sách (mỗi phần trị giá 300 ngàn đồng). Việc trùng tu lại Nhà bia liệt sĩ được thực hiện hằng năm, nguồn kinh phí từ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa của thị trấn. Ngoài ra, địa phương còn xét miễn giảm thuế cho các gia đình chính sách theo quy định của nhà nước, xét miễn giảm học phí đồng thời trợ cấp ưu đãi giáo dục cho con em gia đình thương bệnh binh. Việc vận động Quỹ Đền ơn đáp nghĩa hằng năm đều đạt chỉ tiêu huyện giao. Địa phương cũng chu đáo tổ chức cho thân nhân gia đình liệt sĩ, thương bệnh binh viếng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Long Thành và họp mặt truyền thống vào dịp kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ 27.7; tổ chức phân công đoàn đến chúc tết các gia đình chính sách nhân dịp lễ, tết cổ truyền; thăm hỏi kịp thời các gia đình chính sách gặp khó khăn, ốm đau, hoạn nạn và tổ chức viếng lễ tang chu đáo khi đối tượng chính sách qua đời; vận động tiền quà tặng cho các gia đình chính sách khó khăn trong dịp lễ tết.

Hoạt động văn hóa thông tin phát triển rộng khắp, góp phần tích cực, hiệu quả trong việc đưa thông tin về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước rộng rãi trong nhân dân. Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phát triển mạnh đáp ứng nhu cầu hưởng thụ về văn hóa tinh thần của nhân dân. Các giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, nghệ thuật dân gian được khơi dậy, bảo tồn và phát triển. Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Công tác xã hội hóa việc huy động nguồn lực xã hội đầu tư các thiết chế văn hóa - thể thao đạt được kết quả cao. Các

hộ gia đình đăng ký thực hiện gia đình văn hóa đạt 100%, qua bình xét cuối năm tỷ lệ đạt danh hiệu gia đình văn hóa tăng theo hằng năm: cuối năm 2014 có 3.668/3.707 hộ (98,94%) đạt danh hiệu; đến cuối năm 2019 có 3.892/3.921 hộ đạt danh hiệu, tỷ lệ đạt là 99,26%; giữ vững danh hiệu 5 khu phố văn hóa; 100% cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu có đời sống văn hóa tốt.

Trung tâm Văn hóa thông tin - học tập cộng đồng duy trì hoạt động thường xuyên, đồng thời kết hợp các ngành đoàn thể của huyện, thị trấn mở các lớp tập huấn với các nội dung: giáo dục, tuyên truyền pháp luật; giáo dục giới tính cho trẻ vị thành niên; hướng dẫn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, học nghề... từng bước đáp ứng nhu cầu học tập phục vụ lao động và sản xuất của nhân dân. Địa phương cũng ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, ứng dụng khoa học - công nghệ vào nhiều lĩnh vực đời sống xã hội đạt kết quả tốt.

Công tác khuyến học, khuyến tài được quan tâm, có bước phát triển mạnh mẽ, việc xây dựng xã hội học tập đạt kết quả tích cực, phong trào xây dựng gia đình học tập, cộng đồng học tập phát triển mạnh tạo điều kiện để mọi người có thêm cơ hội được học tập, hiểu biết góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Thị trấn tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chủ động phòng ngừa, phát hiện đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch và số đối tượng cực đoan, chống đối trên địa bàn. Kịp thời phát hiện, tham mưu xử lý các

vụ tranh chấp, khiếu kiện không để phát sinh trở thành điểm nóng về an ninh trật tự, bảo vệ tuyệt đối an toàn các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện chính trị, các điểm vui chơi, giải trí diễn ra trên địa bàn.

Công tác xây dựng và củng cố lực lượng công an được quan tâm thường xuyên, thành lập và đưa vào hoạt động 1 ban bảo vệ dân phố có 7 đồng chí và 5 tổ bảo vệ dân phố có 35 đồng chí, thường xuyên củng cố hoạt động 93 tổ nhân dân. Việc triển khai thực hiện các nghị quyết liên tịch giữa Công an - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được quan tâm chỉ đạo, nâng cao chất lượng hoạt động góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Tỷ lệ phạm pháp hình sự trong nhiệm kỳ qua giảm 4% (127/131 vụ) so với nhiệm kỳ trước.

Địa phương tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thường xuyên củng cố và xây dựng lực lượng dân quân chiến đấu, lực lượng dự bị động viên trực sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh điều động của huyện. Trong công tác tuyển gọi thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự, hằng năm hoàn thành công tác đăng ký thanh niên lứa tuổi 17, chuẩn bị nguồn tuyển gọi thanh niên thi hành nghĩa vụ cho các năm tiếp theo. Trong 5 năm qua đã tuyển giao 114 thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự, trong đó có 2 đảng viên; tham gia huấn luyện do tỉnh, huyện tổ chức theo kế hoạch đề ra; triển khai các kế hoạch phối hợp bảo vệ an toàn các ngày cao điểm, lễ, tết; phòng chống cháy nổ, phòng chống, ứng phó kịp thời thiên tai.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được xác định là nhiệm vụ quan trọng, thị trấn đã tổ chức tuyên truyền và phổ biến pháp luật qua các hình thức họp tổ dân phố, sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật và lồng ghép qua các buổi sinh hoạt tổ chức chính trị - xã hội, đồng thời tuyên truyền qua Đài truyền thanh thị trấn được 185 cuộc, với 10.219 lượt người dự. Xây dựng tủ sách pháp luật đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật cho cán bộ và nhân dân thị trấn.

Về công tác thanh tra giải quyết khiếu nại của nhân dân, qua 5 năm đã tiếp nhận và giải quyết đúng hẹn hồ sơ của công dân, đạt 98,23%; hồ sơ trễ hẹn thấp, chỉ chiếm 0,67% (285/42.769 hồ sơ). Với sự chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy đã giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu nại, không để xảy ra điểm nóng mất an ninh trật tự. Thực hiện tốt việc tiếp dân, lãnh đạo Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đã trực tiếp tiếp dân vào sáng thứ sáu hàng tuần. Do tình hình thực tế địa phương, nên ngoài việc tiếp dân theo lịch, Thường trực Ủy ban nhân dân thị trấn còn tiếp dân đột xuất khi người dân có yêu cầu.

Trong công tác xây dựng chính quyền, Hội đồng nhân dân thị trấn từng bước phát huy vai trò là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, thực hiện các chức năng, quyết định các vấn đề quan trọng. Tổ chức các kỳ họp đúng luật định, chất lượng các kỳ họp được nâng lên và đạt hiệu quả cao. Ban hành 48 nghị quyết về các lĩnh vực sát với tình hình thực tế của địa phương và phát huy được hiệu quả. Thực hiện có hiệu quả chức năng kiểm tra, giám sát, nhằm đảm bảo việc thực thi pháp luật, Thường trực Hội đồng

nhân dân và các ban Hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện 17 cuộc giám sát, khảo sát. Thông qua hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân đã từng bước phát huy được vai trò tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của nhân dân; đồng thời hạn chế những vi phạm pháp luật, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Bộ máy chính quyền từ thị trấn đến khu phố được củng cố, thực hiện tốt chức năng quản lý, điều hành hoạt động Nhà nước ở địa phương theo luật định. Đặc biệt là các ban ngành chuyên môn được kiện toàn, sắp xếp nên hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn theo mô hình đô thị. Cải tiến công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân. Thực hiện công tác cải cách hành chính, góp phần nâng cao lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước; chú trọng công tác quy hoạch và đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện pháp lệnh quy chế dân chủ và qui chế dân chủ cơ quan, đã tạo được sự chuyển biến về nhận thức và hành động trong cán bộ, nhân dân.

Địa phương cũng tăng cường chỉ đạo công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước, thực hiện “cơ chế một cửa - một cửa liên thông hiện đại”, tập trung chỉ đạo, chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc, của đội ngũ cán bộ, công chức, đối với cán bộ tiếp dân, giải quyết thủ tục hành chính, các chế độ chính sách, những khó khăn, vướng mắc cho nhân dân, đã tiếp nhận và giải quyết đúng hẹn hồ sơ của công dân 42.014/42.769, đạt 98,23%; chưa đến hạn 110 hồ sơ chiếm 0,26%, trễ hạn 285 hồ sơ chiếm 0,67%.

Địa phương đã phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị đối với công tác dân vận trong tình hình mới, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh tại địa phương. Tổ chức sơ, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác Dân vận theo kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy.

Công tác dân vận của Đảng bộ xã tiếp tục được đổi mới và đi vào chiều sâu. Các phong trào thi đua “Dân vận khéo” được triển khai rộng khắp trong hệ thống chính trị và địa bàn dân cư; công tác dân vận của chính quyền từng bước được đổi mới và thực hiện có hiệu quả. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy; nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên không ngừng được đổi mới. Hằng năm Khối vận đều tổ chức dân vận khéo nhân kỷ niệm ngày Dân vận 15.10; đồng thời tổ chức đối thoại người đứng đầu cấp ủy với nhân dân (1 năm tổ chức 2 lần).

Thông qua các phong trào thi đua yêu nước, trong 5 năm qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã vận động đóng góp và tiếp nhận xây dựng Quỹ Vì Người nghèo với số tiền hơn 1,3 tỷ đồng, xây dựng mới 6 nhà tình thương và sửa chữa 3 căn nhà tình thương, cấp phát 165 suất học bổng và trao tặng 39 chiếc xe đạp cho học sinh nghèo hiếu học; tổ chức nhiều đợt công tác dân vận giúp dân với trên 7.685 lượt cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang,

đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện sửa chữa, nâng cấp trên 25km đường giao thông nông thôn, phát bụi rậm, dọn vệ sinh trên 31km đường giao thông nông thôn; trồng hơn 1.650 cây xanh. Ngoài ra nhân dịp các ngày lễ, tết hàng năm, Mặt trận Tổ quốc phối hợp cùng với chính quyền vận động trên 3.125 phần quà tặng cho gia đình chính sách, hộ nghèo, khó khăn trên địa bàn. Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới - đô thị văn minh gắn với xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam được tích cực thực hiện và có sức lan tỏa rộng rãi.

Bộ máy Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội không ngừng được củng cố, kiện toàn và phát huy hiệu quả hoạt động. Tỷ lệ tập hợp quần chúng trong độ tuổi vào tổ chức đạt 87,1%, riêng Đoàn Thanh niên đạt tỷ lệ 68% và Hội Liên hiệp Thanh niên đạt 67,5%, đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hàng năm đạt vững mạnh.

Thực hiện quy chế hoạt động, định kỳ hàng quý Thường trực Đảng ủy họp giao ban với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, hàng tháng họp giao ban cùng với các chi bộ. Trên cơ sở những phản ánh, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, cấp ủy chi bộ, Đảng ủy kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Ban công tác mặt trận, Ban Thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng thường xuyên được củng cố, kiện toàn, phát huy vai trò hiệu quả, tập hợp lực lượng, tuyên truyền, vận động nhân dân phát triển kinh tế, giảm nghèo, giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Địa phương cũng tăng cường công tác nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân, để phản ánh đến chính quyền, các ngành liên quan giải quyết. Lãnh đạo, chỉ đạo thành công Đại hội các tổ chức đoàn thể như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Đại hội Mặt trận Tổ quốc nhiệm kỳ 2019-2024. Tiếp tục thực hiện Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị “về tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội”, các đoàn thể đổi mới về phương thức, nội dung và đạt được nhiều thành tích trong công tác vận động, tập hợp quần chúng nhân dân tham gia vào các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, tỷ lệ tập hợp và hội viên nòng cốt đạt kế hoạch đề ra. Thường xuyên củng cố hoạt động của các đoàn thể khu phố, để nâng cao chất lượng sinh hoạt của các chi, tổ hội. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong hệ thống Dân vận, Mặt trận, đoàn thể đạt kế hoạch đề ra.

Hằng năm, thị trấn đều hướng dẫn và tạo điều kiện cho các cơ sở tôn giáo tổ chức hoạt động tín ngưỡng, nghi thức tôn giáo đúng theo qui định pháp luật, đồng thời đã tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo, nhất là việc nâng cấp, sửa chữa và xây dựng cơ sở thờ tự; qua đó tạo được lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong đồng bào có đạo yên tâm lao động sản xuất, góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Thường xuyên quan tâm và tập trung chỉ đạo chăm lo về đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số; từ đó đồng bào dân tộc thiểu số luôn đoàn kết và chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các qui định tại địa phương.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được các cấp ủy quan tâm thực hiện; triển khai, quán triệt cho cán bộ, đảng viên các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và xây dựng các kế hoạch thực hiện các chỉ thị, nghị quyết được triển khai thực hiện nghiêm túc, hình thức, nội dung, phong phú, đa dạng, góp phần nâng cao ý thức, tinh thần cảnh giác cách mạng nhằm chống lại các luận điệu xuyên tạc và âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Tỷ lệ đảng viên tham gia học tập chỉ thị, nghị quyết đạt cao trên 99%, đạt chỉ tiêu nghị quyết.

Các cấp ủy đã triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện các quy định nêu gương của trung ương, tỉnh, huyện; gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng Đảng. Hằng năm có 100% đảng viên đăng ký nêu gương, xây dựng kế hoạch Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và 388/391, đạt tỷ lệ 99,23% đảng viên được công nhận nêu gương tốt trở lên (trong đó có 17 đảng viên miễn sinh hoạt). Qua đó, nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên đã được nâng lên, hết lòng phục vụ nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ và tạo được niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của Nhà nước.

Công tác phát triển đảng viên mới hằng năm luôn được Đảng ủy quan tâm, đảm bảo đạt chỉ tiêu huyện giao. Trong nhiệm kỳ qua phát triển được 88 đảng viên mới và tạo nguồn được 156 trung kiên. Công tác cán bộ có đổi mới về nội dung, quy trình theo

hướng phát huy dân chủ trong công tác cán bộ, trên cơ sở những quy định về công tác cán bộ của tỉnh, huyện đã cụ thể hóa và tổ chức thực hiện tốt công tác đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Trên cơ sở quy hoạch, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được đẩy mạnh góp phần nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, trong 5 năm qua có 16 cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, trình độ chính trị. Đồng thời quan tâm bồi dưỡng và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của thị trấn. Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ được đưa vào nguồn quy hoạch hàng năm.

Trong nhiệm kỳ qua công tác kiểm tra, giám sát có nhiều đổi mới và đạt kết quả, góp phần tích cực vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, tăng cường kỷ cương, kỷ luật, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đã tổ chức kiểm tra, giám sát được 39 lượt. Các cấp ủy chi bộ đã nhận thức sâu sắc quan trọng trong công tác kiểm tra, giám sát đảng viên trong việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Nội dung, phương thức kiểm tra, giám sát từng bước được đổi mới, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy làm tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy trong công tác kiểm tra, giám sát. 5 năm qua đã thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách 5 đảng viên và cảnh cáo 1 đảng viên, giảm so với đầu nhiệm kỳ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn luôn kịp thời sửa đổi, bổ sung những nội dung

phù hợp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, cụ thể như Ban chấp hành Đảng bộ đã ban hành Quyết định số 01-QĐ/ĐU ngày 20.4.2015 về ban hành quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ (nhiệm kỳ 2015-2020), cụ thể hóa các nội dung, quy định trách nhiệm của từng cá nhân và của các cấp ủy. Tổ chức phân công các đồng chí ủy viên thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành phụ trách các chi bộ trực thuộc, từng cấp ủy viên đã nêu cao được vai trò cá nhân, tinh thần trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ của từng lĩnh vực được phân công.

Thị trấn chú trọng tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh và vai trò tích cực của các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội, đảm bảo mối quan hệ gắn bó đoàn kết giữa các tôn giáo, đồng bào các dân tộc thiểu số. Hằng tháng, Thường trực Đảng ủy định kỳ làm việc với lãnh đạo khối Dân vận, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cùng 12 chi bộ trực thuộc Đảng ủy giao ban trao đổi nắm tình hình chung để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc và nhân rộng các cách làm hay ở các đơn vị trực thuộc.

Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục khuyết điểm theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), (khóa XII), tập thể Ban Chấp hành, từng cá nhân ủy viên Ban Chấp hành và đảng viên trong toàn Đảng bộ thực hiện nghiêm túc công tác tự phê bình và phê bình về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; qua triển khai thực hiện chưa phát hiện sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thực hiện nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá

nhân phụ trách”. Phát huy tính dân chủ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, lắng nghe, tiếp thu các ý kiến phản ánh, đóng góp, phê bình của cấp dưới và quần chúng, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát đến chi bộ.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng”, Đảng bộ thị trấn tổ chức thực hiện kiểm điểm một cách nghiêm túc hàng năm. Qua kiểm điểm, tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ thấy được những ưu điểm để phát huy, nhìn nhận những khuyết điểm, hạn chế để xây dựng kế hoạch khắc phục trong thời gian tới, tạo sự chuyển biến trong công tác cán bộ và nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính tự giác, gương mẫu của người đứng đầu, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Từng cá nhân cấp ủy và cán bộ, đảng viên đã nêu cao tính tự giác trong tự phê bình và phê bình, nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa khuyết điểm. Hiện nay, tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn đã cơ bản khắc phục xong 16/17 hạn chế, khuyết điểm trong các kỳ kiểm điểm hàng năm trên các lĩnh vực; còn 1 hạn chế, khuyết điểm tiếp tục khắc phục và giải quyết tốt các vấn đề hạn chế phát sinh trong lãnh đạo, điều hành.

Những thành tựu trong nhiệm kỳ qua là do tập thể Ban Chấp hành có sự đoàn kết, nhất trí cao; phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của Đảng ủy luôn đảm bảo tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện đúng quy chế đề ra; chương trình công tác hằng tháng, hằng quý, hằng năm do Đảng ủy đề ra luôn gắn liền với những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phù hợp với đặc thù của địa phương. Mặt khác, việc phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị từ thị trấn đến ấp và sự hưởng ứng, đồng tình của nhân dân đối

với các chủ trương của địa phương có thể xem là những nguyên nhân cơ bản giúp Đảng bộ hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ qua.

Đại hội đã tập trung phân tích, qua đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo. Về cơ cấu kinh tế, lĩnh vực thương mại - dịch vụ được định hướng phát triển từ đầu nhiệm kỳ, lĩnh vực nông nghiệp phát triển không đáng kể, ngoài một số cơ sở hoạt động dịch vụ. Nguyên nhân chủ yếu do quỹ đất theo quy hoạch đô thị không phù hợp để phát triển các sản phẩm nông nghiệp. Về cơ sở hạ tầng, đường giao thông trên một số tuyến xuống cấp, hệ thống thoát nước đầu tư chưa đồng bộ, làm ảnh hưởng môi trường đô thị, do nguồn ngân sách địa phương hạn hẹp và nguồn lực sức dân có hạn không thể đầu tư, cần có sự hỗ trợ vốn đầu tư của tỉnh và huyện. Công tác bồi thường giải tỏa còn khó khăn, vẫn còn một số hộ dân chưa nhận tiền bồi thường và giao đất theo quy định, gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án.

Công tác quy hoạch sử dụng đất chưa sát với yêu cầu phát triển, việc xây dựng không phép, sai phép vẫn còn xảy ra, quản lý đất đai chưa chặt chẽ. Công tác vệ sinh môi trường tại các khu vực nhà trọ chưa đảm bảo, vẫn còn tình trạng đổ rác không đúng nơi tập kết, nước thải chưa được xử lý đúng theo quy định.

Phát triển văn hóa - xã hội có mặt chưa tương xứng với phát triển kinh tế, thiếu các thiết chế văn hóa ở các khu phố chưa có mô hình văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đặc trưng, tuy có phát triển nhiều về số lượng nhưng chất lượng còn chưa đảm bảo.

Đời sống một bộ phận dân cư và cán bộ, công chức còn nhiều khó khăn, chất lượng giảm nghèo chưa thật vững chắc, thu nhập và đời sống dân cư tuy có cải thiện nhưng vẫn còn khó khăn.

Tình hình gia tăng dân số do dân nhập cư nhanh, tuy không cao nhưng tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, tệ nạn xã hội về ma túy từ đó cũng phát sinh theo gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an sinh xã hội trên địa bàn. Bên cạnh đó, địa phương còn có tình trạng cho vay nóng lãi suất cao.

Vẫn còn một số ít cán bộ chưa thực sự quan tâm công tác dân vận của Đảng, chưa sâu sát với đoàn viên, hội viên; phát động mô hình “Dân vận khéo” đến nhân dân còn chậm. Sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể từ thị trấn đến khu phố cũng như công tác củng cố, xây dựng tổ hội tại địa phương còn hạn chế, trình độ chuyên môn của cán bộ thực hiện công tác dân vận còn yếu, dẫn đến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chưa cao. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên, hội viên còn hạn chế, vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội đối với hoạt động của Nhà nước chưa được phát huy. Tỷ lệ tập hợp các tầng lớp nhân dân vào các đoàn thể tổ chức hội quần chúng tuy đạt chỉ tiêu nhưng chất lượng hoạt động của đoàn viên, hội viên chưa cao.

Trong công tác xây dựng Đảng, chất lượng sinh hoạt chi bộ được nâng lên, nhưng đôi lúc vẫn còn tình trạng lúng túng trong điều hành của một vài chi ủy chi bộ. Có tình trạng số ít đảng viên bỏ sinh hoạt, không đóng đảng phí không rõ lý do đến mức phải xóa tên khỏi danh sách đảng viên.

Nguyên nhân dẫn đến các tồn tại, hạn chế trên, về khách quan là do thị trấn là một địa bàn rộng, hình thành nhiều khu công nghiệp, tình hình gia tăng dân số do dân nhập cư nhanh gây tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, tệ nạn xã hội về ma túy từ đó cũng phát sinh theo gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an sinh xã hội trên địa bàn; lực lượng cán bộ làm công tác kiểm tra xây dựng cơ bản mỏng; do thay đổi và củng cố nhân sự Ban chỉ ủy ở một số chi bộ, do đó trong thời gian đầu điều hành sinh hoạt còn lúng túng. Về nguyên nhân chủ quan, công tác xây dựng cơ bản kiểm tra phát hiện và xử lý đôi lúc chưa kịp thời. Một số hộ dân chưa thực hiện tốt công tác xin phép trong xây dựng. Phát sinh tình trạng cho vay nóng lãi suất cao nguyên nhân chính do nhu cầu vay của người dân, hình thức vay đơn giản, không thể chấp đã tạo môi trường cho các đối tượng này hoạt động; khi mâu thuẫn giữa các bên xảy ra công an thị trấn đến giải quyết thì đối tượng đã bỏ đi; mặt khác với các đối tượng này chính quyền địa phương chưa đủ thẩm quyền để xử lý; trong công tác tuyên truyền chưa đổi mới kịp thời về nội dung và hình thức. Trong nhân dân vẫn còn một bộ phận chưa thật sự chủ động và quan tâm tìm hiểu về các quy định pháp luật của Nhà nước. Một số ban ngành, đoàn thể chưa chủ động lập kế hoạch tuyên truyền theo từng nội dung, hình thức phù hợp và theo đúng yêu cầu tiến độ để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ; công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm từ đó công tác kiểm tra, giám sát đôi lúc chưa kịp thời. Việc đảng viên bỏ sinh hoạt Đảng nhiều lần trong năm nguyên nhân do đảng viên gặp khó khăn về vấn đề cá nhân, kinh tế nên tập trung cho công việc và

gia đình, một phần do đi làm ăn xa không thể về địa phương sinh hoạt đúng định kỳ.

Trong nhiệm kỳ qua, quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị trấn lần thứ IV đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, toàn diện theo Nghị quyết đã đề ra.

Kinh tế - xã hội phát triển theo đúng định hướng, thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu so với kế hoạch, tăng so với cùng kỳ về năng suất và sản lượng. Công tác thu chi ngân sách địa phương hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu. Các hoạt động văn hóa xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt. Đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; bộ máy chính quyền cơ sở, Mặt trận và các đoàn thể tiếp tục phát huy được vai trò và hiệu quả, tăng cường khối đại đoàn kết trong nhân dân. Công tác dân vận được quan tâm thực hiện tốt, góp phần tích cực trong vận động các nguồn lực xã hội xây dựng và phát triển địa phương. Công tác xây dựng Đảng được tập trung chỉ đạo, hoạt động cấp ủy Đảng đảm bảo duy trì nề nếp theo đúng quy chế làm việc đề ra. Công tác lãnh đạo chỉ đạo của Đảng đối với việc thực hiện các nhiệm vụ của địa phương có tập trung vào những nội dung trọng tâm, trọng điểm. Tổ chức bộ máy, nhân sự trong hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố kiện toàn.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: Kinh tế tuy có phát triển nhưng chưa xứng với lợi thế và tiềm năng; trật tự an toàn xã hội có lúc, có nơi còn tiềm ẩn một số diễn biến phức tạp; hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền địa phương ở một số lĩnh vực chưa thật sự phát huy mạnh mẽ;

chưa phát huy hết nguồn lực trong xã hội để phục vụ xây dựng và phát triển địa phương; hoạt động của một số đoàn thể chưa thật sự sâu rộng.

Những bài học kinh nghiệm được rút ra trong hoạt động của nhiệm kỳ qua, đó là Đảng bộ phải đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, nói và làm theo nghị quyết của Đảng, có qui chế làm việc, có tổ chức kiểm tra đề cao ý thức tổ chức kỷ luật. Tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết có trọng tâm, trọng điểm, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên áp dụng vào thực tiễn tại địa phương một cách khoa học, sáng tạo trong công tác thực hiện nhiệm vụ chính trị, làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương. Tăng cường mối đoàn kết thống nhất trong Đảng, phát huy tính sáng tạo, chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thường xuyên củng cố hệ thống chính trị nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động của chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị.

Bên cạnh đó, cần đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nhất là việc triển khai và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, kịp thời cụ thể hóa những chủ trương của Đảng thành những kế hoạch, chương trình hành động có trọng tâm, trọng điểm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều hành đạt hiệu quả hơn. Quan tâm chỉ đạo, kiểm tra sự phối kết hợp giữa Ủy ban nhân dân, các ban ngành, đoàn thể thị trấn với các khu phố để thúc đẩy hoạt động đồng bộ từ thị trấn đến khu phố. Kịp thời đề xuất khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong

việc thực hiện nhiệm vụ, đồng thời nghiêm túc xử lý kỷ luật đối với những cán bộ, đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ hoặc né tránh nhiệm vụ được giao.

Ngoài ra, cần xác định công tác kiểm tra, giám sát là chức năng lãnh đạo của Đảng là nhiệm vụ thường xuyên, do đó cần phải tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, quy định Điều lệ Đảng đối với tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Các đại biểu tham gia đại hội nhận định, trong 5 năm tới huyện Nhơn Trạch nói chung và thị trấn Hiệp Phước nói riêng, với vị trí thuận lợi cho việc giao thông, vận chuyển hàng hóa; trình độ dân trí và người lao động có trình độ cao từ nhiều nơi cư trú trên địa bàn Nhơn Trạch, các yếu tố trên nếu được khai thác sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mặt khác, với những kết quả đạt được trong 5 năm qua và những kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Đảng bộ, đặc biệt là sự ổn định về chính trị xã hội là tiền đề vững chắc, tác động rất lớn đến quá trình xây dựng thị trấn Hiệp Phước nâng cấp, phát triển thành thị xã trong những năm tới.

Bên cạnh những thuận lợi trên, thị trấn Hiệp Phước cũng còn nhiều khó khăn, thách thức đó là:

- Sự gia tăng dân số cơ học sẽ tạo áp lực lớn đối với cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, học tập, khám chữa bệnh; mặt khác, công tác quản lý xã hội nhiều phức tạp hơn như những tệ nạn xã hội, những ảnh hưởng mặt trái của cơ chế thị trường tác động không nhỏ đến đời sống của nhân dân.

- Vốn đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội vượt quá khả năng của ngân sách.

- Năng lực, kiến thức của đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền chưa đồng bộ, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chưa phát huy hết vai trò trách nhiệm của mình, chất lượng cán bộ Đoàn, Hội còn nhiều bất cập; chế độ chính sách đãi ngộ cho cán bộ công nhân viên chức chưa phù hợp để thúc đẩy sự nhiệt tình tham gia vào công tác.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường chưa kiểm soát chặt chẽ.

Mục tiêu tổng quát của toàn Đảng bộ và nhân dân thị trấn Hiệp Phước trong thời gian tới là cần phát huy nội lực để phát triển kinh tế toàn diện, khai thác các tiềm năng xây dựng thị trấn ngày càng phát triển; giải quyết việc làm, nâng cao sự nghiệp văn hoá, y tế, giáo dục, thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Ổn định và giữ vững quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh công tác cải cách bộ máy Nhà nước, cải cách thủ tục hành chính nâng, cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước và hệ thống chính trị. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “tiếp tục đẩy mạnh việc Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn với công tác nêu gương của cán bộ, đảng viên. Chú trọng công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ để Đảng bộ thật sự trong sạch vững mạnh, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC (1930 - 2020)

Một số mục tiêu cụ thể được đề ra như sau:

- Thu nhập bình quân đến năm 2025 đạt 90 triệu đồng/người/năm.

- Thu ngân sách phân đầu đạt chỉ tiêu huyện giao. Chi ngân sách phân đầu đạt 100%, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 25%.

- Thu gom rác thải và xử lý 100% chất thải y tế, 100% rác thải sinh hoạt.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%; hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia đạt 95%.

- Giữ vững mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, thực hiện đạt mục tiêu phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Duy trì trạm y tế có 1 bác sĩ phục vụ, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2025 dưới 1%.

- Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi dưới 6,5%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi dưới 16,5 %.

- Hằng năm giải quyết việc làm tại chỗ cho từ 150 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo 50%, trong đó đào tạo nghề đạt 65%.

- Hằng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chỉ tiêu huyện giao.

- Trên 98% hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, 5/5 khu phố giữ vững khu phố văn hóa, cơ quan thị trấn Hiệp Phước đạt cơ quan có đời sống văn hóa tốt.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân đến năm 2025 phấn đấu đạt 95%.

- Hoàn thành 100% chỉ tiêu động viên, tuyên quân, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện.

- Tỷ lệ tập hợp số người trong độ tuổi vào các tổ chức đoàn thể đạt trên 75%, riêng Đoàn Thanh niên là 60%. Tỷ lệ đoàn viên, hội viên nòng cốt đạt trên 35%; tỷ lệ đoàn viên, hội viên tham gia sinh hoạt và công tác thường xuyên đạt trên 80%; tỷ lệ Đoàn, Hội hàng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên 80%. Trên 80% đoàn viên, hội viên tham gia học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

- Hằng năm kết nạp đảng viên mới đạt 100% chỉ tiêu Huyện ủy giao; phấn đấu trên 85 % đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trên 80% chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Đảng bộ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Tỷ lệ đảng viên tham gia học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trên 99% (trừ đảng viên miễn sinh hoạt, công tác).

Các giải pháp được đại biểu thống nhất đưa ra như sau:

- Mở rộng mạng lưới thương mại - dịch vụ, nâng cao kỹ năng kinh doanh, đa dạng dịch vụ phục vụ khách hàng; tạo điều kiện hỗ trợ vốn vay, đầu tư hàng hóa, cung cấp hàng hóa, phong phú đa dạng đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần ổn định giá cả thị trường.

- Thực hiện tốt các văn bản quy định pháp luật về đất đai, phối hợp cùng các ngành của huyện thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ, tái định cư đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi của người thu

hồi đất, góp phần thúc đẩy các dự án đầu tư, ổn định cuộc sống của nhân dân, phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, kinh doanh - dịch vụ, xây dựng, kêu gọi, thu hút vốn đầu tư, phát huy nguồn nhân lực trong và ngoài địa phương đầu tư phát triển kinh tế trên địa bàn thị trấn.

- Tranh thủ từ nguồn vốn ngân sách cấp trên đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng thị trấn: đầu tư cải tạo các tuyến đường trung tâm hành chính và số tuyến đường giao thông khu phố.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng. Đề nghị huyện cấm mốc chỉ giới xây dựng trên các tuyến đường, hèm để nhân dân biết chấp hành. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đầu tư xây dựng nhà ở, công trình theo quy định pháp luật góp phần tạo động lực phát triển kinh tế và tạo mỹ quan đô thị.

- Củng cố và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động các tổ chức kinh tế tập thể yếu kém; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn và nguồn nhân lực để đầu tư thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động đa ngành nghề góp phần chung phát triển kinh tế địa phương.

- Nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về kinh doanh - dịch vụ của các thành phần kinh tế, khai thác các nguồn thu hiện có, thu đúng, thu đủ, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách được giao.

- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt chỉ tiêu giao. Chi ngân sách trên tinh thần tiết kiệm đảm bảo hoạt động Đảng - Nhà nước và đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường quản lý quy hoạch, xây dựng, chỉnh trang đô thị thị trấn theo hướng đô thị văn minh.

- Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư để tránh ngập úng cục bộ và thực hiện tốt công tác phòng chống sốt xuất huyết.

- Tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, rà soát cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết số lượng thửa đủ điều kiện, góp phần thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về đất đai, quản lý đất công hiện có, kiểm tra quản lý cột mốc địa giới hành chính.

- Tuyên truyền nâng cao ý thức nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường, tăng cường công tác quản lý nhà nước bảo vệ môi trường, vận động trên 99% hộ nhân dân đều đăng ký thu gom rác.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, nắm chắc số lượng học sinh, vận động các em bỏ học đến lớp; có kế hoạch giúp đỡ, tạo điều kiện cho các em an tâm học tập. Tích cực nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường hoạt động của hội khuyến học. Kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đạt chuẩn 100%. Đẩy mạnh công tác xây dựng các đoàn thể trong nhà trường, tích cực đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cả về kiến thức và khả năng tư duy sáng tạo, năng lực thực hành cho học sinh, nâng

cao học lực và rèn luyện hạnh kiểm; quan tâm giáo dục tri thức xã hội gắn với giáo dục truyền thống lý tưởng tình cảm cách mạng, xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực, mỗi thầy cô giáo là một tấm gương về đạo đức. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị đáp ứng sự phát triển và nâng cao chất lượng. Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch số 179-KH/HU ngày 3.11.2014 về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4.11.2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Tiếp tục triển khai có hiệu quả văn phòng một cửa hiện đại, phổ biến rộng rãi khoa học kỹ thuật vào sản xuất, môi trường, đảm bảo nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Phối hợp với cơ quan chức năng của huyện giới thiệu địa điểm xây dựng các trường học trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu chương trình thay sách giáo khoa mới và tình hình tăng học sinh cơ học của thị trấn.

- Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Tập trung thông tin tuyên truyền đưa chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước đi vào đời sống xã hội, tăng cường công

tác quản lý nhà nước, kiểm tra các hoạt động văn hóa - thông tin, nhất là quản lý đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa có điều kiện như: trò chơi điện tử, dịch vụ karaoke, massage, internet... Đồng thời xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các thiết chế văn hóa, đầu tư trang thiết bị cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, đài truyền thanh, nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, đảm bảo thông tin kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ làm công tác văn hóa thông tin - thể thao, nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng.

- Đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về “củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở”. Làm tốt công tác phòng bệnh, nâng cao chất lượng các chương trình y tế cộng đồng, y tế quốc gia. Nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, giáo dục y đức cho đội ngũ cán bộ làm công tác y tế; kiện toàn và phát triển đội ngũ công tác viên y tế 6 khu phố. Thực hiện tốt công tác bảo hiểm y tế, công tác y tế dự phòng và các chương trình y tế quốc gia, y tế cơ sở, thực hiện tốt các chính sách về dân số kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục

đinh dưỡng cho phụ nữ có thai, chăm sóc trẻ sơ sinh, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên. Duy trì và giữ vững Trạm y tế đạt chuẩn Bộ tiêu chí y tế quốc gia.

- Thường xuyên làm tốt công tác chăm lo đối tượng chính sách, tiếp tục vận động nhân dân đóng góp xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa để có kinh phí chăm lo, sửa chữa nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách, gia đình có công cách mạng.

- Phân đấu hàng năm giải quyết việc làm tại chỗ cho 150 lao động bằng nhiều hình thức như: tạo việc làm tại chỗ thông qua các dự án phát triển ngành nghề, chuyển dịch lao động trong nông nghiệp và đưa đi học nghề tại trường cao đẳng nghề Long Thành - Nhơn Trạch, Trường Cao đẳng nghề Lilama, đưa đi đào tạo nghề cho các đối tượng lao động hộ chính sách, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

- Phân đấu hằng năm giảm hộ nghèo đạt theo chỉ tiêu huyện giao, hàng năm tổ chức có hiệu quả Ngày vì người nghèo, vận động các nhà hảo tâm, quần chúng nhân dân giúp đỡ hộ nghèo; hướng dẫn hộ nghèo làm ăn có hiệu quả để thoát nghèo một cách bền vững. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, miễn giảm học phí cho con em hộ nghèo, giúp hộ nghèo tiếp cận nguồn vốn ngân hàng chính sách và sử dụng có hiệu quả. Thực hiện kịp thời chế độ chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội và người khuyết tật. Thực hiện tốt chương trình vì sự tiến bộ của phụ nữ, bình đẳng giới.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về chính sách tôn giáo, tập trung phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào các tôn giáo, hướng dẫn và tạo điều kiện cho tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, sống “tốt đời, đẹp đạo”. Kịp thời ngăn chặn những phần tử lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo và dân tộc. Từng bước xây dựng nếp sống văn hóa của cư dân đô thị.

- Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, xây dựng lực lượng dân quân chiến đấu đủ số lượng, đảm bảo chất lượng. Sẵn sàng chiến đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao phẩm chất, đạo đức cho cán bộ lực lượng dân quân chiến đấu.

- Thực hiện tốt công tác tuyển quân hàng năm đạt chất lượng và chỉ tiêu được giao, chú trọng phát triển đảng viên, đoàn viên trong lực lượng dân quân và thanh niên thi hành luật nghĩa vụ quân sự.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ an toàn các ngày cao điểm, lễ, tết và công tác phòng chống bão lụt, thiên tai.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng nhằm đấu tranh phòng chống và làm thất bại mọi âm mưu, chiến lược “diễn biến hòa

binh” của các thế lực thù địch và bọn phản động, không xảy ra điểm nóng. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình 4 giảm (tội phạm, ma túy, mại dâm, tai nạn giao thông).

- Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa Công an, Quân sự, Mặt trận, các đoàn thể và khu phố thực hiện tốt công tác vận động quần chúng tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống tội phạm và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật bằng nhiều hình thức đảm bảo cho nhân dân hiểu biết về pháp luật để nhân dân sống và làm việc theo pháp luật.

- Nâng cao kiến thức pháp luật và chất lượng hoạt động Hội đồng hòa giải thị trấn và tổ hòa giải khu phố. Duy trì tiếp dân theo qui định. Tổ chức xác minh, giải quyết kịp thời các đơn, thư khiếu nại của nhân dân, không để xảy ra điểm nóng làm mất an ninh trật tự.

- Phát huy vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, vai trò giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân. Cải tiến nội dung chất lượng kỳ họp Hội đồng nhân dân, xây dựng các nghị quyết mang tính khả thi, đúng pháp luật, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở địa phương, thông qua đó phản ánh đầy đủ ý chí, tâm tư và nguyện vọng chính đáng của đa số cử tri.

- Không ngừng cải tiến hoạt động tiếp xúc cử tri, tổ chức đối thoại, giải thích trực tiếp giữa đại biểu với cử tri, nhằm bảo đảm tính vừa là đại diện, vừa là cầu nối giữa Nhà nước và tầng lớp nhân dân trong xã hội, chú trọng công tác tiếp xúc cử tri tại khu phố; đồng thời tổng hợp đầy đủ, chính xác các tâm tư, nguyện vọng, những kiến nghị chính đáng của đa số cử tri để yêu cầu các cơ quan chức năng trả lời và giải quyết kịp thời.

- Bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, thường xuyên đề nghị và giám sát công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng luật định, tránh kéo dài gây phiền hà cho nhân dân.

- Lãnh đạo thực hiện thành công công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 và bầu cử trưởng ấp.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra, quản lý nhà nước bằng pháp luật dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy thị trấn và nhà nước cấp trên. Tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền giám sát các hoạt động của nhà nước; Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tổ chức thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí và các biểu hiện khác gây phiền hà cho nhân dân. Đồng thời, kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ, công chức nhà nước vi phạm pháp luật, vi phạm nội qui, quy chế cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Đảm bảo hồ sơ được giải quyết đúng theo quy trình.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW về “tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”; Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị về “tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội”, Quyết định 217, 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị về “quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội” và “tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”. Tăng cường đoàn kết, tập hợp, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh tại địa phương nhằm góp phần cho Đảng bộ thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ mà Nghị quyết của Đảng bộ đề ra, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng để đạt hiệu quả cao trong công tác tuyên truyền, đặc biệt nâng cao nhận thức chính trị và ý thức pháp luật trong thanh thiếu niên trên địa bàn. Thực hiện tốt các tiêu chí đánh giá chất lượng đoàn viên, hội viên, thực lực Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể.

- Đẩy mạnh phong trào Dân vận khéo và các phong trào thi đua yêu nước trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và quần chúng nhân dân tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về “tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, tham gia tích cực vào công tác

xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI), (khóa XII).

- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân và các ngành tổ chức thực hiện tốt các chương trình chính sách, dự án phát triển liên quan đến đào tạo nghề, nâng cao dân trí, giảm nghèo bền vững, phát triển sản xuất và cải thiện đời sống đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân.

- Phối hợp với các ban, ngành quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ dân vận, Mặt trận và các đoàn thể từ thị trấn đến các khu phố. Tăng cường công tác phát triển đoàn viên, hội viên đạt chỉ tiêu, xây dựng lực lượng hội viên, đoàn viên nòng cốt, đoàn kết nhân dân.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận 65-KL/TW ngày 4.3.2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ chính trị, Quyết định số 768-QĐ/TU của Ban thường vụ Tỉnh ủy, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Chỉ đạo quy chế dân chủ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội ở địa phương.

- Tiếp tục nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực cụ thể hóa đường lối của Đảng, tạo sự thống nhất cao trong nội bộ Đảng và

sự đồng thuận trong xã hội. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức công tác giáo dục, chính trị, tư tưởng và rèn luyện phẩm chất, đạo đức cán bộ, đảng viên.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng, hình thức tổ chức quán triệt, triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo 100% chi bộ cơ sở Đảng tổ chức triển khai trên 99% cán bộ, đảng viên tham gia (trừ đảng viên miễn sinh hoạt, miễn công tác). Đồng thời xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng các cấp sát với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

- Tiếp tục triển khai đi vào chiều sâu và hiệu quả thiết thực Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với thực hiện các quy định của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện ủy về nêu gương. Không ngừng giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nhân rộng gương điển hình, gương người tốt việc tốt về Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng bộ. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về “Một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay” và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.

- Đảng viên phải luôn ý thức và nâng cao cảnh giác cách mạng, chủ động và tích cực đấu tranh với những quan điểm và luận điệu sai trái, phản động, làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, giữ gìn tuyệt đối bí mật của Đảng, Nhà nước, nói và làm theo Nghị quyết của Đảng.

- Thường xuyên nắm bắt tình hình diễn biến tư tưởng trên địa bàn để có định hướng xử lý thông tin dư luận xã hội hiệu quả. Nâng cao chất lượng tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Mỗi đảng viên phải ý thức nghiêm túc thực hiện Quy định 47-QĐ/TW của Bộ chính trị về “Những điều đảng viên không được làm”, phải tự rèn luyện nâng cao nhận thức về trình độ chính trị, có lập trường quan điểm vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng trước mọi khó khăn, thử thách trong công tác cũng như trong cuộc sống phải giữ mối quan hệ chặt chẽ với cấp ủy nơi cư trú và liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân.

- Tổ chức phân công công tác đảng viên phải tùy theo năng lực, phù hợp với trình độ, có sự quan tâm giúp đỡ đối với đảng viên có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, đời sống hoặc sức khỏe kém, kiên quyết giữ nghiêm kỷ luật Đảng, kịp thời xây dựng uốn nắn những thiếu sót của đảng viên, không để xảy ra sai phạm nghiêm trọng buộc phải thi hành kỷ luật Đảng.

- Phân đấu hàng năm xét đề nghị cấp có thẩm quyền kết nạp đảng viên mới đạt chỉ tiêu Huyện giao, chú ý phát triển đảng viên

trẻ tuổi, hội đủ tư chất người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam trong các tổ chức đoàn thể quần chúng, lực lượng dân quân chiến đấu, tổ nhân dân ở khu phố.

- Tăng cường nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí.

- Hằng năm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng theo Điều 30, 32 Điều lệ Đảng, Quy định số 55-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về “Một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay” và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” thường xuyên kiểm tra việc triển khai và xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cấp trên.

- Chủ động phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, trước hết cấp ủy cùng cấp và cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý nhằm ngăn chặn khuyết điểm dẫn đến vi phạm. Xử lý nghiêm minh đối với các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên vi phạm. Giải quyết kịp thời những đơn thư tố cáo có liên quan đến đảng viên và tổ chức đảng, đơn khiếu nại kỷ luật Đảng. Phấn đấu giải quyết đơn đạt trên 90% đúng thời gian quy định, không để tồn đọng kéo dài.

- Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn đối với hệ thống chính trị hiện nay.

- Đổi mới việc xây dựng và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Tập trung xây dựng các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của cấp trên một cách thiết thực đạt hiệu quả cao nhất.

- Thực hiện tốt các quy chế, quy định về tổ chức hoạt động của Đảng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội.

- Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, tăng cường chế độ tập thể lãnh đạo đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của người đứng đầu. Cán bộ, đảng viên phát huy tính tiên phong, gương mẫu, sáng tạo trong công tác, nói đi đôi với làm, lấy hiệu quả công tác làm thước đo năng lực, trình độ, luôn rèn luyện học tập để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Hằng năm tổ chức đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng một cách nghiêm túc, củng cố kịp thời những cơ sở yếu kém. Thông qua các cuộc sinh hoạt chi bộ để phát hiện và khắc phục những lệch lạc yếu kém và những biểu hiện tiêu cực, từ đó đề ra các biện pháp khắc phục hiệu quả nhằm đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

- Thực hiện nghiêm nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng. Thường xuyên kiểm tra giám sát đảng viên thực hiện nghị quyết của Đảng, coi trọng việc lấy ý kiến nhận xét của nhân dân về tư cách đạo đức cán bộ, đảng viên.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội bằng Nghị quyết, chương trình hành động và các kế hoạch cụ thể. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, xây dựng qui định cụ thể về thời gian chỉ đạo, kiểm tra, xử lý đối với từng loại công việc. Tập trung chỉ đạo sâu sát các chi bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy, tăng cường công tác kiểm tra theo quy định của Điều lệ Đảng.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 11 đồng chí: Dương Văn Em (Bí thư Đảng ủy), Trần Văn Hà (Chủ tịch Ủy ban nhân dân), Nguyễn Văn Chính, Nguyễn Tấn Xuân, Nguyễn Hoàng Minh, Phạm Minh Tiến, Trần Bích Ngọc, Nguyễn Tấn Phong, Nguyễn Minh Tới, Nguyễn Như Chung, Đặng Văn Xiếp.

Chương VII

BÀI HỌC LỊCH SỬ

Từ thực tế lịch sử, Đảng bộ thị trấn Hiệp Phước đúc kết 5 bài học kinh nghiệm:

1. Bài học về xây dựng Đảng

Xây dựng Đảng là then chốt, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Đảng không tự nhiên có. Mọi nguồn lực của Đảng là từ ở dân, trong dân, do dân vì dân. Cấp ủy xã phải luôn là tập thể đoàn kết vững mạnh, tiêu biểu cho đạo đức, văn minh, tiên bộ trong lòng dân. Bài học này phổ quát ở Hiệp Phước thể hiện cụ thể và rõ nét nhất. Trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, Hiệp Phước là địa bàn trọng yếu, được xem là vùng yếu do giặc tập trung lực lượng và áp dụng mọi biện pháp để tiêu diệt lực lượng kháng chiến, đẩy Đảng ra khỏi dân, có lúc tổ chức Đảng bị tan rã, đảng viên bị hy sinh, bị bắt, tù đày nhưng nhờ ở lòng dân, sức dân mà gầy dựng lại, trưởng thành, đi đến mọi thắng lợi. Trong thời hòa bình, thống nhất xây dựng đất nước cũng vậy.

Xây dựng Đảng là xây dựng giá trị trong lòng dân, làm cho dân hiểu, tin và làm theo. Trong kháng chiến, ở địa bàn Hiệp Phước không có căn cứ cách mạng vững chắc, không nhiều hầm bí mật trong lòng đất, nhưng Đảng trong lòng dân thì bền vững. Đảng

được dân tin yêu, nuôi dưỡng, chở che, bảo vệ nên không ngừng lớn mạnh. Hình ảnh của những người dân, những gia đình cơ sở tìm mọi cách để qua mắt giặc, nuôi giấu cán bộ, cung ứng vật lực, hy sinh tài sản, con cái và tính mạng mình để bảo vệ Đảng, xây dựng Đảng chính là nguyên nhân mọi thắng lợi của Đảng, từ không đến có, từ yếu đến mạnh, từ thất thế đến chiến thắng.

Trong xây dựng Đảng thời hòa bình, thống nhất cũng vậy. Dân là nguồn lực đồng thời là mục tiêu của mọi chương trình, kế hoạch kinh tế xã hội. Những lúc khó khăn, chưa thành công đều nhận ra nguyên nhân ở lòng dân chưa đồng thuận.

Xây dựng Đảng ở Hiệp Phước không nặng về lý luận cách mạng mà thành công thường bằng việc nêu gương thông qua các tấm gương của đảng viên. Từ những buổi đầu xây dựng Đảng, người Hiệp Phước vốn là những nông dân nghèo, ít được học hành, ít tiếp xúc với sách vở nên khó tiếp cận lý luận cách mạng, chủ yếu được nghe, hiểu và làm theo các đảng viên tiên phong, gương mẫu cả trong nhận thức, hành động và lối sống.

Trong kháng chiến, nhiều tấm gương anh dũng chiến đấu, hy sinh, xả thân vì sự nghiệp cách mạng đã thuyết phục, làm sáng mắt sáng lòng bao lớp người. Các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên đã theo Đảng từ lòng tin vào những tấm gương tốt ấy. Có thể nói, gương đảng viên là bài học có sức thuyết phục nhất, xây dựng Đảng bằng nêu gương đảng viên là phương thức hiệu quả nhất. Đảng viên là lãnh đạo dù ở cấp nào cũng phải gương mẫu, tiên phong trong mọi nhiệm vụ.

Trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, việc học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh càng có ý nghĩa quan trọng. Người đảng viên phải luôn học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng, tự giác, tiên phong, gương mẫu, tận tụy phục vụ nhân dân thì tổ chức đảng mới vững mạnh được dân tin yêu và làm theo.

2. Bài học về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

Lực lượng vũ trang do Đảng lãnh đạo là sức mạnh của dân để chiến đấu và phòng vệ. Cũng như xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thế trận lòng dân là bài học chung, nhưng ở Hiệp Phước có những nét riêng.

Hiệp Phước có vị trí quan trọng trên tuyến lộ 17 - 19, vùng “xôi đậu” cận với các cơ quan đầu não của giặc nên giặc tập trung mọi lực lượng, mọi thủ đoạn để đánh phá chia cắt, tiêu diệt. Cách mạng cũng bằng mọi cách gây dựng lực lượng để áp sát vành đai của giặc, thọc sâu đánh trả những đòn tấn công, khủng bố. Dựa vào dân, bắt đầu từ dân, các phong trào đấu tranh tuyên truyền chính trị đến vũ trang tự vệ được gây dựng, lớn mạnh dần. Khởi đầu từ kháng chiến chống Pháp tầm vông vạt nhọn, vũ khí thô sơ, cướp vũ khí địch đánh địch, kết hợp tuyên truyền, vũ trang và binh vận. Lực lượng vũ trang do dân nuôi quân, người dân đóng góp vật lực và nhân lực xây dựng dân quân du kích, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực, tiến công trên các mặt trận quân sự, chính trị và địch vận. Hiệp Phước từng là nơi đóng quân của Quận ủy và Ủy ban kháng chiến quận Long Thành, từng góp phần nuôi bộ đội Việt Minh và lực lượng Bình Xuyên đánh giặc. Chiến trường ở Hiệp Phước luôn ác liệt, căng thẳng. Cán bộ, du kích xã và bộ đội địa

phương mất mát hy sinh rất nhiều. Nhiều liệt sĩ hy sinh ở tuổi hai mươi, chưa có tình yêu. Lớp này hy sinh, lớp khác tòng quân. Có lúc lực lượng vũ trang bị đánh bật ra khỏi khu dân cư, người dân bị gom và các áp chiến lược, quân dân bị chia cắt nhưng từ lòng dân, sức dân, các đơn vị lực lượng vũ trang hồi sinh, không ngừng lớn mạnh, thắng lợi vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến. Trong hòa bình thống nhất, những ngày đầu xây dựng chính quyền nhân dân, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn còn nhiều phức tạp, các thế lực phá hoại vẫn còn, có lúc toàn xã thiếu đói, gặp nhiều khó khăn tưởng không qua khỏi; nhưng nhờ dựa vào lòng dân, sức dân, các đơn vị lực lượng vũ trang còn mỏng manh về thực lực vẫn đủ sức mạnh để bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn. Lực lượng vũ trang nhân dân càng lớn mạnh càng phải dựa vào dân, gắn kết với các phong trào thi đua yêu nước của dân, nhất là phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc.

3. Bài học về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân

Đại đoàn kết là truyền thống của dân tộc, là bài học của mọi thành công. Hiệp Phước vốn là sự hợp thành của 3 bộ phận Mỹ Khoan, Phước Kiển, Phước Lai, nhiều lần tách nhập; cũng là nơi hội tụ của cư dân tứ xứ, nhiều thành phần tín ngưỡng tôn giáo. Trong kháng chiến, địa bàn Hiệp Phước một thời gian dài phân hóa thành vùng địch - vùng ta hoặc vùng “xôi đậu”, “da beo” khác nhau trong ứng xử và sinh hoạt. Địch lại dùng trăm phương ngàn kế, tổ chức nhiều lực lượng đội lốt tôn giáo, dân sinh để gây chia rẽ, ngăn cách dân với cách mạng. Cho nên, ở Hiệp Phước việc xây dựng đại đoàn kết toàn dân là việc rất khó. Càng khó càng quan

trọng và cần thiết. Tổ chức Đảng và đảng viên ở Hiệp Phước luôn bám dân, kết nối với các tổ chức của dân, xây dựng các đoàn thể cách mạng lấy lòng yêu nước, tinh thần dân tộc và truyền thống đoàn kết làm hạt nhân cơ bản, phát huy được sức mạnh đặc trưng của các tầng lớp nhân dân, các giới, các độ tuổi, các lĩnh vực ngành nghề, các tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo. Trong thời hòa bình, thống nhất xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở Hiệp Phước phát huy được bài học đại đoàn kết này kết nối mọi tầng lớp nhân dân, mọi tấm lòng yêu nước hình thành sức mạnh tổng hợp của dân thì khó khăn nào cũng vượt qua, nhiệm vụ nào cũng thành công.

4. Bài học về nguồn nhân lực

Nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất trong mọi nguồn lực. Trong kháng chiến cũng như trong xây dựng và phát triển, ở Hiệp Phước thấu hiểu nhất việc xây dựng và phát huy nguồn nhân lực, nhất là nhân lực lãnh đạo quản lý. Người Hiệp Phước không đông, hội tụ từ tứ xứ, nhiều lần tách nhập nên nhân lực không ổn định. Trong kháng chiến, do chiến trường ác liệt, cán bộ và chiến sĩ hy sinh quá nhiều, liên tục thay thế Bí thư, Chủ tịch, Xã đội trưởng trong thời gian ngắn, không đủ người tại chỗ để thay thế, phải điều động tăng cường từ nơi khác, chưa kịp làm quen địa bàn đã hy sinh, lại phải thay thế. Rất nhiều khó khăn nảy sinh do nguồn nhân lực bị tổn hại nhưng thiếu sự chuẩn bị thay thế. Lúc này, mới biết việc đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn nhân lực thay thế để tiếp nối, kế thừa lớp trước là cấp thiết thế nào. Thời kỳ đầu giải phóng, trong tình hình khó khăn chung, ở Hiệp Phước nhiều trường hợp

cán bộ không vượt được khó khăn, xin nghỉ việc, bỏ rơi nhiệm vụ, phải nhiều luân chuyển, thay đổi. Ấy cũng do nguồn nhân lực không được chuẩn bị đầy đủ và tạo điều kiện để cán bộ vượt khó, rèn luyện bản lĩnh và nghiệp vụ. Hiệp Phước đang là thị trấn duy nhất của huyện Nhơn Trạch, nguồn nhân lực cần được chú trọng tạo nguồn nhân lực tinh hoa, tiêu biểu ở địa bàn đang phát triển đô thị công nghiệp, đủ sức phục vụ cho địa phương mình, còn sẵn sàng cho nhiệm vụ ở cấp cao hơn. Khác với thời kháng chiến, nguồn nhân lực ở Hiệp Phước thời bình cần được chủ động thực hiện với tầm nhìn xa, yêu cầu cao cả về năng lực, đạo đức, kỹ năng và khả năng thích ứng với thời đại hội nhập và công nghệ cao.

5. Bài học đổi mới tư duy, chủ động trong phát triển

Trong kháng chiến, Hiệp Phước là địa bàn ác liệt đã phải ứng phó, sáng tạo để chiến đấu giành chiến thắng. Thời nay, trong hòa bình, thống nhất, thị trấn Hiệp Phước đang ở tuyến đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa của huyện Nhơn Trạch. Vị trí này đòi hỏi Đảng bộ thị trấn Hiệp Phước phát huy bài học chủ động sáng tạo trong kháng chiến, tiếp tục đổi mới tư duy, nắm bắt thời cơ, phát huy lợi thế của địa phương, huy động các nguồn lực để thực hiện các công trình dự án lớn làm chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân. Nếu không chủ động đổi mới, bản lĩnh trong lãnh đạo, quản lý thì thời cơ sẽ trôi qua, thách thức càng phức tạp, không đáp ứng được lòng dân.

PHỤ LỤC

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VÀ BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

Nguyễn Văn Quang

Đồng chí Nguyễn Văn Quang¹ tự Sên, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc Kinh, sinh năm 1944, quê xã Phước Lai, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Khi được tặng danh hiệu anh hùng, đồng chí là tiểu đội trưởng Đại liên Đại đội 1, Tiểu đoàn 445 Bà Rịa - Long Khánh.

Sinh trưởng trong một gia đình bản nông có mối thù sâu sắc với thực dân, địa chủ, năm 1964 đồng chí xung phong gia nhập lực lượng vũ trang. Trong vòng 3 năm (từ năm 1964 đến năm 1967), đồng chí Nguyễn Văn Quang đã tham gia 20 trận đánh, diệt 180 tên địch (trong đó có 73 tên Mỹ, 25 tên Úc), diệt 1 xe tăng M41, 1 xe Jeep, thu 27 súng các loại và 2 máy thông tin. Đặc biệt trận đánh đầu tiên vào tháng 5.1965 tại An Ngãi, đồng chí đã diệt 4 tên, thu 1 trọng liên và 1 máy thông tin của địch. Trong trận Đá Giăng diễn ra vào tháng 1.1966, đồng chí diệt 15 tên, lấy 3 trung liên. Trong trận sông Cầu vào tháng 5.1966, dù một mình bị địch bao vây nhưng đồng chí vẫn kiên cường đánh lui 8 đợt xung phong của địch...

¹ Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), *Đồng Nai những đơn vị anh hùng*, Nxb Đồng Nai, 1985.

Trong chiến đấu, đồng chí Nguyễn Văn Quang là chiến sĩ kiên cường, cực kỳ gan dạ, chủ động tiến công mãnh liệt, tiêu diệt địch, thu vũ khí, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong mọi mặt công tác, đồng chí luôn luôn dũng cảm đi đầu, đoàn kết thương yêu tận tình giúp đỡ đồng đội, được toàn thể cán bộ, chiến sĩ quý mến.

Đồng chí đã được khen thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, 3 lần dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú, 1 lần dũng sĩ diệt cơ giới. Ngày 17.9.1967, đồng chí Nguyễn Văn Quang đã được Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 1967¹.

Nguyễn Thị Nót **(1910-1992)**

Cuộc đời của má Nguyễn Thị Nót nhiều gian truân. Khi còn trẻ, nhờ chăm chỉ và tiết kiệm, má cùng chồng dành dụm được một gia sản kha khá. Đến năm 31 tuổi, má có niềm hạnh phúc được làm mẹ, lại là con trai. Tưởng như cuộc sống gia đình thế là trọn vẹn hạnh phúc. Nào ngờ, người chồng bỏ má và đưa con thơ đi tìm hạnh phúc mới, đem theo cả tài sản trong nhà. Má Nguyễn Thị Nót như bao nhiêu phụ nữ nông thôn thời ấy phải ngậm đắng nuốt cay, dằn lòng chịu đựng. Người chồng chính thức sang ở với người vợ mới. Má một mình, chắt chiu tằn tiện nuôi anh Trần Văn Lập, người con duy nhất khôn lớn. Rồi anh có vợ, mang đến cho

¹ Xem: *Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, NXB Đồng Nai, 1998.

má niềm vui là một đứa cháu gái kháu khỉnh. Sau đó, anh nhập ngũ ngày 16.1.1961, khi ấy anh tròn 20 tuổi.

Má được an ủi ít nhiều vì căn nhà cô quạnh của má có thêm tiếng nói tiếng cười của trẻ thơ và sự chăm lo của người con dâu. Má và con dâu nhiều lần lên đơn vị thăm con, thăm chồng. Anh là một chiến sĩ dũng cảm. Trong 5 năm ngắn ngủi phục vụ trong quân đội, anh được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Ba, hạng Nhì. Sau này, anh được truy tặng Huân chương Chiến công hạng Ba. Anh hy sinh ngày 5.5.1966 khi là Tiểu đội phó (đơn vị Đại đội 240 - Long Thành). Lúc ra đi, có lẽ anh chưa hề hay biết cô con gái thứ hai của mình vừa chào đời.

Con trai hy sinh, những người thân lo lắng trước sự suy sụp tinh thần của má. Má đã lên Tam An, An Lợi, nơi đơn vị con đóng quân hy vọng tìm được mộ con, song hy vọng ấy của má cũng không trở thành hiện thực. Không lâu sau, người con dâu đưa 2 cháu gái về bên ngoại, để lại má sống một mình. Má sống đơn cô âm thầm như một chiếc bóng trong căn nhà ở xã Hiệp Phước. Người anh trai của má lên ở chung để chăm sóc, trông nom em gái mình. Trước khi qua đời, ông dặn con trai phải thay ông chăm sóc người cô của mình. Từ đó hai cô cháu nương tựa nhau cho đến khi má mất vào ngày 2.2 âm lịch năm 1992.

Má được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17.12.1994.

Nguyễn Thị Dính

(1910-1987)

Người dân xã Hiệp Phước (huyện Nhơn Trạch) hầu như không biết gì về cuộc đời má Nguyễn Thị Dính, nhưng hình ảnh má lại rất quen thuộc đối với họ - một người đàn bà điên lang thang khắp nẻo đường quê, suốt mấy chục năm ròng. Quang gánh trên vai, người mẹ ấy đã thấp nhang dọc những con đường Nhơn Trạch, Long Thành, Bà Rịa, Hòa Long và biết bao con đường mòn không tên khác đã in những bước chân trần của má. “Má đi tìm thằng Hai”, má bảo với mọi người như thế.

Em dâu của má Nguyễn Thị Dính kể: “Chị Hai tôi là một người đảm đang chịu khó. Hồi tôi chưa về làm dâu trong gia đình này, nhưng bọn con gái chúng tôi thời đó đã nể tài buôn bán và cái đức siêng làm của chị. Đưa con của chị Hai tôi không được gia đình chồng nhìn nhận. Và có lẽ không muốn thành gánh nặng cho cha mẹ nên chị xin ra ở riêng. Vì thế, chị Hai tôi thui thui một mình, sinh con rồi nuôi con khôn lớn...”.

Từ ấy bao nhiêu tình cảm yêu thương mẹ dồn hết cho người con trai duy nhất Nguyễn Văn Đương. Nhưng tình yêu mãnh liệt ấy vẫn không ngăn má tiễn chân con lên đường chiến đấu vì độc lập, tự do của đất nước, dân tộc. Để rồi năm 1963, tin con trai duy nhất hy sinh đã là nỗi đau cuối cùng giáng xuống cuộc đời cay cực và cô đơn của má. 24 năm dài sau đó má lang thang tìm kiếm núm ruột của mình. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đương đã chiến đấu và anh dũng hy sinh trên đường cùng đội du kích xuống xóm trịnh

sát nắm tình hình địch để chuẩn bị cho một trận đánh. Năm 1977, giấy báo tử mới được gửi về tới tay má.

Má và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 1985. Má được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17.12.1994.

Lê Thị Y

(1928 - 2000)

Má Lê Thị Y sinh năm 1928 tại Phú Hội (huyện Nhơn Trạch). Chồng má, ông Nguyễn Văn Cớ quê ở miền Bắc vào làm phu cao su ở Sở Tân Tường rồi thoát ly theo cách mạng từ tháng 4.1945. Hai người gặp nhau, lấy nhau cũng khoảng thời gian ấy. Năm 1946, má sinh người con đầu lòng và cũng là con trai duy nhất, anh Nguyễn Thanh Sơn.

Ngày 6.7.1952, má được tin chồng hy sinh. Ông Nguyễn Văn Cớ bị lọt vòng kích trong khi đi điều nghiên để đánh vào bót địch. Lúc ấy, ông là Đại đội phó Đại đội Đô Lương (Huyện đội Long Thành). Má đã lặn lội lên vùng rừng Xoài Minh để tìm xác chồng nhưng không tìm được. Vài ngày sau, má cũng bị bắt tại chợ Cây Dương ở Thành Tuy Hạ. Hai năm tù tội, chúng đưa má từ trại giam Phú Lâm đến Hạnh Thông Tây rồi về Bà Rịa. Đình chiến 1954, má được trao trả ở Cà Mau. Trong thời gian ấy, con trai má được gửi nuôi ở một ngôi chùa tại Biên Hòa. Anh Sơn được học nghề thuốc rồi nhập ngũ năm 1965, làm y tá cho một đơn vị quân giải phóng ở huyện Tân Phú.

Khi con trai má hy sinh, mọi người sợ má buồn nên giấu má. Năm 1969, một y sĩ tên Phước ở đơn vị con trai má về tìm má, lúc ấy má thật sự hết hy vọng. Sau giải phóng, má có lên Định Quán, Tân Phú tìm đến đơn vị của con, được trao giấy báo tử: liệt sĩ Nguyễn Thanh Sơn hy sinh ngày 1.9.1969, còn mộ thì không thể tìm thấy. Cho đến mãi sau này, theo thói quen má vẫn cúng cơm chôn con vào ngày Thương binh - Liệt sĩ 27.7.

Năm 1960, má bị bắt lần thứ 2 tại quận Long Thành. Chúng tra tấn rồi chuyển má từ Ty cảnh sát Biên Hòa đến trại giam Phú Lợi. Năm 1962, má được thả khi đang ở trại giam Thủ Đức. Từ năm 1963 trở đi, má đã là đảng viên cộng sản, một cán bộ tích cực của Hội Phụ nữ huyện Nhơn Trạch. Năm 1971, má được rút về Hội Phụ nữ tỉnh Biên Hòa cũ. Sau giải phóng, má xuống công tác tại huyện Cần Giò (lúc ấy thuộc tỉnh Đồng Nai), sau đó là cán bộ Hội Phụ nữ rồi Trưởng phòng thương binh xã hội huyện Thống Nhất. Má nghỉ hưu năm 1982 và tá túc trong chùa Ngọc Linh (xã Hiệp Phước) suốt 13 năm. Ngày 19.5.1995, Công ty Thiết bị điện số 4 (Khu công nghiệp Biên Hòa 1) xây tặng cho má căn nhà tình nghĩa. Má sống ở đây cho đến khi qua đời vào ngày 5.4.2000.

Má và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 1985. Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho má theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17.12.1994.



Dương Thị Phụ

(1905-1997)

Trong ngôi nhà đơn sơ khiêm tốn của má Dương Thị Phụ ở xã Hiệp Phước, ba tấm bằng Tổ quốc ghi công lúc nào cũng được treo trang trọng trên bàn thờ. Không chỉ những liệt sĩ đã nằm xuống mà cả gia đình má - 2 vợ chồng cùng 6 người con còn là cơ sở cách mạng suốt 2 mùa kháng chiến. Căn nhà của má dù nhỏ nhưng từng là điểm hẹn của bộ đội và các cán bộ hoạt động bí mật. Cũng như nhiều gia đình chí cốt khác, má Dương Thị Phụ đã nuôi không biết bao nhiêu lượt thương binh trong nhà.

Người bạn đời của má, ông Huỳnh Văn Diệu, hy sinh lúc ông vừa tròn 40 tuổi. Khi ấy ông là nhân viên Ban tiếp tế Long Thành. Tháng 7.1946, ông bị bắt trong lúc vận động mua lương thực cho bộ đội ngay trên mảnh đất Phước Lai quê ông. Trong thời gian bị giam cầm tại khám đường Biên Hòa, ông cùng các bạn tù đấu tranh và bị bí mật thủ tiêu không lâu sau đó.

Sau khi người bạn đời nằm xuống, má lại lần lượt đón nhận tin 2 người con hy sinh. Liệt sĩ Huỳnh Ngọc Chiêu, sinh năm 1927, nhập ngũ tháng 7.1948, khi mới 21 tuổi. Con trai má là Trung đội trưởng bộ đội tình nguyện Đông Nam Bộ - Cao Miên. Anh nhập ngũ chỉ 2 năm sau khi người cha qua đời, và hy sinh trước ngày đình chiến 1954 không bao lâu. Má cùng người con trai út xuống

tận xã Tân Bằng, huyện Bạc Liêu để tìm mộ liệt sĩ Huỳnh Ngọc Chiếu. Đồng đội của con má cho hay, liệt sĩ Huỳnh Ngọc Chiếu hy sinh trong một trận chống càn tận vùng biên giới giáp ranh Campuchia, đồng đội đã không đưa được anh về tới đơn vị.

Liệt sĩ Huỳnh Văn Bửu sinh năm 1937, hy sinh năm 1963 trên chính mảnh đất quê nhà, má cũng không tìm được mộ. Anh là Bí thư Chi bộ xã Phước Lai, hy sinh trong lúc cùng cán bộ các ban ngành của xã ra đồng thu đảm phụ.

Trong chiến tranh, mọi mặt trận đều khốc liệt. Má đã cống hiến 3 người thân yêu vì sự nghiệp độc lập của dân tộc. Song với má và những người con còn sống, sự lựa chọn vẫn không hề thay đổi. Nỗi đau và niềm tự hào to lớn của má hòa cùng nỗi đau và niềm tự hào chung của đất nước và của những người chung quanh. Má và các con của má đã âm thầm làm điểm tựa cho cuộc cách mạng đến tận ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Má và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 1985. Riêng má được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17.12.1994.

Má qua đời ngày 1.3.1997.



Nguyễn Thị Cửu

(1913 - 1956)

Mẹ Nguyễn Thị Cửu sinh năm Quý Sửu 1913 trong một gia đình nông dân nghèo ở xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Mẹ lấy ông Huỳnh Văn Lộc ở xã Hiệp Phước láng giềng, cũng là dân làm ruộng, sinh hạ năm người con đều nuôi được tới tuổi trưởng thành (một gái đầu lòng và bốn trai kế tiếp).

Khi Cách mạng Tháng Tám 1945 sắp nổ ra, ông Huỳnh Văn Lộc dù ở lứa tuổi trung niên vẫn hăng hái tham gia phong trào Thanh niên tiên phong. Khi ta cướp chính quyền thắng lợi ở quận lỵ thì Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời các xã Phước Lai, Phước Kiển... được thành lập. Ông tham gia một số công tác của xã. Đầu năm 1946, quân Pháp trở lại đánh chiếm quận lỵ Long Thành rồi nong ra các xã trong vùng. Ông trở thành cán bộ phong trào của xã, cơm nhà việc nước. Giặc đóng chốt trong xã, ông đi đi về về giữa quê và Chiến khu Phước An. Một lần ông giấu một bó giấy tờ ghi chép công tác ở mái nhà, lính địch đi ruộng bóc xét nhà, thấy tài liệu, bắt mẹ Cửu gọi ông về. Mẹ vờ đồng ý, làm kế hoãn binh nói ông đi làm ăn xa, khi nào về sẽ bảo ông ở lại. Sau đó, chúng không nhắc tới, mẹ cũng cho qua luôn lời hứa trước.

Do đau bao tử mãn tính không tiền mua thuốc chữa chạy, mẹ Nguyễn Thị Cửu qua đời để lại các con còn nhỏ dại. Vào thời kỳ này, Mỹ Diệm thực hiện chiến lược chiến tranh cảnh sát, huy động

mọi lực lượng quân sự và các công cụ bạo lực phản cách mạng hòng tiêu diệt cách mạng miền Nam. Ở các xã Phước Lai, Phước Kiếng (nay nhập thành xã Hiệp Phước) số hương chức hội tề cũ lại nhảy ra nắm chính quyền. Mạng lưới do thám, chỉ điểm hoạt động mạnh để dò la số cán bộ nằm vùng và cơ sở mật. Các chiến dịch tố cộng, diệt cộng khiến nhiều đồng chí ở Phước Kiếng sa vào tay địch: Hoàng, Bảy Bùng, Tú, Năm... Suốt mấy năm liền, Hiệp Phước thuộc loại vùng yếu.

Đầu năm 1962, anh Ba Minh (Huỳnh Ngọc Minh, tức Anh Dũng sinh năm 1942) bị bắt quân địch, được đồng chí Ba Chơn móc đi thoát ly. Anh vào du kích xã một thời gian rồi trở thành cán bộ xây dựng phong trào. Khi địch gom dân lập ấp chiến lược năm 1963, anh nhiều lần đột vô các ấp xây dựng cơ sở, nhận tiếp tế rồi lại rút về căn cứ trong rừng.

Năm Sơn (Huỳnh Ngọc Sơn, tức Hùng Cường, sinh năm 1950) mới mười ba tuổi ngày ngày đi tìm anh em cán bộ. Tháng 9.1963, Năm Sơn rời nhà theo anh Ba Minh vào căn cứ. Ưa thích đi chiến đấu, Năm Sơn xin gia nhập C.240 của huyện Long Thành, được giao bất kỳ nhiệm vụ nào cũng hoàn thành tốt và luôn xin đi chiến đấu.

Chị Hai Thu (Huỳnh Thị Thu, còn có tên là Huỳnh Thị Trinh) lấy chồng ở xã An Lợi cũng được giao nhiệm vụ nắm tin tức, tình hình hoạt động của địch trong ấp chiến lược An Lợi kịp thời báo cho các đồng chí Sáu Rạng và Linh từ năm 1963. Để có lý do la cà mọi chỗ, nắm chắc tình hình địch nhằm phục vụ các cuộc đấu tranh của cách mạng, chị Thu đi bán sương sa dù công việc này lâu

rất ít nhưng nhờ đó chị có thể hợp pháp di chuyển khắp nơi, gặp gỡ mọi người nắm tin tức, tình hình di biến động của địch.

Tư Quang (Huỳnh Ngọc Quang) vừa đến tuổi quân dịch, chị Hai Thu đưa vô căn cứ giao cho anh Ba Minh. Mới đầu anh làm kế toán kinh tài cho Huyện ủy Nhơn Trạch, được ít lâu anh xin đi bộ đội Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 4, Sư đoàn chủ lực 5 của Miền.

Các con đều đi thoát ly (trừ con út quá nhỏ) nên ông Huỳnh Văn Lộc liên tục bị hội đồng xã gọi lên gọi xuống, bắt phải kêu các con về.

Năm 1965, anh Ba Minh trở thành Bí thư Chi bộ xã Phước Lai. Sáng ngày 24.7.1965, anh cùng đồng chí Xã đội trưởng Trương Văn Hoàng đột vào ấp Cái Vạn rồi trở về căn cứ, trên đường đi các anh đụng lính bảo an 464 ở khu Lò than Phước Long. Anh Ba Minh đã vào tới rừng, thấy đồng đội bị đạn bắn gãy chân nên quay lại cống đi. Sau đó anh cũng trúng đạn, lính vây chặt gọi hàng. Anh bắn một tên bị thương rồi hô lớn: “Đả đảo đế quốc Mỹ! Hồ Chủ tịch muôn năm!” Chúng biết anh không đầu hàng, xả súng nát cả ngực, cả hai đều hy sinh. Chúng kéo xác các anh về chợ. Cha của anh, ông Huỳnh Văn Lộc ra xin thi thể các anh đem về chôn. Sau một hồi giằng co chúng mới chịu cho tẩm liệm.

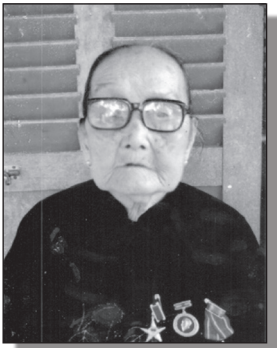
Năm 1966, bị công an quận Long Thành tầm nã, chị Hai Thu đi thoát ly luôn cho tới ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Cùng năm này ông Huỳnh Văn Lộc lâm trọng bệnh qua đời.

Là bộ đội giải phóng từ tuổi thiếu niên, Năm Sơn hăng hái chiến đấu. Đêm 25.5.1968, đơn vị C.240 đánh bót Phú Hội. Năm Sơn hy sinh được đồng đội an táng chu đáo.

Tư Quang chiến đấu khắp các chiến trường miền Đông Nam Bộ. Tháng 7.1968, tiểu đoàn anh về đứng chân ở Bà Rịa, chuẩn bị vào đợt ba Mậu Thân. Ngày 2.8.1968, tổ ba người của anh xung phong đi tiếp ứng cho ban chỉ huy đơn vị bị lính Úc tấn công. Khi các anh đến nơi, đơn vị đã rút đi và tổ này lọt ổ phục kích của lính chư hầu Úc. Cả tổ hy sinh, mãi sau này vẫn không tìm được mộ.

Mẹ Nguyễn Thị Cửu có công sinh thành ba liệt sĩ góp phần vào sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, được Nhà nước truy tặng danh hiệu vinh dự Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17.12.1994.

Mẹ và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000.



Nguyễn Thị Hương

(1910-2005)

Nhà của má Nguyễn Thị Hương nằm giữa 3 căn nhà lá của 3 cô con gái ở xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch. Bốn mái tranh nép vào nhau làm nên cái vè đầm ấm, sum vầy. Đây là hình ảnh mà mọi người đều quen thuộc trước khi má qua đời vào ngày 1.10.2005.

Cũng chính căn nhà này, mảnh vườn này, là nơi má từ miền quê xã Long Thọ về làm dâu, nơi má cùng chồng vỡ đất, tạo lập vườn rẫy, nơi má đã che giấu, chăm nuôi bao thương binh cho

tới ngày lành lặn. Má có 3 người con trai tham gia cách mạng. Má nghĩ rằng, ở đâu đó khi các con má gặp khó khăn cũng sẽ có những người như má chăm sóc đỡ đần. Vì vậy nhà má luôn luôn có sẵn rất nhiều võng, gạo, thức ăn, thuốc men, bộ đội bị thương là cứ tìm nhà má mà vào. Má có sẵn hầm để giấu các anh. Nếu tình hình không yên, má cùng chồng và các con gái sẽ biết chỗ đưa thương binh tạm lánh đi.

Từ khi còn trẻ, má Hương đã theo ông nội bán thuốc tễ rong. Lấy chồng, có con, tham gia cách mạng, nghề cũ của má cũng tạo nguồn tài chính để mua sữa, bông băng, thuốc Tây... cho thương binh.

Má có 6 người con, ba trai, ba gái. Má đã từng mơ ước có những đứa cháu nội ngoan ngoãn, kháu khỉnh. Thế rồi 3 người con trai của má lần lượt hy sinh. Anh Đặng Văn Thép, con trai lớn của má, sinh năm 1930, tham gia đội du kích xã Long Thọ, hy sinh khi mới vừa 17 tuổi (ngày 2.11.1947) trong một trận chống càn ở khu Long Thọ. Anh Đặng Văn Sang, sinh năm 1942, nhập ngũ tháng 1.1961, là du kích xã Phước Lai, bị trúng trái nỏ hy sinh ở căn cứ Phước Lai ngày 10.10.1963. Nghe nói, anh Sang hy sinh ở vùng Lòng Chảo nhưng vùng ấy bị san ủi, má bao nhiêu lần tìm mộ nhưng đều không thấy. Anh Đặng Văn Đức là chiến sĩ của Đại đội 240, nhập ngũ tháng 5.1963, hy sinh ngày 11.5.1969 trong một trận đánh ở Xóm Hố (Phú Hội), được đồng đội đưa về và má an táng anh tại vườn nhà. Đây là người con duy nhất mà gia đình tìm được thi thể, được chôn cất theo tập tục.

Hồ sơ liệt sĩ chi ghi lại có thể, má cũng không biết gì thêm về hoàn cảnh hy sinh của các con trai mình. Ba người con trai của má đã rời vòng tay mẹ khi còn rất trẻ, chưa kịp nghĩ đến ánh mắt nụ cười của một thiếu nữ nào. Các anh đã chiến đấu anh dũng và về với lòng đất mẹ trong tư thế của những người anh hùng.

Má được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17.12.1994.

Má và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000.



Phạm Thị Bánh

(1923-2020)

Từ ngày 23.7.2018, đoạn đường dài hơn 50 mét vào nhà Bà mẹ Việt Nam anh hùng Phạm Thị Bánh ở ấp Năm, xã Hiệp Phước (nay là khu phố Phước Hiệp, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch) đã được đổ bê tông kang trang, sạch sẽ. Không những thế, nhà mẹ Bánh và bà con quanh đó khi đi lại vào ban đêm cũng đã có đèn đường soi sáng, không phải lo vấp ngã hay tối tăm như trước kia.

Niềm vui này là do Đảng ủy xã Hiệp Phước vừa tổ chức làm công tác dân vận, huy động lực lượng dân quân tự vệ, Đoàn Thanh niên cùng đông đảo nhân dân địa phương nhiệt tình hưởng ứng việc trải bê tông và gắn đèn đường vào nhà mẹ Bánh. Chỉ trong

một ngày, đoạn đường vào nhà mẹ Bánh đã được trải bê tông và mắc 5 bóng đèn đường với tổng kinh phí thực hiện 18 triệu đồng, trích từ Quỹ Đèn on đáp nghĩa của xã.

Cảm động trước sự quan tâm của chính quyền địa phương, ông Phan Văn Quýt, người con trai đang trực tiếp nuôi dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng Phạm Thị Bánh, chia sẻ: “Nhiều năm nay, gia đình tôi rất mong muốn đổ bê tông đoạn đường vào nhà để đi lại cho sạch sẽ, thuận lợi nhưng chưa làm được. Nay được chính quyền địa phương đổ bê tông cho con đường vào nhà, gia đình tôi và bà con lối xóm mừng lắm”. Trong ngôi nhà nhỏ, mẹ Phạm Thị Bánh tuy sức khỏe đã giảm sút nhiều nhưng cũng không giấu nổi niềm hạnh phúc.

Mẹ Bánh có 2 người con trai là liệt sĩ. Đó là liệt sĩ Trần Minh Đức (sinh năm 1943, con nuôi của mẹ Bánh, tham gia du kích tại địa phương, giữ chức xã đội phó xã Phước Lai, hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ngày 22.12.1962); liệt sĩ Phan Thành Châu (sinh năm 1959, tham gia chiến đấu tại chiến trường Campuchia, hy sinh ngày 7.5.1979).

Không chỉ lặng lẽ tiễn các con lên đường theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc lúc lâm nguy, mẹ Bánh cùng chồng là Phan Văn Đê cũng tích cực tham gia cách mạng tại địa phương từ rất sớm. Từ năm 1954 đến 1974, mẹ Bánh là người trực tiếp tiếp tế tiền, lương thực, thuốc men cho lực lượng du kích bộ đội địa phương và bộ đội C240. Năm 1965, chồng mẹ Bánh - ông Phan Văn Đê - cũng hy sinh do bị địch bắt, tù đầy và tra tấn dã man. Mẹ Bánh được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba (theo Quyết định

số 18-KT/HĐNN ngày 25.8.1987). Năm 2014, mẹ Bánh được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2393/QĐ/CTN ngày 26.9.2014 do Chủ tịch nước Trương Tấn Sang ký.

Mẹ Phạm Thị Bánh qua đời ngày 6.11.2020 trong sự tiếc thương của mọi người.

Hồ Thị Mai

(1924)

Mẹ Hồ Thị Mai sinh năm 1924 tại ấp Hai, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Mẹ lấy chồng là người cùng làng, ông Trần Văn Mậu, sinh năm 1920. Vợ chồng mẹ có 7 người con (2 trai, 5 gái).

Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, ông Trần Văn Mậu tham gia cách mạng, hy sinh vào năm 1948. Đến giai đoạn chống Mỹ, người con trai của mẹ là Trần Văn Phước nối tiếp truyền thống của cha, thoát ly hoạt động cách mạng, hy sinh vào năm 1966.

Từ năm 1969-1972, mẹ tham gia đưa bộ đội vào rừng bẫy ghe. Trong cuộc sống đời thường, mẹ luôn là người mẹ, người bà mẫu mực, răn dạy con cháu phải biết quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ người khác. Mẹ tích cực vận động gia đình và hàng xóm chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Hiện nay, mẹ đang sống cùng người con gái là bà Trần Thị Cẩm Nhung tại xã Hiệp Phước (nay là thị trấn Hiệp Phước), huyện Nhơn Trạch.

Những cống hiến và đóng góp của mẹ đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, năm 2014 mẹ đã được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2392/QĐ-CTN, ngày 26.9.2014 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Lý Thị Vĩnh
(1903 - 1988)

Mẹ Lý Thị Vĩnh sinh năm 1903, nguyên quán tại Đồng Nai. Mẹ qua đời vào ngày 28.1.1988 (ÂL). Hiện nay, cháu của mẹ là bà Nguyễn Thị Hồng Cúng đang thờ phụng mẹ tại khu phố Mỹ Khoan, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Trong kháng chiến, mặc dù đói khổ nhưng mẹ Lý Thị Vĩnh đã chắt chiu, dành dụm nuôi con và tiếp tế lương thực, thực phẩm nuôi quân tại địa phương. Mẹ có 1 người con duy nhất tham gia kháng chiến và đã hy sinh, được công nhận là liệt sĩ. Đó là liệt sĩ Nguyễn Tuất, sinh năm 1926, hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước vào ngày 25.8.1970.

Những cống hiến và đóng góp của mẹ đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, năm 2015 mẹ đã được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2679/QĐ-CTN, ngày 1.12.2015 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Đặng Thị Ngà

(1910 - 1990)

Mẹ Đặng Thị Ngà sinh năm 1910 tại xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Mẹ mất ngày 17.11.1990 và hiện con ruột của mẹ là ông Phan Hồng Liên, cư trú tại khu phố Phước Mỹ, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đang thờ phụng mẹ.

Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, mẹ là cơ sở cung cấp thuốc men, lương thực, thực phẩm cho chiến sỹ cách mạng. Mẹ có 2 con là liệt sỹ Phan Hồng Quân, sinh năm 1947, hy sinh ngày 20.3.1974 khi bị địch càn quét và liệt sỹ Phan Thành Tâm, sinh năm 1950, hy sinh ngày 19.7.1969 trong trận đánh chống trả địch.

Năm 2014, ghi nhận công lao, đóng góp hy sinh to lớn của mẹ và gia đình, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có Quyết định số 2393/QĐ-CTN ngày 26.9.2014 truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho mẹ Đặng Thị Ngà.

Nguyễn Thị Nhung

(1909 - 1996)

Mẹ Nguyễn Thị Nhung sinh năm 1909 tại ấp Một, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Mẹ kết hôn với ông Huỳnh Ngọc Ẩn (sinh năm 1904), có 5 người con (2 trai, 3 gái). Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cả gia đình mẹ đều tực tiếp tham gia hoặc có đóng góp cho cách mạng. Nhà không có ruộng đất, hằng ngày mẹ Nhung mua nông phẩm của bà con trong làng gánh ra chợ bán, hoặc đi chợ Bà Rịa mua hàng hóa về bán lại kiếm tiền đắp đổi nuôi con. Do tính chất công việc của mẹ phải đi nhiều nơi, nên cách mạng giao cho mẹ nhiệm vụ mua thực phẩm, thuốc men, sau đó mẹ giả vờ vào rừng chặt củi để chuyển hàng vào căn cứ. Ông Ẩn thì tham gia công tác ở xã, làm Trưởng ban tiếp tế của Ủy ban hành chánh kháng chiến xã Phước Kiển. Sau khi lên nắm quyền, chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành Luật 10.59 đàn áp, bắt bớ, giết hại những người yêu nước, người kháng chiến cũ. Ông Ẩn cũng bị bắt đày đi Côn Đảo, bị địch tra tấn đến chết vào ngày 22.7.1960. Sau ngày đất nước thống nhất, gia đình đến Côn Đảo tìm được mộ của ông Huỳnh Ngọc Ẩn tại nghĩa trang Hàng Dương.

Hai người con trai khác của mẹ là Huỳnh Văn Sinh và Huỳnh Văn Tám đều tham gia cách mạng. Anh Huỳnh Văn Sinh luôn thiết tha được đi bộ đội, sau này anh trở thành trung đội phó C245, hy sinh trong một trận đánh ở Suối Cừu, Bà Rịa ngày 11.10.1968.

Anh Huỳnh Văn Tám được mẹ gởi lên Biên Hòa ở với chị là Huỳnh Thị Sâm, sau đó anh lấy tên giả là Nguyễn Thành Điều để đi lính, mà thực chất là hoạt động tình báo nắm tin tức địch chuyển về cho ta. Sau này anh bị lộ, địch phát hiện và thủ tiêu anh ở Bà Điểm.

Khi đất nước hòa bình, mẹ sống chan hòa với mọi người xung quanh và làm gương cho con cháu noi theo. Gia đình mẹ được công nhận Gia đình cách mạng gương mẫu ngày 20.6.1992. Ngày 7.6.1996, mẹ qua đời do tuổi cao sức yếu. Hiện các con của mẹ đều không còn, cháu nội của mẹ là ông Huỳnh Thanh Hồng (con của liệt sĩ Huỳnh Văn Sinh) thờ phụng mẹ tại quê nhà.

Mẹ được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 16.5.2016 theo Quyết định số 945/QĐ-CTN của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nguyễn Thị Huệ

(1901 - 1967)

Mẹ Nguyễn Thị Huệ sinh năm 1901 tại xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Mẹ mất vào ngày 9.8.1967. Ông Phan Thanh Châu, thường trú tại khu phố Phước Mỹ, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, là cháu nội của mẹ hiện đang thờ phụng mẹ.

Mẹ có 1 người con duy nhất tham gia hoạt động cách mạng và đã hy sinh. Đó là liệt sĩ Phan Văn Đễ, sinh năm 1921, hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vào ngày 14.4.1947.

Ghi nhận những cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mẹ được Chủ tịch nước Trần Đại Quang truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tại Quyết định số 237/QĐ-CTN ngày 14.2.2017.

Huỳnh Thị Châu

(1914 - 1991)

Mẹ Huỳnh Thị Châu sinh năm 1914 tại Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch.

Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Hiệp Phước nằm trong vùng địch chiếm đóng, đời sống người dân bị o ép hết sức khó khăn nhưng mẹ Châu vẫn tích cực tham gia hoạt động cách mạng ở cơ sở, theo dõi tình hình của địch rồi báo về căn cứ kháng chiến theo đường dây giao liên. Mẹ có 2 người con trai đã hy sinh khi tham gia cách mạng giải phóng quê hương. Đó là liệt sĩ Nguyễn Văn Tô, hy sinh ngày 4.2.1968 trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (Bằng Tổ quốc ghi công theo Quyết định số 254/Ttga); liệt sĩ Nguyễn Văn Thanh, hy sinh năm 1967 (Bằng Tổ quốc ghi công số GB.012m).

Mẹ qua đời năm 1991. Ghi nhận công lao đóng góp cũng như hy sinh to lớn của mẹ và gia đình, Đảng và Nhà nước đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2393/QĐ-CTN ngày 26.9.2014. Hiện nay mẹ được con gái Nguyễn Thị Hoa thờ cúng tại phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa.

DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN QUA CÁC THỜI KỲ

*** Nhiệm kỳ 1998 - 2000 (Đảng ủy do Huyện ủy chỉ định)**

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Liên	Bí thư
2	Võ Thành Tâm	Chủ tịch
3	Nguyễn Văn Chính	Chỉ huy trưởng QS
4	Phan Văn Giới	Trưởng CA
5	Cao Lê Hoàng	CCB
6	Võ Tái Hưng	P. chủ tịch UB
7	Lê Văn Hưng	CT.MTTQ
8	Trương Văn Hoàng	CT.HĐND

*** Nhiệm kỳ 2000 - 2005**

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Huỳnh Thanh Hồng	Bí thư
	Lương Tấn Thanh	Bí thư (2003)
2	Võ Thành Tâm	Chủ tịch
	Nguyễn Văn Cường	Chủ tịch (2003)
3	Nguyễn Văn Chính	Thường trực Đảng ủy

ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC

4	Phan Văn Giới	Trưởng CA
5	Phạm Phước Tam	BT Đoàn
6	Võ Tái Hưng	PCT. UBND
7	Lê Văn Hưng	CT. MTTQ
8	Trương Văn Hoàng	CT. HĐND
9	Đặng Thành Đượ	CT. Hội ND
10	Phan Văn Tôn	Phó BT

*** Nhiệm kỳ 2005 - 2010**

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Phan Văn Tôn	Bí thư
	Trần Văn Đạo	Bí thư (2005)
	Nguyễn Văn Lo	Bí thư (2009)
2	Võ Tái Hưng	Chủ tịch
3	Nguyễn Văn Chính	Thường trực ĐU
4	Phan Văn Giới	Trưởng CA
5	Hồ Thị Hiệp	Hiệu trưởng trường THCS
6	Nguyễn Thành Phú	BT Đoàn
7	Lê Văn Hưng	CT. MTTQ
8	Nguyễn Tấn Xuân	PCT. HĐND
9	Đặng Thành Đượ	CT. Hội ND
10	Đoàn Văn Trúng	PCT. UBND

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC (1930 - 2020)*** Nhiệm kỳ 2010 - 2015**

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Võ Tái Hưng	Bí thư
2	Đoàn Văn Trúng	Chủ tịch
3	Nguyễn Văn Chính	Thường trực ĐU
4	Nguyễn Tấn Xuân	PCT.HĐND
5	Phan Minh Tiến	Chỉ huy trưởng QS
6	Nguyễn Văn Trường	CT.MTTQ
7	Nguyễn Hữu Trí	Phó chủ nhiệm UBKT
8	Phạm Văn Ròng	Trưởng CA
9	Hồ Thị Hiệp	Hiệu trưởng trường THCS

*** Nhiệm kỳ 2015 - 2020**

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Võ Tái Hưng	Bí thư
2	Đoàn Văn Trúng	Chủ tịch
	Trương Văn Dũng	Chủ tịch (2016)
3	Nguyễn Văn Chính	CT.MTTQ
4	Nguyễn Tấn Xuân	Thường trực ĐU
5	Nguyễn Hoàng Minh	PCT.UBND

ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC

6	Phạm Minh Tiến	Chỉ huy trưởng QS
7	Đoàn Duy Trí	PCT. UBND
8	Nguyễn Tấn Phong	PCT. HĐND
9	Phạm Văn Rõng	Trưởng CA
10	Nguyễn Như Chung	Trưởng CA

*** Nhiệm kỳ 2020 - 2025**

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Dương Văn Em	Bí thư
2	Trần Văn Hà	Chủ tịch
3	Nguyễn Văn Chinh	CT. MTTQ
4	Nguyễn Tấn Xuân	Thường trực ĐU
5	Nguyễn Hoàng Minh	PCT. UBND
6	Phạm Minh Tiến	Chỉ huy trưởng QS
7	Trần Bích Ngọc	PCT. UBND
8	Nguyễn Tấn Phong	PCT. HĐND
9	Nguyễn Minh Tới	Phó chủ nhiệm UBKT
10	Nguyễn Như Chung	Trưởng CA
11	Đặng Văn Xiếp	BT Đoàn

DANH SÁCH LIỆT SĨ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Chức vụ	Đơn vị	Năm hy sinh
1	Nguyễn Văn Lợi	1948	Phước Kiển	Du kích	X. Phước Kiển	5.1.1964
2	Nguyễn Văn Hồng	1918	Phước Kiển	Bí thư chi bộ, Chủ nhiệm Việt Minh	X. Phước Kiển	17.1.1947
3	Đoàn Văn Thọ	1950	Phước Kiển	Bí thư Chi đoàn	X. Phước Kiển	19.9.1969
4	Trần Tấn Công	1920	Phước Kiển	Ủy viên Quân sự	X. Phước Kiển	6.2.1948
5	Võ Văn Đông	1945	Phước Kiển	Du kích	X. Phước Kiển	26.12.1962
6	Bùi Văn Đức	1943	Phước Kiển	Du kích	X. Phước Kiển	4.2.1968
7	Nguyễn Văn Dương	1941	Phước Kiển	Du kích	X. Phước Kiển	15.9.1963
8	Nguyễn Văn Lý	1948	Phước Kiển	Du kích	X. Phước Kiển	1.1.1969
9	Đặng Văn Đủ	1941	Phước Kiển	Du kích	X. Phước Kiển	20.1.1969
10	Nguyễn Minh Tâm	1951	Phước Kiển	Du kích	X. Phước Kiển	30.1.1969
11	Nguyễn Văn Hựu	1904	Phước Kiển	Trưởng ban Tiếp tế	X. Phước Kiển	12.1.1947
12	Từ Văn Văn	1922	Phước Kiển	Phó Chủ tịch	X. Phước Kiển	10.1.1953
13	Nguyễn Văn Hiệp	1946	Phước Kiển	Giao liên	X. Phước Kiển	9.8.1962

ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC

14	Trần Văn Diệm	1907	Phước Kiển	Tự vệ chiến đấu	X. Phước Kiển	28.11.1946
15	Huỳnh Ngọc Cẩn	1919	Phước Kiển	Cán bộ Công an	H. Long Thành	5.1.1947
16	Lâm Văn Huệ	1929	Phước Kiển	Liên lạc Công an	X. Phước Kiển	17.1.1947
17	Nguyễn Văn Biên	1921	Phước Kiển	Du kích	X. Phước Kiển	16.6.1946
18	Mã Văn Bình	1924	Phước Kiển	Công an	X. Phước Kiển	11.9.1948
19	Phạm Văn Hiếu (Thi)	1914	Phước Kiển	Phó Công an	X. Phước Kiển	2.6.1947
20	Huỳnh Văn Chánh	1947	Phước Lai	Giao liên	H.Long Thành	7.5.1967
21	Nguyễn Văn Trọng	1931	Phước An	Bí thư chi bộ	X. Phước Lai	10.8.1972
22	Huỳnh Văn Trọng	1908	Phước Thọ	Ủy viên xã hội	X. Phước Thọ	13.7.1947
23	Cao Văn Đẹo	1925	Phước Thọ	Văn phòng	X. Phước Tân	23.6.1949
24	Dương Văn Tráng	1948	Tam An	Du kích	X. Tam An	3.1.1970
25	Châu Văn Cải		Phú Hội	Trưởng ban Nông hội	X. Phú Hội	25.12.1969
26	Bùi Thanh Hải	1952	Phước Lai	Cán bộ An ninh	X. Phước Lai	22.12.1966
27	Lê Văn Khanh	1953	Phước Lai	Du kích	X. Phước Lai	27.5.1968
28	Trần Văn Kiệt	1932	Phước Lai	Chủ tịch xã	X. Phước Lai	29.9.1951
29	Huỳnh Văn Bửu	1937	Phước Lai	Bí thư chi bộ	X. Phước Lai	12.1.1963

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC (1930 - 2020)

30	Trần Văn Hoàng	1946	Phước Lai	Trưởng ban An ninh	X. Phước Lai	24.7.1965
31	Phan Văn Liêm	1945	Phước Lai	Xã đội trưởng	X. Phước Lai	24.11.1966
32	Đào Văn Mừng	1925	Phước Lai	Du kích	X. Phước Lai	6.1.1946
33	Trần Tỷ	1941	Phước Thiên	Chiến sĩ đặc công	Đại Đội 2 Đặc Công	1.1.1968
34	Lâm Văn Nguyên	1924	Phước Lai	Du kích	X. Phước Lai	15.6.1946
35	Dương Bình Minh	1948	Phước Lai	Trưởng ban Kinh tài	X. Phước Lai	19.1.1968
36	Phan Văn Trung	1944	Phước Kiển	Cán bộ tuyên truyền	X. Long An	12.4.1966
37	Phan Hồng Quân	1947	Phước Kiển	Xã đội trưởng	X. Phước Kiển	20.2.1974
38	Phan Thành Tâm	1950	Phước Kiển	Y tá	X. Phước Kiển	19.7.1969
39	Nguyễn Như Ý	1936	Phước Lai	Cán bộ phong trào	X. Phước Lai	11.4.1962
40	Nguyễn Văn Liêm	1944	Phước Thọ	Trung đội phó	C1 Long Thành	10.10.1968
41	Huỳnh Văn Bình	1948	Phước Kiển	Tiểu đội trưởng	Biệt đội Long Thành	24.9.1971
42	Đổng Văn Cầm	1925	Phước Kiển	Trung đội trưởng	Đại đội C Chi đội 10	1.10.1950
43	Nguyễn Văn Chơi	1923	Phước Kiển	Chiến sĩ	Huyện đội Long Thành	10.5.1968
44	Nguyễn Thành Long	1932	Phước Kiển	Chiến sĩ	Huyện Long Thành	5.5.1953
45	Cao Văn Bông	1943	Phước Kiển	Trung đội phó	Tiểu đoàn 445	7.3.1966

ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC

46	Phạm Văn Quới	1937	Phước Kiển	Tiểu đội trưởng	Huyện đội Nhơn Trạch	1.1.1969
47	Lê Hà Lâm	1944	Phước Lai	Đội trưởng	Đội Văn công tỉnh Biên Hòa	28.12.1970
48	Ngô Phi Hùng	1950	Phước Lai	Xã đội trưởng	X. Phước Lai	21.3.1969
49	Đào Văn Thành	1950	Phước Lai	Bí thư Chi đoàn, Xã đội phó	X. Phước Lai	19.1.1968
50	Lê Minh Chánh	1952	Phước Lai	Xã đội phó	X. Phước Lai	19.4.1970
51	Trần Minh Đức	1940	Phước Lai	Xã đội phó	X. Phước Lai	20.2.1962
52	Nguyễn Văn Bé	1931	Phước Kiển	Chiến sĩ	Quân Y H. Long Thành	1.2.1952
53	Nguyễn Văn Bình	1951	Phước Kiển	Chiến sĩ	Tiểu Đoàn 2 Phân Khu 4	13.7.1970
54	Nguyễn Văn Phước	1949	Phước Lai	Du kích	X. Phước Long	14.10.1962
55	Bạch Văn Bằng ⁵	1929	Phước An	Du kích	X. Phước An	13.8.1948
56	Huỳnh Ngọc Minh	1942	Phước Lai	Bí thư chi bộ	X. Phước Lai	24.7.1965
57	Nguyễn Hồng Phong	1939	Phước Lai	Tiểu đội trưởng	Giao liên tỉnh Biên Hòa	20.12.1968
58	Ngô Văn Tắc	1922	X. Long An	Chiến sĩ	Đại đội C Biên Hòa	12.4.1946
59	Nguyễn Văn Phòng	1944	Phước Lai	Trung đội phó	Huyện đội Nhơn Trạch	23.9.1966

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC (1930 - 2020)

60	Trần Công Thắng	1945	Phước Lai	Chiến sĩ	C240	18.10.1970
61	Nguyễn Văn Na	1908	Phước Lai	Chiến sĩ	Đại đội C Biên Hòa	3.12.1948
62	Dương Văn Thạch	1955	Phước Lai	Chiến sĩ	C240	25.12.1967
63	Phan Hoài Thanh	1945	Phước Lai	Trung đội phó	Hậu cần tỉnh Biên Hòa	1.2.1970
64	Đào Văn Nhã	1917	Phước Lai	Tiểu đội phó	D6 Biên Hòa	28.12.1948
65	Huỳnh Văn Sinh	1933	Phước Kiển	Trung đội phó	Đại đội 245	1.10.1968
66	Huỳnh Ngọc Ân	1904	Phước Kiển	Thư ký Nông hội	X. Phước Kiển	22.7.1960
67	Phan Văn Nhiệm	1944	Phước Lai	Tiểu đội trưởng	Tiểu đoàn 440	1.9.1969
68	Võ Văn Khê	1925	Phước Long	Nhân viên Quân báo	Huyện Long Thành	20.8.1954
69	Đào Văn Kẹo	1923	Phước Kiển	Quốc gia tự vệ cuộc	H. Long Thành	25.4.1946
70	Trần Văn Lập	1941	Phước Kiển	Tiểu đội phó	C240	5.5.1966
71	Đỗ Văn Mỹ	1943	Phước Kiển	Trung đội trưởng	Công binh xưởng Nhơn Trạch	24.11.1968
72	Dương Văn Giữ	1935	Phước An	Du kích	X. Phước An	22.4.1965
73	Lê Văn Nuôi	1934	Phước Kiển	Du kích	X. Phước Kiển	25.1.1964
74	Phan Văn Đủ	1921	Phước Kiển	Quốc gia tự vệ cuộc	X. Phước Kiển	14.4.1947

ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC

75	Bùi Văn Quang	1950	Phước Lai	Thanh niên xung phong	Tnxp Bà Rịa Vũng Tàu	5.9.1967
76	Ngô Phi Long	1941	Phước Lai	Chiến sĩ	C240	20.5.1962
77	Đặng Văn Đức	1952	Phước Lai	Chiến sĩ	C240	11.5.1969
78	Huỳnh Văn Ngô	1926	Bình Định	Nhân viên Công an	H. Long Thành	11.1.1953
79	Trần Công Đương	1924	Phước Kiển	Tổ trưởng Quân báo	X. Phước Kiển	25.1.1953
80	Lê Thị Cung	1922	Phước Kiển	Thư ký	BCH Hội Phụ nữ xã	1.1.1947
81	Huỳnh Ngọc Chiến	1927	Phước Lai	Trung đội trưởng	Quân tình nguyện	1.7.1954
82	Phan Văn Nhẫn	1924	Phước Thiện	Công an	H. Long Thành	1.1.1948
83	Nguyễn Văn Giới	1932	Bình Định	Trưởng ban Hậu cần	X. Hắc Dịch	3.5.1952
84	Nguyễn Văn Xi	1921	Phước Kiển	Trung đội phó	Đại Đội 66	24.4.1949
85	Nguyễn Văn Tài	1909	Hà Nội	Nhân viên Thông tin	H. Tân Uyên	1.10.1948
86	Phạm Văn Ngữ	1930	Phước Lai	Du kích	X. Phước Lai	12.6.1948
87	Phan Văn Bằng	1926	Phước Lai	Du kích	X. Phước Lai	14.3.1962
88	Phạm Văn Liễu	1920	Phước Lai	Chủ tịch UBHCKC xã	X. Phước Lai	5.2.1951
89	Nguyễn Văn Cường	1938	Phước Kiển	Bí thư chi bộ	X. Phước Kiển	22.11.1962

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC (1930 - 2020)

90	Đoàn Văn Lọt	1925	Phước Lai	Tiểu đội trưởng Du kích	X. Phước Lai	18.1.1948
91	Đoàn Văn Cho	1920	Phước Lai	Du kích	X. Phước Lai	16.9.1946
92	Nguyễn Văn Dũ	1960	Hiệp Phước	Trung đội phó	C6, D59, Sur 302	15.12.1983
93	Võ Văn Hùng	1946	Hiệp Phước	Trung sĩ	Tinh đội Bà Rịa	1.10.1966
94	Phan Thành Châu	1958	Phước Lai	Y tá	C19, E732, F73, Qk7	7.5.1979
95	Lưu Văn Hưng	1958	Hiệp Phước	Binh nhất	C3-D1-E88	29.12.1977
96	Đặng Hoàng Thi	1947	Hiệp Phước	Cán bộ	Bệnh viện H. Vĩnh Cửu	12.2.1972
97	Trần Thị Tằng	1926	Phước Lai	Trưởng BCH Phụ nữ	X. Phước Lai	16.2.1949
98	Phạm Văn Thu	1920	Phước Lai	Du kích	X. Phước Lai	16.7.1946
99	Đào Văn Thành	1946	Phước Lai	CB Thanh niên	X. Phước Lai	10.10.1963
100	Huỳnh Văn Dũng	1950	Hiệp Phước	Chuẩn úy	Tiểu đoàn 3 Phân khu 4	13.5.1968
101	Phạm Hiếu Nghĩa	1935	Phước Lai	Du kích	X. Phước Lai	10.10.1963
102	Lê Văn Cang	1943	Phước Lai	Tiểu đội trưởng Du kích	X. Phước Lai	16.6.1946
103	Trần Văn Nỉ	1919	Phước Lai	Đội trưởng Du kích	X. Long Thọ	20.2.1949
104	Võ Thị Chấm	1925	Hiệp Phước	UV BCH Phụ nữ	X. Long Thọ	21.5.1947

ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC

105	Phan Văn Tâm	1950	Phước Lai	Du kích	X. Phước Lai	1.1.1971
106	Nguyễn Thị Lệ Dung	1950	Phước Lai	Nhân viên	Ty Thông tin tỉnh Biên Hòa	25.12.1965
107	Bùi Thị Đàng	1926	Phước Lai	Trưởng đoàn Phụ nữ xã	X. Phước Lai	13.10.1953
108	Huỳnh Ngọc Quang	1946	Phước Lai	Chiến sĩ	Trung đoàn 4 Quân khu 7	2.8.1968
109	Nguyễn Hữu Thành	1933	Phước Lai	Hạ sĩ, Tiểu đội trưởng	Phòng Vô tuyến điện ĐNB	12.9.1954
110	Nguyễn Văn Rô	1926	Phước Thiện	Trưởng trạm Giao liên	Tỉnh Biên Hòa	10.1967
111	Trần Văn Mười	1940	Tiền Giang	Quân nhân	D 514 tỉnh Mỹ Tho	8.9.1964
112	Ngô Duy Vang	1954	Thái Bình	Hạ sĩ	C5, D8, E8, F 302	7.5.1972
113	Hoàng Văn Lữ		Nghệ An			19.8.1967
114	Nguyễn Trọng Trường		Hà Bắc			4.8.1978
115	Nguyễn Văn Nhiễm	1939	Phước Kiển	Du kích	X. Phước Kiển	23.6.1964
116	Trần Văn Tôn	1944	Phước Long	Du kích	X. Hòa Long	24.9.1966
117	Bùi Văn Tranh	1941	Phước Lai	Trưởng trạm Giao liên	Tỉnh Biên Hòa	23.10.1969
118	Nguyễn Tuất	1926	Phước Kiển	Trung đoàn phó	Phòng Hậu cần QK7	25.8.1970

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC (1930 - 2020)

119	Nguyễn Thanh Sơn	1946	H. Long Thành	Tiểu đội trưởng	D3, E412, Huyện Tân Phú	1.9.1969
120	Trần Tấn Lộc	1912	Phước Kiển	Cán bộ Mặt trận	H. Long Thành	1.1.1953
121	Nguyễn Văn Cờ	1924	H. Châu Thành	Đại đội phó	Huyện Đội Long Thành	6.7.1952
122	Huỳnh Ngọc Sơn	1950	Phước Lai	Chiến sĩ	C240	25.5.1968
123	Phan Văn Đầy	1917	H. Long Thành	Trưởng ban Tuyên huấn	H. Long Thành	1.9.1947
124	Dương Văn Chôm		Hiệp Phước			12.6.1946
125	Huỳnh Văn Diệu	1906	Phước Lai	Nhân viên Ban Tiếp tế	X. Phước Lai	1.7.1946
126	Huỳnh Văn Nữ	1934	Phước An	Thượng sĩ, Tiểu đội phó	Huyện đội Long Thành	10.6.1952
127	Đặng Văn Sang	1942	Phước Lai	Du kích	X. Phước Lai	10.10.1963
128	Phan Văn Quang	1941	Phước Lai	Nhân viên	X. Phước Lai	10.10.1963
129	Đặng Văn Phép	1930	Phước Lai	Du kích	X. Long Thọ	2.11.1947
130	Nguyễn Văn Thành	1930	Phước Thiện	Tiểu đội trưởng	C240	27.7.1969
131	Nguyễn Văn Cảnh	1916	Phước Lai	Công an	X. Phước Lai	10.12.1946
132	Nguyễn Thanh Hồ		Nghệ An			14.11.1966

HÌNH ẢNH TƯ LIỆU



Nguyễn Văn Quang
Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân



Đảng viên thuộc Chi bộ xã Phước Lai năm 1978 (từ trái qua phải):
Ngô Văn Thêm (Chín Hoàn), Huỳnh Văn Thành, Trương Văn Quý, Ngô
Thị Ánh, Lê Thị Đây, Nguyễn Văn Yêm, Nguyễn Ngọc Châu, Năm Thiệt.

CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO QUA CÁC THỜI KỲ



Trần Văn Sang
Bí thư Chi bộ xã Phước Lai,
Bí thư Chi bộ xã Phước Kiển
thời kỳ chống Mỹ



Trương Văn Quý
Bí thư Chi bộ xã Phước Lai
(1977-1983)



Huỳnh Thị Diệp
Bí thư Chi bộ xã Phước Kiển
(1980-1984),
Chủ tịch xã Hiệp Phước
(1984-1986)



Nguyễn Thị Liên
Bí thư Chi bộ xã Hiệp Phước
(1994-2000)



Huỳnh Thanh Hồng
Bí thư Chi bộ xã Hiệp Phước
(2000-2003)



Trần Văn Đạo
Bí thư Chi bộ xã Hiệp Phước
(2005-2008)



Nguyễn Văn Lo
Bí thư Chi bộ xã Hiệp Phước
(2009-2010)



Võ Tấn Hưng
Bí thư Đảng bộ xã Hiệp Phước
(2010-2019)
Bí thư Đảng bộ thị trấn Hiệp Phước
(2019-2020)



Dương Văn Em
Bí thư Đảng bộ
thị trấn Hiệp Phước
từ năm 2020



Trương Văn Hoàng
Chủ tịch UBND xã Phước Kiển
(1983-1984)
Chủ tịch UBND xã Hiệp Phước
(1987- 1989)



Phan Văn Tôn
Chủ tịch UBND xã Hiệp Phước
(2004 - 2005)



Võ Tái Hưng
Chủ tịch UBND xã Hiệp Phước
(2005 - 2010)



Đoàn Văn Trúng

Chủ tịch UBND xã Hiệp Phước
(2010-2016)



Trương Văn Dũng

Chủ tịch UBND xã Hiệp Phước
(2016-2019)
Chủ tịch UBND thị trấn Hiệp Phước
(2019-2020)



Trần Văn Hà

Chủ tịch UBND thị trấn Hiệp Phước
(từ 2020)



Trao Quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 694/NQ-UBTVQH14 (có hiệu lực từ ngày 1.7.2019), chuyển xã Hiệp Phước thành thị trấn Hiệp Phước.



Đại biểu tham dự buổi lễ công nhận xã Hiệp Phước thành thị trấn Hiệp Phước, tổ chức ngày 2.7.2019.



Đại biểu dự lễ công nhận xã Hiệp Phước thành lập thị trấn Hiệp Phước, ngày 2.7.2019.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC (1930 - 2020)



Đại hội Đảng bộ thị trấn Hiệp Phước nhiệm kỳ 2020-2025.



Đoàn Chủ tịch Đại hội Đảng bộ thị trấn Hiệp Phước nhiệm kỳ 2020-2025.



Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước nhiệm kỳ 2015-2020.



Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước nhiệm kỳ 2015-2020.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC (1930 - 2020)



Đại biểu dự Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước nhiệm kỳ 2015-2020.



Đoàn Chủ tịch Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước nhiệm kỳ 2015-2020.



Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước nhiệm kỳ 2010-2015.



Đoàn Chủ tịch Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước nhiệm kỳ 2010-2015.



Quang cảnh Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước nhiệm kỳ 2010-2015.



Cử tri bỏ phiếu tại Đại hội Đảng bộ xã Hiệp Phước nhiệm kỳ 2010-2015.



Đình thần Phước Kiên.



Đình thần Phước Lai.



Chùa cổ Phước Hưng, còn gọi là chùa Phước Lai.



Chùa Quang Mỹ, còn gọi là chùa Bà Phủ, tạo dựng năm 1925.



Tấm bia do danh nhân Đào Trí Phú khắc dựng ở phần mộ cha mẹ.



Thi công nâng cấp tuyến hẻm bên cạnh Trường Tiểu học Phước Lai.



Họp mặt truyền thông Nhân chứng lịch sử Đảng bộ huyện Nhơn Trạch.



Họp mặt nhân chứng lịch sử, 18/1/2022

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH¹

1. **Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân**, NXB Đồng Nai, 2018.
2. **Chiến khu Rừng Sác**, Lương Văn Nho, NXB Đồng Nai, 1982.
3. **Chuyện đời tự kể**, Huỳnh Thị Phương, NXB Đồng Nai, 2011.
4. **Công báo VNCH**, Trung tâm Lưu trữ TW 2.
5. **Bà mẹ Việt Nam anh hùng**, 2 tập, NXB Đồng Nai, 2018.
6. **Biên Hòa sử lược toàn biên**, Tập I, Lương Văn Lựu, NXB Thế giới, 2016.
7. **Đất mẹ**, Nguyễn Văn Thông, NXB Đồng Nai, 2015.
8. **Đại Nam nhất thống chí**, Quốc sử quán triều Nguyễn, NXB Thanh niên, 2012.
9. **Đền với lịch sử văn hóa Biên Hùng - Đồng Nai**, Phạm Đức Mạnh, NXB Đồng Nai, 2019.
10. **Địa chí Đồng Nai**, 5 tập, NXB Đồng Nai năm 2001.
11. **Gia Định Thành thông chí**, Trịnh Hoài Đức, bản dịch Lý Việt Dũng, NXB Đồng Nai, 2005.
12. **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Đảng bộ tỉnh Đồng Nai 1930 - 1995**, 3 tập, NXB Đồng Nai, tập I:1997, tập II: 2000, tập III: 2007.
13. **Lịch sử Đảng bộ huyện Long Thành (1930-2015)**, NXB Đồng Nai 2015.

¹ Sắp xếp theo A,B,C tên sách, tài liệu.

14. Lịch sử Đảng bộ xã Phú Thạnh (1930-2010), NXB Đồng Nai, 2014.

15. Lịch sử Đảng bộ xã Bình Sơn (1930-2010), NXB Đồng Nai, 2011.

16. Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam, NXB Lao Động, 2003.

17. Lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Biên niên sự kiện 1945 - 2015, năm 2020.

18. Một thời Rừng Sác, 2 tập, Lê Bá Ước, NXB Văn hóa Văn nghệ, 2012.

19. Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai, nhiều tập, NXB Thống Kê, 2018.

20. Nhân dân Bình Sơn chống Mỹ cứu nước, Huỳnh Minh Cường, NXB Đồng Nai, 2008.

21. Phủ Biên tạp lục, Lê Quý Đôn, bản dịch của Nguyễn Khắc Thuần, NXB Giáo dục, 2007.

22. Phước An xã anh hùng, tư liệu lịch sử truyền thống, 1985.

23. Tiểu đoàn 240 với Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai, NXB Đồng Nai, 2012.

24. Trai Rừng Sác Phước An, Võ Văn Ba, NXB Đồng Nai, 2012.

25. Văn kiện các Đại hội Đảng bộ Long Thành, Nhơn Trạch.

26. Văn kiện Đảng, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977.

27. Di sản văn hóa làng Hiệp Phước, Bảo tàng Đồng Nai, NXB Đồng Nai, 2011.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN.....	9
1. Vị trí địa lý	9
2. Địa hình, địa mạo	10
3. Đất đai.....	13
4. Hệ thống sông suối.....	13
5. Khí hậu.....	14
6. Sinh cảnh, động - thực vật	15
7. Hệ thống giao thông.....	16
II. ĐỜI SỐNG KINH TẾ XÃ HỘI CƯ DÂN VIỆT.....	17
1. Quá trình hình thành và thay đổi về hành chính	17
2. Dân cư.....	27
3. Đời sống sản xuất.....	29
4. Văn hóa xã hội	35

CHƯƠNG II

TỪ PHONG TRÀO YÊU NƯỚC ĐẦU TRANH ĐẾN KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN 1945

I.TỪ PHONG TRÀO YÊU NƯỚC ĐẦU TRANH.....	67
1. Ngăn chặn thực dân Pháp xâm lược	67
2. Các phong trào chống Pháp trước khi có Đảng lãnh đạo.....	67
3. Hội kín/Thiên địa hội.....	69

4. Phản kháng áp bức	71
5. Phong trào công nhân cao su	76
II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG.....	78
1. Đảng ra đời, gây dựng phong trào cách mạng	78
2. Xây dựng cơ sở Đảng, phát triển phong trào cách mạng.....	82
III. THAM GIA CÁCH MẠNG THÁNG 8 NĂM 1945.....	83
1. Tổ chức lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa	83
2. Tham gia tổng khởi nghĩa, giành chính quyền.....	86

CHƯƠNG III

LÃNH ĐẠO KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1946 - 1954)

I. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, CHỐNG THỰC DÂN PHÁP TÁI CHIẾM.....	92
1. Cùng Nam Bộ quật khởi	92
2. Chống lấn chiếm vùng kháng chiến.....	111
3. Củng cố, phát triển lực lượng kháng chiến	116
II. CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN	121
1. Góp phần xây dựng, bảo vệ Chiến khu Phước An.....	122
2. Củng cố lực lượng, phát triển phong trào chiến tranh du kích..	124
3. Đấu tranh chống chiếm đóng, bao vây.....	130
III. ĐẤU TRANH CHỐNG LẤN CHIẾM, GIỮ VỮNG VÀ MỞ RỘNG ĐỊA BÀN LÀM CHỦ, GÓP PHẦN KẾT THÚC THẮNG LỢI 9 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP	132
1. Bố trí lại chiến trường, củng cố lực lượng kháng chiến	132
2. Khắc phục thiên tai, bảo vệ mùa màng	135
3. Cùng cả nước tiên công địch, kết thúc kháng chiến	136

CHƯƠNG IV
LÃNH ĐẠO KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC
(1954 - 1975)

I. TỪ ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ ĐẾN ĐẤU TRANH

CHÍNH TRỊ KẾT HỢP ĐẤU TRANH VŨ TRANG..... 139

1. Cùng cố tổ chức Đảng, đoàn thể..... 139
2. Lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ,
thi hành Hiệp định Genève 147
3. Thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng 154
4. Diệt ác phá kiềm, cùng miền Nam đồng khởi..... 160

II. BA MŨI GIÁP CÔNG, GÓP PHẦN LÀM THẤT BẠI

**ÂM MƯU “ÁP CHIẾN LƯỢC” VÀ CHIẾN TRANH
ĐẶC BIỆT” 162**

1. Phong trào Đồng khởi, phá “Áp chiến lược”, mở rộng
vùng giải phóng..... 162
2. Các đợt đấu tranh chính trị, binh vận, vũ trang..... 168

III. CÙNG CẢ NƯỚC TỔNG TIẾN CÔNG

VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968 184

1. Tạo thế tiến công, giữ vững vùng làm chủ..... 184
2. Bố trí lại chiến trường, phối hợp đánh bại kế hoạch tìm diệt
và bình định của địch 188
3. Tham gia cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 193
4. Bám trụ, chống càn, giữ vững các phong trào
ba mũi giáp công..... 197
5. Chuyển thế trận, mở rộng vùng làm chủ..... 211

IV. THAM GIA CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH,

GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG	217
1. Phát triển thế trận tiến công địch	217
2. Phối hợp tiến công và nổi dậy giải phóng quê hương.....	226

CHƯƠNG V

XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, ỔN ĐỊNH XÃ HỘI, ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (GIAI ĐOẠN 1975-1994)

I. XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ QUÂN QUẢN, XÂY DỰNG

CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG	235
1. Thành lập Ủy ban quân quản	235
2. Ổn định xã hội, đời sống nhân dân	240

II. PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN KINH TẾ NÔNG THÔN,

ĐỔI MỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	250
1. Ổn định tổ chức Đảng, chính quyền	250
2. Khắc phục thiên tai, ổn định sản xuất.....	252
3. Thành lập xã Hiệp Phước.....	260
4. Đổi mới sản xuất nông nghiệp	263

CHƯƠNG VI

LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA (1994-2020)

I. CỨNG CỐ TỔ CHỨC ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN,

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ	272
1. Từ chi bộ thành Đảng bộ cơ sở.....	272
2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất.....	281

II. PHÁT TRIỂN KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA, NÂNG CAO

MỌI MẶT ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN	293
1. Giảm tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, tăng phát triển dịch vụ..	293
2. Nâng cao đời sống văn hóa nhân dân	297
3. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, đời sống vật chất, tinh thần người dân được nâng cao.....	333
4. Thành lập trị trấn Hiệp Phước, hướng tới thành phố mới Nhơn Trạch trong tương lai.....	374

CHƯƠNG VII NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ

1. Bài học xây dựng Đảng, chính quyền.....	416
2. Bài học xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.....	418
3. Bài học xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.....	419
4. Bài học phát huy nguồn nhân lực	420
5. Bài học đổi mới tư duy, chủ động trong phát triển	421

PHỤ LỤC

1. Hình ảnh tư liệu	
2. Hình ảnh lãnh đạo qua các thời kỳ.....	
3. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và Bà mẹ Việt Nam anh hùng.....	
4. Nhân chứng lịch sử	
5. Danh sách Ban Chấp hành qua các thời kỳ.....	
6. Danh sách liệt sĩ.....	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

MỤC LỤC.....

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC (1930-2020)

Đảng bộ huyện Nhơn Trạch
Đảng bộ thị trấn Hiệp Phước

Mã ISBN: **978-604-42-0053-8**

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
BÙI THỊ LÂM NGỌC

Chịu trách nhiệm bản thảo:
PHÓ GIÁM ĐỐC TRƯỞNG VĂN TUẤN

Biên tập: Đào Thị Thu Thanh
Biên tập kĩ thuật: Nguyễn Văn Lùng
Trình bày: Hoàng Phương
Sửa bản in: Đào Thị Thu Thanh
Bìa: Hoàng Phương

.....
In: 500 bản. Khổ: 14.5 x 20.5 cm. In tại: Công ty Thiên Ngôn - 134/8
Hoàng Hoa Thám, P. 12, Q. Tân Bình, TP. HCM. Số XNKHXB: 3808-
2023/CXBIPH/9-722/ĐoN, Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận ngày:
31/10/2023, Quyết định xuất bản số: 10/QĐA-ĐoN do NXB Đồng Nai cấp
ngày: 12/12/2023. In xong và nộp lưu chiểu: quý 1/2024.
.....

Nhà xuất bản Đồng Nai,

1953J (số cũ 210) Nguyễn Ái Quốc, TP Biên Hoà, Đồng Nai
Ban Biên tập: (02513) 825 292 - P Kinh doanh - Phát hành: 946 521 - 946 530
Email: dongnainxb@gmail.com